TỲ KHEO BỒ-ĐỀ

Tuyển chọn

TUYỂN TẬP CÁC KINH

Theo Các Chủ Đề Giáo Lý

Người dịch: **Lê Kim Kha**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Lời người dịch..... 615

MỤC LỤC

Chương I. TÌNH TRẠNG CON NGƯỜI 1

1. GIÀ, BỆNH VÀ CHẾT 3

(1) *Già và Chết* 3

(2) *Ví Dụ Khối Núi* 3

(3) *Ba Vị Thiên Sứ Đưa Tin* 7

2. NHỮNG SỰ KHỔ ĐAU DO SỐNG THIẾU SUY XÉT 10

(1) *Mũi Tên Đau Khổ* 10

(2) *Những Thăng Trầm của Cuộc Sống* 13

(3) *Sự Âu Lo vì Mọi Thứ Luôn Đổi Thay* 15

3. MỘT THẾ GIAN HỖN LOẠN 17

(1) *Nguyên Nhân của sự Xung Khắc* 17

(2) *Tại Sao Những Chúng Sinh Sống trong Thù Hận?* 18

(3) *Chuỗi Nhân Duyên Mịt Mùng* 20

(4) *Những Gốc Rễ của sự Tàn Bạo và Áp Bức* 21

4. KHÔNG BIẾT ĐƯỢC KHỞI ĐẦU 21

(1) *Cỏ, Cây, Cành, Lá* 21

(2) *Những Hòn Đất* 22

(3) *Khối Núi* 23

(4) *Sông Hằng* 24

(5) *Con Chó Bị Xích Cột* 25

Chương II. NGƯỜI MANG LẠI ÁNH SÁNG 27

1. MỘT NGƯỜI 29
2. SỰ NHẬP THAI VÀ ĐẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT.....29
3. ĐI TÌM SỰ GIÁC NGỘ.....36
(1) *Tìm Trạng Thái Cao Nhất của sự Bình An Siêu Phàm*.....36
(2) *Chứng Ngộ Ba Loại Hiểu-Biết Đích Thực* 43
(3) *Kinh Thành Cổ* 56
4. QUYẾT ĐỊNH TRUYỀN DẠY.....60
5. BÀI THUYẾT GIẢNG ĐẦU TIÊN 68

Chương III. TIẾP CẬN GIÁO PHÁP..... 75
1. KHÔNG PHẢI LÀ MỘT GIÁO LÝ BÍ MẬT.....77
2. KHÔNG PHẢI LÀ GIÁO ĐIỀU HAY TÍN NGƯỠNG MÙ QUÁNG 77
3. NHÌN THẤY SỰ KHỞI SINH VÀ BIẾN MẤT CỦA KHỔ 83
4. ĐIỀU TRA TÌM HIỂU VỀ NGƯỜI THẦY 86
5. CÁC BƯỚC ĐI TỚI CHỨNG NGỘ SỰ THẬT 91

Chương IV. HẠNH PHÚC THẤY ĐƯỢC TRONG KIẾP NÀY..... 105
1. TUYÊN DƯƠNG GIÁO PHÁP TRONG XÃ HỘI.....107
(1) *Vua của Giáo Pháp* (*Pháp vương*).....107
(2) *Thờ Kính Sáu Phương*.....108
2. GIA ĐÌNH 112
(1) *Cha Mẹ và Con Cái*.....112

(2) *Vợ Chồng*.....113

3. PHÚC LỢI HIỆN TẠI, PHÚC LỢI TƯƠNG LAI.....119

4. CÔNG VIỆC NGHỀ NGHIỆP ĐÚNG ĐẮN.....123

(1) *Tránh Bỏ Nghề Nghiệp Sai Trái*.....123

(2) *Sử Dụng Tài Sản Một Cách Đúng Đắn*.....123

(3) *Niềm Hạnh Phúc Của Một Người Tại Gia*.....125

5. NGƯỜI PHỤ NỮ TẠI GIA.....127

6. CỘNG ĐỒNG.....129

(1) *Sáu Gốc Rễ Gây Ra Tranh Chấp*.....129

(2) *Sáu Nguyên Tắc Để Sống Hòa Hợp*.....131

(3) *Sự Thanh Lọc Bản Thân Dành Cho Mọi Giai Cấp*.....133

(4) *Bảy Nguyên Tắc Ổn Định Xã Hội*.....141

(5) *Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe Báu*.....145

(6) *Mang Lại Sự Bình Yên Cho Xứ Sở*.....148

Chương V. CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ TÁI SINH PHÚC LÀNH..... 151

1. QUY LUẬT NGHIỆP (*Kamma*).....153

(1) *Bốn Loại Nghiệp*.....153

(2) *Tại Sao Chúng Sinh Tái Sinh Vào Những Cảnh Giới Khác Nhau Sau Khi Chết*.....154

(3) *Nghiệp và Nghiệp Quả*.....163

2. CÔNG ĐỨC: CHÌA KHÓA DẪN TỚI SỰ TÁI SINH PHÚC LÀNH.....171

(1) *Những Việc Công Đức*.....171

(2) *Ba Cơ Sở Của Công Đức* 172
(3) *Bốn Loại Niềm Tin Tốt Nhất* 174
3. CHO, TẶNG, CÚNG DƯỜNG, CHIA SẺ, GIÚP ĐỠ…....176
(1) *Nếu Người Ta Biết Kết Quả Của Sự Cho Đi* 176
(2) *Những Lý Do Để Cho Tặng* 176
(3) *Cúng Dường Thức Ăn* 177
(4) *Những Món Quà Tặng Của Một Người Ưu Việt* 178
(5) *Hỗ Trợ Lẫn Nhau* 179
(6) *Sự Tái Sinh Nhờ Công Đức Cho Đi* 179
4. GIỚI HẠNH ĐẠO ĐỨC 182
(1) *Năm Giới Hạnh* 182
(2) *Kiêng Giữ Tám Giới Hạnh Trong Ngày Lễ Bồ-Tát* 184
5. THIỀN TẬP 188
(1) *Tu Dưỡng Tâm Từ* 188
(2) *Bốn Cảnh Giới An Trú Cõi Trời* 189
(3) *Trí Tuệ Vượt Trên Tất Cả* 192

Chương VI. LÀM SÂU SẮC TẦM NHÌN VÀO THẾ GIỚI 195
1. BỐN ĐIỀU KỲ DIỆU 197
2. SỰ THỎA THÍCH, SỰ NGUY HẠI & SỰ GIẢI THOÁT 198
(1) *Trước Khi Phật Giác Ngộ* 198
(2) *Phật Đã Bắt Đầu Đi Tìm* 199
(3) *Nếu Không Có Sự Thỏa Thích* 199

3. ĐÁNH GIÁ ĐÚNG NHỮNG ĐỐI TƯỢNG DÍNH CHẤP (RÀNG BUỘC CON NGƯỜI) 200

4. CẠM BẪY CỦA NHỮNG KHOÁI LẠC GIÁC QUAN....210

(1) *Cắt Đứt Mọi Sự Việc Thế Tục*.....210

(2) *Cơn Sốt Khoái Lạc Giác Quan* 215

5. CUỘC SỐNG LÀ NGẮN NGỦI VÀ PHÙ DU 221

6. BỐN ĐIỀU TÓM TẮT VỀ GIÁO PHÁP.....224

7. NHỮNG NGUY HẠI TRONG NHỮNG CÁCH NHÌN SAI LẠC (TÀ KIẾN).....233

(1) *Nhiều Tác Hại Của Cách Nhìn sai Lạc* 233

(2) *Những Người Mù Sờ Voi*.....234

(3) *Bị Dính Hai Loại Cách Nhìn (Quan Điểm, Tà Kiến)* 236

8. TỪ NHỮNG CÕI TRỜI RỚT XUỐNG CÕI THẤP XẤU 237

9. NHỮNG HIỂM HỌA CỦA VÒNG LUÂN HỒI SINH TỬ 241

(1) *Dòng Nước Mắt*.....241

(2) *Dòng Máu Chảy* 242

Chương VII. CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ GIẢI THOÁT 245

1. TẠI SAO PHẢI BƯỚC VÀO CON ĐƯỜNG ĐẠO? 247

(1) *Mũi Tên 'Sinh, Già, Chết'*.....247

(2) *Cốt Lõi Của Đời Sống Tâm Linh* 252

(3) *Sự Phai Biến Tham Dục*.....259

2. PHÂN TÍCH VỀ CON ĐƯỜNG TÁM PHẦN 261

3. TÌNH BẠN TỐT, TÌNH ĐẠO HỮU 264
4. SỰ TU TẬP TIẾN DẦN 265
5. NHỮNG GIAI ĐOẠN TU CAO HƠN 280

Chương VIII. TU TẬP CÁI TÂM 287
1. TÂM LÀ CHÌA KHÓA, TÂM LÀ CHÍNH YẾU 289
2. PHÁT TRIỂN CẶP KỸ NĂNG 289
(1) *Sự Tĩnh Lặng và Sự Thấy Biết* 289
(2) *Bốn Con Đường Dẫn Tới Thánh Quả A-la-hán* 290
(3) *Bốn Loại Con Người* 292
3. NĂM CHƯỚNG NGẠI LỚN CẢN TRỞ SỰ TU TẬP CÁI TÂM 294
4. SỰ TINH LỌC CỦA TÂM 298
5. TRỪ BỎ NHỮNG Ý NGHĨ LÀM XAO LÃNG 302
6. CÁI TÂM TỪ ÁI 307
7. SÁU SỰ TƯỞNG NIỆM (QUÁN TƯỞNG) 309
8. BỐN NỀN TẢNG CHÁNH NIỆM 313
9. CHÁNH NIỆM HƠI-THỞ 327
10. ĐẠT TỚI 'SỰ QUẢN TRỊ CÁI TÂM' 335

Chương IX. CHIẾU SÁNG ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ 341
1. HÌNH ẢNH CỦA TRÍ TUỆ 343
(1) *Trí Tuệ Như Ánh Sáng* 343
(2) *Trí Tuệ Như Dao Sắc Bén* 343
2. NHỮNG ĐIỀU KIỆN TẠO RA TRÍ TUỆ 344

3. BÀI THUYẾT GIẢNG VỀ CÁCH-NHÌN ĐÚNG-ĐẮN (CHÁNH KIẾN) 346

4. LÃNH ĐỊA CỦA TRÍ TUỆ 366

(1) *Theo Cách* (*Phân Tích*) *Năm Uẩn* 366

(2) *Theo Cách* (*Phân Tích*) *Sáu Cơ Sở Giác Quan* 382

(3) *Theo Cách* (*Phân Tích*) *Các Yếu Tố* 388

(4) *Theo Cách* (*Phân Tích*) *Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc* 395

(5) *Bằng Cách* (*Phân Tích*) *Tứ Diệu Đế* 405

5. MỤC TIÊU CỦA TRÍ TUỆ 412

(1) *Niết-bàn là gì?* 412

(2) *Ba Mươi Ba Chữ Đồng Nghĩa với Niết-bàn* 413

(3) *Có Cảnh Xứ Đó* 414

(4) *Sự Không-Còn Sinh* (*Vô Sinh*) 415

(5) *Hai Yếu Tố Niết-bàn* 416

(6) *Lửa và Đại Dương* 417

Chương X. NHỮNG CẤP BẬC GIÁC NGỘ 423

1. RUỘNG CÔNG ĐỨC TRÊN THẾ GIAN 425

(1) *Tám Loại Người Đáng Được Cúng Dường* 425

(2) *Sự Phân Biệt* (*các cấp bậc giác ngộ*) *Dựa Vào Các Căn* 425

(3) *Trong Giáo Pháp Được Giảng Bày Một Cách Khéo Léo* 426

(4) *Sự Toàn Vẹn Của Giáo Lý* 427

(5) *Bảy Loại Thánh Nhân* 433

2. THÁNH QUẢ NHẬP-LƯU 437

(1) *Bốn Yếu Tố Dẫn Tới Thánh Quả Nhập-Lưu* 437

(2) *Bước Vào Con Đường Chân Chánh Đã Định* ..... **Error! Bookmark not defined.**

(3) *Thâm Nhập* (*Đột Phá Vào, Hiểu Thấu Suốt*) *Giáo Pháp* 439

(4) *Bốn Yếu Tố Của Một Bậc Thánh Nhập-Lưu* 440

(5) *Còn Đáng Có Hơn Quyền Thống Trị Thế Gian* 441

3. THÁNH QUẢ BẤT-LAI 442

(1) *Dẹp Bỏ Năm Gông Cùm Nhẹ Đô* 442

(2) *Bốn Loại Người Chứng Ngộ Niết-bàn* 447

(3) *Sáu Điều Góp Phần Trong Sự Hiểu-Biết Đích Thực* 449

(4) *Năm Loại Thánh Bất-Lai* 452

4. THÁNH QUẢ A-LA-HÁN 453

(1) *Loại Bỏ Tàn Dư Hơi Hướng Của Cái "Ta"* 453

(2) *Người Học-Nhân và Bậc A-la-hán* 458

(3) *Một Tỳ Kheo Đã Gỡ Bỏ Thanh Rào Cản* 461

(4) *Chín Điều Một A-la-hán Không Còn Làm Được* 462

(5) *Một Cái Tâm Bất Lay Chuyển* 463

(6) *Mười Năng Lực Của Một A-la-hán* 464

(7) *Vị Tu Sĩ Sống Bình An [Sa-môn Mâu-ni]* 465

(8) *Hạnh Phúc Thay Những Vị A-la-hán!* 469

5. NHƯ-LAI 470

(1) *Phật và A-la-hán* 470

(2) *Vì Phúc Lợi Của Số Đông* 472

(3) *Lời Nói Cao Quý Của Thầy Xá-lợi-phất* 473

(4) *Mười Năng Lực và Cơ Sở của Tự-Tin* 476

(5) *Sự Hiện Thị Của Đại Hào Quang*.....480

(6) *Người Mong Muốn Sự Tốt Lành Cho Chúng Ta* 481

(7) *Con Sư Tử* 482

(8) *Tại Sao Được Gọi Là Như-Lai [Tathāgata]?*.....483

PHẦN CHÚ GIẢI 489

Chương I. TÌNH TRẠNG CON NGƯỜI.....425

Chương II. NGƯỜI MANG LẠI ÁNH SÁNG.....425

Chương III. TIẾP CẬN GIÁO PHÁP 501

Chương IV. HẠNH PHÚC THẤY ĐƯỢC TRONG KIẾP NÀY 506

Chương V. CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ TÁI SINH PHÚC LÀNH 509

Chương VI. LÀM SÂU SẮC TẦM NHÌN VÀO THẾ GIỚI ..514

Chương VII. CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ GIẢI THOÁT 517

Chương VIII. TU TẬP CÁI TÂM.....520

Chương IX. CHIẾU SÁNG ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ.....537

Chương X. NHỮNG CẤP BẬC GIÁC NGỘ 553

Mục Lục Tra Cứu Các Kinh Trong Sách & Theo Các Nguồn Kinh..... 571

Danh Mục Các Ví Dụ Phật Đã Dùng 583

Danh Mục Các Thuật Từ, Thuật Ngữ 587

Danh Mục Các Thuật Ngữ Pāli 601
Danh Mục Các Danh Từ Riêng 603
Danh Mục Tên Pāli Của Các Kinh 607
Các Nguồn Kinh & Sách Tham Khảo 609
Nguồn Kinh Chính 609
Những Sách Tham Khảo Khác 609
Về Tỳ Kheo Bồ-Đề 613

TÊN VIẾT TẮT

của các Bộ kinh, Tập kinh

AN	**Bộ Các Kinh Theo Số Tăng** (*Tăng chi bộ kinh*) (*Aṅguttara Nikāya*)
DN	**Bộ Các Kinh Dài** (*Trường bộ kinh*) (*Dıgha Nikāya*)
MN	**Bộ Các Kinh Vừa** (*Trung bộ kinh*) (*Majjhima Nikāya*)
SN	**Bộ Các Kinh Liên Quan** (*Tương ưng bộ kinh*) (*Saṃyutta Nikāya*)
It	Tập **'Kinh Phật Nói Như Vậy'** (*Itivuttaka*)
Ud	Tập **'Kinh Phật Tự Thuyết'** (*Udāna*)

* Các tập kinh It và Ud thuộc **Bộ Các Kinh Ngắn** (*Tiểu bộ kinh*), (*Khuddaka Nikāya*)

Chương I.

TÌNH TRẠNG CON NGƯỜI

1. GIÀ, BỆNH VÀ CHẾT

(1) *Già và Chết*

Ở Sāvatthī (Xá-vệ), vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) của xứ Kosala (Câu-xá-lợi) đã nói với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, có ai được sinh ra mà không bị già và chết?"[1]

"Này đại vương, không có ai sinh ra mà không bị già và chết. Ngay cả những người giai cấp chiến sĩ [khattiya] giàu có—giàu có, có nhiều đồ đạc và tài sản, có nhiều bạc và vàng, có nhiều kho báu và hàng hóa, có nhiều của cải và lúa gạo—bởi do họ đã được sinh ra, nên họ không tránh được già và chết. Ngay cả những người giai cấp bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có—giàu có … có nhiều của cải và lúa gạo—bởi do họ đã được sinh ra, nên họ không tránh được già và chết. Ngay cả những người là bậc A-la-hán, là người đã tiêu diệt mọi ô nhiễm, họ đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu của họ, đã rõ ràng tiêu diệt mọi gông cùm trói buộc sự hiện hữu, và đã hoàn toàn được giải thoát bằng sự hiểu-biết (tri kiến) cuối cùng: ngay cả đối với họ thì thân này cũng bị tan rã, cũng bị tàn hoại.[2]

"Những xe ngựa đẹp của vua chúa rồi cũng hư hao,
Thân này cũng đang hư hoại đi.
Nhưng Giáo Pháp thiện lành thì không hư tàn:
Bậc thiện nhân tuyên bố về điều lành như vậy."

(SN 3:3; I 71 <163–64>)

(2) *Ví Dụ Khối Núi*

Ở Sāvatthī, vào giữa trưa, vua Pasenadi của xứ Kosala đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào Phật và ngồi xuống một bên.

Đức Thế Tôn hỏi nhà vua: "Đại vương, ngài mới từ chỗ nào tới đây vào giữa trưa như vầy?"

"Thưa Thế Tôn, con vừa mới tham dự những việc triều chính là việc của các vị vua, những người bị say sưa với sự say sưa quyền lực thống trị, là những người bị say đắm với những khoái lạc nhục dục, là những người đã có được quyền thống trị vững chắc trong xứ sở của họ, và là những người mà sự trị vì của họ chiếm một vùng lãnh thổ lớn trên trái đất."

"Này đại vương, ngài nghĩ sao? Giả sử có một người đi tới ngài từ phía đông, người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, nói với đại vương rằng:

'Thưa đại vương, chắc chắn đại vương nên biết điều này: thần mới tới từ phía đông, và ở đó thấy một khối núi cao như mây trời đang đổ về hướng này, sẽ nghiền nát tất cả mọi chúng sinh. Vậy hãy lo làm những gì đại vương thấy cần nên làm.' Rồi một người thứ hai tới từ phía tây … một người thứ ba tới từ phía bắc … và một người thứ tư tới từ phía nam, người đó là đáng tin tưởng và đáng tin cậy, nói với đại vương: 'Thưa đại vương, chắc chắn đại vương nên biết điều này: thần mới tới từ hướng đông, và ở đó thấy một khối núi cao như mây trời đang tiến về hướng này, sẽ nghiền nát tất cả mọi chúng sinh. Vậy hãy lo làm những gì đại vương thấy cần nên làm.' Này đại vương, nếu một mối hiểm họa lớn sẽ xảy đến như vậy, đó là một sự tàn diệt mạng sống con người như vậy, như vậy khó dành lại mạng người, vậy (chúng ta) phải nên làm gì?"

"Thưa Thế Tôn, nếu một mối hiểm họa lớn sẽ xảy đến như vậy, đó là một sự tàn diệt mạng sống con người, như vậy khó dành lại mạng người, vậy còn điều gì đáng làm hơn ngoài

việc sống theo Giáo Pháp, sống một cách chân chính, và làm những việc thiện lành và công đức?"

"Này đại vương, ta báo với ngài, ta tuyên bố với ngài, này đại vương: sự già-chết đang lăn tới ngài. Này đại vương, khi sự già-chết đang lăn tới mình, ngài nên làm gì?".

"Thưa Thế Tôn, khi sự già-chết đang lăn tới, còn điều gì đáng làm hơn ngoài việc sống theo Giáo Pháp, sống một cách chân chánh, và làm những việc thiện lành và công đức?

"Thưa Thế Tôn, các vị vua bị say sưa với quyền lực thống trị, bị say đắm trong những khoái lạc nhục dục, là những người đã có được quyền thống trị vững chắc trong xứ sở của họ và trị vì một vùng lãnh thổ lớn, họ chinh phục bằng bao nhiêu đoàn voi chiến, ngựa chiến, xe chiến, và lính chiến; nhưng họ cũng không có hy vọng, không có cơ hội chiến thắng khi sự già-chết đang lăn tới họ. Thưa Thế Tôn, trong cung đình này, khi những kẻ thù tới, có những vị quan quân sư có khả năng dùng chiêu lược để chia cắt quân thù; nhưng họ không có hy vọng, không có cơ hội chiến thắng khi sự già-chết đang lăn tới họ. Thưa Thế Tôn, ở triều đình còn có rất nhiều vàng bạc và châu báu được cất trong các gian hầm và gian lầu, và với số của cải đó chúng con có khả năng làm yếu lòng những kẻ thù khi chúng tới đây; nhưng không có hy vọng chiến thắng bằng của cải, không có cơ hội chiến thắng khi sự già-chết đang lăn tới. Thưa Thế Tôn, khi sự già-chết đang lăn tới con, còn điều gì đáng để con làm hơn ngoài việc sống theo Giáo Pháp, sống một cách chân chính, và làm những điều thiện lành và công đức?"

"Đúng vậy, này đại vương! Đúng vậy, này đại vương! Khi sự già-chết đang lăn tới ngài, còn điều gì đáng làm hơn

ngoài việc sống theo Giáo Pháp, sống một cách chân chính, và làm những điều thiện lành và công đức?"

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói như vậy, bậc Phúc Lành, bậc Đạo Sư, (Phật), đã nói thêm như vầy:

"Như những khối núi đá,
To lớn, dựng lên trời,
Tiến mạnh từ mọi phía,
Nghiền nát tất cả ở bốn phương—
Sự già-chết cũng như vậy
Đang lăn tới tiêu diệt mọi chúng sinh—

"Những người giai cấp chiến sĩ, bà-la-môn,
nông thương, dân thường, kẻ hạ tiện, và đồ rác rưởi:
Sự già-chết không tránh chừa một ai,
Cứ tiến tới nghiền nát tất cả.

"Không có hy vọng để chiến thắng
Dù có dùng đàn voi chiến, đàn xe chiến, và lính chiến.
Con người không thể đánh bại sự già-chết,
Cũng không thể mua chuộc chúng bằng của cải kho báu.

"Do vậy một người có trí khôn ở đây,
Vì sự tốt lành cho chính mình,
Đặt sự tin tưởng chắc chắn
Vào Phật, Pháp, và Tăng.

"Khi ai biết dẫn mình theo Giáo Pháp,
Dẫn thân, lời nói, và tâm ý (theo Giáo Pháp)
Thì họ đáng được khen ngợi trong kiếp này,
Và sau khi chết họ được hưởng phước trên cõi trời."

(SN 3:25; I 100–102 <224–29>)

(3) *Ba Vị Thiên Sứ Đưa Tin*

"Này các Tỳ kheo, có ba thiên sứ đưa tin.[3] Ba đó là gì?

"Một người có hành động xấu ác, lời nói xấu ác, tâm ý xấu ác. Khi thân này tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Ở đó người gác cửa địa ngục bắt giữ người đó bằng hai tay và lôi người đó tới trước Diêm Vương [Yama, Dạ-ma vương], Vua Cõi Chết.[4], và tâu rằng: 'Thưa đức vương, kẻ này không tôn kính cha mẹ, không tôn kính bậc tu hành và các bà-la-môn, không kính nể các bậc chú bác trong gia đình. Mong đức vương giáng hình phạt đích đáng cho kẻ này!'

"Rồi, này các Tỳ kheo, Diêm Vương hỏi tội người đó, khảo xét người đó, và nói với người đó về vị thiên sứ đưa tin thứ nhất: 'Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-nhất xuất hiện giữa loài người hay không?'

"Và người đó trả lời: 'Dạ không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.'

"Rồi Diêm Vương nói với người đó: 'Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy một phụ nữ hay đàn ông nào tám mươi, chín mươi, hoặc một trăm tuổi, già nua, thân cong như vòm mái nhà, lưng còm, chống gậy, đi đứng run rẩy, đau đớn, tuổi trẻ và sức lực đã hết, với răng rụng, với tóc bạc thưa thớt hay hói đầu, da nhăn nheo, với tay chân đầy vết khô lác?'

"Và người đó trả lời: 'Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.'

"Rồi Diêm Vương nói với người đó: 'Này kẻ kia, bộ điều đó không xảy đến với ngươi hay sao, một người thông minh

và trưởng thành có biết nghĩ: "Tôi cũng phải bị già đi và không thể nào thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tôi sẽ lo làm những điều thánh thiện bằng hành động, lời nói, tâm ý thiện lành"?'

"'Không, thưa Diêm Vương, con đã không thể làm điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.'

"Rồi Diêm Vương lại nói: 'Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm được những điều thánh thiện bằng hành động, lời nói, tâm ý thiện lành. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của ngươi. Những hành động xấu ác của ngươi không phải do mẹ, cha, anh, chị, em, bạn bè, hoặc người thân gây ra, cũng không phải do họ hàng, thiên thần, bậc tu hành, hay bà-la-môn gây ra. Chính một mình ngươi đã làm nghiệp xấu ác, và ngươi phải nếm trải nghiệp quả.'

"Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi tội, khảo xét, và nói với người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ nhất, Diêm Vương lại tiếp tục hỏi tội, khảo xét, và nói với người đó về vị thiên sứ thứ hai: 'Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-hai xuất hiện giữa loài người hay không?'

"'Không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.

"'Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy một phụ nữ hay đàn ông nào bị bệnh và đau đớn, bệnh yếu trầm trọng, nằm trên phân và nước tiểu của mình, phải nhờ người này người nọ ẳm lên và đặt xuống giường?'

"'Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.'

"'Này kẻ kia, bộ điều đó không xảy đến với ngươi hay sao, một người thông minh và trưởng thành có biết nghĩ: "Tôi cũng phải bị bệnh đau và không thể thoát khỏi điều đó. Vậy

giờ tôi sẽ lo làm những điều thánh thiện bằng hành động, lời nói, tâm ý thiện lành"?'

"'Không, thưa Diêm Vương, con đã không thể làm điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.'

"'Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm được những điều thánh thiện bằng hành động, lời nói, tâm ý thiện lành. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của ngươi. Những hành động xấu ác của ngươi không phải do mẹ, cha, anh, chị, em, bạn bè, hoặc người thân gây ra, cũng không phải do họ hàng, thiên thần, bậc tu hành, hay bà-la-môn gây ra. Chính một mình ngươi đã làm nghiệp xấu ác, và ngươi phải nếm trải nghiệp quả.'

"Này các Tỳ kheo, sau khi Diêm Vương đã hỏi tội, khảo xét, và nói với người đó như vậy liên quan tới vị thiên sứ thứ hai, Diêm Vương lại tiếp tục hỏi tội, khảo xét, và nói với người đó về vị thiên sứ đưa tin thứ ba: 'Này kẻ kia, ngươi có từng thấy vị thiên sứ thứ-ba xuất hiện giữa loài người hay không?'

"'Không, thưa Diêm Vương, con chưa từng thấy vị ấy.

"'Nhưng, này kẻ kia, bộ ngươi chưa từng thấy một người phụ nữ hay đàn ông nào chết, mới chết một, hai, hay ba ngày, thi thể trương lên, tái nhợt, và đang sình thối?'

"'Có, thưa Diêm Vương, con đã nhìn thấy điều đó.'

"'Rồi, này kẻ kia, bộ điều đó không xảy đến với ngươi hay sao, một người thông minh và trưởng thành có biết nghĩ: "Tôi cũng phải bị chết và không thể thoát khỏi điều đó. Vậy giờ tôi sẽ lo làm những điều thánh thiện bằng hành động, lời nói, tâm ý thiện lành"?'

"'Không, thưa Diêm Vương, con đã không thể làm điều đó. Con đã lơ tâm về điều đó.'

"'Này kẻ kia, chính vì sự lơ tâm đó mà ngươi đã không làm được những điều thánh thiện bằng hành động, lời nói, tâm ý thiện lành. Vậy thì, ngươi sẽ bị trừng trị thích đáng với sự lơ tâm của ngươi. Những hành động xấu ác của ngươi không phải do mẹ, cha, anh, chị, em, bạn bè hoặc người thân gây ra, cũng không phải do họ hàng, thiên thần, bậc tu hành, hay bà-la-môn gây ra. Chính một mình ngươi đã làm nghiệp xấu ác, và ngươi phải nếm trải nghiệp quả.'

(*trích kinh* AN 3:35; I 138–40)

2. NHỮNG SỰ KHỔ ĐAU DO SỐNG THIẾU SUY XÉT

(1) *Mũi Tên Đau Khổ*

"Này các Tỳ kheo, khi người phàm phu không được chỉ dạy nếm trải một cảm giác đau khổ, người đó ưu buồn, sầu não và ai oán; người đó khóc than đấm ngực và bị quẫn trí. Người đó cảm giác hai cảm giác—một cảm giác ở thân và một cảm giác ở tâm. Giả như người ta bắn một người bằng một mũi tên, và ngay sau đó bắn thêm một mũi tên thứ hai, do vậy người đó cảm giác một cảm giác (đau đớn) gây ra bởi hai mũi tên. Tương tự vậy, khi một người phàm phu không được chỉ dạy nếm trải một cảm giác đau khổ, người đó cảm giác hai cảm giác—một cảm giác ở thân và một cảm giác ở tâm.

"Khi đang nếm trải cùng một cảm giác đau khổ, người đó chấp chứa sân giận đối với điều đó. Vì người đó chấp chứa sân giận đối với cảm giác đau khổ đó, nên có khuynh hướng tiềm tàng *sân* giận đối với *cảm giác khổ* nằm ẩn sau đó.[5]

Khi đang nếm trải cảm giác đau khổ, người đó tìm sự vui thú trong khoái lạc giác quan. Vì lý do gì? Vì người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu biết được một sự giải-thoát nào khác khỏi cảm giác đau khổ ngoài khoái lạc giác quan.[6] Vì người đó tìm sự vui thú trong khoái lạc giác quan, nên khuynh hướng tiềm tàng *tham* dục đối với *cảm giác sướng* nằm ẩn sau đó.

Người đó không hiểu biết được đích thực cái gì là sự sinh và sự diệt, cái gì là sự thỏa-thích, cái gì sự nguy-hại, và cái gì là sự giải-thoát [trong trường hợp] đối với những cảm giác đó.[7] Vì người đó không hiểu biết được những điều đó, nên khuynh hướng tiềm tàng ngu *si* đối với *cảm giác trung tính* (không khổ không sướng) nằm ẩn sau đó.

"Khi người đó cảm giác một cảm giác vui sướng, người đó cảm thấy dính theo nó. Khi người đó cảm giác một cảm giác đau khổ, người đó cảm thấy dính theo nó. Này các Tỳ kheo, điều này được gọi là người phàm phu không được chỉ dạy bị dính chặt với sự sinh, già, chết; là người bị dính chặt với sự ưu buồn, ai oán, đau đớn, ưu phiền và tuyệt vọng; là người bị dính chặt với sự khổ; ta nói như vậy.

"Ngược lại, này các Tỳ kheo, khi người thánh đệ tử đã được chỉ dạy nếm trải một cảm giác đau khổ, người đó không ưu buồn, sầu não, hay ai oán; người đó không khóc than đấm ngực và không bị quẫn trí.[8] Người đó cảm giác một cảm giác—một cảm giác ở thân, không có một cảm giác ở tâm. Giả như người ta bắn một người bằng một mũi tên, và ngay sau đó họ không bắn tiếp mũi tên thứ hai, do vậy người đó chỉ cảm giác một cảm giác (đau đớn) gây ra bởi một mũi tên mà thôi. Tương tự vậy, khi người thánh đệ tử đã được chỉ dạy

nếm trải một cảm giác đau khổ, người đó cảm giác một cảm giác—một cảm giác ở thân, và không có một cảm giác ở tâm.

"Khi đang nếm trải cùng một cảm giác đau khổ, người đó *không* chấp chứa sân giận đối với điều đó. Vì người đó không chấp chứa sân giận đối với cảm giác đau khổ đó, không có khuynh hướng tiềm tàng *sân* đối với *cảm giác khổ* nằm ẩn sau đó.

Khi đang nếm trải cảm giác đau khổ, người đó không tìm sự vui thú trong khoái lạc giác quan. Vì lý do gì? Vì người thánh đệ tử đã được chỉ dạy hiểu biết được có một sự giải thoát khỏi cảm giác đau khổ hơn là (cách đi tìm) khoái lạc giác quan. Vì người đó không tìm sự vui thú trong khoái lạc giác quan, nên không có khuynh hướng tiềm tàng *tham* đối với *cảm giác sướng* nằm ẩn sau đó.

Người đó hiểu biết được đích thực cái gì là sự sinh và diệt, cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, và cái gì là sự giải-thoát (trong trường hợp) đối với những cảm giác đó. Vì người đó đã hiểu biết được những điều đó, nên không có khuynh hướng tiềm tàng *si* đối với *cảm giác trung tính* nằm ẩn sau đó.

"Nếu người đó cảm giác một cảm giác vui sướng, người đó cảm giác tách ly, không dính theo nó. Nếu người đó cảm giác một cảm giác đau khổ, người đó cảm giác tách ly, không dính theo nó. Này các Tỳ kheo, điều này được gọi là người thánh đệ tử đã được chỉ dạy *không* bị dính chặt với sự sinh, già, chết; là người *không* bị dính chặt với sự ưu buồn, ai oán, đau đớn, ưu phiền và tuyệt vọng; là người *không* bị dính chặt với sự khổ; ta nói như vậy.

"Này các Tỳ kheo, đây chính là chỗ sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa người thánh đệ tử đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy."

(SN 36:6; IV 207–10)

(2) *Những Thăng Trầm của Cuộc Sống*

"Này các Tỳ kheo, tám tình trạng này của thế gian làm cho thế gian quay cuồng điên đảo, và thế gian quay cuồng điên đảo xung quanh tám tình trạng này. Tám đó là gì? Được và Mất, Vinh và Nhục, Khen và Chê, Sướng và Khổ.

"Này các Tỳ kheo, tám tình trạng thế gian này người phàm phu không được chỉ dạy đều gặp phải, và người thánh đệ tử đã được chỉ dạy cũng đều gặp phải. Bây giờ, cái gì là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa người thánh đệ tử đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy?"

"Thưa Thế Tôn, sự hiểu biết của chúng con về những điều này có gốc rễ từ Thế Tôn, được hướng dẫn bởi Thế Tôn, có Thế Tôn là nơi nương tựa của nó. Thưa Thế Tôn, thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ trong tâm trí."

"Này các Tỳ kheo, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn," các Tỳ kheo đáp lại. Rồi đức Thế Tôn đã nói như vầy:

"Này các Tỳ kheo, khi một người phàm phu không được chỉ dạy có "được" thứ gì, người đó không biết suy xét như

vầy: ‘Cái có “được” này của ta là vô thường, là dính liền với khổ, sẽ bị thay đổi.’ Người đó không biết rõ nó đích thực là gì. Và khi người đó bị “mất” thứ gì, được “vinh” và bị “nhục”, được “khen” và bị “chê”, người đó không biết suy xét về chúng như vầy: ‘Tất cả những thứ đó đều là vô thường, là dính liền với khổ, sẽ bị thay đổi.’ Người đó không biết rõ chúng đích thực là gì. Với một người như vậy, những sự được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ *luôn* làm mê mải và chiếm ngự hết tâm trí của người đó. Khi được thứ gì người đó mừng vui phấn chấn, và khi mất thứ gì người đó buồn bực ưu phiền. Khi được vinh danh người đó mừng vui phấn chấn, và khi bị hèn nhục người đó buồn bực ưu phiền. Khi được khen ngợi người đó mừng vui phấn chấn, và khi bị chê bai người đó buồn bực ưu phiền. Khi trải nghiệm sướng, người đó mừng vui phấn chấn, và khi trải nghiệm khổ người đó buồn bực ưu phiền. Cứ dính vào những sự thích và sự ghét, thì người đó không giải thoát khỏi sự sinh, già, chết, không giải thoát khỏi sự ưu buồn, ai oán, đau đớn, ưu phiền và tuyệt vọng; người đó không giải thoát khỏi sự khổ; ta nói như vậy.

“Nhưng ngược lại, này các Tỳ kheo, khi một người thánh đệ tử đã được chỉ dạy có “được” thứ gì, người đó biết suy xét như vầy: ‘Cái có “được” này của ta là vô thường, là dính liền với khổ, sẽ bị thay đổi.’ Người đó biết rõ nó đích thực là gì. Và khi người đó bị “mất” thứ gì, được “vinh” và bị “nhục”, được “khen” và bị “chê”, người đó biết suy xét về chúng như vầy: ‘Tất cả những thứ đó đều là vô thường, là dính liền với khổ, sẽ bị thay đổi.’ Người đó biết rõ chúng đích thực là gì. Với một người như vậy, những sự được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ *không* làm mê mải và chiếm ngự

tâm trí của người đó. Nhờ đó, khi được thứ gì người đó *không* mừng vui phấn chấn, và khi mất thứ gì người đó *không* buồn bực ưu phiền. Khi được vinh danh người đó không mừng vui phấn chấn, và khi bị hèn nhục người đó không buồn bực ưu phiền. Khi được khen ngợi người đó mừng vui phấn chấn, và khi bị chê bai người đó không buồn bực ưu phiền. Khi trải nghiệm sướng, người đó không mừng vui phấn chấn, và khi trải nghiệm khổ người đó không buồn bực ưu phiền. Sau khi đã từ bỏ sự thích và sự ghét như vậy, thì người đó sẽ giải thoát khỏi sự sinh, già, chết, sẽ giải thoát khỏi sự ưu buồn, ai oán, đau đớn, ưu phiền và tuyệt vọng; người đó sẽ giải thoát khỏi sự khổ; ta nói vậy.

"Này các Tỳ kheo, đây chính là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa người thánh đệ tử đã được chỉ dạy và người phàm phu không được chỉ dạy."

(AN 8:6; IV 157–59)

(3) *Sự Âu Lo vì Mọi Thứ Luôn Đổi Thay*

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy có các thầy về sự âu lo do dính chấp và sự không âu lo do không dính chấp.[9] Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn nói đã nói điều này: "Và này các Tỳ kheo, làm sao có sự âu lo do dính chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, là người không nhìn thấy những bậc thánh nhân và không thiện khéo và không được rèn luyện theo Giáo Pháp của mình, là người không nhìn thấy những bậc thượng nhân và không thiện khéo và không được rèn luyện theo Giáo Pháp của mình, *cứ* coi sắc thân là 'ta', hoặc

nghĩ 'ta' sở hữu sắc thân, hoặc nghĩ sắc thân là ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc thân.[10] Cái sắc thân đó của người đó thay đổi và biến đổi. Khi có sự thay đổi và biến đổi của sắc thân, *thức* của người đó lo lắng với sự thay đổi của sắc thân. Sự âu lo và một mớ những trạng thái tâm phát sinh từ 'sự lo âu với sự đổi thay của sắc thân' vẫn luôn ám mụi (chiếm ngự) tâm trí người đó. Do tâm người đó bị ám mụi như vậy, nên người đó sợ hãi, buồn khổ, và lo lắng, và do dính chấp nên người đó trở nên âu lo động vọng.

"Người đó coi cảm giác là 'ta' … nhận thức là 'ta' … những sự tạo tác cố ý là 'ta' … thức là cái 'ta', hoặc nghĩ cái 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Cảm giác đó … thức đó thay đổi và biến đổi. Khi có sự thay đổi và biến đổi của cảm giác … của thức, *thức* của người đó lo lắng với sự thay đổi của sắc thân. Sự âu lo và một mớ những trạng thái tâm phát sinh từ 'sự lo âu với sự đổi thay của cảm giác … của thức' vẫn luôn ám mụi tâm trí người đó. Do tâm người đó bị ám mụi như vậy, nên người đó sợ hãi, buồn khổ, và lo lắng, và do dính chấp nên người đó trở nên âu lo động vọng.

"Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên có sự âu lo động vọng do dính chấp."

"Và (ngược lại), này các Tỳ kheo, làm sao có sự không-âu-lo do không-dính-chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, người thánh đệ tử đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân và thiện khéo và được rèn luyện theo Giáo Pháp của mình, là người nhìn thấy những bậc thượng nhân và thiện khéo và được rèn luyện theo Giáo Pháp của mình, *không* coi sắc thân là cái 'ta', và không nghĩ cái 'ta' sở hữu sắc thân, hoặc sắc thân ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong sắc thân.[11]

Sắc thân của người đó thay đổi và biến đổi. Mặc dù luôn có sự thay đổi và biến đổi của sắc thân, nhưng thức người không bị lo lắng với sự đổi thay của sắc thân. Không có sự âu lo và một mớ những trạng-thái-tâm phát sinh từ 'sự lo âu với sự đổi thay của sắc thân' làm ám mụi (chiếm ngự) tâm trí người đó. Do tâm người đó bị ám mụi như vậy, nên người đó không bị sợ hãi, buồn khổ, và lo lắng, và do không dính chấp nên người đó không bị âu lo động vọng.

"Người đó không coi cảm giác là 'ta' … nhận thức là 'ta' … những sự tạo tác cố ý là 'ta' … thức là cái 'ta', hoặc nghĩ cái 'ta' sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái 'ta', hoặc cái 'ta' ở trong thức. Cảm giác đó … thức đó thay đổi và biến đổi. Mặc dù luôn có sự thay đổi và biến đổi của cảm giác … của thức, nhưng *thức* của người đó không lo lắng với sự thay đổi của cảm giác … của thức. Sự âu lo và một mớ những trạng thái tâm phát sinh từ 'sự lo âu với sự đổi thay của cảm giác … của thức' không ám mụi tâm trí người đó. Do tâm người đó không bị ám mụi, nên người đó không sợ hãi, buồn khổ, và lo lắng, và do không dính chấp nên người đó không bị âu lo động vọng.

"Này các Tỳ kheo, do cách như vậy nên không có sự âu lo động vọng do không dính chấp."

(SN 22:7; III 15–18)

3. MỘT THẾ GIAN HỖN LOẠN

(1) *Nguyên Nhân của sự Xung Khắc*

Bà-la-môn tên Aramadanda đến gặp ngài Mahakaccana (Đại-ca-chiên-diên)[12], cúi chào thầy một cách thân thiện, và

hỏi thầy: "Thầy Kaccana, tại sao những người thuộc giai cấp chiến sĩ [khattiya] lại tranh đấu với người thuộc giai cấp chiến sĩ, những bà-la-môn tranh đấu với bà-la-môn, và những gia chủ tranh đấu với những gia chủ?"

"Này bà-la-môn, vì sự dính chấp vào những khoái lạc giác quan, sự dính chặt vào những khoái lạc giác quan, sự dính cứng vào những khoái lạc giác quan, sự mê ghiền những khoái lạc giác quan, sự ám mụi bởi những khoái lạc giác quan, sự khăng khăng nắm giữ những khoái lạc giác quan, cho nên những người giai cấp chiến sĩ đấu tranh với những người giai cấp chiến sĩ, những bà-la-môn tranh đấu với những bà-la-môn, và những gia chủ tranh đấu với những gia chủ."

"Thầy Kaccana, còn tại sao những tu sĩ [sa-môn] tranh đấu với các tu sĩ?"

"Này bà-la-môn, vì sự dính chấp vào những quan điểm, sự dính chặt vào những quan điểm, sự dính cứng vào những quan điểm, sự mê ghiền những quan điểm, sự ám mụi bởi những quan điểm, sự khư khăng nắm giữ những quan điểm, cho nên những tu sĩ vẫn còn tranh đấu với những tu sĩ."

(*tóm lược* AN 2: iv, 6; I 66)

(2) *Tại Sao Những Chúng Sinh Sống Trong Thù Hận?*

2.1. Vua Trời Sakka (Đế-thích), người trị vì các thiên thần,[13] đã hỏi đức Thế Tôn: "Những chúng sinh mong muốn sống không có sự thù ghét, hãm hại, tàn bạo, hay thù địch; họ mong muốn sống trong hòa bình. Nhưng họ lại sống trong sự thù ghét, hãm hại lẫn nhau, tàn bạo, và như những kẻ thù.

Thưa Thế Tôn, vì những gông cùm nào trói chặt mà họ sống theo cách như vậy?"

[Đức Thế Tôn nói:] "Này vua của các thiên thần, gông cùm chính là lòng ghen tỵ và tính keo kiệt trói buộc những chúng sinh, cho nên mặc dù họ mong muốn sống không có sự thù ghét, tàn bạo, hay thù địch, và sống trong hòa bình, nhưng họ vẫn sống trong sự thù ghét, hãm hại lẫn nhau, tàn bạo, và như những kẻ thù."

Đó là câu trả lời của đức Thế Tôn, và vua trời Sakka, hài lòng, thốt lên rằng: "Đúng như vậy, Thế Tôn! Đúng như vậy, bậc Phúc Lành. Nhờ câu trả lời của Thế Tôn tôi đã vượt qua sự nghi ngờ và không còn phân vân (về câu hỏi đó).

2.2. Rồi sau khi thể hiện sự cảm kích, vua trời Sakka hỏi một câu hỏi khác: "Nhưng thưa Thế Tôn, điều gì làm khởi sinh lòng ghen tỵ và tính keo kiệt, nguyên nhân của chúng là gì, làm sao chúng phát sinh, làm sao chúng khởi sinh? Khi cái gì có mặt thì làm chúng khởi sinh, và khi cái gì không có mặt thì chúng không khởi sinh?"

"Này vua của các thiên thần, lòng ghen tỵ và tính keo kiệt khởi sinh từ sự thích và sự ghét; đây là nguyên nhân của chúng, đây là cách chúng phát sinh, cách chúng khởi sinh. Khi sự thích và sự ghét có mặt thì chúng khởi sinh, và khi sự thích và sự ghét không có mặt thì chúng không khởi sinh."

"Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì làm khởi sinh sự thích và sự ghét…?"—"Này vua của các thiên thần, sự thích và sự ghét khởi sinh từ tham dục.…"—"Và cái gì làm khởi sinh tham dục …?"—"Này vua của các thiên thần, tham dục khởi sinh từ suy nghĩ. Khi tâm nghĩ về thứ gì thì tham dục khởi

sinh; khi tâm không nghĩ về điều gì thì tham dục không khởi sinh."

""Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì làm khởi sinh suy nghĩ …?"

"Này vua của các thiên thần, tham dục khởi sinh từ những nhận thức (tưởng, vọng tưởng) và những quan niệm phức tạp.[14] Khi những nhận thức và những quan niệm phức tạp có mặt thì suy nghĩ khởi sinh. Khi những nhận thức và những quan niệm phức tạp không có mặt thì suy nghĩ không khởi sinh."

(*trích từ* DN 21: *Sakkapañha Sutta*; II 276–77)
(*kinh "Vấn Đáp với Vua Trời Đế-thích"*)

(3) *Chuỗi Nhân Duyên Mịt Mùng*

9. "Này Ānanda, như vậy, do có [tùy thuộc vào] cảm-giác (sướng, khổ) nên có dục-vọng; do có dục vọng nên có sự theo-đuổi; do có theo đuổi nên có sự đạt-được (thứ gì, điều gì); do có sự đạt được nên có sự quyết-định; do có quyết định nên có tham-muốn và nhục-dục; do có tham muốn và nhục dục nên có sự ràng buộc dính-chấp; do có ràng buộc dính chấp nên có sự sở-hữu; do có sự sở hữu nên có tính keo-kiệt; do có tính keo kiệt nên có tính phòng-thủ; và do có tính phòng thủ nên phát sinh nhiều loại điều xấu ác bất thiện—như việc cầm gậy gọc và vũ khí, những xung đột, những tranh cãi, và những bất đồng, những sự mắng chửi nhục mạ, và sự bịa đặt vu khống."[15]

(*trích từ* DN 15: *Mahanidana Sutta*; II 58)
(*kinh Đại Nhân Duyên*)

(4) *Những Gốc Rễ của sự Tàn Bạo và Áp Bức*

"Tất cả mọi loại tham, sân, si đều là bất thiện.[16] Mọi hành động của một người tham, sân, si tích tạo—bằng hành động, lời nói, và tâm ý—cũng là bất thiện. Đối với người bi chi phối bởi tham, sân, si, mọi sự khổ đau người đó gây ra cho người khác bằng những việc áp bức như—giết hại, bắt tù, tịch thu tài sản, kết tội oan sai, đày ải—đều do bị xúi giục bởi ý nghĩ: 'Ta có quyền uy và ta muốn quyền uy,' tất cả những điều đó cũng đều là bất thiện."

(*trích từ* AN 3:69; I 201–2)

4. KHÔNG BIẾT ĐƯỢC KHỞI ĐẦU

(1) *Cỏ, Cây, Cành, Lá*

Đức Thế Tôn đã nói điều này: "Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [*samsara*] này không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được.[17]Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

Này các Tỳ kheo, giả sử một người đi chặt hết các cỏ, cây, cành, lá ở trong cõi Diêm-phù-nề [*Jambudipa*] này.[18], và gom chất tất cả chúng lại thành một đống. Sau đó, người đó ngồi lấy từng cái ra và đếm: 'Đây là mẹ ta, đây là mẹ của mẹ ta.' Chuỗi số những người mẹ và bà ngoại của người đó sẽ như là bất tận; cũng như số cỏ, cây, cành, lá là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc

chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, mọi người đã nếm trải (vô vàn) khổ sở, và đau đớn, và tai ương, và đã bị sình thối trong nghĩa địa. Điều này là quá đủ để (chúng ta) hết mê thích đối với tất cả những sự tạo tác cố ý (các hành tạo tác), quá đủ để ta chán bỏ đối với chúng, quá đủ để ta (tìm cách) giải thoát khỏi chúng."

(SN 15:1; II 178)

(2) *Những Hòn Đất*

"Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Này các Tỳ kheo, giả sử một người có thể lấy hết đất của trái đất vĩ đại này để nặn thành những hòn đất bằng cỡ hột trái táo tàu, mỗi lần nặn xong một viên rồi bỏ xuống và nói: 'Đây là cha tôi, đây là cha của cha tôi.' Chuỗi số của những người cha và ông nội của người đó sẽ như là bất tận, cũng như (đất của) trái đất vĩ đại này là vô tận, không bao giờ dùng hết được. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Đã từ lâu, này các Tỳ kheo, mọi người đã nếm trải (vô vàn) khổ sở, và đau đớn, và tai ương, và đã bị sình thối trong nghĩa địa. Điều này là quá đủ để (chúng ta) hết mê thích đối với mọi sự tạo tác cố ý (các hành tạo tác), quá đủ

để ta chán bỏ đối với chúng, quá đủ để ta (tìm cách) giải thoát khỏi chúng."

(SN 15:2; II 179)

(3) *Khối Núi*

Một Tỳ kheo tới gặp đức Thế Tôn, kính chào Thế Tôn, và ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, một đại kiếp là bao lâu?".[19]

"Này Tỳ kheo, một đại kiếp là dài. Không dễ gì đếm nó và nói nó là rất nhiều bao nhiêu năm, hay rất nhiều trăm năm, hoặc rất nhiều ngàn năm, hay rất nhiều trăm ngàn năm."

"Vậy thì, thưa Thế Tôn, ngài có thể cho một ví dụ không?"

"Được, này Tỳ kheo", đức Thế Tôn nói. "Này Tỳ kheo, giả như có một khối núi đá lớn kéo dài một dặm Ấn [*yojana*] (HV: *do tuần*), ngang một dặm Ấn, một khối núi đá liền đặc, không có lổ hoặc khe nứt.[20] Cứ sau mỗi một trăm năm có một người dùng một miếng vải mềm chùi một cái lên khối núi. Dù khối núi to nhưng cứ một trăm năm chùi một cái cũng tới lúc mòn hết khối núi đó, nhưng khoảng thời đó cũng chưa dài bằng một đại kiếp. Này Tỳ kheo, một đại kiếp là rất dài. Và với những đại kiếp dài vô vàn như vậy, chúng ta đã lang thang trôi giạt trong suốt rất nhiều đại kiếp, suốt rất nhiều ngàn đại kiếp, suốt rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được… Điều này là quá đủ để (chúng ta) hết mê thích đối với mọi sự tạo tác cố ý (các hành tạo tác), quá đủ để ta chán bỏ đối với chúng, quá đủ để ta (tìm cách) giải thoát khỏi chúng."

(SN 15:5; II 181–82)

(4) *Sông Hằng*

Ở Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ cư trú của bầy sóc, một ông bà-la-môn tới gặp đức Thế Tôn và chào hỏi đức Thế Tôn. Sau khi chào hỏi qua lại một cách thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên, và hỏi đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm [Gotama], có bao nhiêu đại kiếp đã tái tục và trôi qua?"

"Này bà-la-môn, nhiều đại kiếp đã tái tục và trôi qua. Không dễ gì đếm được chúng và nói chúng là rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp."

"Nhưng thưa Thầy Cồ-đàm, thầy có thể cho một ví dụ không?"

"Được, này bà-la-môn", đức Thế Tôn nói. "Này bà-la-môn, tưởng tượng số cát của sông Hằng từ chỗ nó bắt nguồn cho tới chỗ nó đổ ra biển: không dễ gì đếm được số cát đó và nói chúng có rất nhiều hạt cát, hay rất nhiều trăm hạt cát, hay rất nhiều ngàn hạt cát, hay rất nhiều trăm ngàn hạt cát. Này bà-la-môn, số đại kiếp đã tái tục và trôi qua thậm chí còn nhiều hơn số hạt cát đó. Không dễ gì đếm được số cát đó và nói chúng có rất nhiều đại kiếp, hay rất nhiều trăm đại kiếp, hay rất nhiều ngàn đại kiếp, hay rất nhiều trăm ngàn đại kiếp. Bởi vì sao? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được… Điều này là quá đủ để (chúng ta) hết mê thích đối với mọi sự tạo tác cố ý (các hành tạo tác), quá đủ để ta chán bỏ đối với chúng, quá đủ để ta (tìm cách) giải thoát khỏi chúng."

(SN 15:8; II 183–84)

(5) *Con Chó Bị Xích Cột*

"Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

"Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời đại dương cạn khô và nước bốc hơi hết, và đại dương không còn nữa; ta nói (cho dù có chấm dứt đại dương kia) nhưng vẫn không chấm dứt hết sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân hồi sinh tử) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục vọng.

"Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời núi Sineru (Tu-di), vua của các ngọn núi, bốc cháy và rụi tàn, núi không còn nữa; ta nói (cho dù có chấm dứt núi vua kia) nhưng vẫn không chấm dứt hết sự khổ đau sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân hồi sinh tử) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục vọng.

"Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới thời trái đất vĩ đại này bốc cháy và rụi tàn, và trái đất không còn nữa; ta nói (cho dù chấm dứt trái đất này) nhưng vẫn không chấm dứt hết sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân hồi sinh tử) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục vọng.

"Này các Tỳ kheo, giả sử một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Cũng tương tự như vậy, người phàm phu không được chỉ dạy coi sắc thân là

‘ta’ … cảm giác là ‘ta’ … nhận thức là ‘ta’ … những sự tạo tác cố ý ‘ta’ … thức là ‘ta’…. Người đó cứ chạy vòng quanh sắc thân, vòng quanh cảm giác, vòng quanh nhận thức, vòng quanh những sự tạo tác cố ý, vòng quanh thức. Khi người đó cứ chạy vòng quanh chúng, người đó không giải thoát khỏi sắc thân, không giải thoát khỏi cảm giác, không giải thoát khỏi nhận thức, không giải thoát khỏi những sự tạo tác cố ý, không giải thoát khỏi thức. Người đó không giải thoát khỏi sự sinh, già, chết; không giải thoát khỏi ưu buồn, ai oán, đau đớn, ưu phiền, và tuyệt vọng; không giải thoát khỏi sự khổ; ta nói như vậy.”

(SN 22:99; II 149–50)

Chương II.

NGƯỜI MANG LẠI ÁNH SÁNG

1. MỘT NGƯỜI

"Này các Tỳ kheo, có một người xuất hiện vào thế gian này vì phúc lợi của số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người. Ai là một người đó? Đó là Như Lai [Tathagata], bậc A-la-hán [Arahant], bậc Toàn Giác. Đây chính là một người đó.

"Này các Tỳ kheo, có một người xuất hiện vào thế gian này, người đó là duy nhất, không có người tương đương, không có người đối trọng, không thể so được, không thể ngang bằng, không thể sánh bằng, không thể đối địch, siêu xuất nhất của loài người. Ai là một người đó? Đó là Như Lai [Tathagata], bậc A-la-hán [Arahant], bậc Toàn Giác. Đây chính là một người đó.

"Này các Tỳ kheo, sự hiện thị của một người đó là sự hiện thị của tầm nhìn lớn, của ánh sáng lớn, của hào quang lớn; đó là sự hiện thị của sáu điều không thể vượt qua (vô thượng); sự chứng ngộ bốn sự hiểu-biết mang tính phân-tích; sự thâm nhập thấu suốt về những yếu tố khác nhau, về sự biến đổi đa dạng của các yếu tố; đó là sự chứng ngộ kết quả của sự hiểu-biết và sự giải-thoát; sự chứng ngộ các đạo quả Nhập Lưu, Nhất Lai, Bất Lai, và A-la-hán.[3] Ai là một người đó? Đó là Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Đây chính là một người đó."

(AN 1: xiii, 1, 5, 6; I 22–23)

2. SỰ NHẬP THAI VÀ ĐẢN SINH CỦA ĐỨC PHẬT

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong khu vườn của thái tử Jeta (Kỳ-đà), trong tịnh xá của ông Anathapindika (Cấp Cô Độc).

2. Bấy giờ có một số Tỳ kheo đang ngồi trong sảnh đường, nơi họ gặp nhau sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, lúc đó có sự thảo luận này khởi sinh giữa họ: "Thật kỳ diệu, này các đạo hữu, thật tuyệt vời, Như Lai thật là uy lực và hùng mạnh! Bởi Như Lai có thể hiểu biết về các vị Phật trong quá khứ—những người đã chứng ngộ Niết-bàn, đã cắt bỏ hết [mớ chằng chịt của] sự phóng tâm, đã bẻ gãy cái vòng nhân duyên, đã chấm dứt cái vòng luân hồi, đã vượt qua tất cả mọi sự khổ—rằng những bậc Thế Tôn đó có sự đản sinh của họ như vậy, có tên danh của họ như vậy, có họ tộc của họ như vậy, có giới hạnh của họ như vậy, có những phẩm hạnh [thiền định] của họ như vậy, có trí tuệ của họ như vậy, có những sự an trú trong thiền của họ như vậy, có sự giải thoát như vậy."

Khi điều này được nói ra, ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo: "Này các đạo hữu, các bậc Như Lai là kỳ diệu và có những phẩm hạnh kỳ diệu. Các bậc Như Lai là tuyệt vời và có những phẩm hạnh tuyệt vời."[4]

Tuy nhiên nói đến đó thì sự thảo luận của họ đã bị gián đoạn; vì đức Thế Tôn đã rời ra khỏi phiên thiền, lúc đó là buổi chiều, đức Thế Tôn đi tới sảnh đường và ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn. Rồi đức Thế Tôn hướng xuống các Tỳ kheo và nói: "Này các Tỳ kheo, vì thảo luận gì mà các thầy ngồi tụ ở đây? Và thảo luận gì của các thầy vừa bị gián đoạn?"

"Thưa Thế Tôn, ở đây chúng con đang ngồi trong sảnh đường, nơi chúng con gặp nhau sau khi đi khất thực về, sau

khi ăn trưa, lúc nãy có sự thảo luận này khởi sinh giữa chúng con: 'Thật là kỳ diệu, này các đạo hữu, thật là tuyệt vời … có sự giải thoát của họ như vậy.' Khi điều này được nói ra, thưa Thế Tôn, ngài Ānanda đã nói với chúng con: 'Này các đạo hữu, các bậc Như Lai là kỳ diệu và có những phẩm hạnh kỳ diệu. Các bậc Như Lai là tuyệt vời và có những phẩm hạnh tuyệt vời.' Đó là thảo luận của chúng con, thưa Thế Tôn, nó đã bị gián đoạn khi Thế Tôn đến."

Rồi đức Thế Tôn hướng xuống ngài Ānanda và nói: "Là như vậy, này Ānanda, thầy giải thích đầy đủ hơn về những phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Như Lai."

3. "Thưa Thế Tôn, con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Này Ānanda, có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng, vị Bồ-tát [Bodhisatta] đã xuất hiện trong cõi trời Tusita (Đâu-suất).'[5] Vị Bồ-tát, có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng, đã xuất hiện trong cõi trời Tusita—con nhớ điều này là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

4. "Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng, Bồ-tát đã ở lại trong cõi trời Tusita.'—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

5. "Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng, Bồ-tát đã ở lại trong cõi trời Tusita trong suốt tuổi thọ của mình ở đó.'—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

6. "Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng, Bồ-tát đã qua đời ở cõi trời Tusita và hạ thế nhập vào thai của mẹ mình.'—con

nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

7. "Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát qua đời ở cõi trời Tusita và hạ thế nhập vào bào thai của mẹ mình, có một hào quang lớn, vượt trên cả tầm uy cõi trời của các thiên thần, đã xuất hiện trong thế giới có các thiên thần, Ma Vương, và các vị trời Brahmā, trong quần thể chúng sinh này có các tu sĩ và các bà-la-môn, các thiên thần và người. Và thậm chí trong những khoảng không gian giữa các thế giới, âm u và tối mịt, nơi mà mặt trăng và mặt trời uy lực và hùng mạnh cũng không thể chiếu ánh sang tới, ở đó cũng xuất hiện hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm uy cõi trời của các thiên thần.[6] Và những chúng sinh sống ở đó đã nhận ra nhau nhờ ánh sáng hào quang đó (họ nói): "Đúng thực, có những chúng sinh khác cũng được tái sinh ở đây." Và hệ thống mười-ngàn thế giới rung động, rúng động, chuyển động mạnh, và tiếp tục xuất hiện hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm uy cõi trời của các thiên thần.'—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

8. "Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát qua đời ở cõi trời Tusita và hạ thế nhập vào bào thai của mẹ mình, bốn thiên thần trẻ đã đến bảo vệ Người ở bốn phương để những người và những chúng sinh phi nhân và bất cứ ai không thể nào làm hại Bồ-tát hay mẹ của Người.'[7]—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

9. "Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát qua đời ở cõi trời Tusita và hạ thế nhập vào bào thai của mẹ mình, bà ấy tự trong mình giữ đức hạnh,

kiêng cữ giữ nghiêm năm-giới căn bản, và kiêng cữ không uống rượu nhẹ, rượu nặng, hay các chất độc hại; kiêng cữ không lơ tâm phóng dật.’—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.…

14. “Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: ‘Những phụ nữ khác sinh con sau khi mang thai chín tới mười tháng, nhưng mẹ của Bồ-tát thì không như vậy, bà sinh ra Bồ-tát sau khi mang thai đúng mười tháng.’—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

15. “Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: ‘Những phụ nữ khác sinh con trong tư thế ngồi hoặc nằm, nhưng mẹ của Bồ-tát thì không như vậy. Bà sinh Bồ-tát trong tư thế đứng thẳng.’—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

16. “Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: ‘Khi Bồ-tát ra đời từ trong bụng mẹ, những thiên thần đầu tiên đã đỡ lấy Bồ-tát trước, rồi sau đó mới tới những người.’—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

17. “Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: ‘Khi Bồ-tát ra đời từ trong bụng mẹ, Bồ-tát không chạm xuống đất. Bốn thiên thần trẻ đã đỡ lấy Bồ-tát và đặt Người trước mẹ của Người và nói rằng: “Hoàng hậu hãy vui mừng, một người con đầy năng lực lớn lao đã được sinh ra cho hoàng hậu.”’—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

18. “Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: ‘Khi Bồ-tát ra đời từ trong bụng mẹ, Người không

bị dính dơ, không bị dính nước bẩn, nước nhớt, không dính máu, hoặc bất kỳ chất dơ nào, trong sạch và không dính nhiễm. Giả như có một viên ngọc đặt trong miếng vải sạch đẹp, thì viên ngọc sẽ không làm dơ miếng vải, và miếng vải cũng không làm dơ viên ngọc. Tại sao vậy? Bởi nhờ sự trong sạch của cả hai. Cũng giống như vậy, khi Bồ-tát ra đời … Người ra đời trong sạch và không dính nhiễm.'—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

19. "Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát ra đời từ trong bụng mẹ, có hai dòng tia nước xuất hiện phun xuống từ trên trời, một dòng mát và một dòng ấm, để tắm cho Bồ-tát và mẹ của Người.'—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

20. "Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Ngay sau khi Bồ-tát vừa được sinh ra, Người đứng vững chắc với hai chân trên mặt đất; rồi Người bước bảy bước về hướng bắc, và có một lọng trắng che trên đầu Người, Người nhìn khắp mỗi phương và cất tiếng nói ra lời của một người đứng đầu: "Ta là bậc cao nhất trong thế gian; Ta là bậc siêu xuất nhất trong thế gian; Ta là bậc đứng đầu trong thế gian. Đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh đối với ta."'[8]—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

21. "Con đã nghe và học điều này từ chính miệng của Thế Tôn: 'Khi Bồ-tát qua đời ở cõi trời Tusita và hạ thế nhập vào bào thai của mẹ mình, có một hào quang lớn vượt trên cả tầm uy cõi trời của các thiên thần xuất hiện trong thế giới có các thiên thần, Ma Vương, và các vị trời Brahma, trong thế

gian này có các tu sĩ và các bà-la-môn, có các thiên thần và người. Và thậm chí trong những khoảng không gian giữa các thế giới, âm u và tối mịt, nơi mà mặt trăng và mặt trời uy lực và hùng mạnh cũng không thể chiếu ánh sang tới, ở đó cũng xuất hiện hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm uy cõi trời của các thiên thần. Và những chúng sinh sống ở đó đã nhận ra nhau nhờ ánh sáng hào quang đó (họ nói): "Đúng thực, có những chúng sinh khác cũng được tái sinh ở đây." Và hệ thống mười-ngàn thế giới rung động, rúng động, chuyển động mạnh, và tiếp tục xuất hiện hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm uy cõi trời của các thiên thần.'—con nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Thế Tôn.

22. "Đúng thực như vậy, này Ānanda, hãy ghi nhớ điều sau đây cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Như Lai: Ở đây, này Ānanda, đối với Như Lai thì những cảm-giác được biết rõ như chúng khởi sinh, như chúng có mặt, như chúng biến diệt; những nhận-thức được biết rõ như chúng khởi sinh, như chúng có mặt, như chúng biến diệt; những ý-nghĩ được biết rõ như chúng khởi sinh, như chúng có mặt, như chúng biến diệt;[9]—Này Ānanda, hãy ghi nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của Như Lai."

23. "Thưa Thế Tôn, bởi vì đối với đức Thế Tôn thì những cảm-giác được biết rõ như chúng khởi sinh, như chúng có mặt, như chúng biến diệt; những nhận-thức được biết rõ như chúng khởi sinh, như chúng có mặt, như chúng biến diệt; những ý-nghĩ được biết rõ như chúng khởi sinh, như chúng có mặt, như chúng biến diệt—cho nên con ghi nhớ điều này cũng là một phẩm hạnh kỳ diệu và tuyệt vời của đức Thế Tôn."

Đó là những lời ngài Ānanda đã nói. Vị Thầy chấp thuận. Các Tỳ kheo thấy hài lòng và vui mừng với những lời nói của ngài Ānanda.

(*tóm lược* MN 123: *Acchariya-Abbhūta Sutta*;
III 118–20; 122–24)
(*Kinh "Kỳ Diệu và Tuyệt Vời"*)

3. ĐI TÌM SỰ GIÁC NGỘ

(1) *Tìm Trạng Thái Cao Nhất của sự Bình An Siêu Phàm*

5. "Này các Tỳ kheo, có hai loại tìm kiếm này: sự tìm kiếm thánh thiện và sự tìm kiếm không thánh thiện. Và thứ gì là sự tìm kiếm không thánh thiện? Ở đây, một người tự mình phải bị (tái) sinh đi tìm kiếm thứ cũng phải bị (tái) sinh; tự mình phải bị già đi tìm kiếm thứ cũng phải bị già; tự mình phải bị bệnh đi tìm kiếm thứ cũng phải bị bệnh; tự mình phải bị chết đi tìm kiếm thứ cũng phải bị chết; tự mình phải bị ưu buồn đi tìm kiếm thứ cũng phải bị ưu buồn; tự mình phải bị ô nhiễm đi tìm kiếm thứ cũng phải bị ô nhiễm.

6–11. "Và những gì có thể được cho là phải bị sinh, già, bệnh, chết; và phải bị ưu buồn và ô nhiễm? Vợ và con, đàn ông và đàn bà, người ở, dê và cừu, gà vịt và heo bò, voi, gia cầm gia súc, ngựa đực và ngựa cái, vàng và bạc: những thứ của cải đó đều phải bị sinh, già, chết; phải bị ưu buồn và ô nhiễm; và ai bị trói chặt vào những thứ đó, bị mê thích theo những thứ đó, và hoàn toàn bị cuốn hút vào những thứ đó, thì tự mình (đã) phải bị sinh, già … ưu buồn và ô nhiễm, (lại) đi tìm thứ cũng phải bị sinh, già … ưu buồn và ô nhiễm.[10]

12. "Và cái gì là sự tìm kiếm thánh thiện? Ở đây, một người tự mình phải bị (tái) sinh, sau khi hiểu được sự nguy hại trong những thứ phải bị (tái) sinh, người đó đi tìm sự vô-sinh an toàn cao nhất thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự mình phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy hại trong những thứ phải bị già, người đó đi tìm sự vô-già an toàn cao nhất thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự mình phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy hại trong những thứ phải bị chết, người đó đi tìm sự bất-tử an toàn cao nhất thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự mình phải bị ưu buồn, sau khi hiểu được sự nguy hại trong những thứ phải bị ưu buồn, người đó đi tìm sự vô-ưu an toàn cao nhất thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự mình phải bị ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy hại trong những thứ phải bị ô nhiễm, người đó đi tìm sự vô-nhiễm an toàn cao nhất thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn. Đây là sự tìm kiếm thánh thiện.

13. "Này các Tỳ kheo, trước khi giác ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát chưa giác ngộ, thì ta cũng bị vậy: Tự ta phải bị (tái) sinh, ta lại đi tìm những thứ cũng phải bị (tái) sinh; Tự ta phải bị già, bệnh, chết, ưu buồn, và ô nhiễm, ta lại đi tìm những thứ cũng phải bị già, bệnh, chết, ưu buồn, và ô nhiễm. Nhưng rồi ta đã suy xét như vầy: 'Tại sao, tự ta đã phải bị sinh, sao ta cứ đi tìm những thứ cũng phải bị sinh? Tại sao, tự ta đã phải bị già, bệnh, chết, ưu buồn, và ô nhiễm, sao ta cứ đi tìm thứ cũng phải bị già, bệnh, chết, ưu buồn, và ô nhiễm? Giá như, tự ta đã phải bị (tái) sinh, sau khi đã hiểu được sự nguy hại trong những thứ phải bị (tái) sinh, thì ta nên đi tìm sự vô-sinh an toàn cao nhất thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn. Giá như, tự ta đã phải bị già, bệnh, chết, ưu buồn, và ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy hại của những thứ phải bị

già, bệnh, chết, ưu buồn, và ô nhiễm, thì ta nên đi tìm sự vô-già, vô-bệnh, bất-tử, vô-ưu, và vô-nhiễm an toàn cao nhất thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn.'

14. "Sau đó, khi ta vẫn còn là một người trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời xuân sắc của cuộc đời, mặc dù cha mẹ ta muốn khác và đã khóc ràn rụa nước mắt trên mặt, nhưng ta đã cạo bỏ tóc râu, khoát áo nâu sòng, và rời bỏ cuộc sống tại gia để sống đời xuất gia.

15. "Sau khi đã xuất gia ra đi, đi tìm kiếm thứ thiện lành, tìm kiếm trạng thái cao nhất của sự bình an siêu phàm, ta đã đến chỗ ngài Ālarā Kālāma và thưa với ông: 'Này đạo hữu Kālāma, tôi muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giáo Luật ở đây.' Ngài Alara Kālāma đã trả lời: 'Người đáng kính có thể ở lại đây. Giáo Pháp này là thứ người có trí có thể đi vào (chứng nhập) và an trú trong đó, tự mình chứng ngộ nhờ sự tự mình hiểu biết trực tiếp giáo lý của thầy mình.' Ta đã mau chóng học Giáo Pháp đó. Chỉ sau mỗi lần mở môi đọc lại lời giáo lý của vị ấy, ta có thể nói ra với sự hiểu biết và sự chắc chắn, và ta có thể tuyên bố: 'Tôi biết và thấy'—và có những người khác ở đó cũng làm được như vậy.

"Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ dựa niềm tin suông mà Alara Kālāma nói: "Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp, ta có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này". Chắc chắn Alara Kālāma an trú trong sự biết và thấy Giáo Pháp này.' Sau khi suy xét vậy, ta đến gặp ngài Alara Kālāma và hỏi ông rằng: 'Này đạo hữu Kālāma, theo cách nào mà ngài tuyên bố rằng 'bằng cách tự mình chứng ngộ nhờ tự hiểu biết trực tiếp, ngài có thể chứng nhập và an

trú trong Giáo Pháp này?.' Khi trả lời ta, ông đã tuyên bố về cảnh giới "cảnh xứ không có gì" (vô sở hữu xứ).[11]

"Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ Alara Kālāma có niềm tin, năng lượng, chánh niệm, định tâm, và trí tuệ. Ta cũng có niềm tin, năng lượng, chánh niệm, định tâm, và trí tuệ. Giá như ta cố gắng chứng ngộ Giáo Pháp mà ngài Alara Kālāma tuyên bố ông có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp?'

"Rồi ta nhanh chóng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ nó bằng sự hiểu biết trực tiếp. Sau đó ta đến gặp ngài Alara Kālāma và hỏi ông ấy: 'Này đạo hữu Kālāma, có phải theo cách này mà ngài đã tuyên bố rằng ngài đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp?—

'Đúng là cách này, này đạo hữu.'—'Này đạo hữu, chính theo cách này ta cũng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự chứng ngộ nhờ sự hiểu biết trực tiếp.'—

'Đây là một lợi ích cho chúng tôi này đạo hữu, đây là một lợi ích lớn lao cho chúng tôi khi chúng tôi có thêm đạo hữu là một bậc đáng kính như vậy để cho các tu sĩ của chúng tôi noi theo. Vậy đó, Giáo Pháp mà ta tuyên bố ta đã chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp chính là Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp. Và Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp chính là Giáo Pháp mà ta đã tuyên bố rằng ta đã chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ

bằng sự hiểu biết trực tiếp. Như vậy đạo hữu biết được Giáo Pháp mà ta đã biết, và ta biết được Giáo Pháp đạo hữu đã biết. Ta như vậy, đạo hữu cũng như vậy. Đạo hữu như vậy, ta cũng như vậy. Này đạo hữu, giờ chúng ta hãy cùng nhau dẫn dắt những người tu ở đây tu tập.'

"Vậy là Alara Kālāma, vị thầy của ta, đã đặt ta—là một học trò của ông—ở cùng vị trí ngang bằng với ông, và ông đã khen thưởng ta danh dự cao nhất đó. Nhưng lúc đó ta có ý nghĩ này: 'Giáo Pháp này không dẫn tới sự tỉnh ngộ, sự chán bỏ, sự chấm dứt (khổ), sự bình an, sự hiểu biết trực tiếp, sự giác ngộ, Niết-bàn, nó chỉ dẫn tới tái sinh vào cảnh giới 'xứ trống không.''[12] Vì không mãn nguyện với Giáo Pháp đó, vì thất vọng với Giáo Pháp đó, nên ta đã rời khỏi nơi đó.

16. "Này các Tỳ kheo, vẫn đi tìm kiếm thứ thiện lành, tìm kiếm trạng thái cao nhất của sự bình an siêu phàm, ta đến gặp ngài Uddaka Rāmaputta và nói với ông: 'Này đạo hữu, tôi muốn sống đời sống tâm linh theo Giáo Pháp và Giáo Luật ở đây.' Ngài Uddaka Rāmaputta đã trả lời: 'Người đáng kính có thể ở lại đây. Giáo Pháp này là thứ người có trí có thể đi vào (chứng nhập) và an trú trong đó, tự mình chứng ngộ nhờ sự tự mình hiểu biết trực tiếp giáo lý của thầy mình.' Ta đã mau chóng học Giáo Pháp đó. Chỉ sau mỗi lần mở môi đọc lại lời giáo lý của vị ấy, ta có thể nói ra với sự hiểu biết và sự chắc chắn, và ta có thể tuyên bố: 'Tôi biết và thấy'—và có những người khác ở đó cũng làm được như vậy.

"Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ dựa vào niềm tin suông mà Rāma tuyên bố: "Bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp, ta có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này". Chắc chắn Rāma an trú với sự biết và thấy Giáo Pháp này.' Sau khi suy xét vậy, ta đến gặp ngài

Uddaka Rāmaputta và hỏi ông: 'Này đạo hữu, theo cách nào mà Rāma tuyên bố rằng 'bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp, ta có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này'?. Khi trả lời ta, Uddaka Rāmaputta đã tuyên bố về cảnh giới "cảnh xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận thức" (phi tưởng phi phi tưởng xứ).[13]

"Ta suy xét rằng: 'Không phải chỉ Rāma có niềm tin, năng lượng, chánh niệm, định tâm, và trí tuệ. Ta cũng có niềm tin, năng lượng, chánh niệm, định tâm, và trí tuệ. Giá như ta cố gắng chứng ngộ Giáo Pháp mà ông Rāma tuyên bố ông có thể chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ với nhờ sự hiểu biết trực tiếp?'

"Rồi ta nhanh chóng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp đó bằng cách tự mình chứng ngộ nó với sự hiểu biết trực tiếp. Sau đó ta đến gặp ngài Uddaka Rāmaputta và hỏi ông: 'Này đạo hữu, có phải theo cách này mà Rāma đã tuyên bố rằng ngài đã chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp?—

'Đúng là cách đó, này đạo hữu.'—'Này đạo hữu, chính theo cách này ta cũng chứng nhập và an trú trong Giáo Pháp này bằng cách tự chứng ngộ với sự hiểu biết trực tiếp.'—

'Đây là một lợi ích cho chúng tôi này đạo hữu, đây là một lợi ích lớn lao cho chúng tôi khi chúng tôi có thêm một bậc đáng kính như vậy để cho các tu sĩ của chúng tôi noi theo. Vậy đó, Giáo Pháp mà Rāma tuyên bố ông ta (đã) chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp chính là Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và an trú trong đó bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp. Và Giáo Pháp mà đạo hữu mới chứng nhập và

an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp chính là Giáo Pháp mà Rāma đã tuyên bố rằng ông ta đã chứng nhập và an trú trong đó bằng sự tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp. Như vậy đạo hữu biết được Giáo Pháp mà Rāma đã biết, và Rāma biết được Giáo Pháp đạo hữu đã biết. Rāma như vậy, đạo hữu cũng như vậy. Đạo hữu ược như vậy, Rāma cũng như vậy. Này đạo hữu, vậy giờ đạo hữu hãy dẫn dắt những người tu ở đây tu tập.'

"Vậy là Uddaka Rāmaputta, người đồng tu với ta, đã đặt ta ở vị trí một người thầy và ban tặng cho ta danh sự cao nhất đó. Nhưng lúc đó ta có ý nghĩ này: 'Giáo Pháp này không dẫn tới sự tỉnh ngộ, sự chán bỏ, sự chấm dứt (khổ), sự bình an, sự hiểu biết trực tiếp, sự giác ngộ, Niết-bàn, nó chỉ dẫn tới tái sinh vào cảnh giới 'xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận thức.'' Vì không mãn nguyện với Giáo Pháp đó, vì thất vọng với Giáo Pháp đó, nên ta đã rời khỏi nơi đó.

17. "Này các Tỳ kheo, vẫn đi tìm kiếm thứ thiện lành, đi tìm trạng thái cao nhất của sự bình an siêu phàm, ta đi rong ruổi khắp xứ Magadha (Ma-kiệt-đà), tới cuối cùng ta đến chỗ vùng Uruvela gần Senānigama. Ở đó ta nhìn thấy một miếng đất dễ thích, một vườn cây thú vị sát nằm bên con sông trong nước trong chảy qua với hai bờ êm ả đáng thích và gần một ngôi làng để đi khất thực. Ta xét thấy rằng: 'Miếng đất này dễ thích, một vườn cây thú vị sát nằm bên con sông trong nước trong chảy qua với hai bờ êm ả đáng thích và gần một ngôi làng để đi khất thực. Chỗ này sẽ được dùng làm chỗ nỗ lực tu tập cho một người có chí tu tập.' Và ta ngồi xuống đó và nghĩ rằng: 'Chỗ này sẽ được dùng để nỗ lực tu tập.'[14]

18. "Rồi, này các Tỳ kheo, tự ta phải bị (tái) sinh, sau khi hiểu được sự nguy hại trong thứ phải bị (tái) sinh, sau khi đi

tìm sự vô-sinh cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn, ta đã chứng đạt tới sự vô-sinh cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự ta phải bị già, sau khi hiểu được sự nguy hại trong thứ phải bị già, sau khi đi tìm sự vô-sinh cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn, ta đã chứng đạt tới sự vô-già cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự ta phải bị bệnh, sau khi hiểu được sự nguy hại trong thứ phải bị bệnh, sau khi đi tìm sự vô-bệnh cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn, ta đã chứng đạt tới sự vô-bệnhcao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự ta phải bị chết, sau khi hiểu được sự nguy hại trong thứ phải bị chết, sau khi đi tìm sự bất-tử cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn, ta đã chứng đạt tới sự bất-tử cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự ta phải bị ưu buồn, sau khi hiểu được sự nguy hại trong thứ phải bị ưu buồn, sau khi đi tìm sự vô-ưu cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn, ta đã chứng đạt tới sự vô-ưu cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự ta phải bị ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy hại trong thứ phải bị ô nhiễm, sau khi đi tìm sự vô-nhiễm cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn, ta đã chứng đạt tới sự vô-nhiễm cao nhất an toàn khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn. Sự hiểu biết và tầm nhìn đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải thoát của ta là không thể lay chuyển. Đây là lần sinh cuối cùng của ta. Từ đây không còn tái sinh nữa.'"

(*trích từ* MN 26: *Ariyapariyesana Sutta*; I 160–67)
(*Kinh "Sự Tìm Kiếm Thánh Thiện"*)

(2) *Chứng Ngộ Ba Loại Hiểu-Biết Đích Thực*

11. [Saccaka, người phái Ni-kiền-tử đã hỏi đức Thế Tôn:][15] "Phải chăng bên trong Thầy Cồ-đàm [Gotama] đã không còn khởi sinh một cảm giác thật vui sướng đến nỗi nó có thể xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó? Phải chăng trong Thầy Cồ-đàm không còn khởi sinh một cảm giác thật khổ đau đến nỗi nó có thể xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó?"

12. "Tại sao không, này Aggivessana? Ở đây, này Aggivessana, trước khi ta giác ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát chưa giác ngộ, ta đã nghĩ: 'Đời sống tại gia là quá chen chút và bụi bặm; đời sống xuất gia thì rộng mở. Nếu đang sống tại gia thì không dễ gì dẫn dắt đời sống thánh thiện được trong sạch và hoàn hảo như một vỏ sò được chà trắng. Giá như ta cạo bỏ râu tóc, mặc áo nâu sòng, và rời bỏ đời sống tại gia để sống đời xuất gia.'

13–16. "Rồi sau đó, khi ta vẫn còn là một người trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, đang trong thời thanh xuân của cuộc đời… [*giống như phần kinh* II, 3(1), 14–17 *ở trên*] … Và ta ngồi xuống đó nghĩ rằng: 'Chỗ này sẽ được dùng để nỗ lực tu tập.'

17. "Bấy giờ có ba ví dụ này khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó. Giả như có một khúc cây tươi đang nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: 'Ta sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo hơi nóng.' Ông nghĩ sao, này Aggivessana? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra hơi nóng bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây tươi đang nằm dưới nước, hay không?"

"Không được, thầy Cồ-đàm. Tại sao không? Bởi vì đó là một khúc cây tươi ướt, và nó đang nằm dưới nước. Làm vậy

thì cuối cùng người đó chỉ chuốc lấy sự mệt nhọc và thất vọng mà thôi."

"Cũng tương tự vậy, này Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la-môn vẫn *không sống với thân tách ly* khỏi những khoái lạc giác quan, và những khoái lạc giác quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát và cơn sốt đi tìm khoái lạc giác quan của họ vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì đã cố sức (tu hành), họ vẫn không thể có được sự hiểu biết và tầm nhìn, và sự giác ngộ cao nhất. Đây là ví dụ đầu tiên đã khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó.

18. "Lại nữa, này Aggivessana, một ví dụ thứ hai đã khởi lên trong ta, ta chưa từng nghe trước đó. Giả như có một khúc cây tươi ướt đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: 'Tôi sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo hơi nóng.' Ông nghĩ sao, này Aggivessana? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra hơi nóng bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây tươi đang nằm trên đất khô không nằm dưới nước, hay không?"

"Không được, Thầy Cồ-đàm. Vì sao? Bởi vì đó là một khúc cây tươi ướt, ngay cả khi nó có nằm trên đất khô, không nằm dưới nước. Làm vậy thì cuối cùng người đó chỉ chuốc lấy sự mệt nhọc và thất vọng mà thôi."

"Cũng tương tự vậy, này Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la-môn vẫn *không sống với thân tách ly* khỏi những khoái lạc giác quan, và những khoái lạc giác quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát và cơn sốt đi tìm khoái lạc giác quan của họ vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở

bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì đã cố sức (tu hành), họ vẫn không thể có được sự hiểu biết và tầm nhìn, và sự giác ngộ cao nhất. Đây là ví dụ thứ hai đã tự khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó.

19. "Lại nữa, này Aggivessana, một ví dụ thứ ba đã khởi lên trong ta, ta chưa từng nghe trước đó. Giả như có một khúc cây khô không còn mủ tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, và một người tới cầm một que mồi lửa và nghĩ rằng: 'Tôi sẽ nhóm lửa, ta sẽ tạo hơi nóng.' Ông nghĩ sao, này Aggivessana? Liệu người đó có thể nhóm được lửa để tạo ra hơi nóng bằng cách lấy que mồi lửa cà sát với khúc cây khô không còn mủ tươi đang nằm trên đất khô, không nằm dưới nước, hay không?"

"Được, Thầy Cồ-đàm. Tại sao được? Bởi vì đó là một khúc cây khô không còn mủ tươi và nó đang nằm trên dất khô, không nằm dưới nước."

"Cũng tương tự vậy, này ông Aggivessana, đối với những tu sĩ và bà-la-môn *sống với thân tách ly* khỏi những khoái lạc giác quan, và những khoái lạc giác quan, cảm xúc, sự mê thích, sự thèm khát và cơn sốt đi tìm khoái lạc giác quan của họ vẫn chưa được hoàn toàn loại bỏ và khống chế ở bên trong, thì cho dù những tu sĩ và bà-la-môn thiện tốt có cảm thấy đau đớn, nghiến răng, nhức nhói vì cố sức (tu hành), thì họ vẫn có thể có được sự hiểu biết và tầm nhìn, và sự giác ngộ cao nhất.[16] Đây là ví dụ thứ ba đã khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó.

Đây là ba ví dụ đã khởi lên trong ta một cách tự phát, ta chưa từng nghe trước đó.

20. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như, với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta lấy tâm cố ép, trấn dập và đè bẹp cái tâm.' Nghĩ như vậy cho nên, với răng cắn chặt và lưỡi đề chặt lên trên vòm miệng, ta đã lấy tâm cố ép, cố đè và đè bẹp cái tâm. Trong khi ta làm như vậy, mồ hôi đã vã ra từ hai nách của ta. Giống như một kẻ to mạnh túm lấy đầu và vai của một người nhỏ yếu và ép, trấn dập và đè bẹp anh ta; cũng giống như vậy, với răng cắn chặt và lưỡi đè chặt lên trên vòm miệng, ta đã lấy tâm cố ép, cố đè và đè bẹp cái tâm, và mồ hôi vã ra từ hai nách của ta. *Nhưng* cho dù trong ta có phát sinh nguồn sức lực không ngớt, và cho dù sự chánh niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. Nhưng cảm giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm tâm ta và ở lại trong đó.[17]

21. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như ta tu tập thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng và mũi. Trong khi ta làm vậy, có một tiếng gió lớn bụp bung ra hai lổ tai. Giống như tiếng bụp lớn khi hai ống bể của người thợ rèn mỗi lần được thổi hơi; cũng giống vậy, trong khi ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng và mũi, có một tiếng gió lớn bụp bung ra hai lổ tai. *Nhưng* cho dù trong ta có phát sinh nguồn sức lực không ngớt, và cho dù sự chánh niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. Nhưng cảm giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

22. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như ta tu tập thêm thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, những tiếng gió mạnh cắt

xuyên trong đầu. Giống như một kẻ to mạnh đang đâm vào đầu ta bằng mũi kiếm sắc bén; cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở vào và thở ra qua miệng, mũi và tai của ta, có những hơi gió mạnh cắt xuyên trong đầu. *Nhưng* cho dù trong ta có phát sinh nguồn sức lực không ngớt, và cho dù sự chánh niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. Nhưng cảm giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

23. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như ta tu tập thêm thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có những đau buốt trong đầu ta. Giống như có một kẻ to mạnh đang siết chặt đầu ta bằng một sợi nịt da; cũng giống vậy, trong khi ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai, có những đau buốt trong đầu ta. *Nhưng* cho dù trong ta có phát sinh nguồn sức lực không ngớt, và cho dù sự chánh niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. Nhưng cảm giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

24. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như ta tu tập thêm thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có những hơi gió mạnh cắt rọc bụng của ta. Giống như một người bán thịt rành nghề hay người học việc của ông cắt rọc bụng con bò bằng một cái dao sắc bén của người hàng thịt; cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có những hơi gió mạnh cắt rọc bụng của ta. *Nhưng* cho dù trong ta có phát sinh nguồn sức lực không ngớt và cho dù sự chánh

niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. Nhưng cảm giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

25. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như ta tu tập thêm thiền nín-thở.' Nghĩ vậy nên ta đã ngưng thở-vào và thở ra qua miệng, mũi và tai. Trong khi ta làm vậy, có một sự nóng cháy dữ dội trong thân của ta. Giống như có hai kẻ to mạnh nắm chặt một người nhỏ yếu bằng cả hai và nướng anh ta trên một hố lửa than đang cháy; cũng giống như vậy, trong khi ta ngưng thở-vào và thở-ra qua miệng, mũi và tai của ta, có một sự nóng cháy trong thân ta. *Nhưng* cho dù trong ta có phát sinh nguồn sức lực không ngớt, và cho dù sự chánh niệm không gián đoạn đã được thiết lập, thì thân ta cũng bị bức bách và căng thẳng, bởi vì ta đã kiệt sức bởi sự cố-ép đau đớn đó. Nhưng cảm giác đau đớn đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm ta và ở lại trong đó.

26. "Bấy giờ, khi các thiên thần nhìn thấy ta như vậy, một số họ đã nói: 'Tu sĩ Cồ-đàm chết rồi.' Các thiên thần khác lại nói: 'Tu sĩ Cồ-đàm chưa chết, ông ấy sắp chết.' Và các thiên thần khác lại nói: 'Tu sĩ Cồ-đàm không phải đã chết hay sắp chết; vị ấy là một A-la-hán, bởi vì cách như vậy là cách những A-la-hán sống qua.'

27. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như ta thực hành nhịn ăn hoàn toàn.' Rồi có các thiên thần đến gặp ta và nói: 'Này thiện nhân, đừng thực hành nhịn ăn hoàn toàn. Nếu ngài làm vậy, chúng tôi sẽ rót thức ăn nhà trời qua các lổ chân lông trên da ngài, như vậy sẽ giúp ngài sống được.' Ta đã suy xét rằng: 'Nếu ta tuyên bố mình có thể nhịn ăn hoàn toàn trong khi các thiên thần lại rót thức ăn nhà trời qua các lổ chân lông trên da

ta và giúp ta sống được, như vậy là ta nói dối.' Do vậy ta đã từ chối các thiên thần đó, ta nói: 'Không cần.'

28. "Ta đã nghĩ rằng: 'Giá như ta chỉ ăn ít, mỗi lần ăn một chút thôi, dù đó là canh đậu que hay canh đậu lăng hay canh đậu hạt xanh.' Nghĩ vậy nên ta đã ăn ít, mỗi lần ăn một chút, dù đó là canh đậu que hay canh đậu lăng hay canh đậu hạt xanh. Trong khi ta làm vậy, thân thể ta ốm nhách. Bởi do ăn quá ít, nên chân tay của ta thành giống như mấy cọng dây leo hay cọng lá tre. Bởi do ăn quá ít, nên mông đít ta thành teo nhách giống như móng con lạc đà. Bởi do ăn quá ít, nên những đốt xương sống nhô ra như dãy tràng hạt. Bởi do ăn quá ít, nên xương sườn nằm trơ ra như những xà ngang trên mái nát của một nhà kho cũ. Bởi do ăn quá ít nên, nên tia ánh mắt của ta nặng chìm xuống hai hốc mắt, giống như tia nước đã chìm xa dưới giếng sâu. Bởi do ăn quá ít, nên da đầu của ta đã nhăn queo và khô héo như trái khổ qua nhăn queo và khô héo trong nắng gió. Bởi do ăn quán ít, nên da bụng của ta xẹp dính ra sau xương sống của ta, đến nỗi nếu sờ vào da bụng của ta là ta cũng đụng tới xương sống sau lưng, và nếu ta sờ vào xương sống sau lưng thì ta cũng đụng tới da bụng phía trước. Bởi do ăn quá ít, nên khi ta đi đại tiện hay tiểu tiện, ta té ngã úp mặt lên chỗ đó. Bởi do ăn quá ít, nên khi ta cố xoa dịu thân ta bằng cách xoa tay xoa chân bằng hai bàn tay thì lông tay lông chân cũng rụng rớt khỏi thân khi ta xoa, vì chúng đã mục hư tận gốc.

29. "Bấy giờ, khi người ta nhìn thấy ta như vậy, một số họ đã nói: 'Tu sĩ Cồ-đàm có da đen.' Những người khác lại nói: 'Tu sĩ Cồ-đàm không phải da đen, ông ấy da nâu.' Và những người khác lại nói: 'Tu sĩ Cồ-đàm không phải da đen

hay da nâu, ông ấy có da vàng.' Như vậy đã quá rõ, màu da tươi sáng ngày nào của ta đã tàn hoại do ta ăn uống quá ít.

30. "Ta đã nghĩ rằng: 'So với những cảm giác mà các tu sĩ hoặc bà-la-môn trong *quá khứ* đã nếm trải đau đớn, nghiến răng, nhức nhối thì đây là tột cùng; không có gì cùng cực đau đớn hơn cảnh này (của ta). Và so với những gì các tu sĩ hoặc bà-la-môn trong *hiện tại* đang nếm trải những cảm giác đau đớn, nghiến răng, nhức nhối do cố sức (tu hành), thì đây là tột cùng; không có gì cùng cực đau đớn hơn cảnh này (của ta).

Nhưng với cách tu cực hình khổ hạnh như vậy, ta đã không đạt tới sự xuất sắc hơn người sự hiểu-biết và tầm-nhìn đáng có của những bậc thánh nhân. Phải chăng có một con đường khác dẫn tới giác ngộ?'

31. "Ta đã suy xét: 'Ta nhớ lại thời nhỏ, khi cha ta là người họ Thích-ca [Sakya] bận việc, khi đó ta đang ngồi dưới bóng một cây táo hồng, cách ly khỏi mọi khoái lạc giác quan, cách ly khỏi mọi trạng thái bất thiện, lúc đó ta đã chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định [jhana] thứ nhất, trạng thái có đi kèm với ý tưởng ban đầu (tầm) và sự suy xét nó (tứ), có yếu tố hân hoan (hỷ) và hạnh phúc (lạc) được sinh ra từ sự cách ly đó.[18] Phải chăng đây là con đường (để tu tập) dẫn đến giác ngộ?' Rồi lần theo trí nhớ đó, cuối cùng ta đi tới nhận biết rằng: 'Đây đúng thực là con đường dẫn đến giác ngộ.'

32. "Ta đã nghĩ: 'Tại sao ta phải sợ loại hạnh phúc không liên quan gì với những khoái lạc giác quan và những trạng thái bất thiện?' Ta đã nghĩ rằng: 'Ta không sợ loại hạnh phúc không dính với những khoái lạc giác quan và những trạng thái bất thiện.'

33. “Ta đã suy xét rằng: ‘Không dễ gì đạt tới hạnh phúc nào với một thân thể quá ốm yếu tàn tạ. Giá như ta đã ăn mấy thức ăn chắc bụng—như cơm và cháo.’ Nghĩ như vậy nên ta đã ăn lại mấy thức ăn chắc bụng—như cơm và cháo. Rồi, bấy giờ năm vị tu sĩ đang mong chờ ở ta, trong đầu họ đang nghĩ: ‘Nếu tu sĩ Cồ-đàm của chúng ta chứng đạt trạng thái cao siêu nào thì vị ấy sẽ báo cho chúng ta biết.’ Nhưng khi thấy ta ăn cơm và cháo, năm vị tu sĩ đó đã khinh khi và rời bỏ ta, trong đầu họ nghĩ: ‘Tu sĩ Cồ-đàm giờ sống theo kiểu thụ hưởng; ông ấy đã bỏ nỗ lực tu tập và quay lại sống hưởng thụ.’

34. “Lúc đó sau khi ta đã ăn lại thức ăn chắc bụng và đã lấy lại sức; rồi sau đó ta sống cách ly khỏi những khoái lạc giác quan, cách ly khỏi những trạng thái bất thiện, ta đã chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ nhất, trạng thái có đi kèm với ý tưởng ban-đầu và ý tưởng suy-lý, có yếu tố hân-hoan và hạnh-phúc được sinh ra từ sự cách-ly. Nhưng cảm giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.[19]

35. “Rồi với sự lắng lặn của ý tưởng ban đầu và sự suy xét nó, ta đã chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ hai, trạng thái có đi kèm với sự tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý tưởng ban đầu và sự suy xét nó, và có yếu tố hân-hoan và hạnh-phúc được sinh ra từ sự tập-trung (định). Nhưng cảm giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

36. “Rồi với sự phai biến của yếu tố hân-hoan, ta đã an trú buông-xả, và có chánh-niệm và hiểu biết rõ ràng, ta đã trải nghiệm niềm hạnh-phúc của thân; ta đã chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ ba, trạng thái mà những bậc thánh nhân đã miêu tả như vầy: ‘Người đó trở nên buông-

xả, có chánh-niệm; đó là người sống hạnh phúc.' Nhưng cảm giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

37. "Với sự dẹp bỏ mọi sự sướng và khổ, và cùng với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn, ta đã chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ tư, trạng thái không còn khổ hay sướng, và có sự tinh lọc của yếu tố chánh-niệm nhờ sự buông-xả. Nhưng cảm giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

38. "Khi tâm của ta đã được như vậy, được tập trung (định), được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới mức không thể bị khích động (bất lay chuyển), lúc đó ta đã hướng tâm tới sự *hiểu-biết về sự nhớ-lại những kiếp quá khứ*. Ta đã nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của ta; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co-lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn-ra, nhiều đại kiếp thế giới co-lại và giãn-ra: (ta nhớ rõ) 'Một lúc đó ta được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của ta như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của ta như vậy, tuổi thọ của ta như vậy; và ta chết từ chỗ đó, ta tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục… ta được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của ta như kia, trải nghiệm sướng và khổ của ta như kia, tuổi thọ của ta như kia; và ta chết từ chỗ kia đó, ta tái sinh vào chỗ nọ … và cuối cùng ta đã được tái sinh ở đây.' Như vậy đó, ta đã

nhớ lại mọi mặt và mọi đặc điểm của những kiếp quá khứ của ta.

39. "Đây là "trí-biết chân-thực" đầu tiên (nhớ-biết được kiếp quá khứ của mình) ta đã chứng đạt vào canh một của đêm đó. Sự u tối vô minh đã bị xua tan và loại hiểu biết đích thực đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống nỗ lực, nhiệt thành, và quyết tâm. Nhưng cảm giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

40. "Khi tâm của ta đã được như vậy, được tập trung, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, lúc đó ta đã hướng tâm tới sự *hiểu-biết về sự chết và tái sinh của chúng sinh*. Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và

vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và sinh ra, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và ta đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động của mình như vậy.

41. "Đây là "trí-biết chân-thực" thứ hai (thấy-biết những sự sinh tử của chúng sinh) ta đã chứng đạt được vào canh giữa (canh ba) của đêm đó. Sự u tối vô minh đã bị xua tan và loại hiểu biết đích thực đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống nỗ lực, nhiệt thành, và quyết tâm. Nhưng cảm giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó.

42. "Khi tâm của ta đã được như vậy, được tập trung, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ điều phục, vững vàng, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, lúc đó ta đã hướng tâm tới sự hiểu-biết về sự tận diệt mọi ô nhiễm. Ta đã trực tiếp hiểu biết điều đó đúng như nó thực là: 'Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm dứt khổ. Đây là con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ.' Ta đã trực tiếp hiểu biết điều đó đúng như nó thực là: 'Đây là những ô nhiễm. Đây là nguồn gốc những ô nhiễm. Đây là sự chấm dứt những ô nhiễm. Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô nhiễm.'

43. "Khi ta đã biết và đã thấy như vậy, tâm ta được giải thoát khỏi ô nhiễm do nhục-dục, khỏi ô nhiễm do hiện-hữu, và khỏi ô nhiễm do vô-minh. Khi tâm đã được giải thoát, có sự hiểu biết: 'Tâm được giải thoát.' Ta đã trực tiếp biết rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì

cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) bất kỳ trạng thái hiện hữu nào nữa.'

44. "Đây là "trí-biết chân-thực" thứ ba (thấy-biết mọi ô nhiễm đã tận diệt) ta đã chứng đạt vào canh cuối (canh năm) của đêm đó. Sự u tối vô minh đã bị xua tan và loại hiểu biết đích thực đã khởi sinh, màn đen tối đã bị xua tan và ánh sáng đã khởi sinh, điều đó xảy ra trong một người sống nỗ lực, nhiệt thành, và quyết tâm. Nhưng cảm giác vui sướng đó khởi sinh trong ta đã không xâm chiếm trong tâm và ở lại trong đó".

(*trích từ* MN 36: *Mahasaccaka Sutta*; I 240–49)
(*Đại Kinh Đế-thích*)

(3) *Kinh Thành Cổ*

"Này các Tỳ kheo, trước khi giác ngộ, khi ta còn là một Bồ-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, điều này đã xảy đến với ta: 'Ôi trời, thế giới này đã rơi vào thế khó khăn, trong đó nó được sinh, già, và chết, nó chết đi và bị tái sinh, nhưng nó vẫn không hiểu biết sự giải thoát khỏi sự khổ dẫn đầu bằng sự già-chết. Giờ thì, khi nào mới nhận biết được sự giải thoát khỏi sự khổ dẫn đầu bằng sự già-chết?'

"Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: 'Khi có cái gì thì có già-chết? Cái gì điều kiện (duyên) cho già-chết?.' Rồi, này các Tỳ kheo, bằng sự chú tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá bằng trí tuệ như vầy: 'Khi có sinh thì có già-chết; sự già-chết có sinh là điều kiện (duyên) của nó.'

"Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: 'Khi có cái gì thì có sinh?… có sự hiện hữu?… có sự dính chấp?… có dục vọng?… có cảm giác?… có chạm xúc?… có

sáu giác quan?… có danh-sắc? Cái gì điều kiện cho danh-sắc?.' Rồi, này các Tỳ kheo, bằng sự chú tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá trí tuệ như vầy: 'Khi có thức thì có danh-sắc; danh-sắc có thức là điều kiện của nó.'

"Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: 'Khi có cái gì thì có thức? Cái gì điều kiện cho thức?.' Rồi, này các Tỳ kheo, bằng sự chú tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá trí tuệ: 'Khi có danh-sắc thì có thức; thức có danh sắc là điều kiện của nó.'[20]

"Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: 'Thức này quay lại; nó không đi xa hơn danh-sắc. Tới ngưỡng mức này là một người được sinh ra và già và chết, chết đi và tái sinh, đó là, khi có thức với danh-sắc là điều kiện của nó và là khi có danh-sắc với thức là điều kiện của nó.[21] Với danh-sắc là điều kiện thì có sáu giác quan; với sáu giác quan là điều kiện thì có sự tiếp xúc …. Cách (vòng nhân duyên) như vậy là nguồn gốc của toàn bộ đống khổ này.'

"'Duyên khởi, duyên khởi'—như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây.

"Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: 'Khi không có cái gì thì không có già-chết? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt già-chết' Rồi, này các Tỳ kheo, bằng sự chú tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá trí tuệ như vầy: 'Khi không có sinh thì không có già-chết; khi chấm dứt sinh là chấm dứt già-chết .'

"Điều này đã khởi lên trong ta: 'Khi không có cái gì thì không có sinh?… không có sự hiện hữu?… không có sự dính

chấp?… không có dục vọng?… không có cảm giác?… không có tiếp xúc?… không có sáu giác quan?… không có danh-sắc? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt danh-sắc?' Rồi, này các Tỳ kheo, bằng sự chú tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá trí tuệ như vầy: 'Khi không có thức thì không có danh-sắc; khi chấm dứt thức là chấm dứt danh-sắc.'

"Điều này đã khởi sinh lên trong ta: 'Khi cái gì không có thì thức không có? Khi chấm dứt cái gì thì chấm dứt thức?' Rồi, này các Tỳ kheo, bằng sự chú tâm kỹ càng, trong ta có sự đột phá trí tuệ như vầy: 'Khi không có danh-sắc thì không có thức; khi chấm dứt danh-sắc thì chấm dứt thức.'

"Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã khởi lên trong ta: 'Ta đã khám phá ra con đường dẫn tới giác ngộ, đó là, khi chấm dứt danh-sắc thì chấm dứt thức; khi chấm dứt thức là chấm dứt là chấm dứt danh-sắc; khi chấm dứt danh-sắc là chấm dứt sáu giác quan; khi chấm dứt sáu giác quan là cấm dứt sự tiếp xúc…. Cách (chấm dứt vòng nhân duyên) như vậy là chấm dứt toàn thể cái đống khổ này.'[22]

"'Chấm dứt, chấm dứt'—như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh một tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa được nghe trước đây.

"Này các Tỳ kheo, giả như có một người đang đi lang thang qua một khu rừng có thể nhìn thấy một con đường cổ xưa, một con đường đã được bước đi bởi những người trong quá khứ. Người ấy có thể đi theo con đường đó và có thể tới gặp một thành phố cổ, một cố đô đã từng được cư trú bởi nhiều người trong quá khứ, có những khu vườn, vườn cây trái, hồ nước, và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Rồi

người đó có thể về bẩm báo với nhà vua hay một vị quan triều: 'Thưa, đức ngài có biết, khi tôi đang đi lang thang qua một khu rừng tôi đã phát hiện một con đường cổ xưa, một con đường đã được bước đi bởi những người trong quá khứ. Tôi đã đi theo con đường đó và đã tới gặp một thành phố cổ, một cố đô đã từng được cư trú bởi nhiều người trong quá khứ, có những khu vườn, vườn cây trái, hồ nước, và những thành lũy, là một nơi đáng thích. Thưa đức ngài, hãy khôi phục lại thành phố đó!' Rồi nhà vua hoặc vị quan triều đó có thể cho khôi phục lại thành phố đó, và không lâu sau thành phố đó thành công và phát đạt, có nhiều dân cư trú, đông người đến sống, thành phố đó càng được tăng trưởng và mở rộng.

"Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã nhìn thấy con đường cổ xưa đó, con đường cổ xưa đã được bước đi bởi những bậc Toàn Giác, (những vị Phật), trong quá khứ. Và cái gì là con đường cổ xưa đó, đường đi cổ xưa đó? Nó chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện này (Bát Thánh Đạo); đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý nghĩ đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, định tâm đúng đắn. Ta đã đi theo con đường đó, và nhờ làm vậy, ta đã trực tiếp hiểu biết sự già-chết, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó. Ta đã trực tiếp hiểu biết sự sinh … sự hiện hữu… sự dính chấp… dục vọng… cảm giác… sự tiếp xúc… sáu giác quan… danh-sắc… thức… những sự tạo tác cố ý, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, và con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng.[23]

Sau khi đã trực tiếp hiểu biết chúng, ta đã giải thích chúng cho những Tỳ kheo, những Tỳ kheo ni, những đệ tử tại gia nam, và những đệ tử tại gia nữ. Này các Tỳ kheo, đời

sống tâm linh này đã được thành công và phát đạt, đã được mở rộng, phổ biến, được truyền rộng, đã được tuyên thuyết một cách khéo léo cho những thiên thần và loài người."

(SN 12:65; II 104–7)

4. QUYẾT ĐỊNH TRUYỀN DẠY

19. "Ta đã suy xét: 'Giáo Pháp này ta đã chứng ngộ là thâm sâu, khó nhìn thấy và khó hiểu được, bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ bằng lý luận, tinh tế, được trải nghiệm bởi người có trí. Nhưng số đông quần chúng mê thích sự dính chấp, tìm khoái lạc trong sự dính chấp, vui thú với sự dính chấp.[24] Rất khó làm cho số đông đó nhìn thấy được sự thật, sự thật đó được gọi là, tính có điều kiện (tùy duyên) riêng biệt, tính khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi). Và rất khó nhìn thấy sự thật này, sự thật được gọi là, sự làm lắn lặng những sự tạo tác cố ý, sự từ bỏ tất cả mọi sự chiếm hữu, sự tiêu diệt dục vọng, sự chán bỏ, sự chấm dứt, Niết-bàn.[25] Nếu ta đi dạy Giáo Pháp, chắc người khác sẽ không hiểu được ta, và điều đó là mệt mỏi và rắc rối đối với ta.' Ngay lúc đó tự nhiên có mấy vần thi kệ khởi lên trong ta, ta chưa từng nghe trước đó:

Chán đủ với việc truyền dạy Giáo Pháp
Mà ngay cả ta cũng từng khó đạt tới;
Bởi những người sống trong tham và sân
Sẽ không bao giờ nhận thức được nó.

Người bị nhiễm bởi tham, bị bao bọc trong u tối,
Sẽ không bao giờ nhận biết Giáo Pháp thâm sâu này,
Nó đi ngược-dòng với thế gian,
Nó tinh tế, sâu sắc, và khó nhìn thấy được.

"Sau khi suy xét như vậy, tâm trí của ta đã ngã theo hướng không-làm-gì, nó không ngã theo hướng đi truyền dạy Giáo Pháp.[26]

20. "Rồi, này các Tỳ kheo, trong tâm của vị Trời Brahmā Sahampati biết được ý nghĩ đó trong tâm ta, và vị trời đã suy xét như vầy: 'Thế gian sẽ lạc lối, thế gian sẽ điêu tàn, bởi vì tâm của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, (Phật), ngã theo hướng không-làm-gì và không theo hướng đi truyền dạy Giáo Pháp.' Rồi, nhanh chóng như một cái duỗi tay hay co tay của một người khỏe mạnh, vị Trời Sahampati đã biến khỏi cõi trời và xuất hiện trước mặt ta. Ngài chỉnh xếp vai áo qua một vai, và chắp tay kính chào ta, và nói rằng: 'Thưa Thế Tôn, mong Thế Tôn hãy truyền dạy Giáo Pháp, mong bậc Siêu Thượng hãy truyền dạy Giáo Pháp. Có những chúng sinh có ít bụi trong mắt sẽ bị nguy hại nếu không được nghe Giáo Pháp. Sẽ có những người hiểu được Giáo Pháp.' Vị Trời Sahampati đã nói như vậy, và sau đó vị trời nói thêm như vầy:

'Ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà)
Từ xưa đến nay,
Chỉ có những giáo lý không tinh khiết,
Được chế bởi những người còn dính nhiễm.
'Hãy mở các cửa dẫn tới nơi Bất Tử!',
Nói cho họ nghe điều đó,
Đó là Giáo Pháp mà bậc vô nhiễm đã tìm thấy.

'Giống một người đứng trên đỉnh núi
Có thể nhìn thấy mọi người xung quanh,
Cũng như vậy, hỡi bậc trí hiền, người nhìn thấy tất cả,
Hãy bước lên lâu đài Giáo Pháp.
Mong bậc vô ưu nhìn khắp loài người này,

Đang bị bao kín bởi ưu phiền, dính kẹt trong sinh-già.

'Hãy đứng lên và đi khắp thế gian,
Hỡi vị anh hùng chiến thắng,
Người dẫn dắt đoàn lữ hành, bậc thoát hết nợ nần,
Mong Thế Tôn truyền dạy Giáo Pháp,
Sẽ có những người hiểu được.'

21. "Rồi ta đã lắng nghe lời thỉnh cầu của vị Trời, và vì lòng bi mẫn, ta đã nhìn khắp thế gian bằng con mắt của một vị Phật. Sau khi nhìn khắp thế gian bằng con mắt của một vị Phật, ta đã nhìn thấy những chúng sinh có ít bụi trong mắt và những chúng sinh có nhiều bụi trong mắt; người có những căn sáng trí khôn ngoan và người có những căn tối trí ngu mờ, người phẩm chất tốt và người có phẩm chất xấu, người dễ dạy và người khó dạy, và có một số người đã sống nhìn thấy sự đáng sợ và tội lỗi trong thế giới khác. Cũng như trong một hồ sen có hoa sen xanh, sen hồng hay sen trắng, có một số hoa sen được sinh ra và lớn lên dưới nước cố gắng ngoi lên nhưng vẫn ở *dưới* mặt nước, và có một số hoa sen được sinh ra và lớn lên dưới mặt nước nhưng có thể ngoi lên *ngang* mặt nước, và có một số hoa sen được sinh ra và lớn lên dưới nước nhưng có thể ngoi lên *trên* mặt nước, ở trên không, không còn bị dính nước; Cũng giống như vậy, sau khi nhìn khắp thế gian bằng con mắt của một vị Phật, ta đã nhìn thấy những chúng sinh có ít bụi trong mắt và những chúng sinh có nhiều bụi trong mắt; người có những căn sáng trí khôn ngoan và người có những căn tối trí ngu mờ, người phẩm chất tốt và người có phẩm chất xấu, người dễ dạy và người khó dạy, và có một số người đã sống nhìn thấy sự đáng sợ và tội lỗi trong thế giới khác. Rồi ta trả lời cho vị Trời Sahampati bằng mấy vần kệ sau đây:

'Mở các cửa dẫn tới nơi Bất Tử,
Cho những ai biết nghe giờ thể hiện niềm tin.
Này vị Trời, vì ta đã nghĩ việc này sẽ rắc rối,
Nên trước đây ta đã không muốn nói ra
Giáo Pháp tinh tế và siêu phàm này.'

"Rồi vị Trời Sahampati đã nghĩ rằng: 'Đức Thế Tôn đã đồng ý với lời thỉnh cầu của mình, Đức Thế Tôn sẽ đi dạy Giáo Pháp.' Và sau khi kính chào ta, bước sang trái ta [Phật đứng bên phải], vị trời lập tức biến đi.

22. "Ta đã suy xét như vầy: 'Ta sẽ dạy Giáo Pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp này?' Rồi điều này đã khởi lên trong ta: 'Alara Kālāma khôn trí, thông minh, và biết hiểu biết; từ lâu ngài đã có ít bụi trong mắt. Giá như ta dạy Giáo Pháp cho Alara Kālāma trước. Ngài ấy sẽ nhanh chóng hiểu nó.' Rồi các thiên thần đến gặp ta và nói: 'Thưa Thế Tôn, ngài Alara Kālāma đã chết cách đây bảy ngày.' Và sự hiểu biết và tầm nhìn này đã khởi lên trong ta: 'Alara Kālāma mất đi là một sự mất mát lớn. Nếu ngài ấy đã được nghe Giáo Pháp này, chắc ngài ấy đã nhanh chóng hiểu nó.'

23. "Ta đã suy xét như vầy: 'Ta sẽ dạy Giáo Pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp này?' Rồi điều này đã khởi sinh trong ta: 'Uddaka Rāmaputta khôn trí, thông minh, và biết hiểu biết; từ lâu ngài đã có ít bụi trong mắt. Giá như ta dạy Giáo Pháp cho Uddaka Rāmaputta trước. Ngài ấy sẽ nhanh chóng hiểu nó.' Rồi các thiên thần đến gặp ta và nói: 'Thưa Thế Tôn, ngài Uddaka Rāmaputta đã chết tối hôm qua.' Và sự hiểu biết và tầm nhìn này đã khởi lên trong ta: 'Uddaka Rāmaputta mất đi là một sự mất mát lớn. Nếu

ngài ấy đã được nghe Giáo Pháp này, chắc ngài ấy đã nhanh chóng hiểu nó.'

24. "Ta đã suy xét như vầy: 'Ta sẽ dạy Giáo Pháp cho ai trước tiên? Ai sẽ nhanh chóng hiểu được Giáo Pháp này?' Rồi điều này đã xảy đến với ta: 'Nhóm năm vị tu sĩ đã theo ta trong thời ta còn nỗ lực tu (khổ hạnh), họ đã giúp ta rất nhiều.[27] Giá như ta dạy Giáo Pháp cho họ trước.' Rồi ta suy nghĩ: 'Nhóm năm vị tu sĩ đó giờ đang sống ở đâu?' Và với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, ta đã nhìn thấy họ đang sống ở xứ Bārānasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana.

25. "Rồi, này các Tỳ kheo, ta đã quay lại ở vùng Uruvela trong một thời gian như ta đã định, sau đó ta đã lên đường đi dần [nhiều chặng] để đến Bārānasī. Đến đoạn nằm giữa Gaya và Bodhi, ông Ajivaka Upaka nhìn thấy ta trên đường và nói rằng: 'Này người bạn, các năng lực giác quan (các căn) của ông thì sáng rõ, màu da thì trong sạch và sáng ngời. Này đạo hữu, theo ai mà ông đã xuất gia? Ai là thầy của ông? Ông tu theo Giáo Pháp của ai?' Ta đã trả lời ông Ajivaka Upaka bằng mấy vần kệ như sau:

'Ta là người đã vượt trên tất cả, người hiểu biết tất cả,
Không còn dính nhiễm với mọi thứ, từ bỏ tất cả,
Đã giải thoát vì chấm dứt dục vọng.
Đã tự mình hiểu biết hết điều này cho mình.
Vậy còn ai ta gọi là thầy nữa?

'Ta không có thầy, và không có ai như ta,
Đang có mặt trong tất cả thế giới,
Có những thiên thần,
Bởi vì ta không có ai là đối xứng ngang ta.

‘Vì ta là một A-la-hán trong thế gian,
Ta là người thầy cao nhất.
Chỉ mình ta là bậc Toàn Giác
Mọi thứ lửa (trong ta) đã bị dập tắt và tắt bặt.

‘Giờ ta đi tới thành Kasi,
Để chuyển dịch bánh xe Giáo Pháp.
Trong một thế gian đã bị mù lòa,
Ta đi khai tiếng trống Bất Tử.’

‘Này người bạn, theo cách ông tuyên bố,
chắc ông là người chiến thắng của vũ trụ.’[28]

‘Người chiến thắng là những người giống ta,
Người đã tiêu diệt mọi ô nhiễm.
Ta đã đánh bại mọi trạng thái xấu ác (của tâm),
Bởi vậy, này Upaka, ta là một người chiến thắng.’

“Khi lời này đã được nói ra, người ngoài đạo Ajivaka Upaka đã nói: ‘Này người bạn, mong rằng điều đó đúng là vậy.’ Sau khi lắc đầu (vì không tin), ông ta rẽ đường khác và đi mất.

26. “Rồi, này các Tỳ kheo, sau khi đi bộ nhiều chặng, ta đã tới Bārānasī, tới khu Vườn Nai ở Isipatana, và ta đã đến chỗ năm người bạn tu. Các vị tu sĩ đó nhìn thấy ta đang từ xa đi tới, và họ có ý thỏa hiệp với nhau rằng: ‘Này các đạo hữu, kìa là tu sĩ Cồ-đàm, người đang sống kiểu thụ hưởng, người đã bỏ cuộc nỗ lực tu tập (khổ hạnh) và chuyển sang sống đời thụ hưởng. Chúng ta chớ nên kính chào hay đứng dậy chào hay nhận y áo và bình bát của ông ta. Nhưng có thể để cho ông ta một chỗ ngồi. Nếu ông ta thích, ông ta có thể ngồi xuống.’ Tuy nhiên, khi ta tới gần, những vị tu sĩ đó cảm thấy họ không thể giữ đúng như lời thỏa hiệp đó. Một vị đã bước

ra gặp ta và nhận lấy y bát của ta, một vị khác chuẩn bị một chỗ ngồi cho ta, và vị khác đưa nước cho ta rửa chân ta; tuy nhiên lúc đó họ vẫn còn gọi ta bằng tên và bằng 'bạn'.[29]

27. "Ngay sau đó ta đã nói với họ: 'Này các Tỳ kheo, đừng gọi Như Lai bằng tên và bằng "bạn." Như Lai là một A-la-hán, một bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này các Tỳ kheo, ta đã đạt tới sự Bất Tử. Ta sẽ chỉ dạy cho các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy. Sau khi thực hành như đã được chỉ dạy, bằng cách tự mình chứng ngộ nó ngay tại đây và bây giờ nhờ sự hiểu biết trực tiếp, thì các thầy sẽ nhanh chóng chứng nhập và an trú trong (trạng thái) mục tiêu cao nhất đó của đời sống thánh thiện mà vì đó những người thuộc các họ tộc khác nhau đã đúng đắn rời bỏ đời sống tại gia để sống đời xuất gia tu hành.'

"Khi lời này đã được nói ra, nhóm năm vị tu sĩ đã trả lời ta như vầy: 'Này bạn Cồ-đàm, bằng đức hạnh, sự tu tập, và sự thực hiện những việc tu khổ hạnh mà bạn đã làm, bạn đã không đạt tới sự chứng đắc siêu nhân nào về sự hiểu biết và tầm nhìn xứng đáng của những bậc thánh nhân. Vì bây giờ bạn sống kiểu thụ hưởng, người đã bỏ cuộc nỗ lực tu (khổ hạnh) và chuyển sang sống đời thụ hưởng, làm sao bạn đạt tới sự chứng đắc siêu nhân nào về sự hiểu biết và tầm nhìn xứng đáng của những bậc thánh nhân?' Sau khi lời này đã được nói ra, ta nói với họ rằng: 'Như Lai không sống kiểu thụ hưởng, cũng không từ bỏ nỗ lực tu tập và chuyển sang sống đời thụ hưởng. Như Lai là một A-la-hán, một bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này các Tỳ kheo, ta đã đạt tới sự Bất Tử. Ta sẽ chỉ dạy … từ bỏ đời sống tại gia để sống đời xuất gia tu hành.'

"Lần thứ hai nhóm năm vị tu sĩ lại nói với ta lần nữa: 'Này bạn Cồ-đàm … làm sao bạn đạt tới sự chứng đắc siêu

nhân nào về sự hiểu biết và tầm nhìn xứng đáng của những bậc thánh nhân?' Lần thứ hai ta cũng nói lại với họ rằng: 'Như Lai không sống kiểu thụ hưởng, cũng không từ bỏ nỗ lực tu tập và chuyển sang sống đời thụ hưởng. Như Lai là một A-la-hán, một bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này các Tỳ kheo, ta đã đạt tới sự Bất Tử. Ta sẽ chỉ dạy … từ bỏ đời sống tại gia để sống đời xuất gia tu hành.'

28. "Sau khi lời này đã được nói ra, ta hỏi họ: 'Này các Tỳ kheo, các thầy đã bao giờ nghe ta nói những lời như vậy chưa?'—'Không, thưa ngài.'[30]—'Này các Tỳ kheo, Như Lai là một A-la-hán, một bậc Toàn Giác. Hãy lắng nghe, này các Tỳ kheo, ta đã đạt tới sự Bất Tử. Ta sẽ chỉ dạy cho các thầy, ta sẽ truyền dạy Giáo Pháp cho các thầy. Sau khi thực hành như đã được chỉ dạy, bằng cách tự mình chứng ngộ nó ngay tại đây và bây giờ nhờ sự hiểu biết trực tiếp, thì các thầy sẽ nhanh chóng chứng nhập và an trú trong (trạng thái) mục tiêu cao nhất đó của đời sống thánh thiện mà vì đó những người thuộc các họ tộc khác nhau đã đúng đắn đi rời bỏ đời sống tại gia để sống đời xuất gia tu hành.'

29. "Ta đã có thể thuyết phục nhóm năm vị tu sĩ đó.[31] Rồi sau đó, có lúc ta chỉ dạy cho hai vị Tỳ kheo trong khi ba người kia đi khất thực, và sáu người chúng ta đã sống nhờ những thức ăn do ba Tỳ kheo đó đi khất thực mang về. Có lúc ta chỉ dạy cho ba vị Tỳ kheo trong khi hai người kia đi khất thực, và sáu người chúng ta đã sống nhờ những thức ăn do hai Tỳ kheo đó đi khất thực mang về.

30. "Rồi nhóm năm vị Tỳ kheo, đã được ta chỉ dạy và hướng dẫn như vậy, tự họ phải bị (tái) sinh, sau khi hiểu được sự nguy hại trong thứ phải bị sinh, họ đi tìm sự an toàn cao nhất là vô-sinh thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn, đã

chứng đạt sự an toàn cao nhất là vô-sinh thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn; Tự họ phải bị già, bệnh, chết, ưu buồn, và ô nhiễm, sau khi hiểu được sự nguy hại trong thứ phải bị già, bệnh, chết, ưu buồn, và ô nhiễm, họ đi tìm sự an toàn cao nhất là vô-già, vô-bệnh, vô-ưu, bất-tử, và vô-nhiễm thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn, và họ đã chứng đạt sự an toàn cao nhất là vô-già, vô-bệnh, vô-ưu, bất-tử, và vô-nhiễm thoát khỏi sự dính kẹt, đó là Niết-bàn. Sự hiểu biết và tầm nhìn đã khởi sinh trong họ như vầy: 'Sự giải thoát này là bất khả lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng; từ đây không còn tái sinh nữa.'"

(*trích từ* MN 26: *Ariyapariyesana Sutta*; I 167–73)
(*Kinh "Sự Tìm Kiếm Thánh Thiện"*)

5. BÀI THUYẾT GIẢNG ĐẦU TIÊN

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Bārānasī trong khu Vườn Nai ở Isipatana. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với nhóm năm vị tu sĩ như vầy:

"Này các Tỳ kheo, có hai cực đoan này những người xuất gia không nên sống theo. Hai đó là gì? *(i)* Sự sống theo đuổi hạnh phúc giác quan trong những khoái lạc giác quan, cách đó là thấp hèn, phàm tục, là cách của những người phàm phu thế tục, nó không thánh thiện, không lợi lạc; và *(ii)* sự theo đuổi cách tự hành xác bản thân, cách đó là đau đớn, không thánh thiện, không lợi lạc. Không còn ngã theo cực đoan nào, Như Lai đã thức tỉnh theo con đường trung đạo, nó giúp khởi sinh tầm nhìn, nó giúp khởi sinh sự hiểu biết, và dẫn tới sự bình an, tới sự hiểu biết trực tiếp, sự giác ngộ, Niết-bàn.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường trung đạo mà Như Lai đã thức tỉnh theo đó? Đó chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo); đó là: cách nhìn đúng đắn, ý nghĩ đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, định tâm đúng đắn. Này các Tỳ kheo, đây chính là con đường trung đạo mà Như Lai đã thức tỉnh theo, nó giúp khởi sinh tầm nhìn, nó giúp khởi sinh sự hiểu biết, và dẫn tới sự bình an, tới trí tuệ trực tiếp, tới sự giác ngộ, tới Niết-bàn.

"Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là sự thật thánh diệu về khổ: sinh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ; gặp những gì không thích là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói ngắn gọn, năm tập hợp (uẩn) bị dính chấp là khổ.

"Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là sự thật thánh diệu về nguồn gốc khổ: "chính dục vọng (sự thèm muốn) này dẫn dắt tới sự tái sinh luân hồi, nó dính kèm với khoái lạc và nhục dục, đi tìm khoái lạc chỗ này chỗ khác; đó là dục vọng muốn có khoái lạc giác quan, dục vọng muốn được hiện hữu, dục vọng muốn không hiện hữu (muốn tự diệt).

"Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là sự thật thánh diệu về sự chấm dứt khổ: "đó là sự phai biến hoàn toàn và sự chấm dứt dục vọng đó, là sự buông bỏ và từ bỏ, sự tự do khỏi dục vọng, sự không còn ràng buộc dính chấp.

"Bây giờ, này các Tỳ kheo, đây là sự thật thánh diệu về con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ: "đó là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện: đó là cách nhìn đúng đắn … định tâm đúng đắn.

•"'Đây là sự thật thánh diệu về khổ': như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ,

sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.[32]

"'Sự thật về khổ này *nên* được hiểu thấu hoàn hoàn': như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.[33]

"'Sự thật về khổ này *đã* được hiểu thấu hoàn hoàn': như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.[34]

•"'Đây là sự thật thánh diệu về nguồn gốc khổ': như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

"'Sự thật về nguồn gốc khổ này *nên* được trừ bỏ': như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

"'Sự thật về nguồn gốc khổ này *đã* được trừ bỏ': như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

•"'Đây là sự thật về sự chấm dứt khổ': như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

"'Sự thật về sự chấm dứt khổ này *nên* được chứng ngộ': như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí

tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

"'Sự thật về sự chấm dứt khổ này *đã* được chứng ngộ': như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

•"'Đây là sự thật về con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ': như vậy đó, này các Tỳ kheo, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

"'Sự thật về con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ này *nên* được tu tập [phát triển]': như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

"'Sự thật về con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ này *đã* được tu tập [phát triển]': như vậy đó, trong ta đã khởi sinh tầm nhìn, sự hiểu biết, trí tuệ, sự thâm nhập, và ánh sáng đối với những điều chưa từng được nghe trước đó.

"Này các Tỳ kheo, chừng nào sự hiểu biết và tầm nhìn của ta *chưa* được thanh lọc thấu suốt về Bốn Sự Thật Thánh Diệu đúng như chúng thực là, theo ba giai đoạn và mười hai cách như vậy[35], thì ta *không* tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác ngộ hoàn thiện tối cao trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và các vị Trời, trong quần thể chúng sinh này có các tu sĩ và các bà-la-môn, các thiên thần và người. Nhưng khi sự hiểu biết và tầm nhìn của ta *đã* được thanh lọc thấu suốt về Bốn Sự Thật Thánh Diệu đúng như chúng thực là, theo ba giai đoạn và mười hai phần như vậy, nên ta *đã* tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác ngộ hoàn

thiện tối cao đó trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và các vị Trời, trong trong thế gian này có các tu sĩ và các bà-la-môn, các thiên thần và người. Sự hiểu biết và tầm nhìn đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải thoát này là không thể lay chuyển được. Đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh nữa.'"

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Nhóm năm vị Tỳ kheo vui mừng và hài lòng với lời tuyên thuyết của Thế Tôn. Và trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, bên trong Ngài Koṇḍaññā đã khởi sinh tầm nhìn không-còn-dính-bụi, vô nhiễm về Giáo Pháp: "Cái gì có khởi sinh thì phải bị diệt" (có sinh là có diệt)."[36]

Và khi bánh xe Giáo Pháp đã được chuyển dịch bởi đức Thế Tôn, những thiên thần ở trần gian [sống ở trái đất] cất tiếng nói to: "Ở Bārāṇasī, trong khu Vườn Nai ở Isipatana, bánh xe Giáo Pháp tối thượng đã được dịch chuyển bởi đức Thế Tôn, nó không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế giới." Sau khi nghe tiếng nói của các thiên thần ở trần gian, các thiên thần ở cõi trời của Bốn Vị Vua Trời Lớn (Tứ Đại Thiên Vương) đã cất tiếng nói to: "Ở Bārāṇasī … không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế giới." Sau nghe tiếng nói của các thiên thần trên cõi trời của Bốn Vị Vua Trời Lớn, các thiên thần cõi trời ở cõi trời Tāvatimsa (Đao-lợi) … các thiên thần ở cõi trời Yāma (Dạ-ma) … các thiên thần ở cõi trời Tusita (Đâu-suất) … các thiên thần mê thích sáng tạo … các thiên thần nắm quyền điều khiển sáng tạo của các thiên thần … những thiên thần thuộc đoàn tùy tùng của vua Trời[37]đã cất tiếng nói to: "Ở Bārāṇasī

… không thể bị chặn đứng bởi bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay Trời hay bất cứ ai trong thế giới."

Vậy đó, vào lúc đó, ngay thời khắc đó, ngay giây khắc đó, lời nói đó cất lên đã truyền xa khắp thế giới vua Trời, và hệ thống mười-ngàn thế giới đã rung động, rúng động, chuyển động mạnh, và đã xuất hiện hào quang lớn vô lượng vượt trên cả tầm uy cõi trời của các thiên thần.

Rồi đức Thế Tôn đã nói câu nói đầy cảm hứng này: "Thầy Koṇḍañña đã thực sự hiểu! Thầy Koṇḍañña đã thực sự hiểu!" Theo cách như vậy, Ngài Koṇḍañña đã có được cái tên "Aññā Koṇḍañña—Koṇḍañña Người Đã Hiểu."

(SN 56:11: *Dhammacakkappavattana Sutta*; V 420–24)
(*Kinh "Dịch Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp"*)
(HV: "*Chuyển Pháp Luân Kinh*"

Chương III.

TIẾP CẬN GIÁO PHÁP

1. KHÔNG PHẢI LÀ MỘT GIÁO LÝ BÍ MẬT

"Này các Tỳ kheo, có ba điều này được làm trong bí mật, không công khai. Ba là gì? Những chuyện trai gái, chú thuật của các bà-la-môn, và cách nhìn sai lạc (tà kiến).

"Nhưng, này các Tỳ kheo, có ba điều này là công khai, không bí mật. Ba là gì? Mặt trăng, mặt trời, và Giáo Pháp-Giới Luật được tuyên dạy bởi Như Lai."

(AN 3:129; I 282–83)

2. KHÔNG PHẢI LÀ GIÁO ĐIỀU HAY TÍN NGƯỠNG MÙ QUÁNG

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang du hành cùng với một Tăng đoàn [Sāṅgha] nhiều Tỳ kheo, lúc đó Thế Tôn đã đến một thị trấn có tên Kesaputta của người Kālāma.[2] Bấy giờ những người Kālāma ở Kesaputta nghe tin: "Nghe nói tu sĩ Cồ-đàm đó, con trai của dòng họ Thích-ca, người đã xuất gia khỏi một gia đình họ Thích-ca, vừa mới tới Kesaputta. Lúc đó có tin báo tốt lành về vị Thầy Cồ-đàm được truyền nhau như vầy: 'Vị Thế Tôn đó là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự hiểu biết và đức hạnh đích thực, là bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ dạy, thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn. Sau khi đã chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp của mình trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và Trời, trong quần thể chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và người, giờ vị thầy ấy đi truyền dạy nó cho những người khác. Vị ấy truyền dạy một Giáo Pháp tốt lành ở lúc đầu, tốt lành ở lúc giữa, và tốt lành ở lúc cuối, với ý nghĩa

và diễn đạt đúng đắn; vị ấy (thể hiện) cho thấy một đời sống tâm linh đã được hoàn thiện và tinh khiết.'[3] Bây giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp bậc A-la-hán đó."

Rồi những người Kālāma ở Kesaputta đã đi gặp đức Thế Tôn. Một số người đến cúi chào Thế Tôn và ngồi xuống một bên; một số người chào hỏi qua lại với Thế Tôn, và sau khi chào và hỏi thăm thân mật, họ ngồi xuống một bên; một số người kính lễ đức Thế Tôn một cách cung kính và ngồi xuống một bên; một số thì chỉ im lặng và ngồi xuống một bên. Rồi những người Kālāma nói với đức Thế Tôn như vầy:

"Thưa ngài, một số tu sĩ và bà-la-môn đã đến Kesaputta giảng giải và tuyên dương những học thuyết của họ, nhưng chê bai, moi móc, chửi bới và nói xấu những học thuyết của người khác. Nhưng sau đó lại có những tu sĩ và những bà-la-môn khác đến Kesaputta, và họ cũng giảng giải và tuyên dương những học thuyết của họ, nhưng chê bai, moi móc, chửi bới và nói xấu những học thuyết của người khác. Thưa ngài, chúng tôi bối rối và nghi ngờ vì không biết trong những vị tu sĩ và bà-la-môn đó ai là người nói đúng và ai là người nói sai."

"Này các người Kālāma, nghi ngờ là điều hợp lý thôi. Bởi vì sự nghi ngờ khởi lên từ một vấn đề còn làm bối rối. Hãy như vầy, này các người Kālāma. Đừng tin theo bởi (*i*) những điều lưu truyền bằng miệng, bởi (*ii*) lời giáo lý dạy đời, bởi lời đồn đại, bởi kinh sách; (*iii*) bởi lý luận, bởi lý lẽ do suy luận, bởi sự nhận biết do suy lý, bởi sự chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc nó; bởi (*iv*) do dáng mạo người nói trông có vẻ tài giỏi, hay chỉ bởi ý nghĩ rằng 'Vị giáo sĩ đó là sư thầy chúng ta.'"[4] Nhưng khi nào các người tự mình biết được: 'Những điều nào là không lành mạnh; những điều nào

là tội lỗi, đáng chê; những điều nào bị quở trách bởi những bậc trí hiền; những điều nào nếu nhận lấy và thực hành sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau', thì các người nên từ bỏ chúng.

"Này các người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi tham, sân, và si khởi sinh trong một người, điều đó là phúc lành hay nguy hại cho người đó?"[5]—

"Là nguy hại cho người đó, thưa ngài."—

"Này các người Kālāma, một người tham lam, thù ghét, và ngu mờ; bị chi phối bởi tham, sân, si; những ý nghĩ của người đó bị chi phối bởi tham, sân, si, thì người đó sẽ có sát sinh, trộm cắp, có quan hệ giới tính bất chính, và nói dối; người đó cũng sẽ xúi giục người khác làm vậy. Điều đó có sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài cho người đó phải không?"—"Đúng vậy, thưa ngài."

"Này các người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là lành mạnh hay không lành mạnh?—"Không lành mạnh, thưa ngài"

"Đáng chê hay đáng khen?"—"Đáng chê, thưa ngài."

"Bị quở trách hay được khen ngợi bởi những bậc trí hiền?"—"Bị quở trách, thưa ngài."

"Nếu nhận lấy và thực hành những điều đó, chúng sẽ dẫn tới nguy hại và khổ đau phải không, hoặc sẽ ra sao nếu làm vậy??"—"Nếu nhận lấy và thực hành những điều đó, chúng sẽ dẫn tới sự nguy hại và khổ đau. Đối với chúng tôi, điều đó [cho thấy] như vậy."

"Này các người Kālāma, bởi chính lý do đó nên chúng ta nói: 'Đừng tin theo bởi những điều lưu truyền bằng miệng …

"Hãy như vầy, này các người Kālāma. Đừng tin theo bởi những điều lưu truyền bằng miệng, bởi lời giáo lý dạy đời, bởi lời đồn đại, bởi kinh kệ, bởi lý luận, bởi lý lẽ suy luận, bởi sự nhận biết do suy lý, bởi đoán, bởi do thấy dáng mạo người nói trông có vẻ tài giỏi, hay bởi vì ý nghĩ rằng 'Vị tu sĩ đó là sư thầy chúng ta.'" Nhưng khi nào các người tự mình biết được: 'Những điều nào là lành mạnh; những điều nào là đáng khen; những điều nào không bị quở trách bởi những bậc trí hiền; những điều nếu nhận lấy và thực hành sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc', thì các người nên làm chúng.

"Này các người Kālāma, các người nghĩ sao? Khi sự vô tham, vô sân, và vô si khởi sinh trong một người, điều đó là phúc lành hay nguy hại cho người đó?"—"Là phúc lành cho người đó, thưa ngài."

"Này các người Kālāma, một người *không có* tham lam, không thù ghét, và không ngu mờ; không bị chi phối bởi tham, sân, si; những ý nghĩ của người đó bị chi phối bởi tham, sân, si, thì người đó không sát sinh, không trộm cắp, không quan hệ giới tính bất chính, và không nói dối; người đó cũng sẽ khuyến khích người khác không làm vậy. Điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho người đó phải không?"—"Đúng vậy, thưa ngài."

"Này các người Kālāma, các người nghĩ sao? Những điều đó là lành mạnh hay không lành mạnh?—"Lành mạnh, thưa ngài"

"Đáng trách hay đáng khen?"—"Đáng khen, thưa ngài."—

"Bị quở trách hay được khen ngợi bởi những bậc trí hiền?"—"Được khen ngợi, thưa ngài."

"Nếu nhận lấy và thực hành những điều đó, chúng sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc, hay sẽ ra sao nếu làm vậy??"—"Nếu nhận lấy và thực hành những điều đó, chúng sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc. Đối với chúng tôi, điều đó [cho thấy] như vậy."

"Này các người Kālāma, bởi chính lý do đó nên chúng ta nói: 'Đừng tin theo bởi những điều lưu truyền bằng miệng …

"Rồi, này các người Kālāma, một người là đệ tử của bậc thánh nhân—không có sự thèm muốn (vô tham), không có sự ác ý (vô sân), không bị ngu mờ (vô si), có hiểu biết rõ ràng, biết chánh niệm—sống tỏa khắp một phương với một cái tâm thấm đẫm tâm *từ-ái*; sống cũng vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư.[6] Như vậy, ở trên, ở dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và tới tất cả mọi chúng sinh và chính mình, người đó sống tỏa khắp toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm *từ-ái*, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không hung tàn, và không ác ý.

"Người đó sống tỏa khắp một phương với một cái tâm thấm đẫm *bi-mẫn* … thấm đẫm *tùy-hỷ* … thấm đẫm *buông-xả*, sống cũng vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, ở trên, ở dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và tới tất cả mọi chúng sinh và chính mình, người đó sống tỏa khắp toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm *bi-mẫn* … *tùy-hỷ* … *buông-xả*, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không hung tàn, và không ác ý.

"Này các người Kālāma, người thánh đệ tử này như vậy đã làm cho tâm của mình không còn sự thù ghét, không còn ác ý, trong sạch và không bị suy đồi, người đó đã đạt được bốn sự bảo đảm ngay trong kiếp này.

"Sự bảo đảm đầu tiên người đó đạt được là như vầy: 'Nếu như có thế giới khác, và nếu có quy luật nghiệp tốt và xấu mang những quả tốt và xấu', thì có khả năng khi thân tan rã, sau khi chết, tôi sẽ tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.'

"Sự bảo đảm thứ hai gười đó đạt được là như vầy: 'Nếu như không có thế giới khác, và nếu như không có quy luật nghiệp tốt và xấu mang những quả tốt và xấu', thì ngay khi đang sống ở đây, ngay trong kiếp này, tôi cũng sống hạnh phúc, không còn sự thù ghét và ác ý.'

"Sự bảo đảm thứ ba người đó đạt được là như vầy: 'Giả như điều ác xảy đến với kẻ làm ác. Vậy thì, vì tôi không có ác ý với bất cứ ai làm sao khổ đau có thể làm hại tôi, một người không làm điều xấu ác?'

"Sự bảo đảm thứ tư người đó đạt được là như vầy: 'Giả như điều ác không xảy đến với kẻ làm ác. Vậy thì, ngay khi đang sống ở đây tôi cũng nhìn thấy mình được trong sạch về cả hai mặt đó.'[7](không làm ác và không có điều ác rớt vào mình)

"Này các người Kālāma, người thánh đệ tử này như vậy đã làm cho tâm của mình không còn sự thù ghét, không còn ác ý, trong sạch và không bị suy đồi, người đó đã đạt được bốn sự bảo đảm ngay trong kiếp này.

"Đúng là vậy, Thế Tôn! Đúng là vậy, bậc Phúc Lành! Khi người thánh đệ tử đó như vậy đã làm cho tâm mình không còn thù ghét, không còn ác ý, trong sạch và không bị suy đồi, người đó đã đạt được bốn sự bảo đảm ngay trong kiếp này.

"Kỳ diệu thay, Thế Tôn! Kỳ diệu thay, Thế Tôn! Đức Thế Tôn đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như Thế

Tôn đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, mở ra điều đã bị che dấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được mọi thứ. Nay chúng con xin quy y nương tựa theo Thế Tôn, theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn nhận chúng con là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời."[8]

(AN 3:65; I 188–93)

3. NHÌN THẤY SỰ KHỞI SINH VÀ BIẾN MẤT CỦA KHỔ

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại một thị trấn tên Uruvelakappa của người Mallan. Rồi có vị thôn trưởng tên Bhadraka[9] đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, thật tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con về sự khởi sinh và biến mất của khổ."

"Này ông trưởng thôn, nếu như ta dạy cho ông về sự khởi sinh và biến mất của khổ trong thời quá khứ, và nói 'Điều đó đã xảy ra trong thời quá khứ' thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Và nếu như ta dạy cho ông về sự khởi sinh và biến mất của khổ trong thời tương lai, và nói 'Điều đó xảy ra trong tương lai' thì trong ông có thể khởi sinh nghi ngờ và bối rối. Vậy nên, này ông trưởng thôn, trong khi ta đang ngồi ngay đây và ông đang ngồi ngay đây, ta sẽ dạy cho ông về sự khởi sinh và biến mất của khổ. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", ông Bhadraka đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Có người

nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chỉ trích mà vì họ trong ông khởi sinh sự ưu buồn, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?"

"Dạ có những người đó, thưa Thế Tôn."

"Nhưng có người nào ở Uruvelakappa bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chỉ trích mà vì họ trong ông không khởi sinh sự ưu buồn, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng?

"Dạ cũng có những người đó luôn, thưa Thế Tôn."

"Vì sao vậy, này ông trưởng thôn, vì sao có những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chỉ trích, vì họ trong ông khởi sinh sự ưu buồn, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, trong khi những người khác cũng bị như vậy thì trong ông không khởi sinh như vậy?"

"Thưa Thế Tôn, những người ở Uruvelakappa khi họ bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chỉ trích, vì họ trong con khởi sinh sự ưu buồn, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng—là vì con có tham muốn và ràng buộc đối với những người đó. Nhưng những người khác ở Uruvelakappa khi họ bị vậy trong con không khởi sinh như vậy—là vì con không có tham muốn và ràng buộc đối với những người đó.

"Này trưởng thôn, nguyên lý này ông mới nhìn thấy, mới hiểu ra, mới chứng thực tức thì, mới suy ra, giờ ông có thể vận dụng nó cho quá khứ và tương lai như vầy: 'Điều gì khởi sinh trong quá khứ, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của mọi sự khổ. Điều gì khởi sinh trong tương lai, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của mọi sự khổ.'"

"Thật kỳ diệu, thưa Thế Tôn! Thật tuyệt diệu, thưa Thế Tôn! Thật khéo hay những lời Thế Tôn mới nói ra: 'Điều gì khởi sinh, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của mọi sự khổ.'[10] Thưa Thế Tôn, con có một người con trai tên Ciravāsi, sống ở chỗ khác. Sáng sớm con thức dậy, con gọi một người tới và nói: 'Đi anh, đi coi Ciravāsi có khỏe mạnh an ổn không.' Trong khi chờ tới khi người đó trở về, trong lòng buồn lo và nghĩ: 'Cầu cho Ciravāsi không gặp sự khó khổ nào!'"

"Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chỉ trích, vì điều đó trong ông có khởi sinh ưu buồn, ai oán, khổ đau, phiền não, và tuyệt vọng hay không?"

"Thưa Thế Tôn, nếu như Ciravāsi bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chỉ trích, làm sao có thể trong con không khởi sinh ưu buồn, ai oán, khổ đau, phiền não, và tuyệt vọng?"

"Cũng theo cách như vậy, này ông trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: 'Điều gì khởi sinh, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của mọi sự khổ.'

"Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Khi chưa gặp vợ ông hoặc chưa nghe về cô ta, ông có tham muốn, ràng buộc, hay tình cảm nào với cô ta không?"

"Không có, thưa Thế Tôn."

"Vậy thì, này trưởng thôn, chỉ khi ông gặp cô ta hoặc khi nghe nói về cô ta thì sự tham muốn, sự ràng buộc, và tình cảm đó mới khởi sinh trong ông phải không?

"Dạ đúng, thưa Thế Tôn."

"Này trưởng thôn, ông nghĩ sao? Nếu như vợ ông bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chỉ trích, vì điều đó trong ông có khởi sinh ưu buồn, ai oán, khổ đau, phiền não, và tuyệt vọng hay không?"

"Nếu như vợ con bị xử tội, bị bắt tù, bị hình phạt, hoặc bị chỉ trích, thì đời con coi như chẳng còn gì, làm sao có thể trong con không khởi sinh ưu buồn, ai oán, khổ đau, phiền não, và tuyệt vọng?"

"Cũng theo cách như vậy, này trưởng thôn, điều này có thể được hiểu rằng: 'Điều gì khởi sinh, tất cả đều do tham dục là gốc rễ, có tham dục là gốc rễ của nó; bởi vì tham dục là gốc rễ của khổ.'"

(SN 42:11; IV 327–30)

4. ĐIỀU TRA TÌM HIỂU VỀ NGƯỜI THẦY

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta (Kỳ-đà), trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc. Lúc đó đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo: "Này các Tỳ kheo!"—"Dạ thưa Thế Tôn!", họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy:

2. "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người tìm hiểu, nhưng không biết cách đo lường tâm tính của người khác (bằng tâm của mình)[11] thì người đó nên điều tra Như Lai để tìm hiểu Như Lai có phải đã giác ngộ hoàn toàn hay không."

3. "Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con bắt rễ từ Thế Tôn, được hướng dẫn bởi Thế Tôn, có Thế Tôn là nơi nương tựa. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng

con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó."

"Vậy thì, này các Tỳ kheo, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

4. "Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người tìm hiểu, không biết cách đo lường tâm của người khác, nên điều tra Như Lai về hai loại trạng thái, những trạng thái có thể nhận biết được bằng mắt và bằng tai, như vầy: 'Có những trạng thái ô nhiễm nào có thể nhận biết bằng mắt (hành động) hay bằng tai (lời nói) được tìm thấy trong Như Lai' hay không?'[12] Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái ô nhiễm nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.'

5. "Khi người đó đi đến biết được điều này, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: 'Có những trạng thái hỗn hợp (lúc trong sạch, lúc ô nhiễm) nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai' hay không?[13] Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: 'Không có những trạng thái hỗn hợp nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.'

6. "Khi người đó đi đến biết được điều đó, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: 'Có trạng thái trong sạch nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai' hay không?' Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: 'Có những trạng thái trong sạch có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.'

7. “Khi người đó đi đến biết được điều đó, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Bậc Như Lai này đã chứng đạt trạng thái thiện lành này từ lâu, hay chỉ mới chứng?’ Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Bậc Như Lai này đã chứng đạt trạng thái thiện lành này từ lâu, không phải mới chứng.’

8. “Khi người đó đi đến biết được điều đó, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Bậc Như Lai này đã được nổi tiếng và có danh tiếng, vậy có sự nguy hiểm nào [liên quan tới sự nổi tiếng và danh tiếng] được tìm thấy trong bậc ấy hay không?’ Bởi vì, này các Tỳ kheo, khi một tu sĩ chưa được nổi tiếng và chưa có danh tiếng thì những mối nguy hiểm [liên quan tới sự nổi tiếng và danh tiếng] (như sự tự cao, tự đại…) không được tìm thấy trong tu sĩ đó.[14] Người đó điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Bậc Như Lai này đã được nổi tiếng và có danh tiếng, nhưng những nguy hiểm [liên quan tới sự nổi tiếng và danh tiếng] không được tìm thấy trong bậc ấy.’

9. “Khi người đó đi đến biết được điều đó, người đó điều tra thêm về Như Lai như vầy: ‘Có phải rằng: bậc Như Lai này giữ giới không phải do sợ hãi, không phải giữ giới do sợ hãi; và tránh bỏ được sự mê thích khoái lạc giác quan bởi vì bậc ấy không còn nhục dục nhờ bậc ấy đã tiêu diệt hết nhục dục?’ Khi điều tra Như Lai, người đó đi đến biết rằng: ‘Đúng vậy: bậc Như Lai này giữ giới không phải do sợ hãi, không phải giữ giới do sợ hãi; và tránh bỏ được sự mê thích khoái lạc giác quan bởi vì bậc ấy không còn nhục dục nhờ bậc ấy đã tiêu diệt hết nhục dục.’

10. “Bây giờ, này các Tỳ kheo, nếu ai có hỏi vị Tỳ kheo đó như vầy: ‘Dựa vào những lý do gì và bằng chứng gì mà

Như Lai đã nói rằng: "bậc Như Lai này giữ giới không phải do sợ hãi, không phải giữ giới do sợ hãi; và tránh bỏ được sự mê thích khoái lạc giác quan bởi vì Như Lai không còn nhục dục nhờ Như Lai đã tiêu diệt hết nhục dục"?'—để trả lời một cách đúng đắn, vị Tỳ kheo đó nên trả lời như vầy: 'Cho dù Như Lai có ở chung trong Tăng đoàn hay ở một mình, trong khi có những Tỳ kheo hành xử đúng đắn, có những Tỳ kheo hành xử không đúng đắn, và có những Tỳ kheo lo chỉ dạy cho nhóm Tỳ kheo khác; trong khi có những Tỳ kheo được thấy chỉ lo mấy thứ vật chất, và có những Tỳ kheo không bị ô nhiễm bởi những thứ vật chất, cho dù vậy Như Lai vẫn không khinh khi ai vì những điều đó đó.[15] Và tôi đã nghe và học được điều này từ chính miệng đức Thế Tôn: "Ta giữ giới không phải do sợ hãi, không giữ giới vì sợ hãi; và ta tránh bỏ được sự mê thích khoái lạc giác quan bởi vì ta không còn nhục dục nhờ ta đã tiêu diệt hết nhục dục."'

11. "Này các Tỳ kheo, cần phải hỏi thẳng Như Lai thêm như vầy: 'Có những trạng thái ô nhiễm nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai' hay không?' Như Lai sẽ trả lời như vầy: 'Không có những trạng thái ô nhiễm nào nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.'

12. "Nếu hỏi rằng: 'Có những trạng thái hỗn hợp nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai' hay không?' Như Lai sẽ trả lời như vầy: 'Không có những trạng thái hỗn hợp nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.'

13. "Nếu hỏi rằng: 'Có những trạng thái trong sạch nào có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai' hay không?' Như Lai sẽ trả lời như vầy: 'Có những

trạng thái trong sạch có thể nhận biết bằng mắt hay bằng tai được tìm thấy trong Như Lai.' Chúng là con đường của ta và trú xứ của ta, nhưng ta không nhận chúng là ta, (không đồng hóa với chúng).

14. "Này các Tỳ kheo, một người đệ tử nên tìm đến người Thầy đã nói ra những điều như vậy, đến gặp để học Giáo Pháp (từ vị Thầy đó). Vị Thầy sẽ dạy cho người đó Giáo Pháp theo trình tự từ thấp tới cao, từ cao tới siêu xuất hơn, với mặt tối và mặt sáng đối lập của nó. Khi vị Thầy chỉ dạy Giáo Pháp cho một Tỳ kheo theo cách như vậy, và thông qua sự hiểu biết trực tiếp ở đây về một giáo lý nào đó trong Giáo Pháp đó, vị Tỳ kheo đó sẽ đi đến (rút ra) một kết luận về những giáo lý.[16] Vị Tỳ kheo đó đặt niềm tin vào vị Thầy như vầy: 'Đức Thế Tôn đã giác ngộ hoàn toàn, Giáo Pháp được giảng bày khéo léo bởi đức Thế Tôn, Tăng đoàn đang thực hành cách thức tốt lành.'

15. "Bây giờ nếu có ai hỏi vị Tỳ kheo đó như vầy: 'Dựa vào những lý do gì và bằng chứng gì mà vị Tỳ kheo đó đã nói rằng: "Đức Thế Tôn đã giác ngộ hoàn toàn, Giáo Pháp được giảng bày khéo léo bởi đức Thế Tôn, Tăng đoàn đang thực hành cách thức tốt lành"?'—để trả lời một cách đúng đắn, vị Tỳ kheo đó nên trả lời như vầy: 'Ở đây, này các bạn, tôi đã tìm đến đức Thế Tôn để được nghe Giáo Pháp. Đức Thế Tôn đã dạy cho tôi Giáo Pháp theo trình tự từ thấp tới cao, từ cao tới siêu xuất hơn, với những mặt tối và mặt sáng đối lập của nó. Khi đức Thế Tôn dạy cho tôi Giáo Pháp theo cách như vậy, thông qua sự hiểu biết trực tiếp ở đây về một giáo lý nào đó trong Giáo Pháp đó, tôi đã đi đến (rút ra) một kết luận về những giáo lý. Tôi đã đặt niềm tin vào vị Thầy như vầy: "Đức Thế Tôn đã giác ngộ hoàn toàn, Giáo Pháp được giảng bày

khéo léo bởi đức Thế Tôn, Tăng đoàn đang thực hành cách thức tốt lành."'

16. "Này các Tỳ kheo, khi niềm tin của bất cứ ai đã được gieo trồng, đã được bắt rễ, và đã được thiết lập vào Như Lai thông qua những lý lẽ, những từ ngữ, và câu chữ như vậy, thì niềm tin của người đó coi như được dựa trên những lý lẽ, được bắt rễ trong tầm nhìn, là vững chắc; nó không thể bị phá hoại bởi bất kỳ tu sĩ nào hay bà-la-môn hay thiên thần hay Ma Vương hay bất kỳ ai trong thế gian.[17] Này các Tỳ kheo, đó là cách điều tra về Như Lai theo như Giáo Pháp, và đó là cách Như Lai được điều tra một cách khéo léo theo như Giáo Pháp."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.

(MN 47: *Vimaṃsaka Sutta*; I 317–20)

5. CÁC BƯỚC ĐI TỚI CHỨNG NGỘ SỰ THẬT

10. Rồi bà-la-môn tên Caṅkī,[18] đi cùng với một nhóm đông các bà-la-môn, đã đến gặp đức Thế Tôn, chào hỏi đức Đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.

11. Bấy giờ đức Thế Tôn đang ngồi, sắp sửa xong phần hỏi thăm hòa nhã với những bà-la-môn rất lớn tuổi. Ngay lúc đó, có một môn sinh (học trò) bà-la-môn trẻ tên Kāpaṭhika đang ngồi trong sảnh đường. Trẻ, đầu cạo trọc, mười sáu tuổi, anh ta là một bậc thầy về ba bộ kinh Vệ-đà [Veda] với những phần từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên

và về tướng số của các bậc đại nhân. Trong khi những bà-la-môn rất lớn tuổi đang nói chuyện với đức Thế Tôn, anh ta cứ liên tục chen vô và ngắt ngang cuộc nói chuyện của họ. Rồi đức Thế Tôn đã quở trách môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika đó như vầy: "Người (họ) Bhāradvāja danh dự[19] không nên chen vào và ngắt ngang chuyện của những bà-la-môn rất lớn tuổi trong khi họ đang nói. Người ấy nên chờ đến khi chuyện đã nói xong." Khi lời này được nói ra, bà-la-môn Caṅkī đã nói với đức Thế Tôn rằng: "Thầy Cồ-đàm không nên quở trách môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika. Vị môn sinh bà-la-môn này rất uyên bác; anh ta có tài diễn đạt; anh ta trí khôn. Anh ta dễ dàng có thể tham gia vào cuộc thảo luận này với Thầy Cồ-đàm."

12. Rồi đức Thế Tôn nghĩ rằng: "Bởi các bà-la-môn tôn vinh anh ta như vậy thì môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika chắc hẳn thành thạo về các kinh kệ của ba bộ kinh Vệ-đà."

Rồi môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika nghĩ rằng: "Khi nào tu sĩ [sa-môn] Cồ-đàm đưa mắt gặp mắt ta, thì ta sẽ đặt câu hỏi."

Rồi, bằng tâm của mình đức Thế Tôn biết được ý nghĩ trong tâm của môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika, đức Thế Tôn đưa mắt nhìn về phía anh ta. Rồi môn sinh bà-la-môn Kāpaṭhika nghĩ rằng: "Tu sĩ Cồ-đàm đã nhìn về phía ta. Giả như ta hỏi ông ta một câu hỏi." Rồi (nghĩ vậy cho nên) anh ta nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, nói về những bài thi kệ cổ của bà-la-môn đã được truyền tụng bằng miệng, đã được bảo tồn trong các kết tập, các bà-la-môn đi đến một kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ đây (các kinh kệ này) là đúng, mọi điều khác đều là sai.' Thầy Cồ-đàm nghĩ sao về chuyện này?"

13. “Này Bhāradvāja, trong số những bà-la-môn có một bà-la-môn nào nói như vầy: ‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai’ hay không?”—“Không có, thưa Thầy Cồ-đàm.”

“Này Bhāradvāja, vậy trong bảy thế hệ các thầy bà-la-môn có một sư thầy bà-la-môn nào, hoặc một thầy của sư thầy (sư phụ, sư ông) nào nói như vầy: ‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai’ hay không?”—“Không có, thưa Thầy Cồ-đàm.”

“Này Bhāradvāja, vậy những nhà tiên tri bà-la-môn thời cổ xưa, những người tạo ra các bài thi kệ đó, những người soạn ra các bài thi kệ đó, những bài kệ cổ của họ đã từng được tụng, được đọc, và kết tập, mà các bà-la-môn ngày nay vẫn tiếp tục tụng và lặp lại, lặp lại cái đã được nói, và tụng lại cái đã được tụng bởi những bà-la-môn trước kia—như Aṭṭhaka, Vāmaka, Vāmadeva, Vessāmitta, Yamataggi, Angirasa, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Bhāradvāja, Vāseṭṭha, Kassapa, và Bhagu[20]—các nhà tiên tri bà-la-môn thời cổ xưa đó có nói rằng: ‘‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai’ hay không?”—“Không có, thưa Thầy Cồ-đàm.”

“Như vậy thì, này Bhāradvāja, dường như trong số những bà-la-môn trước giờ không có một bà-la-môn nào nói rằng: ‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.’ –Và trong số những bà-la-môn trước giờ không có một sư thầy, một sư phụ, hay một sư ông nào trong bảy thế hệ sư thầy trước đây, nói rằng: ‘Tôi biết điều này, tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.’ –Và những nhà tiên tri bà-la-môn thời cổ xưa, những người tạo ra các bài thi kệ, những người soạn ra

những bài thi kệ … thậm chí những nhà tiên tri bà-la-môn thời cổ xưa đó đã không nói rằng: 'Chúng tôi biết điều này, chúng tôi nhìn thấy điều này: chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' Giả như có một hàng người mù đứng nối tiếp nhau: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy. Cũng giống như vậy, này Bhāradvāja, theo cách họ đã nói, những bà-la-môn dường như giống một hàng người mù: người trước không nhìn thấy, người giữa không nhìn thấy, và người sau không nhìn thấy. Này Bhāradvāja, anh nghĩ sao, theo cách như vậy, hóa ra niềm tin của các bà-la-môn là không có cơ sở căn cứ, đúng vậy không?"

14. "Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn tôn vinh điều này không phải chỉ vì niềm tin. Họ cũng tôn vinh vì đó là truyền thống truyền miệng."

"Này Bhāradvāja, đầu tiên anh khăng khăng dựa trên niềm tin, giờ anh chuyển qua sự truyền thừa bằng miệng. Này Bhāradvāja, có năm điều có thể thành hai cách khác nhau, tùy lúc này lúc khác. Năm đó là gì? Niềm tin, sự chấp thuận, truyền thống truyền miệng, sự nhận biết có lý giải, và sự chấp nhận một quan điểm từ kết quả suy xét nó.[21] Năm điều này có thể thành hai cách khác nhau, tùy lúc này lúc khác. Bây giờ, có những điều được chấp nhận hoàn toàn chỉ dựa trên lòng tin, nhưng có thể nó chỉ là trống không, là rỗng tuếch và sai lầm; nhưng có những điều không được chấp nhận hoàn toàn dựa vào lòng tin, nhưng nó là thực, là đúng và không sai lầm. Lại nữa, có những điều được chấp thuận hoàn toàn … được truyền tụng nhiều … được nhận biết nhiều … được suy xét nhiều, nhưng có thể nó chỉ là trống không, là rỗng tuếch, và sai lầm; nhưng có những điều không được chấp thuận hoàn

toàn … không được truyền tụng nhiều … không được nhận biết nhiều … được suy xét nhiều, nhưng nó là thực, là đúng và không sai lầm. [Dưới những điều kiện như vậy] sẽ không hợp lý đối với một người trí khôn chỉ vì người đó muốn bảo vệ (duy trì) sự thật (của mình) mà đi đến kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.'"[22]

15. "Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, theo cách nào mà có sự bảo vệ sự thật?[23] Làm cách nào một người bảo vệ một sự thật? Chúng tôi muốn hỏi Thầy Cồ-đàm về cái sự bảo vệ sự thật."

"Này Bhāradvāja, người đó bảo vệ sự thật khi người đó nói: 'Niềm tin của tôi là vậy'; nhưng người đó không đi đến kết luận nhất nhất: 'Chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' Này Bhāradvāja, theo cách như vậy là có sự bảo vệ sự thật; theo cách như vậy người đó bảo vệ sự thật; theo cách như vậy chúng tôi miêu tả về sự bảo vệ sự thật. Nhưng đó vẫn chưa phải sự nhìn thấy sự thật.[24]

"Nếu người đó chấp thuận điều gì … nếu một người đó thừa nhận sự truyền thống truyền miệng … nếu người đó có [đạt đến một kết luận dựa trên] sự nhận biết có lý giải … nếu người đó chấp nhận một quan điểm từ kết quả suy xét nó, thì anh ta bảo vệ sự thật (của mình) khi anh ta nói: 'Điều mà tôi chấp thuận là vậy, sự truyền thừa bằng miệng mà tôi chấp nhận là vậy, sự nhận biết mà tôi có được từ sự lý giải nó là vậy, quan điểm mà tôi chấp nhận từ sự suy xét nó là vậy'; nhưng anh ta không đi đến kết luận nhất nhất rằng: 'Chỉ đây là đúng, mọi điều khác đều là sai.' Này Bhāradvāja, theo cách như vậy là có sự bảo vệ sự thật; theo cách như vậy người đó bảo vệ sự thật; theo cách như vậy chúng tôi miêu tả về sự bảo vệ sự thật. Nhưng đó vẫn chưa phải sự khám phá ra sự thật."

16. “Này Thầy Cồ-đàm, theo cách như vậy là có sự bảo vệ sự thật; theo cách như vậy một người bảo vệ sự thật (của mình); theo cách như vậy chúng ta nhận biết sự bảo vệ sự thật. Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, theo cách nào là khám phá ra sự thật? Theo cách nào một người khám phá ra sự thật? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về sự khám phá ra sự thật.”

17. “Ở đây, này Bhāradvāja, giả như có một Tỳ kheo đang sống nhờ vào khu làng hay thị trấn. Rồi có một gia chủ hay con trai ông ta tới gặp vị Tỳ kheo đó để điều tra vị ấy về ba loại trạng thái: những trạng thái có gốc tham, những trạng thái gốc sân, và những trạng thái gốc si: ‘Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc tham nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái tham đó, trong khi không biết vị ấy lại nói “Tôi biết”, hoặc trong khi không nhìn thấy, vị ấy lại nói “Tôi nhìn thấy”, hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài của họ?’ Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết được rằng: ‘Không có những trạng thái có gốc tham trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời nói của thầy ấy không phải loại còn dính tham. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc, nó khó hiểu và khó thấy, nó bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ được chỉ bằng lý giải, nó tinh tế, được trải nghiệm bởi người hiền trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm tham dục.’

18. “Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và thấy thầy ấy đã được thanh lọc khỏi những trạng thái có gốc tham; tiếp theo người đó điều tra vị Tỳ kheo đó về những trạng thái gốc sân: ‘Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc sân nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái sân đó … hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự

nguy hại và khổ đau lâu dài của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết được rằng: 'Không có những trạng thái có gốc sân trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời nói của thầy ấy không phải loại còn dính sân. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc … được trải nghiệm bởi người hiền trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm sân giận.'

19. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã thấy thầy ấy được thanh lọc khỏi những trạng thái có gốc sân; tiếp theo người đó điều tra vị Tỳ kheo đó về những trạng thái gốc si: 'Trong vị Tỳ kheo này có những trạng thái gốc si nào mà, với tâm vị ấy bị ám mụi bởi những trạng thái si đó … hoặc vị ấy có xúi giục người khác làm theo cách dẫn tới sự nguy hại và khổ đau lâu dài của họ?' Khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo người đó và đi đến biết được rằng: 'Không có những trạng thái có gốc si trong vị Tỳ kheo này. Hành vi thân và lời nói của thầy ấy không phải loại còn dính si. Và Giáo Pháp thầy ấy dạy là sâu sắc … được trải nghiệm bởi người hiền trí. Giáo Pháp này không dễ gì được giảng dạy bởi người còn dính nhiễm si mờ.'

20. "Sau khi người đó đã điều tra vị Tỳ kheo và đã nhìn thấy thầy ấy được thanh lọc khỏi những trạng thái gốc si, thì người đó đặt niềm tin vào vị ấy; với tràn đầy niềm tin tưởng như vậy, người đó đến viếng thăm và kính chào thầy ấy; sau khi kính lễ thầy ấy, người đó lắng nghe; khi lắng nghe, người đó nghe được Giáo Pháp; sau khi nghe được Giáo Pháp, người đó ghi nhớ và xem xét ý nghĩa của những giáo lý mà mình đã ghi nhớ; khi xem xét ý nghĩa các giáo lý, người đó chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét chúng; khi người đó đã chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét

chúng, niềm mong muốn phát khởi lên; khi niềm mong muốn đã phát khởi lên, người đó áp dụng ý chí; sau khi áp dụng ý chí, người đó soi xét kỹ càng; sau khi soi xét kỹ càng, người ấy nỗ lực (tu tập); sau khi nỗ lực kiên định, người ấy bằng thân chứng ngộ sự thật cao nhất và nhìn thấy nó bằng việc thâm nhập vào nó bằng trí tuệ.[25] Theo cách như vậy, này Bhāradvāja, là có sự khám phá ra sự thật; theo cách như vậy chúng tôi mô tả sự khám phá ra sự thật. Nhưng đó vẫn chưa phải là sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật."[26]

21. "Thầy Cồ-đàm, theo cách như vậy có sự khám phá ra sự thật; theo cách như vậy một người khám phá ra sự thật; theo cách như vậy chúng ta nhận biết sự khám phá ra sự thật. Nhưng Thầy Cồ-đàm, bằng cách nào có sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật."

"Này Bhāradvāja, sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật nằm ở chỗ tiếp tục, tu tập, và phát triển những bước tu giống y như vậy. Theo cách như vậy là có sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật; theo cách như vậy một người cuối cùng đạt đến sự thật; theo cách như vậy, chúng tôi mô tả về sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật."

22. "Này Thầy Cồ-đàm, có sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật; theo cách như vậy một người cuối cùng đạt đến sự thật; theo cách như vậy chúng ta nhận biết sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật. Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất để đạt đến sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất để đạt đến sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật."

"Này Bhāradvāja, nỗ lực tu tập là hữu ích nhất để đạt đến sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật. Nếu một người không nỗ lực, người đó cuối cùng sẽ không đạt đến sự thật; nhưng vì một người nỗ lực tu tập, người đó sẽ cuối cùng đạt đến sự thật. Đó là lý do tại sao sự nỗ lực tu tập là hữu ích nhất cho sự đạt đến cuối cùng tới sự thật."

23. "Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho sự nỗ lực tu tập. Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất cho sự nỗ lực tu tập"

"Này Bhāradvāja, sự soi xét xét kỹ càng là hữu ích nhất cho sự nỗ lực tu tập. Nếu một người không soi xét kỹ càng, người đó sẽ không nỗ lực tu tập; nhưng vì người đó soi xét kỹ càng, nên người đó nỗ lực tu tập. Đó là lý do tại sao sự soi xét kỹ càng là hữu ích nhất cho nỗ lực tu tập."

24. "Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho sự soi xét kỹ càng? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất cho sự soi xét kỹ càng.

"Này Bhāradvāja, sự áp dụng ý chí là hữu ích nhất cho sự soi xét kỹ càng. Nếu một người không áp dụng ý chí của mình, người đó sẽ không soi xét kỹ càng; nhưng vì người đó có áp dụng ý chí của mình, nên người đó soi xét kỹ càng. Đó là lý do tại sao sự áp dụng ý chí là hữu ích nhất cho soi xét kỹ càng."

25. "Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho sự áp dụng ý chí? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất cho sự áp dụng ý chí."

"Này Bhāradvāja, ý muốn là hữu ích nhất cho sự áp dụng ý chí. Nếu một người không phát khởi mong muốn, người đó không áp dụng ý chí của mình; nhưng vì người đó có phát

khởi mong muốn, nên người đó áp dụng ý chí của mình. Đó là lý do tại sao mong muốn là hữu ích nhất cho sự áp dụng ý chí."

26. "Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho ý muốn? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì hữu ích nhất cho ý muốn."

"Này Bhāradvāja, chấp nhận những giáo lý từ kết quả suy xét chúng là hữu ích nhất cho ý muốn. Nếu một người không chấp nhận những giáo lý từ kết quả suy xét chúng, thì ý muốn của người đó sẽ không phát khởi; nhưng vì người đó chấp nhận những giáo lý từ kết quả suy xét chúng, nên ý muốn phát khởi. Đó là lý do tại sao sự chấp nhận những giáo lý từ kết quả suy xét chúng là hữu ích nhất cho ý muốn."

27. "Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho sự chấp những giáo lý từ kết quả suy xét chúng? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất cho sự chấp những giáo lý từ kết quả suy xét chúng."

"Này Bhāradvāja, xem xét ý nghĩa là hữu ích nhất cho sự chấp nhận những giáo lý từ kết quả suy xét chúng, Bhāradvāja. Nếu một người không xem xét ý nghĩa của chúng, thì người đó sẽ không chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét chúng; nhưng vì người đó xem xét ý nghĩa của chúng, nên người đó chấp nhận những giáo lý đó từ kết quả suy xét chúng. Đó là lý do tại sao sự xem xét ý nghĩa là hữu ích nhất cho sự chấp nhận những giáo lý từ kết quả suy xét chúng."

28. "Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho sự xem xét ý nghĩa? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất cho sự xem xét ý nghĩa.

"Này Bhāradvāja, sự ghi nhớ là hữu ích nhất cho sự xem xét ý nghĩa. Nếu một người không ghi nhớ một giáo lý, thì người đó sẽ không xem xét ý nghĩa của nó; nhưng vì người đó có ghi nhớ giáo lý, nên người đó xem xét ý nghĩa của nó. Đó là lý do tại sao sự ghi nhớ là hữu ích nhất cho sự xem xét ý nghĩa."

29. "Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho sự ghi nhớ? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất cho sự ghi nhớ.

"Này Bhāradvāja, nghe Giáo Pháp là hữu ích nhất cho sự ghi nhớ những giáo lý. Nếu một người không nghe Giáo Pháp, thì người đó sẽ không ghi nhớ những giáo lý; nhưng vì người đó nghe Giáo Pháp, nên người đó ghi nhớ những giáo lý. Đó là lý do tại sao nghe Giáo Pháp là hữu ích nhất cho việc ghi nhớ những giáo lý."

30. "Nhưng Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp."

"Này Bhāradvāja, lắng nghe là hữu ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp. Nếu một người không lắng nghe, thì người đó không thực sự nghe Giáo Pháp; nhưng vì người đó lắng nghe, nên người đó thực sự nghe Giáo. Đó là lý do tại sao sự lắng nghe là hữu ích nhất cho việc nghe Giáo Pháp."

31. "Nhưng, này Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho sự lắng nghe? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì hữu ích nhất cho sự lắng nghe."

"Này Bhāradvāja, tôn trọng là hữu ích nhất cho sự lắng nghe. Nếu một người không tôn trọng, thì người đó không lắng nghe; nhưng vì người đó có tôn trọng, nên người đó

lắng. Đó là lý do tại sao sự tôn trọng là hữu ích nhất cho sự lắng nghe."

32. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho sự tôn trọng? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất cho sự tôn trọng."

"Này Bhāradvāja, đến thăm gặp là hữu ích nhất cho sự tôn trọng. Nếu một người không đến thăm gặp một người thầy, thì người đó sẽ không tôn trọng vị thầy; nhưng vì người đó đến thăm gặp người thầy, nên người đó có sự tôn trọng đối với vị thầy. Đó là lý do tại sao sự đến thăm gặp là hữu ích nhất cho sự tôn trọng."

33. "Nhưng, Thầy Cồ-đàm, điều gì là hữu ích nhất cho sự đến thăm gặp người thầy? Chúng tôi đang hỏi Thầy Cồ-đàm điều gì hữu ích nhất cho sự đến thăm gặp người thầy?

"Này Bhāradvāja, niềm tin là hữu ích nhất cho sự đến thăm gặp người thầy. Nếu niềm tin không khởi sinh trong một người, người đó sẽ không đến thăm gặp vị thầy; nhưng vì niềm tin có khởi sinh bên trong người đó, nên người đó đến thăm gặp vị thầy. Đó là lý do tại sao niềm tin là hữu ích nhất cho sự đến thăm gặp người thầy."

34. "Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về sự bảo vệ sự thật, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về sự bảo vệ sự thật; chúng tôi chấp thuận và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về sự khám phá sự thật, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về sự khám phá sự thật; chúng tôi chấp thuận và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật; chúng tôi chấp thuận và

chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. Chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm về điều gì là hữu ích nhất cho sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật, và Thầy Cồ-đàm đã trả lời về sự điều hữu ích nhất cho sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật; chúng tôi chấp thuận và chấp nhận sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. Bất cứ điều gì chúng tôi đã hỏi Thầy Cồ-đàm, thầy đã trả lời chúng tôi; chúng tôi chấp thuận và chấp nhận những sự trả lời đó, và do đó chúng tôi thấy hài lòng. Thưa Thầy Cồ-đàm, trước đây chúng tôi cứ nghĩ rằng: 'Những ông tu sĩ đầu trọc, dòng giống nô hầu tăm tối được sinh ra từ ngón nhân của Thượng Đế thì đâu thể nào hiểu biết được Giáo Pháp?'[27] Nhưng giờ Thầy Cồ-đàm đã thực sự làm khơi dậy trong tôi niềm thương mến đối với các tu sĩ, niềm tin đối với các tu sĩ, niềm kính trọng đối với các tu sĩ.

35. "Kỳ diệu, Thầy Cồ-đàm! Kỳ diệu thay, Thầy Cồ-đàm!… [*giống đoạn cuối của đoạn kinh III, 2 chương này*] … Từ hôm nay, xin Thầy Cồ-đàm hãy nhớ con là một đệ tử tại gia, con xin quy y theo Thầy là nơi nương tựa từ đây tới cuối đời."

(*trích từ* MN 95: *Caṅkī Sutta*; II 168–7)

Chương IV.

HẠNH PHÚC THẤY ĐƯỢC TRONG KIẾP NÀY

1. TUYÊN DƯƠNG GIÁO PHÁP TRONG XÃ HỘI

(1) *Vị Vua của Giáo Pháp* (*Pháp vương*)

Đức Thế Tôn nói rằng: "Này các Tỳ kheo, ngay cả một vị vua quay chuyển bánh xe, một vị vua công minh và đúng đắn, cũng không trị vì bờ cõi của ông mà không có một đồng sự trị vì của mình [như quan nhiếp chính]." Khi đức Thế Tôn nói như vậy, một Tỳ kheo đã thưa hỏi Thế Tôn như vầy: "Thưa Thế Tôn, nhưng ai là người đồng sự trị vì của vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua công minh và đúng đắn đó?"

"Đó chính là Giáo Pháp, này các Tỳ kheo, đó quy pháp của sự đúng đắn (chánh pháp)", đức Thế Tôn trả lời.[1]

"Trong trường hợp này, vị vua quay chuyển bánh xe, vị vua công minh và đúng đắn đó, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh Giáo Pháp, coi trọng và kính trọng, với Giáo Pháp là tiêu chuẩn, là biểu ngữ và quyền lực, cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn cho những người bên dưới của nhà vua. Nhà vua cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn cho những người giai cấp chiến sĩ [*khattiya*] phục vụ nhà vua; cho quân đội của nhà vua, cho những bà-la-môn và những gia chủ, cho những người dân ở thành thị và ở nhà quê, cho những tu sĩ và bà-la-môn, cho những thú vật và chim muông.

"Một vị vua quay chuyển bánh xe, một vị vua công minh và đúng đắn đó, người cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn cho tất cả, là người trị vì chỉ bằng Giáo Pháp. Và pháp luật đó không thể nào bị phá cản bởi bất kỳ kẻ hung tàn nào.

"Này các Tỳ kheo, ngay cả như vậy, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, một vị vua công minh và đúng đắn của

Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh Giáo Pháp, coi trọng và kính trọng nó, với Giáo Pháp là tiêu chuẩn, là biểu ngữ và quyền lực, cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn đối với hành động (nghiệp) của thân, lời nói, và tâm. [Bậc đó dạy như vầy:] 'Hành động của thân như vậy thì nên làm và như kia thì không nên làm. Hành động của lời nói như vậy thì nên làm và như kia thì không nên làm. Hành động của tâm như vậy thì nên làm và như kia thì không nên làm.

"Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, một vị vua công minh và đúng đắn của Giáo Pháp, dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh Giáo Pháp, coi trọng và kính trọng nó, với Giáo Pháp là tiêu chuẩn, là biểu ngữ và quyền lực, cung cấp sự bảo vệ hợp pháp, sự che chở, và sự an toàn đối với hành động (nghiệp) của thân, lời nói, và tâm như vậy, là người quay chuyển bánh xe vô song của Giáo Pháp theo đúng cách của Giáo Pháp mà thôi. Và bánh xe Giáo Pháp đó không thể nào bị quay ngược bởi bất cứ tu sĩ hay bà-la-môn, bởi bất cứ thiên thần hay Ma Vương hay vua trời hay bất cứ ai trong thế gian."[2]

(AN 3:14; I 109–10)

(2) *Thờ Kính Sáu Phương*

1. Tôi nghe như vầy. Vào dịp đức Thế Tôn đang sống tại thành Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ cư trú của bầy sóc. Rồi có người tên Sigālaka, là con của một gia chủ, sau khi anh ta thức dậy sớm, anh ta đi ra khỏi thành Rājagaha, đang vái lạy, với quần áo ướt và tóc ướt và chấp hai tay, hướng về các phương: đông, tây, nam, bắc, dưới (thiên đế), và trên (thiên đỉnh).

2. Và đức Thế Tôn, sau khi thức dậy sớm và mặc y áo, mang y ngoài và bình bát đi tới thành Rājagaha để khất thực. Và sau khi nhìn thấy Sigālaka đang vái lạy các phương, đức Thế Tôn nói: "Này người con của gia chủ, tại sao anh thức dậy sớm để vái lạy các phương khác nhau như vậy?"

"Thưa ngài, cha của tôi, khi sắp chết, đã dặn tôi phải làm như vậy. Và do đó, vì tôn trọng những lời dặn của cha mà tôi đã tôn kính, tôn vinh, và coi là thiêng liêng, nên tôi thức dậy sớm để vái lạy các phương theo cách như vậy."

"Này con trai của gia chủ, theo nghi luật của Thánh Nhân thì đó không phải là cách đúng đắn để cúng kính sáu phương."

"Vậy hả, thưa ngài, vậy làm cách nào để thờ cúng sáu phương theo nghi luật của Thánh Nhân? Sẽ tốt lành nếu có bậc Thế Tôn chỉ dạy cho con cách đúng đắn để thờ cúng sáu phương theo nghi luật của Thánh Nhân."

"Rồi, này con trai của gia chủ, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói". "Dạ, thưa Thế Tôn," Sigālaka thưa. Và đức Thế Tôn đã nói điều này: …

27. "Và bây giờ, này con trai của gia chủ, làm cách nào một đệ tử thánh thiện bảo vệ sáu phương? Sáu thứ này được coi là sáu phương. Phương đông biểu thị cho cha mẹ. Phương nam biểu thị cho thầy cô. Phương tây là vợ con. Phương bắc là bạn bè. Dưới thiên đế là những người ở, người làm và người giúp việc. Trên thiên đế là những tu sĩ và bà-la-môn.

28. "Có năm cách một người con nên chăm sóc phương đông là cha mẹ. [Người con nên biết nghĩ:] '(i) Sau khi đã được nuôi nấng bởi cha mẹ, tôi sẽ nuôi nấng cha mẹ. (ii) Tôi sẽ giúp làm thay những nghĩa vụ công việc của cha mẹ. (iii)

Tôi sẽ giữ gìn nối tiếp gia phong của gia đình. (iv) Tôi sẽ sống xứng đáng với tài sản tôi được thừa kế. (v) Sau khi cha mẹ qua đời, tôi sẽ thay mặt họ cúng dường quà biếu.' Và có năm cách tương ứng mà cha mẹ nên chăm sóc cho phương đông là: (i) Ngăn cản con làm điều xấu ác, (ii) khuyên khích con làm điều tốt thiện, (iii) dạy con các kỹ năng nghề nghiệp, (iv) chọn vợ gã chồng thích hợp cho con, và (v) khi đến lúc thích hợp, chuyển giao tài sản kế thừa cho con. Theo cách như vậy là phương đông đã được che chở, là làm cho phương đông được bình an và không còn sợ hãi.

29. "Có năm cách những học trò nên chăm sóc cho phương nam là thầy cô giáo: (i) khi gặp thì đứng dậy kính chào, (ii) đứng hầu hạ thầy cô, (iii) chú tâm lắng nghe lời thầy cô, (iv) chăm lo giúp đỡ thầy cô (v) nắm vững các kỹ năng mà thầy cô đã dạy. Và có năm cách tương ứng thầy cô nên chăm sóc cho phương đông là các học trò: (i) chỉ dạy đầy đủ cho học trò, (ii) bảo đảm học trò nắm được những điều cần nắm vững, (iii) dạy học trò đầy đủ về căn bản kỹ năng nghề nghiệp, (iv) giới thiệu học trò tới những bạn bè và đồng nghiệp của mình, và (v) mang lại sự an toàn cho học trò về mọi mặt. Theo cách như vậy là phương nam được che chở, là làm cho phương nam được bình an và không còn sợ hãi.

30. "Có năm cách người chồng nên chăm sóc cho phương tây là vợ: (i) tôn trọng người vợ, (ii) hòa nhã, không nói chê nói xấu người vợ, (iii) chung thủy với người vợ, (iv) trao quyền hạn cho vợ, (v) mua tặng những đồ trang sức cho vợ. Và có năm cách tương ứng một người vợ nên chăm sóc Phuong tây là chồng: (i) quán xuyến đảm đang việc nhà, (ii) đối xử tốt với người ở, (iii) chung thủy với chồng, (iv) bảo vệ tài sản của cải, và (v) khéo léo và giỏi giang trong những việc

khác. Theo cách như vậy là phương tây được che chở, là làm cho phương tây được bình an và không còn sợ hãi.

31. "Có năm cách một người nên chăm sóc phương bắc là bạn bè: (i) rộng lòng, tặng biếu quà cho bạn, (ii) nói lời hòa nhã, tử tế, (iii) chăm lo các phúc lợi của họ, (iv) coi bạn như bản thân mình, (v) giữ lời hứa. Và có năm cách tương ứng những người bạn và đồng nghiệp nên chăm sóc phương bắc là bạn của mình: (i) chăm sóc bạn khi bạn không thể tự chăm sóc, (ii) coi ngó giùm tài sản của bạn khi bạn không thể tự coi ngó, (iii) làm chỗ nương nhờ khi bạn bị sợ hãi, (iv) không bỏ rơi bạn trong lúc bạn gặp khó khăn, hoạn nạn, (v) thể hiện sự quan tâm tới con cái của bạn. Theo cách như vậy là phương bắc được che chở, là làm cho phương bắc được bình an và không còn sợ hãi.

32. "Có năm cách người chủ nên chăm sóc cho phương dưới (thiên đế) là những người ở và người làm: (i) giao việc làm đúng với khả năng, sức lực của họ, (ii) chu cấp thức ăn và trả lương cho họ, (iii) chăm sóc họ khi họ bị đau bệnh, (iv) chia sẻ những món ngon món quý cho họ, và (v) cho họ nghỉ ngơi, nghỉ phép đúng lúc. Và có năm cách tương ứng người ở người làm nên chăm sóc phương dưới là chủ của mình: (i) thức dậy trước chủ, (ii) đi ngủ sau chủ, (iii) chỉ lấy những thứ được cho, không ăn cắp, (iv) làm đúng làm tốt các công việc, (v) nói tốt, giữ tiếng giữ danh cho chủ của mình. Theo cách như vậy là phương dưới được che chở, là làm cho phương dưới được bình an và không còn sợ hãi.

33. "Có năm cách một người nên chăm sóc phương trên (thiên đỉnh) là các tu sĩ và bà-la-môn: (i) có nói lời thân mến đối với họ, (ii) có hành động thân mến đối với họ, (iii) có ý nghĩ thân mến đối với họ, (iv) mở rộng cửa nhà chào đón họ,

(v) chu cấp cúng dường những thứ cần thiết giúp họ nuôi thân (để tu hành). Và đáp lại, những tu sĩ và bà-la-môn cũng nên chăm sóc phương trên là những người đó (người dân, người mến đạo) theo năm cách tương ứng: (i) khuyên họ tránh bỏ điều xấu ác, (ii) khuyên dạy họ làm điều tốt thiện, (iii) từ bi đối với người đó, (iv) truyền dạy người đó những điều người đó chưa nghe chưa biết, và (v) chỉ cho người đó con đường (tu tập) để được lên cõi trời. Theo cách như vậy là phương trên được che chở, là làm cho phương trên được bình an và không còn sợ hãi."

(*trích* DN 31: *Sigālaka Sutta*; III 180–81, 187–91)
(*Kinh "Lời Khuyên Dạy Sigāla"*)

2. GIA ĐÌNH

(1) *Cha Mẹ và Con Cái*

(a) *Tôn Kính Cha Mẹ*

"Này các Tỳ kheo, những gia đình sống có vị trời [Brāhma] khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. Những gia đình sống có các vị tổ sư khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. Những gia đình sống có các vị tổ thiên thần khi ở nhà cha mẹ được con cái tôn kính. Những gia đình sống có những bậc thánh nhân khi trong nhà cha mẹ được con cái tôn kính.

"Này các Tỳ kheo, 'vị trời' [Brāhma] ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Các vị tổ sư' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Các vị tổ thiên thần' ở đây là chữ chỉ bậc cha mẹ. 'Các bậc thánh nhân' là chữ chỉ chỉ bậc cha mẹ. Và tại sao? Bởi cha mẹ là nguồn giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi lớn, nuôi ăn, và giúp cho con cái nhìn thấy thế gian."

(AN 4:63; II 70)

(b) *Trả Hiếu Cha Mẹ*

"Này các Tỳ kheo, ta tuyên bố có hai người không ai có thể trả hết ơn nghĩa cho họ được. Hai đó là gì? Là cha và mẹ.

"Cho dù một người có cõng mẹ trên vai này và cõng cha trên vai kia, và cứ cõng như vậy suốt một trăm năm, họ sống tới một trăm tuổi; và thậm chí một người có chăm sóc cha mẹ bằng cách sức dầu nóng, xoa bóp, tắm rửa, và kỳ cọ chân tay của họ, và thậm chí họ ỉa đái ngay lúc đó—cho dù như vậy vẫn không đủ cho cha mẹ của mình, vẫn không trả hết ơn nghĩa cho cha mẹ. Cho dù một người có lập cha mẹ thành chúa tể cai trị trái đất này, giàu có bảy kho báu, thì người đó vẫn chưa làm đủ đối với cha mẹ, vẫn không trả hết ơn nghĩa cho cha mẹ. Bởi vì sao? Vì cha mẹ là sự giúp đỡ to lớn đối với con cái; cha mẹ nuôi con lớn, cho cho con ăn, và chỉ cho con nhìn thấy thế giới.

"Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu ai khuyến khích cha mẹ đang không có niềm tin, ổn định và thiết lập họ trong niềm tin; ai khuyến khích cha mẹ thiếu đạo đức, ổn định và thiết lập họ trong giới hạnh đạo đức; ai khuyến khích cha mẹ keo kiệt, ổn định và thiết lập họ trong sự rộng lòng bố thí; ai khuyến khích cha mẹ ngu tối, ổn định và thiết lập họ trong trí tuệ hiểu biết—này các Tỳ kheo, người như vậy là làm đủ đối với cha mẹ: người đó trả hết ơn nghĩa cho cha mẹ và trả nhiều hơn những gì cha mẹ đã làm cho mình."

(AN 2: iv, 2; I 61–62)

(2) *Vợ Chồng*

(a) *Bốn Loại Hôn Nhân*

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang trên đường đi từ Madhurā tới Verañjā, và có một số người gồm các gia chủ và các bà vợ cũng đang đi trên tuyến đường đó. Rồi đức Thế Tôn bước ra khỏi đường và đến ngồi dưới một gốc cây. Các gia chủ và các bà vợ của họ nhìn thấy Đức Thế Tôn đang ngồi đó, họ đến gần. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với họ:

"Này các gia chủ, có bốn loại hôn nhân. Bốn là gì? Một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh; một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần; một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh; một thiên thần sống với một nữ thiên thần.

"Và sao thì gọi là một kẻ bất hạnh sống với một kẻ bất hạnh? Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát sinh, gian cắp, tà dâm ngoại tình, nói dối, và rượu chè hút chích, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng túng; người chồng thiếu đạo đức, tính nết xấu ác; người chồng sống ở nhà với một cái tâm bị dính đầy tính keo kiệt; người chồng chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ thì cũng có đầy những tính xấu y như vậy. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một kẻ bất hạnh.

"Và sao thì gọi là một kẻ bất hạnh sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng thì sát sinh … chê bai và chửi mắng những tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sống không sát sinh … không rượu chè hút chích; người vợ thì đức hạnh, tính nết tốt lành; người vợ sống ở nhà với cái tâm không bị dính tính keo kiệt; người vợ không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một kẻ bất hạnh đang sống với một nữ thiên thần.

"Và sao thì gọi là một thiên thần sống với một kẻ bất hạnh? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống, không sát sinh … không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Nhưng người vợ thì sát sinh … chê bai và chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một kẻ bất hạnh.

"Và sao thì gọi là một thiên thần sống với một nữ thiên thần? Ở đây, này các gia chủ, người chồng sống không sát sinh … không rượu chè, hút chích; người chồng thì đức hạnh, tính nết tốt lành; người chồng sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm bởi tính keo kiệt; người chồng không chê bai hay chửi mắng các tu sĩ và bà-la-môn. Và người vợ cũng có đầy những tính tốt y như. Theo cách như vậy là một thiên thần đang sống với một thiên thần.

"Này các gia chủ, đó là bốn loại hôn nhân."

(AN 4:53; II 57–59)

(b) *Làm Sao Để Được Tái Hợp Trong Kiếp Sau*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Bhagga, gần Suṃsumāragiri, trong khu Vườn Nai thuộc khu vườn Bhesakalā. Một buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang y thượng và bình bát đi tới nhà của gia chủ tên Nakulapitā.[3] Sau khi đến nơi, đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình. Rồi gia chủ Nakulapitā và vợ của ông ta là Nakulamātā bước tới đức Thế Tôn, sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống như vậy, gia chủ Nakulapitā thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa Thế Tôn, kể từ khi người vợ trẻ Nakulamātā được cưới về nhà cho con, từ khi con vẫn còn trẻ, con không biết

mình có làm gì sai với cô ta chưa, ngay cả trong ý nghĩ, càng không có trong hành động. Mong ước của chúng con là sẽ được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả kiếp sau."

Rồi người vợ là Nakulamātā đã thưa với đức Thế Tôn như vầy: "Thưa Thế Tôn, kể từ khi con được cưới về nhà của người chồng trẻ Nakulapitā, khi con vẫn còn là cô gái trẻ, con không biết mình có làm điều gì sai với chồng con chưa, ngay cả trong ý nghĩ, càng không có trong hành động. Mong ước của chúng con là sẽ được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả kiếp sau."

Rồi đức Thế Tôn đã nói như vầy: "Này gia chủ, nếu cả vợ và chồng đều mong ước được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả kiếp sau, thì hai người phải đều có cùng niềm tin, cùng giới hạnh đạo đức, cùng lòng rộng lượng bố thí, cùng trí tuệ hiểu biết; nếu được vậy thì hai người sẽ được ở với nhau dài lâu cho hết kiếp này và trong cả kiếp sau."

Khi cả hai đều có niềm tin và rộng lượng bố thí,
Có giới hạnh đạo đức, sống chân chính,
Thì đến với nhau như vợ và chồng
Đầy lòng yêu thương với nhau.

Nhiều phước lành sẽ đến với họ,
Họ cùng sống với nhau trong hạnh phúc,
Mọi kẻ thù không phá được họ,
Khi cả hai đều đức hạnh như nhau.

Đã sống theo Giáo Pháp trong thế gian này,
Cùng sống trong đức hạnh và giới hạnh,
Thì sau khi chết họ sẽ tái hợp trên cõi thiên thần,
Hưởng phúc lành tràn đầy ở đó.

(AN 4:55; II 61–62)

(c) *Bảy Loại Người Vợ*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta (Kỳ-đà), khuôn viên tịnh xá của ông Anāthapiṇḍika (Cấp Cô Độc). Vào buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang y thượng và bình bát đi đến nhà ngài Cấp Cô Độc, khi đến nơi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình. Lúc đó người trong nhà đang có cãi lộn và to tiếng. Gia chủ Cấp Cô Độc bước tới, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.[4] Rồi đức Thế Tôn nói với ông: "Tại sao những người trong nhà đang cãi lộn và to tiếng như vậy, này gia chủ? Người ta nghe chắc nghĩ đó là những người đánh cá đang hò hét kéo lưới bắt cá."

"Thưa Thế Tôn, đó là con dâu của con, tên là Sujātā. Cô ta giàu có và được cưới về đây từ một gia đình giàu có. Cô ta không nghe lời cha mẹ chồng và chồng mình. Cô ta thậm chí không coi trọng, không kính trọng, và không tôn kính Thế Tôn."

Rồi đức Thế Tôn đã gọi cô con dâu Sujātā: "Tới đây, này Sujātā."

"Dạ, thưa Thế Tôn", cô ta đáp lại và đi tới chỗ đức Thế Tôn, cúi chào và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn nói với cô ta: "Này Sujātā, có bảy loại người vợ. Bảy là gì? Loại giống như kẻ sát nhân, loại giống như kẻ trộm cắp, loại giống như một bạo chúa, loại giống như một người mẹ, loại giống người em gái, loại giống như bạn, và loại giống như người ở. Có bảy loại vợ. Giờ con là loại nào trong bảy loại?"

"Con không hiểu chi tiết ý nghĩa trong lời nói ngắn gọn của Thế Tôn. Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp theo cách nào đó để con có thể hiểu được ý nghĩa chi tiết của điều đó."

"Sujātā, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng. Ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", Sujātā đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều như vầy:

"Với cái tâm thù ghét, lạnh lùng và nhẫn tâm,
Tham muốn người khác, chê bai chồng mình;
Kẻ tìm cách giết người đã cưới mình—
Vợ như vậy được gọi như kẻ sát nhân

"Khi chồng làm lụng tích cóp,
Bằng việc làm công, buôn bán hay làm ruộng,
Cô ta luôn cố bòn rút ít nhiều cho mình—
Vợ như vậy được gọi như kẻ trộm.

"Tham ăn tham uống, lười biếng ở không,
Ăn nói hung dữ, gay gắt, thô lỗ
Người đàn bà ăn hiếp người chồng nuôi nấng mình—
Vợ như vậy được gọi như bạo chúa.

"Người luôn giúp đỡ và hiền từ,
Coi sóc chồng như mẹ chăm sóc con,
Người cẩn thận giữ gìn tiền của chồng làm ra—
Vợ như vậy được gọi như người mẹ.

"Người coi chồng với lòng kính trọng,
Như em gái coi trọng anh mình,
Người khiêm nhường nghe theo ý chồng—
Vợ như vậy được gọi như người em.

"Người vui mừng khi nhìn thấy chồng mình,

Như người bạn mừng gặp một người bạn,
Ngôn hạnh, đức hạnh, tận tụy—
Vợ như vậy được gọi như người bạn.

"Người không bực tức, biết sợ hình phạt,
Người nhẫn nhục với chồng mà không thù ghét,
Người khiêm nhường nghe theo ý chồng—
Vợ như vậy được gọi như người ở.[5]

"Những loại vợ ở đây được gọi như,
Một kẻ sát nhân, một kẻ trộm, một bạo chúa,
Những loại vợ này sau khi thân tan rã,
Sẽ bị đày sâu xuống địa ngục.

"Nhưng người vợ như mẹ, như em gái,
Và vợ như người ở,
Ổn định về đức hạnh, giới hạnh lâu dài,
Khi thân tan rã sẽ sinh lên cõi trời.

"Này Sujātā, đó là bảy loại người vợ.
Giờ con thuộc loại vợ nào?
"Thưa Thế Tôn, kể từ hôm nay,
Con hứa với Thế Tôn sẽ là vợ như người ở."

(AN 7:59; IV 91–94)

3. PHÚC LỢI HIỆN TẠI, PHÚC LỢI TƯƠNG LAI

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người Koliya (Câu-lợi) ở khu phố thị Kakkarapatta của người Koliya. Rồi một người tại gia tên Dīghajānu đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống như vậy, ông ta thưa với đức Thế Tôn như vầy:

"Thưa Thế Tôn, chúng con là những người tại gia đang thụ hưởng những vui sướng thế tục, đang sống ở nhà có giường êm, có con cái vui vầy, dùng gỗ đàn hương tốt, đeo vòng hoa, dùng dầu thơm (nước hoa) và phấn sáp (kem, chất cao), dùng vàng bạc. Mong Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con Giáo Pháp để dẫn đến phúc lợi và hạnh phúc trong đời này và cả đời sau."

"Này ông Byagghapajja, có bốn điều dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc của một người tại gia ngay trong đời này. Bốn là gì? (*i*) Có đầy đủ sự tháo vát, (*ii*) có đầy đủ sự cẩn trọng, (*iii*) có bạn bè tốt, và (*iv*) có đời sống cân bằng.

"Và cái gì là có đầy đủ tháo vát? Ở đây, này ông Byagghapajja, dù bất kỳ nghề nghiệp gì người tại gia đang làm—dù là làm nông, buôn bán, chăn nuôi gia súc, săn bắn, làm công vụ hoặc bất cứ nghề gì —thì ở đó người đó cần phải có kỹ năng và siêng năng; tìm hiểu rõ cách làm và công cụ nghề nghiệp; có khả năng thực hiện và thu xếp mọi việc một cách hợp lý. Đây được gọi là có đầy đủ tháo vát.

"Và cái gì là có đầy đủ cẩn trọng? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người tại gia nên thiết lập sự bảo vệ và gìn giữ tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đó luôn biết nghĩ: 'làm cách này tôi bảo vệ tài sản không bị cướp bóc hay bị vua chúa tịch thu, không bị hỏa hoạn cháy mất, không bị lũ lụt cuốn mất, và không bị những người thừa kế bất nghĩa chiếm đoạt?' Đây được gọi là có đầy đủ sự cẩn trọng.

"Và cái gì là có bạn bè tốt? Ở đây, này ông Byagghapajja, trong bất kỳ ngôi làng hay phố thị nào một người tại gia sống, người đó có giao lưu với những chủ gia hoặc con trai của họ, dù trẻ hay già, những người có đức hạnh trưởng thành, có được niềm tin, có giới hạnh đạo đức, có rộng lòng bố thí, và có trí tuệ hiểu biết; người đó nói chuyện với họ và tham gia thảo luận với họ. Người đó thi đua với họ về mặt có-được niềm tin, giới hạnh đạo đức, lòng rộng lượng bố thí, và trí tuệ hiểu biết. Đây được gọi là có bạn bè tốt.

"Và cái gì là đời sống cân bằng? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người tại gia biết rõ thu nhập và tiêu xài của mình, và biết sống một đời sống cân bằng, không quá phung phí cũng không quá hà tiện, làm sao để cho mức thu nhập luôn nhiều hơn mức tiêu xài, chứ không để ngược lại. Giống như một người thợ bạc hay người phụ việc của ông, khi cầm cân lên, biết rõ: 'Bớt bao nhiêu thì cần cân nghiêng xuống, thêm bao nhiêu thì cần cân nhỏng lên', như vậy một người tại gia cũng biết (cân nhắc đo lường) cách sống một đời sống cân bằng.

"Tài sản được tích lũy như vậy có các cửa bị tiêu tán, đó là: trai gái; rượu chè; cờ bạc; và bạn xấu. Cũng giống như một cái ao trữ nước có bốn cửa chảy vô và bốn cửa chảy ra, nếu một người đóng cửa vô và mở các cửa ra, và không có lượng nước mưa nào thêm vào, thì nước sẽ càng lúc càng hao hụt chứ không tăng lên; do vậy bốn cửa ra đó sẽ làm tiêu tán tài sản được tích lũy.

"Giống vậy, có bốn cửa làm gia tăng tài sản được tích lũy, đó là: không trai gái, không rượu chè; không cờ bạc; và không có bạn xấu. Cũng giống như một ao trữ nước có bốn cửa chảy vô và bốn cửa chảy ra, nếu một người chỉ mở bốn

cửa vô và đóng bốn cửa ra, và còn có lượng nước mưa thêm vào, thì nước sẽ càng lúc càng tăng chứ không bị hao hụt; do vậy đó là bốn cửa vô đó sẽ làm gia tăng tài sản tích lũy.

"Này ông Byagghapajja, đó là bốn điều dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc của người tại gia trong đời này.

"Rồi có bốn điều khác dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc của người tại gia trong đời sau. Bốn đó là gì? (*i*) Thành tựu về lòng tin, (*ii*) thành tựu về giới hạnh đạo đức, (*iii*) thành tựu về tính rộng lòng bố thí, và (*iv*) thành tựu về trí tuệ hiểu biết.

"Và làm cách nào một người tại gia thành tựu (có được) về niềm tin? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người tại gia có niềm tin; người đó tin chắc vào sự giác ngộ của Như Lai, tin rằng: 'Vậy Như Lai là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự hiểu biết và đức hạnh đích thực, là bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ dạy, thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Theo cách như vậy là một người tại gia thành tựu về mặt niềm tin.

"Và làm cách nào một người tại gia thành tựu về mặt giới hạnh đạo đức? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người tại gia sống không sát sinh, không trộm cắp, không quan hệ tính dục bất chính, không nói dối, không uống rượu bia hay dùng chất độc hại, là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng túng. Theo cách như vậy là một người tại gia thành tựu về mặt giới hạnh đạo đức.

"Và làm cách nào một người tại gia thành tựu về mặt rộng lòng bố thí? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người tại gia sống ở nhà với một cái tâm không dính nhiễm tính keo

kiệt, rộng lòng hào hiệp, mở rộng bàn tay, khoái thích sự từ bỏ, là người đóng góp từ thiện, thích cho đi và chia sẻ.'

"Và làm cách nào một người tại gia thành tựu về mặt trí tuệ hiểu biết? Ở đây, này ông Byagghapajja, một người tại gia có được trí tuệ nhìn vào sự khởi sinh và biến diệt của các hiện tượng, đó là loại hiểu biết thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự tiêu diệt khổ. Theo cách như vậy là một người tại gia thành tựu về mặt trí tuệ hiểu biết.

"Này ông Byagghapajja, đó là bốn điều dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc của một người tại gia trong đời sau."

(AN 8:54; IV 281–85)

4. CÔNG VIỆC NGHỀ NGHIỆP ĐÚNG ĐẮN

(1) *Tránh Bỏ Nghề Nghiệp Sai Trái*

"Này các Tỳ kheo, năm nghề một người đệ tử tại gia không nên làm: buôn bán vũ khí, buôn bán sinh vật sống, buôn bán thịt, buôn bán rượu, buôn bán chất độc."

(AN 5:177; III 208)

(2) *Sử Dụng Tài Sản Một Cách Đúng Đắn*

[Đức Thế Tôn đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc:] "Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm bốn việc xứng đáng. Bốn đó là gì?

(1) Với tài sản được làm ra như vậy, người đó (*i*) làm cho bản thân mình hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho mình được hạnh phúc như vậy; người đó (*ii*) làm cho cha mẹ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (*iii*) làm cho vợ con mình, người ở, người làm, và người phục vụ hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy; người đó (*iv*) làm cho bạn bè và đồng sự hạnh phúc và vui lòng và duy trì một cách hợp lý để cho họ được hạnh phúc như vậy. Đây là trường hợp thứ nhất tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn, được ứng dụng một cách hiệu quả, và được dùng cho một lý do xứng đáng.

(2) "Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết chia ra các khoản dự phòng rủi ro bị mất mát do hỏa hoạn và lũ lụt, bị cướp hoặc bị tịch thu bởi các vua chúa, hoặc bị chiếm đoạt bởi những người thừa kế bất nghĩa; người đó làm cho bản thân mình được an toàn khỏi những rủi ro đó. Đây là trường hợp thứ hai tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng …

(3) "Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện biết thực hiện năm loại cúng dường: đối với những người thân thuộc, khách khứa, ông bà tổ tiên, nhà vua, và các thiên thần. Đây là trường hợp thứ ba tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng.…

(4) "Thêm nữa, này gia chủ, với tài sản được làm ra như vậy, người đệ tử thánh thiện thiết lập một sự cúng dường thức ăn cho các tu sĩ khất thực và các bà-la-môn, đó là những người đã kiềm chế khỏi sự phù hoa và phóng túng, những người đã sống an định trong sự nhẫn nhục và hiền từ, những người đã dồn hết mình vào việc (tu tập để) thuần hóa bản thân

mình, làm tĩnh lặng bản thân mình, và để đạt tới Niết-bàn—đó là một sự cúng dường thánh thiện, kết quả dẫn tới hạnh phúc, dẫn tới (tái sinh) cõi trời. Đây là trường hợp thứ tư tài sản được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn, được ứng dụng một cách hiệu quả, và được dùng cho một lý do xứng đáng.

"Này gia chủ, đó là bốn việc xứng đáng mà người đệ tử thánh thiện đảm nhận làm với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính.

"Đối với ai chỉ biết tiêu dùng vào những mục đích khác ngoài bốn việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó coi như đã bị tiêu xài uổng phí, bị lãng phí, và bị dùng một cách vô công ích. Nhưng đối với ai biết tiêu dùng tài sản vào bốn việc xứng đáng nói trên, thì tài sản đó coi như đã được tiêu dùng cho mục đích đúng đắn, được ứng dụng một cách hiệu quả, và được dùng cho một lý do xứng đáng."

(AN 4:61; II 65–68)

(3) *Niềm Hạnh Phúc Của Một Người Tại Gia*

Đức Thế Tôn đã nói với gia chủ Cấp Cô Độc: "Này gia chủ, có bốn loại hạnh phúc có thể đạt được bởi một người tại gia sống đời thụ hưởng khoái lạc giác quan, tùy lúc và tùy thời. Bốn đó là gì? Đó là (*i*) hạnh phúc khi có tài sản, (*ii*) hạnh phúc khi hưởng thụ, (*iii*) hạnh phúc vì không nợ nần, và (*iv*) hạnh phúc vì không bị tội lỗi.

"Và, này gia chủ, cái gì là hạnh phúc khi có tài sản? Ở đây một người tại gia sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ

lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi sở hữu tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát … có được một cách chân chính', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc và vui mừng. Đây được gọi là niềm hạnh phúc khi có tài sản.

"Và, này gia chủ, cái gì là hạnh phúc khi hưởng thụ? Ở đây, với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát, được tích lũy bằng chính đôi tay của mình, có được từ mồ hôi công sức của mình, tài sản chân chính có được một cách chân chính, một người tại gia được thụ hưởng của cải và làm những việc công đức. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Với tài sản do mình làm ra bằng nỗ lực tháo vát … có được một cách chân chính, tôi được hưởng thụ của cải của tôi và làm những việc công đức', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh phúc khi thụ hưởng.

"Và, này gia chủ, cái gì là hạnh phúc vì không bị nợ nần? Ở đây một người tại gia không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi không nợ bất cứ ai ở mức độ nào, dù lớn hay nhỏ', thì người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh phúc vì không bị nợ nần.

"Và, này gia chủ, cái gì là hạnh phúc vì không bị tội lỗi? Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện được phú cho đức hạnh vô tội lỗi trong hành động, lời nói, và tâm ý. Mỗi khi người đó nghĩ: 'Tôi được phú cho đức hạnh vô tội lỗi trong hành động, lời nói, và tâm ý', thì người đó trải nghiệm một niềm hạnh phúc và vui mừng. Đó được gọi là niềm hạnh phúc vì không bị tội lỗi.

"Này gia chủ, đó là bốn loại hạnh phúc mà một người tại gia sống đời thụ hưởng dục lạc có thể đạt được, tùy lúc và tùy thời."

(AN 4:62; II 69–70)

5. NGƯỜI PHỤ NỮ TẠI GIA

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở tại Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn Phía Đông, trong lâu đài của Mẹ của Migāra. Rồi bà Visākhā, mẹ của Migāra, đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, và ngồi xuống một bên.[6] Đức Thế Tôn đã nói với bà:

"Này Visākhā, khi một người phụ nữ sở hữu bốn phẩm chất thì chị ta đang hướng tới thắng lợi trong đời này và thành công trong thế giới này. Bốn đó là gì?

"Ở đây, này Visākhā, (*i*) một phụ nữ có khả năng trong công việc; (*ii*) chị ta biết quản lý tốt những người giúp việc; (*iii*) chị ta biết đối xử theo cách làm vui lòng chồng mình; và (*iv*) chị ta biết bảo vệ tiền của chồng làm ra.

"Và sao là một phụ nữ có khả năng trong công việc? Ở đây, chị ta khéo tay và siêng năng đối với những công việc trong nhà của người chồng, dù là việc dệt len hay dệt vải; chị ta biết tìm hiểu những phương tiện thích hợp và có khả năng làm và thu xếp mọi thứ một cách hợp lý. Theo cách như vậy là một người phụ nữ có khả năng trong công việc của mình.

"Và sao là một phụ nữ biết quản lý người phụ việc? Ở đây, này Visākhā, đối với những người giúp việc trong nhà chồng—người ở, người hầu, hoặc người làm—chị ta coi ngó trực tiếp để biết rõ những gì họ đã làm và chưa làm; chị ta

biết rõ lúc họ bệnh đau hay khỏe mạnh; và chị ta phân chia những thức ăn cho họ một cách thích hợp. Theo cách như vậy là một người phụ nữ biết quản lý những người giúp việc trong nhà.

"Và sao là một người phụ nữ biết đối xử theo cách làm vui lòng chồng mình? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ không nên làm một việc xấu nào mà chồng mình cho là không chấp nhận được, ngay cả khi phải chết chị cũng không làm vậy. Theo cách như vậy là người phụ nữ đối xử theo cách làm vui lòng chồng mình.

"Và sao là một phụ nữ biết bảo vệ tiền của người chồng làm ra? Ở đây, này Visākhā, bất cứ thứ gì người chồng mang về—tiền, hay lúa gạo, hay vàng bạc—chị ta phải làm được việc bảo vệ và bảo toàn nó, và chị ta không phải là kẻ phá của, lấy cắp, vô tâm, hoặc lãng phí tiền của của chồng. Theo cách như vậy là một người phụ nữ bảo vệ tiền của người chồng làm ra.

"Này Visākhā, khi một người phụ nữ sở hữu bốn phẩm chất đó thì chị ta đang hướng về thắng lợi trong đời này và thành công trong thế giới này. Nhưng, khi một người phụ nữ sở hữu bốn phẩm chất khác thì chị ta đang hướng tới thắng lợi trong đời khác (sau) và thành công trong thế giới khác. Bốn đó là gì?

"Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ (*i*) có thành tựu về niềm tin, (*ii*) về giới hạnh đạo đức, (*iii*) về tính rộng lòng bố thí, và (*iv*) về trí tuệ hiểu biết.

"Và làm sao một người phụ nữ thành tựu về niềm tin? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ có niềm tin, chị ta đặt niềm tin vào sự giác ngộ của Như Lai như vầy: 'Vậy Như Lai

là một bậc A-la-hán … [*giống y như đoạn kinh IV,3*] … thầy của các thiên thần và người, là bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Theo cách như vậy, một người phụ nữ thành tựu về niềm tin.

"Và làm sao một phụ nữ thành tựu về giới hạnh đạo đức? Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ sống không sát sinh, không ăn cắp, không tà dâm ngoại tình, không nói dối, không uống rượu nhẹ rượu mạnh hay hút chích là căn cơ của đời sống lơ tâm phóng túng. Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về giới hạnh đạo đức.

"Và làm sao một người phụ nữ thành tựu về tính rộng lòng bố thí? Ở đây, này Visākhā, một người phụ nữ sống ở nhà với một cái tâm không bị dính nhiễm tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, giúp đỡ, thích từ bỏ, là người đóng góp cho từ thiện, thích cho đi và chia sẻ. Theo cách như vậy là một người phụ nữ thành tựu về tính rộng lòng bố thí.

"Và làm sao một người phụ nữ thành tựu về trí tuệ hiểu biết? Ở đây, này Visākhā, một phụ nữ có được trí tuệ nhìn vào sự sinh và sự diệt của các hiện tượng, đó là loại hiểu biết thánh thiện và thâm nhập và dẫn tới sự tiêu diệt khổ.

"Khi một người phụ nữ có được bốn phẩm chất đó thì chị ta đang hướng tới thắng lợi trong đời khác và thành công trong thế giới khác."

(AN 8:49; IV 269–71)

6. CỘNG ĐỒNG

(1) *Sáu Gốc Rễ Gây Ra Tranh Chấp*

6. "Này Ānanda, có sáu gốc rễ tạo những tranh chấp. Sáu đó là gì? Này Ānanda, một Tỳ kheo (*i*) hay nóng giận và bực

tức. Tỳ kheo đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu tập. Một Tỳ kheo sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp và Tăng đoàn, và người đó là người không hoàn thành sự tu tập, tạo ra tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới nguy hại và bất hạnh cho số đông, dẫn tới sự mất mát, sự nguy hại và sự khổ cho các thiên thần và người. Giờ nếu các thầy nhìn thấy bất kỳ gốc rễ nào, bên trong mình hoặc ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy phải nỗ lực (tu tập để) trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh chấp đó. Và nếu các thầy không nhìn thấy gốc rễ nào, bên trong mình hay ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách như vậy để cho gốc rễ tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. Như vậy là có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; như vậy là có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây tranh chấp trong tương lai.

7–11. "Lại nữa, một Tỳ kheo (*ii*) kinh thường và xấc xược … (*iii*) ghen tỵ và keo kiệt … (*iv*) lừa dối và gian lận … (*v*) có những ý định xấu và cách nhìn sai lạc (tà kiến) … (*vi*) cố chấp theo những cách nhìn sai lạc của mình, bám chặt vào chúng một cách ngoan cố, khó mà từ bỏ chúng. Tỳ kheo đó sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp, và Tăng đoàn, và người đó không hoàn thành sự tu tập. Một Tỳ kheo sống không có sự tôn trọng và kính trọng đối với Sư Thầy, Giáo Pháp và Tăng đoàn, và người đó là người không hoàn thành sự tu tập, tạo ra tranh chấp trong Tăng đoàn, dẫn tới nguy hại và bất hạnh cho số đông, dẫn tới sự mất mát, sự nguy hại và sự khổ cho các thiên thần và người. Giờ nếu các thầy nhìn thấy bất kỳ gốc rễ nào, bên trong mình hoặc ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy

phải nỗ lực (tu tập để) trừ bỏ cái gốc rễ xấu gây ra tranh chấp đó. Và nếu các thầy không nhìn thấy gốc rễ nào, bên trong mình hay ở bên ngoài, gây ra tranh chấp, thì các thầy cũng phải tu tập theo cách như vậy để cho gốc rễ tranh chấp không phát sinh lại trong tương lai. Như vậy là có sự trừ bỏ gốc rễ xấu gây ra tranh chấp; như vậy là có sự không phát sinh lại gốc rễ xấu gây tranh chấp trong tương lai.

Đó là sáu gốc rễ gây ra tranh chấp."

(*trích* MN 104: *Sāmagāma Sutta*; II 245–47)
(*Kinh "Làng Sāmagāma"*)

(2) *Sáu Nguyên Tắc Để Sống Hòa Hợp*

21. "Này Ānanda, có sáu nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thương mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết. Sáu đó là gì?

"Ở đây một Tỳ kheo ở chỗ chung hay chỗ riêng đều (*i*) luôn giữ thân hành-động từ ái đối với những người đồng tu của mình trong đời sống thánh thiện. Đây là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thương mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

"Lại nữa, một Tỳ kheo ở chỗ chung hay chỗ riêng đều (*ii*) luôn giữ lời-nói từ ái đối với những người đồng tu của mình trong đời sống thánh thiện. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thương mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

"Lại nữa, một Tỳ kheo ở chỗ chung hay chỗ riêng đều (*iii*) luôn giữ tâm-ý từ ái đối với những người đồng tu của mình trong đời sống thánh thiện. Đây cũng là nguyên tắc hòa

hợp để tạo ra sự thương mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó … sự đoàn kết.

"Lại nữa, một Tỳ kheo (*iv*) cùng hưởng dụng mọi thứ cùng với những người đồng tu đức hạnh của mình trong đời sống thánh thiện; không cất giữ để dành, người đó chia sẻ với họ mọi thứ chân chính có được một cách chân chính, ngay cả chỗ thức ăn khất thực được trong bình bát. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thương mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó … sự đoàn kết.

"Lại nữa, một Tỳ kheo sống ở chỗ chung hay chỗ riêng (*v*) cùng sở hữu với những người đồng tu của mình trong đời sống thánh thiện những đức-hạnh (có tính chất) nguyên lành, không rách mẻ, không ô nhiễm, không vết nhơ, hướng tới giải thoát, được khen ngợi bởi bậc hiền trí, không dính chấp, dẫn đến sự định tâm. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thương mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó … sự đoàn kết.

"Lại nữa, một Tỳ kheo sống ở chỗ chung hay chỗ riêng (*vi*) cùng sở hữu với những người đồng tu của mình trong đời sống thánh thiện một cách-nhìn (có tính chất) thánh thiện và giúp giải thoát, và dẫn dắt người khác tu tập theo cách nhìn đó đạt đến sự tiêu diệt khổ. Đây cũng là nguyên tắc hòa hợp để tạo ra sự thương mến và tôn trọng, và dẫn tới sự gắn bó, sự bất tranh chấp, sự hòa đồng, và sự đoàn kết.

"Đó là sáu nguyên tắc sống hòa hợp để tạo sự thương mến và tôn trọng, dẫn tới sự gắn bó, dẫn tới sự bất tranh chấp, dẫn tới sự hòa đồng, và dẫn tới sự đoàn kết.

(*trích* MN 104: *Sāmagāma Sutta*; II 250–51)
(*Kinh "Làng Sāmagāma"*)

(3) *Sự Thanh Lọc Bản Thân Là Dành Cho Mọi Giai Cấp*

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc.

2. Rồi bấy giờ có năm trăm bà-la-môn từ những tỉnh khác nhau cũng đang ở tại Sāvatthī vì công việc này nọ. Rồi những bà-la-môn đó nghĩ rằng: "Tu sĩ Cồ-đàm mô tả sự thanh lọc là dành cho tất cả bốn giai cấp. Vậy nên có ai có thể tới để tranh cãi với ông ấy về sự khẳng định đó hay không?"

3. Lúc đó có một môn sinh bà-la-môn tên là Assalyāana cũng đang ở trong thành Sāvatthī. Trẻ, đầu cạo trọc, mười sáu tuổi, anh ta là một bậc thầy về ba bộ kinh Vệ-đà, với những từ vựng thuật ngữ, nghi lễ cúng tế, âm vị học, và nguyên từ của chúng, và thứ năm là các phần sử học; giỏi về ngữ văn và ngữ pháp, anh ta hoàn toàn tinh thông về triết học tự nhiên và về tướng số của các bậc đại nhân. Vì vậy các bà-la-môn nghĩ anh ta có thể tới tranh cãi với đức Thế Tôn.

4. Khi họ tới gặp môn sinh bà-la-môn tên Assalyāana và nói với anh ta: "Thầy Assalyāana, tu sĩ Cồ-đàm này mô tả sự thanh lọc là dành cho tất cả bốn giai cấp. Vậy Thầy Assalyāana hãy đến đó để tranh cãi với tu sĩ Cồ-đàm về sự khẳng định đó."

Khi họ nói ra điều này, môn sinh bà-la-môn Assalyāana trả lời rằng: "Thưa các ngài, tu sĩ Cồ-đàm là người nói Giáo Pháp. Giờ ai nói Giáo Pháp thì khó mà tranh luận với họ. Tôi không thể tranh cãi với tu sĩ Cồ-đàm về sự khẳng định đó."

Lần thứ hai và lần thứ ba họ thúc giục anh ta đi. Lần thứ hai môn sinh bà-la-môn Assalyāana vẫn từ chối, nhưng sau lần thứ ba thì anh ta đồng ý đi.

5. Rồi môn sinh bà-la-môn Assalyāana cùng một số đông các bà-la-môn đã đi đến gặp đức Thế Tôn, và chào hỏi qua lại. Và khi xong phần hỏi thăm lịch sự và hòa nhã, anh ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, các bà-la-môn nói như vầy: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất, những người thuộc giai cấp khác là thấp hèn hơn; các bà-la-môn là giai cấp có da sáng đẹp nhất, những người giai cấp khác có da thâm tối; chỉ có các bà-la-môn là được thanh lọc (để được trong sạch, thánh thiện), những người khác không làm được; chỉ các bà-la-môn là con của Trời [Brāhma], là con cháu của Trời, được sinh ra từ miệng của Trời, từ Trời sinh ra, do Trời tạo ra, là dòng dõi kế thừa của Trời.' Thầy Cồ-đàm nói sao về điều đó?"

"Bây giờ, này Assalyāana, các phụ nữ bà-la-môn rõ ràng cũng có kỳ kinh nguyệt, có mang thai, sinh con, và cho con bú.[7] Và những bà-la-môn đó, mặc dù được sinh ra từ bào thai mà vẫn luôn nói rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … chỉ các bà-la-môn là con của Trời [Brāhma], là con cháu của Trời, được sinh ra từ miệng của Trời, từ Trời sinh ra, do Trời tạo ra, là dòng dõi kế thừa của Trời.'"

6. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời.'"

"Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Anh đã từng nghe ở vùng Yona và Kamboja[8] và ở những xứ nước ngoài khác chỉ có hai giai cấp, đó là chủ và nô lệ, và tùy theo thời cuộc có khi chủ trở thành nô lệ, và nô lệ trở thành chủ đó sao?"

"Dạ thưa, tôi có nghe vậy."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì [luận cứ gì] hay căn cứ vào cái gì [thẩm quyền nào] mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời?'"

7. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời.'"

"Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Giả sử một người giai cấp chiến-sĩ [khattiya] sát sinh, trộm cắp, tà dâm tà dục, nói dối, nói lời độc ác, nói lời gắt gỏng, nói dóc tán gẫu, tham lam, có tâm ác ý, và cố chấp cách nhìn sai lạc (tà kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, chỉ có người đó mới bị tái sinh vào cảnh giới thống khổ, trong một nơi đến xấu thấp, trong một thế giới thấp tối, trong địa ngục—còn các bà-la-môn nếu làm vậy thì không bị tái sinh xuống đó hay sao?

Giả sử một người giai cấp thương-nông … một người giai cấp hạ-tiện bần lao sát sinh … cố chấp cách nhìn sai lạc. Khi thân tan rã, sau khi chết, chỉ có người đó mới bị tái sinh vào cảnh giới thống khổ, trong một nơi đến xấu thấp, trong một thế giới thấp tối, trong địa ngục—còn các bà-la-môn nếu làm vậy thì không bị tái sinh xuống đó hay sao?

"Không phải vậy, thưa Thầy Cồ-đàm. Cho dù đó là một người giai cấp chiến sĩ, một bà-la-môn, một thương nhân, hay một người bần lao—ai trong bốn giai cấp đó khi sát sinh … cố chấp cách nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, đều bị tái sinh vào cảnh giới thống khổ, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời?'"

8. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời.'"

"Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Giả sử một bà-la-môn sống biết kiêng cữ: không sát sinh, không trộm cắp, không tà dục tà dâm, không nói dối, không nói lời độc ác, không nói lời gắt gỏng, và không nói dóc tán gẫu, và không có tham lam, có tâm không ác ý, và nắm giữ cách nhìn đúng đắn (chánh kiến). Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời—còn những người thuộc giai cấp chiến sĩ, nông thương hay hạ tiện nếu làm vậy không được tái sinh lên đó hay sao?"

"Dạ không phải vậy, thưa Thầy Cồ-đàm. Cho dù đó là một người giai cấp chiến sĩ, một bà-la-môn, một thương nhân, hay một người bần lao—ai trong bốn giai cấp đó sống biết kiêng cữ, không sát sinh … và nắm giữ cách nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, cũng sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời?'"

9. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời.'"

"Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Bộ chỉ có bà-là-môn trong vùng đất này mới có khả năng tu dưỡng tâm từ, không

hung dữ và không ác ý; còn những người giai cấp chiến sĩ, nông thương hay bần lao thì không tu dưỡng được như vậy hay sao?"

"Không phải vậy, thưa Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến sĩ, nông thương hay bần lao—ai trong bốn giai cấp đó ở vùng đất này cũng đều có khả năng tu dưỡng tâm từ, không hung dữ và không ác ý."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời?'"

10. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời.'"

"Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Bộ chỉ có bà-la-môn mới có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình; còn những người giai cấp chiến sĩ, nông thương, hay bần lao thì không làm được như vậy hay sao?"

"Không phải vậy, thưa Thầy Cồ-đàm. Dù một người là bà-la-môn, người thuộc giai cấp chiến sĩ, nông thương, hay bần lao—ai trong bốn giai cấp đó cũng đều có khả năng cầm bàn chải và bột tắm, đi ra sông, và tắm gội hết bụi đất trên người mình."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời?'"

11. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời.'"

"Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Giả sử một vị vua thuộc giai cấp chiến sĩ đã được phong vương, ông cho triệu tập năm trăm người thuộc những giai cấp [gia thế] khác nhau, và nói với họ rằng: 'Này các vị đến đây, ai ở đây thuộc gia thế giai cấp chiến sĩ, hay bà-la-môn, hay hoàng tộc hãy cầm một que mồi lửa làm bằng gỗ tinh tốt, và nhóm lửa lên để tạo nhiệt. Và ai thuộc gia đình hạ tiện bị xã hội ruồng bỏ, thuộc gia đình làm nghề săn bắn, làm nghề đan lát chẻ tre, làm nghề làm xe, làm nghề lượm rác moi rác hãy cầm một que mồi lửa làm từ máng nước cho chó uống, làm từ máng heo, làm từ thùng đựng rác hay làm bằng gỗ thầu dầu, và nhóm lửa lên để tạo nhiệt.'

"Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ nhất, thì lửa sẽ có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa (để nấu ăn, sưởi ấm, thắp sáng…). Rồi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ hai, thì lửa sẽ không có ngọn, không có màu, và không tỏa sáng, và nó không thể được dùng cho những mục đích dùng lửa hay sao?"

"Không phải vậy, thưa Thầy Cồ-đàm. Khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ nhất, thì lửa sẽ có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa. Và khi lửa được nhóm lên và nhiệt được tạo ra bởi người thuộc nhóm thứ hai, thì lửa cũng có ngọn, có màu, và tỏa sáng, và nó có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa. Bởi vì tất cả lửa đều có ngọn, có

màu, và tỏa sáng, và nó đều có thể được dùng cho những mục đích dùng lửa."

"Vậy thì dựa trên sức mạnh gì hay căn cứ vào cái gì mà các bà-la-môn trong trường hợp này lại nói rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời?'"

12. "Mặc dù Thầy Cồ-đàm nói điều này, nhưng các bà-la-môn vẫn nghĩ rằng: 'Các bà-la-môn là giai cấp cao nhất … dòng dõi kế thừa của Trời.'"

"Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Giả sử một thanh niên thuộc giai cấp chiến sĩ lấy một con gái nhà bà-la-môn, và họ sinh ra một đứa con của hai người. Vậy đứa con đó được coi là người giai cấp chiến sĩ giống cha, hay một bà-la-môn giống mẹ?"

"Nó có thể có thể được gọi bằng cả hai, (vừa là chiến sĩ, vừa là bà-la-môn), thưa Thầy Cồ-đàm."

13. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Giả sử một thanh niên bà-la-môn lấy một con gái nhà giai cấp chiến sĩ, và họ sinh ra một đứa con của hai người. Vậy đứa con đó được coi là bà-la-môn giống cha, hay người giai cấp chiến sĩ giống mẹ?"

"Nó có thể có thể được gọi bằng cả hai, thưa Thầy Cồ-đàm."

14. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Giả sử một con ngựa cái giao phối với một con lừa đực, và một con thú con được sinh ra. Vậy con thú con đó được gọi là con ngựa giống mẹ, hay là con lừa giống cha?"

"Nó là con la, thưa Thầy Cồ-đàm, bởi vì nó không còn là ngựa hay lừa nữa. Tôi đã nhìn ra khác biệt trong trường hợp

(ví dụ) cuối này, nhưng tôi không nhìn thấy sự khác biệt trong hai trường hợp (ví dụ) trước."

15. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Giả sử có hai môn sinh bà-la-môn, họ là anh em ruột, được sinh cùng một mẹ, một người siêng học và thông minh, còn người kia thì không siêng học cũng không thông minh. Ai trong hai người sẽ được các bà-la-môn cúng dường thức ăn trước trong lễ tang, hoặc trong lễ cúng dường, hoặc trong lễ hiến tế, hoặc trong lễ tiệc đãi khách?"

"Trong những dịp lễ đó, các bà-la-môn sẽ cúng dường thức ăn cho người siêng học và thông minh, thưa Thầy Cồ-đàm; bởi vì nếu cúng dường thứ gì cho người không siêng học cũng không thông minh thì (việc cúng dường đó) đâu mang lại quả báo lớn lao gì?"

16. "Này Assalyāana, anh nghĩ sao? Giả sử có hai môn sinh bà-la-môn, họ là anh em ruột, được sinh cùng một mẹ, một người siêng năng và thông minh, nhưng thất đức và tánh tình xấu ác, và người kia thì không siêng học cũng không thông minh, nhưng đạo đức và tánh tình tốt thiện. Ai trong hai người sẽ được các bà-la-môn cúng dường thức ăn trong lễ tang, trong lễ cúng dường, trong lễ hiến tế, hoặc trong lễ tiệc đãi khách?"

"Vào các dịp lễ đó, các bà-la-môn sẽ cúng dường thức ăn cho người không siêng học cũng không thông minh, nhưng có đạo đức và tánh tình tốt thiện, thưa Thầy Cồ-đàm; bởi vì nếu cúng dường thứ gì cho người thất đức và tánh tình xấu ác thì đâu mang lại quả báo lớn lao gì?"

17. "Này Assalyāana, đầu tiên anh khăng khăng dựa trên giai cấp gia thế, và sau đó anh khăng khăng dựa trên việc học

hành kinh điển, và sau đó anh lại chuyển qua dựa vào cái lý rằng sự thanh lọc là dành cho tất cả bốn giai cấp, như ta đã mô tả."

Khi điều này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Assalyāana đã ngồi im lặng và mất hết tinh thần, hai vai chùn xuống và đầu gục xuống, buồn bã và không còn đối đáp nữa.

(*tóm lược* MN 93: *Assalyāana Sutta*; II 147–54)

(4) *Bảy Nguyên Tắc Ổn Định Xã Hội*

1.1. Tôi nghe như vầy. Một lần đức Thế Tôn đang ở Rājagaha (Vương-xá), trên Đỉnh Núi Kền Kền (Linh Thứu). Lúc bấy giờ vua nước Magadha (Ma-kiệt-đà) là Ajātasattu (A-xà-thế) Vedehiputta muốn tấn công những người Vajji (Bạt-kỳ).[9] Ông nói: "Ta sẽ tấn công dân Vajji, họ hùng mạnh và uy lực, ta sẽ chặt họ ra và tiêu diệt họ, ta sẽ làm tàn hoại và tiêu diệt họ!"

1.2. Và vua Ajātasattu đã sai đại thần của ông là bà-la-môn Vassakāra: "Này bà-la-môn, hãy tới gặp đức Thế Tôn, nhân danh ta cúi đầu xuống đất kính chào ngài ấy, hỏi thăm ngài ấy đã hết bệnh hết đau chưa, có đang sống khỏe mạnh, mạnh mẽ và thư thái hay không, và sau đó hãy thưa với ngài rằng: 'Thưa Đức Ngài, vua Ajātasattu Vedehiputta của nước Magadha muốn tấn công dân Vajji, và vua nói rằng: "Ta sẽ tấn công dân Vajji … và tiêu diệt họ!"' Và bất cứ điều gì đức Thế Tôn nói với ông, hãy trung thành bẩm báo lại cho ta, bởi vì đức Thế Tôn không bao giờ nói sai nói gạt."

1.3. "Rất rốt, thưa đại vương", Vassakāra đáp lại, và cho chuẩn bị đoàn xe ngựa, ông leo lên một chiếc và từ thành

Rājagaha tiến thẳng tới Đỉnh Núi Kền Kền, đi hết đường đất có thể đi, sau đó tiếp tục đi bộ lên núi chỗ đức Thế Tôn. Ông ta chào hỏi lễ phép với đức Thế Tôn, sau đó ngồi xuống một bên, và hỏi thăm, và sau đó chuyển lời của nhà vua.

1.4. Lúc đó ngài Ānanda đang đứng hầu quạt sau lưng đức Thế Tôn. Và đức Thế Tôn đã nói:

(1) "Này Ānanda, thầy có nghe rằng người dân Vajji luôn tổ chức đại hội đồng thường xuyên và định kỳ hay không?"—"Con có nghe họ làm như vậy, thưa Thế Tôn"

"Này Ānanda, chừng nào người Vajji còn tổ chức đại hồi đồng thường xuyên và định kỳ, thì có thể coi như họ đang cường thịnh chứ không suy yếu.

(2) "Thầy có nghe người dân Vajji gặp nhau trong hòa hợp, và họ làm ăn với nhau trong hòa hợp, hay không?"—"Con có nghe họ như vậy, thưa Thế Tôn."

"Này Ānanda, chừng nào người Vajji còn gặp nhau trong hòa hợp, chia tay nhau trong hòa hợp, và làm ăn với nhau trong hòa hợp, thì có thể coi như họ đang cường thịnh chứ không suy yếu.

(3) "Thầy có nghe người Vajji không ban hành những gì không được ban hành trước đó, và họ không hủy bỏ những gì đã được ban hành trước đó, mà họ chỉ làm theo những gì đã được ban hành theo truyền thống cổ kính của họ, hay không?"—"Dạ con có nghe họ như vậy, thưa Thế Tôn."…

(4) "Thầy có nghe người dân Vajji tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ chào những người lớn tuổi, và luôn biết lắng nghe lời khuyên của các bậc phụ lão?…

(5) "Thầy có nghe người dân Vajji không bắt cóc cưỡng đoạt vợ và con gái của người khác để đem về sống với mình?…

(6) "Thầy có nghe người dân Vajji tôn vinh, tôn trọng, tôn kính, và lễ lạy các bàn thờ miếu thờ của người Vajji ở trong nhà mình hay ở nơi khác, họ không phá bỏ những việc chăm sóc và cúng bái đã có từ trước?…

(7) "Thầy có nghe người dân Vajji thực hiện việc bảo vệ an toàn cho các bậc A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán có thể đến đó sống, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc?"—"Dạ con có nghe họ như vậy, thưa Thế Tôn."

"Này Ānanda, chừng nào họ còn thực hiện việc bảo vệ an toàn cho các bậc A-la-hán đến sống ở đó, nhờ đó sau này những bậc A-la-hán có thể đến đó sống, và những bậc A-la-hán đang ở đó thì đang sống an lạc, thì có thể coi như người Vajji đang cường thịnh chứ không suy yếu."

1.5. Rồi đức Thế Tôn nói với bà-la-môn Vassakāra: "Này bà-la-môn, có lần khi ta ở trong Đền Sārandada ở Vesāli, ta đã dạy cho người Vajji bảy nguyên tắc để phòng ngừa sự suy yếu, và chừng nào họ còn giữ bảy nguyên tắc đó, chừng nào bảy nguyên tắc đó vẫn còn hiệu lực ở đó, thì có thể coi như người Vajji đang cường thịnh chứ không suy yếu."

Ngay chỗ này, bà-la-môn Vassakāra đáp lại rằng: "Thầy Cồ-đàm, nếu người Vajji thậm chí chỉ giữ một trong bảy nguyên tắc đó, thì có thể coi như họ đang cường thịnh chứ không suy yếu—đâu cần tới tất cả bảy nguyên tắc. Chắc chắn người Vajji sẽ không bao giờ bị chinh phục bởi vua Ajātasattu bằng vũ lực, nhưng vẫn có thể bị chinh phục bằng

phương cách tuyên truyền làm cho họ chia rẽ lẫn nhau. Và Thầy Cồ-đàm, bây giờ tôi phải đi đây. Tôi bận rộn và có nhiều việc phải làm."

"Này bà-la-môn, hãy làm những gì ông cho là đúng." Rồi bà-la-môn Vassakāra, phấn khởi và vui mừng với những lời của đức Thế Tôn, ông đứng rời khỏi chỗ ngồi và đi khỏi.

1.6. Ngay sau khi đại thần Vassakāra đi khỏi, đức Thế Tôn nói: "Này Ānanda, hãy tới gặp những Tỳ kheo nào đang sống xung quanh thành Rājagaha này, và gọi họ đến họp mặt ở sảnh đường."

"Dạ, thưa Thế Tôn", ngài Ānanda đáp lại, và ngài làm theo như vậy. Rồi sau đó…, ngài Ānanda đến gặp đức Thế tôn, kính chào, và đứng sang một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, Tăng đoàn các Tỳ kheo đã tụ họp. Giờ Thế Tôn có thể tùy ý đến." Rồi đức Thế Tôn rời khỏi chỗ ngồi, đi tới sảnh đường, ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn, và nói: "Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy bảy điều dẫn tới phúc lợi. Hãy lắng nghe, chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại, và đức Thế Tôn đã nói như sau:

"Chừng nào các Tỳ kheo còn (*i*) tổ chức họp mặt thường xuyên và định kỳ, thì có thể coi như họ đang cường thịnh chứ không suy giảm. Chừng nào họ còn (*ii*) gặp nhau trong hòa hợp, chia tay nhau trong hòa hợp, và làm việc với nhau trong hòa hợp, thì có thể coi như họ đang cường thịnh chứ không suy giảm. Chừng nào họ (*iii*) không ban hành những điều đã không được ban hành, và không hủy bỏ những điều đã được ban hành, mà họ chỉ làm theo những gì đã được ban hành bởi giới luật tu hành …; chừng nào họ còn (*iv*) tôn vinh, tôn

trọng, kính trọng, và lễ chào các bậc trưởng lão đã thụ giới xuất gia lâu năm, những bậc sư phụ, những bậc lãnh đạo của tăng đoàn …; chừng nào họ (*v*) không bị dính vào bẫy của dục vọng khởi sinh bên trong họ làm dẫn tới tái sinh luân hồi …; chừng nào họ (*vi*) toàn tâm thích sống tu ở trong rừng …; chừng nào họ còn (*vii*) duy trì sự chánh niệm về thân, nhờ đó về sau này có nhiều bạn đồng tu đến tu với họ, và những ai đang ở tu với họ thì đang cảm thấy an lạc thư thái với họ …

Chừng nào các Tỳ kheo còn giữ theo bảy điều đó và họ được thấy vẫn đang làm theo những điều đó, thì có thể coi như họ đang cường thịnh chứ không suy yếu."

(*trích* DN 16: *MahāpariNibbāna Sutta*; II 72–77)
(*Kinh "Đại Bát-niết-bàn"*)

(5) *Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe Báu*

3. "Và, sau nhiều trăm năm, sau nhiều ngàn năm, Vua Daḷhanemi nói với một người của ông rằng: 'Này hiền khanh, hễ khi nào ông thấy bánh xe báu thiêng liêng lệch khỏi vị trí của nó, hãy bẩm báo ngay cho ta.'

'Dạ, thưa đại vương', người đó đáp lại. Và sau nhiều trăm năm và nhiều ngàn năm, người đó thấy bánh xe báu thiêng liêng đã lệch ra khỏi vị trí cũ. Sau khi nhìn thấy vậy, ông ta liền bẩm báo cho nhà vua. Sau đó, Vua Daḷhanemi đã cho gọi người con lớn nhất, thái tử, đến gặp, và ông đã nói: 'Này con trai của ta, bánh xe báu thiêng liêng đã lệch dời ra khỏi vị trí cũ. Và trước đây ta đã nghe rằng, khi điều này xảy ra đối với một vị vương quay chuyển bánh xe báu, thì vị ấy không còn sống được lâu nữa. Ta đã có đầy đủ mọi khoái lạc của con người, giờ tới lúc ta đi tìm sự an lạc trên cõi trời. Con là con

trai ta sẽ tiếp quản quyền cai trị lãnh thổ này. Ta sẽ cạo tóc râu, khoát y cà sa, từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Và, sau khi đã phong người con trai cả lên làm vua, Vua Daḷhanemi đã cạo tóc râu, khoát y cà sa, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Và bảy ngày sau khi vị tu sĩ hoàng gia đó đã xuất gia, bánh xe báu thiêng liêng đã biến mất.

4. "Rồi có một người đã đến gặp vị vua giai cấp chiến sĩ vừa mới được (vua cha) phong vương, và bẩm báo rằng: 'Thưa đại vương, ngài nên được biết rằng bánh xe báu thiêng liêng đã biến mất.' Khi nghe như vậy, vị vua ưu sầu và cảm thấy buồn lòng. Ông đã đi đến gặp vua cha và báo với vua cha về tin buồn đó. Và vua cha đã nói với ông: 'Này con trai, con chớ nên ưu sầu hoặc buồn lòng vì sự biến mất của bánh xe báu. Bánh xe báu không phải là tài sản kế thừa cha ông để lại cho con. Nhưng bây giờ, này con trai, con phải chuyển hóa bản thân mình trở thành một người thánh thiện quay chuyển bánh xe. Và sự kiện đó sẽ xảy ra, nếu con thực thi những bổn phận của một vị vua thánh thiện quay chuyển bánh xe báu, thì vào ngày rằm bố-tát [uposatha][10] khi đó con gội sạch đầu tóc và đi lên mái sân thượng của cung điện vì lễ rằm bố-tát, thì bánh xe báu sẽ hiện ra cho con, với ngàn căm, đầy đủ vành xe, trục xe, và tất cả các bộ phận.'

5. "'Nhưng thưa cha, cái gì là bổn phận của một vị vua thánh thiện (thánh vương) quay chuyển bánh xe báu?'—'Đó là như vầy, này con trai: Bản thân con dựa vào Giáo Pháp, tôn vinh Giáo Pháp, tôn kính Giáo Pháp, trân quý Giáo Pháp, lễ lạy Giáo Pháp, và kính trọng Giáo Pháp, lấy Giáo Pháp làm huy hiệu và biểu ngữ của con, nhận lấy Giáo Pháp làm người thầy của con, con phải thiết lập Giáo Pháp làm người phòng

hộ, người canh giữ, và người bảo vệ chân chính cho gia đình dòng tộc của con, cho những đạo quân của con, cho những người giai cấp chiến sĩ và nông thương, cho các bà-la-môn và gia chủ, cho dân thành thị và thôn quê, cho những tu sĩ và các bà-la-môn, cho các loài thú vật và chim muông. Không để có bọn tội phạm lộng hành trong vương quốc của con, và đối với những người nghèo đói, con hãy phân phát của cải tài sản cho họ. Và đối với những tu sĩ và bà-la-môn trong vương quốc của con đã từ bỏ đời sống dính dục và đã cống hiến bản thân theo hạnh nhẫn nhục và hiền từ, mỗi người lo thuần tập bản thân, và mỗi người nỗ lực (tu tập) để chấm dứt dục vọng, vào lúc này lúc khác con nên đến gặp họ và hỏi họ: "Thưa các thầy, những điều nào là thiện và những điều nào là bất thiện, những nào là tội lỗi và những nào là không tội lỗi, những gì cần nên làm theo và những gì không nên làm theo? Hành động nào về lâu dài dẫn tới nguy hại và ưu sầu, và hành động nào dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc?"[11] Sau khi nghe họ nói, con nên tránh bỏ những điều bất thiện và làm những điều thiện lành. Này con trai, đó là bổn phận của một vị vua thánh thiện quay chuyển bánh xe.

"'Dạ, thưa cha', nhà vua nói, và sau đó nhà vua đã thực thi những bổn phận của một vị vua thánh thiện quay chuyển bánh xe báu. Và khi nhà vua làm vậy, vào ngày rằm bố-tát, lúc đó nhà vua gội sạch đầu tóc và đi lên mái sân thượng của cung điện vì lễ rằm bố-tát, lúc đó bánh xe báu thiêng liêng đã hiện ra cho nhà vua, với ngàn căm, đầy đủ vành xe, trục xe, và tất cả các bộ phận. Rồi nhà vua nghĩ rằng: 'Ta nghe nói khi một vị vua giai cấp chiến sĩ đã được xức dầu phong vương nhìn thấy một bánh xe như vậy vào ngày rằm bố-tát, thì ông

ấy sẽ trở thành một vị vua quay chuyển bánh xe. Liệu ta có thể trở thành một vị thánh vương như vậy hay không?'

6. "Rồi sau đó, đứng đậy từ chỗ ngồi, kéo y che một vai, nhà vua cầm một bát vàng bằng tay trái, tay phải rải nước lên bánh xe, và nói: 'Cầu mong bánh xe báu thánh thiện lăn chuyển, cầu mong bánh xe báu thánh thiện chinh phục!' Bánh xe lăn chuyển về hướng đông, và nhà vua đi theo cùng với quân đội bốn binh chủng. Và bất cứ đất nước nào bánh xe dừng lại, nhà vua tiếp quản nơi đó bằng đạo quân bốn binh chủng của mình. Và những người đối nghịch với ông ở vùng phía đông đã đến và thưa: 'Xin nghinh tiếp Đại Vương. Chúng tôi là hầu thần của ngài. Đại Vương hãy trị vì chúng tôi.' Và nhà vua nói rằng: 'Không sát sinh. Không lấy của không được cho. Không tà dục tà dâm. Không nói láo. Không uống rượu và những độc hại. Hãy thụ hưởng những thứ các người có như trước giờ.'[12] Và những người đối nghịch với nhà vua ở vùng phía đông đã trở thành những chư hầu của nhà vua quay chuyển bánh xe báu.

7. "Rồi bánh xe lăn chuyển về hướng nam, tây, và bắc … [giống đoạn 6. kế trên] … Rồi bánh xe báu, sau khi đã chinh phục các vùng đất từ biển này qua biển khác, rồi nó quay lại kinh đô, và nó đứng lại trước cung điện của nhà vua như để trang hoàng cho cung điện, trong khi nhà vua đang ngự triều xử lý việc chính sự."

(*trích* DN 26: *Cakkavatti-Sihanāda Sutta*; III 59–63)
(*Kinh "Vị Vua Quay Chuyển Bánh Xe-Tiếng Gầm Sư Tử"*)

(6) *Mang Lại Sự Bình Yên Cho Xứ Sở*

9. Sau khi ngồi xuống một bên, bà-la-môn Kūtadanta đã thưa với đức Thế Tôn: "Thưa Thầy Cồ-đàm, tôi đã nghe thầy am hiểu về cách tổ chức thành công ba loại lễ tế với mười sáu đồ vật hiến tế. Giờ tôi không hiểu biết hết những lễ nghi này, nhưng tôi muốn làm một lễ hiến tế lớn. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ giải về việc này cho tôi."

"Vậy ông hãy lắng nghe, này bà-la-môn, hãy chú tâm kỹ càng, ta sẽ giải thích."—"Dạ, thưa ngài", bà-la-môn Kūtadanta đáp lại, và đức Thế Tôn tiếp tục nói:

10. "Này bà-la-môn, xưa kia có một vị vua tên là Mahāvijita. Ông ta giàu có, nhiều tài sản và tài lực, nhiều vàng bạc, nhiều của cải và đồ đạc, nhiều tiền và những thứ đáng tiền, đầy kho của báu và kho thóc lúa. Và khi Vua Mahāvijita đang suy xét một mình nơi riêng tư, ý nghĩ này đã khởi sinh trong ông ấy: 'Ta đã có được tài sản lớn lao đối với tiêu chuẩn của loài người, ta chiếm hữu một vùng lãnh thổ lớn lao mà ta đã chinh phục được. Vậy bây giờ ta nên làm một lễ hiến tế lớn để ta có được thêm ích lợi và hạnh phúc lâu dài.' Nghĩ như vậy nên ông cho gọi quan chủ tế của ông[13] Và ông nói ý nghĩ của mình. 'Ta muốn làm một lễ hiến tế lớn. Hãy hướng dẫn cho ta, này quan chủ tế, làm sao để cho ta có được ích lợi và hạnh phúc đời đời.'

11. "Vị chủ tế trả lời: 'Đất nước của Hoàng Thượng đang bị loạn bởi quân trộm cướp. Đất nước đang bị tàn phá; làng mạc và đô thị đang bị phá hủy; thôn quê thì đầy rẫy trộm cướp. Nếu Hoàng Thượng cứ đánh thuế lãnh thổ này, đó là việc làm sai lầm. Nếu như Hoàng Thượng nghĩ rằng: "Ta sẽ trừ diệt hết bọn trộm cướp bằng cách xử trảm hay nhốt tù, hoặc bằng cách tịch thu, đe dọa, và đày ải" thì cũng không chấm dứt được nạn trộm cướp một cách đúng đắn. Những kẻ

còn sống soát sau này cũng sẽ phá hoại bờ cõi của Hoàng Thượng. Nhưng, với kế hoạch này bệ hạ có trừ sạch nạn trộm cướp. Trong vương quốc của bệ hạ, những ai tham gia vào nghề trồng trọt và chăn nuôi, Hoàng Thượng nên phát cho họ lúa và thức ăn gia súc; đối với những ai buôn bán, hãy giúp cho vốn liếng; đối với những ai làm công vụ cho triều đình thì phát lương bổng phù hợp để họ đủ sống. Vậy thì những người đó sẽ lo chuyên tâm về nghề nghiệp của mình, sẽ không còn phá hoại vương quốc nữa. Thu nhập của Hoàng Thượng sẽ càng lớn hơn; lãnh thổ sẽ được yên bình và không bị phá hoại bởi quân trộm cướp nữa; và mọi người, với niềm vui tươi trong lòng họ, sẽ vui vầy với con cái, sẽ sống trong những ngôi nhà cửa mở rộng (không cần đóng khóa cửa).'

"Và (nhà vua) nói rằng: 'Hãy làm như vậy!', nhà vua chấp nhận lời khuyên của quan chủ tế: nhà vua cho lúa và thức ăn gia súc cho những người làm nghề trồng trọt và chăn nuôi, chu cấp vốn liếng cho những người làm nghề buôn bán, phát lương bổng phù hợp đủ sống cho những người làm công vụ. Rồi những người đó, chỉ lo chuyên tâm về nghề nghiệp của mình, đã không còn phá hoại vương quốc nữa. Thu nhập của nhà vua càng lớn hơn; lãnh thổ đã được yên bình và không còn bị phá hoại bởi quân trộm cướp; và những người đó, với niềm vui tươi trong lòng mình, đã vui vầy với con cái, đã sống trong những ngôi nhà mở rộng cửa."

(*trích* DN 5: *Kūtadanta Sutta*; I 134–36)
(Kinh "*Bà-la-môn Kūtadanta*")

Chương V.

CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ TÁI SINH PHÚC LÀNH

1. QUY LUẬT NGHIỆP (*Kamma*)

(1) *Bốn Loại Nghiệp*

"Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp như ta đã tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng sự hiểu biết trực tiếp. Bốn đó là gì? "(*i*) Có nghiệp tối với những kết quả tối; (*ii*) có nghiệp sáng với những kết quả sáng; (*iii*) có nghiệp vừa tối vừa sáng với những kết quả tối và sáng; (*iv*) có nghiệp không tối cũng không sáng không dẫn tới kết quả tối hay kết quả sáng nào, nó dẫn tới sự tiêu dứt nghiệp.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối với kết quả tối? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người làm ra sự tạo tác cố ý ở thân, lời nói, hoặc tâm ý; sự tạo tác đó gây khổ đau. Sau khi làm như vậy, người đó bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, những tiếp xúc khổ đau sẽ tiếp xúc người đó. Khi bị tiếp xúc bởi những tiếp xúc khổ đau, người đó trải nghiệm một cảm giác khổ đau, cực kỳ đau khổ, ví dụ như trải nghiệm của chúng sinh trong địa ngục. Đây được gọi là nghiệp tối với những kết quả tối.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp sáng với những kết quả sáng? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người làm ra sự tạo tác cố ý ở thân, lời nói, hoặc tâm ý; sự tạo tác đó không-gây khổ đau. Sau khi làm vậy, người đó được tái sinh trong một cảnh giới không khổ đau, những tiếp xúc không khổ đau tiếp xúc người đó. Khi được tiếp xúc với những tiếp xúc không khổ đau, người đó trải nghiệm một cảm giác không khổ đau, cực kỳ vui sướng, ví dụ như trải nghiệm ở cõi trời của các thiên thần sáng rực huy hoàng (cõi trời *Subhakiṇhā*).[9] Đây được gọi là nghiệp sáng với những kết quả sáng.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp tối và sáng với những kết quả tối và sáng? Ở đây, này các Tỳ kheo, có người làm ra cả hai loại tạo tác cố ý ở thân, lời nói, hoặc tâm ý; sự tạo tác gây khổ đau và sự tạo tác không-gây khổ đau. Sau khi làm vậy, người đó bị tái sinh vào trong cảnh giới có cả khổ đau và không khổ đau. Khi người đó bị tái sinh trong cảnh giới đó, cả hai loại tiếp xúc khổ đau và không khổ đau tiếp xúc người đó. Bị tiếp xúc bởi những tiếp xúc đó, người đó trải nghiệm một cảm giác khổ đau và một cảm giác không khổ đau, một sự hỗn hợp và trộn lẫn của sự sướng và sự khổ, ví dụ như trải nghiệm của các thiên thần và chúng sinh trong cảnh giới thấp. Đây được gọi là nghiệp tối và sáng với kết quả tối và sáng.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nghiệp không tối cũng không sáng, dẫn tới sự tiêu diệt nghiệp? Đó là sự cố ý (ý chí) muốn trừ bỏ nghiệp tối với những kết quả tối, và trừ bỏ luôn những nghiệp sáng với những kết quả sáng, và trừ bỏ luôn nghiệp tối và sáng với những kết quả tối và sáng—đây được gọi là nghiệp không tối không sáng không dẫn tới kết quả tối hay sáng nào, nó dẫn tới sự tiêu dứt nghiệp.[10]

"Này các Tỳ kheo, có bốn loại nghiệp như ta đã tuyên bố sau khi ta đã tự mình chứng ngộ chúng bằng sự hiểu biết trực tiếp."

(AN 4:232; II 230–32)

(2) *Tại Sao Chúng Sinh Tái Sinh Vào Những Cảnh Giới Khác Nhau Sau Khi Chết*

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần khi đức Thế Tôn đang đi du hành trong nước Kosala (Kiều-tát-la) cùng với

Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo, và cuối cùng đã tới một ngôi làng của tên Sālā của các bà-la-môn người Kosala.

2. Những gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã nghe rằng: "Nghe rằng tu sĩ Cồ-đàm, người con của dòng họ Thích-ca đã xuất gia khỏi dòng họ Thích-ca, đang đi du hành trong nước Kosala cùng với Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo và mới vừa đến làng Sālā. Đang có tin tốt lành về Thầy Cồ-đàm được truyền nhau như vầy: 'Vị Thế Tôn đó là một bậc A-la-hán … [*giống trong đoạn kinh III,2*] … đã thành tựu hoàn hảo và trong sạch toàn thiện.' Giờ sẽ tốt lành nếu chúng ta đi gặp những vị A-la-hán đó."

3. Rồi các gia chủ bà-la-môn của làng Sālā đã đi đến gặp đức Thế Tôn. Một số kính chào và ngồi xuống một bên; một số nói thì chào hỏi, và sau khi hỏi thăm hòa nhã, họ ngồi xuống một bên; một số chỉ im lặng và ngồi xuống một bên.

4. Sau khi đã ngồi xuống, họ nói với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, nguyên nhân và điều kiện nào là lý do có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục? Và nguyên nhân và điều kiện nào là lý do có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời?"

5. "Này các gia chủ, bởi do hành vi không đúng đắn, hành vi không đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Bởi do hành vi đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp, cho nên có những chúng sinh, khi thân tan rã, sau

khi chết, được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời."

6. "Chúng tôi không hiểu được ý nghĩa chi tiết trong lời nói của Thầy Cồ-đàm, thầy nói ngắn tắt nhưng không giải nghĩa chi tiết. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho chúng tôi về Giáo Pháp nhờ đó chúng tôi có thể hiểu được ý nghĩa chi tiết trong lời nói đó của thầy."

"Này các gia chủ, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng vào những gì ta sẽ nói."—"Dạ, thưa ngài", họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy:

7. "Này các gia chủ, có ba loại hành vi *thân* (thân hành) không đúng đắn, hành vi không đúng theo Giáo Pháp. Có bốn loại hành vi *lời nói* không đúng đắn, hành vi không đúng theo Giáo Pháp. Có ba loại hành vi *tâm ý* không đúng đắn, hành vi không đúng theo Giáo Pháp.

8. "Và, này các gia chủ, làm sao có ba loại hành vi *thân* không đúng đắn, hành vi không đúng theo Giáo Pháp? Ở đây (*i*) có người sát sinh; người đó giết hại, tay nhuốm máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với các sinh vật sống. (*ii*) Người đó lấy của không được cho; lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (*iii*) Người đó tà dục tà dâm; người có quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ, người phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và thậm chí những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành vi thân không đúng đắn, hành vi không đúng theo Giáo Pháp.

9. "Và, này các gia chủ, làm sao có bốn loại hành vi *lời nói* (khẩu hành) không đúng đắn, hành vi không đúng theo

Giáo Pháp? Ở đây (*i*) có người nói dối nói sai; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới trước mặt những người thân quyến, hoặc tới chỗ phường hội của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; không biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi biết', hoặc có biết, nhưng người đó lại nói 'Tôi không biết'; không nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, nhưng người đó lại nói 'Tôi không nhìn thấy'; người đó hoàn toàn ý thức cố ý nói dối nói sai vì bản thân mình, hoặc vì người khác, hoặc chỉ vì những lợi ích vật chất nhỏ nhặt. (*ii*) Người đó nói lời độc ác; người đó mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người này người này với người nọ; hoặc người đó mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người nọ với người kia; vậy người đó là kẻ chia rẽ những người đoàn kết, là kẻ tạo ra sự chia rẽ, kẻ khoái thích nhìn người khác bất hòa, vui mừng khi nhìn thấy người khác bất hòa, là kẻ nói những lời gây ra sự bất hòa. (*iii*) Người đó nói lời gắt gỏng; người đó nói những lời thô tục, khó nghe, làm tổn thương người khác, làm sỉ nhục người khác, dẫn tới sự tức giận phẫn nộ, không dẫn tới sự tập trung (định tâm). (*iv*) Người đó nói chuyện tán dóc ngồi rồi; người đó nói không đúng lúc, nói điều tầm phào không là sự thật gì, nói điều vô ích, nói ngược với Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc không đúng người đó nói những lời không đáng, vô lý, không chừng mực, và không ích lợi. Đó là cách có bốn loại hành vi lời nói, hành vi không đúng theo Giáo Pháp.

10. "Và, này các gia chủ, làm sao có ba loại hành vi *tâm ý* (ý hành) không đúng đắn, hành vi không đúng theo Giáo Pháp? Ở đây (*i*) có người có tâm *tham* lam; người đó thèm

muốn tài sản và đồ đạc của người khác như vầy: 'Làm sao của đó trở thành của ta!' (*ii*) Hoặc người đó có tâm *sân* giận và ác ý như vầy: 'Làm sao cho những người đó chết hết hay bị giết, cầu cho những người đó cho bị chặt chém, bị tàn diệt, hay bị tiêu diệt!' Hoặc (*iii*) người đó có *cách nhìn sai lạc* (tà kiến) theo kiểu như vầy: 'Không có thứ được cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi), không có thứ được cúng dường, không có thứ được hy sinh dâng hiến; không có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn nào tốt và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp và tuyên bố lại trong thế gian này và thế giới khác.'[11] Đó là cách có ba loại hành vi tâm ý không đúng đắn, hành vi không đúng theo Giáo Pháp.

Do vậy, này các gia chủ, bởi do hành vi không đúng đắn như vậy, hành vi không đúng theo Giáo Pháp như vậy, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cảnh giới thấp xấu, trong địa ngục.

11. "Này các gia chủ, có ba loại hành vi *thân* đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp. Có bốn loại hành vi *lời nói* đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp. Có ba loại hành vi *tâm ý* đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp.

12. "Và, này các gia chủ, làm sao có ba loại hành vi *thân* đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp? Ở đây (*i*) có người sống không sát sinh; người đó không giết hại, tay không nhuốm máu, không đánh đấm và bạo lực, không tàn nhẫn với

các sinh vật sống. (*ii*) Người đó không lấy của không được cho; không lấy trộm lấy cắp tài sản và đồ đạc của người khác trong làng hay trong rừng. (*iii*) Người đó sống không tà dục tà dâm; người đó không quan hệ tính dục với những phụ nữ được bảo vệ bởi mẹ, cha, anh, chị, người thân của họ, người phụ nữ đã có chồng, người phụ nữ được bảo vệ bởi pháp luật, và thậm chí những người phụ nữ đã đính hôn. Đó là cách có ba loại hành vi thân đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp.

13. "Và, này các gia chủ, làm sao có bốn loại hành vi *lời nói* đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp? Ở đây có người không nói dối nói sai; khi được gọi tới pháp đình (tòa án), hay tới nơi họp mặt, hoặc tới trước mặt những người thân quyến, hoặc tới chỗ phường hội của mình, hoặc tới trước mặt gia đình hoàng tộc, và được hỏi như một nhân chứng: 'Này anh, hãy nói những gì anh biết'; (*i*) không biết, người đó nói 'Tôi không biết', hoặc có biết, người đó nói 'Tôi biết'; không nhìn thấy, người đó nói 'Tôi không nhìn thấy', hoặc có nhìn thấy, người đó nói 'Tôi có nhìn thấy'; người đó không hoàn toàn ý thức cố ý nói dối nói sai vì bản thân mình, hoặc vì người khác, hoặc chỉ vì những lợi ích vật chất nhỏ nhặt. (*ii*) Từ bỏ lời nói độc ác, người đó kiêng cữ, không nói lời độc ác; người đó không mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người này với người nọ, người đó không mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người nọ với người kia; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. (*iii*) Từ bỏ lời nói gắt gỏng, người đó kiêng cữ, không nói lời gắt gỏng; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, nói

lời lẽ độ, được số đông mong muốn, và được số đông hài lòng. (*iv*) Từ bỏ lời nói tán dóc ngồi rồi, người đó kiêng cữ, không nói lời tán dóc ngồi rồi; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói đáng nghe, có lý, đúng mực, và có ích lợi. Đó là cách có bốn loại hành vi lời nói đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp

14. "Và, này các gia chủ, làm sao có ba loại hành vi *tâm ý* đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp? Ở đây (*i*) có người không có tâm *tham* lam; người đó không thèm muốn tài sản và đồ đạc của người khác với ý như vầy: 'Làm sao của đó trở thành của ta!' (*ii*) Người đó không có tâm *sân* giận và không ác ý như vầy: 'Cầu cho mọi chúng sinh không còn thù hận, khổ đau và lo lắng! Cầu cho họ sống hạnh phúc!' (*iii*) Người đó *có cách nhìn đúng đắn không sai lạc* (chánh kiến) như vầy: 'Có cái được cho đi (và có phước quả từ việc cho đi), có thứ cái được cúng dường, có cái được hy sinh dâng hiến; có kết quả hay nghiệp quả tốt và xấu cho những hành động tốt và xấu; có thế giới (đời) này, có thế giới (đời) khác; có mẹ, có cha; có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); có những tu sĩ và bà-la-môn tốt thiện và đức hạnh trong thế gian này đã tự mình giác ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp và công bố lại trong thế gian này và thế giới khác.' Đó là cách có ba loại hành vi tâm ý đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp.

Do vậy, này các gia chủ, bởi do hành vi đúng đắn như vậy, hành vi đúng theo Giáo Pháp như vậy, cho nên có những chúng sinh ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, thậm chí trong một cõi trời.

15. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành vi đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước nguyện rằng: 'Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh vào chỗ những người quý tộc giàu có!', thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những người quý tộc giàu có. Vì sao vậy? Bởi vì do người đó sống giữ hành vi đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp.

16–17. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành vi đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước nguyện rằng: 'Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh vào chỗ những bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có!', thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những bà-la-môn giàu có … những gia chủ giàu có. Vì sao vậy? Bởi vì do người đó sống giữ hành vi đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp.

18–42. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành vi đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp, người đó nên ước nguyện rằng: 'Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong tôi được tái sinh vào chỗ những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương! … vào chỗ những thiên thần của cõi trời Tāvatimsa (Đao-lợi) … vào chỗ các thiên thần của cõi trời Yāma (Dạ-ma thiên) … vào chỗ các thiên thần của cõi trời Tusita (Đâu-suất) … vào cõi trời của những thiên thần thích sáng tạo (hỷ lạc biến hóa thiên) … vào cõi trời của những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên) … vào cõi trời của những thiên thần là tùy tùng của Trời Brāhma (phạm chúng thiên) … vào cõi trời của các thiên thần tỏa sáng[12]… những thiên thần tỏa sáng vừa (thiểu quang thiên) … những thiên thần tỏa sáng vô lượng (vô lượng quang thiên) … những thiên thần chiếu tia sáng (quang minh thiên) …

những thiên thần có hào quang … những thiên thần có hào quang (như hào quang trên đầu) vừa (thiểu tịnh thiên) … những thiên thần có hào quang vô lượng (vô lượng tịnh thiên) … những thiên thần có hào quang sáng rực (biến tịnh thiên) … những thiên thần có phúc quả lớn (quảng quả thiên) … những thiên thần cõi trời bền chắc (vô đọa thiên) [*aviha*] … những thiên thần cõi trời tịch tịnh (vô phiền thiên) [*atappa*] … những thiên thần cõi trời trong sạch (thiện hiện thiên) [suddassa] … những thiên thần cõi trời quang đãng (thiện kiến thiên) [sudassi] … những thiên thần cõi trời các thiên thần tối cao (Vô song thiên) [akanittha] … những thiên thần thuộc cảnh xứ không gian vô biên (không vô biên xứ) … những thiên thần thuộc cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ) … những thiên thần thuộc cảnh xứ không có gì (vô sở hữu xứ) … những thiên thần thuộc cảnh xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ)!', thì có thể rằng, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào cảnh xứ cảnh xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ). Vì sao vậy? Bởi vì do người đó sống giữ hành vi đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp.

43. "Này các gia chủ, nếu ai sống giữ hành vi đúng theo Giáo Pháp, hành vi đúng đắn, người đó nên ước nguyện rằng: 'Ồ, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp, cầu mong tôi có thể, ngay trong kiếp này, chứng nhập và an trú trong sự giải thoát của-tâm, trong sự giải thoát bằng-trí-tuệ, đó là trạng thái vô nhiễm với sự chấm dứt mọi ô nhiễm!', thì có thể rằng, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp, ngay trong kiếp này, người đó sẽ chứng nhập và an trú trong sự giải thoát của-tâm, trong sự giải thoát bằng-trí-

tuệ, đó là trạng thái vô nhiễm với sự chấm dứt mọi ô nhiễm. Vì sao vậy? Bởi do người đó sống giữ theo hành vi đúng đắn, hành vi đúng theo Giáo Pháp."[13]

44. Sau khi lời này được nói ra, các gia chủ bà-la-môn ở làng Sālā đã thưa với đức Thế Tôn: "Kỳ diệu thay, Thầy Cồ-đàm! Kỳ diệu thay, Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như Thầy đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, mở ra điều đã bị che dấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng có thể nhìn thấy. Nay chúng tôi xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Mong Thế Tôn nhận chúng là những đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời."

(MN 41: *Sāleyyaka Sutta*; I 286–90)

(3) *Nghiệp và Nghiệp Quả*

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở thành Sāvatthī trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc.

2. Rồi có bà-la-môn tên Subha, con trai của bà-la-môn Todeyya, đã đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với Đức Thế Tôn. Sau khi hỏi thăm và nói chuyện hòa nhã, ông ngồi xuống một bên và hỏi đức Thế Tôn:

3. "Thưa Thầy Cồ-đàm, tại sao chúng sinh có người kém cỏi và có người giỏi giang? Trong loài người có người chết trẻ và có người sống lâu, có người bệnh tật và có người khỏe mạnh, có người xấu và có người đẹp, có người không uy thế và có người có uy thế, có người nghèo và có người giàu, có

người sinh ra thấp hèn và có người sinh ra cao quý, có người ngu và có người khôn. Thầy Cồ-đàm, tại sao trong chúng sinh có những người hơn kém, khác nhau như vậy?"

4. "Này môn sinh, những chúng sinh là chủ nhân của nghiệp của họ, là người thừa tự của nghiệp của họ; họ sinh ra từ nghiệp của họ, dính líu theo nghiệp của họ, có nghiệp là nơi nương tựa của họ. Chính nghiệp làm cho chúng sinh hơn kém, khác nhau."

"Tôi không hiểu được ý nghĩa chi tiết trong lời nói của Thầy Cồ-đàm, thầy nói ngắn tắt nhưng không giải nghĩa chi tiết. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi về Giáo Pháp nhờ đó tôi có thể hiểu được ý nghĩa chi tiết trong lời nói đó của thầy."

"Này môn sinh, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng vào những gì ta sẽ nói." "Dạ, thưa ngài", Subha đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy:

5. "Ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ sát sinh; người đó giết hại, tay nhuốm máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với các sinh vật. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng nếu khi thân tan rã, sau khi chết, người đó không bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục, mà được tái sinh làm người trở lại, thì dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị chết-yểu."[14]

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự chết yểu, đối với một người sát sinh; người giết hại, tay nhuốm máu, đánh đấm và bạo lực, tàn nhẫn với các sinh vật.

6. "Nhưng ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ, sau khi từ bỏ sát sinh, sống kiêng cữ việc sát sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, từ ái, người đó sống bi mẫn với tất cả chúng sinh. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời. Nhưng nếu khi thân tan rã, sau khi chết, người đó không được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, mà được tái sinh làm người trở lại, thì dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được sống-thọ.[15]

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự sống thọ, đối với người sau khi từ bỏ sát sinh, sống kiêng cữ việc sát sinh; dẹp bỏ gậy gọc và vũ khí, có lương tâm, từ ái, người đó sống bi mẫn với tất cả chúng sinh.

7. "Ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, gậy gọc, hoặc bằng dao. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một cảnh giới khổ đau … Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị bệnh-tật.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự bệnh tật, đối với người làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, gậy gọc, hoặc bằng dao.

8. "Nhưng, này môn sinh, có người nam hoặc nữ sống không làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, gậy gọc, hoặc bằng dao. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành … Nhưng nếu khi

thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được khỏe-mạnh.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự khỏe mạnh, đối với người sống không làm tổn thương chúng sinh bằng tay, bằng đá cục, gậy gọc, hoặc bằng dao.

9. "Ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ luôn sân giận và có tính cách nóng nảy; ngay cả khi bị góp ý hay trách rầy một chút, người đó cũng thấy bị xúc phạm, trở nên tức giận, phẫn nộ và căm ghét, và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay . Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau.… Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị xấu-xí.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự xấu xí, đối với người luôn sân giận và có tính cách nóng nảy … và thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng.

10. "Nhưng, này môn sinh, có người nam hoặc nữ luôn sống không sân giận và không có tính cách nóng nảy; ngay cả khi bị góp ý hay trách rầy ít nhiều, người đó cũng không thấy bị xúc phạm, không trở nên tức giận, phẫn nộ, và căm ghét, và không thể hiện sự tức giận, thù ghét, cay đắng. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được đẹp-đẽ.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự đẹp đẽ, đối với người luôn sống không sân giận và không có tính cách

nóng nảy … và không thể hiện sự tức giận, thù ghét, và cay đắng.

11. "Ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ sống ghen tỵ, là người ghen tỵ, ghen tức, ghen thèm với những thành đạt, danh dự, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự cúi chào, và sự tôn kính mà những người khác nhận được. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau … Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng không-có uy-thế.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự không có uy thế, đối với người ghen tỵ … với những thành đạt, vinh dự, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự cúi chào, và sự tôn kính mà những người khác nhận được.

12. "Nhưng ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ sống không ghen tỵ, là người sống không ghen tỵ, ghen tức, và ghen thèm với những thành đạt, vinh dự, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự cúi chào, và sự tôn kính mà những người khác nhận được. Do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng có-được uy-thế.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự sự uy thế, đối với người sống không ghen tỵ … với những thành đạt, vinh dự, sự tôn trọng, sự kính trọng, sự cúi chào, và sự tôn kính mà những người khác nhận được.

13. "Ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ không muốn cúng dường (bố thí, dâng, tặng, giúp đỡ…bất cứ thứ gì

như) thức ăn, thức uống, quần áo, xe cộ, vòng hoa, dầu hương, thuốc cao; chỗ nằm, chỗ ở, hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh vào một cảnh giới khổ đau … Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị nghèo-khó.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự nghèo khó, đối với người sống không muốn cúng dường thức ăn … hay đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn.

14. "Nhưng ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ sống biết cúng dường thức ăn … và đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi đến phúc lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được giàu-có.

Này môn sinh, đây là cách dẫn tới sự giàu có, đối với người sống biết cúng dường thức ăn … và đèn nến cho các tu sĩ và bà-la-môn.

15. "Ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ ngang bướng và kiêu ngạo; người đó không tôn kính những người đáng được tôn kính, không đứng dậy cúi chào khi gặp người mình nên đứng dậy cúi chào, không nhường chỗ ngồi cho những người đáng được nhường chỗ ngồi, không nhường lối đi cho những người đáng được nhường lối đi, và không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái

sinh trong một cảnh giới khổ đau … Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị sinh ra thấp-hèn.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự sinh ra thấp hèn, đối với người ngang bướng và kiêu ngạo … và không tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.

16. "Nhưng, này môn sinh, có người nam hoặc nữ không ngang bướng và kiêu ngạo; người đó sống biết tôn kính những người đáng nhận sự tôn kính, biết đứng dậy cúi chào khi gặp người mình nên đứng đậy cúi chào, biết nhường chỗ ngồi cho những người đáng được nhường chỗ ngồi, biết nhường lối đi cho những người đáng được nhường lối đi, và biết tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính. Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng được sinh ra cao-quý.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự sinh ra cao quý, đối với người không ngang bướng và kiêu ngạo … và biết tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính những người đáng được tôn vinh, tôn trọng, kính trọng, và tôn kính.

17. "Ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ không muốn đi thăm gặp một tu sĩ (sư thầy) hoặc một bà-la-môn để hỏi: 'Thưa thầy, điều gì là thiện lành? … Loại hành động nào dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho con?' Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy … người đó bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau … Nhưng nếu khi thân tan

rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng bị ngu-tối.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới sự ngu tối, đối với người không muốn đi thăm gặp một tu sĩ hoặc một bà-la-môn để hỏi những câu hỏi như vậy.

18. "Ở đây, này môn sinh, có người nam hoặc nữ biết đi thăm gặp một tu sĩ (sư thầy) hoặc một bà-la-môn để hỏi: 'Thưa thầy, điều gì là thiện lành? … Loại hành động nào dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho con?' Bởi do đã thực hiện và chủ tâm hành động như vậy … người đó được tái sinh trong một nơi đến tốt lành … Nhưng nếu khi thân tan rã … người đó được tái sinh làm người trở lại, thì dù có tái sinh vào chỗ nào người đó cũng có trí-tuệ.

Này môn sinh, đây là con đường dẫn tới trí tuệ, đối với người biết đi thăm gặp một tu sĩ hoặc một bà-la-môn để hỏi những câu hỏi như vậy.

19. "Này môn sinh, như vậy con đường dẫn tới chết-yểu làm cho người ta chết yểu, con đường dẫn tới sống-thọ làm cho người ta sống thọ; con đường dẫn tới sự bệnh-tật làm cho người ta bệnh tật, con đường dẫn tới sự khỏe-mạnh làm cho người ta khỏe mạnh; con đường dẫn tới sự xấu-xí làm cho người ta xấu xí, con đường dẫn tới sự đẹp-đẽ làm cho người ta đẹp đẽ; con đường dẫn tới sự không-có uy-thế làm cho người ta không có uy thế, con đường dẫn tới sự uy-thế làm cho người ta uy thế; con đường dẫn tới sự nghèo-khó làm cho người ta nghèo khó, con đường dẫn tới sự giàu-có làm cho người ta giàu có; con đường dẫn tới sự sinh ra thấp-hèn làm cho người ta sinh ra thấp hèn, con đường dẫn tới sự sinh ra cao-quý làm cho người ta sinh ra cao quý; con đường dẫn tới

sự ngu-tối làm cho người ta ngu tối, con đường dẫn tới trí-tuệ làm cho người ta trí tuệ.

20. "Chúng sinh là chủ nhân của nghiệp của họ, là người thừa tự của nghiệp của họ; họ sinh ra từ nghiệp của họ, dính líu theo nghiệp của họ, có nghiệp là nơi nương tựa của họ. Chính nghiệp làm cho chúng sinh hơn kém, khác nhau."

21. Sau khi lời này được nói ra, môn sinh bà-la-môn Subha, con của bà-la-môn Todeyya, đã thưa với đức Thế Tôn: "Kỳ diệu thay, Thầy Cồ-đàm! Kỳ diệu thay, Thầy Cồ-đàm! … [*giống như đoạn cuối của* ***đoạn kinh V, 44.(2)*** *kế trên*] ... Mong Thế Tôn nhận con là đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời."

(MN 135: *Cūla-kamma-vibhaṇga Sutta*; III 202–6)
(Kinh "*Tiểu kinh Phân Biệt Nghiệp*")

2. CÔNG ĐỨC: CHÌA KHÓA DẪN TỚI SỰ TÁI SINH PHÚC LÀNH

(1) *Những Việc Công Đức*

"Này các Tỳ kheo, đừng sợ những việc công đức. Việc làm công đức là đồng nghĩa với hạnh phúc, là điều đáng mong muốn, đáng mong ước, đáng quý, và đáng vui lòng, đó là những việc công đức. Này các Tỳ kheo, vì ta đã biết rõ, từ lâu ta đã trải nghiệm những kết quả đáng mong muốn, đáng mong ước, đáng quý, và đáng vui lòng của sự thường xuyên làm những việc công đức.

"Sau khi tu dưỡng tâm từ được bảy năm, thì trong bảy đại kiếp (vũ trụ) co và giãn, ta đã không phải quay lại thế gian này. Mỗi đại kiếp co lại, ta tái sinh lên cõi trời chiếu tia sáng

(Quang âm thiên), và mỗi đại kiếp giãn ra, ta tái sinh lên một lâu đài trống không ở cõi trời. Và ở đó ta từng là một vị Trời Brāhma (Phạm thiên), vị Trời Brāhma lớn (đại Phạm thiên), một bậc tất thắng bất bại, bậc nhìn thấy tất cả, bậc toàn năng toàn lực. Đã ba mươi sáu lần ta là vua trời Sakka (Đế-thích), vua của các thiên thần ở cõi trời đó. Và đã nhiều trăm lần ta là vị vua quay chuyển bánh xe (chuyển luân vương), chân chính, một đế vương của sự chân chính, người chinh phục bốn phương của trái đất, duy trì sự ổn định trong lãnh thổ, có đầy đủ bảy loại kho báu. Vậy đâu cần gì phải nói thêm về những kiếp ta chỉ là vua của một xứ?

"Này các Tỳ kheo, câu hỏi này đã tự khởi lên trong ta: 'Kết quả đó có được là do đã làm những việc gì? Nghiệp nào chín muồi mà bây giờ ta có được thành tựu và năng lực như vậy?' Và câu trả lời này đã tự khởi đến: 'Đó chính là kết quả của ba loại việc mà ta đã làm, là sự chín muồi của ba loại nghiệp, nên bây giờ ta có được thành tựu và năng lực như vậy, đó là: việc cho-đi bố thí, việc tự-chủ, và việc giới-hạnh.'"

(It 22; 14–15)

(2) *Ba Cơ Sở Của Công Đức*

"Này các Tỳ kheo, có ba cách tạo công đức. Ba đó là gì? Có ba cách làm nên công đức tạo công đức, đó là cho-đi (cho, tặng, giúp đỡ, cúng dường…(HV) bố thí), giữ giới-hạnh đạo đức, và thiền-tập.

"Có người đã thực hành tạo công đức bằng cách cho đi ở một mức độ ít ỏi; và tương tự cũng thực hành tạo công đức bằng cách kiêng giữ giới hạnh ở mức độ ít ỏi; nhưng người đó

không chịu tạo công đức bằng cách thiền tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong số những người không may mắn.

"Có người khác đã thực hành tạo công đức bằng cách cho đi và kiêng giữ giới hạnh ở một mức độ cao; nhưng người đó chưa tạo tạo công đức bằng cách thiền tập. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số những người có may mắn.

"Hoặc người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Và ở đó, có Bốn Vị Vua Trời Lớn là những người đã thực hành tạo công đức bằng cách cho đi và kiêng giữ giới hạnh ở mức độ rất-cao, nên bốn vị đó vượt hẳn trên những thiên thần trong cõi trời đó về mười mặt: tuổi thọ trên cõi trời, sắc đẹp trên cõi trời, hạnh phúc trên cõi trời, danh tiếng trên cõi trời, uy quyền trên cõi trời; và về các hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị và chạm xúc trên cõi trời.

"Hoặc người đó sẽ được sinh vào chỗ những thiên thần của cõi trời Tāvatimsa (Đao-lợi). Và ở đó, có vua trời Sakka (đế-thích) là vua của các thiên thần ở cõi trời đó, là người đã thực hành tạo công đức bằng cách cho đi và kiêng giữ giới hạnh ở một mức độ rất-cao, vượt hẳn trên các thiên thần trong cõi trời đó về mười mặt: tuổi thọ trên cõi trời, sắc đẹp trên cõi trời, hạnh phúc trên cõi trời, danh tiếng trên cõi trời, uy quyền trên cõi trời; và về các hình sắc, âm thanh, mùi hương, mùi vị và chạm xúc trên cõi trời.

[*Tiếp theo: lời kinh tương tự trong trường hợp người đó* được tái sinh vào chỗ những thiên thần của cõi trời Yāma (Dạ-ma thiên), những thiên thần của cõi trời Tusita (Đâu-

suất), những thiên thần thích sáng tạo (hỷ lạc hóa thiên), những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), và được tái sinh thành những vị vua trời trị vì các cõi đó.]

"Này các Tỳ kheo, đó là ba cách tạo công đức."

(AN 8:36; IV 241–43)

(3) *Bốn Loại Niềm Tin Tốt Nhất*

"Này các Tỳ kheo, có bốn loại niềm tin tốt nhất. Bốn đó là gì?

"Dù chúng sinh có cao siêu tới mức nào, từ loài không chân hoặc hai chân, bốn nhân, hoặc nhiều chân, có sắc thân hoặc không có sắc thân, có nhận thức hoặc không có nhận thức, cho tới loại không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức, thì bậc Như Lai, bậc A-la-hán, hay bậc Toàn Giác được tuyên bố là bậc tốt nhất trong tất cả mọi loài. Những ai có niềm tin vào Phật là có niềm tin vào bậc tốt nhất, và đối với ai có niềm tin vào bậc tốt nhất, sẽ có được kết quả tốt nhất.

"Dù những thứ có điều kiện (hữu vi) có cao siêu tới mức nào, thì Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) được tuyên bố là thứ tốt nhất trong tất cả mọi thứ. Những ai có niềm tin vào Con Đường Bát Thánh Đạo là có niềm tin vào đạo tốt nhất, và đối với ai có niềm tin vào đạo tốt nhất, sẽ có được kết quả tốt nhất.

"Dù những thứ có điều kiện (hữu vi) hay không còn điều kiện (vô vi) có cao siêu tới mức nào, thì sự bỏ-tham được tuyên bố là tốt nhất trong mọi điều, đó là sự đè nát tính tự

cao, sự loại bỏ thèm khát, sự bứng sạch gốc rễ dính chấp, sự chấm dứt vòng luân hồi sinh tử, sự tiêu diệt dục vọng, sự chán bỏ, sự ngừng diệt, Niết-bàn. Những ai có niềm tin vào Giáo Pháp là có niềm tin vào nơi tốt nhất, và đối với ai có niềm tin vào nơi tốt nhất, sẽ có được kết quả tốt nhất.

"Dù các cộng đồng hay đoàn thể (tôn giáo) có cao siêu tới mức nào, thì Tăng Đoàn các đệ tử của Như Lai được tuyên bố là tốt nhất trong số đó; Tăng Đoàn đó là gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng Đoàn của Như Lai là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) tốt nhất trên thế gian. Những ai có niềm tin vào Tăng Đoàn là có niềm tin vào nơi tốt nhất, và đối với ai có niềm tin vào nơi tốt nhất, sẽ có được kết quả tốt nhất."

Đối với ai có niềm tin loại tốt nhất,
Đối với ai hiểu biết Giáo Pháp tốt nhất,
Đối với ai có niềm tin vào Phật,
Bậc vô thượng đáng cúng dường;
Đối với ai có niềm tin vào Giáo Pháp,
Sống trong sự bỏ tham đầy hạnh phúc,
Trong sự bình an hoàn hảo;
Đối với ai có niềm tin vào Tăng đoàn,
Ruộng gieo trồng công đức tốt nhất;
Đối với ai cúng sường cho những nơi tốt nhất,
Thì loại công đức tốt nhất sẽ gia tăng:
Tuổi thọ, sắc đẹp và tiếng tăm tốt nhất,
Danh tiếng, hạnh phúc và sức mạnh tốt nhất.
Dù có được tái sinh thành thiên thần hay người,
Người có trí biết cúng dường là người tốt nhất,
Luôn chú trọng vào Giáo Pháp tốt nhất,

Vui mừng khi đạt được kết quả tốt nhất.

(AN 4:34; II 34–35)

3. CHO, TẶNG, CÚNG DƯỜNG, CHIA SẺ, GIÚP ĐỠ…

(1) *Nếu Người Ta Hiểu Biết Kết Quả Của Sự Cho Đi…*

"Này các Tỳ kheo, nếu người ta hiểu biết về kết quả của sự cho đi và chia sẻ, như ta biết, thì có lẽ họ sẽ không ăn nếu chưa cho, họ sẽ không để cho sự ô nhiễm của tính keo kiệt ám mụi họ và bắt rễ trong tâm họ. Ngay cả còn một miếng cuối cùng, một muỗng cuối cùng, họ sẽ không ăn nếu chưa chia sẻ nó, khi có người để họ chia sẻ. Nhưng, này các Tỳ kheo, do người ta không hiểu biết về kết quả của việc cho đi và chia sẻ, như ta biết, nên họ ăn mà không cho, và sự ô nhiễm của tính keo kiệt ám mụi họ và bắt rễ trong tâm họ."

(It 26; 18–19)

(2) *Tám Lý Do Để Cho Tặng*

"Này các Tỳ kheo, có tám lý do để cho tặng. Tám đó là gì? (*i*) Người ta cho tặng vì tình cảm; hoặc (*ii*) vì bực tức; hay (*iii*) vì ngu; hoặc (*iv*) vì sợ hãi; hoặc (*v*) với ý nghĩ: 'Những thứ cúng dường đó đã được ông và cha ta cúng dường trước đây; chẳng đáng gì ta phải hủy bỏ truyền thống đó của gia đình (vì cha ông làm sao ta cứ làm theo vậy)'; hoặc (*vi*) với ý nghĩ: 'Cho tặng để sau khi chết ta sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời'; hoặc (*vii*) với ý nghĩ: 'Khi cho đi, trái tim ta sẽ vui tươi, và niềm hạnh phúc và hoan hỷ sẽ khởi sinh trong ta'; hoặc (*viii*) cho đi vì việc cho đi làm thánh thiện và làm đẹp đẽ cái tâm."

(AN 8:33; IV 236–37)

(3) *Cúng Dường Thức Ăn*

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở chỗ những người dân Koliya (Câu-lợi) ở một thị trấn tên là Sajjanela. Một buổi sáng đức Thế Tôn mặc y phục, mang y thượng và bình bát đi đến nhà của cô Suppavāsā, một phụ nữ người Koliya. Sau khi đến nơi, Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được dọn sẵn cho mình. Cô Suppavāsā người Koliya đã đích thân hầu cận đức Thế Tôn và phục vụ đức Thế Tôn nhiều món ăn ngon. Sau khi đức Thế Tôn ăn xong bữa cơm và đã bỏ tay ra khỏi bình bát, cô Suppavāsā ngồi xuống một bên, và đức Thế Tôn đã nói với cô như sau:

"Này Suppavāsā, một đệ tử nữ thánh thiện, bằng cách cúng dường thức ăn, là cô cho tặng bốn thứ cho những người nhận thức ăn. Bốn đó là gì? Cô cho tặng tuổi thọ, sắc đẹp, hạnh phúc, và sức mạnh. Bằng cách cho tặng tuổi-thọ, bản thân cô sẽ được phú cho tuổi thọ, cho dù (sau này) ở cõi người hay cõi trời. Bằng cách cho tặng sắc-đẹp, bản thân cô sẽ được phú cho sắc đẹp, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Bằng cách cho tặng hạnh-phúc, bản thân cô sẽ được phú cho hạnh phúc, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Bằng cách cho tặng sức-mạnh, bản thân cô sẽ được phú cho sức mạnh, cho dù ở cõi người hay cõi trời. Một đệ tử nữ thánh thiện, bằng cách cúng dường thức ăn, là cho tặng bốn thứ đó cho những người nhận thức ăn."

(AN 4:57; II 62–63)

(4) *Những Món Quà Tặng Bởi Một Người Ưu Việt*

"Này các Tỳ kheo, đây là năm thứ quà tặng bởi một người ưu việt. Năm đó là gì? "Người đó cho tặng một món quà vì có niềm tin; người đó cho tặng một món quà một cách kính trọng; người đó cho tặng một món quà đúng thời đúng lúc; người đó cho tặng một món quà với tấm lòng rộng lượng; người đó cho tặng một món quà mà (trong tâm) không có sự làm tổn thấp ai.

"Vì người đó cho tặng vì-có-niềm-tin, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó đẹp đẽ, lịch lãm, duyên dáng, được phú cho làn da tuyệt đẹp.

"Vì người đó cho tặng một-cách tôn-kính, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và vợ, con, những người ở, người làm, những người đưa tin của người đó đều biết kính trọng vâng lời, biết lắng nghe người đó, và biết vận dụng tâm trí để hiểu người đó.

"Vì người đó cho tặng đúng-thời đúng-lúc, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và những lợi ích sẽ đến với người đó đúng thời đúng lúc, một cách dồi dào.

"Vì người đó cho tặng với tấm lòng rộng lượng, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và tâm của người đó hướng về thụ hưởng những thứ tốt nhất trong năm loại [dây] khoái lạc giác quan.

"Vì người đó cho tặng mà không làm tổn thấp chính mình hay người khác, nên ở đâu nghiệp quả việc cho tặng đó chín

muồi, người đó sẽ được giàu có, dồi dào, nhiều của cải, và người đó không mất mát tài sản ở bất cứ nơi nào, không bị mất bởi hỏa hoạn, lũ lụt, vua chúa, trộm cướp, hay bởi những người thừa kế bất nghĩa.

"Này các Tỳ kheo, đó là năm loại quà cho tặng của một người ưu việt."

(AN 5:148; III 172–73)

(5) *Hỗ Trợ Lẫn Nhau*

"Này các Tỳ kheo, các bà-la-môn và các gia chủ là rất giúp ích cho các thầy. Họ chu cấp cho các thầy những thứ cần thiết như y áo, thức ăn, chỗ ở, và thuốc men cho lúc bệnh tật. Và, này các Tỳ kheo, các thầy là rất giúp ích cho các bà-la-môn và các gia chủ, vì các thầy có thể dạy cho họ Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, bằng ý nghĩa và câu chữ đúng đắn, và các thầy tuyên thuyết cho họ thấy đời sống tâm linh với tính chất mãn nguyện và hoàn toàn tinh khiết của nó. Này các Tỳ kheo, làm như vậy thì đời sống tâm linh này sẽ sống được bằng sự hỗ trợ lẫn nhau vì mục đích vượt dòng nước lũ và chấm dứt hoàn toàn mọi khổ đau."

(It 107; 111)

(6) *Sự Tái Sinh Nhờ Công Đức Cho Đi*

"Này các Tỳ kheo, có tám loại tái sinh nhờ công đức cho đi. Tám đó là gì?

"Ở đây, này các Tỳ kheo, có người cúng dường cho một tu sĩ hay một bà-la-môn, như cúng dường thức ăn, thức uống,

quần áo, xe cộ, vòng hoa, dầu hương, thuốc cao; chỗ nằm, chỗ ở, hay đèn nến. Khi cúng dường như vậy, người đó hy vọng được thưởng công. Bấy giờ khi để ý nhìn những người thánh thiện giàu có, những bà-la-môn giàu có, hay những gia chủ giàu có đang thụ hưởng bản thân có đầy đủ năm đối tượng khoái lạc giác quan, nên người đó nghĩ rằng: 'Cầu mong cho mình được tái sinh vào chỗ những người đó, khi thân tan rã, sau khi chết!.' Và người đó thiết lập tâm mình theo ý nghĩ đó, giữ chặt ý nghĩ đó, và củng cố ý nghĩ đó. Ý nghĩ của người đó đang nhắm tới mục tiêu thấp-thường, và nếu không chịu phát triển nhắm tới mục tiêu cao quý hơn, thì nó sẽ dẫn người đó tới sự tái sinh thấp thường như vậy. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những người thánh thiện giàu có, những bà-la-môn giàu có, hay những gia chủ giàu có.

Tuy nhiên, ta tuyên bố điều này chỉ dành cho những người trong sạch về đức hạnh, không phải cho những người vô đức hạnh; bởi vì, này các Tỳ kheo, nhờ sự trong sạch của một người đó nên ước nguyện trong tim của một người trong sạch về mặt đức hạnh mới được thành quả như ý nguyện.[16]

"Rồi nữa, có người cúng dường cho một tu sĩ hay một bà-la-môn, cúng dường thức ăn … hay đèn nến. Khi cúng dường như vậy, người đó hy vọng được thưởng công. Bấy giờ người đó nghe nói về tuổi thọ, sắc đẹp, và hạnh phúc của những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương … cõi trời Tāvatimsa (Đao-lợi) … cõi trời Yāma (Dạ-ma thiên vương) … cõi trời Tusita (Đâu-suất) … của những thiên thần thích sáng tạo (hỷ lạc hóa thiên) … những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác (tha hóa tự tại thiên), nên người đó ước nguyện sẽ được tái sinh vào chỗ (cõi) của

những thiên thần đó. Và người đó thiết lập tâm mình theo ý nghĩ đó, giữ chặt ý nghĩ đó, và củng cố ý nghĩ đó. Ý nghĩ của người đó đang nhắm tới mục tiêu thấp-thường, và nếu không chịu phát triển nhắm tới mục tiêu cao quý hơn, thì nó sẽ dẫn người đó tới sự tái sinh thấp thường như vậy. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương … hoặc vào chỗ những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác.

Tuy nhiên, ta tuyên bố điều này chỉ dành cho những người trong sạch về đức hạnh, không phải cho những người vô đức hạnh; bởi vì, này các Tỳ kheo, nhờ sự trong sạch của một người đó nên ước nguyện trong tim của một người trong sạch về mặt đức hạnh mới được thành quả như ý nguyện.

"Rồi nữa, có người cúng dường cho một tu sĩ hay một bà-la-môn, cúng dường thức ăn … hay đèn nến. Khi cúng dường như vậy, người đó hy vọng được thưởng công. Bấy giờ người đó nghe nói về tuổi thọ, sắc đẹp, và hạnh phúc của những thiên thần là tùy tùng của vua trời Brāhma (Phạm Thiên), và người đó ước nguyện sẽ được tái sinh vào chỗ những thiên thần đó. Và người đó thiết lập tâm mình theo ý nghĩ đó, giữ chặt ý nghĩ đó, và củng cố ý nghĩ đó. Ý nghĩ của người đó đang nhắm tới mục tiêu thấp-thường, và nếu không chịu phát triển nhắm tới mục tiêu cao quý hơn, thì nó sẽ dẫn người đó tới sự tái sinh thấp thường như vậy. Khi thân tan rã, sau khi chết, người đó sẽ được tái sinh vào chỗ những thiên thần là tùy tùng của vua trời Brāhma.

Tuy nhiên, ta tuyên bố điều này chỉ dành cho những người trong sạch về đức hạnh, không phải cho những người vô đức hạnh; chỉ dành cho những người không-còn tham-dục,[17] không phải cho những người còn nhục dục. Bởi vì, này

các Tỳ kheo, nhờ người đó không còn nhục dục nên ước nguyện trong tim của một người trong sạch về mặt đức hạnh mới được thành quả như ý nguyện.

"Này các Tỳ kheo, đó là tám loại tái sinh nhờ công đức cho đi."

(AN 8:35; IV 239–41)

4. GIỚI HẠNH ĐẠO ĐỨC

(1) *Năm Giới Hạnh*

"Này các Tỳ kheo, có tám nguồn suối công đức, là những nguồn suối của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh phúc, chúng là siêu phàm, chín muồi thành hạnh phúc, dẫn tới cõi trời, và dẫn tới bất cứ cảnh giới nào mình mong muốn, mình yêu thích và hài lòng, dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho mình. Tám đó là gì?

"Ở đây, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện quy y nương tựa vào Phật. Đây là nguồn suối công đức đầu-tiên, nguồn suối những điều thiện, những dưỡng chất của hạnh phúc, chúng là siêu phàm, chín muồi thành hạnh phúc, dẫn tới cõi trời, và dẫn tới bất cứ cảnh giới nào mình mong muốn, mình yêu thích và hài lòng, dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho mình.

"Thêm nữa, một đệ tử thánh thiện quy y nương tựa vào Giáo Pháp. Đây là nguồn suối công đức thứ-hai … dẫn tới cõi trời, và dẫn tới bất cứ cảnh giới nào mình mong muốn, mình yêu thích và hài lòng, dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho mình.

"Thêm nữa, một đệ tử thánh thiện quy y nương tựa vào Tăng Đoàn. Đây là nguồn suối công đức thứ-ba … dẫn tới cõi trời, và dẫn tới bất cứ cảnh giới nào mình mong muốn, mình yêu thích và hài lòng, dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho mình.

"Thêm nữa, này các Tỳ kheo, còn có năm sự cho tặng lớn—nguyên sơ, đã có từ lâu, là truyền thống, tự cổ xưa, không bị pha tạp, và chưa bao giờ bị pha tạp trước, đang không bị pha tạp, và sẽ không bị pha tạp, không bị coi thường bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí tuệ. Năm sự cho tặng đó là gì?

"Ở đây, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện từ bỏ việc sát sinh và kiêng cữ việc đó. Bằng cách kiêng cữ sát sinh là người đệ tử thánh thiện ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự sự không bị sợ hãi, sự không oán thù, và sự không áp bức. Bằng cách ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không bị sợ hãi, sự không oán thù, và sự không áp bức, thì bản thân người đó cũng hưởng được vô lượng sự không bị sợ hãi, sự không oán thù, và sự không áp bức. Đây là sự ban tặng đầu-tiên trong năm sự cho tặng lớn, và là nguồn suối công đức thứ-tư.

"Thêm nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện từ bỏ việc lấy trộm ăn cắp [những thứ không được cho] và kiêng cữ việc đó. Bằng cách kiêng cữ việc lấy trộm ăn cắp là người thánh đệ tử ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi … Đây là sự ban tặng thứ-hai trong năm sự cho tặng lớn, và là nguồn suối công đức thứ-năm.

"Thêm nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện từ bỏ việc tà dục tà dâm và kiêng cữ việc đó. Bằng cách kiêng cữ việc tà dục tà dâm là người đệ tử thánh thiện ban tặng cho vô

lượng chúng sinh sự không sợ hãi … Đây là sự cho tặng thứ-ba trong năm sự cho tặng lớn, và là nguồn suối công đức thứ-sáu.

"Thêm nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện từ bỏ việc nói sai nói dối và kiêng cữ việc đó. Bằng cách kiêng cữ việc nói sai nói dối là người thánh đệ tử ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi … Đây là sự cho tặng thứ-tư trong năm sự cho tặng lớn, và là nguồn suối công đức thứ-bảy.

"Thêm nữa, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện từ bỏ việc uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng các chất độc hại, là căn bản của đời sống lơ tâm phóng dật, và kiêng cữ những việc đó. Bằng cách kiêng cữ việc uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng các chất độc hại là người thánh đệ tử ban tặng cho vô lượng chúng sinh sự không sợ hãi … Đây là sự cho tặng thứ-năm trong năm sự cho tặng lớn, và là nguồn suối công đức thứ-tám.

"Này các Tỳ kheo, đó là tám nguồn suối công đức, là những nguồn suối của điều thiện, những dưỡng chất của hạnh phúc, chúng là siêu phàm, chín muồi thành hạnh phúc, dẫn tới cõi trời, và dẫn tới bất cứ cảnh giới nào mình mong muốn, mình yêu thích và hài lòng, dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc cho mình."

(AN 8:39; IV 245–47)

(2) *Kiêng Giữ Tám Giới Hạnh Trong Ngày Lễ Bồ-Tát*
(*Bát quan trai giới*)

"Này các Tỳ kheo, việc giữ giới trong ngày lễ Bố-tát [uposatha] bao gồm tám phần, hoàn thành việc kiêng giữ tám phần giới hạnh đó sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao và tỏa sáng. Và làm cách nào kiêng giữ được tám phần giới hạnh đó?[18]

"Ở đây, này các Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Chừng nào còn sống, các bậc A-la-hán luôn luôn từ bỏ việc sát sinh, *kiêng cữ việc sát sinh*; dẹp bỏ gậy gọc và vũ khí, họ có đầy lương tâm, từ ái, và sống bi mẫn đối với tất cả chúng sinh. Vậy hôm nay, suốt ngày và đêm, tôi cũng sống kiêng cữ theo như vậy. Tôi sẽ làm theo các bậc A-la-hán về việc này, và tôi sẽ hoàn thành việc giữ giới ngày lễ Bố-tát.' Đây là phần thứ-nhất của tám phần giới hạnh trong ngày lễ Bố-tát.

"Thêm nữa, người đó suy xét như vầy: 'Chừng nào còn sống, các bậc A-la-hán từ bỏ việc lấy của không được cho, *kiêng cữ việc lấy trộm ăn cắp*; họ chỉ nhận lấy những gì được cho, và sống với trái tim chân thật không có tính trộm cắp. Vậy hôm nay, suốt ngày và đêm, tôi cũng sống kiêng cữ theo như vậy….' Đây là phần thứ-hai của tám phần giới hạnh trong ngày lễ Bố-tát.

"'Chừng nào còn sống, các bậc A-la-hán từ bỏ việc quan hệ tính dục, và *giữ sự sống độc thân*, sống cách ly, kiêng cữ việc quan hệ tính dục. Vậy hôm, suốt ngày và đêm, tôi cũng sống kiêng cữ theo như vậy (kiêng cữ mọi hành vi tà dâm lẫn chánh dâm)….' Đây là phần thứ-ba của tám phần giới hạnh trong ngày lễ Bố-tát.

"'Chừng nào còn sống, các bậc A-la-hán từ bỏ việc nói dối nói sai, *kiêng cữ việc nói dối nói sai*; họ là những người

nói sự thật, những người theo sự thật, họ đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không phải người lừa dối ở đời. Vậy hôm nay, suốt ngày và đêm, tôi cũng sống kiêng cữ theo như vậy….' Đây là phần thứ-tư của tám phần giới hạnh trong ngày lễ Bố-tát.

"'Chừng nào còn sống, các bậc A-la-hán từ bỏ việc uống rượu nặng, rượu nhẹ và dùng những chất độc hại, là căn bản của đời sống lơ tâm phóng dật, và *kiêng cữ những việc đó*. Vậy hôm nay, suốt ngày và đêm, tôi cũng sống kiêng cữ theo như vậy….' Đây là phần thứ-hai của tám phần giới hạnh trong ngày lễ Bố-tát.

"'Chừng nào còn sống, các bậc A-la-hán *chỉ ăn một lần trong ngày, và kiêng cữ việc ăn đêm, không ăn ngoài thời gian phù hợp*.[19] Vậy hôm nay, suốt ngày và đêm, tôi cũng sống kiêng cữ theo như vậy….' Đây là phần thứ-hai của tám phần giới hạnh trong ngày lễ Bố-tát.

"'Chừng nào còn sống, các bậc A-la-hán *kiêng cữ việc múa, hát, đờn nhạc và những màn diễn không thích hợp, và không đeo vòng hoa, không dùng dầu thơm và phấn sáp để trang điểm cho mình*. Vậy hôm nay, suốt ngày và đêm, tôi cũng sống kiêng cữ theo như vậy….' Đây là phần thứ-hai của tám phần giới hạnh trong ngày lễ Bố-tát.

"'Chừng nào còn sống, các bậc A-la-hán *từ bỏ việc dùng ghế cao ghế đẹp, giường cao giường đẹp và kiêng cữ việc dùng những tiện nghi đó; họ chỉ dùng những nơi thấp để nghỉ ngơi, chỉ dùng giường nhỏ hoặc một lớp chiếu*. Vậy hôm nay, suốt ngày và đêm, tôi cũng sống kiêng cữ theo như vậy….' Đây là phần thứ-hai của tám phần giới hạnh trong ngày lễ Bố-tát.

"Này các Tỳ kheo, việc giữ giới trong ngày lễ Bố-tát bao gồm tám phần, hoàn thành việc kiêng giữ tám phần giới hạnh đó sẽ mang lại kết quả và lợi ích lớn lao và tỏa sáng.

"Này các Tỳ kheo, giả sử có người áp đặt chủ quyền và thống trị lên mười sáu đất nước có đầy đủ bảy loại kho báu, như, Aṅga, Magadha, Kāsi, Kosala, nước của người Vajji, nước của người Malla, nước của người Ceti, Vaṁsa, nước của người Kuru, nước của người Pañcāla, Maccha, Sūrasena, Assaka, Avanti, Gandhāra, và Kamboja[20]: cái chủ quyền thống trị đó cũng chưa đáng giá bằng một phần mười sáu của việc giữ giới trong một ngày lễ Bố-tát được hoàn thành với tám phần giới hạnh như trên. Vì lý do gì? Vì cái chủ quyền vương đế của cõi người chỉ là tầm thường nhỏ nhoi so với sự hạnh phúc siêu phàm ở cõi trời.

"Đối với những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương thì một ngày đêm ở cõi đó dài bằng năm mươi năm cõi-người; nhân ba mươi ngày như vậy là một tháng cõi-trời, và nhân mười hai tháng như vậy là một năm cõi-trời. Tuổi thọ của các thiên thần ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương thì dài tới năm mươi năm cõi-trời.

Này các Tỳ kheo, nếu có người nam hay nữ hoàn thành việc kiêng giữ tám phần giới hạnh đó trong ngày rằm Bố-tát thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ sẽ được tái sinh vào chỗ những thiên thần của cõi trời Tứ Đại Thiên Vương. Vì đã đối chiếu với điều này nên ta mới nói cái chủ quyền vương đế của cõi người chỉ là tầm thường nhỏ nhoi so với sự hạnh phúc siêu phàm ở cõi trời.

"Đối với những thiên thần của cõi trời Tāvatimsa (Đao-lợi), một ngày đêm ở cõi đó dài bằng một trăm năm cõi-người

… Tuổi thọ các thiên thần ở cõi trời Tāvatimsa thì dài tới hai ngàn năm cõi-trời … Đối với những thiên thần của cõi trời Tusita (Đâu-suất), một ngày đêm ở cõi đó dài bằng bốn trăm năm cõi-người … Tuổi thọ của các thiên thần ở cõi trời Tusita thì dài tới bốn ngàn năm cõi-trời … Đối với những thiên thần thích sáng tạo, một ngày đêm ở cõi đó dài bằng tám trăm năm cõi-người … Tuổi thọ của những thiên thần thích sáng tạo thì dài tới tám ngàn năm cõi-trời … Đối với những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác, một ngày đêm ở cõi đó bằng một ngàn sáu trăm năm cõi-người; nhân ba mươi ngày như vậy là một tháng cõi-trời, và nhân mười hai tháng như vậy là một năm ở cõi-trời. Tuổi thọ của những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác thì dài tới mười sáu ngàn năm cõi-trời.

Này các Tỳ kheo, nếu có người nam hay nữ hoàn thành việc kiêng giữ tám phần giới hạnh đó trong ngày lễ Bố-tát thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ sẽ được tái sinh vào chỗ những thiên thần của cõi trời Tāvatimsa … những thiên thần kiểm soát những sáng tạo của các thiên thần khác. Vì đã đối chiếu với điều này nên ta mới nói cái chủ quyền vương đế của cõi người là chỉ tầm thường nhỏ nhoi so với hạnh phúc siêu phàm ở cõi trời.”

(AN 8:41; IV 248–51)

5. THIỀN TẬP

(1) *Tu Dưỡng Tâm Từ*

“Này các Tỳ kheo, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng một phần mười sáu của sự giải thoát tâm bằng tâm-từ. Sự giải

thoát tâm bằng tâm-từ là vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời.

"Cũng như sự chiếu sáng của tất cả ngôi sao chưa bằng một phần mười sáu sự chiếu sáng của mặt trăng, sự chiếu sáng của trăng là vượt trên chúng, và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời; giống như vậy, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng một phần mười sáu của sự giải thoát tâm bằng tâm-từ. Sự giải thoát tâm bằng tâm-từ vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời.

"Cũng như vào tháng cuối của mùa mưa, vào mùa thu, khi bầu trời trong suốt và không có mây, mặt trời khi mọc lên xua tan bầu đen tối của không gian và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời; giống như vậy, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng một phần mười sáu của sự giải thoát tâm bằng tâm-từ. Sự giải thoát tâm bằng tâm-từ vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời.

"Và cũng như vào ban đêm, vào lúc rạng sáng, sao mai chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời; giống như vậy, dù có những căn bản nào giúp tái sinh tốt lành trong tương lai, thì tất cả chúng cũng chưa bằng một phần mười sáu của sự giải thoát tâm bằng tâm-từ. Sự giải thoát tâm bằng tâm-từ vượt trên chúng và chiếu sáng, sáng tỏ và sáng ngời."

(It 27; 19–21)

(2) *Bốn Cảnh Giới An Trú Cõi Trời*

22. Môn sinh bà-la-môn Subha, con của bà-la-môn Todeyya, đã thưa với đức Thế Tôn: "Thầy Cồ-đàm, tôi nghe

người ta nói tu sĩ Cồ-đàm biết rõ con đường dẫn tới tái sinh vào chỗ (cõi) vua trời Brāhma (Phạm thiên).”

“Anh nghĩ sao, này môn sinh? Làng Naḷakāra ở gần đây hay cách xa đây?”

“Thưa ngài, làng Naḷakāra ở gần đây, không cách xa đây.”

“Anh nghĩ sao, này môn sinh? Giả sử có một người được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra, và khi anh mới đi ra khỏi làng Naḷakāra gặp người ta hỏi anh ta đường đi vô làng. Liệu anh ta có ngập ngừng hay phân vân khi trả lời hay không?”

“Thưa không, Thầy Cồ-đàm. Vì sao vậy? Vì anh ta được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra, và đã quen thuộc với mọi con đường đi vô làng.”

“Nhưng, thiệt ra cũng có thể có người tuy được sinh ra và lớn lên trong làng Naḷakāra vẫn trả lời ngập ngừng và phân vân khi được hỏi về con đường đi vô làng; nhưng một bậc Như Lai, khi được hỏi về cõi vua trời brahmā (cõi Phạm thiên, Phạm giới) hay con đường dẫn tới cõi trời brahmā, thì sẽ không bao giờ ngập ngừng hay phân vân khi trả lời. Bởi ta biết rõ vua trời Brāhma, và ta biết rõ cõi trời brahmā, và ta biết rõ con đường dẫn tới cõi vua trời brahmā, và ta biết rõ cách một người nên tu tập để được tái sinh vào cõi trời brahmā.”

23. “Thầy Cồ-đàm, tôi có nghe người ta nói tu sĩ Cồ-đàm chỉ dạy con đường dẫn tới tái sinh vào chỗ vua trời Brāhma. Sẽ tốt lành nếu Thầy Cồ-đàm chỉ dạy cho tôi con đường để được tái sinh vào cõi vua trời Brāhma.”

"Này môn sinh, vậy thì hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng vào những gì ta sẽ nói."—"Dạ, thưa ngài", anh ta đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy:

24. "Này môn sinh, cái gì là con đường dẫn tới tái sinh vào chỗ vua trời Brāhma? Ở đây, một Tỳ kheo sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm nhuần **từ**-ái; người đó cũng sống bao trùm phương thứ hai … phương thứ ba … phương thứ tư … phương trên … phương dưới … xung quanh, và khắp mọi nơi, và với tất cả mọi chúng sinh và bản thân mình, người đó sống bao trùm tất cả mọi phương thế giới với một cái tâm thấm đẫm từ-ái, nhiều, cao quý, vô lượng, không thù ghét, và không ác ý. Khi sự giải thoát của tâm bằng tâm-từ được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Cũng giống như một người thổi kèn phấn khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ bốn phương; giống như vậy, khi sự giải thoát tâm bằng tâm-từ được tu dưỡng theo cách này thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa.[21] Đây là con đường dẫn tới tái sinh vào chỗ (cõi) vua trời Brāhma.

25–27. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống bao trùm một phương với một cái tâm thấm nhuần sự **bi**-mẫn … với một cái tâm tâm thấm nhuần sự tùy-**hỷ** … với với một cái tâm tâm thấm nhuần sự buông-**xả**; người đó cũng sống bao trùm phương thứ hai … phương thứ ba … phương thứ tư … phương trên … phương dưới … xung quanh, và khắp mọi nơi, và với tất cả mọi chúng sinh và bản thân mình, người đó sống bao trùm tất cả mọi phương thế giới với một cái tâm thấm đẫm từ-ái, nhiều, cao quý, vô lượng, không thù ghét, và không ác ý. Khi sự giải thoát của tâm bằng tâm-bi … tâm-hỷ

… tâm-xả được tu dưỡng theo cách này, thì sẽ không còn một nghiệp giới hạn [hạn chế, có lượng mức] nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Cũng giống như một người thổi kèn phấn khởi có thể làm người ta dễ dàng nghe được tiếng kèn từ khắp bốn phương; giống như vậy, khi sự giải thoát tâm bằng tâm-bi … tâm-hỷ … tâm-xả được tu dưỡng theo cách này, thì sẽ không còn nghiệp giới hạn nào nữa, không còn nghiệp nào như vậy nữa. Đây là con đường dẫn tới tái sinh vào chỗ (cõi) vua trời Brāhma."

(*trích* MN 99: *Subha Sutta*; II 206–8)

(3) *Trí Tuệ Là Vượt Trên Tất Cả*

[Đức Phật nói với ông Cấp Cô Độc:]

"Này gia chủ, xưa kia có một bà-la-môn tên là Velāma. Ông ta cúng tặng như vầy: 84.000 bát vàng đựng toàn bạc; 84.000 bát bạc đựng toàn vàng; 84.000 bát đồng đựng toàn kim hoàng; 84.000 con voi, xe ngựa, bò sữa, thiếu nữ, và ghế nằm, hàng triệu vải tốt, và vô số thức ăn, thức uống, thuốc cao, và giường chiếu.

"Như bà-la-môn Velāma có cho tặng nhiều đến như vậy, thì phước quả cũng không nhiều bằng việc cúng dường thức ăn cho một người đã có-được sự hiểu-biết và cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến).[22] Như bà-la-môn Velāma có cho tặng nhiều đến như vậy, và cho dù cho ai có cúng dường thức ăn cho 100 người có được sự hiểu-biết và cách-nhìn đúng đắn (bậc thánh Nhập Lưu), thì phước quả cũng không nhiều bằng việc cúng dường thức ăn cho một bậc thánh Nhất Lai. Như bà-la-môn Velāma có cho tặng nhiều đến như vậy, và cho dù người ai có cúng dường thức ăn cho 100 bậc thánh Nhất Lai, thì phước

quả cũng không nhiều bằng việc cúng dường thức ăn cho một bậc thánh Bất Lai. Như bà-la-môn Velāma có cho tặng nhiều đến như vậy, và cho dù người ai có cúng dường thức ăn cho 100 bậc thánh Bất Lai, thì phước quả cũng không nhiều bằng việc cúng dường thức ăn cho một bậc thánh A-la-hán. Như bà-la-môn Velāma có cho tặng nhiều đến như vậy, và cho dù người ai cúng dường thức ăn cho 100 bậc thánh A-la-hán, thì phước quả cũng không nhiều bằng việc cúng dường thức ăn cho một vị Phật Duyên Giác [paccekabuddha].[23] Như bà-la-môn Velāma có cho tặng nhiều đến như vậy, và cho dù có ai cúng dường thức ăn cho 100 vị Phật Duyên Giác, thì phước quả cũng không nhiều bằng việc cúng dường thức ăn cho một vị Phật Toàn Giác … thì phước quả cũng không nhiều bằng việc cúng dường thức ăn cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo do Phật dẫn dắt và việc xây một chùa làm chỗ trú tu cho Tăng Đoàn từ khắp nơi đến trú … thì phước quả cũng không nhiều bằng việc một người, với một cái tâm tin chắc, quy y nương tựa theo Phật, Pháp, và Tăng, và nhận lấy năm giới hạnh: không sát sinh, không lấy trộm cắp, không tà dục tà dâm, không nói sai nói dối, và không uống rượu hay dùng chất độc hại.

Cho dù có làm tất cả những việc lớn lao đó (nói trên), thì phước quả cũng không nhiều bằng việc một người tu tập phát triển tâm-từ, ngay cả trong lúc đang vắt đầu vú con bò (để lấy sữa). Và cho dù có làm tất cả những việc lớn lao đó, thì phước quả cũng không nhiều bằng việc một người tu tập phát triển cái nhận-thức về tính vô-thường, ngay cả chỉ trong một khoảng khắc bằng cái búng ngón tay."

(*tóm lược* AN 9:20; IV 393–96)

Chương VI.

LÀM SÂU SẮC TẦM NHÌN VÀO THẾ GIỚI

1. BỐN ĐIỀU KỲ DIỆU

"Này các Tỳ kheo, khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, có bốn điều kỳ diệu và tuyệt vời xảy ra. Bốn đó là gì?

"Phần lớn người ta thích sự dính chấp, mê thích sự dính chấp, vui thích sự dính chấp. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự không dính chấp, thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ diệu và tuyệt vời đầu tiên xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

"Phần lớn người ta thích tự cao, mê thích sự tự cao, vui thích sự tự cao. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự dẹp bỏ tính tự cao, thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ diệu và tuyệt vời thứ hai xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

"Phần lớn người ta thích sự bất an, mê thích sự bất an, vui thích sự bất an. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự bình an, thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ diệu và tuyệt vời thứ ba xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

"Phần lớn người ta sống trong sự ngu si [vô minh], bị mù quáng bởi sự ngu si, bị gông cùm bởi sự ngu si. Nhưng khi Như Lai giảng dạy Giáo Pháp về sự xóa bỏ sự ngu si, thì họ lắng nghe, chú tâm lắng nghe, và cố gắng hiểu nó. Đây là điều kỳ diệu và tuyệt vời thứ tư xuất hiện khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác.

"Khi có sự xuất hiện của Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, có bốn điều kỳ diệu và tuyệt vời đó xảy ra."

(AN 4:128; II 131–32)

2. SỰ THỎA THÍCH, SỰ NGUY HẠI & SỰ GIẢI THOÁT

(1) *Trước Khi Phật Giác Ngộ*

"Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ, khi ta còn là một bồ-tát, điều này (câu hỏi này) đã xảy đến với ta: 'Cái gì là sự thỏa thích (hài lòng) trong thế gian, cái gì là sự nguy-hại trong thế gian, và cái gì là sự giải-thoát khỏi thế gian?' Rồi điều này (câu trả lời) đã xảy đến với ta: 'Hễ có khoái lạc và sự vui thích trong thế gian: đó là sự thỏa thích trong thế gian. Thế gian là vô thường, dính liền với khổ đau, và luôn bị thay đổi: đó là sự nguy hại trong thế gian. Sự từ bỏ và loại bỏ tham muốn và dục vọng đối với thế gian: đó là sự giải thoát khỏi thế gian.'

"Này các Tỳ kheo, chừng nào ta vẫn chưa trực tiếp hiểu biết được sự thỏa thích là sự thỏa thích, sự nguy hại là sự nguy hại, và sự giải thoát là sự giải thoát như chúng đích thực là, thì chừng đó ta vẫn chưa tuyên bố ta đã thức tỉnh tới sự giác ngộ toàn phần tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương [Mara], và các vị Trời [Brahmā], trong quần thể chúng sinh này có các tu sĩ và các bà-la-môn, các thiên thần và người.

"Nhưng khi ta đã trực tiếp hiểu biết được tất cả điều này, lúc đó ta mới tuyên bố ta đã thức tỉnh tới sự giác ngộ toàn phần tối thượng trong thế giới này … các thiên thần và người. Sự hiểu biết (tri) và tầm nhìn (kiến) đã khởi sinh trong ta như vầy: 'Sự giải thoát này của tâm là bất lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh đối với ta.'"

(AN 3:101,§1–2; I 258–59)

(2) *Phật Đã Quyết Tâm Đi Tìm*

"Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong thế gian. Mọi sự thỏa thích trong thế gian, ta đã tìm thấy. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa thích với xa tới mức nào trong thế gian.

"Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong thế gian. Mọi sự sự nguy hại trong thế gian, ta đã tìm thấy. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy hại với xa tới mức nào trong thế gian.

"Ta đã quyết tâm đi tìm sự giải-thoát khỏi thế gian. Mọi sự sự giải thoát trong thế gian, ta đã tìm thấy. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự giải thoát vươn xa tới mức nào khỏi thế gian."

(AN 3:101,§3; I 259)

(3) *Nếu Không Có Sự Thỏa Thích*

"Này các Tỳ kheo, nếu không có sự thỏa thích trong thế gian, thì chúng sinh sẽ không bị say mê với thế gian. Nhưng vì có sự thỏa thích trong thế gian, nên chúng sinh bị say mê với thế gian.

"Này các Tỳ kheo, nếu không có sự nguy hại trong thế gian, thì chúng sinh sẽ không chán bỏ với thế gian. Nhưng vì có sự nguy hại trong thế gian, nên chúng sinh chán bỏ với thế gian.

"Này các Tỳ kheo, nếu không có sự giải thoát khỏi thế gian, thì chúng sinh sẽ không giải thoát khỏi thế gian. Nhưng

vì có sự giải thoát khỏi thế gian, nên chúng sinh có thể giải thoát khỏi thế gian.

(AN 3:102; I 260)

3. ĐÁNH GIÁ ĐÚNG NHỮNG ĐỐI TƯỢNG DÍNH CHẤP (RÀNG BUỘC CON NGƯỜI)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī, trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc.

2. Rồi, bấy giờ là buổi sáng, một số Tỳ kheo mặc y phục, và mang theo bình bát và y ngoài, đi đến thành Sāvatthī để khất thực. Rồi họ nghĩ rằng: "Còn quá sớm để đi bộ khất thực xung quanh trong thành Sāvatthī. Hay là chúng ta đi đến khu vườn (chỗ) của những du sĩ giáo phái khác." Nghĩ vậy nên họ đi đến chỗ các du sĩ khác khác đạo, và chào hỏi với họ. Sau khi hỏi thăm và nói chuyện hòa nhã, họ ngồi xuống một bên. Những du sĩ khác đạo nói với họ:

3. "Này các bạn hữu, tu sĩ Cồ-đàm mô tả sự hiểu biết hoàn toàn về những khoái lạc giác quan, và chúng tôi cũng làm được vậy; tu sĩ Cồ-đàm mô tả sự hiểu biết hoàn toàn về sắc thân, và chúng tôi cũng làm vậy được; tu sĩ Cồ-đàm mô tả sự hiểu biết hoàn toàn về những cảm giác, và chúng tôi cũng làm được vậy. Này các bạn hữu, vậy thì có gì là khác biệt, có gì là sai khác, có gì là khác nhau giữa giáo lý của tu sĩ Cồ-đàm và giáo lý của chúng tôi, giữa sự chỉ dạy của tu sĩ Cồ-đàm và sự chỉ dạy của chúng tôi?"[1]

4. Rồi các Tỳ kheo không đồng ý cũng không phản đối với những lời của các du sĩ khác đạo đó. Không đồng ý cũng

không phản đối, họ chỉ đứng dậy và đi, và nghĩ rằng: "Chúng ta nên tìm hiểu ý nghĩa những lời nói đó khi gặp mặt đức Thế Tôn."

5. Sau khi họ đã đi khất thực trong thành Sāvatthī xong và quay về, sau khi ăn cơm, họ đến gặp đức Thế Tôn, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, họ ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn chuyện lúc sáng. [Đức Thế Tôn nói:]

6. "Này các Tỳ kheo, khi các du sĩ khác đạo đó nói như vậy, các thầy nên hỏi họ như vầy: 'Nhưng này các bạn hữu, cái gì là sự thỏa thích, cái gì là sự nguy hại, và cái gì là sự giải thoát đối với [trong trường hợp] những khoái lạc giác quan? Cái gì là sự thỏa thích, cái gì là sự nguy hại, và cái gì là sự giải thoát đối với sắc thân? Cái gì là sự thỏa thích, cái gì là sự nguy hại, và cái gì là sự giải thoát đối với những cảm giác?'

Nếu hỏi như vậy thì những du sĩ khác đạo đó sẽ không giải thích được, và gì nữa, họ sẽ thấy khó khăn. Bởi vì sao? Vì đó không phải chỗ hiểu biết của họ. Này các Tỳ kheo, trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và các vị Trời, trong quần thể chúng sinh này có các tu sĩ và các bà-la-môn, các thiên thần và người, ta thấy không có ai có thể giải thích thỏa mãn tâm trí bằng một câu trả lời cho những câu hỏi đó, ngoại trừ Như Lai, hoặc những vị đệ tử của Như Lai, hoặc người đã học từ các vị đệ tử ấy.

[*Những khoái lạc giác quan*]

7. (i) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thỏa-thích của [trong trường hợp] những khoái lạc giác quan? Này các Tỳ kheo, có năm sợi dây (quấn thành sợi dây thừng) khoái lạc giác quan (dục lạc). Năm là gì? (1) Những hình sắc được

nhận biết bởi mắt, chúng được muốn, được thích, dễ chịu và dễ thích, kết nối với tham muốn giác quan (nhục dục), và kích thích tham muốn (gợi dục). (2) Những âm thanh nhận biết bởi tai.… (3) Những mùi hương nhận biết bởi mũi.… (4) Những mùi vị nhận biết bởi lưỡi.… (5) Những đối tượng chạm xúc nhận biết bởi thân, chúng được muốn, được thích, dễ chịu và dễ thích, kết nối với tham muốn giác quan, và kích thích tham muốn. Đây là năm sợi dây khoái lạc giác quan. -Vậy đó, sự sướng khoái và sự vui thích, khởi sinh tùy theo năm dây khoái lạc giác quan đó, chính là sự thỏa-thích của những khoái lạc giác quan.

8. (ii) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nguy-hại của những khoái lạc giác quan? Ở đây, này các Tỳ kheo, như trong chuyện nghề nghiệp của một người trẻ tuổi trong gia tộc nào đó phải theo làm để kiếm sống—như nghề kiểm đếm, nghề tính toán, nghề ước tính, nghề nông, nghề buôn bán, nghề chăn nuôi, nghề săn bắn, nghề làm công vụ cho triều đình, hoặc bất cứ nghề nào—trong nghề nghiệp để có được cuộc sống người đó phải chịu nóng chịu lạnh; người đó có thể bị thương do tiếp xúc với mòng muỗi, gió, nắng, và các loài bò sát; có thể chết vì đói khát. -Vậy đó, đó là một dạng nguy-hại vì (trong sự đi tìm) những khoái lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.

9. "Nếu người trẻ trong gia tộc đó làm việc, và nỗ lực, và cố gắng như vậy nhưng không thu được của cải vào tay, thì người đó buồn rầu, than vãn, và ai oán, khóc than, đấm ngực, và trở thành quẫn trí, kêu rằng: 'Công việc của tôi là vô ích,

nỗ lực của tôi chẳng kết quả gì!.' -Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại của những khoái lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.

10. "Rồi nếu người trẻ trong gia tộc đó làm việc, và nỗ lực, và cố gắng như vậy, và thu được nhiều của cải vào tay, thì người đó lại khổ sở và buồn lo với việc bảo vệ của cải: 'Làm sao để không bị trộm cướp, không bị vua chúa tịch thu, không bị hỏa hoạn cháy rụi, không bị lũ lụt cuốn đi, và không bị những người kế thừa bất nghĩa chiếm đoạt?' Và người đó canh phòng và bảo vệ của cải, nhưng (vẫn có thể) bị trộm cướp, hoặc bị vua chúa tịch thu, hoặc bị hỏa hoạn cháy rụi, hoặc bị lũ lụt cuốn đi, hoặc bị những người kế thừa bất nghĩa chiếm đoạt. Và người đó lại buồn rầu, than vãn, và ai oán, khóc than, đấm ngực, và trở thành quẫn trí, kêu rằng: 'Tôi không còn của cải nữa!' -Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại của những khoái lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.

11. "Lại nữa, vì do những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc … nên các vua chúa tranh chấp nhau, những người giai cấp chiến sĩ tranh chấp nhau, các bà-la-môn tranh chấp nhau, các gia chủ tranh chấp nhau; mẹ tranh chấp con, con tranh chấp mẹ, cha tranh chấp con, con tranh chấp cha; anh em tranh chấp nhau, chị em tranh chấp nhau; bạn bè tranh chấp nhau. Và trong những cuộc tranh chấp, tranh cãi, và tranh giành, họ đánh nhau bằng tay, bằng đá cục, gậy gộc, hay bằng dao, từ đó họ chuốc lấy chết chóc và khổ đau gần

như chết. -Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại của những khoái lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.

12. "Lại nữa, vì do những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta mang kiếm, khiên và cung, tên, và họ giàn trận hai bên; với cung tên và giáo mác phóng như bay, kiếm vung chém lóe chớp; và rồi họ bị thương bởi cung tên và giáo mác, bị chặt đầu bởi gươm đao; từ đó họ chuốc lấy chết chóc và khổ đau gần như chết. -Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại của những khoái lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.

13. "Lại nữa, vì do những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta mang kiếm, khiên và cung, tên, và họ tấn công những pháo đài trơn ướt vừa mới trét bùn; với cung tên và giáo mác phóng như bay, kiếm vung chém lóe chớp; rồi họ bị thương bởi cung tên và giáo mác, bị tạt nước phân bò đun sôi, và bị đè bẹp bởi những thanh chắn cổng thành rơi xuống, và bị chặt đầu bởi gươm đao; từ đó họ chuốc lấy chết chóc và khổ đau gần như chết. -Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại của những khoái lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.

14. "Lại nữa, vì do những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta đột nhập nhà cửa, cướp bóc

của cải, làm nghề trộm cướp, cướp đường, dụ dỗ vợ người khác; và khi bị bắt, họ phải chịu rất nhiều hình phạt mạnh bạo của vua quan … từ đó họ chuốc lấy chết chóc và khổ đau gần như chết. -Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại của những khoái lạc giác quan, là một đống khổ nhìn thấy được trong kiếp sống hiện tại; khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.

15. "Lại nữa, vì do những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc … nên người ta sống không đức hạnh trong hành động, lời nói, và tâm ý. Vì đã làm như vậy, nên khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. -Vậy đó, đây là một dạng nguy-hại của những khoái lạc giác quan, là một đống khổ trong kiếp sau;[2] khổ có những khoái lạc giác quan là nguyên nhân, nguồn gốc, và cơ sở gây ra nó; nguyên nhân khổ chỉ là do những khoái lạc giác quan.

16. (iii) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giải-thoát khỏi những khoái lạc giác quan? Đó là sự xóa bỏ tham muốn và dục vọng, là sự dẹp bỏ tham muốn và dục vọng đối với những khoái lạc giác quan. Đây chính là sự giải-thoát khỏi những khoái lạc giác quan.

17. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào chưa hoàn toàn hiểu biết sự thỏa-thích đích thực là gì, sự nguy-hại đích thực là gì, và sự giải-thoát đích thực là gì đối với những khoái-lạc giác-quan, thì họ không thể nào hiểu biết hoàn toàn về những khoái lạc giác quan, và không thể dạy những người khác hiểu được hoàn toàn về những khoái lạc giác quan—điều đó là không thể.

Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã hoàn toàn hiểu biết sự thỏa-thích đích thực là gì, sự nguy-hại đích thực là gì, và sự giải-thoát đích thực là gì đối với những khoái-lạc giác-quan, thì họ có thể hiểu biết hoàn toàn về những khoái lạc giác quan, và có thể dạy những người khác hiểu được hoàn toàn về những khoái lạc giác quan—điều đó là có thể.

[*Sắc Thân*]

18. (i) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thỏa-thích của sắc thân? Giả sử có một cô gái thuộc giai cấp chiến sĩ hay bà-la-môn hay dòng tộc gia chủ, mười lăm hay mười sáu tuổi, không quá cao không quá thấp, không quá ốm không quá mập, không quá đen không quá trắng. Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ta đang ở đỉnh cao không?"—"Đúng vậy, thưa Thế Tôn."—"-Vậy đó, sự sướng khoái và sự vui thích, khởi sinh tùy theo sắc đẹp và sự đáng yêu đó, chính là sự thỏa-thích của sắc thân.

19. (ii) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nguy-hại của sắc thân? Sau này người ta thấy cũng người phụ nữ ấy ở tuổi tám mươi, chín mươi, hoặc một trăm tuổi, già nua, thân cong như vòm mái nhà, lưng còm, chống gậy, đi đứng run rẩy, đau đớn, tuổi trẻ và sức lực đã hết, với răng rụng, với tóc bạc thưa thớt hay hói đầu, da nhăn nheo, với tay chân đầy vết khô lác. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?"—"Đúng, thưa Thế Tôn"—"Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại của sắc thân.

20. "Lại nữa, người ta có thể nhìn thấy cũng người phụ nữ ấy giờ bị bệnh và đau đớn, bệnh yếu trầm trọng, nằm trên phân và nước tiểu của mình, phải nhờ người này người nọ ẵm

lên và đặt xuống. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?"—"Đúng, thưa Thế Tôn"—"Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại của sắc thân.

21. "Lại nữa, người ta có thể thấy cũng người phụ nữ ấy (*1*) giờ là một xác chết bị quăng ra ngoài nghĩa địa; mới chết một, hai, hay ba ngày, thi thể trương lên, tái nhợt, và đang sình. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?"—"Đúng, thưa Thế Tôn"—"Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại của sắc thân.

22–29. "Lại nữa, người ta có thể nhìn thấy cũng người phụ nữ ấy (*2*) giờ là xác chết bị quăng ra ngoài nghĩa địa, bị xé ăn bởi lũ quạ, diều hâu, kền kền, chó, chó rừng, và các loại giòi bọ … (*3*) giờ là một bộ xương dính ít thịt và máu, được dính nhau bằng những sợi gân … (*4*) giờ là một bộ xương không thịt còn dính ít máu, được dính nhau bằng những sợi gân … (*5*) giờ là một bộ xương không còn thịt và máu, được dính nhau bằng những sợi gân … (*6*) giờ là những khúc xương đứt rời nằm rải rác đủ phía … (*7*) giờ là những khúc xương khô trắng, có màu vôi vỏ sò … (*8*) giờ là một mớ xương khô, nằm đó hơn một năm … (*9*) giờ là mớ xương rửa nát và mục tan thành bụi đất. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo? Có phải sắc đẹp và sự đáng yêu của cô ấy đã biến mất, và mối nguy-hại đã hiển hiện rõ ràng, đúng không?"—"Đúng, thưa Thế Tôn"—"Này các Tỳ kheo, đây chính là sự nguy-hại của sắc thân.

30. (iii) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giải-thoát khỏi sắc thân? Đó là sự xóa bỏ tham muốn và dục vọng, là sự dẹp

bỏ tham muốn và dục vọng đối với sắc thân. Đây chính là sự giải-thoát đối với sắc thân.

31. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào chưa hoàn toàn hiểu biết sự thỏa-thích đích thực là gì, sự nguy-hại đích thực là gì, và sự giải-thoát đích thực là gì đối với sắc-thân, thì họ không thể nào hiểu biết hoàn toàn về sắc thân, và không thể dạy những người khác hiểu được hoàn toàn về sắc thân—điều đó là không thể.

Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã hoàn toàn hiểu biết sự thỏa-thích đích thực là gì, sự nguy-hại đích thực là gì, và sự giải-thoát đích thực là gì đối với sắc-thân, thì họ có thể hiểu biết hoàn toàn về sắc thân, và có thể dạy những người khác hiểu được hoàn toàn về sắc thân—điều đó là có thể.

[*Những Cảm Giác*]

32. (i) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thỏa-thích của cảm giác? Ở đây, này các Tỳ kheo: *với* sự cách-ly hoàn toàn khỏi những khoái lạc giác quan, cách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong *tầng thiền định thứ nhất* (Nhất thiền), là trạng thái được đi kèm với ý tưởng ban đầu (tầm) và sự suy lý (tứ), với niềm hân hoan (hỷ) và hạnh phúc (lạc) được sinh ra từ sự cách ly đó.

Trong lúc như vậy người đó không làm [chọn lấy] khổ đau cho mình, hoặc cho những người khác, hoặc cho cả mình và cho những người khác. Nếu như vậy người đó chỉ cảm giác loại cảm giác không có khổ đau. Sự thỏa-thích cao nhất đối với những cảm giác chính là sự tự do khỏi khổ đau, ta nói như vậy.

33–35. "Lại nữa, *với* sự lắng-lặn của ý nghĩ ban đầu (tầm) và sự suy lý (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong *tầng thiền định thứ hai* (Nhị thiền).… *Với* sự phai-biến yếu tố hân hoan (hỷ) và hạnh phúc (lạc) … người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền).… *Với* sự phai-biến mọi yếu tố khổ và sướng, người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền).…

Trong lúc như vậy người đó không làm khổ đau cho mình, hoặc cho những người khác, hoặc cho cả mình và cho những người khác. Nếu như vậy người đó chỉ cảm giác loại cảm giác không có khổ đau. Sự thỏa-thích cao nhất đối với những cảm giác chính là sự tự do khỏi khổ đau, ta nói như vậy.

36. (ii) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự nguy-hại của những cảm giác? Những cảm giác đều là vô thường, khổ, và luôn luôn thay đổi. Đây chính là sự nguy-hại của những cảm giác.

37. (iii) "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự giải-thoát khỏi những cảm giác? Đó là sự xóa bỏ tham muốn và dục vọng, là sự dẹp bỏ tham muốn và dục vọng đối với những cảm giác.

38. "Những tu sĩ và bà-la-môn nào chưa hoàn toàn hiểu biết sự thỏa-thích đích thực là gì, sự nguy-hại đích thực là gì, và sự giải-thoát đích thực là gì đối với những cảm-giác, thì họ không thể nào hiểu biết hoàn toàn về những cảm giác, và không thể dạy những người khác hiểu được hoàn toàn về những cảm giác—điều đó là không thể.

Những tu sĩ và bà-la-môn nào đã hoàn toàn hiểu biết sự thỏa-thích đích thực là gì, sự nguy-hại đích thực là gì, và sự giải-thoát đích thực là gì đối với những cảm-giác, thì họ có

thể hiểu biết hoàn toàn về những cảm giác, và có thể dạy những người khác hiểu được hoàn toàn về những cảm giác—điều đó là có thể.

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.

(MN 13: *Mahādukkhakkhandha Sutta*; I 84–90)
(Kinh "*Đại Kinh về Khổ-Uẩn*")

4. CẠM BẪY CỦA NHỮNG KHOÁI LẠC GIÁC QUAN

(1) *Cắt Đứt Mọi Sự Việc Thế Tục*

[Gia chủ Potaliya đã hỏi Đức Phật:]

"Thưa Thế Tôn, làm cách nào sự cắt đứt toàn bộ mọi việc ở đời[3] theo giới luật của bậc thánh nhân có thể làm được một cách toàn bộ và mọi lúc mọi nơi? Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy cho con Giáo Pháp, chỉ cho con cách cắt đứt toàn bộ mọi sự việc ở đời mọi lúc mọi nơi theo giới luật của bậc thánh nhân?"

"Này gia chủ, vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng những gì ta sẽ nói." "Dạ, thưa Thế Tôn", gia chủ Potaliya đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy:

15. "Này gia chủ, giả sử có một con chó, cố vượt qua cơn đói và đuối sức, đến đứng chực ở quầy bán thịt. Rồi có một ông bán thịt rành nghề hoặc người phụ việc của ông quăng cho con chó một khúc xương đã lạng kỹ, lạng sạch, không còn chút thịt, chỉ còn dính máu. Ông nghĩ sao, này gia chủ? Liệu con chó có qua được cơn đói và đuối sức nếu gặm một khúc xương đã lạng kỹ, lạng sạch, không còn chút thịt, chỉ còn dính máu như vậy, hay không?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn. Vì sao? Vì đó chỉ là một khúc xương đã lạng kỹ, lạng sạch, không còn chút thịt, chỉ còn dính máu. Cuối cùng con chó chỉ có thêm sự mệt đuối và thất vọng mà thôi."

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Những khoái lạc giác quan được đức Thế Tôn so sánh như một khúc xương không; chúng mang lại nhiều khổ đau và nhiều thất vọng, trong khi bên trong chúng vẫn còn nhiều mối nguy hại khác.' Sau khi đã nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ đúng đắn, người đó tu tập loại tâm buông-xả đa dạng dựa trên sự đa-dạng, người đó tu tập loại tâm buông xả hợp nhất dựa trên sự hợp-nhất[4], khi đó mọi sự dính chấp vào những điều thế tục của thế gian hoàn toàn chấm dứt, không còn chút dấu vết.

16. "Này gia chủ, giả sử có một con kền kền, con diệc, hay con diều hâu gắp lấy miếng thịt và bay đi, và những con kền kền khác, con diệc và diều hâu khác đuổi theo và mổ miếng thịt và bấu giựt bằng móng vuốt. Ông nghĩ sao, này gia chủ? Nếu con kền kền, con diệc hay con diều hâu đó không nhanh chóng nhả miếng thịt, thì nó phải chuốc lấy chết chóc hoặc bị thương gần như chết, đúng không?"

"Dạ đúng, thưa Thế Tôn."

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Những khoái lạc giác quan đã được đức Thế Tôn so sánh như một miếng thịt; chúng mang lại nhiều khổ đau và nhiều thất vọng, trong khi bên trong chúng vẫn còn nhiều mối nguy hại khác.' Sau khi đã nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ đúng đắn … khi đó mọi sự

dính chấp vào những điều thế tục của thế gian hoàn toàn chấm dứt, không còn chút dấu vết.

17. "Này gia chủ, giả sử có một người cầm một ngọn đuốc rơm đang cháy rực và đi ngược hướng gió. Ông nghĩ sao, này gia chủ? Nếu người đó không nhanh chóng giục bỏ ngọn đuốc rơm đang cháy rực đó, thì ngọn đuốc rơm đang cháy rực đó có đốt cháy cánh tay hay bàn tay hoặc những chỗ khác trên thân của người đó, và người đó phải chuốc lấy chết chóc hoặc bị thương gần chết, đúng không?"

"Dạ đúng, thưa Thế Tôn."

"Cũng giống như vậy, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Những khoái lạc giác quan đã được đức Thế Tôn so sánh như một ngọn đuốc rơm; chúng mang lại nhiều khổ đau và nhiều thất vọng, trong khi bên trong chúng vẫn còn nhiều mối nguy hại khác.' Sau khi đã nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ đúng đắn … khi đó mọi sự dính chấp vào những điều thế tục của thế gian hoàn toàn chấm dứt, không còn chút dấu vết.

18. "Này gia chủ, giả sử có một hố lửa than sâu hơn chiều cao của một người, chứa đầy than cháy đỏ nhưng không phát lửa ngọn hay khói. Rồi có một người đi đến, người đó muốn sống chứ không muốn chết, muốn sướng khoái chứ không muốn khổ đau, và có hai người mạnh bạo nắm lấy hai tay người đó và lôi người đó tới chỗ hố lửa than. Ông nghĩ sao, này gia chủ? Người đó sẽ cố gồng thân dùng dằn mọi hướng để cố thoát, đúng không?"

"Dạ đúng, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì người đó biết rõ nếu bị rớt xuống hố lửa than đó phải chuốc lấy sự chết chóc hoặc bị thương gần như chết."

"Cũng giống như vậy, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Những khoái lạc giác quan đã được đức Thế Tôn so sánh như một hố lửa than; chúng mang lại nhiều khổ đau và nhiều thất vọng, trong khi bên trong chúng vẫn còn nhiều mối nguy hại khác.' Sau khi đã nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ đúng đắn … khi đó mọi sự dính chấp vào những điều thế tục của thế gian hoàn toàn chấm dứt, không còn chút dấu vết.

19. "Này gia chủ, giả sử có một người nằm mơ thấy một khu vườn rất đẹp, một đồng cỏ rất đẹp, và một hồ nước rất đẹp, nhưng khi tỉnh dậy thì chẳng thấy gì hết. Cũng giống như vậy, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Những khoái lạc giác quan được đức Thế Tôn so sánh như một giấc mộng; chúng mang lại nhiều khổ đau và nhiều thất vọng, trong khi bên trong chúng vẫn còn nhiều mối nguy hại khác.' Sau khi đã nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ đúng đắn … khi đó mọi sự dính chấp vào những điều thế tục của thế gian hoàn toàn chấm dứt, không còn chút dấu vết.

20. "Này gia chủ, giả sử có một người vay mượn đồ đạc—như một cỗ xe ngựa sang trọng và những bông tai kim hàng rất đẹp—rồi người đó với những thứ vay mượn đó đi tới chợ. Rồi mọi người nhìn thấy anh ta liền nói: 'Kìa, đó là một người giàu sang! Thật biết cách hưởng thụ của cải!' Nhưng những người chủ thực sự khi gặp người đó sẽ lấy lại những đồ đạc đó của họ. Ông nghĩ sao, này gia chủ? Liệu sự giả dạng như vậy có đủ làm người đó thất vọng chưa?"

"Dạ có, thưa Thế Tôn. Vì sao vậy? Vì những người chủ thực sự đã lấy lại những đồ đạc đó."

Cũng giống như vậy, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Những khoái lạc giác quan được đức Thế Tôn so sánh như những thứ vay mượn tạm bợ (chỉ là phù du); chúng mang lại nhiều khổ đau và nhiều thất vọng, trong khi bên trong chúng vẫn còn nhiều mối nguy hại khác.' Sau khi đã nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ đúng đắn … khi đó mọi sự dính chấp vào những điều thế tục của thế gian hoàn toàn chấm dứt, không còn chút dấu vết.

21. "Này gia chủ, giả sử có trong một khu rừng rậm, nằm không xa ngôi làng hay thị trấn, có một cây nhiều trái, nhưng không trái nào rụng xuống đất. Rồi một người đến đó, người đó cần có trái cây, đang đi tìm trái cây, đang đi quanh đó để tìm trái cây; người đó đi vô khu rừng và nhìn thấy chỗ cây nhiều trái đó. Thấy vậy nên nghĩ rằng: 'Cây này thiệt nhiều trái nhưng không trái nào rụng xuống đất. Ta biết cách trèo cây, vậy ta sẽ trèo lên cây, rồi ta ăn cho đã bụng, và hái đầy bao mang về.' Và người đó làm như vậy. Cùng lúc đó, một người thứ hai cũng đến đó, cũng muốn có trái cây, đi tìm trái cây, đi quanh đó để tìm trái cây; người đó cũng đi vô khu rừng và thấy cái cây nhiều trái đó. Thấy vậy nên nghĩ rằng: 'Cây này thiệt nhiều trái nhưng không trái nào rụng xuống đất. Ta không biết cách trèo cây, vậy ta sẽ chặt gốc cho cho cây ngã xuống, rồi ta ăn cho đã bụng, và hái đầy bao mang về.' Và người đó làm vậy. Ông nghĩ sao, này gia chủ? Nếu người thứ nhất đang ở trên cây không nhanh chóng leo xuống, thì khi cây bị chặt ngã, người đó sẽ bị gãy tay hay gãy chân hoặc bị những chỗ khác của thân, và người đó chuốc lấy sự chết chóc hoặc bị thương gần như chết, đúng không?"

"Dạ đúng, thưa đức Thế Tôn."

"Cũng giống như vậy, này gia chủ, một đệ tử thánh thiện suy xét như vầy: 'Những khoái lạc giác quan được đức Thế Tôn so sánh như những trái chín trên cây; chúng mang lại nhiều khổ đau và nhiều thất vọng, trong khi bên trong chúng vẫn còn nhiều mối nguy hại khác.' Sau khi đã nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ đúng đắn, người đó tu bỏ loại tâm buông xả đa dạng, dựa trên sự đa dạng đó, tu dưỡng loại tâm buông xả hợp nhất, dựa trên sự hợp nhất đó, khi đó mọi sự dính chấp vào những điều thế tục của thế gian hoàn toàn chấm dứt, không còn chút dấu vết. của thế gian hoàn toàn chấm dứt, không còn dính chút gì.

(*trích* MN 54: *Potaliya Sutta*; I 364–66)

(2) *Cơn Sốt Khoái Lạc Giác Quan*

10. "Này Māgandiya, trước kia ta cũng từng sống đời sống tại gia, ta từng hưởng thụ bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ (dây) khoái lạc giác quan: Những hình sắc được nhận biết bởi mắt…. Những âm thanh được nhận biết bởi tai.… Những mùi hương được nhận biết bởi mũi.… Những mùi vị được nhận biết bởi lưỡi.… Những đối tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, chúng được muốn, được thích, dễ chịu và dễ thích, kết nối với tham muốn giác quan (nhục dục), và kích thích tham muốn (gợi dục).[5] Ta đã từng có ba cung điện, cung điện mùa mưa, cung điện mùa đông, và cung điện mùa hè. Ta sống trong cung điện mùa mưa trong bốn tháng mùa mưa, thụ hưởng bản thân cùng với những nữ nhạc công, với toàn phụ nữ, và ta cũng không bước xuống ra khỏi cung điện đó.[6]

"Rồi sau một thời gian, sau khi đã hiểu rõ sự khởi sinh, sự biến mất, sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát như chúng đích thực là, nên ta đã dẹp bỏ được dục vọng khoái lạc giác quan, ta đã xóa bỏ cơn sốt khoái lạc giác quan, và ta sống không còn thèm muốn, với cái tâm bình an hướng vào bên trong. Ta nhìn thấy những người khác không được tự do khỏi dục vọng khoái lạc giác quan đang bị cắn xé bởi dục vọng khoái lạc giác, đang bị bốc cháy với những cơn sốt khoái lạc giác, đang đắm chìm trong những khoái lạc giác quan, nhưng ta không ghen tỵ với họ, bởi ta cũng không còn thích thú những khoái lạc giác quan đó. Vì sao vậy? Này Māgandiya, vì có một loại khoái lạc khác tách ly khỏi những khoái lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, nó thậm chí vượt trên niềm hạnh phúc ở cõi trời.[7] Bởi ta thích thú trong sự khoái lạc này, nên ta không ghen tỵ với họ, vì ta cũng không còn thích thú những khoái lạc giác quan đó.

11. "Này Māgandiya, một gia chủ hay con một gia chủ, giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản, và được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ (dây) khoái lạc giác quan, người đó hưởng thụ bản thân với những hình sắc được nhận biết bởi mắt, Những hình sắc được nhận biết bởi mắt…. Những âm thanh nhận biết bởi tai…. Những mùi hương được nhận biết bởi mũi…. Những mùi vị được nhận biết bởi lưỡi…. Những đối tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, chúng được muốn, được thích, dễ chịu và dễ thích, kết nối với tham muốn giác quan (nhục dục), và kích thích tham muốn (gợi dục). Sau khi đã hành xử thiện lành trong (ba nghiệp) hành động, lời nói, và tâm ý, thì khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, trong chỗ những thiên thần của cõi trời Tāvatimsa (Đao-lợi);

và ở đó, được vây quanh bởi các tiên nữ trong khu Vườn Nandana,[8] người đó thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái lạc giác quan của cõi trời. Giả sử người đó nhìn xuống (trần gian) thấy một gia chủ hay con một gia chủ đang hưởng thụ bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái lạc giác quan [của cõi người]. Ông nghĩ sao, này ông Māgandiya? Liệu thiên thần trẻ đó, đang được vây quanh bởi các tiên nữ trong khu Vườn Nandana, đang thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái lạc giác quan của cõi trời, có đi ghen tỵ với người gia chủ hay con người gia chủ vì năm thứ khoái lạc giác quan của cõi người, hoặc vị tiên trẻ ấy có còn bị cám giỗ bởi những khoái lạc giác quan đó của cõi người, hay không?"

"Dạ không, thưa Thầy Cồ-đàm. Vì sao không? Vì những khoái lạc của cõi trời là tuyệt vời hơn và siêu xuất hơn những khoái lạc giác quan của cõi người."

12. Trước kia ta cũng từng sống đời sống tại gia, ta từng hưởng thụ bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ (dây) khoái lạc giác quan: Những hình sắc được nhận biết bởi mắt…. Những âm thanh nhận biết bởi tai…. Những mùi hương được nhận biết bởi mũi…. Những mùi vị được nhận biết bởi lưỡi…. Những đối tượng chạm xúc được nhận biết bởi thân, chúng được muốn, được thích, dễ chịu và dễ thích, kết nối với tham muốn giác quan (nhục dục), và kích thích tham muốn (gợi dục). "Rồi sau một thời gian, sau khi đã hiểu rõ sự khởi sinh, sự biến mất, sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát như chúng đích thực là, nên ta đã dẹp bỏ được dục vọng khoái lạc giác quan, ta đã xóa bỏ cơn sốt khoái lạc giác quan, và ta sống không còn thèm muốn, với cái tâm bình an

hướng vào bên trong. Ta nhìn thấy những người khác không được tự do khỏi dục vọng khoái lạc giác quan đang bị cắn xé bởi dục vọng khoái lạc giác, đang bị bốc cháy với những cơn sốt khoái lạc giác, đang đắm chìm trong những khoái lạc giác quan, nhưng ta không ghen tỵ với họ, bởi ta cũng không còn thích thú những khoái lạc giác quan đó. Vì sao vậy? Này Māgandiya, vì có một loại khoái lạc tách ly khỏi những khoái lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, nó thậm chí vượt trên niềm hạnh phúc ở cõi trời. Bởi vì ta thích thú trong niềm khoái lạc (cao hơn) này, nên ta không ghen tỵ với những thứ thấp hơn, vì ta cũng không còn thích thú những khoái lạc giác quan đó (của cõi người).

13. "Này Māgandiya, xưa có một người bệnh cùi với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt thân mình trên hố lửa than đang cháy. Rồi bạn bè và đồng môn, những người thân thuộc và họ hàng, đưa người đó đi gặp lương y để chữa trị. Vị lương y lo liệu thuốc trị cho người ấy, và bằng cách dùng thuốc trị, người ấy có thể được chữa trị hết căn bệnh cùi, và rồi được khỏe mạnh và vui sướng, độc lập, tự chủ được bản thân, có thể đi tới đâu tùy thích. Rồi người ấy có thể gặp một người bệnh cùi khác, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt thân mình trên hố lửa than đang cháy. Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Liệu người ấy có đi ghen tỵ với người bệnh cùi kia vì người kia đang hơ đốt thân mình trên hố lửa than đang cháy hoặc vì người kia đang được dùng thuốc chữa trị, hay không?"

"Dạ không, thưa Thầy Cồ-đàm. Vì sao? Vì khi có bệnh thì mới cần có lửa than cháy nóng và cần có thuốc trị, và khi

không còn bệnh thì không cần lửa than cháy nóng và cần có thuốc trị."

14. "Cũng giống như vậy, này Māgandiya, trước kia ta cũng từng sống đời sống tại gia … [giống như đoạn §12 ở trên] … Bởi vì ta thích thú trong niềm khoái lạc (cao hơn) này, nên ta không ghen tỵ với những thứ thấp hơn, vì ta cũng không còn thích thú những khoái lạc giác quan đó (của cõi người).

15. "Này Māgandiya, giả sử có một người bệnh cùi, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt thân mình trên hố lửa than đang cháy. Rồi bạn bè và đồng môn, những người thân thuộc và họ hang, đưa người ấy đi gặp lương y để chữa trị. Vị lương y lo liệu thuốc trị cho người ấy, và bằng cách dùng thuốc trị, người ấy có thể được chữa trị hết căn bệnh cùi, và rồi được khỏe mạnh và vui sướng, độc lập, tự chủ được bản thân, có thể đi tới đâu tùy thích. Rồi có hai người mạnh bạo nắm lấy hai tay của người ấy và lôi người ấy về phía hố lửa than đang cháy. Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Người đó sẽ cố gồng thân dùng dằn mọi hướng để cố thoát, đúng không?"

"Dạ đúng, thưa Thầy Cồ-đàm. Vì sao? Vì nếu đụng tới lửa là thực sự đau đớn, bị thiêu nóng, và bị đốt cháy."

"Ông nghĩ sao, này Māgandiya? Có phải chỉ bây giờ lửa này khi đụng tới mới bị đau đớn, bị thiêu nóng, và đốt cháy; hay lửa trước kia khi đụng tới cũng bị đau đớn, bị thiêu nóng, và bị đốt cháy như vậy?"

"Thưa Thầy Cồ-đàm, lửa bây giờ khi đụng tới bị đau đớn, bị thiêu nóng, và đốt cháy, và lửa trước kia khi đụng tới cũng

bị đau đớn, bị thiêu nóng, và bị đốt cháy như vậy. Chỉ vì trước kia người ấy là một người bệnh cùi, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, lúc đó các giác quan không cảm nhận đúng đắn, cho nên mặc dù lửa khi đụng tới là đích thực đau đớn nhưng người ấy đã nhận thức là sướng khoái." (Chỉ vì lửa nóng làm đã ngứa thân da người cùi).

16. "Cũng giống như vậy, này Māgandiya, trước kia những khoái lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau đớn, như bị thiêu sốt và bị đốt cháy; sau này những khoái lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau đớn, bị thiêu sốt và bị đốt cháy như vậy; và hiện tại những khoái lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau đớn, bị thiêu sốt và bị đốt cháy như vậy. Nhưng những người không được tự do khỏi dục vọng khoái lạc giác quan, những người đang bị cắn xé bởi dục vọng khoái lạc giác quan, những người bị bốc cháy với cơn sốt khoái lạc giác quan, là họ đang có các giác quan nhận thức không đúng đắn; cho nên mặc dù những khoái lạc giác quan khi tiếp xúc cũng đích thực là đau đớn, bị thiêu sốt và bị đốt cháy, nhưng họ cứ nhận thức sai lầm đó là sung sướng.[9]

17. "Này Māgandiya, giả sử có một người bệnh cùi, với chân tay bị đau nhức và lở loét, bị giòi bọ đục khoét, cào gãi rách rỉ các chỗ lỡ loét bằng móng tay, khoái hơ đốt thân mình trên hố lửa than đang cháy; khi người ấy càng cào gãi những chỗ lỡ loét và càng hơ đốt thân mình trên lửa thì những chỗ lỡ loét càng thêm dơ dáy, càng thêm hôi thối, và càng bị nhiễm trùng, nhưng người ấy vẫn thấy có một mức độ thỏa thích và thích thú trong việc cào gãi và hơ đốt những chỗ lỡ loét.

Cũng giống như vậy, này Māgandiya, những người không được tự do khỏi dục vọng khoái lạc giác quan, những người đang bị cắn xé bởi dục vọng khoái lạc giác quan, những người đang bốc cháy với cơn sốt những khoái lạc giác quan, vẫn còn chìm đắm trong những khoái lạc giác quan; khi họ càng chìm đắm trong những khoái lạc giác quan, thì dục vọng khoái lạc giác quan của họ càng gia tăng, và họ càng bị bốc cháy bởi cơn sốt khoái lạc giác quan, nhưng họ cứ thấy có một mức độ thỏa mãn và thích thú trong năm thứ (dây) khoái lạc giác quan."

(*trích* MN 75: *Māgandiya Sutta*; I 504–8)

5. CUỘC SỐNG LÀ NGẮN NGỦI VÀ PHÙ DU

"Xưa có một đạo sư tên là Araka, người không còn tham dục giác quan. Vị ấy có nhiều trăm đệ tử, và đây là giáo lý ông đã dạy cho họ:

"'Này các Bà-la-môn, đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn và qua nhanh; nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện lành và sống một đời sống trong sạch; bởi vì không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi sự chết.

"'Như giọt sương trên đầu ngọn cỏ, sẽ nhanh chóng biến mất khi mặt trời lên, chẳng được bao lâu; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như giọt sương kia. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh; nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện và sống một đời sống trong sạch; bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

"'Như giọt mưa rơi xuống từ trên trời, tạo thành bong bóng trên mặt nước, rồi nhanh chóng tan đi, chẳng được bao lâu; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như bong bong nước kia. Nó ngắn ngủi, hữu hạn … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

"'Giống như lấy cây roi rạch một đường trên mặt nước, đường kẻ trên mặt nước sẽ nhanh chóng biến mất, chẳng được bao lâu; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như một đường kẻ trên mặt nước. Nó ngắn ngủi, hữu hạn … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

"'Như dòng sông từ trên núi, chảy từ trên cao xuống, chảy nhanh qua, mang theo những thứ trôi nổi trong đó; nó không dừng lại một giây phút, một khoảng khắc, một giây khắc nào, cứ chảy xô, cuộn chảy, và chảy về phía trước; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như một dòng sông chảy từ trên núi. Nó ngắn ngủi, hữu hạn … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

"'Như một người khỏe mạnh tạo miếng nước bọt trên đầu lưỡi và nhổ ra dễ dàng; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như một miếng nước bọt trên đầu lưỡi. Nó ngắn ngủi, hữu hạn … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

"'Như một miếng thịt bị quăng vô cái chảo sắt đã được đốt nóng cả ngày, nó sẽ cháy tan nhanh, và chẳng được bao lâu; giống như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như miếng thịt cháy đó. Nó ngắn ngủi, hữu hạn … bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

"'Như một còn bò đang bị dẫn tới lò mổ để giết thịt, nó càng bước đi là càng tới gần lò mổ, tới gần cái chết; giống

như vậy, này các bà-la-môn, đời người cũng giống như môt con bò đang bị dẫn tới lò mổ để giết thịt. Nó ngắn ngủi, hữu hạn, và qua nhanh; nó đầy khổ đau, đầy khổ sở. Điều này con người nên khôn ngoan hiểu rõ. Con người nên làm điều thiện và sống một đời sống trong sạch; bởi không ai sinh ra mà có thể thoát khỏi cái chết.

"Nhưng vào thời xa xưa đó, này các Tỳ kheo, tuổi thọ của con người là 60.000 năm, và tới 500 tuổi các cô gái mới sẵn sàng lấy chồng. Vào thời đó con người chỉ có sáu loại khổ: nóng, lạnh, đói, khát, đại tiện và tiểu tiện. Mặc dù họ sống rất lâu rất thọ và có ít sự khổ đau, nhưng đạo sư Araka vẫn dạy cho các đệ tử của ông một giáo lý rằng: 'Đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn.…'

"Nhưng thời bây giờ, này các Tỳ kheo, người ta càng có thể nói đúng hơn rằng: 'Đời người thật là ngắn ngủi, hữu hạn.…'; bởi ngày nay con người chỉ sống lâu nhất được 100 tuổi hay hơn một chút. Và có sống 100 năm cũng chỉ được 300 mùa: gồm 100 mùa mùa đông, 100 mùa hè, và 100 mùa mưa. Nếu có sống được 300 mùa cũng chỉ được 1.200 tháng: gồm 400 tháng mùa đông, 400 tháng mùa hè, và 400 tháng mùa mưa. Nếu có sống được cũng chỉ được 2.400 nửa-tháng: gồm 800 nửa-tháng mùa đông, 800 nửa-tháng mùa hè, và 800 nửa-tháng mùa mưa.

"Và nếu sống được 24.000 nửa-tháng cũng chỉ được 36.000 ngày: gồm 12.000 ngày đông, 12.000 ngày hè, và 12.000 ngày mưa. Và nếu sống được 36.000 ngày cũng chỉ ăn được 72.000 bữa cơm: gồm 24.000 bữa trong mùa đông, 24.000 bữa trong mùa hè, và 24.000 bữa trong mùa mưa. Và trong đó đã bao gồm những bữa ăn bằng sữa mẹ và những lúc không có ăn. Những lúc không có ăn là: lúc đang bực tức, lúc

đang buồn rầu, hoặc lúc đang đau bệnh, hoặc lúc kiêng chay, hoặc khi không có được thức ăn, không kiếm thức ăn.

"Này các Tỳ kheo, như vậy ta đã tính tuổi đời của một người sống được trăm tuổi, bao gồm: giới hạn tuổi đời, số mùa, số năm, số tháng, số nửa-tháng, số ngày và số đêm, số bữa ăn và số bữa không có ăn.

"Những gì một người thầy bi mẫn phải làm, vì lòng bi mẫn, để tìm ra sự phúc lợi cho các học trò, ta đã làm cho các thầy. Này các Tỳ kheo, chỗ này là những gốc cây, chỗ kia là những chòi trống. Hãy thiền tập, này các Tỳ kheo, đừng lơ tâm phóng dật, hoặc nếu không sau này các thầy sẽ hối tiếc. Đây là chỉ dẫn của ta cho các thầy."

(AN 7:70; IV 136–39)

6. BỐN ĐIỀU TÓM TẮT VỀ GIÁO PHÁP

26. … Ngài Raṭṭhapāla đi đến Khu Vườn Migācīra của Vua Koravya và ngồi xuống gốc cây để an trú ban ngày.

27. Rồi Vua Koravya nói với người gác vườn như vầy: "Này ông gác vườn, hãy dọn dẹp Khu Vườn Migācīra để ta có thể tới đó viếng thăm ngắm cảnh."—"Dạ, thưa bệ hạ", người gác vườn đáp lại. Bấy giờ, khi người gác vườn đang dọn dẹp Khu Vườn Migācīra, ông nhìn thấy ngài Raṭṭhapāla ngồi dưới một gốc cây để an trú ban ngày. Khi nhìn thấy ngài, ông chạy đến báo với Vua Koravya: "Thưa bệ hạ, Khu Vườn Migācīra đã được dọn dẹp. Ở đó đang có Raṭṭhapāla, con trai của gia tộc đứng đầu trong thành Thullakoṭṭhita này, người mà bệ hạ luôn nói lời ca ngợi; ông ấy đang ngồi dưới một gốc cây để an trú ban ngày."

"Này ông gác vườn, vậy hôm nay lo khu vườn như vậy là đủ rồi; giờ chúng ta sẽ đến kính chào Thầy Raṭṭhapāla."

28. Rồi nhà vua nói: "Hãy mang phân phát cho những thức ăn đã được nấu trong cung ngày hôm nay". Vua Koravya cho chuẩn bị một số xe ngựa trong triều, rồi nhà vua leo lên một chiếc, theo sau là những chiếc khác, lái ra khỏi thành Thullakoṭṭhita với đầy đủ uy nghi của vương triều để đến gặp Ngài Raṭṭhapāla. Vua cho xe ngựa chạy hết quãng đường xe ngựa có thể đi được, rồi sau đó xuống xe đi bộ, theo sau là các quan thần quan trọng nhất, để đến nơi gặp ngài Raṭṭhapāla. Nhà vua chào hỏi Ngài Raṭṭhapāla, và sau khi đã xong phần hỏi thăm và nói chuyện hòa nhã, vua đứng qua một bên và nói: "Ở đây có nệm yên voi, xin mời Thầy Raṭṭhapāla ngồi lên."

"Không cần đâu, thưa đại vương. Hãy ngồi xuống đi. Tôi đang ngồi trên miếng nệm của tôi rồi". Rồi Vua Koravya ngồi xuống chỗ ngồi đã chuẩn bị sẵn, và nói:

29. "Thầy Raṭṭhapāla, có bốn loại mất mát. Do đã bị bốn sự mất mát đó nên có một số người đã cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bốn đó là gì? Đó là sự mất mát vì tuổi già, sự mất mát vì đau bệnh, sự mất mát tài sản, và sự mất mát người thân thuộc.

30. "Và cái gì là sự mất mát vì tuổi già? Ở đây, thưa thầy Raṭṭhapāla, có người bị già, già yếu, đã nặng gánh tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời. Người đó suy xét như vầy: 'Ta đã già, già yếu, đã nặng gánh tuổi tác, đã gần hết tuổi đời, đang tới giai đoạn cuối đời. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới hoặc gia tăng của cải

đã làm ra trước đây. Chắc ta phải nên cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Do người đó đã bị mất mất vì tuổi già, cho nên người đó cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.'

Đây được gọi là sự mất mát vì tuổi già. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla giờ vẫn trẻ trung, tóc còn đen nhánh, còn được phú cho tuổi trẻ, còn đang trong thời xuân sắc của cuộc đời. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát vì tuổi già. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

31. "Và cái gì là sự mất mát vì đau bệnh? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người bị đau đớn, đau khổ, và bệnh yếu gần như chết. Người đó suy xét như vầy: 'Ta bị đau đớn, đau khổ, và bệnh yếu gần như chết. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Do người đó đã bị mất mát vì đau bệnh … cho nên ... đi vào đời sống xuất gia tu hành.

Đây được gọi là sự mất mát vì đau bệnh. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla giờ vẫn chưa bị đau bệnh đau khổ gì; thầy vẫn còn hệ tiêu hóa điều hòa tốt, không bị quá nóng ruột hay quá lạnh ruột. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát vì đau bệnh. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

32. "Và cái gì là sự mất mát tài sản? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản. Dần dà tài sản của người đó bị tiêu tán. Người đó suy xét như vầy: 'Trước đây ta giàu có, nhiều của cải, và nhiều tài sản. Dần dà tài sản của ta đã bị tiêu tán. Đối với ta không còn dễ

dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Do người đó đã bị mất mát tài sản … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.

Đây được gọi là sự mất mát tài sản. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla là con trai của một gia tộc đứng đầu (giàu có) trong thành Thullakoṭṭhita này. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mất tài sản gì. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

33. "Và cái gì là sự mất mát người thân? Ở đây, thưa Thầy Raṭṭhapāla, có người có nhiều người thân như bạn bè và đồng sự, người thân thuộc và họ hàng. Dần dà số người thân của người đó cũng bị ít đi. Người đó suy xét như vầy: 'Trước đây ta có nhiều người thân như bạn bè và đồng sự, người thân thuộc và họ hàng. Dần dà số người thân của ta bị ít đi. Đối với ta không còn dễ dàng làm ra của cải mới … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Do người đó đã bị mất mát người thân … cho nên … đi vào đời sống xuất gia tu hành.

Đây được gọi là sự mất mát người thân. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla còn nhiều bạn bè và đồng sự, người thân thuộc và họ hang trong thành Thullakoṭṭhita này. Thầy Raṭṭhapāla chưa bị mất mát người thân nào. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?

34. "Thưa Thầy Raṭṭhapāla, đó là bốn loại mất mát. Do họ đã bị bốn loại mất mát đó nên họ cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla chưa bị loại mất mát nào trong số đó. Vậy thầy đã biết gì, đã thấy gì, hoặc đã nghe gì

mà từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành?"

35. "Này đại vương, đây là bốn điều tóm tắt về Giáo Pháp đã được giảng dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe (bốn điều đó), tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Bốn điều tóm tắt đó là gì?

36. (1) "'[Sự sống ở] thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi': đây là tóm tắt thứ nhất về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết và thấy điều này, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

(2) "'[Sự sống ở] thế gian không có nơi trú ẩn và không có người bảo vệ': đây là tóm tắt thứ hai về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy … xuất gia tu hành.

(3) "'[Sự sống ở] thế gian chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi.': đây là tóm tắt thứ ba về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người thấy và biết … xuất gia tu hành.

(4) '[Sự sống ở] thế gian là không đủ, chẳng bao giờ chịu thỏa mãn, là nô lệ cho dục vọng': đây là tóm tắt thứ tư về Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn, người thấy và biết … xuất gia tu hành.

37. "Đại vương, đây là bốn điều tóm tắt về Giáp Pháp đã được dạy bởi đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. Sau khi đã biết, đã thấy và đã nghe bốn điều đó, tôi đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

38. "Thầy Raṭṭhapāla mới nói: '[Sự sống ở] thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi.' Vậy nên hiểu ý nghĩa của câu đó như thế nào?"

"Ngài nghĩ sao, đại vương? Khi ngài còn tuổi hai mươi hay hai lăm, giỏi giang về cỡi voi, giỏi về cỡi ngựa, giỏi về xe ngựa, giỏi về bắn cung, giỏi về kiếm thuật, bắp đùi bắp tay mạnh mẽ, cường tráng, có thể xông pha chiến trận, đúng không?"

"Chắc chắn ta đã từng như vậy, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Nhiều lúc ta tự hỏi liệu ta có thể có lại sức mạnh siêu thường đó hay không. Ta chưa thấy ai có thể ngang hàng với sức mạnh của ta thời đó."

"Ngài nghĩ sao, đại vương? Giờ ngài có còn bắp đùi bắp tay mạnh mẽ, có còn cường tráng và có thể xông pha chiến trận nữa không?"

"Không, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Giờ ta bị già, già yếu, đã nặng gánh tuổi tác, đã qua nhiều tuổi đời, đang ở giai đoạn cuối của cuộc đời; ta nay đã bước sang tuổi tám mươi. Nhiều lúc ta muốn bước chân chỗ này nhưng nó lại vấp qua chỗ khác." (Chân tay lụm khụm, không còn nghe theo ý muốn của người già).

"Đại vương, chính vì điều này nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] thế gian là không bền chắc, sẽ bị cuốn đi'; và sau khi ta đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, ta đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

"Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy khéo léo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc

Toàn Giác: '[Sự sống ở] thế gian là không bền chắc, nó sẽ bị cuốn đi.' Đúng thực như vậy!

39. "Thầy Raṭṭhapāla, ở triều đình còn có đủ các đoàn voi chiến, đoàn ngựa chiến, xe chiến, và lính chiến, sẽ phục vụ để đập tan mọi mối đe dọa đối với chúng tôi. Nhưng thầy lại nói: '[Sự sống ở] mọi thế gian không có nơi trú ẩn và không có người bảo vệ.' Vậy nên hiểu ý nghĩa của câu đó như thế nào?"

"Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài có căn bệnh mãn tính nào không?"—"Có, ta có bệnh trúng gió mãn tính, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Nhiều lúc bị vậy, những bạn bè và cận thần, người thân và họ hàng của ta đã từng đứng xung quanh ta, và nghĩ: 'Chắc Vua Koravya sắp chết rồi, giờ Vua Koravya sắp chết rồi!'"

"Ngài nghĩ sao, này đại vương? Liệu ngài có thể ra lệnh cho họ: 'Này những bạn bè và cận thần, những người thân và họ hàng của ta. Tất cả ai đang có mặt hãy chia sớt sự đau bệnh của ta để ta bớt đau đớn', được hay không? Hay ngài phải tự mình chịu đựng sự khổ đau của mình?"

"Ta đâu thể ra lệnh bắt những bạn bè và cận thần, người thân và họ hàng của ta chia sớt như vậy được, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Ta phải tự mình chịu đựng sự đau đớn của mình."

"Đại vương, chính vì điều này nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] thế gian không có chỗ trú ẩn và không có người bảo vệ'; và sau khi ta đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, ta đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

"Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy khéo léo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc

Toàn Giác: '[Sự sống ở] thế gian không có chỗ trú ẩn và không có người bảo vệ.' Đúng thực như vậy!

40. "Thưa Thầy Raṭṭhapāla, ở triều đình còn rất nhiều vàng bạc và châu báu được cất trong các gian hầm và gian lầu. Nhưng Thầy Raṭṭhapāla lại nói: '[Sự sống ở] thế gian chẳng có gì; ai cũng bỏ lại tất cả và ra đi.' Vậy nên hiểu ý nghĩa của câu đó như thế nào?"

"Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ (dây) khoái lạc giác quan, nhưng liệu ngài có chắc chắn trong kiếp sau ngài vẫn còn được thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái lạc giác quan giống như vậy hay không? Hay (sau khi ngài chết) những người khác sẽ lấy hết tài sản cơ ngơi này của ngài, trong khi ngài phải chịu trả giá cho những nghiệp mình đã làm?"

"Ta không thể chắc chắn về những gì sẽ xảy ra trong kiếp sau, thưa Thầy Raṭṭhapāla. Ngược lại, chắc chắn những người khác sẽ lấy hết tài sản cơ ngơi của ta, trong khi ta phải chịu trả giá cho những nghiệp mình đã làm."

"Này đại vương, chính vì điều đó nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] thế gian chẳng có gì; ai rồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi.'; và sau khi ta đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, ta đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

"Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy khéo léo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] thế gian chẳng có gì; airồi cũng phải bỏ lại tất cả và ra đi.' Đúng thực như vậy!

41. “Còn bây giờ, Thầy Raṭṭhapāla lại nói: ‘[Sự sống ở] thế gian là không đủ, chẳng bao giờ chịu thỏa mãn, là nô lệ cho dục vọng.’ Vậy nên hiểu ý nghĩa của điều này như thế nào?”

“Ngài nghĩ sao, này đại vương? Ngài có cai trị nước Kuru giàu có này không?”

“Có, ta cai trị, thưa Thầy Raṭṭhapāla.”

“Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử có một người đáng tin tưởng và đáng tin cậy đến từ phía đông, và nói: ‘Thưa đại vương, ngài nên biết, tôi tới từ phía đông, ở đó tôi thấy một đất nước rộng lớn, hùng mạnh và giàu có, rất sầm uất và đông dân. Có nhiều đoàn voi chiến, nhiều đoàn kỵ binh, xe chiến, và lính chiến; ở đó có nhiều vàng bạc và châu báu gồm loại còn thô và loại đã luyện chế, và có nhiều phụ nữ để lấy làm vợ. Với sức mạnh của nhà vua, ngài có thể chinh phục nước đó. Vậy ngài hãy chinh phục nước đó, thưa đại vương.’ Nếu nghe vậy ngài sẽ làm gì?”

“Chúng tôi sẽ chinh phục nước đó và cai trị nó, thưa Thầy Raṭṭhapāla.”

“Ngài nghĩ sao, này đại vương? Giả sử có một người đáng tin tưởng và đáng tin cậy đến từ phía tây … từ phía nam … từ phía bắc … từ bên kia bờ biển, và nói: ‘Thưa đại vương, ngài nên biết, tôi tới từ phía tây … từ phía nam … từ phía bắc … từ bên kia bờ biển, ở đó tôi thấy một đất nước rộng lớn, hùng mạnh và giàu có … Vậy ngài hãy chinh phục nước đó, thưa đại vương.’ Nếu nghe vậy ngài sẽ làm gì?”

“Chúng tôi sẽ chinh phục nước đó và cai trị nó, thưa Thầy Raṭṭhapāla.”

"Này đại vương, chính vì điều đó nên đức Thế Tôn, người biết và thấy, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã nói: '[Sự sống ở] thế gian là không đủ, chẳng bao giờ chịu thỏa mãn, là nô lệ cho dục vọng'; và sau khi ta đã biết, đã thấy và đã nghe điều này, ta đã từ bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành."

"Thật kỳ diệu, Thầy Raṭṭhapāla, thật kỳ diệu điều đó đã được giảng dạy khéo léo bởi đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác: '[Sự sống ở] thế gian là không đủ, chẳng bao giờ chịu thỏa mãn, là nô lệ cho dục vọng.' Đúng thực như vậy!

(*trích* MN 82: *Raṭṭhapāla Sutta*; II 65–82)

7. NHỮNG NGUY HẠI TRONG NHỮNG CÁCH NHÌN SAI LẠC (TÀ KIẾN)

(1) *Nhiều Tác Hại của Cách Nhìn Sai Lạc*

"Này các Tỳ kheo, "Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào cho bằng cách-nhìn sai-lạc của con người: vì có nó nên những tâm tính bất thiện chưa khởi sinh dễ dàng khởi sinh và những tâm tính bất thiện đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh.[10] Đối với người có cách nhìn sai lạc, những tâm tính bất thiện chưa khởi sinh dễ dàng khởi sinh và những tâm tính bất thiện đã khởi sinh càng gia tăng và lớn mạnh.

"Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào cho bằng cách-nhìn sai-lạc của con người: vì có nó nên những tâm tính thiện lành chưa khởi sinh rất khó khởi sinh, và những tâm tính thiện lành đã khởi sinh càng bị giảm đi. Đối với những ai có cách nhìn sai lạc, những tâm tính thiện lành chưa khởi sinh

rất khó khởi sinh và những tâm tính tốt thiện đã khởi sinh càng bị giảm đi.

"Này các Tỳ kheo, ta không thấy một thứ nào cho bằng cách-nhìn sai-lạc của con người: vì có nó nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp xấu, trong địa ngục. Vì nắm giữ cách nhìn sai lạc nên khi thân tan rã, sau khi chết, chúng sinh bị tái sinh trong một cảnh giới khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục.

"Này các Tỳ kheo, đối với một người có cách nhìn sai lạc, thì trong mọi hành động, lời nói, hay ý nghĩ người đó đều làm theo cách nhìn sai lạc đó, và trong mọi ý chí, mong muốn, ý muốn, và những sự tạo tác cố ý người đó đều tạo tác theo cách nhìn sai lạc đó, toàn dẫn tới những điều đáng trách, đáng chê, khó chấp nhận được, dẫn tới sự nguy hại và khổ đau. Vì lý do gì? Vì cách nhìn sai lạc là xấu. Giống như, khi một hạt giống cây sầu đâu, dưa đắng, hay khổ qua được gieo xuống đất ẩm, nó sẽ chuyển hóa dưỡng chất và nước thành trái có vị đắng, vị gắt, và vị khó chịu; cũng giống như vậy, người có cách nhìn sai lạc luôn tạo ra những điều đáng trách, đáng chê, và khó chấp nhận được. Vì sao? Vì cách nhìn sai lạc là xấu."

(AN 1: xvii, 1, 3, 7, 9; I 30–32)

(2) *Những Người Mù Sờ Voi*

Trong một lần khi đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc. Lúc bấy giờ có một số tu sĩ và bà-la-môn, những du

sĩ thuộc giáo phái khác cũng đang sống xung quanh thành Sāvatthī. Họ nắm giữ nhiều quan điểm, niềm tin và ý kiến khác nhau, và tuyên truyền những quan điểm khác nhau. Và họ luôn tranh cãi, tranh chấp, làm tổn thương nhau bằng những mũi-tên lời nói, họ cứ luôn nói: "Giáo Pháp là như vầy, Giáo Pháp không phải như vậy! Giáo Pháp không phải như vầy, Giáo Pháp là như vậy!"

Rồi một số Tỳ kheo đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Sau khi quay về, sau khi dùng cơm trưa, họ đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống bên cạnh, và thưa với đức Thế Tôn những gì họ đã nhìn thấy bên ngoài. [Đức Thế Tôn đã nói:]

"Này các Tỳ kheo, những du sĩ giáo phái khác giống như mù và không thấy gì. Họ không biết điều được ích lợi và điều nguy hại. Họ không biết cái gì là Giáo Pháp và cái gì không phải là Giáo Pháp, và do vậy nên họ luôn cãi lộn, tranh cãi và tranh chấp, làm tổn thương nhau bằng những mũi tên lời nói.

"Này các Tỳ kheo, trước kia có một ông vua ở thành Sāvatthī này đã kêu một cận thần cho tụ tập tất cả những người mù bẩm sinh trong thành. Sau khi đã tập hợp được họ, nhà vua bảo người cận thần đưa một con voi ra chỗ những người mù để họ sờ. Ông ta đưa đầu voi cho một số người sờ, một số khác thì đưa tai, rồi đưa ngà voi, vòi, thân, một bàn chân, hai chân sau, đuôi, hoặc chùm lông nằm cuối đuôi. Và mỗi lần đưa cho mỗi nhóm sờ, ông ta nói: 'Đây là một con voi.'

"Sau khi ông ta báo cho vua mình đã làm xong như vậy, nhà vua bước tới chỗ những người mù và hỏi họ: 'Hãy nói cho ta nghe, hỡi những người mù, con voi giống gì?'

"Những người sờ đầu voi trả lời: 'Thưa bệ hạ, một con voi thì giống như cái lu đựng nước.' Những người sờ tai thì trả lời: 'Con voi giống một cái rổ sàng (gạo, đậu…).' Những người sờ ngà voi trả lời: 'Con voi giống như một lưỡi cày.' Những người sờ vòi voi thì trả lời: 'Con voi giống như cán lưỡi cày.' Những người sờ thân voi trả lời: 'Con voi giống như cái buồng kho (chứa lúa).' Và những người trong mỗi nhóm khác cũng miêu tả con voi khác nhau theo những bộ phận mà họ đã sờ.

"Do vậy họ luôn nói: 'Con voi là như vầy, con voi không phải như vậy! Con voi không phải như vầy, con voi là như vậy!' Họ cãi cho tới khi họ đánh đấm lẫn nhau. Và nhà vua thích nhìn cảnh đó. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những du sĩ giáo phái khác giống như mù và không thấy gì. Họ không biết được điều ích lợi và điều nguy hại. Họ không biết cái gì là Giáo Pháp và cái gì không phải là Giáo Pháp, và do vậy nên họ luôn cãi lộn, tranh cãi và tranh chấp, làm tổn thương nhau bằng những mũi tên lời nói."

(Ud 6:4; 67–69)

(3) *Bị Dính Hai Loại Cách Nhìn (Quan Điểm, Tà Kiến)*

"Này các Tỳ kheo, do bị dính hai loại cách nhìn, có những thiên thần và những người thì co thủ, hoặc số khác thì đi quá lố; chỉ có người có tầm nhìn thì nhìn thấy (sự thật).

"Và, này các Tỳ kheo, làm sao có những người co thủ? Có những những thiên thần và những người thích sự hiện hữu, mê thích trong sự hiện hữu, vui mừng trong sự hiện hữu. Khi Giáo Pháp được giảng dạy cho họ để chấm dứt sự hiện hữu, thì tâm họ không thâm nhập được vào giáo pháp đó,

không có được niềm tin, không an trú, hoặc không kiên định vào giáo pháp đó. Này các Tỳ kheo, như vậy là họ co thủ.

"Và, này các Tỳ kheo, làm sao có những người đi quá lố? Có những thiên thần và những người bị lo âu, tủi nhục, thấy kinh tởm với sự hiện hữu này, và họ vui thích sự không hiện hữu, họ nói rằng: 'Cho dù cái 'ta' (ngã) này có là gì, xin thưa quý vị, nó vẫn bị hủy diệt và tiêu vong khi thân tan rã, nó không còn tồn tại sau khi chết, điều này là bình an, điều này là siêu xuất, đơn giản là như vậy!' Này các Tỳ kheo, như vậy là họ đi quá lố.

"Và, này các Tỳ kheo, làm sao có những người có tầm nhìn thì nhìn thấy? Ở đây, một Tỳ kheo nhìn thấy (sự thật) cái đã sinh vào hiện hữu chỉ là đã sinh vào hiện hữu, (điều gì xảy đến chỉ là đã xảy đến, không cần phải tham thích nó hay ghét bực nó; không tham cũng sân ưu). Sau khi nhìn thấy như vậy, người đó tu tập theo con đường để tỉnh ngộ, để từ bỏ, để chấm dứt cái đã sinh vào hiện hữu. Này các Tỳ kheo, như vậy là người có tầm nhìn thì nhìn thấy (sự thật)."

(It 49; 43–44)

8. TỪ NHỮNG CÕI TRỜI RỚT XUỐNG CÕI THẤP XẤU

"Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy có trong thế gian. Bốn đó là gì?

"Này các Tỳ kheo, ở đây có những người sống bao tỏa khắp một phương với một cái tâm thấm đẫm *từ-ái*; người đó cũng sống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, ở trên, ở dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và cho tới tất cả mọi chúng sinh và chính mình, người đó

sống bao tỏa khắp toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm từ-ái, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không hung tàn, và không ác ý. Người đó ưa thích tâm từ, sống vui tươi với tâm từ. Nếu người đó trụ chắc vào tâm từ, kiên định vào tâm từ, thường an trú vào đó, và không bị mất tâm đó khi chết, thì người đó sẽ được tái sinh vào chỗ *những thiên thần trong đoàn tùy tùng của vua trời Brāhma* (Phạm Thiên). Tuổi thọ của những thiên thần đó là *một* đại-kiếp. Người phàm phu đó được sống hết tuổi thọ của các thiên thần ở cõi đó, nhưng sau khi sống hết tuổi thọ ở đó, người đó lại bị rớt xuống địa ngục, rớt xuống cõi súc sinh, và rớt xuống cõi ngạ quỷ. Nhưng các đệ tử của đức Thế Tôn cũng được sống hết tuổi thọ của các thiên thần ở cõi đó, và khi đã sống hết tuổi thọ ở đó, ngay trong cảnh giới đó họ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng. Đây là sự khác nhau, sự khác biệt, sự phân biệt giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy so với người phàm phu không được chỉ dạy về sự tái sinh và nơi đến sau khi chết của họ.

"Này các Tỳ kheo, ở đây có những người sống bao tỏa khắp một phương với một cái tâm thấm đẫm *bi-mẫn*; người đó cũng sống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, ở trên, ở dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và cho tới tất cả mọi chúng sinh và chính mình, người đó sống bao tỏa khắp toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm bi-mẫn, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không hung tàn, và không ác ý. Người đó ưa thích tâm bi mẫn, sống vui tươi với tâm bi mẫn. Nếu người đó trụ chắc vào tâm bi mẫn, kiên định vào tâm bi mẫn, thường an trú vào đó, và không bị mất tâm đó khi chết, thì người đó sẽ được tái sinh vào chỗ *những thiên thần chiếu tia hào quang* (quang minh thiên). Tuổi thọ của những thiên thần đó là *hai* đại-kiếp. Người phàm phu đó được

sống hết tuổi thọ của các thiên thần ở cõi đó, nhưng sau khi sống hết tuổi thọ ở đó, người đó lại bị rớt xuống địa ngục, rớt xuống cõi súc sinh, và rớt xuống cõi ngạ quỷ. Nhưng các đệ tử của đức Thế Tôn cũng được sống hết tuổi thọ của các thiên thần ở cõi đó, và khi đã sống hết tuổi thọ ở đó, ngay trong cảnh giới đó họ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng. Đây là sự khác nhau, sự khác biệt, sự phân biệt giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy so với người phàm phu không được chỉ dạy về sự tái sinh và nơi đến sau khi chết của họ.

"Này các Tỳ kheo, ở đây có những người sống bao tỏa khắp một phương với một cái tâm thấm đẫm niềm *tùy-hỷ* (vui mừng vì điều tốt, hạnh phúc, công đức của người khác); người đó cũng sống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, ở trên, ở dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và cho tới tất cả mọi chúng sinh và chính mình, người đó sống bao tỏa khắp toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm tùy-hỷ, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không hung tàn, và không ác ý. Người đó ưa thích tâm tùy hỷ, sống vui tươi với tâm tùy hỷ. Nếu người đó trụ chắc vào tâm tùy hỷ, kiên định vào tâm tùy hỷ, thường an trú vào đó, và không bị mất tâm đó khi chết, thì người đó sẽ được tái sinh vào chỗ *những thiên thần có hào quang sáng rực* (biến tịnh thiên). Tuổi thọ của những thiên thần đó là *bốn* đại kiếp. Người phàm phu đó được sống hết tuổi thọ của các thiên thần ở cõi đó, nhưng sau khi sống hết tuổi thọ ở đó, người đó lại bị rớt xuống địa ngục, rớt xuống cõi súc sinh, và rớt xuống cõi ngạ quỷ. Nhưng các đệ tử của đức Thế Tôn cũng được sống hết tuổi thọ của các thiên thần ở cõi đó, và khi đã sống hết tuổi thọ ở đó, ngay trong cảnh giới đó họ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng. Đây là sự khác nhau, sự khác biệt, sự phân biệt

giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy so với người phàm phu không được chỉ dạy về sự tái sinh và nơi đến sau khi chết của họ.

"Này các Tỳ kheo, ở đây có những người sống bao tỏa khắp một phương với một cái tâm thấm đẫm sự *buông-xả*; người đó cũng sống như vậy với phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư. Như vậy, ở trên, ở dưới, ngang dọc, và khắp nơi, và cho tới tất cả mọi chúng sinh và chính mình, người đó sống bao tỏa khắp toàn thế giới với một cái tâm thấm đẫm buông-xả, rộng lớn, cao thượng, vô lượng, không hung tàn, và không ác ý. Người đó ưa thích tâm buông xả, sống vui tươi với tâm buông xả. Nếu người đó trụ chắc vào tâm buông xả, kiên định vào tâm buông xả, thường an trú vào đó, và không bị mất tâm đó khi chết, thì người đó sẽ được tái sinh vào chỗ *những thiên thần có phúc quả lớn lao* (quảng quả thiên). Tuổi thọ của những thiên thần đó là *năm trăm* đại kiếp. Người phàm phu đó được sống hết tuổi (siêu đại) thọ của các thiên thần ở cõi đó, nhưng sau khi sống hết tuổi thọ ở đó, người đó lại bị rớt xuống địa ngục, rớt xuống cõi súc sinh, và rớt xuống cõi ngạ quỷ. Nhưng các đệ tử của đức Thế Tôn cũng được sống hết tuổi thọ của các thiên thần ở cõi đó, và khi đã sống hết tuổi thọ ở đó, ngay trong cảnh giới đó họ chứng ngộ luôn Niết-bàn cuối cùng. Đây là sự khác nhau, sự khác biệt, sự phân biệt giữa người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy so với người phàm phu không được chỉ dạy về sự tái sinh và nơi đến sau khi chết của họ.

"Này các Tỳ kheo, có bốn loại người này được thấy có trong thế gian."

(AN 4:125; II 128–29)

9. NHỮNG HIỂM HỌA CỦA VÒNG LUÂN HỒI SINH TỬ

(1) *Dòng Nước Mắt*

"Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [saṃsāra] này không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, cái nào nhiều hơn: dòng nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong đó, khóc và than khóc vì gặp những thứ mình khó chịu khó khổ và mất những thứ mình dễ chịu yêu thích—nước mắt này hay nước trong bốn biển là nhiều hơn?"

"Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn chỉ dạy thì dòng nước mắt mà mọi người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu (trong vòng luân hồi), khóc và than khóc khóc vì gặp những thứ mình khó chịu, ghét bỏ và mất những thứ mình dễ chịu, yêu thích—chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển."

"Lành thay, lành thay, này các Tỳ kheo! Lành thay các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Dòng nước mắt mà các người đã khóc trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân hồi, khóc và than khóc khóc vì gặp những thứ mình khó chịu, ghét bỏ và mất những thứ mình dễ chịu, yêu thích—chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển. Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã nếm trải cái chết của mẹ; khi các người nếm trải điều đó, vì gặp những thứ mình khó chịu, ghét bỏ và mất

những thứ mình dễ chịu, yêu thích—chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển.

"Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã nếm trải cái chết của cha … cái chết của anh em … cái chết của chị em … cái chết của con trai … cái chết của con gái … sự mất đi người thân họ hàng … sự mất mát tài sản … sự mất mát do đau bệnh; khi các người nếm trải điều đó, vì gặp những thứ mình khó chịu, ghét bỏ và mất những thứ mình dễ chịu, yêu thích—chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển. Vì lý do gì? Bởi vì vòng luân hồi sinh tử này không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được … Điều này là quá-đủ để (chúng ta) ghê tởm (khiếp sợ) đối với tất cả mọi sự tạo tác cố ý (mọi hành tạo tác), quá đủ để chúng ta chán chê đối với chúng, quá đủ để ta (tìm cách) giải thoát khỏi chúng."

(SN 15:3; II 179–80)

(2) *Dòng Máu Chảy*

Khi đức Thế Tôn đang ở tại Rājagaha (Vương-xá) trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), có ba mươi vị Tỳ kheo đã đi từ Pāvā để đến gặp đức Thế Tôn—tất cả họ đều là tu sĩ sống trong rừng, tu sĩ khất thực, họ mặc y áo làm từ giẻ rách lượm về, mỗi người chỉ dùng ba bộ y, nhưng tất cả họ vẫn còn những gông cùm trói buộc.[11]

Sau khi đã gặp, họ kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Và ý nghĩ này đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn: "Ba mươi Tỳ kheo này từ đến Pāvā đều là những tu sĩ sống trong rừng, tu sĩ khất thực, họ mặc y áo làm từ giẻ rách lượm về, mỗi người chỉ dùng ba bộ y, nhưng tất cả vẫn còn những gông cùm trói buộc. Vậy ta sẽ dạy cho họ Giáo Pháp theo một

cách để cho tâm họ sẽ được giải thoát, không còn dính chấp, ngay khi họ đang ngồi ở đây."[12]

Rồi đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo đó như vầy: "Này các Tỳ kheo!"—"Dạ, thưa đức Thế Tôn!", họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

"Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử [saṃsāra] này không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt trong đó do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, cái nào nhiều hơn: dòng máu chảy mà các người đã đổ ra những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong đó—dòng máu này hay nước trong bốn biển là nhiều hơn?"

"Thưa Thế Tôn, theo chúng con hiểu được Giáo Pháp do đức Thế Tôn giảng dạy thì dòng máu chảy mà chúng con đã đổ những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân hồi—chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển."

"Lành thay, lành thay, này các Tỳ kheo! Lành thay các thầy đã hiểu được Giáo Pháp ta đã dạy theo cách như vậy. Dòng máu chảy mà các thầy đã đổ những khi bị chặt đầu trong suốt thời gian lang thang và trôi giạt rất lâu trong vòng luân hồi—chỉ riêng nó đã nhiều hơn nước trong bốn biển. Này các Tỳ kheo, đã từ lâu các người đã từng là bò, và những khi bò bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn cả nước trong bốn biển. Đã từ lâu các người đã từng là trâu, là cừu, dê, nai, gà, heo…. Đã từ lâu các người đã từng bị bắt là kẻ ăn trộm, kẻ cướp đường, kẻ phạm tội tà dâm

tà dục, và những khi đó các người bị chặt đầu, dòng máu chảy mà các người đã đổ còn nhiều hơn nước trong bốn biển. Vì lý do gì? Bởi vì, này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt trong đó do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được. Trong một thời gian dài như vậy, này các Tỳ kheo, các người đã nếm trải khổ đau, đau đớn và thảm họa, và bị sình thối trong nghĩa địa biết bao lần. Điều này là quá đủ để (chúng ta) tỉnh ngộ đối với tất cả mọi sự tạo tác cố ý (mọi hành tạo tác), quá đủ để ta chán chê đối với chúng, quá đủ để ta (tìm cách) giải thoát khỏi chúng."

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo phấn khởi và mừng vui với lời dạy của đức Thế Tôn. Và khi những lời thuyết giảng này được nói ra, tâm của ba mươi Tỳ kheo đến từ xứ Pāvā đã được giải thoát khỏi mọi ô nhiễm, không còn dính chấp nữa.

(SN 15:13; II 187–89)

Chương VII.

CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ GIẢI THOÁT

1. TẠI SAO PHẢI BƯỚC VÀO CON ĐƯỜNG ĐẠO?

(1) *Mũi Tên 'Sinh, Già, Chết'*

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvatthī trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc.

2. Rồi lúc đó, khi Ngài Māluṅkyāputta đang thiền định một mình, ý nghĩ sau đây đã khởi sinh trong tâm ngài:

"Những quan điểm mang tính suy đoán sau đây đã không được đức Thế Tôn nói đến, bị bỏ qua và bị từ chối bởi đức Thế Tôn, đó là những vấn đề: 'thế giới là trường tồn' hay 'thế giới là không trường tồn'; 'thế giới là hữu hạn' hay 'thế giới là vô hạn'; 'linh hồn là thân thể là một' hay 'linh hồn là một thứ và thân thể là thứ khác'; và 'sau khi chết một bậc Như Lai (Phật) vẫn tồn tại' hay 'sau khi chết một bậc Như Lai không còn tồn tại.'[1] Đức Thế Tôn không tuyên thuyết rõ về những điều này cho ta, và ta không đồng ý và chấp nhận sự việc này, do vậy ta phải đi gặp đức Thế Tôn và hỏi đức Thế Tôn như vậy nghĩa là sao. Nếu đức Thế Tôn tuyên bố rõ với ta rằng 'thế giới là trường tồn' hoặc 'thế giới là không trường tồn'; 'thế giới là hữu hạn' hoặc 'thế giới là vô hạn'; 'linh hồn là thân thể là một' hoặc 'linh hồn là một thứ và thân thể là thứ khác'; và 'sau khi chết một bậc Như Lai vẫn tồn tại' hoặc 'sau khi chết một bậc Như Lai không còn tồn tại', thì ta sẽ sống đời sống tâm linh theo (dưới sự dẫn dắt của) đức Thế Tôn; còn nếu đức Thế Tôn không tuyên bố rõ ràng với ta về những điều đó, thì ta sẽ bỏ tu và quay lại đời sống phàm thường."

3. Rồi vào buổi chiều, ngài Māluṅkyāputta rời khỏi chỗ thiền và đi tới gặp đức Thế Tôn. Sau khi kính chào đức Thế Tôn, ngài ngồi xuống một bên và thưa:

"Thưa Thế Tôn, ở đây, khi con đang ngồi thiền một mình, ý nghĩ này đã khởi sinh trong tâm con: 'Những quan điểm mang tính suy đoán sau đây đã không được đức Thế Tôn nói đến.… Nếu Thế Tôn không tuyên thuyết rõ về những điều này cho con, thì con sẽ bỏ tu và quay lại cuộc sống phàm thường.' Nếu Thế Tôn biết 'thế giới là trường tồn', thì mong Thế Tôn hãy nói rõ cho con 'thế giới là trường tồn'; nếu Thế Tôn biết 'thế giới là không trường tồn', thì mong Thế Tôn hãy nói rõ cho con 'thế giới là không trường tồn'; còn nếu một người không biết và không thấy thì cứ thẳng thắn nói ra rằng: 'Tôi không biết và không thấy.'

"Nếu Thế Tôn biết 'thế giới là hữu hạn', ... 'thế giới là vô hạn', ... 'linh hồn và thân thể là một', ... 'linh hồn một thứ và thân thể là thứ khác', … 'sau khi chết một bậc Như Lai vẫn tồn tại', … 'sau khi chết một bậc Như Lai không còn tồn tại'… Nếu Thế Tôn biết rõ 'sau khi chết một bậc Như Lai còn tồn tại hoặc không còn tồn tại', thì mong Thế Tôn hãy nói rõ điều đó với con. Còn nếu Thế Tôn không biết rõ 'sau khi chết một bậc Như Lai còn tồn tại hay không còn tồn tại', thì một người không biết và không thấy cứ thẳng thắn nói rõ rằng: 'Tôi không biết và không thấy.'"

4. "Sao vậy, này Māluṅkyāputta, có bao giờ ta nói với thầy rằng: 'Này Māluṅkyāputta, hãy đến đây sống đời sống tâm linh theo ta thì ta sẽ tuyên bố rõ cho thầy "thế giới là trường tồn" hoặc "thế giới là không trường tồn" … hoặc "sau khi chết một Như Lai vẫn tồn tại hoặc không tồn tại"'?"

- "Dạ không, thưa Thế Tôn"

- "Còn có bao giờ thầy nói với ta rằng: 'Con sẽ sống đời sống tâm linh theo Thế Tôn, thì Thế Tôn sẽ tuyên bố rõ với con "thế giới là trường tồn" hoặc "thế giới là không trường tồn" … hoặc "sau khi chết một Như Lai vẫn tồn tại hoặc không tồn tại?"'

- "Dạ không, thưa Thế Tôn"

- "Như vậy, hỡi người rồ dại kia, thầy là ai và thầy đang từ bỏ cái gì?

5. "Dù có ai nói như vầy: 'Tôi sẽ không sống đời sống tâm linh theo đức Thế Tôn cho đến khi nào đức Thế Tôn tuyên bố rõ với tôi rằng "thế giới là trường tồn" … và "sau khi chết một Như Lai còn tồn tại hay không tồn tại"', thì những điều đó cũng vẫn không được Như Lai làm rõ, và trong khi đó người đó cũng phải chết thôi. Này Māluṅkyāputta, giả sử có một người bị trúng mũi tên tẩm đầy thuốc độc, rồi bạn bè và đồng sự, người thân và họ hàng của người đó mời lương y tới chữa trị cho người đó. Nhưng người đó cứ nói: 'Tôi sẽ không để cho lương y rút mũi tên độc này ra cho đến khi nào tôi biết rõ người bắn tôi là ai, là người giai cấp chiến sĩ, bà-la-môn, nông thương, hay lao công.' Và người đó lại nói: 'Tôi sẽ không để cho lương y rút mũi tên độc ra cho đến khi nào tôi biết rõ tên tuổi và họ tộc của người đã bắn tôi;… cho đến khi nào tôi biết rõ người bắn tôi là cao, thấp, hay vừa;… cho đến khi nào tôi biết rõ người bắn tôi có da đen, da nâu, hay da vàng;… cho đến khi nào tôi biết rõ người bắn tôi sống ở làng nào, thị trấn nào, thành phố nào;… cho đến khi nào tôi biết rõ cái cung dùng để bắn tôi là loại cung vòng hay loại cung nỏ;… cho đến khi nào tôi biết rõ sợi dây cung dùng

để bắn tôi được làm từ sợi xơ, sợi lau sậy, sợi gân, sợi cây gai, hay từ sợi vỏ cây;… cho đến khi nào tôi biết rõ mũi tên dùng để bắn tôi được làm từ cây rừng hay cây trồng;… cho đến khi nào tôi biết rõ đuôi mũi tên dùng để bắn tôi được làm từ loại lông chim nào—lông kền kền, lông con diệc, lông chim ưng, hay lông cò;… cho đến khi nào tôi biết rõ mũi tên dùng để bắn tôi được quấn bằng sợi gân nào—gân bò, gân trâu, gân nai, hay gân khỉ;… cho đến khi nào tôi biết rõ đầu mũi tên dùng để bắn tôi là dạng gì—đầu nhọn hay đầu bén như dao cạo, đầu cong hay có gai cạnh, hay dạng giống răng bò, hay dạng như dao mổ.'

"Tất cả những điều này vẫn không được biết rõ, và trong khi đó người đó vẫn phải chết thôi. Cũng giống như vậy, này Māluṅkyāputta, nếu có ai nói rằng: 'Tôi sẽ không sống đời sống tâm linh theo đức Thế Tôn cho đến khi nào đức Thế Tôn tuyên bố rõ với tôi rằng: "thế giới là trường tồn" … và "sau khi chết một Như Lai còn tồn tại hay không còn tồn tại"', thì những điều đó cũng vẫn không được Như Lai làm rõ, và trong khi đó người đó cũng phải chết thôi.

6. "Này Māluṅkyāputta, dù có quan điểm chấp rằng 'thế giới là trường tồn', thì đời sống tâm linh cũng không thể được sống (cũng không tu được); và dù có quan điểm chấp rằng 'thế giới là không trường tồn', thì đời sống tâm linh cũng không thể được sống. Dù có quan điểm chấp rằng 'thế giới là trường tồn' hay 'thế giới là không trường tồn'; dù có cố chấp gì, thì trước mắt vẫn luôn có sinh, có già, có bệnh, có chết, có buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, mà ta đang đi chỉ dạy về sự chấm dứt tất cả chúng ngay trước mắt [ở đây và bây giờ].

"Dù có quan điểm chấp rằng 'thế giới là hữu hạn', ... 'thế giới là vô hạn', ... 'linh hồn và thân thể là một', ... 'linh hồn một thứ và thân thể là thứ khác', … 'sau khi chết một bậc Như Lai vẫn tồn tại', … 'sau khi chết một bậc Như Lai không còn tồn tại', thì đời sống tâm linh cũng không thể được sống.… Dù có quan điểm chấp rằng 'sau khi chết một bậc Như Lai vừa còn tồn tại vừa không còn tồn tại', thì đời sống tâm linh cũng không thể được sống; và dù có quan điểm chấp rằng 'sau khi chết một bậc Như Lai không còn tồn tại cũng không phải không còn tồn tại', thì đời sống tâm linh cũng không thể được sống'; dù có cố chấp gì, thì trước mắt vẫn luôn có sinh, có già, có bệnh, có chết, có buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, mà ta đang đi chỉ dạy về sự chấm dứt tất cả chúng ngay trước mắt [ở đây và bây giờ].

7. "Này Māluṅkyāputta, hãy nhớ rằng: những gì ta đã không tuyên bố (nói rõ, làm rõ) coi như đã không được tuyên bố, và nhớ rằng: những gì ta đã tuyên bố là coi như đã được tuyên bố. Và những gì là điều ta đã không tuyên bố? Đó là những vấn đề như: 'Thế giới là trường tồn'—Ta đã không tuyên bố. 'Thế giới là không trường tồn'—Ta đã không tuyên bố. 'Thế giới là hữu hạn'—Ta đã không tuyên bố. 'Thế giới là vô hạn'—Ta đã không tuyên bố. 'Linh hồn và thân thể là một'—Ta đã không tuyên bố. 'Linh hồn là một thứ và thân thể là thứ khác'—Ta đã không tuyên bố rõ. 'Sau khi chết, một Như Lai vẫn tồn tại'—Ta đã không tuyên bố. 'Sau khi chết, một Như Lai không còn tồn tại'—Ta đã không tuyên bố. 'Sau khi chết một Như Lai vừa còn tồn tại vừa không còn tồn tại'—Ta đã không tuyên bố. 'Sau khi chết một như lai không còn tồn tại cũng không phải không còn tồn tại'—Ta đã không tuyên bố.

8. "Vì sao ta đã không tuyên bố về những điều đó? Bởi vì nó không ích lợi, nó không thuộc về những nền tảng của đời sống tâm linh (không phải là căn bản cần thiết để tu tập), nó không dẫn đến sự tỉnh ngộ, không dẫn đến sự chán bỏ, sự chấm sứt, sự bình an, sự hiểu biết trực tiếp, sự giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã không tuyên bố về những điều đó.

9. "Và những gì là điều ta đã tuyên bố rõ? 'Đây là khổ'—Ta đã tuyên bố rõ. 'Đây là nguyên nhân khổ'—Ta đã tuyên bố rõ. 'Đây là sự chấm dứt khổ'—Ta đã tuyên bố rõ. 'Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ'—Ta đã tuyên bố rõ.

10. "Vì sao ta đã tuyên bố rõ về những điều đó? Bởi vì nó ích lợi, nó thuộc về những nền tảng của đời sống tâm linh (là căn bản cần thiết để tu tập), nó dẫn đến sự tỉnh ngộ, dẫn đến sự chán bỏ, sự chấm dứt, sự bình an, sự hiểu biết trực tiếp, sự giác ngộ, Niết-bàn. Do vậy ta đã tuyên bố rõ về những điều đó.

"Bởi vậy, này Māluṅkyāputta, hãy nhớ rằng: những gì ta đã không tuyên bố coi như đã không được tuyên bố, và nhớ rằng: những gì ta đã tuyên bố là coi như đã được tuyên bố."

Đó là điều đức Thế Tôn đã nói. Ngài Māluṅkyāputta đã thỏa mãn và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.[2]

(MN 63: *Cūḷamāluṇkya Sutta*; I 426–32)
("*Tiểu Kinh Māluṇkya*")

(2) *Cốt Lõi Của Đời Sống Tâm Linh*

1. Tôi nghe như vầy. Vào một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương-xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền; không lâu

sau khi thầy Devadatta mới rời đi.[3] Ở đó, khi đề cập tới thầy Devadatta, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:

2. "Này các Tỳ kheo, ở đây có người từ họ tộc vì có niềm tin đã rời bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó suy xét như vầy: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của sự buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được [là có thể thấy biết được].' Khi xuất gia tu hành như vậy, người đó đạt được "lợi lạc, danh dự, và danh tiếng". Người đó đắc chí hài lòng với lợi lạc, danh dự, và danh tiếng đó, và (coi) mục đích [ý định ban đầu] của mình *đã* được hoàn thành. Vì điều đó, người đó ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đã đạt được lợi lạc và danh tiếng, nhưng những tu sĩ khác thì chưa đạt được gì, chưa được ai biết đến.' Như vậy vị tu sĩ này đã bị nhiễm độc với sự lợi lạc, danh dự và danh tiếng đó, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ.

"Giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, người đó chỉ cắt lấy các *cành và lá* mang về, trong đầu tưởng rằng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó đến chỗ cây to có gỗ lõi và bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần vỏ ngoài, người đó chỉ cắt lấy các cành và lá mang về, trong

đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù người đó có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.' Cũng giống như vậy, với kiểu đó thì vị tu sĩ đó sẽ bị nhiễm độc bởi lợi lạc, danh dự, và danh tiếng. Tỳ kheo đó được gọi là người chỉ lấy phần cành và lá của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó.

3. "Ở đây, này các Tỳ kheo, có người từ họ tộc vì có niềm tin đã rời bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được.' Khi xuất gia tu hành như vậy, người đó đạt được lợi lạc, danh dự, và danh tiếng. Người đó *không* đắc chí hài lòng với lợi lạc, danh dự, và danh tiếng đó, và (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành. Vì điều đó, người đó *không* ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Người đó không bị nhiễm độc bởi sự lợi lạc, danh dự, và danh tiếng; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Chuyên cần tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc về "giới-hạnh", và (coi) mục đích của mình *đã* được hoàn thành. Vì điều đó, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đạt được đức hạnh [giới hạnh]; tôi có tính cách tốt; nhưng những tu sĩ khác không có được đức hạnh, có tính cách xấu.' Như vậy vị tu sĩ này bị nhiễm độc bởi phần chứng đắc về giới hạnh, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ.

"Giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần

gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy *phần vỏ ngoài* mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … người đó chỉ cắt lấy *phần vỏ ngoài* mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù người đó có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.' Cũng giống như vậy, với kiểu đó thì vị tu sĩ đó sẽ bị nhiễm độc bởi phần chứng đắc về giới hạnh. Vị tu sĩ đó được gọi là người chỉ lấy phần vỏ ngoài của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó.

4. "Ở đây, này các Tỳ kheo, có người từ họ tộc vì có niềm tin đã rời bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắn chắn rằng sự chấm dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được. Khi xuất gia tu hành như vậy, người đó đạt được lợi lạc, danh dự, và danh tiếng. Người đó *không* đắc chí hài lòng với sự lợi lạc, danh dự, và danh tiếng đó, và (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành…. Chuyên cần tu tập, người đó đạt tới chứng đắc về giới hạnh. Người đó *không* đắc chí hài lòng với sự chứng đắc về giới hạnh, và (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành. Vì điều đó, người đó *không* ca ngợi bản thân và không chê bai những người khác. Vị tu sĩ đó không bị nhiễm độc bởi phần chứng đắc về giới hạnh; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật và không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Chuyên cần tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc về "thiền-định". Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc đó về thiền định, và (coi) mục đích của

mình *đã* được hoàn thành. Vì điều đó, người đó lại ca ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi đã đạt định; tâm tôi đã được hợp nhất; nhưng những tu sĩ khác thì còn lan man với cái tâm lăn xăn chạy nhảy.' Như vậy vị tu sĩ đó bị nhiễm độc bởi phần chứng đắc về thiền định, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ.

"Giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy *phần vỏ trong* mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … người đó chỉ cắt lấy *phần vỏ trong* mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù người đó có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.' Cũng giống như vậy, với kiểu đó thì vị tu sĩ đó sẽ bị nhiễm độc bởi phần chứng đắc về thiền định. Vị tu sĩ đó được gọi là người chỉ lấy phần vỏ trong của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó.

5. "Ở đây, này các Tỳ kheo, có người từ họ tộc vì có niềm tin đã rời bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắc chắn rằng sự chấm dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được.' Khi xuất gia tu hành như vậy, người đó đạt được lợi lạc, danh dự, và danh tiếng. Người đó *không* đắc chí hài lòng với lợi lạc, danh dự, và danh tiếng đó, và (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành.… Chuyên cần tu tập,

người đó đạt tới sự chứng đắc về giới hạnh. Người đó đắc chí hài lòng với phần chứng đắc về giới hạnh, nhưng (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành…. Chuyên cần tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc về thiền định. Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc đó về thiền định, và nhưng (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành. Vì điều đó, người đó *không* ca ngợi bản thân mình và *không* chê bai những người khác. Như vậy vị tu sĩ đó không bị nhiễm độc bởi phần chứng đắc về thiền định; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật, không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Rồi chuyên cần tu tập, người đó đạt tới sự "hiểu-biết và tầm-nhìn" (tri kiến).[4] Người đó đắc chí hài lòng với sự hiểu biết và tầm nhìn đó, và (coi) mục đích của mình *đã* được hoàn thành. Vì điều đó, người đó lại khen ngợi bản thân mình và chê bai những người khác như vầy: 'Tôi sống biết và thấy, nhưng những tu sĩ khác sống không biết và không thấy.' Như vậy vị tu sĩ này đã bị nhiễm độc bởi sự hiểu biết và tầm nhìn đó, bắt đầu lơ tâm phóng dật, sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật, và đang bị lơ tâm phóng dật, người đó sống trong sự khổ.

"Giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đến chỗ một cây to có gỗ lõi. Bỏ qua hết phần gỗ lõi, phần vỏ ngoài, phần vỏ trong, và phần cành và lá, người đó chỉ cắt lấy *phần gỗ mềm* mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người mắt sáng nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này chẳng biết đâu là phần gỗ lõi … phần cành và lá. Như vậy, trong khi đang cần gỗ lõi … người đó chỉ cắt lấy *phần gỗ mềm* mang về, trong đầu tưởng đó là phần gỗ lõi. Dù người đó có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ không làm được.' Cũng giống như vậy, với kiểu đó thì vị tu sĩ đó sẽ bị nhiễm độc bởi phần

chứng đắc đó về sự hiểu biết và tầm nhìn. Vị tu sĩ đó được gọi là người chỉ lấy phần *gỗ mềm* của đời sống tâm linh, và chỉ dừng lại ở đó.

6. "Ở đây, này các Tỳ kheo, có người từ họ tộc vì có niềm tin đã rời bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành, người đó suy xét: 'Tôi là một nạn nhân của sinh, già, và chết, của buồn sầu, than khóc, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng; tôi là một nạn nhân của khổ, là một con mồi của khổ. Chắc chắn rằng sự chấm dứt toàn bộ đống khổ này là có thể làm được.' Khi xuất gia tu hành như vậy, người đó đạt được lợi lạc, danh dự, và danh tiếng. Người đó *không* đắc chí hài lòng với lợi lạc, danh dự, và danh tiếng đó, và (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành.… Chuyên cần tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc về giới hạnh. Người đó đắc chí hài lòng với phần chứng đắc về giới hạnh, nhưng (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành…. Chuyên cần tu tập, người đó đạt tới sự chứng đắc về thiền định. Người đó đắc chí hài lòng với sự chứng đắc đó về thiền định, và nhưng (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành…. Rồi chuyên cần tu tập, người đó đạt tới sự hiểu-biết và tầm-nhìn. Người đó đắc chí hài lòng với sự hiểu biết và tầm nhìn đó, nhưng (coi) mục đích của mình vẫn *chưa* được hoàn thành. Vì điều đó, người đó *không* ca ngợi bản thân mình và không chê bai những người khác. Như vậy vị tu sĩ đó không bị nhiễm độc bởi phần chứng đắc về sự hiểu biết và tầm nhìn; người đó không bắt đầu lơ tâm phóng dật, không sa ngã vào sự lơ tâm phóng dật. Rồi tiếp tục chuyên cần tu tập, người đó đạt tới sự giải-thoát vĩnh viễn. Và vị tu sĩ đó không bao giờ bị rớt ra khỏi sự giải thoát vĩnh viễn đó nữa.[5]

"Giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, đi đến chỗ một cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Rồi có một người sáng mắt nhìn thấy người đó làm vậy, có lẽ nói rằng: 'Anh này biết rõ đâu là phần gỗ lõi, phần gỗ mềm, phần vỏ trong, phần vỏ ngoài, và phần cành và lá. Vì vậy, khi đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó đi đến chỗ cây to có gỗ lõi, và chỉ chặt lấy phần gỗ lõi mang về, trong đầu biết rõ đó là phần gỗ lõi. Dù người đó có định làm cái gì bằng gỗ lõi thì mục đích đó sẽ làm được.' Cũng giống như vậy, theo kiểu đó vị Tỳ kheo đó đạt tới sự giải thoát vĩnh viễn.

7. "Vậy đó, này các Tỳ kheo, đời sống tâm linh *không phải* lấy "sự lợi lạc, danh dự, và danh tiếng" làm mục tiêu ích lợi của nó; hoặc chỉ lấy tới phần chứng đắc về "giới hạnh" làm mục tiêu ích lợi của nó; hoặc chỉ chỉ lấy phần chứng đắc về "thiền định" làm mục tiêu ích lợi của nó; hoặc chỉ lấy tới phần "sự hiểu biết và tầm nhìn" làm mục tiêu ích lợi của nó. Mà chính "sự giải thoát bất thoái chuyển của cái tâm" mới là mục tiêu của đời sống tâm linh, mới là cốt lõi của nó, và là nơi kết thúc (đích đến) cuối cùng của nó."[6]

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.

(MN 29: *Mahāsāropama Sutta*; I 192–97)

(3) *Sự Phai Biến Tham Dục*

"Này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ thuộc giáo phái khác hỏi các thầy: 'Này các bạn, vì mục đích gì đi sống đời sống tâm linh theo tu sĩ Cồ-đàm?'—khi được hỏi như vậy, các thầy

nên trả lời cho họ như vầy: 'Này các bạn, mục đích là để làm phai biến tham dục[7] nên chúng tôi sống đời sống tâm linh theo đức Thế Tôn.'

"Rồi, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ thuộc giáo phái khác lại hỏi các thầy: 'Nhưng, này các bạn, có con đường nào, có phương cách nào để làm phai biến tham dục?'—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời như vầy: 'Này các bạn, có một con đường, có một phương cách để làm phai biến tham dục.'

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường, là phương cách để làm phai biến tham dục? Đó là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo); đó gồm: cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn; (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định). Đây là con đường, là phương cách để làm phai biến tham dục.

"Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy các thầy nên trả lời những du sĩ thuộc giáo phái khác theo cách như vậy.

"[Hoặc theo cách khác, các thầy có thể trả lời họ như vầy:] 'Này các bạn, mục đích là để dẹp bỏ các gông cùm trói buộc … là để bứng nhổ sạch gốc những khuynh hướng nằm ẩn (trong tâm thức/tàng thức) … là để đạt tới sự hiểu biết hoàn toàn về đường lối [của vòng luân hồi sinh tử] … là để tiêu diệt những ô nhiễm (trong tâm)… là để chứng ngộ đạo quả đó là sự hiểu-biết chân-thực và sự giải thoát … ; là để đạt tới sự hiểu biết và tầm nhìn … là để đạt tới Niết-bàn rốt ráo

dứt sạch mọi dính chấp nên chúng tôi sống đời sống tâm linh theo đức Thế Tôn.'

"Rồi nữa, này các Tỳ kheo, nếu những du sĩ thuộc giáo phái khác hỏi các thầy: 'Nhưng, này các bạn, có con đường nào, phương cách nào để chứng đạt trạng thái Niết-bàn rốt ráo dứt sạch mọi dính chấp như vậy?'—khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời họ như vầy: 'Có một con đường, có một phương cách để chứng đạt trạng thái Niết-bàn rốt ráo dứt sạch mọi dính chấp như vậy.'

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường, là phương cách để chứng đạt trạng thái Niết-bàn rốt ráo dứt sạch mọi dính chấp như vậy? Đó là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo); đó gồm: cách nhìn đúng đắn … định tâm đúng đắn. Đây chính là con đường, là phương cách để chứng đạt trạng thái Niết-bàn rốt ráo dứt sạch mọi dính chấp.

"Này các Tỳ kheo, khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời những du sĩ thuộc giáo phái khác theo cách như vậy."

(SN 45:41–48, *kết hợp*; V 27–29)

2. PHÂN TÍCH VỀ CON ĐƯỜNG TÁM PHẦN (*Bát Thánh Đạo*)

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ giảng dạy cho các thầy Con Đường Tám Phần Thánh Thiện, và ta sẽ phân tích nó cho các thầy thấy. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng; ta sẽ nói."

"Dạ thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy:

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện? Đó là cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời

nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là (*i*) cách nhìn đúng đắn? Đó là sự hiểu biết về khổ, hiểu biết về nguồn gốc khổ, hiểu biết về sự chấm dứt khổ, hiểu biết về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ: đây được gọi là cách nhìn đúng đắn.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là (*ii*) ý định (ý nghĩ, ý hành, suy nghĩ) đúng đắn? Đó là ý định từ-bỏ, ý định vô-ác, ý định vô-hại: đây được gọi là ý định đúng đắn.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là (*iii*) lời nói đúng đắn? Đó là kiêng cữ, không nói lời sai trái, không nói lời độc ác, không nói lời gắt gỏng, không nói lời tán dóc tán gẫu: đây được gọi là lời nói đúng đắn.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là (*iv*) hành động đúng đắn? Đó là kiêng cữ, không sát sinh hãm hại, không trộm cắp hay lấy của không được cho, không tà dục: đây được gọi là hành động đúng đắn.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là (*v*) công việc mưu sinh đúng đắn? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện, sau khi đã từ bỏ công việc mưu sinh sai trái, kiếm sống bằng công việc mưu sinh chân chính: đây là công việc mưu sinh đúng đắn.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là (*vi*) nỗ lực đúng đắn? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo khởi tạo mong muốn không làm khởi sinh những trạng thái bất thiện chưa khởi sinh; nên người đó nỗ lực, phát huy năng lượng, ứng dụng tâm mình, và cố gắng tu tập. Người đó khởi tạo mong muốn trừ bỏ những trạng thái bất thiện đã khởi sinh; nên…. Người đó khởi tạo mong muốn làm khởi sinh những trạng thái tâm

thiện lành chưa khởi sinh; nên…. Người đó khởi tạo mong muốn duy trì liên tục những trạng thái thiện lành đã khởi sinh, không bị giảm sút, được tăng lên, tăng trưởng, và được hoàn thiện nhờ tu tập phát triển; nên người đó nỗ lực, phát huy năng lượng, ứng dụng tâm mình, và cố gắng tu tập. Đây được gọi là nỗ lực đúng đắn.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là (*vii*) sự chú tâm đúng đắn (chánh niệm)? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự thèm muốn (tham) và ưu phiền (ưu) đối với thế giới. Người đó sống quán sát những cảm giác trong những cảm giác, nhiệt thành, hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới. Người đó sống quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới. Người đó sống quán sét những hiện tượng trong những hiện tượng, nhiệt thành, hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã dẹp bỏ sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới. Đây được gọi là sự chú tâm đúng đắn (chánh niệm).

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là (*viii*) sự định tâm đúng đắn (chánh định)? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo (*1*) sau khi tách ly khỏi những khoái lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái tâm bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ nhất, có đi kèm bởi ý nghĩ ban đầu (tầm) và sự suy lý (tứ), có yếu tố hân hoan (hỷ) và hạnh phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly đó. (*2*) Bằng việc khống chế ý nghĩ ban đầu (tầm) và sự suy lý (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, có niềm tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý nghĩ

ban đầu và sự suy lý nữa, và có yếu tố hân hoan và hạnh phúc được sinh ra từ sự định tâm. (*3*) Bằng sự phai biến yếu tố hoan hỷ (hỷ), người đó an trú buông xả, và có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng, người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc trong toàn thân; người đó chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba, đó là trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: 'Người đó buông xả, chánh niệm; người đó an trú một cách hạnh phúc.' (*4*) Bằng sự dẹp bỏ luôn yếu tố sướng và khổ (không yếu tố sướng, khổ), và cùng với sự phai biến trước đó của yếu tố hoan hỷ và ưu phiền (không còn yếu tố vui, buồn), người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ tư, trong đó không còn yếu tố khổ hay sướng, và có sự tinh khiết của sự chánh niệm nhờ yếu tố buông xả. Đây được gọi là sự định tâm đúng đắn (chánh định)."

(SN 45:8; V 8–10)

3. TÌNH BẠN TỐT, TÌNH ĐẠO HỮU

Tôi nghe như vầy. Vào một lần đức Thế Tôn đang sống chỗ những người họ Thích-ca trong một thị trấn tên là Nāgaraka. Rồi ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa rằng:

"Thưa đức Thế Tôn, đây là một nửa của đời sống tâm linh, đó là, tình bạn tốt, tình đạo hữu tốt, tình đồng môn tốt."[8]

"Không phải vậy, Ānanda! Không phải như vậy, Ānanda! Này Ānanda, đây chính toàn bộ đời sống tâm linh, đó là, tình bạn tốt, tình đạo hữu tốt, tình đồng môn tốt, điều đó được trông đợi rằng người đó sẽ tu tập và phát triển con đường Bát Thánh Đạo.

"Và, này Ānanda, làm cách nào một Tỳ kheo với tình bạn tốt, tình đạo hữu tốt, tình bạn đồng môn tốt tu tập và phát triển con đường Bát Thánh Đạo? Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo tu tập cách nhìn đúng đắn, dựa vào sự tách ly, sự chán bỏ, và sự chấm dứt, trưởng thành (chín chắn) về mặt giải thoát. Người đó tu tập ý định đúng đắn … lời nói đúng đắn … hành động đúng đắn … cách sống mưu sinh đúng đắn … sự nỗ lực đúng đắn … sự chú tâm đúng đắn … sự định tâm đúng đắn, dựa vào sự tách ly, sự chán bỏ, và sự chấm dứt, trưởng thành về mặt giải thoát. Theo cách này, này Ānanda, thì một Tỳ kheo với tình bạn tốt, tình đạo hữu tốt, tình đồng môn tốt, tu tập và phát triển con đường Bát Thánh Đạo.

"Này Ānanda, với phương pháp sau đây thì cũng có thể hiểu được cách toàn bộ đời sống tâm linh chính là tình bạn tốt, tình đạo hữu tốt, tình đồng môn tốt, đó là: bằng cách dựa theo chính ta như một người bạn tốt, này Ānanda, những chúng sinh bị sinh sẽ được giải thoát khỏi sinh; những chúng sinh bị già được sẽ giải thoát khỏi già; những chúng sinh bị chết sẽ được giải thoát khỏi chết; những chúng sinh bị buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng sẽ được giải thoát khỏi buồn sầu, khóc than, khổ đau, ưu phiền, và tuyệt vọng. Này Ānanda, với phương pháp này thì có thể hiểu được cách toàn bộ đời sống tâm linh chính là tình bạn tốt, tình đạo hữu tốt, tình đồng môn tốt."

(SN 45:2; V 2–3)

4. SỰ TU TẬP TIẾN DẦN

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc.

2. Lúc bấy giờ, vào lúc giữ trưa, có bà-la-môn tên Jāṇussoṇi đang đi trên chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi mấy con ngựa trắng. Ông ta nhìn thấy du sĩ Pilotika đang đi tới từ xa, ông liền hỏi: "Thầy Vacchāyana đi đâu về vào lúc giữa trưa vậy?"[9]

"Thưa ngài, tôi đang đi về từ chỗ gặp tu sĩ Cồ-đàm."

"Thầy Vacchāyana nghĩ gì về sự sáng suốt của trí tuệ của tu sĩ Cồ-đàm? Ông ta là người hiền trí, có phải vậy không?"

"Thưa ngài, tôi là ai mà biết được sự sáng suốt của trí tuệ của tu sĩ Cồ-đàm? Chắc chắn phải là người ngang bằng với người ấy thì mới biết được sự sáng suốt của trí tuệ của người ấy."

"Thầy Vacchāyana khen ngợi tu sĩ Cồ-đàm với lời khen ngợi cao nhất đó."

"Thưa ngài, tôi là ai mà khen ngợi tu sĩ Cồ-đàm? Tu sĩ Cồ-đàm được khen ngợi bởi những người được khen ngợi nhất trong số những thiên thần và loài người."

"Thầy Vacchāyana nhìn thấy những lý do gì mà có niềm tin chắc chắn về tu sĩ Cồ-đàm đến mức như vậy?"

3. "Thưa ngài, giả sử có một người săn voi khôn khéo đi vô khu rừng voi và nhìn thấy một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn. Người đó có thể đi đến kết luận rằng: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Cũng giống như vậy, khi tôi nhìn thấy bốn dấu chân của tu sĩ Cồ-đàm, tôi đã đi đến kết luận rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn, Giáo

Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách khéo léo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.' Bốn (dấu chân) đó là gì?

4. "Thưa ngài, tôi đã gặp nhiều bậc *thánh nhân* thông thái, những người rất khôn khéo, có hiểu biết về những triết lý của những người khác, biện lý sắc xảo như chẻ được sợi tóc; họ đến đây đến đó, đả phá những quan điểm của những người khác bằng trí khôn sắc xảo của họ. Khi họ nghe tin: 'Tu sĩ Cồ-đàm sẽ tới một ngôi làng hay một thị trấn nào đó', họ đặt ra (chuẩn bị) vấn đề như vầy: 'Chúng ta sẽ tới gặp tu sĩ Cồ-đàm để hỏi ông ta câu hỏi này. Nếu bị hỏi như vầy, ông ta sẽ trả lời như vầy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách này; còn nếu bị hỏi như vậy, ông ta sẽ trả lời như vậy, thì chúng ta sẽ bác bỏ triết lý của ông ta theo cách kia.'

"Rồi họ nghe tin: 'Tu sĩ Cồ-đàm đã tới một ngôi làng hay thị trấn.' Họ đi tới gặp tu sĩ Cồ-đàm, và tu sĩ Cồ-đàm đã hướng dẫn, thuyết phục, khích lệ, và làm vui lòng họ bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp. Sau khi họ được hướng dẫn, được thuyết phục, được khích lệ, và được làm vui lòng như vậy bằng bài nói chuyện về Giáo Pháp, họ thậm chí không còn muốn hỏi người ấy những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ triết lý của người ấy nữa? Sự thực là, họ đã trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy *dấu chân thứ nhất* này của tu sĩ Cồ-đàm, tôi đã đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách khéo léo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.'

5. "Lại nữa, tôi đã gặp nhiều *bà-la-môn* thông thái, những người rất khôn khéo.… Sự thực là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy *dấu chân thứ hai*

của tu sĩ Cồ-đàm, tôi đã đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn.…'

6. "Lại nữa, tôi đã gặp nhiều *gia chủ* thông thái, những người rất khôn khéo.… Sự thực là, họ cũng trở thành những đệ tử của đức Thế Tôn. Khi tôi nhìn thấy *dấu chân thứ ba* của tu sĩ Cồ-đàm, tôi đã đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn.…'

7. "Lại nữa, tôi đã gặp nhiều *tu sĩ* thông thái, những người rất khôn khéo.… họ thậm chí không còn muốn hỏi người ấy những câu hỏi như họ đã dự tính, lấy đâu họ còn muốn bác bỏ triết lý của người ấy nữa? Sự thực là, họ đã hỏi xin tu sĩ Cồ-đàm cho phép họ rời bỏ đời sống gia đình để đi sống đời xuất gia, và tu sĩ Cồ-đàm đã cho phép họ xuất gia tu hành. Sau một thời gian, sau khi họ đã xuất gia, sống một mình, khép mình xa lánh trần, chuyên cần tu tập, nhiệt thành, và kiên định, bằng cách tự mình chứng ngộ sự hiểu-biết trực tiếp nên ngay bây giờ và tại đây họ chứng nhập và an trú trong những (trạng thái) mục tiêu của đời sống tâm linh, mà vì (mục tiêu đó) những người con các họ tộc đã đúng đắn rời bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống đời xuất gia tu hành. Họ đã nói như vầy: 'Chúng tôi đã từng quá lầm lạc, chúng tôi đã từng quá điêu tàn, bởi trước kia chúng tôi cứ tuyên bố mình là tu sĩ dù lúc đó chúng tôi chưa phải là những tu sĩ điwcs thực; chúng tôi cứ tuyên bố chúng tôi là những bà-la-môn dù lúc đó chúng tôi chưa phải là những bà-la-môn đích thực; chúng tôi cứ tuyên bố chúng tôi là những A-la-hán dù lúc đó chúng tôi chưa phải là những bậc A-la-hán đích thực. Nhưng bây giờ chúng tôi mới trở thành những tu sĩ, giờ chúng tôi mới là những bà-la-môn đích thực, giờ chúng tôi mới là những A-la-hán.' Khi tôi nhìn thấy *dấu chân thứ tư*

của tu sĩ Cồ-đàm, tôi đã đi đến kết luận rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách khéo léo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.'"

8. Khi điều này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã bước xuống khỏi chiếc xe ngựa toàn trắng được kéo bởi những con ngựa trắng, và xếp phần y trên qua một vai, ông ta chắp hai tay hướng về hướng đức Thế Tôn (đang ở), và ông nói lên những lời sau đây ba lần: "Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Xin kính lễ đức Thế Tôn, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác! Có lẽ một lúc nào đó tôi sẽ đến gặp Thầy Cồ-đàm, và có cuộc đàm đạo với bậc ấy."

9. Rồi bà-la-môn Jāṇussoṇi đến gặp đức Thế Tôn và kính chào đức Thế Tôn. Sau khi xong phần hỏi thăm và nói chuyện hòa nhã, ông ngồi xuống một bên, và kể lại toàn bộ câu chuyện giữa ông với du sĩ Pilotika (như trên). Lúc đó, đức Thế Tôn nói với ông: "Này bà-la-môn, đến lúc này chuyện ví dụ về dấu chân voi vẫn chưa được nói đầy đủ chi tiết. Để biết nó một cách đầy đủ chi tiết, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."—"Dạ, thưa Thầy Cồ-đàm", bà-la-môn Jāṇussoṇi đáp lại.

10. "Này bà-la-môn, giả sử có một người săn voi đi vô khu rừng voi và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn. Một người săn voi khôn khéo sẽ chưa vội kết luận: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có nhiều con voi cái nhỏ cũng để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. Người thợ săn lần theo dấu chân và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang

lớn, nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh. Một thợ săn khôn khéo chưa vội đi đến kết luận: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có những con voi cái có ngà và để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. Người thợ săn lại lần theo dấu chân và nhìn thấy trong rừng voi một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, và có nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh, và có những dấu cắt xát bằng ngà voi. Một thợ săn khôn khéo chưa vội đi đến kết luận: 'Đúng thực, đây là một con voi đực lớn.' Vì sao vậy? Vì trong rừng voi có nhiều con voi cái cao cũng có ngà lớn và để lại dấu chân lớn, và đây có thể là dấu chân của những con voi cái đó. Người thợ săn tiếp tục lần theo dấu chân và nhìn thấy một dấu chân voi lớn, bề dài lớn và bề ngang lớn, và có nhiều chỗ cọ xát với phần cao của các cây xung quanh, và có những dấu cắt xát bằng ngà voi, và nhiều cành cây bị gãy đổ. Và anh ta nhìn thấy một con voi đực lớn đang dưới gốc cây, hoặc đang ở chỗ trống, hoặc đang đi quanh, đang ngồi, hoặc đang nằm. Lúc đó anh ta mới đi đến kết luận: 'Đó là một con voi đực lớn.'

11. "Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, ở đây có Như Lai xuất hiện trên thế gian, là bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự hiểu biết và đức hạnh đích thực, là bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ dạy, thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn. Sau khi đã chứng ngộ bằng sự hiểu biết trực tiếp của mình trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và Trời, trong quần thể chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và người, giờ bậc thầy ấy đi truyền dạy nó cho những người khác. Vị ấy

truyền dạy một Giáo Pháp tốt ngay ở đầu, tốt ở giữa, và tốt ở cuối, với ý nghĩa và diễn đạt đúng đắn; vị ấy (thể hiện) cho thấy một đời sống tâm linh đã được hoàn thiện và tinh khiết.

12. "Như có một gia chủ hoặc người con trai của ông ta, được sinh ra trong một họ tộc khác, nghe được Giáo Pháp đó. Khi nghe Giáo Pháp người đó có được niềm tin vào Như Lai. Sau khi có được niềm tin, người đó suy xét như vầy: 'Đời sống gia đình là chật chội và bụi bẩn; đời sống xuất gia thì rộng mở. Nếu còn sống tại gia thì không dễ sống đời sống tâm linh cho được hoàn thiện và trong sạch như một vỏ sò được chà sạch. Giá như tôi cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và rời bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành.' Rồi sau đó, sau khi đã từ bỏ một gia sản nhỏ hoặc lớn, sau khi từ bỏ một gia quyến nhỏ hoặc lớn, người đó đã cạo bỏ râu tóc, khoát y nâu sòng, và rời bỏ đời sống gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành.

13. "Sau khi đã xuất gia như vậy, và có được sự tu tập và lối sống của Tỳ kheo; từ bỏ việc sát sinh, người đó kiêng cữ không sát sinh; dẹp bỏ gậy gộc và vũ khí, có lương tâm, từ ái, người đó sống bi mẫn với tất cả chúng sinh. Từ bỏ việc trộm cắp, người đó kiêng cữ không lấy thứ không được cho; chỉ lấy thứ được cho, chỉ đợi nhận lấy cái được cho; bằng sự không lấy cắp người đó sống an trú trong sự trong sạch. Từ bỏ việc quan hệ giới tính, người đó giữ giới sống độc thân, sống tách ly, kiềm chế không làm hành động tính dục nào.

"Từ bỏ việc nói láo, người đó kiêng cữ, không nói láo; người đó chỉ nói sự thật, nói theo sự thật, là người đáng tin tưởng và đáng tin cậy, không là người lừa dối ở đời. Từ bỏ lời nói độc ác, người đó kiêng cữ, không nói lời độc ác; người đó không mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người này với

người khác, người đó không mách đi kể lại những chuyện gây chia rẽ người khác với người này; như vậy người đó là người đoàn kết những người bị chia rẽ, là người xây dựng tình bạn hữu, người đó khoái thích nhìn thấy người khác hòa thuận, vui mừng khi nhìn thấy người khác hòa thuận, là người nói những lời tạo ra sự hòa thuận. Từ bỏ lời nói gắt gỏng, người đó kiêng cữ, không nói lời gắt gỏng; người đó nói lời nhẹ nhàng, dễ nghe, và thân mến, như đi vào lòng người, lễ độ, được số đông mong muốn, và được số đông hài lòng. Từ bỏ lời nói tán dóc ngồi rồi, người đó kiêng cữ, không nói lời tán dóc ngồi rồi; người đó nói đúng lúc, nói điều là sự thật, nói những điều tốt lành, nói về Giáo Pháp và Giới Luật; vào những lúc đúng đắn người đó nói những lời đáng nói như đáng nghe, có lý, đúng mực, và có ích lợi.

"Người đó kiêng cữ, không làm tổn hại hạt giống và cây cối. Người đó chỉ ăn mỗi ngày một bữa, kiêng cữ không ăn ban đêm hoặc ăn ngoài giờ thích hợp.[10] Người đó kiêng cữ, không tham gia hoặc đi coi múa, hát, nhạc, kịch, và những màn diễn không thích hợp. Người đó kiêng cữ không đeo vòng hoa, không làm đẹp bản thân bằng dầu thơm nước hoa, không tôn tạo mình bằng dầu bóng dầu cao. Người đó kiêng cữ, không dùng ghế cao, giường cao. Người đó kiêng cữ, không nhận vàng bạc. Người đó kiêng cữ, không nhận gạo, đậu, ngũ cốc chưa được nấu chín. Người đó kiêng cữ, không nhận thịt sống. Người đó kiêng cữ, không nhận lấy phụ nữ và thiếu nữ. Người đó kiêng cữ, không nhận người nô lệ phục dịch dù là nam hay nữ. Người đó kiêng cữ, không nhận dê hay cừu. Người đó kiêng cữ, không nhận gà, vịt (gia cầm) hay heo. Người đó kiêng cữ, không nhận voi, trâu, bò, ngựa hay ngựa cái (gia súc). Người đó kiêng cữ, không nhận ruộng

đồng hay đất đai. Người đó kiêng cữ, không đi qua lại chỗ này chỗ nọ, hoặc đi báo tin này tin nọ theo kiểu rảnh rang. Người đó kiêng cữ, không mua bán buôn bán. Người ấy kiêng cữ, không còn cân gian, đong lận, tiền giả. Người đó kiêng cữ, không chấp nhận tiền đút lót, lừa gạt, gian lận, và gian trá. Người đó kiêng cữ, không làm tổn thương ai, không giết hại, không ép uổng ràng buộc, không cướp lấy, không chiếm đoạt, và không bạo hành.

14. "Người ấy hài lòng với y áo che thân, hài lòng với thức ăn xin được để nuôi bụng, và dù đi bất cứ đâu, người đó cũng chỉ có hai thứ đó mà thôi. Giống như chim trời, dù bay đi đâu cũng chỉ mang theo hai cánh để bay, tương tự người Tỳ kheo biết hài lòng với y áo che thân và thức ăn khất thực để nuôi bụng, và dù có đi tới đâu, người ấy cũng chỉ mang theo y áo và bình bát khất thực. Sau khi có được một mớ (tập hợp, uẩn) những đức hạnh như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình niềm hạnh phúc vì (cách sống) không tội không lỗi.

15. "Khi nhìn thấy hình-sắc bằng mắt, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và đường nét (tướng chung và tướng riêng) của chúng.[11] Bởi vì, nếu người đó không phòng hộ giác quan mắt thì những trạng thái bất thiện như sự thèm-muốn và phiền-não có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người ấy phòng hộ giác quan mắt, người ấy chủ động kiềm chế giác quan mắt.

Khi nghe thấy một âm-thanh bằng tai … Khi ngửi thấy một mùi-hương bằng mũi … Khi nếm thấy một mùi-vị bằng lưỡi … Khi cảm giác một đối-tượng chạm-xúc bằng thân … Khi nhận biết một hiện-tượng-tâm bằng tâm, người đó không nắm giữ những dấu hiệu và đường nét của chúng. Bởi vì, nếu

người đó không phòng hộ giác quan tâm thì những trạng thái bất thiện như sự thèm-muốn và phiền-não có thể xâm chiếm (tâm) người đó; người đó tu tập cách kiềm chế nó, người ấy phòng hộ giác quan tâm, người ấy chủ động kiềm chế giác quan tâm. Sau khi có được sự kiềm chế thánh thiện (đối với) các giác quan (sáu căn) như vậy, người đó trải nghiệm bên trong mình một niềm hạnh phúc không vẩn đục (không vết ô nhiễm, thanh trong).

16. "Người đó trở thành người hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang đi tới hoặc đang đi lui; người hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang co hoặc đang duỗi tay chân; người hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang mặc y áo hoặc khi đang mang y ngoài và bình bát; người hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang đi tiểu tiện hoặc khi đang đi đại tiện; người hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc khi đang im lặng.

17. "Sau khi có được một mớ (tập hợp, uẩn) những đưvs hạnh thánh thiện như vậy, và có được sự kiềm chế thánh thiện (đối với) các giác quan (sáu căn) như vậy, và có được sự hiểu biết rõ ràng và sự chánh niệm thánh thiện như vậy, người ấy tìm tới một nơi an nghỉ tách ly ẩn dật: trong rừng, một gốc cây, trên núi, một khe núi, một hang động bên sườn núi, một bụi cây trong rừng già, một chỗ hoang trống, một đống rơm.

18. "Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh niệm trước mặt. Dẹp bỏ (*i*) sự *thèm muốn*

(tham dục) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm muốn (vô tham); người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự tham dục.[12]

Sau khi đã dẹp bỏ (*ii*) sự *ác ý và sân giận*, người đó an trú với một cái tâm không còn ác ý (vô sân), tha thương bi mẫn vì phúc lợi của tất cả chúng sinh; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự ác ý và sân giận.

Sau khi đã dẹp bỏ (*iii*) sự *đờ đẫn và buồn ngủ*, người đó an trú không còn sự đờ đẫn và buồn ngủ, nhận thức sáng rõ, có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự đờ đẫn và buồn ngủ.

Sau khi đã dẹp bỏ (*iv*) sự *bất an và hối tiếc*, người đó an trú không còn sự động vọng, với một cái tâm bình an hướng vào bên trong; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự bất an và hối tiếc.

Sau khi đã dẹp bỏ (*v*) sự *nghi ngờ*, người đó an trú sau khi đã vượt trên sự nghi ngờ, không còn rối tâm rối trí về những trạng thái tâm bất thiện; người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi ngờ.

19. "Sau khi đã dẹp bỏ năm chướng ngại như vậy, đó là những ô nhiễm làm suy yếu trí tuệ, sau khi đã sống tách ly khỏi những khoái lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ nhất, có đi kèm với ý nghĩ ban đầu (tầm) và sự suy lý (tứ), có yếu tố hoan hỷ (hỷ) và hạnh phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly đó. Bước tu này, này bà-la-môn, được gọi là dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết 'cọ xát' bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai, nhưng một đệ tử thánh thiện chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc

giác ngộ hoàn toàn, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách khéo léo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.'[13]

20. "Lại nữa, bằng sự khống chế ý nghĩ ban đầu (tầm) và sự suy lý (tứ), người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ hai, có niềm tự tin bên trong và sự hợp nhất của tâm, không còn ý nghĩ ban đầu và sự suy lý nữa, và có yếu tố hoan hỷ và hạnh phúc được sinh ra từ sự định tâm. Này bà-la-môn, bước tu này cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn.…'

21. "Lại nữa, bằng sự phai biến của yếu tố hoan hỷ (hỷ), người đó an trú buông xả, và có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng, người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc với thân; người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ ba, đó là trạng thái mà các bậc thánh nhân tả rằng: 'Người đó buông xả, có chánh niệm, là người sống hạnh phúc.' Này bà-la-môn, bước tu này cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn.…'

22. "Lại nữa, bằng sự dẹp bỏ mọi sự sướng và khổ, và bằng sự phai biến trước đó của yếu tố hoan hỷ và ưu phiền (ưu), người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ tư, trạng thái không còn yếu tố sướng và khổ, có sự thanh lọc tinh khiết của yếu tố chánh niệm nhờ sự yếu tố buông xả. Này bà-la-môn, bước tu này cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn.…'

23. "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới sự hiểu-biết về sự nhớ-lại những kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó đã nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh, bốn lần sinh, năm lần sinh, mười lần sinh, hai mươi lần sinh, ba mươi lần sinh, bốn mươi lần sinh, năm mươi lần sinh, một trăm lần sinh, một ngàn lần sinh, một trăm ngàn lần sinh, nhiều đại kiếp thế giới co lại, nhiều đại kiếp thế giới giãn ra, nhiều đại kiếp thế giới co lại và giãn ra: (người đó nhớ rõ) 'Trong một kiếp đó, người đó đã được đặt tên như vậy, thuộc họ tộc như vậy, với diện mạo như vậy, thức ăn thực dưỡng của người đó như vậy, trải nghiệm sướng và khổ của người đó như vậy, tuổi thọ của người đó như vậy; và người đó chết từ chỗ đó, người đó tái sinh vào chỗ kia; rồi tiếp tục… người đó lại được đặt tên như kia, thuộc họ tộc như kia, với diện mạo như kia, thức ăn thực dưỡng của người đó như kia, trải nghiệm sướng và khổ của người đó như kia, tuổi thọ của người đó như kia; và người đó chết từ chỗ kia đó, người đó tái sinh vào chỗ nọ … ..., và cuối cùng người đó đã được tái sinh ở đây.' Như vậy, người đó đã nhớ lại mọi mặt và mọi đặc điểm của những kiếp quá khứ của mình. Này bà-la-môn, điều này (sự hiểu biết này, trí biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện cũng chưa đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn.…'

24. "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng

thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới sự hiểu-biết về sự chết và tái sinh của chúng sinh (thiên nhãn minh). Như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vầy: 'Những chúng sinh này hành xử với thân, lời nói và tâm ý sai trái; người chửi mắng các bậc thánh nhân, người chấp giữ cách nhìn sai lạc, và hành động dựa theo cách nhìn sai lạc, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ bị tái sinh vào cảnh giới đày đọa khổ đau, trong một nơi đến xấu dữ, trong một cõi thấp tối, trong địa ngục. Nhưng những chúng sinh kia biết hành xử với thân, lời nói và tâm ý đúng đắn; những người không mắng chửi các bậc thánh nhân, người nắm giữ cách nhìn đúng đắn, và hành động dựa theo cách nhìn đúng đắn, thì khi thân tan rã, sau khi chết, họ được tái sinh vào một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời.' Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy. Này bà-la-môn, điều này (sự hiểu biết này, trí biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai … nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn.…'

25. "Khi tâm của người đó đã được như vậy, được tập trung, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ quản trị, vững vàng,

và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, lúc đó người đó hướng nó (tâm) tới sự hiểu-biết về sự tận diệt mọi ô nhiễm (lậu tận minh). Người đó đã trực tiếp hiểu biết điều này đúng như nó thực là: 'Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm dứt khổ. Đây là con đường dẫn đến sự chấm dứt khổ.' Người đó đã trực tiếp hiểu biết điều này đúng như nó thực là: 'Đây là những ô nhiễm. Đây là nguồn gốc những ô nhiễm. Đây là sự chấm dứt những ô nhiễm. Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô nhiễm.'

"Này bà-la-môn, điều này (sự hiểu biết này, trí biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết 'cọ xát' bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai, nhưng một đệ tử thánh thiện vẫn chưa vội đi đến kết luận: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày một cách khéo léo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách tốt lành.' Lúc này vị đệ tử thánh thiện đó vẫn còn trên tiến trình đi đến kết luận như vậy.[14]

26. "Khi người đó đã biết và đã thấy như vậy, tâm người đó được giải thoát khỏi ô nhiễm do tham-dục, khỏi ô nhiễm do hiện-hữu, và khỏi ô nhiễm do vô-minh. Khi tâm đã được giải thoát, có sự hiểu-biết: 'Tâm được giải thoát.' Người đó đã trực tiếp biết rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) bất kỳ trạng thái hiện hữu nào nữa.'

"Này bà-la-môn, điều này (sự thấy biết này) cũng được gọi là một dấu chân của Như Lai, là chỗ có dấu vết 'cọ xát' bởi Như Lai, là chỗ được đánh dấu bởi Như Lai. Tới lúc này một vị đệ tử thánh thiện mới đi đến kết luận rằng: 'Đức Thế Tôn là bậc giác ngộ hoàn toàn, Giáo Pháp đã được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, Tăng Đoàn đang tu tập phương cách

tốt lành.'[15] Này bà-la-môn, đến lúc này chuyện ví dụ về dấu chân voi đã được nói đầy đủ chi tiết."

27. Khi lời này được nói ra, bà-la-môn Jāṇussoṇi đã thưa với đức Thế Tôn: "Kỳ diệu thay, thưa Thầy Cồ-đàm! Kỳ diệu thưa Thầy Cồ-đàm! Thầy Cồ-đàm đã làm rõ Giáo Pháp theo nhiều cách, giống như Thầy đang dựng đứng lại thứ đã bị quăng đổ, mở ra điều đã bị che dấu, chỉ đường cho kẻ bị lạc lối, hoặc soi đèn trong đêm tối cho những người có mắt sáng nhìn thấy được mọi thứ. Nay con xin quy y nương tựa theo Thầy Cồ-đàm, theo Giáo Pháp, và theo Tăng đoàn các Tỳ kheo. Mong Thầy Cồ-đàm nhận con là đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời."

(MN 27: *Cūḷahatthipadopama Sutta*; I 175–84)

5. NHỮNG GIAI ĐOẠN TU CAO HƠN

12. "Này các Tỳ kheo, ở đây một Tỳ kheo tìm đến một nơi an nghỉ tách ly ẩn dật: trong rừng, một gốc cây, trên núi, một khe núi, một hang động bên sườn núi, một nghĩa địa, một bụi cây trong rừng già, một chỗ hoang trống, một đống rơm.

13. "Sau khi đi khất thực về, sau khi ăn trưa, người đó ngồi xuống, xếp hai chân chéo nhau, giữ lưng thẳng đứng, và thiết lập sự chánh niệm trước mặt. Dẹp bỏ sự thèm-muốn (tham dục) đối với thế giới, người đó an trú với một cái tâm không còn thèm muốn (vô tham) … [*giống hệt đoạn kinh số 18, mục 4., ở kế trên*] … người đó thanh lọc tâm mình khỏi sự nghi-ngờ.

14. "Này các Tỳ kheo, giả sử có một người đi vay tiền để làm ăn, và việc làm ăn thành công nên người đó có thể trả hết

nợ nần cũ, và vẫn còn dư đủ tiền để nuôi giữ người vợ; khi suy xét về điều này, anh ta thấy mừng và đầy vui sướng. Hoặc giả sử có một người bị bệnh, đau khổ và bệnh yếu như sắp chết, và ăn uống không được và thân thể không còn sức, nhưng sau đó người đó hồi phục hết bệnh và ăn uống được trở lại và thân lấy lại sức; khi suy xét về điều này, người ấy thấy mừng và đầy vui sướng. Hoặc giả sử có một người bị bắt tù, nhưng sau đó người đó được thả ra, được an toàn và an ninh, không bị mất mát tài sản; khi suy xét về điều này, người đó thấy mừng và đầy vui sướng. Hoặc giả sử có một người là nô lệ, không tự lập được mà phụ thuộc vào người ta, không được tự do đi đâu theo ý mình, nhưng sau đó người đó được giải thoát khỏi sự nô lệ, được tự lập, độc lập khỏi người ta, làm người tự do có thể đi đâu theo ý mình; khi suy xét về điều này, người đó thấy mừng và đầy vui sướng. Hoặc giả sử có một người có nhiều tài sản và của cải lỡ đi lạc vào một con đường giữa sa mạc, nhưng sau đó người đó băng qua được khỏi sa mạc, được an toàn và an ninh, không bị mất mát tài sản; khi suy xét về điều này, người đó thấy mừng và đầy vui sướng. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi năm chướng ngại này còn chưa được từ bỏ bên trong mình, thì một Tỳ kheo nhìn thấy năm chướng ngại đó lần lượt như một món nợ, một căn bệnh, một lao tù, một sự nô lệ, và như một con đường băng qua sa mạc. Nhưng khi năm chướng ngại này đã được loại bỏ bên trong mình, thì Tỳ kheo đó nhìn thấy đó như một sự hết nợ nần, sự hết bệnh, sự thoát khỏi lao tù, sự tự do khỏi đời nô lệ, và như một vùng đất an toàn.

15. “Sau khi đã trừ bỏ năm chướng ngại, đó là những ô nhiễm của tâm làm suy yếu trí tuệ, sau khi đã tách ly khỏi những khoái lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất

thiện, người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ nhất, có đi kèm bởi ý nghĩ ban đầu (tầm) và ý sự suy lý (tứ), có yếu tố hoan hỷ (hỷ) và hạnh phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly. Người đó tạo được niềm hoan hỷ và hạnh phúc được sinh ra từ sự tách ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan hỷ và hạnh phúc được sinh ra từ sự tách ly đó.

Giống như một người thợ tắm rành nghề hoặc người phụ việc của ông ta đổ dồn bột tắm vào một thau kim loại, và rưới đều nước, nhào nặn đều cho đến khi hơi nước ướt thấm hết cục bột tắm đó, nhào thấm ướt nó, và làm thấm đẫm nó từ bên trong và bên ngoài, nhưng cục bột nhào không rỉ nước ra; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo niềm hoan hỷ và hạnh phúc được sinh ra từ sự tách ly, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan hỷ và hạnh phúc được sinh ra từ sự tách ly đó.

16. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, bằng sự khống chế ý nghĩ ban đầu và sự suy lý, người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ hai, có niềm tự tin bên trong và sự hợp nhất của tâm, không còn ý nghĩ ban đầu và sự suy lý, có yếu tố hoan hỷ (hỷ) và hạnh phúc (lạc) được sinh ra từ sự đạt định. Người đó tạo được niềm hoan hỷ và hạnh phúc được sinh ra từ sự đạt định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của thân không được thấm đẫm bởi niềm hoan hỷ và hạnh phúc được sinh ra từ sự đạt định đó.

Giống như có một hồ nước, mạch nước chảy vào từ bên dưới, và không có dòng chảy vào nào từ phía đông, tây, nam,

hoặc bắc, và cũng không được bổ sung nước mưa trong mọi lúc, rồi mạch nước mát chảy vào từ bên dưới làm cho nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm cái hồ, tới mức không có một chỗ nào của cả hồ không được thấm đẫm bởi nước mát; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hoan hỷ và hạnh phúc được sinh ra từ sự đạt định, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có một bộ phận nào của toàn thân này không được thấm đẫm bởi niềm hoan hỷ và hạnh phúc được sinh ra từ sự đạt định đó.

17. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, bằng sự phai biến (lọc bỏ) yếu tố hoan hỷ, người ấy an trú buông xả, và có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng, người đó trải nghiệm niềm hạnh phúc với thân; người đó chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ ba, đó là trạng thái mà các bậc thánh nhân tả rằng là 'Người đó buông xả, có chánh niệm, là người sống hạnh phúc.' Người đó tạo được niềm hạnh phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đãm bởi niềm hạnh phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan hỷ.

Cũng giống như, trong một hồ sen có bông sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng, nhiều cây sen được sinh ra và lớn lên trong nước nằm chìm dưới mặt nước, và nước mát ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm chúng từ ngọn tới gốc, tới mức không có một bộ phận nào của những cây sen đó không được thấm đẫm bởi nước mát; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo tạo được niềm hạnh phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan hỷ, ướt đẫm, chìm ngập, đong đầy, và thấm đẫm thân này, tới mức

không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi niềm hạnh phúc đã được lọc bỏ yếu tố hoan hỷ.

18. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, bằng sự lọc bỏ luôn yếu tố hạnh phúc [nhận thức sướng/khổ], và cùng với sự phai biến trước kia của yếu tố hoan hỷ [nhận thức vui/buồn], một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiền định thứ tư, là trạng thái không còn yếu tố sướng hay khổ, và có sự thanh lọc tinh khiết của yếu tố chánh niệm nhờ yếu tố buông xả. Người đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó.

Cũng giống như một người đang ngồi được quấn kín bằng vải trắng từ đầu đến chân, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm (phủ kín) bởi vải trắng; cũng giống như vậy, người đó ngồi thấm đẫm thân này bằng một cái tâm tinh khiết sáng tỏ, tới mức không có bộ phận nào của toàn thân người đó không được thấm đẫm bởi cái tâm tinh khiết sáng tỏ đó.

19. "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị (dễ điều phục), và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới sự hiểu-biết về sự nhớ-lại những kiếp quá khứ (túc mạng minh). Người đó đã nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình; đó là một lần sinh, hai lần sinh, ba lần sinh … [*giống như đoạn kinh số 23, mục 4., ở trên*] … Như vậy đó, người đó đã nhớ lại mọi mặt và mọi đặc điểm của những kiếp quá khứ của mình.

Giống như có một người đi từ làng mình qua một làng khác rồi quay về làng mình, người đó nghĩ rằng: 'Tôi đã đi từ làng tôi đến làng đó, và tôi (biết rõ) đã đứng ở đó theo cách như vậy, đã ngồi ở đó như vậy, đã nói ở đó như vậy, đã im lặng ở đó như vậy; rồi từ làng đó tôi đã đi đến một làng khác, và tôi đã đứng ở đó theo cách như vậy, đã ngồi ở đó như vậy, đã nói ở đó như vậy, đã im lặng ở đó như; và từ làng đó tôi quay trở lại làng tôi.' Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của mình.… Như vậy, người đó đã nhớ lại mọi mặt và mọi đặc điểm của những kiếp quá khứ của mình.

'20. "Khi tâm của người đó được như vậy, được đạt định, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không còn bị vết nhơ, không còn ô nhiễm, dễ uốn nắn, dễ quản trị, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, người đó hướng nó (tâm) tới sự hiểu-biết về sự chết và tái sinh của chúng sinh (thiên nhãn minh). Với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh ... [*giống như đoạn kinh số 24, mục 4., ở trên*] … Như vậy, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và người đó đã hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy.

Giống như có hai ngôi nhà có cửa và một người có mắt sáng đứng giữa hai ngôi nhà, người đó nhìn thấy mọi người đi vào và đi ra hai ngôi nhà, đi qua đi lại hai ngôi nhà; cũng giống như vậy, mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, người đó đã nhìn thấy những chúng sinh chết

đi và tái sinh ... và người đó hiểu biết cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình như vậy.

21. "Khi tâm của người đó đã được như vậy, được tập trung, được thanh lọc tinh khiết, sáng tỏ, không bị dính nhiễm, đã hết khuyết lỗi, dễ uốn nắn, dễ quản trị, vững vàng, và đạt tới trạng thái bất lay chuyển, lúc đó người đó hướng nó (tâm) tới sự hiểu-biết về sự tận diệt mọi ô nhiễm (lậu tận minh). Người đó đã trực tiếp hiểu biết điều này đúng như nó thực là: 'Đây là khổ ... [*giống như đoạn đầu số 25 và đoạn đầu số 26, mục 4., ở trên*] … Người đó hiểu biết rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) bất kỳ trạng thái hiện hữu nào nữa.'

"Giống như có một hồ nước trên núi, kín đáo, trong sạch, trong suốt, và không bị quấy đục, tới mức một người sáng mắt đứng trên bờ có thể nhìn thấy những con sò con ốc, đá sỏi, đá cuội, và thấy cả đàn cá bơi lội và nằm nghỉ, có lẽ người đó nghĩ (trực tiếp biết rõ): 'Đây là hồ nước, kín đáo, trong sạch, trong suốt, và không bị quấy đục, và có những con sò con ốc, đá sỏi, đá cuội, và có cả đàn cá bơi lội và nằm nghỉ.' Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo trực tiếp hiểu biết điều này đúng như nó thực là: 'Đây là khổ … [*giống như đoạn đầu số 25 và đoạn đầu số 26, mục 4., ở trên*] … Người đó hiểu biết rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) bất kỳ trạng thái hiện hữu nào nữa.'"

(*trích* MN 39: *Mahā Assapura Sutta*; I 274–80)

Chương VIII.

TU TẬP CÁI TÂM

1. TÂM LÀ CHÌA KHÓA, TÂM LÀ CHÍNH YẾU

1. "Này các Tỳ kheo, ta không nhận thấy một thứ nào thật khó quản trị cho bằng một cái tâm không được tu tập. Một cái tâm không được tu tập thực sự khó quản trị được.

2. "Này các Tỳ kheo, ta không nhận thấy một thứ nào thật dễ quản trị như một cái tâm được tu tập. Một cái tâm được tu tập thực sự dễ quản trị.

3. "Này các Tỳ kheo, ta không nhận thấy một thứ nào dẫn tới nguy hại lớn cho bằng một cái tâm không được tu tập. Một cái tâm không được tu tập thì dẫn tới nguy hại lớn.

4. "Này các Tỳ kheo, ta không nhận thấy một thứ nào dẫn tới ích lợi lớn lao như một cái tâm được tu tập. Một cái tâm được tu tập thì dẫn tới ích lợi lớn lao.

9. "Này các Tỳ kheo, ta không nhận thấy một thứ nào, nếu không được tu tập và phát triển sẽ mang lại khổ đau lớn, cho bằng cái tâm. Cái tâm nếu không được tu tập và phát triển sẽ mang lại khổ đau lớn.

10. "Này các Tỳ kheo, ta không nhận thấy một thứ nào, nếu được tu tập và phát triển sẽ mang lại hạnh phúc lớn lao, cho bằng cái tâm. Cái tâm nếu được tu tập và phát triển sẽ mang lại hạnh phúc lớn lao.

(AN 1: iii, 1, 2, 3, 4, 9, 10; I 5–6)

2. PHÁT TRIỂN CẶP KỸ NĂNG

(1) *Sự Tĩnh Lặng và Sự Thấy Biết*

"Này các Tỳ kheo, có hai thứ góp phần tạo nên sự hiểu-biết chân-thực. Hai đó là gì? Sự tĩnh lặng và sự thấy biết.

"Khi sự tĩnh-lặng (định) được tu tập phát triển, ta trải nghiệm lợi ích gì? Đó là, tâm được phát triển. Khi tâm được phát triển, ta trải nghiệm lợi ích gì? Đó là, mọi tham dục (tham) được trừ bỏ.[4]

"Khi sự thấy-biết (minh-sát) được tu tập phát triển, ta trải nghiệm lợi ích gì? Đó là, trí tuệ được phát triển. Khi trí tuệ được phát triển, ta trải nghiệm lợi ích gì? Đó là, mọi ngu mờ (si) được loại bỏ.[5]

"Một cái tâm còn bị ô nhiễm bởi tham thì không được giải thoát; và trí tuệ còn bị ô nhiễm bởi si thì không được phát triển. Như vậy, này các Tỳ kheo, bằng sự phai biến của tham nên có "sự giải thoát của-tâm"; bằng sự phai biến của si nên có "sự giải thoát bằng-trí-tuệ."[6]

(AN 2: iii, 10; I 61)

(2) *Bốn Con Đường Dẫn Tới Thánh Quả A-la-hán*

Tôi nghe như vầy. Vào một lần ngài Ānanda đang cư trú tại Kosambī trong tu viện Ghosita. Ở đó ngài Ānanda đã nói với các Tỳ kheo như vầy:

"Này các đạo hữu!"

"Vâng, thưa đạo hữu", các Tỳ kheo đáp lại. Lúc đó ngài Ānanda đã nói:

"Này các đạo hữu, vị Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tuyên bố trước mặt tôi rằng họ đã chứng đắc sự hiểu-biết cuối cùng của thánh quả A-la-hán, thì họ đã làm (tu) theo một trong bốn phương cách. Bốn đó là gì?

1-"Này các đạo hữu, ở đây một Tỳ kheo tu tập sự thấy-biết (minh sát) sau khi tu tập sự tĩnh-lặng (định).[7]

Trong khi người đó tu tập sự thấy biết sau sự tĩnh lặng như vậy, con đường đạo khởi sinh bên trong người đó. Giờ người đó theo đuổi, tu tập, và phát triển con đường đạo đó, và trong khi người đó thực hành như vậy các gông-cùm được phá bỏ và những khuynh-hướng tiềm ẩn (trong tâm) được loại bỏ.[8]

2-"Hoặc lại nữa, này các đạo hữu, một Tỳ kheo tu tập sự tĩnh-lặng sau khi tu tập sự thấy-biết.[9]

Trong khi người đó tu tập sự tĩnh lặng sau sự thấy biết, con đường đạo khởi sinh bên trong người đó. Giờ người đó theo đuổi, tu tập, và phát triển con đường đạo đó, và trong khi thục hành như vậy các gông cùm được phá bỏ và những khuynh hướng tiềm ẩn (trong tâm) được loại bỏ.

3-"Hoặc lại nữa, này các đạo hữu, một Tỳ kheo tu tập sự tĩnh-lặng và sự thấy-biết song song như một cặp.[10] Trong khi người đó tu tập sự tĩnh lặng và sự thấy biết song song như một cặp, con đường đạo khởi sinh bên trong người đó. Giờ người đó theo đuổi, tu tập, và phát triển con đường đạo đó, và trong khi thực hành như vậy các gông cùm được phá bỏ và những khuynh hướng tiềm ẩn (trong tâm) được loại bỏ.

4-"Hoặc lại nữa, này các đạo hữu, tâm của một Tỳ kheo bị bám chặt bởi sự động vọng về giáo pháp.[11] Nhưng sẽ tới một lúc tâm người đó được củng cố, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung (định); thì con đường đạo sẽ khởi sinh bên trong người đó. Giờ người đó theo đuổi, tu tập, và phát triển con đường đạo đó, và trong khi thực hành như vậy các

gông cùm được phá bỏ và những khuynh hướng tiềm ẩn (trong tâm) được loại bỏ.

"Này các đạo hữu, vị Tỳ kheo hay Tỳ kheo ni nào tuyên bố trước mặt tôi rằng họ đã chứng đắc sự hiểu-biết cuối cùng của thánh quả A-la-hán, thì họ đã làm theo một trong bốn phương cách như vậy."

(AN 4:170; II 156–57)

(3) *Bốn Loại Con Người*

"Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy trong thế gian này. Bốn đó là gì?

"Ở đây, này các Tỳ kheo, có loại người đạt tới sự tĩnh-lặng bên trong của tâm nhưng không đạt được trí tuệ thấy-biết cao hơn để nhìn thấu vào các hiện tượng.[12] Có loại người khác thì đạt tới trí tuệ thấy-biết cao hơn nhìn thấu các hiện tượng nhưng lại không đạt được sự tĩnh-lặng bên trong của tâm. Có loại người không đạt được sự tĩnh-lặng bên trong của tâm cũng không đạt được trí tuệ thấy-biết cao hơn để nhìn thấu các hiện tượng. Và có loại người đạt được cả sự tĩnh-lặng bên trong của tâm và trí tuệ thấy-biết cao hơn nhìn thấu các hiện tượng.

"Trong đó, này các Tỳ kheo, người chỉ đạt được sự tĩnh-lặng của tâm nhưng không có trí tuệ thấy-biết cao hơn để nhìn thấu các hiện tượng thì nên gặp gỡ người có trí tuệ thấy biết cao hơn nhìn thấy các hiện tượng, và hỏi nhờ: 'Này đạo hữu, làm sao những sự tạo tác cố ý được nhìn thấy rõ? Làm sao những sự tạo tác cố ý được phám phá? Làm sao những sự tạo tác cố ý được nhìn thấu bằng trí tuệ thấy-biết (minh sát)?'[13]

Người kia trả lời đúng như mình đã nhìn thấy và hiểu biết như vầy: 'Những sự tạo tác cố ý nên được nhìn thấy theo cách như vậy; chúng nên được khám phá theo cách như vậy; chúng nên được nhìn thấu bằng sự thấy biết theo cách như vậy.' Rồi một thời gian người này sẽ đạt được cả sự tĩnh-lặng bên trong của tâm và trí tuệ thấy-biết cao hơn để nhìn thấu các hiện tượng.

"Trong đó, này các Tỳ kheo, người đạt được trí tuệ thấy-biết cao hơn nhìn thấu các hiện tượng nhưng không có sự tĩnh-lặng bên trong của tâm thì nên gặp gỡ người có được sự tĩnh-lặng bên trong của tâm, và hỏi nhờ: 'Này đạo hữu, làm sao tâm được làm vững vàng? Làm sao tâm được bình tĩnh? Làm sao tâm được hợp nhất? Làm sao tâm được tập trung (định)?' Người kia trả lời đúng như mình đã nhìn thấy và hiểu biết vấn đề đó như vầy: 'Tâm nên được làm vững vàng theo cách như vậy, nên được bình tĩnh theo cách như vậy, nên được hợp nhất theo cách như vậy, nên được tập trung theo cách như vậy.' Rồi sau một thời gian người này sẽ đạt được cả sự tĩnh-lặng bên trong của tâm và trí tuệ thấy-biết cao hơn nhìn thấu các hiện tượng.

"Trong đó, này các Tỳ kheo, người không đạt được sự tĩnh-lặng bên trong của tâm cũng không có trí tuệ thấy-biết cao hơn để nhìn thấu các hiện tượng thì nên gặp gỡ người có được cả hai điều đó, và hỏi nhờ: 'Này đạo hữu, làm sao tâm được làm vững vàng? … Này đạo hữu, làm sao những sự tạo tác cố ý được nhìn thấy?…' Người kia trả lời đúng như mình đã nhìn thấy và hiểu biết như vầy: 'Tâm nên được làm vững vàng theo cách như vầy…. Những sự tạo tác cố ý nên được nhìn thấy theo cách như vầy….' Rồi sau một thời gian người

này sẽ đạt được cả sự tĩnh-lặng bên trong của tâm và trí tuệ thấy-biết cao hơn để nhìn thấu các hiện tượng.

"Trong đó, này các Tỳ kheo, người có được cả sự tĩnh-lặng bên trong của tâm và trí tuệ thấy-biết cao hơn nhìn thấu các hiện tượng thì nên thiết lập bản thân trong những trạng thái thiện lành như vậy, và nỗ lực hơn nữa để tiêu diệt hết mọi ô nhiễm."

(AN 4:94; II 93–95)

3. NĂM CHƯỚNG NGẠI LỚN CẢN TRỞ SỰ TU TẬP CÁI TÂM

Rồi bà-la-môn Saṅgārava đến gặp đức Thế Tôn, chào hỏi với đức Thế Tôn, rồi ngồi xuống một bên, và nói:

"Thưa Thầy Cồ-đàm, tại sao có nhiều lúc các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày lại không nhớ được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng? Và tại sao nhiều lúc các kinh kệ không được học tụng lâu ngày còn nhớ lâu trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày?"

"Này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám mụi bởi *tham dục* giác quan, bị chiếm ngự bởi tham dục giác quan, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự giải thoát khỏi tham dục,[14] thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt lành của mình, hoặc sự tốt lành của người khác, hoặc sự tốt lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, giả sử có một cái chậu đựng nước có pha thuốc nhuộm màu đỏ, vàng, xanh, hay màu gấc. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám mụi bởi *tham dục* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sân giận* ác ý, bị chiếm ngự bởi sân giận ác ý, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự giải thoát khỏi sự sân giận ác ý đã khởi sinh, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt lành của mình, hoặc sự tốt lành của người khác, hoặc sự tốt lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, giả sử có một chậu nước được nấu bằng lửa, đang nổi bọt và sôi sục. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám mụi bởi *sân giận* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự đờ đẫn và buồn ngủ*, bị chiếm ngự bởi sự đờ đẫn và buồn ngủ, và người đó không hiểu biết đúng

thực cái gì là sự giải thoát khỏi sự đờ đẫn và buồn ngủ, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt lành của mình, hoặc sự tốt lành của người khác, hoặc sự tốt lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, giả sử có một cái chậu nước bị che phủ bởi rong rêu và tảo. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám mụi bởi *sự đờ đẫn và buồn ngủ* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự bất an và hối tiếc*, bị chiếm ngự bởi sự bất an và hối tiếc, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự giải thoát khỏi sự bất an và hối tiếc, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt lành của mình, hoặc sự tốt lành của người khác, hoặc sự tốt lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, giả sử có một cái chậu nước bị thổi bởi gió, chao động, xoáy động, khuấy động thành sóng nhỏ. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó là. Cũng giống như vậy, này

bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám mụi bởi *sự bất an và hối tiếc* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại được trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

"Lại nữa, này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm bị ám muội bởi *sự nghi ngờ*, bị chiếm ngự bởi sự nghi ngờ, và người đó không hiểu biết đúng thực cái gì là sự giải thoát khỏi sự nghi ngờ, thì trong trường hợp đó người đó sẽ không biết và không thấy đúng thực cái gì là sự tốt lành của mình, hoặc sự tốt lành của người khác, hoặc sự tốt lành của cả mình và người. Cho nên, mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, giả sử có một chậu nước đục ngầu, không lắng đọng, đầy bùn đất, được đặt trong chỗ tối. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ không biết và không thấy được nó đúng như nó là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm bị ám mụi bởi *sự nghi ngờ* … mặc dù các kinh kệ đó đã được học tụng lâu ngày chúng cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, đây là lý do tại sao ngay cả các kinh kệ đã được học tụng lâu ngày cũng không được nhớ lại trong tâm, nói chi tới các kinh kệ chưa được học tụng.

"Này bà-la-môn, khi một người sống với một cái tâm không bị ám muội bởi *tham dục giác quan*, *sân giận ác ý*, *sự đờ đẫn và buồn ngủ*, *sự bất an và hối tiếc*, và *sự nghi ngờ*, thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học

tụng lâu ngày cũng được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

"Này bà-la-môn, giả sử có một chậu nước không được pha tạp bởi thuốc nhuộm; không nổi bọt và sôi sục; không bị che phủ bởi rong rêu và tảo; không bị khuấy động bởi gió và chao động thành sóng; trong sạch, lắng tịnh, trong suốt, được đặt ở chỗ sáng. Nếu một người có mắt sáng nhìn xem hình ảnh phản chiếu khuôn mặt mình trong chậu nước thì người đó sẽ biết và thấy được nó đúng như nó là. Cũng giống như vậy, này bà-la-môn, khi một người sống với cái tâm không bị ám muội bởi *tham dục giác quan, sân giận ác ý, sự đờ đẫn và buồn ngủ, sự bất an và hối tiếc,* và *sự nghi ngờ,* thì trong trường hợp đó ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày cũng được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày.

"Này bà-la-môn, đây là lý do tại sao ngay cả những kinh kệ không được học tụng lâu ngày cũng được nhớ lại trong tâm, nói chi tới những kinh kệ đã được học tụng lâu ngày."…

Khi lời này được nói ra, bà-la-môn Saṅgārava đã thưa với đức Thế Tôn rằng: "Kỳ diệu thay, Thầy Cồ-đàm!… Mong Thầy Cồ-đàm nhận con là đệ tử tại gia đã quy y nương tựa từ hôm nay cho đến cuối đời."

(SN 46:55, *tóm lược*; V 121–26)

4. SỰ TINH LỌC CỦA TÂM

"Này các Tỳ kheo, có những tạp chất lớn nằm trong mớ vàng thô, như đất, cát, đá sỏi, và đá bột. Bây giờ trước tiên người thợ vàng hay người phụ việc của ông ta đổ mớ vàng

thô vào một cái máng, và chà, rửa và làm sạch chỗ vàng đó. Sau khi làm xong, vẫn còn những tạp chất vừa nằm trong vàng thô, như phần đá bột mịn và cát kết. Rồi người thợ vàng hay người phụ việc của ông ta lại chà, rửa và làm sạch chỗ vàng đó. Sau khi làm xong, vẫn còn những tạp chất nhỏ nằm trong vàng, như cát mịn và chấm bụi đen. Rồi người thợ vàng hay người phụ việc của ông ta lại tiếp tục chà rửa, cho đến khi chỉ còn lại những hạt vàng.

"Giờ ông ta đổ mớ hạt vàng vào trong nồi nấu chảy, nấu chảy nó, nấu chảy tan hết. Nhưng ông ta vẫn chưa lấy vàng ra khỏi chậu nấu, bởi phần tạp chất vẫn chưa được loại bỏ hoàn toàn, và vàng vẫn chưa đủ tinh mềm, chưa dễ sử dụng, và chưa sáng tinh; nó vẫn còn giòn và tự nó còn chưa dễ dàng chảy rót vào khuôn đúc. Nhưng tới một lúc sau đó, sau khi người thợ vàng hay người phụ việc của ông tiếp tục nấu chảy rốt ráo, tới mức mọi vết tạp nhơ đã được loại bỏ hoàn toàn. Bây giờ vàng đã hoàn toàn tinh mềm, dễ sử dụng được, và sáng tinh, và tự nó dễ dàng chảy rót vào khuôn đúc. Người thợ vàng muốn làm bất cứ đồ trang sức nào từ vàng, như vương miện, bông tai, vòng đeo cổ, dây chuyền, thì bây giờ vàng đã có thể dùng được cho mục đích đó.

"Cũng tương tự, này các Tỳ kheo, với một Tỳ kheo đã dành hết mình cho việc tu tập cái tâm cao hơn: bên trong người đó vẫn còn những tâm thô tạp lớn, đó là: những hành vi xấu của thân, lời nói, và tâm ý. Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực, sẽ từ bỏ, xua tan, loại bỏ, và trừ bỏ loại hành vi xấu đó.

"Sau khi đã trừ bỏ những hành vi xấu đó, bên trong người đó vẫn còn dính những tâm thô tạp vừa, đó là: những ý nghĩ tham dục, những ý nghĩ ác ý, và những ý nghĩ hãm hại.[15] Một

Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực, sẽ từ bỏ, xua tan, loại bỏ, và trừ bỏ những ý nghĩ đó.

"Sau khi đã trừ bỏ những ý nghĩ đó, bên trong người đó vẫn còn dính những tâm vi tạp, đó là: những ý nghĩ về người thân gia quyến, về quê nhà, và về danh tiếng. Một Tỳ kheo nhiệt thành, có năng lực, sẽ từ bỏ, xua tan, loại bỏ, và trừ bỏ những ý nghĩ đó.

"Sau khi đã trừ bỏ những ý nghĩ đó, bên trong người đó vẫn còn những ý nghĩ về giáo lý.[16] Rằng trạng thái định tâm chưa được bình an và cao siêu; nó chưa đạt tới sự tĩnh lặng toàn phần, hoặc chưa đạt tới sự hợp nhất của tâm; để duy trì nó cần phải vất vả khống chế những chướng ngại ô nhiễm.

"Nhưng tiếp tục tu tập cũng đến lúc tâm người đó được vững vàng ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và đạt định. Trạng thái định lúc này là tĩnh lặng và tinh khiết; nó đã đạt tới sự tĩnh lặng toàn phần và đạt tới sự hợp nhất của tâm; để duy trì nó không cần phải vất vả khống chế những chướng ngại ô nhiễm.

"Sau đó, người đó hướng tâm mình tới bất kỳ trạng thái tâm nào có thể chứng ngộ được bằng loại hiểu-biết trực-tiếp, người đó đạt tới khả năng chứng ngộ trạng thái đó bằng sự hiểu biết trực tiếp, bất cứ khi nào có-được những điều kiện cần thiết.[17]

"Nếu người đó ước: 'Ta muốn vận dụng nhiều loại thần thông: sau khi vận dụng, ta biến hóa thành nhiều người; sau khi biến thành nhiều người, ta biến thành một người; ta muốn biến và hiện; đi xuyên qua tường, đi xuyên qua thành, đi xuyên qua núi như đi qua khoảng không; chui xuống đất và chui lên mặt đất như rẽ lặn trong nước; đi trên mặt nước

không bị chìm như đi trên mặt đất; đi xuyên không gian như chim bay khi đang ngồi thiền tréo chân; tay chạm rờ mặt trăng và mặt trời, những thứ thật hùng vĩ và oai lực như vậy; vận dụng thân bay xa tới tận cõi trời Brahmā'—thì người đó sẽ đạt tới năng lực chứng ngộ trạng thái đó bằng loại hiểu biết trực tiếp, bất cứ khi nào có đủ những điều kiện cần thiết.

"Nếu người đó ước: 'Bằng tai thiên thánh, được tinh lọc và vượt qua loài người, ta muốn nghe được cả hai loại âm thanh ở cõi trời và cõi người, dù ở gần và ở xa'—thì người đó sẽ đạt tới năng lực chứng đắc trạng thái đó bằng loại hiểu biết trực tiếp, bất cứ khi nào có đủ điều kiện cần thiết.

"Nếu người đó ước: 'Tôi muốn hiểu được tâm của chúng sinh khác, của người khác, sau khi đã bao trùm chúng bằng tâm của mình. Tôi muốn hiểu được một cái tâm có tham dục là tâm có tham dục, một tâm không có tham dục là tâm không có tham dục; một tâm có sân giận là tâm có sân giận; một tâm không có sân giận là tâm không có sân giận; một tâm có si mờ là tâm có si mờ; một tâm không có si mờ là tâm không có si mờ; tâm co cụm (bị động) là co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là bị xao lãng; một tâm cao thượng là cao thượng, và tâm không cao thượng là không cao thượng; một tâm còn có thể vượt trên (chưa cao nhất) là còn có thể vượt trên, và một tâm không thể vượt trên (cao nhất, tối thượng, vô thượng) là không thể vượt trên; một tâm đạt định là đạt định, và một tâm không đạt định là không đạt định; một tâm được giải thoát là được giải thoát, và một cái tâm chưa được giải thoát là chưa được giải thoát'—thì người đó sẽ đạt tới năng lực chứng đắc trạng thái đó bằng sự hiểu biết trực tiếp, bất cứ khi nào có đủ điều kiện cần thiết.

"Nếu người đó ước: 'Tôi muốn nhớ lại nhiều kiếp quá khứ của tôi … [*giống* ***đoạn kinh II, 3(2)(38)***] … với mọi mặt và mọi đặc điểm của những kiếp đó'—thì người đó sẽ đạt tới năng lực chứng đắc trạng thái đó bằng sự hiểu biết trực tiếp, bất cứ khi nào có đủ điều kiện cần thiết.

"Nếu người đó ước: 'Với mắt thiên thánh, được thanh lọc và vượt trên loài người, tôi muốn nhìn thấy chúng sinh chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có … [*giống* ***đoạn kinh II, 3(2)(40)***] … và hiểu được cách những chúng sinh sống chết chuyển kiếp tùy theo những hành động (nghiệp) của mình'—thì người đó sẽ đạt tới năng lực chứng đắc trạng thái đó bằng sự hiểu biết trực tiếp, bất cứ khi nào có đủ điều kiện cần thiết.

"Nếu người đó ước: 'Bằng sự tiêu diệt mọi ô nhiễm, tôi muốn ngay trong kiếp này có thể chứng nhập và an trú trong sự giải thoát của-tâm không còn ô nhiễm, sự giải thoát bằng-trí-tuệ, tự mình chứng ngộ trạng thái đó cho mình bằng loại hiểu biết trực tiếp'— thì người đó sẽ đạt tới năng lực chứng đắc trạng thái đó bằng sự hiểu biết trực tiếp, bất cứ khi nào có đủ điều kiện cần thiết."

(AN 3:100 §§1–10; I 253–56)

5. TRỪ BỎ NHỮNG Ý NGHĨ LÀM XAO LÃNG

1. Tôi nghe như vầy. Vào một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvatthī trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, đức Thế Tôn", họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang theo đuổi (tu tập) cái tâm cao hơn, thì người đó nên thường hướng sự chú tâm tới năm dấu hiệu.[18] Năm đó là gì?

3. (i) "Ở đây, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hướng sự chú tâm tới dấu hiệu nào đó, và vì có dấu hiệu đó nên khởi sinh trong người đó những ý nghĩ xấu ác bất thiện kết nối với tham, sân, si, thì người đó nên hướng sự chú tâm tới dấu hiệu khác kết nối với điều thiện lành.[19] Khi người tu hướng sự chú tâm tới điều thiện lành, thì mọi ý nghĩ bất thiện xấu ác kết nối với tham, sân, si được trừ bỏ bên trong người đó, và chúng lắng xuống. Bằng việc trừ bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định. Giống như một người thợ mộc rành nghề hay người phụ việc của ông ta dùng một cái mộng gỗ tốt đưa vào để đục bỏ, tống bỏ, và loại bỏ cái mộng gỗ hư xấu (đang nằm trong đồ gỗ), cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo hướng sự chú tâm tới dấu hiệu khác nối kết với điều thiện lành … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định.

4. (ii) "Nếu, trong khi người đó hướng sự chú tâm tới dấu hiệu khác nối kết với điều thiện lành, bên trong người đó vẫn khởi sinh những ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì người tu nên suy xét sự nguy-hại trong những ý nghĩ (bất thiện) đó như vầy: 'Những ý nghĩ này là bất thiện, đáng chê trách, gây ra khổ đau.' Khi người tu suy xét về sự nguy hại trong những ý nghĩ bất thiện đó, thì mọi ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được trừ bỏ bên trong người đó, và chúng lắng xuống. Bằng việc trừ bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được

hợp nhất, và được tập trung đạt định. Giống như có một người nam hay nữ, trẻ, trẻ trung, và thích đeo đồ trang sức; người đó sẽ thấy kinh hoảng, nhục nhã, và ghê tởm nếu có một xác chết con rắn hay xác chó hay xác người đang quấn quanh cổ của mình, cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo suy xét sự nguy hại trong những ý nghĩ bất thiện đó … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định.

5. (iii) "Nếu, khi người đó đang suy xét sự nguy hại trong những ý nghĩ (bất thiện) đó, bên trong người đó vẫn khởi sinh những ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì người tu nên cố quên những ý nghĩ đó và không nên hướng sự chú tâm tới chúng. Khi người tu cố gắng quên những ý nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú tâm tới chúng, thì mọi ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được trừ bỏ bên trong người đó, và chúng lắng xuống. Bằng việc trừ bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định. Giống như một người có mắt sáng nhưng không muốn nhìn những hình sắc trước mắt, thì người đó chỉ cần nhắm mắt lại hoặc nhìn sang chỗ khác, cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo cố gắng quên đi những ý nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú tâm tới chúng … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định.

6. (iv) "Nếu, trong khi người đó đang cố quên đi những ý nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú tâm tới chúng, bên trong người đó vẫn khởi sinh vẫn khởi sinh những ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì người đó nên hướng

sự chú tâm tới sự làm lắng lặng sự tạo tác ý nghĩ (ý hành) của (tạo ra) các ý nghĩ bất thiện đó.[20]

Khi người tu đang hướng sự chú tâm tới sự làm lắng lặng sự tạo tác ý nghĩ (ý hành) của những ý nghĩ bất thiện đó, thì mọi ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được trừ bỏ bên trong người đó, và chúng lắng xuống. Bằng việc trừ bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định. Giống như một người đang đi nhanh có thể suy xét: 'Tại sao ta đang đi nhanh? Ta đi chậm thì sao?', và người đó đi chậm lại; rồi người đó lại suy xét: 'Tại sao ta đang đi chậm? Nếu ta đứng thì sao?' và người đó đứng lại; rồi người đó suy xét: 'Tại sao ta đang đứng? Nếu ta ngồi xuống thì sao?', và người đó ngồi xuống; rồi người đó lại suy xét: 'Tại sao ta đang ngồi? Nếu ta nằm xuống thì sao?', và người đó nằm xuống. Bằng cách làm như vậy, người đó thay thế những tư thế thô tế (động vọng) bằng những tư thế vi tế (lắng lặng) hơn. Cũng giống như vậy … khi một Tỳ kheo hướng sự chú tâm tới sự làm lắng lặng sự tạo tác ý nghĩ của các ý nghĩ bất thiện đó … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định.

7. (v) "Nếu, trong khi người đó hướng sự chú tâm tới sự làm lắng lặng sự tạo tác ý nghĩ (ý hành) của các ý nghĩ bất thiện đó, bên trong người đó vẫn khởi sinh những ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, thì với răng nghiến lại và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó nên kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm. Khi với răng nghiến lại và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm, thì mọi ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được trừ bỏ bên trong

người đó, và chúng lắng xuống. Bằng việc trừ bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định. Giống như một người mạnh khỏe nắm chặt một người yếu hơn bằng đầu hay vai và trấn dập, kìm hãm, đè bẹp người yếu, cũng giống như vậy … khi với răng nghiến lại và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó kìm hãm, trấn áp cái tâm, lấy tâm đè bẹp tâm … tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định.

8. "Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang hướng sự chú tâm tới dấu hiệu nào đó, và vì có dấu hiệu đó nên khởi sinh bên trong người đó những ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si, rồi khi người đó *hướng sự chú tâm tới dấu hiệu khác nối kết với điều thiện lành*, thì mọi ý nghĩ xấu ác bất thiện đó được trừ bỏ, và chúng lắng xuống, và bằng việc trừ bỏ chúng, tâm người đó trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định.

Khi người tu *suy xét sự nguy hại* trong những ý nghĩ bất thiện đó, thì.…

Khi người tu *cố gắng quên* những ý nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú tâm tới chúng, thì.…

Khi người tu hướng sự chú tâm tới sự làm lắng lặng sự tạo tác ý nghĩ (ý hành) của các ý nghĩ bất thiện đó và không hướng sự chú tâm tới chúng, thì.…

Khi người tu, với răng nghiến chặt và lưỡi đè mạnh lên vòm trên trong miệng, người đó *kìm hãm, trấn áp cái tâm*, lấy tâm đè bẹp tâm, thì mọi ý nghĩ xấu ác bất thiện nối kết với tham, sân, si được trừ bỏ bên trong người đó, và chúng lắng

xuống. Bằng việc trừ bỏ chúng, tâm người tu trở nên được vững chắc ở bên trong, được bình tĩnh, được hợp nhất, và được tập trung đạt định.

Vị Tỳ kheo này được gọi là "bậc thầy điều phục những dòng ý nghĩ". Người đó có thể nghĩ bất kỳ ý nghĩ nào mình muốn nghĩ và sẽ không nghĩ bất kỳ ý nghĩ nào mình không muốn nghĩ. Người đó đã cắt đứt dục vọng, đã phá tung những gông cùm, và với sự xuyên phá hoàn toàn tính tự ta tự ngã, người đó đã chấm dứt khổ đau."

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.

(MN 20: *Vitakkasaṇṭhāna Sutta*; I 118–22)

6. CÁI TÂM TỪ ÁI

11. "Này các Tỳ kheo, có năm loại lời nói mà những người khác có thể dùng khi nói với các thầy: lời nói của họ có thể đúng lúc hoặc không đúng lúc, đúng sự thật hay không đúng sự thật, nhẹ nhàng hoặc gắt gỏng, nối kết với điều tốt hoặc điều hại, được nói với tâm từ hoặc trong trạng thái thù ghét. Khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể đúng lúc hoặc không đúng lúc; khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể đúng sự thật hoặc không đúng sự thật; khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể nhẹ nhàng hoặc gắt gỏng; khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể nối kết với điều tốt hoặc điều hại; khi những người khác nói với các thầy, lời nói của họ có thể được nói với tâm từ ái hoặc trong trạng thái sân giận. Ở đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ vẫn không bị tác động, và chúng ta sẽ

không thốt ra những một lời cay đắng; chúng ta sẽ sống tha thương bi mẫn vì phúc lợi của họ, với một cái tâm thương mến từ ái, không bao giờ ở trong một trạng thái sân giận nào. (Cho dù ai nói gì), chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm thấm đẫm từ ái, và bắt đầu với người đó[21], chúng ta sẽ sống bao trùm khắp mọi phương thế giới với một cái tâm thấm đẫm từ ái, đong đầy, cao thượng, vô lượng, không hung bạo, và không ác ý.' Này các Tỳ kheo, đó là cách các thầy nên tu tập….

20. "Này các Tỳ kheo, ngay cả khi đám kẻ cướp cắt tay chân của các thầy một cách dã man bằng một cái cưa hai đầu, nếu ai có khởi lên một tâm sân giận oán thù đối với họ thì coi như người đó không thực hiện lời dạy của ta. Ở đây, này các Tỳ kheo, các thầy nên tu tập như vầy: 'Tâm chúng ta sẽ vẫn không bị tác động, và chúng ta sẽ không thốt ra những một lời cay đắng; chúng ta sẽ sống tha thương bi mẫn vì phúc lợi của họ, với một cái tâm thương mến từ ái, không bao giờ ở trong một trạng thái sân giận nào. (Dù ai làm gì), chúng ta sẽ sống bao trùm người đó với một cái tâm thấm đẫm từ ái, và bắt đầu với người đó, chúng ta sẽ sống bao trùm khắp mọi phương thế giới với một cái tâm thấm đẫm từ ái, đong đầy, cao thượng, vô lượng, không hung bạo, và không ác ý.' Này các Tỳ kheo, đó là cách các thầy nên tu tập.

21. "Này các Tỳ kheo, nếu các thầy luôn giữ lời khuyên này với ví dụ cái cưa một cách thường trực trong tâm, thì các thầy có còn thấy những lời nói tầm thường hay thô tục nào mà các thầy không thể chịu đựng được hay không?"—"Dạ không, thưa Thế Tôn"—"Bởi vậy, này các Tỳ kheo, các thầy nên giữ lời khuyên này với ví dụ cái cưa một cách thường

trực trong tâm. Cách đó sẽ dẫn dắt các thầy tới phúc lợi và hạnh phúc dài lâu."

(*trích* MN 21: *Kakacūpama Sutta*; I 126–27, 129)
(*Kinh "Ví Dụ Cái Cưa"*)

7. SÁU SỰ TƯỞNG NIỆM (QUÁN TƯỞNG)

Trong một lần đức Thế Tôn đang cư trú tại thành Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Tu Viện Cây Banyan. Rồi có ông Mahānāma thuộc họ Thích-ca đã đến gặp đức Thế Tôn, ông kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa:[22] "Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người đệ tử thánh thiện an trú (thiền) khi người đó đã đạt tới đạo quả và đã hiểu biết giáo pháp?"[23]

"Này Mahānāma, khi một người đệ tử thánh thiện đã đạt tới đạo quả và đã hiểu biết giáo pháp, người đó thường an trú theo một cách như vầy. Ở đây, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm (quán tưởng) về *Như Lai* như vầy: 'Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu với sự hiểu biết và đức hạnh đích thực, là bậc phúc lành, người hiểu biết thế giới, người dẫn dắt tối thượng của những người cần được chỉ dạy, thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Như Lai như vậy, thì trong lúc đó tâm của người đó không bị ám muội (chi phối) bởi tham, sân, si; tâm người đó chánh thẳng, với Như Lai là đối tượng nó. Một đệ tử thánh thiện có tâm chánh thẳng sẽ đạt được niềm cảm hứng về ngữ nghĩa, niềm cảm hứng về Giáo Pháp, đạt được niềm hoan hỷ nối kết với Giáo Pháp. Khi người đó được hoan hỷ thì niềm khoan khoái khởi sinh; người được nâng lên bởi niềm khoan khoái thì thân trở nên bình

lặng; người được bình lặng trong tâm thì cảm giác hạnh phúc; người được hạnh phúc thì cái tâm trở nên tập trung đạt định. Điều này được gọi là một đệ tử thánh thiện sống (an trú) một cách cân bằng giữa một quần thể chúng sinh không cân bằng, là người sống không phiền khổ giữa một quần thể chúng sinh đầy phiền khổ, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp và tu tập sự tưởng niệm về Phật.

"Thêm nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm *Giáo Pháp* như vầy: 'Giáo Pháp được giảng bày một cách khéo léo bởi đức Thế Tôn, dễ nhìn thấy trực tiếp, có hiệu quả tức thì, mời người đến và thấy, đáng được áp dụng, được trải nghiệm trực tiếp bởi những người hiền trí.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Giáo Pháp như vậy, thì trong lúc đó tâm người đó không bị ám muội (chi phối) bởi tham, sân, si; tâm người đó được chánh thẳng, với Giáo Pháp là đối tượng của nó.… Điều này được gọi là một đệ tử thánh thiện sống (an trú) một cách cân bằng giữa một quần thể chúng sinh không cân bằng, là người sống không phiền khổ giữa một quần thể chúng sinh đầy phiền khổ, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp và tu tập sự tưởng niệm về Giáo Pháp.

"Thêm nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm *Tăng Đoàn* như vầy: 'Tăng Đoàn những đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập phương cách tốt lành, đang tu tập phương cách chánh trực, đang tu tập phương cách thực thụ, đang tu tập phương cách đúng đắn; đó là, bốn cặp, tám hạng người—Tăng Đoàn này của các đệ tử của đức Thế Tôn là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được kính chào kính lễ, là phước điền vô thượng ở trên đời (là cánh đồng tốt nhất để gieo trồng công đức trong thế gian).' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm Tăng Đoàn

như vậy, thì trong lúc đó tâm người đó không bị ám muội (chi phối) bởi tham, sân, si; tâm người đó được chánh thẳng, với Tăng Đoàn là đối tượng của nó.… Điều này được gọi là một đệ tử thánh thiện sống (an trú) một cách cân bằng giữa một quần thể chúng sinh không cân bằng, là người sống không phiền khổ giữa một quần thể chúng sinh đầy phiền khổ, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp và tu tập sự tưởng niệm về Tăng Đoàn.

"Thêm nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về *giới-hạnh* đạo đức của chính mình như vầy: 'Tôi có được những đức hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng, không bị bể gãy, không bị đứt rách, không bị ô nhiễm, không bị vết nhiễm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về giới hạnh đạo đức của mình như vậy, thì trong lúc đó tâm người đó không bị ám muội (chi phối) bởi tham, sân, si; tâm người đó được chánh thẳng, với giới-hạnh là đối tượng của nó.… Điều này được gọi là một đệ tử thánh thiện sống (an trú) một cách cân bằng giữa một quần thể chúng sinh không cân bằng, là người sống không phiền khổ giữa một quần thể chúng sinh đầy phiền khổ, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp và tu tập sự tưởng niệm về giới-hạnh.

"Thêm nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về *sự rộng-lòng* (*bố thí*) của chính mình như vầy: 'Đó (bố thí) là lợi lộc đối với ta, đó là ta được thu lợi, rằng trong một quần thể chúng sinh bị ám muội (chi phối) bởi tính keo kiệt ô nhiễm, tôi sống ở nhà với một cái tâm không dính nhiễm tính keo kiệt, rộng lòng hào hiệp, mở rộng bàn tay, khoái thích sự từ bỏ, là người đóng góp từ thiện, thích cho đi

và chia sẻ.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm về sự rộng-lòng, thì trong lúc đó tâm người đó không bị ám muội (chi phối) bởi tham, sân, si; tâm người đó được chánh thẳng, với sự rộng-lòng (bố thí) là đối tượng của nó.… Điều này được gọi là một đệ tử thánh thiện sống (an trú) một cách cân bằng giữa một quần thể chúng sinh không cân bằng, là người sống không phiền khổ giữa một quần thể chúng sinh đầy phiền khổ, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp và tu tập sự tưởng niệm về sự rộng-lòng (bố thí).

"Thêm nữa, này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện tu tập sự tưởng niệm *các thiên thần* như vầy: 'Có những thiên thần ở nhiều cõi trời khác nhau.[24] Trong tôi cũng thấy có loại niềm tin, giới hạnh, sự học hiểu, sự rộng lòng (bố thí), và trí tuệ mà những thiền thần đó có được, nhờ có được chúng mà họ đã được tái sinh lên cõi trời sau khi qua đời ở cõi này.' Khi một đệ tử thánh thiện tưởng niệm như vậy về niềm tin, về giới hạnh, sự học hiểu, tâm rộng lượng bố thí, và trí tuệ của mình cũng như của các thiên thần, thì trong lúc đó tâm người đó không bị ám muội (chi phối) bởi tham, sân, si; tâm người đó được chánh thẳng, với các thiên-thần là đối tượng của nó.… Điều này được gọi là một đệ tử thánh thiện sống (an trú) một cách cân bằng giữa một quần thể chúng sinh không cân bằng, là người sống không phiền khổ giữa một quần thể chúng sinh đầy phiền khổ, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp và tu tập sự tưởng niệm về các thiên-thần.

"Này Mahānāma, một đệ tử thánh thiện đã đạt tới đạo quả và đã hiểu biết giáo pháp chỉ thường sống an trú theo cách như vậy."

(AN 6:10; III 284–88)

8. BỐN NỀN TẢNG CHÁNH NIỆM

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Kuru trong một thị trấn tên Kammāsadhamma của những người Kuru. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo"—"Dạ, thưa đức Thế Tôn", họ đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

2. "Này các Tỳ kheo, đây là con đường một-hướng[25] dẫn đến sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền (ưu phiền), để đạt tới con đường đạo đích thực, để chứng ngộ Niết-bàn—được gọi là "bốn nền tảng chánh niệm".

3. "Bốn là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống (an trú) quán sát thân trong thân, nhiệt thành, hiểu biết rõ ràng, và có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự thèm muốn ("tham muốn", thích, muốn, khoái, yêu, ái) và ưu phiền ("ưu phiền", không thích, chán, nản, buồn, phiền, bực, ghét, kháng cự, ác ý) đối với thế giới.[26] Người đó sống quán sát những cảm giác trong những cảm giác, nhiệt thành, hiểu biết rõ ràng, và có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới. Người đó sống quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, hiểu biết rõ ràng, và có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự thèm muốn và chê chán đối với thế giới. Người đó sống quán sát các hiện tượng, nhiệt thành, hiểu biết rõ ràng, và có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới.[27]

[Quán sát Thân]

[1. Chánh niệm vào Hơi Thở]

4. "Và, này các Tỳ kheo, là cách nào một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân? Ở đây một Tỳ kheo đi vô rừng, tới một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống; sau khi đã xếp chéo hai chân, giữ lưng thẳng đứng, và đã thiết lập sự chánh niệm trước mặt, rồi chỉ chú tâm chánh niệm người đó thở vào, chú tâm chánh niệm người đó thở ra. Thở vào dài, người đó hiểu biết: 'Tôi thở vào dài'; hoặc thở ra dài, người đó hiểu biết: 'Tôi thở ra dài.' Thở vào ngắn, người đó hiểu biết: 'Tôi thở vào ngắn'; hoặc thở ra ngắn, người đó hiểu biết: 'Tôi thở ra ngắn'[28] Người đó tập luyện như vầy: 'Tôi sẽ thở vào trải nghiệm toàn thân'; người đó tập luyện như vầy: 'Tôi sẽ thở ra trải nghiệm toàn thân.'[29] Người đó tập luyện như vầy: 'Tôi sẽ thở vào làm lắng dịu sự tạo tác của thân (thân hành)'; người đó tập luyện như vầy: 'Tôi sẽ thở ra làm lắng dịu sự tạo tác của thân.'[30] Giống một người thợ tiện hay người phụ việc của ông, khi tiện một vòng dài, hiểu biết: 'Tôi tiện một vòng dài'; hoặc, khi tiện một vòng ngắn, hiểu biết: 'Tôi tiện một vòng ngắn'; cũng giống như vậy, khi thở vào dài, người tu hiểu biết: 'Tôi thở vào dài'; hoặc, khi thở vào ngắn, người tu hiểu biết: 'Tôi thở vào ngắn' … Người đó tập luyện như vầy: 'Tôi sẽ thở vào làm lắng dịu sự tạo tác của thân.'

5. "Theo cách này người đó sống quán sát thân trong thân ở bên trong, hoặc người đó sống quán sát thân trong thân ở bên ngoài, hoặc người đó sống quán sát thân trong thân ở cả bên trong và bên ngoài.[31] Hoặc lúc khác người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh trong thân, hoặc người đó sống quán sát bản chất biến-diệt trong thân, hoặc người đó sống quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt[32] trong thân. Hoặc lúc khác sự chánh niệm rằng 'có một thân' đơn giản được thiết

lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có (duy trì) được sự hiểu biết thuần túy và sự chánh niệm tái tục. Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân.

[2. Bốn tư thế của Thân]

6. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, khi đang đi một Tỳ kheo hiểu biết: 'Tôi đang đi'; khi đang đứng, người đó hiểu biết: 'Tôi đang đứng'; khi đang ngồi, người đó hiểu biết: 'Tôi đang ngồi'; khi đang nằm, người đó hiểu biết: 'Tôi đang nằm'; hoặc người đó hiểu biết rõ mỗi tư thế nào thân mình đang ở.[33]

7. "Theo cách này người đó sống quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả ở bên trong và bên ngoài.… Người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân.

[3. Sự hiểu biết rõ ràng]

8. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là người hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đi tới và khi đi lại, người đó đi với sự hiểu biết rõ ràng;[34] người đó hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang nhìn thẳng hoặc đang nhìn hướng khác; người đó hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang co tay chân hoặc đang duỗi tay chân; người đó hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang mặc quần áo hoặc khi đang mang y ngoài và bình bát; người đó hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang ăn, khi đang uống, đang nhai, hoặc đang nếm; người đó hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang đi tiểu tiện hoặc khi đang đi đại tiện; người đó hành động với sự hiểu biết rõ ràng khi đang bước đi, khi đang đứng, đang ngồi, đang nằm, đang thức dậy, đang nói, hoặc đang im lặng.

9. "Theo cách này người đó sống quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài.… Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân.

[4. Sự không-sạch, ghớm ghiếc của Thân]

10. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo quán xét hết thân này từ gót chân trở lên và từ đỉnh đầu trở xuống, nó bao bọc bằng da, chứa đầy những thứ dơ bẩn: 'Trong thân này có: tóc, long, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, tim, gan, màng, lá lách, phổi, màng treo ruột, bao tử, phân, mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước mũi, nước bọt, nhớt các khớp xương, và nước tiểu.'[35] Giống như một cái bao có hai miệng ở hai đầu chứa đầy nhiều loại hạt, như lúa nương, lúa đồng, đậu xanh, hạt mè, gạo trắng, và một người có mắt sáng, sau khi mở nó ra, sẽ xem xét nó như vầy: 'đây là lúa nương, đây là lúa đồng, đây đậu xanh, đây là hạt mè, đây gạo trắng'. Cũng như vậy, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo suy xét trên chính thân này từ gót chân trở lên và từ đỉnh đầu trở xuống, được bọc trong lớp da, chứa đầy những thứ ô uế, suy nghĩ như vầy: 'Trong thân này có: tóc . . . nước tiểu.'

11. "Theo cách này người đó sống quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài.… Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân.

[5. Các Yếu Tố Vật Chất (Tứ Đại)]

12. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo quán xét hết thân này, dù nó đang được đặt ở đâu, hay trong tư thế nào, nó

bao gồm các yếu tố như vầy: ‘Trong thân này có yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố lửa, và yếu tố gió.’[36] Giống như một người bán thịt rành nghề hay người phụ việc của ông mới giết thịt một con bò và đang ngồi ở ngã tư đường xẻ thịt ra từng miếng; cũng giống như vậy, một Tỳ kheo quán xét thân này … nó bao gồm các yếu tố như vầy: ‘Trong thân này có yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố lửa, và yếu tố gió.’

13. “Theo cách này người đó sống quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài.… Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân.

[6–14. Chín Loại Tử Thi trong nghĩa địa]

14. “Lại nữa, này các Tỳ kheo, ví như một Tỳ kheo nhìn thấy một thi thể bị bỏ ngoài nghĩa địa, (1) đã chết một ngày, hay hai ngày, hay ba ngày, bị sình lên, thâm xanh, và chảy nước dơ ối; rồi người đó so sánh với cùng thân này của mình như vầy: ‘Thân này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó cũng sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’[37]

15. “Theo cách này người đó sống quán sát thân trong thân ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài.… Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân.

16. “Lại nữa, ví như người đó nhìn thấy một thi thể bị bỏ ngoài một nghĩa địa, (2) đang bị cắn xé bởi lũ quạ, diều hâu, kền kền, chó, chó rừng, và nhiều loại giòi bọ; rồi người đó so sánh với cùng thân này của mình như vầy: ‘Thân này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó cũng sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.’

17. "… Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân.

18–24. "Lại nữa, ví như người đó nhìn thấy một thi thể bị bỏ ngoài nghĩa địa, (3) giờ là một bộ xương còn dính thịt và máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân … (4) giờ là một bộ xương không còn thịt còn dính máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân … (5) giờ là một bộ xương không còn thịt và máu, xương được dính với nhau bằng những sợi gân … (6) giờ là những khúc xương rời ra nằm rải rác đủ phía—đây là xương bàn tay, đây là xương bàn chân, đây là xương ống quyển, kia là xương đùi, đây là xương hông, kia là xương sống, đây là xương sọ—rồi người đó so sánh với cùng thân này như vầy: 'Thân này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.'[38]

25. "… Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân.

26–30. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, ví như người đó nhìn thấy một tử thi bị bỏ ngoài nghĩa địa, (7) giờ là mớ xương khô trắng, có màu vôi … (8) giờ là một mớ xương khô nằm đó hơn một năm, (9) giờ là mớ xương bị mục nát và rã tan thành bụi đất—rồi người đó so sánh với cùng thân này như vầy: 'Thân này cũng cùng tính chất như vậy, rồi nó sẽ như vậy, không thoát khỏi kết phận đó.'

31. "Theo cách này người đó sống quán sát thân trong thân ở bên trong, hoặc người đó sống quán sát thân trong thân ở bên ngoài, hoặc người đó sống quán sát thân trong thân cả ở bên trong và ở bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh trong thân, hoặc người đó sống quán

sát bản chất biến-diệt trong thân, hoặc người đó sống quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong thân. Hoặc lúc khác sự chánh niệm rằng 'có một thân' đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự hiểu biết thuần túy và sự chánh niệm tái tục. Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát thân trong thân.

[Quán sát những Cảm Giác]

32. "Và, này các Tỳ kheo, làm cách nào một Tỳ kheo sống quán sát những cảm giác trong những cảm giác?[39] Ở đây, khi cảm giác một cảm giác sướng (dễ chịu), người đó hiểu biết: 'Tôi cảm giác một cảm giác sướng'; khi cảm giác một cảm giác khổ (khó chịu), người đó hiểu biết: 'Tôi cảm giác một cảm giác khổ'; khi cảm giác một cảm giác trung tính (không sướng không khổ), người đó hiểu biết: 'Tôi cảm giác một cảm giác trung tính.' Khi cảm giác một cảm giác sướng về thân xác, người đó hiểu biết: 'Tôi cảm giác một cảm giác sướng về thân xác'; khi cảm giác một cảm giác sướng về tâm linh, người đó hiểu biết: 'Tôi cảm giác một cảm giác sướng về tâm linh'; khi cảm giác một cảm giác khổ về thân xác, người đó hiểu biết: 'Tôi cảm giác một cảm giác khổ về thân xác'; khi cảm giác một cảm giác khổ về tâm linh, người đó hiểu biết: 'Tôi cảm giác một cảm giác khổ về tâm linh'; khi cảm giác một cảm giác trung tính về thân xác, người đó hiểu biết: 'Tôi cảm giác một cảm giác trung tính về thân xác'; khi cảm giác một cảm giác trung tính về tâm linh, người đó hiểu biết: 'Tôi cảm giác một cảm giác trung tính về tâm linh'

33. “Theo cách này người đó sống quán sát những cảm giác trong những cảm giác ở bên trong, hoặc người đó sống quán sát những cảm giác trong những cảm giác ở bên ngoài, hoặc người đó sống quán sát những cảm giác trong những cảm giác cả ở bên trong và bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh trong những cảm giác, hoặc người đó sống quán sát bản chất biến-diệt trong những cảm giác, hoặc người đó sống quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong những cảm giác.[40] Hoặc lúc khác sự chánh niệm rằng ‘có sự cảm giác’ đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự hiểu biết thuần túy và sự chánh niệm tái tục. Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát những cảm giác trong những cảm giác.

[Chánh niệm về Tâm]

34. “Và, này các Tỳ kheo, làm cách nào một Tỳ kheo sống quán sát tâm trong tâm?[41] Ở đây một Tỳ kheo hiểu biết một cái tâm có tham dục là tâm có tham dục, và một cái tâm không có tham dục là tâm không có tham dục. Người đó hiểu biết một cái tâm có sân giận là tâm có sân giận, và một cái tâm không có sân giận là tâm không có sân giận. Người đó hiểu biết một cái tâm bị si mờ là tâm bị si mờ và một cái tâm không bị si mờ là tâm không bị si mờ. Người đó hiểu biết một cái tâm bị co cụm (co lại) là tâm bị co cụm, và một cái tâm bị xao lãng là tâm bị xao lãng. Người đó hiểu biết một cái tâm cao thượng là tâm cao thượng, và một cái tâm không cao thượng là tâm không cao thượng. Người đó hiểu biết một cái tâm còn có thể vượt trên là tâm còn có thể vượt trên nữa, và một cái tâm không thể vượt trên (cao nhất) là tâm không thể

vượt trên. Người đó hiểu biết một cái tâm đạt định là tâm đạt định, và một cái tâm không đạt định là tâm không đạt định. Người đó hiểu biết một cái tâm đã được giải thoát là tâm đã được giải thoát, và một cái tâm không được giải thoát là tâm không được giải thoát.[42]

35. "Theo cách này người đó sống quán sát tâm trong tâm ở bên trong, hoặc người đó sống quán sát tâm trong tâm ở bên ngoài, hoặc người đó sống quán sát tâm trong tâm cả ở bên trong và bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh trong tâm, hoặc người đó sống quán sát bản chất biến-diệt trong tâm, hoặc người đó sống quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong tâm.[43] Hoặc lúc khác sự chánh niệm rằng 'có tâm' đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được sự hiểu biết thuần túy và sự chánh niệm tái tục. Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát tâm trong tâm.

[Chánh niệm về các Hiện Tượng]

[1. Năm Chướng Ngại]

36. "Và, này các Tỳ kheo, làm cách nào một Tỳ kheo sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng (pháp trong pháp)? Ở đây một Tỳ kheo sống quán sát *năm chướng ngại* là các hiện tượng trong các hiện tượng.[44] Và làm cách nào một Tỳ kheo sống quán sát năm chướng ngại là các hiện tượng trong các hiện tượng? Ở đây, khi đang có tham-dục trong (tâm) mình, một Tỳ kheo hiểu biết: 'Có tham dục trong ta'; hoặc khi không có tham dục trong mình, người đó hiểu biết: 'Không có tham dục trong ta'; và người đó cũng hiểu

biết cách tham dục chưa khởi sinh (đang) khởi sinh, và cách tham dục đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách tham dục đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.'[45]

"Khi có ác-ý trong mình … Khi có sự đờ-đẫn và buồn-ngủ trong mình … Khi có sự bất-an và hối-tiếc trong mình … Khi có sự nghi-ngờ trong mình, người đó hiểu biết: 'Có sự nghi ngờ trong ta'; hoặc khi không có sự nghi ngờ trong mình, người đó hiểu biết: 'Không có sự nghi ngờ trong ta'; và người đó cũng hiểu biết cách sự nghi ngờ chưa khởi sinh khởi sinh, và cách sự nghi ngờ đã khởi sinh bị từ bỏ, và cách sự nghi ngờ đã bị từ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.

37. "Theo cách này người đó sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng ở bên trong, hoặc người đó sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng ở bên ngoài, hoặc người đó sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng cả ở bên trong và bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh trong các hiện tượng, hoặc người đó sống quán sát bản chất biến-diệt trong các hiện tượng, hoặc người đó sống quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong các hiện tượng. Hoặc lúc khác sự chánh niệm rằng 'có các hiện tượng' đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự hiểu biết thuần túy và sự chánh niệm tái tục. Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng.

[2. Năm Uẩn]

38. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *năm uẩn* (tập hợp, đống, mớ) bị dính chấp là các hiện tượng trong các hiện tượng.[46] Và làm cách nào một Tỳ kheo

sống quán sát năm uẩn bị dính chấp là các hiện tượng trong các hiện tượng? Ở đây một Tỳ kheo hiểu biết: 'Này là thể-sắc, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là cảm-giác, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là sự nhận-thức, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là sự tạo-tác cố-ý, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là thức, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó.'[47]

39. "Theo cách này người đó sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài.… Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó là cách một Tỳ kheo sống quán sát năm uẩn bị dính chấp là các hiện tượng trong các hiện tượng.

[3. Sáu giác quan]

40. "Và, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *sáu giác quan* (sáu căn) là các hiện tượng trong các hiện tượng.[48] Và làm cách nào một Tỳ kheo sống quán sát sáu giác quan là các hiện tượng trong các hiện tượng? Ở đây một Tỳ kheo hiểu biết mắt, người đó hiểu biết hình sắc, và người đó hiểu biết gông cùm trói buộc khởi sinh tùy thuộc vào cả hai; và người đó cũng hiểu biết cách những gông cùm chưa khởi sinh khởi sinh, và cách những gông cùm đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách gong cùm đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai.[49]

"Người đó hiểu biết tai, người đó hiểu biết âm thanh.… Người đó hiểu biết mũi, người đó hiểu biết mùi hương.… Người đó hiểu biết lưỡi, người đó hiểu biết mùi vị.… Người đó hiểu biết thân, người đó hiểu biết những đối tượng chạm xúc.… Người đó hiểu biết tâm, người đó hiểu biết những hiện tượng, và người đó hiểu biết gông cùm trói buộc khởi sinh tùy

thuộc vào cả hai; và người đó cũng hiểu biết cách những gông cùm chưa khởi sinh khởi sinh, và cách những gông cùm đã khởi sinh bị trừ bỏ, và cách gông cùm đã bị trừ bỏ không còn khởi sinh trong tương lai

41. "Theo cách này người đó sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài.… Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó là cách một Tỳ kheo sống quán sát sáu giác quan là các hiện tượng trong các hiện tượng.

[4. Bảy Yếu Tố Giác Ngộ]

42. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát *bảy yếu tố (giúp) giác ngộ* là các hiện tượng trong các hiện tượng.[50] Và làm cách nào một Tỳ kheo sống quán sát bảy yếu tố giác ngộ là các hiện tượng trong các hiện tượng? Ở đây, khi yếu tố giác ngộ là (1) chánh-niệm có trong một Tỳ kheo, người đó hiểu biết: 'Có yếu tố giác ngộ là chánh niệm trong ta'; hoặc khi không có yếu tố giác ngộ là chánh niệm trong người đó, người đó hiểu biết: 'Không có yếu tố giác ngộ là chánh niệm trong ta'; và người đó cũng hiểu biết cách yếu tố giác ngộ là chánh niệm chưa khởi sinh khởi sinh, và cách yếu tố giác ngộ là chánh niệm đã khởi sinh đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập.

"Khi yếu tố giác ngộ là (2) sự điều-tra hiện-tượng (trạch pháp) có trong một Tỳ kheo … Khi yếu tố giác ngộ là (3) năng-lượng có trong một Tỳ kheo … Khi yếu tố giác ngộ là (4) hoan-hỷ có trong một Tỳ kheo … Khi yếu tố giác ngộ là (5) sự tĩnh-lặng có trong một Tỳ kheo … Khi yếu tố giác ngộ là (6) sự định-tâm có trong một Tỳ kheo… Khi yếu tố giác ngộ là (7) sự buông-xả có trong một Tỳ kheo, người đó hiểu

biết: 'Có yếu tố giác ngộ là sự buông xả trong tôi'; hoặc khi không có yếu tố giác ngộ là sự buông xả trong người đó, người đó hiểu biết: 'Không có yếu tố giác ngộ là sự buông xả trong tôi'; và người đó cũng hiểu biết cách sự buông xả chưa khởi sinh khởi sinh, và cách sự buông xả đã khởi sinh đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập.[51]

43. "Theo cách này người đó sống quán sát bảy yếu tố giác ngộ là các hiện tượng trong các hiện tượng ở bên trong, bên ngoài, và cả bên trong và bên ngoài.… Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó là cách một Tỳ kheo sống quán sát bảy yếu tố giác ngộ là các hiện tượng trong các hiện tượng.

[5. Bốn Chân Lý Thánh Diệu (Tứ Diệu Đế)]

44. "Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo sống quán sát Tứ Diệu Đế là các hiện tượng trong các hiện tượng.[52] Và làm cách nào một Tỳ kheo sống quán sát Tứ Diệu Đế là các hiện tượng trong các hiện tượng? Ở đây một Tỳ kheo hiểu biết đúng như nó thực là: 'Đây là khổ. Đây là nguồn gốc của khổ. Đây là sự chấm dứt khổ. Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.'

45. "Theo cách này người đó sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng ở bên trong, hoặc người đó sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng ở bên ngoài, hoặc người đó sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng cả ở bên trong và ở bên ngoài. Hoặc lúc khác người đó sống quán sát bản chất khởi-sinh các hiện tượng, hoặc người đó sống quán sát bản chất biến-diệt trong các hiện tượng, hoặc người đó sống quán sát cả hai bản chất khởi-sinh và biến-diệt trong các hiện tượng. Hoặc lúc khác sự chánh niệm

rằng ‘có các hiện tượng’ đơn giản đơn giản được thiết lập bên trong người đó tới mức cần thiết để có được (duy trì) sự hiểu biết thuần túy và sự chánh niệm tái tục. Và người đó sống độc lập, không dính chấp gì trong thế giới. Đó cũng là cách một Tỳ kheo sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng.

[Kết luận]

46. “Này các Tỳ kheo, nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh niệm này *theo đúng cách như vậy* được bảy năm, thì người đó có thể trông đợi chứng đắc một trong hai thánh quả: đó là sự hiểu-biết cuối-cùng ngay tại đây và bây giờ, hoặc nếu vẫn còn dấu vết dính chấp nào đó, thì được thánh quả bất-lai.[53]

“Không nhất thiết phải là bảy năm, này các Tỳ kheo. Nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh niệm này *theo đúng cách như vậy* được sáu năm … được năm năm … được bốn năm … được ba năm … được hai năm … được một năm, thì người đó có thể trông đợi chứng đắc một trong hai thánh quả: đó là sự hiểu-biết cuối-cùng ngay tại đây và bây giờ, hoặc nếu vẫn còn dấu vết dính chấp nào đó, thì được thánh quả bất-lai.

“Không nhất thiết phải là một năm, này các Tỳ kheo. Nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh niệm này *theo đúng cách như vậy* được bảy tháng … được sáu tháng … được năm tháng … được bốn tháng … được ba tháng … được hai tháng … được một … được nửa tháng, thì người đó có thể trông đợi chứng đắc một trong hai thánh quả: đó là sự hiểu-biết cuối-cùng ngay tại đây và bây giờ, hoặc nếu vẫn còn dấu vết dính chấp nào đó, thì được thánh quả bất-lai.

“Không nhất thiết phải là nửa tháng, này các Tỳ kheo. Nếu ai tu tập bốn nền tảng chánh niệm này *theo đúng cách*

như vậy được bảy ngày, thì người đó có thể trông đợi chứng đắc một trong hai thánh quả: đó là sự hiểu-biết cuối-cùng ngay tại đây và bây giờ, hoặc nếu vẫn còn dấu vết dính chấp nào đó, thì được thánh quả bất-lai.

47. "Chính bởi như vậy nên ta đã nói rằng: 'Này các Tỳ kheo, đây là con đường trực-tiếp dẫn tới sự thanh lọc của chúng sinh, để vượt qua những buồn sầu và ai oán, để làm phai biến sự khổ đau và ưu phiền, để đạt tới con đường chánh đạo đích thực, để chứng ngộ Niết-bàn—được gọi là "bốn nền tảng chánh niệm".'"

Đó là những lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của đức Thế Tôn.

(MN 10: *Satipaṭṭhāna Sutta*; I 55–63)
(*Kinh "Các Nền Tảng Chánh Niệm"*)

9. CHÁNH NIỆM HƠI-THỞ

Ở thành Sāvatthī, ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa đức Thế Tôn, có thứ gì, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện bốn thứ khác? Và bốn thứ gì, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện bảy thứ? Và bảy thứ gì, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện hai thứ?"

"Này Ānanda, có một thứ, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện bốn thứ; và có bốn thứ, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện bảy thứ; và có bảy thứ, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện hai thứ."

"Nhưng thưa đức Thế Tôn, cái gì là một thứ, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện bốn thứ; và có bốn thứ, khi

được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện bảy thứ; và có bảy thứ, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện hai thứ?"

"Này Ānanda, sự định-tâm bằng (phương pháp) chánh niệm hơi-thở, đó là một cách, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện bốn nền tảng chánh niệm. Bốn nền tảng chánh niệm, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện bảy yếu tố (giúp) giác ngộ. Bảy yếu tố giác ngộ, khi được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện (thành tựu) sự hiểu biết và sự giải thoát.

[i. Hoàn thiện Bốn nền tảng chánh niệm]

"Này Ānanda, làm cách nào mà sự định-tâm bằng phương pháp chánh niệm hơi-thở, khi được được tu tập và phát triển, sẽ hoàn thiện bốn nền tảng chánh niệm? Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo, sau khi đi vào rừng, đến một gốc cây, hay một chòi trống, ngồi xuống.[54] Sau khi đã xếp tréo chân, giữ lưng thẳng đứng, và đã thiết lập sự chánh niệm trước mặt, giờ chỉ cần chú tâm chánh niệm, người đó thở vào, chánh niệm người đó thở ra. "Thở vào dài, người đó biết: 'Tôi thở vào dài'; hoặc thở ra dài, người đó biết: 'Tôi thở ra dài.' Thở vào ngắn, người đó biết: 'Tôi thở vào ngắn'; hoặc thở ra ngắn, người đó biết: 'Tôi thở ra ngắn.' Người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm toàn *thân*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm toàn thân, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng dịu *sự tạo tác của thân* (thân hành), tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng dịu sự tạo tác của thân, tôi sẽ thở ra.'

"Người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự niềm *hoan hỷ* (hỷ), tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm niềm hoan hỷ, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm niềm *hạnh phúc* (lạc), tôi sẽ thở vào';

người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm niềm hạnh phúc, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm *sự tạo tác của tâm* (tâm hành), tôi sẽ thở vào; người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm sự tạo tác của tâm, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng dịu *sự tạo tác của tâm*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng dịu sự tạo tác của tâm, tôi sẽ thở ra.'[55]

"Người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm cái *tâm*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm cái tâm, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: 'Làm hoan hỷ *cái tâm*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Làm hoan hỷ cái tâm, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: 'Tập trung (định) cái *tâm*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Tập trung cái tâm, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: 'Giải thoát cái *tâm*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Giải thoát cái tâm, tôi sẽ thở ra.'[56]

"Người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự *vô thường*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'quán sát sự vô thường, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: '*Quán sát* sự *phai biến*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự phai biến, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự *ngừng diệt*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự ngừng diệt, tôi sẽ thở ra.' Người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự *từ bỏ*, tôi sẽ thở vào'; người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự từ bỏ, tôi sẽ thở ra.'[57]

"Này Ānanda, một Tỳ kheo, khi thở vào dài, hiểu biết: 'Tôi thở vào dài' … [giống như ở trên] … khi người đó luyện tập như vầy: 'Làm lắng dịu *sự tạo tác của thân* (thân hành), tôi sẽ thở ra'—thì vào lúc đó là vị Tỳ kheo đó sống quán sát

thân trong thân, nhiệt thành, có hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã khống chế (dẹp bỏ) sự thèm muốn và phiền não đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi sự thở-vào và thở-ra là một loại thân. (Tức làm lắng dịu *sự tạo tác của thân* là làm lắng dịu hơi thở-vào và hơi thở-ra…). Bởi vậy, này Ānanda, vào lúc đó là vị Tỳ kheo đó sống quán sát thân trong thân, nhiệt thành, có hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới.

"Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm niềm *hoan hỷ*, tôi sẽ thở vào' … khi người đó tập luyện như vầy: 'Làm lắng dịu *sự tạo tác của tâm*, tôi sẽ thở ra'—thì vào lúc đó là vị Tỳ kheo sống quán sát *các cảm giác trong các cảm giác*, nhiệt thành, có hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta gọi sự chú tâm quán sát vào hơi thở-vào và hơi thở-ra là một loại cảm giác.[58] Bởi vậy, này Ānanda, vào lúc đó là vị Tỳ kheo đó sống quán sát các cảm giác trong các cảm giác, nhiệt thành, có hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới.

"Này Ānanda, khi một Tỳ kheo tập luyện như vầy: 'Trải nghiệm cái *tâm*, tôi thở vào' … khi người đó tập luyện như vầy: 'Giải thoát cái *tâm*, tôi thở ra'—thì vào lúc đó là vị Tỳ kheo đó sống quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, có hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới. Vì lý do gì? Này Ānanda, ta nói rằng không thể tu tập phát triển sự định-tâm bằng sự chánh niệm hơi-thở đối với người bị lăng xăng lơ lãng và người thiếu sự hiểu biết rõ ràng. Vào lúc đó là vị Tỳ kheo đó sống

quán sát tâm trong tâm, nhiệt thành, có hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới.

"Này Ānanda, một Tỳ kheo tập luyện như vầy: '*Quán* sát sự *vô thường*, tôi sẽ thở vào' … khi người đó tập luyện như vầy: 'Quán sát sự *từ bỏ*, tôi sẽ thở ra'—thì vào lúc đó là vị Tỳ kheo sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng, nhiệt thành, có hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã khống chế 'sự tham thích và phiền ưu' đối với thế giới. Sau khi nhìn thấy bằng trí tuệ cái gì là sự dẹp bỏ 'sự tham thích và phiền ưu' đối với thế giới, người đó là người biết nhìn một cách sát sao với một sự buông xả.[59]

Bởi vậy, này Ānanda, vào lúc đó là vị Tỳ kheo đó sống quán sát các hiện tượng trong các hiện tượng, nhiệt thành, có hiểu biết rõ ràng, có chánh niệm, sau khi đã khống chế sự tham thích và phiền ưu đối với thế giới.

"Này Ānanda, đó là khi sự định-tâm bằng phương pháp chánh niệm hơi-thở được tu tập và phát triển đúng theo cách như vậy, thì nó sẽ hoàn thiện bốn nền tảng chánh niệm.

[ii. Hoàn thiện Bảy yếu tố giác ngộ]

"Và, này Ānanda, làm cách nào bốn nền tảng chánh niệm nếu được tu tập và phát triển như vậy thì nó sẽ hoàn thiện bảy yếu tố giác ngộ?

"Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo quán sát (*i*) *thân trong thân*, thì vào lúc đó sự chánh niệm không-lăng-xăng được thiết lập bên trong vị Tỳ kheo đó. Này Ānanda, bất cứ khi nào có chánh niệm không-lăng-xăng được thiết lập bên trong một Tỳ kheo, thì vào lúc đó yếu tố giác ngộ là (*1*)

"*chánh-niệm*" được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; vào lúc đó vị Tỳ kheo đó tu tập phát triển yếu tố giác ngộ là chánh niệm; vào lúc đó yếu tố giác ngộ là chánh niệm sẽ đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập phát triển bên trong vị Tỳ kheo đó.[60]

"Sống an trú một cách chánh niệm như vậy, người đó phân giải (phân biệt) hiện tượng đó bằng trí tuệ, xem xét nó, điều tra về nó. Này Ānanda, một Tỳ kheo sống an trú một cách chánh niệm như vậy và phân giải hiện tượng bằng trí tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, thì vào lúc đó yếu tố chánh niệm là (*2*) "*sự phân-giải các hiện tượng*" (trạch pháp)[61] được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; vào lúc đó vị Tỳ kheo đó tu tập phát triển yếu tố giác ngộ là sự phân giải các hiện tượng; vào lúc đó vị yếu tố giác ngộ là sự phân giải các hiện tượng sẽ đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập phát triển bên trong vị Tỳ kheo đó.

"Khi người đó phân giải hiện tượng đó bằng trí tuệ, xem xét nó, điều tra về nó, năng lượng người đó được phát khởi một cách không gia giảm. Này Ānanda, bất cứ khi nào một năng lượng của một Tỳ kheo được phát khởi một cách không gia giảm khi người đó phân giải hiện tượng đó bằng trí tuệ, xem xét nó, thì vào lúc đó yếu tố giác ngộ là (*3*) "*năng-lượng*" được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; vào lúc đó vị Tỳ kheo đó tu tập phát triển yếu tố giác ngộ là năng lượng; vào lúc đó yếu tố giác ngộ là năng lượng sẽ đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập phát triển bên trong vị Tỳ kheo đó.

"Khi năng lượng của người đó được phát khởi, sẽ khởi sinh trong người đó niềm hoan hỷ về tâm linh. Này Ānanda, khi nào niềm hoan hỷ về tâm linh khởi sinh trong một Tỳ kheo, thì vào lúc đó yếu tố giác ngộ là (*4*) "*sự hoan-hỷ*" được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; vào lúc đó vị Tỳ kheo đó tu tập

phát triển yếu tố giác ngộ là hoan hỷ; vào lúc đó yếu tố giác ngộ là hoan hỷ sẽ đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập phát triển bên trong vị Tỳ kheo đó.

"Đối với người có tâm được nâng lên bởi niềm hoan hỷ thì thân trở nên tĩnh lặng và tâm trở nên tĩnh lặng. Này Ānanda, bất cứ khi nào thân trở nên tĩnh lặng và tâm trở nên tĩnh lặng trong một Tỳ kheo có tâm được nâng lên bởi niềm hoan hỷ, thì vào lúc đó yếu tố giác ngộ là (5) "*sự tĩnh-lặng*" được phát khởi bởi vị Tỳ kheo tu đó; vào lúc đó người tu đó tu tập phát triển yếu tố giác ngộ là tĩnh lặng; vào lúc đó yếu tố giác ngộ là tĩnh lặng sẽ đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập phát triển bên trong vị Tỳ kheo đó.

"Đối với người có thân được tĩnh lặng và là người được hạnh phúc, thì tâm trở nên đạt định. Này Ānanda, bất cứ khi nào tâm đạt định trong một Tỳ kheo có thân được tĩnh lặng và là người được hạnh phúc, thì vào lúc đó yếu tố giác ngộ là (6) "*sự định-tâm*" được phát khởi bên trong vị Tỳ kheo đó; vào lúc đó vị Tỳ kheo đó tu tập phát triển yếu tố giác ngộ là định tâm; vào lúc đó yếu tố giác ngộ là định tâm sẽ đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập phát triển bên trong vị Tỳ kheo đó.

"Người đó trở thành người nhìn sát sao với một sự buông xả vào cái tâm đã đạt định như vậy. Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo trở thành người nhìn sát sao với một sự buông xả vào cái tâm đã đạt định như vậy, thì vào lúc đó yếu tố giác ngộ là (7) "*sự buông-xả*" được phát khởi bên trong vị Tỳ kheo đó; vào lúc đó vị Tỳ kheo đó tu tập phát triển yếu tố giác ngộ là buông xả; vào lúc đó yếu tố giác ngộ là buông xả sẽ đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập phát triển bên trong người tu đó.

"Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo sống quán sát *(ii) những cảm giác trong những cảm giác … (iii) tâm trong tâm … (iv) các hiện tượng trong các hiện tượng,* sự chánh niệm không-lăng-xăng được thiết lập bên trong vị Tỳ kheo đó. Này Ānanda, bất cứ khi nào có sự chánh niệm không-lăng-xăng được thiết lập bên trong một Tỳ kheo, thì vào lúc đó yếu tố giác ngộ là *(1)* "*chánh-niệm*" được phát khởi bởi vị Tỳ kheo đó; vào lúc đó vị Tỳ kheo đó tu tập phát triển yếu tố giác ngộ là chánh niệm; vào lúc đó yếu tố giác ngộ là chánh niệm sẽ đi đến sự hoàn thiện nhờ sự tu tập phát triển bên trong vị Tỳ kheo đó.

…. ….

[Trong bản kinh gốc đầu đủ, ba phần nền tảng chánh niệm *(ii)*, *(iii)*, và *(iv)* đều được trình bày một cách chi tiết giống như phần nền tảng chánh niệm thứ nhất [*(i) thân trong thân*]. Ở đây chỉ trích đủ phần *(i)*, các phần sau quý vị có thể suy luận theo cách trình bày tương đương như vậy, hoặc tốt nhất đọc lại nguyên bài kinh gốc].

…. (tiếp tục)

"Vị Tỳ kheo đó trở thành người nhìn sát sao với một sự buông xả vào cái tâm đã đạt định như vậy. Này Ānanda, bất cứ khi nào một Tỳ kheo trở thành người nhìn sát sao với một sự buông xả vào cái tâm đã đạt định như vậy, thì vào lúc đó yếu tố giác ngộ là *(7)* "*sự buông-xả*" được phát khởi bên trong vị Tỳ kheo đó; vào lúc đó vị Tỳ kheo đó tu tập phát triển yếu tố giác ngộ là buông xả; vào lúc đó yếu tố giác ngộ là buông xả sẽ đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập phát triển bên trong vị Tỳ kheo đó.

"Này Ānanda, đó là khi bốn nền tảng chánh niệm được tu tập và phát triển đúng theo cách như vậy thì chúng sẽ hoàn thiện bảy yếu tố giác ngộ.

[iii. Hoàn thiện Sự hiểu-biết chân-thực và sự giải-thoát]

"Này Ānanda, làm cách nào bảy yếu tố giác ngộ khi được tu tập và phát triển đúng theo cách như vậy thì chúng sẽ hoàn thiện sự hiểu-biết chân-thực và sự giải-thoát?

"Ở đây, này Ānanda, một Tỳ kheo tu tập yếu tố giác ngộ là (*1*) *chánh-niệm*, dựa vào sự cách ly, sự chán bỏ, và sự ngừng diệt, trưởng thành chín chắn về mặt giải thoát. Người tu đó tu tập yếu tố giác ngộ là (*2*) *sự phân-giải các hiện-tượng* (trạch pháp) … yếu tố giác ngộ là (*3*) *năng-lượng* … yếu tố giác ngộ là (*4*) *sự hoan-hỷ* … yếu tố giác ngộ là (*5*) *sự tĩnh-lặng* … yếu tố giác ngộ là (*6*) *sự định-tâm* … yếu tố giác ngộ là (*7*) *sự buông-xả*, dựa vào sự tách ly, sự chán bỏ, sự ngừng diệt, sự trưởng thành chín chắn về mặt giải thoát.

"Này Ānanda, đó là khi bảy yếu tố giác ngộ được tu tập và phát triển theo đúng cách như vậy thì chúng sẽ hoàn thiện sự hiểu-biết chân-thực và sự giải thoát."

(SN 54:13; V 328–33 ≠ MN 118.15–43; III 82–88)

10. ĐẠT TỚI 'SỰ QUẢN TRỊ CÁI TÂM'

Trong một lần ngài Xá-lợi-phất (Sāriputta) đang cư ngụ ở thành Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc.[62] Rồi một buổi sáng ngài mặc y áo, mang bình bát và y ngoài, đi vô thành Sāvatthī để khất thực. Sau khi đã đi khất thực trong thành Sāvatthī và quay về,

sau khi ăn trưa, ngài đi tới chỗ Khu Rừng Của Những Người Mù, ngài ngồi xuống một gốc cây để an trú trong ngày.

Rồi, vào buổi chiều, ngài Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ cách ly đó và đi về Khu Vườn của thái tử Jeta, chỗ Khuôn Viên của ông Cấp Cô Độc. Ngài Ānanda nhìn thấy Xá-lợi-phất đi đến từ xa và đã nói rằng: "Đạo hữu Xá-lợi-phất, các giác quan của thầy bình lặng, sắc diện tinh khôi và sáng tỏ. Thầy đã an trú ban ngày theo cách gì vậy?"

[Lúc đó ngài Xá-lợi-phất đã nói:] "Ở đây, này đạo hữu, sau khi đã tách ly khỏi những khoái lạc giác quan, cách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi đã chứng nhập vào tầng thiền định thứ nhất, có đi kèm với ý nghĩ ban đầu (tầm) và sự suy lý (tứ), có yếu tố hoan hỷ (hỷ) và hạnh phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly đó. Nhưng, này đạo hữu, những ý nghĩ như: 'Tôi đang chứng đắc tầng thiền định thứ nhất', hoặc như: 'Tôi đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất', hoặc như 'Tôi đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất' đã không khởi lên trong tôi."

[Ngài Ānanda nói:] "Chắc hẳn bởi vì sự tạo tác cái 'ta', sự tạo tác cái 'của-ta', và cái khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra sự 'tự cao tự đại' đã được bứng nhổ tận gốc trong tâm của đạo hữu suốt từ lâu, cho nên những ý nghĩ như vậy đã không còn khởi lên trong đạo hữu nữa."[63]

[Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] "Ở đây, này đạo hữu, bằng sự khống chế ý nghĩ ban đầu (tầm) và sự suy lý (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai, có niềm tự-tin bên trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý nghĩ ban đầu và sự suy xét, và có yếu tố hoan hỷ (hỷ) và hạnh phúc (lạc) được sinh ra từ sự định tâm. Nhưng, này đạo hữu,

những ý nghĩ như: 'Tôi đang chứng đắc tầng thiền định thứ hai', hoặc như: 'Tôi đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai', hoặc như 'Tôi đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ hai' đã không còn khởi lên trong tôi."

[Ngài Ānanda nói:] "Chắc hẳn là do sự tạo tác cái 'ta', sự tạo tác cái 'của-ta', và cái khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra sự 'tự cao tự đại' đã được bứng nhổ tận gốc trong tâm của đạo hữu suốt từ lâu, cho nên những ý nghĩ như vậy đã không còn khởi lên trong đạo hữu nữa."

[Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] "Ở đây, này đạo hữu, bằng sự phai biến luôn yếu tố hoan hỷ (hỷ), tôi an trú buông xả (xả), có chánh niệm và hiểu biết rõ ràng, tôi trải nghiệm niềm hạnh phúc với thân; tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba, đó là trạng thái mà các bậc thánh nhân mô tả là 'Người đó buông xả, chánh niệm, là người sống hạnh phúc.' Nhưng, này đạo hữu, những ý nghĩ như: 'Tôi đang chứng đắc tầng thiền định thứ ba' … đã không khởi lên trong tôi."

[Ngài Ānanda nói:] "Chắc hẳn là do … cho nên những ý nghĩ như vậy đã không còn khởi lên trong đạo hữu nữa."

[Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] "Ở đây, này đạo hữu, bằng sự dẹp bỏ luôn những sự sướng và khổ (không còn cảm giác khổ hay sướng), và cùng với sự phai biến trước đó của yếu tố vui và buồn (không còn cảm giác vui hay buồn), tôi đã chứng nhập và an trú trong trạng thái tầng thiện định thứ tư, trạng thái không còn khổ hay sướng, và có sự thanh lọc của yếu tố chánh-niệm nhờ sự buông-xả. Nhưng, này đạo hữu, những ý nghĩ như: 'Tôi đang chứng đắc tầng thiền định thứ tư' … đã không khởi lên trong tôi."

[Ngài Ānanda nói:] "Chắc hẳn là do … cho nên những ý nghĩ như vậy đã không còn khởi lên trong đạo hữu nữa."

[Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] "Ở đây, này đạo hữu, bằng sự hoàn toàn vượt trên những 'nhận thức về sắc thân', bằng sự phai biến những 'nhận thức về xúc chạm giác quan', bằng sự không còn chú ý đến những 'nhận thức về sự đa dạng', ý thức rõ rằng 'không gian là vô biên', tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] không gian vô biên (không vô biên xứ). Nhưng, này đạo hữu, những ý nghĩ như: 'Tôi đang chứng đắc cảnh xứ không gian vô biên' … đã không khởi lên trong tôi."

[Ngài Ānanda nói:] "Chắc hẳn là do … cho nên những ý nghĩ như vậy đã không còn khởi lên trong đạo hữu nữa."

[Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] "Ở đây, này đạo hữu, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không gian vô biên, ý thức rõ rằng 'thức là vô biên', tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ). Nhưng, này đạo hữu, những ý nghĩ như: 'Tôi đang chứng đắc cảnh xứ thức vô biên' … đã không khởi lên trong tôi."

[Ngài Ānanda nói:] "Chắc hẳn là do … cho nên những ý nghĩ như vậy đã không còn khởi lên trong đạo hữu nữa."

[Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] "Ở đây, này đạo hữu, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ thức vô biên, ý thức rõ rằng 'không có gì cả', tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ của sự trống không (vô sở hữu xứ). Nhưng, này đạo hữu, những ý nghĩ như: 'Tôi đang chứng đắc cảnh xứ của sự trống không' … đã không khởi lên trong tôi."

[Ngài Ānanda nói:] "Chắc hẳn là do … cho nên những ý nghĩ như vậy đã không còn khởi lên trong đạo hữu nữa."

[Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] "Ở đây, này đạo hữu, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ của sự trống không, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ không-có-nhận-thức-cũng-không-phải-không-còn-nhận-thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ). Nhưng, này đạo hữu, những ý nghĩ như: 'Tôi đang chứng đắc cảnh xứ không-có-nhận-thức-cũng-không-phải-không-còn-nhận-thức' … đã không khởi lên trong tôi."

[Ngài Ānanda nói:] "Chắc hẳn là do … cho nên những ý nghĩ như vậy đã không còn khởi lên trong đạo hữu nữa."

[Vào lúc khác ngài Xá-lợi-phất đã nói:] "Ở đây, này đạo hữu, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không-có-nhận-thức-cũng-không-phải-không-còn-nhận-thức', tôi đã chứng nhập và an trú trong 'sự chấm dứt mọi cảm giác và nhận thức' (diệt thọ tưởng). Nhưng, này đạo hữu, những ý nghĩ như: 'Tôi đang chứng đắc 'sự chấm dứt mọi cảm giác và nhận thức', hoặc 'Tôi chứng đắc 'sự chấm dứt mọi cảm giác và nhận thức', hoặc 'Tôi đã thoát ra khỏi (trạng thái) 'sự chấm dứt mọi cảm giác và nhận thức'… đã không khởi lên trong tôi."[64]

[Ngài Ānanda nói:] "Chắc hẳn là do sự tạo tác cái 'ta', sự tạo tác cái 'của-ta', và cái khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra sự 'tự cao tự đại' đã được bứng nhổ tận gốc trong tâm của đạo hữu suốt từ lâu, cho nên những ý nghĩ như vậy đã không còn khởi lên trong đạo hữu nữa."

(SN 28:1–9, *kết hợp*; III 235–38)

Chương IX.

CHIẾU SÁNG ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ

1. HÌNH ẢNH CỦA TRÍ TUỆ

(1) *Trí Tuệ Như Ánh Sáng*

"Này các Tỳ kheo, có bốn ánh sáng này. Bốn đó là gì? Ánh sáng của mặt trăng, ánh sáng của mặt trời, ánh sáng của ngọn lửa, và ánh sáng của trí tuệ. Trong bốn ánh sáng này, ánh sáng trí tuệ là cao nhất."

(AN 4:143; II 139)

(2) *Trí Tuệ Như Dao Sắc Bén*

11. "Này các Ni, giả sử có một người bán thịt rành nghề hay người phụ việc của ông giết thịt một con bò và ngồi cắt lóc thịt bằng một con dao sắc bén của người hàng thịt. Không cắt hư phần thịt bên trong và không cắt hư phần da ngoài, người đó có thể cắt, lạng các sớ gân, các dây gân, và các dây chằng bằng con dao sắc bén của người hàng thịt. Rồi sau khi đã cắt, lạng, lóc sạch tất cả phần này, người đó lại lóc hết phần da ngoài và lại lấy lớp da đó bọc lại con bò. Như vậy ông ta có đúng không nếu nói rằng: 'Con bò này được dính liền với da như trước đây'?"

"Không, thưa đức Thế Tôn. Tại sao vậy? Bởi vì nếu người bán thịt rành nghề hay người phụ việc của ông giết thịt một con bò … và người đó lại lóc hết phần da ngoài, dù cho ông ta có lấy lớp da đó bọc lại con bò và nói: 'Con bò này được dính liền với da như trước đây', thì con bò đó vẫn đã bị lột da rồi."

12. "Này các Ni, ta đưa ra ví dụ này để truyền tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa: 'Phần thịt bên trong' là dùng để chỉ sáu cơ sở giác quan bên trong. 'Phần da ngoài' là dùng để chỉ sáu

cơ sở giác quan bên ngoài. 'Các sớ gân, các sợi gân, và các dây chằng' là dùng để chỉ sự khoái thích và tham dục. Còn 'con dao sắc bén của người hàng thịt' là dùng để chỉ trí tuệ thánh thiện—trí tuệ thánh thiện đó cắt, lạng, và lóc sạch những ô nhiễm bên trong, những gông cùm, và những sự ràng buộc."

(*trích* MN 146: *Nandakovāda Sutta*; III 274–75)

2. NHỮNG ĐIỀU KIỆN TẠO RA TRÍ TUỆ

"Này các Tỳ kheo, có tám nguyên nhân và điều kiện (nhân duyên) để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh khi người tu còn chưa đạt được nó, và để giúp đưa đến sự gia tăng, sự trưởng thành, và sự hoàn thiện nhờ phát triển trí tuệ mà mình đã đạt được. Tám đó là gì?

(1) "Ở đây, một Tỳ kheo sống nương dựa theo Sư Thầy hoặc theo một đạo hữu trong vị trí một sư thầy (sư chú, sư huynh), và vị Tỳ kheo thiết lập một cảm giác nhạy bén về sự xấu-hổ về mặt tội lỗi và sự sợ-sệt về mặt đạo đức trước mặt vị thầy, và coi vị thầy đó với một tình cảm và sự kính trọng. Đây là nguyên nhân và điều kiện đầu tiên để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh.…

(2) "Trong khi người đó sống nương dựa vào những vị thầy như vậy, người đó thường hay tới gặp họ để hỏi đạo: 'Thưa thầy, điều này ra sao? Nghĩa của điều này là gì?' Rồi những vị thầy đáng kính đó sẽ nói cho người đó những điều chưa được nói ra, làm rõ những điều còn mập mờ, và xua tan sự bối rối của người đó về nhiều điều còn làm bối rối. Đây là nguyên nhân và điều kiện thứ hai để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh….

(3) "Sau khi đã học Giáo Pháp, người đó sống thu mình cách ly bằng hai cách thu mình như sau: thu thân cách ly và thu tâm cách ly. Đây là nguyên nhân và điều kiện thứ ba để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh….

(4) "Người đó đức hạnh, được kiềm chế bởi sự kiềm chế của Giới Luật Tỳ kheo [Pātimokkha],[8] hoàn thiện về đức hạnh và sự an trú, nhìn thấy sự nguy hại trong những lỗi lầm nhỏ nhất. Sau khi đã chấp nhận những giới luật tu hành, người đó tu tập bản thân mình trong những giới luật đó. Đây là nguyên nhân và điều kiện thứ tư để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh….

(5) "Người đó đã học nhiều, nhớ được những điều mình đã học, và củng cố những điều mình đã học. Những giáo lý đó tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa và tốt lành ở cuối, với nghĩa và ngữ (ý nghĩa và câu chữ) đúng đắn, và chúng xác nhận (cho chúng ta thấy) một đời sống tâm linh là tròn vẹn và thanh khiết một cách hoàn hảo—những giáo lý như vậy người đó đã học hiểu nhiều, đã nghi nhớ, đã tụng đọc, đã điều tra tìm hiểu bằng cái tâm, và đã thâm nhập thấu suốt bằng cách nhìn (đúng đắn). Đây là nguyên nhân và điều kiện thứ năm để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh….

(6) "Người đó nỗ lực; người ấy sống với năng lượng được thiết lập để trừ bỏ mọi thứ bất thiện và đạt được mọi thứ thiện lành; người đó vững chãi và mạnh mẽ trong sự cố gắng nỗ lực của mình, không lười biếng trốn tránh trách nhiệm của mình đối với (việc tu dưỡng) những tâm tính thiện lành. Đây là nguyên nhân và điều kiện thứ sáu để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh….

(7) "Khi người đó đang ở giữa Tăng đoàn, người đó không tham gia nói những chuyện tầm phào và vô ích. Người đó tự mình nói về Giáo Pháp, hoặc chỉ thỉnh cầu người khác nói, hoặc người đó cũng thích giữ sự im lặng thánh thiện. Đây là nguyên nhân và điều kiện thứ bảy để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh….

(8) "Người đó sống quán sát sự sinh và diệt của năm uẩn bị dính chấp như vầy: 'Này là thể-sắc, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là cảm-giác, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là nhận-thức, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là những sự tạo tác cố ý, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là thức, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó.' Đây là nguyên nhân và điều kiện thứ tám để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh….

"Vì tám lý do này nên những đạo hữu đồng tu của người đó tôn trọng người đó là một người thực sự biết và thấy, và những phẩm hạnh này dẫn tới tình cảm, sự tôn trọng, sự hòa hợp, và sự đoàn kết.

"Này các Tỳ kheo, tám nguyên nhân và điều kiện để giúp đạt được trí tuệ căn bản cho đời sống tâm linh khi người tu còn chưa đạt được nó, và để giúp đưa đến sự gia tăng, sự trưởng thành, và sự hoàn thiện nhờ phát triển trí tuệ mà mình đã đạt được."

(AN 8:2, *tóm lược*; IV 151–55)

3. BÀI THUYẾT GIẢNG VỀ CÁCH-NHÌN ĐÚNG-ĐẮN (CHÁNH KIẾN)

1. Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvatthī (Xá-vệ) trong Khu Vườn của thái tử Jeta (Kỳ-đà), trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc. Ở đó ngài Xá-lợi-phất đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các đạo hữu, các Tỳ kheo"—"Thưa đạo hữu", họ đáp lại. Ngài Xá-lợi-phất đã nói điều này:

2. "Này các đạo hữu, người ta thường nói 'người có cách nhìn đúng đắn, người có quan điểm đúng đắn.' Vậy theo cách nào một người đệ tử thánh thiện là người có cách nhìn đúngđắn (chánh kiến), quan điểm của người đó là chánh thẳng (không tà kiến, sai lạc), là người đã xác nhận niềm tin vào Giáo Pháp và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực?"[9]

"Thiệt tình, thưa đạo hữu, chúng tôi đi từ xa đến đây để học hỏi từ ngài Xá-lợi-phất ý nghĩa của điều vừa nói trên. Sẽ tốt lành nếu ngài Xá-lợi-phất giảng giải cho chúng tôi ý nghĩa của điều này. Sau khi nghe học từ ngài, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ."

"Rồi, này các đạo hữu, hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói."

"Được, thưa đạo hữu", các Tỳ kheo đáp lại. Ngài Xá-lợi-phất đã nói điều này:

[Thiện và bất thiện]

3. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ điều bất thiện và gốc rễ của điều bất thiện, hiểu biết rõ điều thiện và gốc rễ của điều thiện, thì bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn, quan điểm của người đó là chánh thẳng, là người đã xác nhận niềm tin vào Giáo Pháp và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực?".

4. “Và, này các đạo hữu, cái gì là điều bất thiện, cái gì là gốc rễ của điều bất thiện, cái gì là điều thiện, cái gì là gốc rễ của điều thiện? Sự sát sinh là bất thiện; trộm cắp, lấy của không được cho là bất thiện; quan hệ tính dục bất chính, tà dục tà dâm là bất thiện; nói dối là bất thiện; nói lời độc ác là bất thiện; nói lời gắt gỏng là bất thiện; nói lời tán dóc, vô ích là bất thiện; tham dục là bất thiện; ác ý là bất thiện; quan điểm sai trái, tà lạc là bất thiện. Đây được gọi là những điều bất thiện.[10]

5. “Và cái gì là gốc rễ của điều bất thiện? Tham là gốc rễ của những điều bất thiện; sân là gốc rễ của những điều bất thiện; si là gốc rễ của những điều bất thiện. Đây được gọi là gốc rễ của những điều bất thiện.

6. “Và cái gì là điều thiện? Kiêng cữ, không sát sinh là thiện; không trộm cắp, không lấy của không được cho là thiện; không quan hệ tính dục bất chính, không tà dục tà dâm là thiện; không nói dối là thiện; không nói lời độc ác là thiện; không nói lời gắt gỏng là thiện; không nói lời tán dóc, vô ích là thiện; không tham dục là thiện; không ác ý là thiện; quan điểm đúng đắn, chân chính là thiện. Đây được gọi là những điều thiện.

7. “Và cái gì là gốc rễ của điều thiện? Vô-tham là gốc rễ của những điều thiện; vô-sân là gốc rễ của những điều thiện; vô-si là gốc rễ của những điều thiện. Đây được gọi là gốc rễ của những điều thiện.

8. “Khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu biết rõ như vậy về điều bất thiện, gốc rễ của điều bất thiện, về điều thiện, gốc rễ của điều thiện,[11] người đó đã hoàn toàn loại bỏ khuynh hướng tiềm ẩn (trong tâm) tạo ra tham, người đó đã trừ bỏ

khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra sân, người đó đã bứng bỏ tận gốc khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra những quan điểm này nọ (kiến chấp) và sự tự ta tự đại (ngã chấp); và bằng việc giải trừ 'vô-minh' và phát khởi sự 'hiểu-biết' chân thực, người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ.[12] Bằng cách này, một người thánh đệ tử là người có cách nhìn đúng đắn, quan điểm của người đó là chánh thẳng, là người đã xác nhận niềm tin vào Giáo Pháp và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực."

[Thức ăn nuôi dưỡng]

9. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy còn có cách nào khác để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

10. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về thức ăn, nguồn gốc của thức ăn, sự chấm dứt của thức ăn, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của thức ăn, thì bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

11. "Và cái gì là thức ăn, cái gì là nguồn gốc của thức ăn, cái gì là sự chấm dứt của thức ăn, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt của thức ăn? Có bốn loại thức ăn để nuôi sống chúng sinh đã được sinh ra và để hỗ trợ cho những chúng sinh sắp được sinh ra. Bốn đó là gì? Đó là: (a) thức-ăn thông thường làm dưỡng chất, dạng thô hay dạng tinh; (b) sự tiếp-xúc là thứ hai; (c) ý-hành tạo-tác là thứ ba; và (d) thức là

thứ tư.[13] Hễ có dục vọng khởi sinh là có thức ăn khởi sinh. Dục vọng chấm dứt là thức ăn chấm dứt. Con đường dẫn tới sự chấm dứt của thức ăn chính là Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo); bao gồm: cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn; (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định).

12. "Khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu biết rõ như vậy về thức ăn, nguồn gốc của thức ăn, sự chấm dứt của thức ăn, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của thức ăn, người đó hoàn toàn loại bỏ khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra tham … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, một người thánh đệ tử là một người có cách nhìn đúng đắn, quan điểm của người đó là chánh thẳng, là người đã xác nhận niềm tin vào Giáo Pháp và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực."

[Bốn sự thật - Tứ Diệu Đế]

13. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

14. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự khổ, nguồn gốc khổ, sự chấm dứt khổ, và con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ, bằng cách đó người đó

(trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

15. "Và cái gì là khổ, cái gì là nguồn gốc khổ, cái gì là sự chấm dứt khổ, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ? Sinh ra là khổ; già là khổ; bệnh là khổ; chết là khổ; buồn sầu, ai oán, đau đớn, phiền ưu, và tuyệt vọng là khổ; không được cái mình muốn là khổ; nói tóm lại, năm đống uẩn bị dính chấp là khổ. Điều này được gọi là sự khổ.

16. "Và cái gì là nguồn gốc khổ? Chính dục vọng này dẫn tới sự tái sinh hiện hữu, đi kèm với nó là khoái lạc và nhục dục, luôn đi tìm kiếm khoái lạc chỗ này chỗ nọ; đó là dục vọng khoái lạc giác quan, dục vọng muốn được hiện hữu, và dục vọng vì bị hủy diệt (vì nghĩ chết là hết). Điều này được gọi là nguồn gốc khổ.

17. "Và cái gì là sự chấm dứt khổ? Đó là sự phai biến sạch sẽ (không còn vết dấu, tàn dư) và sự chấm dứt của dục vọng đó; đó là sự buông bỏ và từ bỏ dục vọng, là sự tự do khỏi dục vọng, sự không còn sự ràng buộc dính mắc.

18. "Và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ? Đó chính là con đường Bát Thánh Đạo (con đường tu tám phần thánh thiện), bao gồm: cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn.

19. "Khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu biết rõ như vậy về sự khổ, nguồn gốc khổ, sự chấm dứt khổ, và con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người

đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[Già và chết]

20. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

21. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự già-chết, nguồn gốc của sự già-chết, sự chấm dứt sự già-chết, và con đường dẫn tới sự chấm sự già-chết, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.[14]

22. "Và cái gì là già và chết, cái gì là nguồn gốc của già và chết, cái gì là sự chấm dứt già và chết, cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt sự già và chết? Sự già của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp khác nhau của chúng sinh, tuổi già của họ, răng gãy, tóc bạc, da nhăn nheo, sự sống xuống dốc, các giác quan suy yếu—điều này được gọi là sự già. Sự chết của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp khác nhau của chúng sinh, mọi chúng sinh đều qua đời, tan rã, biến mất, chết đi, hết thời gian kiếp sống (mạng chung, hết kiếp), năm uẩn tan rã, xác thân nằm xuống—điều này được gọi là sự chết. Như vậy sự già này và sự chết này là điều được gọi là sự già-chết. Hễ có sự sinh khởi sinh thì có sự già-chết. Nếu sự-sinh chấm dứt thì không còn già-chết. Con đường dẫn tới sự chấm dứt già-chết chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn

đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn.

23. "Khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu biết rõ như vậy về sự già-chết, nguồn gốc của sự già-chết, sự chấm dứt già và chết, và con đường dẫn tới sự chấm dứt già và chết … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, một người đệ tử thánh thiện là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực."

[(1) Sinh]

24. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

25. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự sinh, nguồn gốc của sự sinh, sự chấm dứt sự sinh, và con đường dẫn tới sự chấm dứt sinh, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

26. "Và cái gì là sự sinh, cái gì là nguồn gốc của sự sinh, cái gì là sự chấm dứt sự sinh, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt sinh? Sự (tái) sinh của chúng sinh nằm trong mọi tầng lớp của chúng sinh, sự chuẩn bị sinh ra của họ, sự kết tụ [trong bào thai], sự sinh tạo, sự hiện thị của năm đống uẩn, sự hình thành các giác quan để tiếp xúc—điều này được gọi là

sự sinh. Hễ có khởi sinh sự 'hiện hữu' là khởi sinh 'sự sinh'. Khi chấm dứt sự 'hiện hữu' là chấm dứt 'sự sinh'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt sự sinh chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

27. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự sinh, nguồn gốc của sinh, sự chấm dứt của sinh, và con đường dẫn tới sự chấm dứt sinh … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(2) Sự hiện hữu (sinh hữu)]

28. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

29. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự hiện hữu (sinh hữu), nguồn gốc của sự hiện hữu, sự chấm dứt sự hiện hữu, và con đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện hữu, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

30. "Và cái gì là sự hiện hữu, cái gì là nguồn gốc của sự hiện hữu, cái gì là sự chấm dứt sự hiện hữu, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt hiện hữu? Sự hiện hữu (sự sống) có ba loại: (a) sự hiện hữu trong cõi dục vọng giác quan (dục giới), (b) sự hiện hữu trong cõi vật chất (sắc giới), và (c) sự

hiện hữu trong cõi phi vật chất (vô sắc giới).[15] Hễ có khởi sinh sự 'dính chấp' là khởi sinh sự 'hiện hữu'. Khi chấm dứt sự 'dính chấp' là chấm dứt sự 'hiện hữu'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt sự hiện hữu chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

31. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự hiện hữu, nguồn gốc của sự hiện hữu, sự chấm dứt hiện hữu, và con đường dẫn tới sự chấm dứt hiện hữu … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(3) Sự dính chấp]

32. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

33. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự dính chấp, nguồn gốc của sự dính chấp, sự chấm dứt sự dính chấp, và con đường dẫn tới sự chấm dứt sự dính chấp, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

34. Và cái gì là sự dính chấp, cái gì là nguồn gốc của sự dính chấp, cái gì là sự chấm dứt sự dính chấp, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt sự dính chấp? Sự dính chấp có bốn loại: (a) sự dính chấp vào những khoái lạc giác quan, (b)

sự dính chấp vào những quan điểm này nọ, (c) sự dính chấp vào những luật lệ và lễ nghi, và (d) sự dính chấp vào quan niệm [niềm tin, thuyết] cho rằng có một cái 'ta' (bản ngã).[16] Hễ có khởi sinh 'dục vọng' là khởi sinh sự 'dính-chấp'. Khi chấm dứt 'dục vọng' là chấm dứt sự 'dính chấp'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt sự dính chấp chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

35. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự hiện hữu, nguồn gốc của sự hiện hữu, sự chấm dứt hiện hữu, và con đường dẫn tới sự chấm dứt hiện hữu … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(4) Dục vọng]

36. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

37. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về dục vọng, nguồn gốc của sự dục vọng, sự chấm dứt dục vọng, và con đường dẫn tới sự chấm dứt dục vọng, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

38. "Và cái gì là dục vọng, cái gì là nguồn gốc của dục vọng, cái gì là sự chấm dứt dục vọng, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt dục vọng? Dục vọng có sáu loại: (a) dục vọng vì hình sắc, (b) dục vọng vì âm thanh, (c) dục vọng vì mùi hương, (d) dục vọng vì mùi vị, (e) dục vọng vì những đối tượng chạm xúc, (f) dục vọng vì những hiện tượng thuộc tâm.[17] Hễ có khởi sinh 'cảm giác' là có khởi sinh 'dục vọng'. Khi chấm dứt 'cảm giác' là chấm dứt 'dục vọng'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt dục vọng chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

39. "Khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về dục vọng, nguồn gốc của dục vọng, sự chấm dứt dục vọng, và con đường dẫn tới sự chấm dứt dục vọng … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(5) Cảm giác]

40. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

41. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về cảm giác, nguồn gốc của sự cảm giác, sự chấm dứt cảm giác, và con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm giác, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

42. "Và cái gì là cảm giác, cái gì là nguồn gốc của cảm giác, cái gì là sự chấm dứt cảm giác, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm giác? Cảm giác có sáu loại: (a) cảm giác sinh ra do mắt tiếp xúc, (b) cảm giác sinh ra do tai tiếp xúc, (c) cảm giác sinh ra do mũi tiếp xúc, (d) cảm giác sinh ra do lưỡi tiếp xúc, (e) cảm giác sinh ra do thân tiếp xúc, (f) cảm giác sinh ra do tâm tiếp xúc. Hễ có khởi sinh sự 'tiếp xúc' là khởi sinh 'cảm giác'. Khi chấm dứt sự 'tiếp xúc' (của các giác quan) là chấm dứt 'cảm giác'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm giác chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

43. "Khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về cảm giác, nguồn gốc của cảm giác, sự chấm dứt cảm giác, và con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm giác … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(6) Sự tiếp xúc]

44. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

45. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự tiếp xúc, nguồn gốc của sự tiếp xúc, sự chấm dứt sự tiếp xúc, và con đường dẫn tới sự chấm dứt sự

tiếp xúc, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

46. "Và cái gì là sự tiếp xúc, cái gì là nguồn gốc của sự tiếp xúc, cái gì là sự chấm dứt sự tiếp xúc, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp xúc? Sự tiếp xúc có sáu loại: (a) tiếp xúc mắt, (b) tiếp xúc tai, (c) tiếp xúc mũi, (d) tiếp xúc lưỡi, (e) tiếp xúc thân, (f) tiếp xúc tâm.[18] Hễ có khởi sinh (sinh ra, hình thành) 'sáu giác quan' là khởi sinh sự 'tiếp xúc'. Khi chấm dứt sáu giác quan là chấm dứt sự 'tiếp xúc'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp xúc chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

47. "Khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự tiếp xúc, nguồn gốc của sự tiếp xúc, sự chấm dứt sự tiếp xúc, và con đường dẫn tới sự chấm dứt sự tiếp xúc … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(7) Sáu giác quan (sáu căn)]

48. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

49. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sáu giác quan, nguồn gốc của sáu giác quan, sự

chấm dứt sáu giác quan, và con đường dẫn tới sự chấm dứt sáu giác quan, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

50. "Và cái gì là sáu giác quan, cái gì là nguồn gốc của sáu giác quan, cái gì là sự chấm dứt sáu giác quan, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt sáu giác quan? Sáu giác quan có sáu loại: (a) giác quan mắt, (b) giác quan tai, (c) giác quan mũi, (d) giác quan lưỡi, (e) giác quan thân, (f) giác quan tâm. Hễ có khởi sinh (hình thành) phần 'thân-tâm' (danh-sắc) thì có khởi sinh (hình thành) 'sáu giác quan'. Khi chấm dứt phần 'thân-tâm' là chấm dứt 'sáu giác quan'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt sáu giác quan chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

51. "Khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sáu giác quan, nguồn gốc của sáu giác quan, sự chấm dứt sáu giác quan, và con đường dẫn tới sự chấm dứt sáu giác quan … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(8) Phần danh-sắc (thân-tâm)]

52. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

53. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về phần danh-sắc (thân-tâm), nguồn gốc của phần danh-sắc, sự chấm dứt phần danh-sắc, và con đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

54. "Và cái gì là phần danh-sắc, cái gì là nguồn gốc của phần danh-sắc, cái gì là sự chấm dứt phần danh-sắc, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc? Sự cảm giác, sự nhận thức, ý nghĩ, sự chú tâm, sự tiếp xúc—đây được gọi là phần tâm (danh). Bốn yếu tố vật chất lớn (tứ đại) và các thể sắc phái sinh từ bốn yếu tố này—đây được gọi là phần thân (sắc). Vì vậy, phần danh (nhận biết) và phần sắc (vật chất) này được gọi chung là phần danh-sắc.[19] Hễ có khởi sinh 'thức' là có khởi sinh (hình thành) phần danh-sắc. Khi chấm dứt thức là chấm dứt phần danh-sắc. Con đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

55. "Khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về phần phần danh-sắc, nguồn gốc của phần danh-sắc, sự chấm dứt phần danh-sắc, và con đường dẫn tới sự chấm dứt phần danh-sắc … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(9) Thức]

56. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh

thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

57. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về thức, nguồn gốc của thức, sự chấm dứt thức, và con đường dẫn tới sự chấm dứt thức, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

58. "Và cái gì là thức, cái gì là nguồn gốc của thức, cái gì là sự chấm dứt thức, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt thức? Thức có sáu loại: thức mắt, thức tai, thức mũi, thức lưỡi, thức thân, thức tâm.[20] Hễ có khởi sinh 'những sự tạo tác cố ý' (các hành) là khởi sinh 'thức'. Khi chấm dứt 'những sự tạo tác cố ý' là chấm dứt 'thức'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt thức chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

59. "Khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về thức, nguồn gốc của thức, sự chấm dứt thức, và con đường dẫn tới sự chấm dứt thức … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(10) Những sự tạo tác cố ý (các hành)]

60. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt

tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

61. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự tạo tác cố ý, nguồn gốc của sự tạo tác cố ý, sự chấm dứt sự tạo tác cố ý, và con đường dẫn tới sự chấm dứt sự tạo tác cố ý, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

62. "Và cái gì là những sự tạo tác cố ý, cái gì là nguồn gốc của những sự tạo tác cố ý, cái gì là sự chấm dứt những sự tạo tác cố ý, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo tác cố ý? Những sự tạo tác cố ý (hành) có ba loại: (a) sự tạo tác về thân (thân hành), (b) sự tạo tác về lời nói (ngữ hành), (c) sự tạo tác về tâm ý (tâm hành, ý hành).[21] Hễ còn 'vô minh' là có khởi sinh 'những sự tạo tác cố ý'. Khi chấm dứt 'vô minh' là chấm dứt 'những sự tạo tác cố ý'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo tác cố ý chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

63. "Khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về những sự tạo tác cố ý, nguồn gốc của những sự tạo tác cố ý, sự chấm dứt những sự tạo tác cố ý, và con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo tác cố ý … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(11) Vô minh (sự ngu mờ)]

64. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

65. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự vô minh (ngu mờ), nguồn gốc của vô minh, sự chấm dứt vô minh, và con đường dẫn tới sự chấm dứt vô minh, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

66. "Và cái gì là vô minh, cái gì là nguồn gốc của vô minh, cái gì là sự chấm dứt vô minh, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt vô minh? Không hiểu biết về sự khổ, không hiểu biết về nguồn gốc khổ, không hiểu biết về sự chấm dứt khổ, không hiểu biết về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ—điều này được gọi là vô minh. Hễ có khởi sinh các 'ô nhiễm' là khởi sinh vô minh. Khi chấm dứt mọi ô nhiễm là chấm dứt vô minh. Con đường dẫn tới sự chấm dứt vô minh chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

67. "Khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về vô minh, nguồn gốc của vô minh, sự chấm dứt vô minh, và con đường dẫn tới sự chấm dứt vô minh … người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Cũng bằng cách này, người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

[(12) Những ô nhiễm]

68. Các Tỳ kheo nói: "Lành thay, này đạo hữu", các Tỳ kheo vui mừng và phấn khởi với những lời của ngài Xá-lợi-phất. Rồi họ hỏi ngài thêm một câu hỏi: "Nhưng này đạo hữu, vậy có còn có cách nào khác nữa để một người đệ tử thánh thiện (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực, hay không?"—Ngài Xá-lợi-phất trả lời: "Vẫn có cách khác, này các đạo hữu."

69. "Này các đạo hữu, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu biết rõ về sự những ô nhiễm, nguồn gốc của những ô nhiễm, sự chấm dứt những ô nhiễm, và con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô nhiễm, bằng cách đó người đó (trở thành) là người có cách nhìn đúng đắn … đã đạt tới Giáo Pháp chân thực.

70. "Và cái gì là những ô nhiễm, cái gì là nguồn gốc của những ô nhiễm, cái gì là sự chấm dứt những ô nhiễm, và cái gì là con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô nhiễm? Những ô nhiễm có ba loại: (a) ô nhiễm do tham muốn khoái lạc giác quan (tham dục), (b) ô nhiễm do muốn được hiện hữu tái sinh, và (c) ô nhiễm do vô minh. Hễ có 'vô minh' là khởi sinh những 'ô nhiễm'.[22] Khi chấm dứt 'vô minh' là chấm dứt mọi 'ô nhiễm'. Con đường dẫn tới sự chấm dứt những ô nhiễm chính là con đường Bát Thánh Đạo; bao gồm: cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn.

71. "Khi một người đệ tử thánh thiện đã hiểu biết rõ như vậy về những ô nhiễm, nguồn gốc của những ô nhiễm, sự chấm dứt của những ô nhiễm, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của những ô nhiễm, người đó hoàn toàn loại bỏ khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra tham, người đó đã trừ bỏ bỏ khuynh

hướng tiềm ẩn tạo ra sân, người đó đã bứng bỏ tận gốc khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra những quan điểm này nọ (kiến chấp) và sự tự ta tự đại (ngã chấp); và bằng việc giải trừ 'vô-minh' và phát khởi sự 'hiểu-biết' chân thực, người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ. Bằng cách này, một người thánh đệ tử là người có cách nhìn đúng đắn, quan điểm của người đó là chánh thẳng, là người đã xác nhận niềm tin vào Giáo Pháp và đã đạt tới Giáo Pháp chân thực."

Đó là lời ngài Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với những lời dạy của ngài Xá-lợi-phất.

(MN 9: *Sammādiṭṭhi Sutta*; I 46–55)
(*Kinh "Chánh Kiến"*)

4. LÃNH ĐỊA CỦA TRÍ TUỆ

(1) *Theo Cách* (*Phân Tích*) *Năm Uẩn*

(a) Những Giai Đoạn Chuyển Biến của các Uẩn

Ở thành Sāvatthī, đức Thế Tôn đã nói: "Này các Tỳ kheo, có năm uẩn (tập hợp, đống, khối) bị dính chấp. Năm đó là gì? Uẩn sắc thân bị dính chấp, tập hợp cảm giác bị dính chấp, tập hợp nhận thức bị dính chấp, tập hợp những sự tạo tác cố ý bị dính chấp, tập hợp thức bị dính chấp.

"Chừng nào ta chưa trực tiếp biết rõ năm uẩn bị dính chấp, theo bốn giai đoạn,[23] đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác ngộ hoàn thiện tối cao trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và Trời, trong quần thể chúng sinh này có các tu sĩ và các bà-la-môn, các thiên thần và người. Nhưng khi ta đã trực tiếp biết rõ tất cả điều đó, đúng như chúng thực là, ta mới tuyên bố

rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác ngộ hoàn thiện tối cao trong thế giới này … có các thiên thần và người.

"Và, này các Tỳ kheo, làm sao có bốn giai đoạn đó? Ta trực tiếp hiểu rõ thân sắc (sắc), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó. Ta trực tiếp biết rõ cảm giác (thọ) … nhận thức (tưởng) … những sự tạo tác cố ý (hành) … thức (thức), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó.

• "Và này các Tỳ kheo, cái gì là *thân-sắc*? Bốn yếu tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu tố lớn đó. Đây được gọi là sắc. Hễ có nguồn 'thức ăn' là có khởi sinh thân sắc. Khi chấm dứt 'thức ăn' là chấm dứt 'thân sắc'. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt thân sắc; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn.

"Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực tiếp biết rõ như vậy về thân-sắc, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự tỉnh ngộ (chán bỏ) về thân sắc, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.[24]

"Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực tiếp biết rõ như vậy về thân-sắc, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó, nhờ sự tỉnh ngộ về thân sắc, nhờ sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi không-còn dính chấp, họ được giải thoát

một cách thiện khéo. Những người khéo được giải thoát là những người toàn vẹn. Đối với những người toàn vẹn như vậy, không còn vòng luân hồi nào để họ xuất hiện nữa.[25]

• "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *cảm-giác*? Cảm giác có sáu dạng như vầy: (a) cảm giác có từ mắt tiếp xúc, (b) cảm giác có từ tai tiếp xúc, (c) cảm giác có từ mũi tiếp xúc, (d) cảm giác có từ lưỡi tiếp xúc, (d) cảm giác có từ thân chạm xúc, (e) cảm giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm giác. Hễ có sự 'tiếp xúc' là khởi sinh 'cảm giác'. Khi chấm dứt sự 'tiếp xúc' là chấm dứt 'cảm giác'. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt cảm giác; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

"Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực tiếp biết rõ như vậy về cảm-giác, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự tỉnh ngộ (chán bỏ) về thân sắc, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

"Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực tiếp biết rõ như vậy về cảm-giác … và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó ... Đối với những người toàn vẹn như vậy, không còn vòng luân hồi nào để họ xuất hiện nữa.

• "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *nhận-thức*? Nhận thức có sáu dạng như vầy: (a) nhận thức về hình sắc, (b) nhận thức về âm thanh, (c) nhận thức về mùi hương, (d) nhận thức về mùi vị, (d) nhận thức về những đối tượng chạm xúc, (e) nhận thức về những hiện tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhận thức. Hễ có sự 'tiếp xúc' là có khởi sinh 'nhận thức'. Khi

chấm dứt sự 'tiếp xúc' là chấm dứt 'nhận thức'. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

"Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực tiếp biết rõ như vậy về nhận-thức.…

"Và những tu sĩ và bà-la-môn nào … Đối với những người toàn vẹn như vậy, không còn vòng luân hồi nào để họ xuất hiện nữa.

• "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *những sự tạo-tác cố-ý*? Sự 'cố ý' (ý hành) có sáu dạng:[26] (a) ý hành đối với hình sắc, (b) ý hành đối với âm thanh, (c) ý hành đối với mùi hương, (d) ý hành đối với mùi vị, (e) ý hành đối với những đối tượng chạm xúc, (f) ý hành đối với những hiện tượng thuộc tâm. Những sự này được gọi là những sự tạo tác cố ý. Hễ có sự 'tiếp xúc' là có khởi sinh những sự tạo tác cố ý. Khi chấm dứt sự 'tiếp xúc' là chấm dứt 'những sự tạo tác cố ý'. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

"Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực tiếp biết rõ như vậy về những sự tạo tác cố ý.…

"Và những tu sĩ và bà-la-môn nào … Đối với những người toàn vẹn như vậy, không còn vòng luân hồi nào để họ xuất hiện nữa.

• "Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thức*? Thức có sáu dạng như vầy: (a) thức mắt, (b) thức tai, (c) thức mũi, (d) thức lưỡi, (e) thức thân, (f) thức thân. Đây được gọi là thức. Hễ có phần 'danh-sắc' là có khởi sinh 'thức'.[27] Khi chấm dứt phần 'danh-sắc' là chấm dứt 'thức'. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự

chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

"Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực tiếp biết rõ như vậy về thức, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự tỉnh ngộ (chán bỏ) về thân sắc, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

"Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực tiếp biết rõ như vậy về thức, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt của nó, nhờ sự tỉnh ngộ về thân sắc, nhờ sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi không-còn dính chấp, họ được giải thoát một cách thiện khéo. Những người khéo được giải thoát là những người toàn vẹn. Đối với những người toàn vẹn như vậy, không còn vòng luân hồi nào để họ xuất hiện nữa.

(SN 22:56; III 58–61)

(b) Một Vấn-Đáp về năm Uẩn

Trong một lần đức Thế Tôn đang cư trú tại thành Sāvatthī trong Khuôn Viên Phía Đông, trong khu Dinh Thự của Mẹ của Migāra, cùng với số đông Tăng đoàn Tỳ kheo. Lúc đó—là ngày rằm bố-tát [uposatha], là một đêm trăng tròn—đức Thế Tôn đang ngồi ngoài trời, xung quanh là Tăng đoàn các Tỳ kheo.

Rồi có một Tỳ kheo đứng lên khỏi chỗ ngồi, chỉnh y trên qua một vai, chấp hai tay kính chào đức Thế Tôn, và thưa với

đức Thế Tôn: "Thưa Thế Tôn, con muốn hỏi đức Thế Tôn về một số điều, nếu Thế Tôn ban đặc ơn trả lời câu hỏi của con."

"Được rồi, này Tỳ kheo, hãy ngồi xuống chỗ ngồi và hỏi bất cứ điều gì thầy muốn hỏi."

"Dạ, thưa Thế Tôn", Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi vị Tỳ kheo đó ngồi xuống chỗ ngồi của mình và thưa với đức Thế Tôn:

"Thưa, có phải có năm uẩn bị dính chấp: đó là, uẩn thân sắc bị dính chấp, uẩn cảm giác bị dính chấp, uẩn nhận thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo tác cố ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp?"

"Đúng, đó là chúng, này Tỳ kheo."

Vị Tỳ kheo đó nói: "Lành thay, thưa Thế Tôn", Tỳ kheo đó vui mừng và phấn khởi với câu khẳng định của đức Thế Tôn. Rồi vị đó hỏi đức Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

"Nhưng, thưa Thế Tôn, năm uẩn bị dính chấp đó có gốc rễ từ đâu?"

"Này Tỳ kheo, năm uẩn bị dính chấp đó bắt rễ từ sự tham muốn."[28]

"Thưa Thế Tôn, có phải sự dính chấp là chính là năm uẩn bị dính chấp, hay sự dính chấp là thứ khác với năm uẩn bị dính chấp?"

"Này Tỳ kheo, sự dính chấp không phải là một với năm uẩn bị dính chấp, nhưng sự dính chấp cũng không phải là thứ gì khác với năm uẩn bị dính chấp. Nói đúng hơn, chính sự tham muốn và dục vọng đối với năm uẩn là sự dính chấp."[29]

Vị Tỳ kheo đó nói: "Lành thay, thưa Thế Tôn", Tỳ kheo đó … hỏi đức Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

"Nhưng, thưa Thế Tôn, có thể có sự đa dạng (nhiều loại) trong tham muốn và nhục dục đối với năm uẩn bị dính chấp, hay không?"

"Có thể đa dạng, này Tỳ kheo", đức Thế Tôn nói. "Ở đây, này Tỳ kheo, một người có thể nghĩ như vầy: 'Tôi mong sau này có thân sắc như này! Tôi mong sau này có cảm giác như kia! Tôi mong sau này có nhận thức như vầy! Tôi mong sau này có sự tạo tác cố ý như vậy! Tôi mong sau này có thức như vậy!' Này Tỳ kheo, như vậy có thể có sự đa dạng trong tham muốn và nhục dục đối với năm uẩn bị dính chấp."

Vị Tỳ kheo đó nói: "Lành thay, thưa Thế Tôn", Tỳ kheo đó … hỏi đức Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

"Thưa Thế Tôn, theo cách nào định nghĩa 'các uẩn' (chỉ định mệnh danh) áp dụng cho các uẩn?"

"Này Tỳ kheo, dù thể sắc là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là uẩn sắc. Dù cảm giác là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là uẩn cảm giác. Dù nhận thức là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, ở bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là uẩn nhận thức. Dù những sự tạo tác cố ý là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là uẩn những sự tạo tác cố ý. Dù thức là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là uẩn thức. Này Tỳ kheo, theo cách như vậy mà định nghĩa 'các uẩn' áp dụng cho các uẩn."

Vị Tỳ kheo đó nói: "Lành thay, thưa Thế Tôn", Tỳ kheo đó … hỏi đức Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

"Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và điều kiện cho sự có mặt của uẩn thể sắc? Cái gì là nguyên nhân và điều kiện cho sự có mặt của uẩn cảm giác?… cho sự có mặt của uẩn nhận thức?… cho sự có mặt của uẩn những sự tạo tác cố ý?… cho sự có mặt của uẩn thức?"

"Này Tỳ kheo, bốn yếu tố vật chất lớn (tứ đại) là nguyên nhân và điều kiện cho sự có mặt của uẩn thể sắc. Sự tiếp xúc là nguyên nhân và điều kiện cho sự có mặt của uẩn cảm giác, uẩn nhận thức, uẩn những sự tạo tác cố ý, uẩn thức. Còn phần danh-sắc là nguyên nhân và điều kiện cho sự có mặt của thức."

"Thưa Thế Tôn, cách nào dẫn tới quan điểm có một cái 'ta' tự tính?"

"Ở đây, này Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, là người không nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không sống tu theo Giáo Pháp của họ, là người không nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không sống tu theo Giáo Pháp của họ, *cứ* coi sắc thân là 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc thân, hay sắc thân là ở trong cái 'ta', hay 'ta' ở trong sắc thân. Người đó coi cảm giác là 'ta' … nhận thức là 'ta' … sự tạo tác cố ý là 'ta' … thức là 'ta', hay 'ta' là thức, hay thức là ở trong cái 'ta', hay 'ta' là ở trong thức. Đó là cách tạo nên cái quan điểm về một cái 'ta' tự tính".

"Nhưng, thưa Thế Tôn, cách nào không dẫn tới quan điểm có môt cái 'ta' tự tính?"

"Ở đây, này Tỳ kheo, một đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và sống tu theo Giáo Pháp của họ, là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và không sống tu theo Giáo Pháp của họ, *không* coi sắc thân là 'ta', hoặc nghĩ 'ta' sở hữu sắc thân, hay sắc thân là ở trong cái 'ta', hay 'ta' ở trong sắc thân. Người đó *không* coi cảm giác là 'ta' … nhận thức là 'ta' … sự tạo tác cố ý là 'ta' … thức là 'ta', hay cái 'ta' là thức, hay thức là ở trong cái 'ta', hay cái 'ta' ở trong thức. Đó là cách không tạo nên cái quan điểm có một cái 'ta' tự tính."

"Thưa Thế Tôn, cái gì là sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát đối với trường hợp năm uẩn?"

"Này Tỳ kheo, sự khoái thích và vui sướng khởi sinh tùy thuộc theo (thân) sắc: đây là sự thỏa thích về sắc. (Thân) sắc đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là sự nguy hại trong sắc. Sự loại bỏ và trừ bỏ tham muốn và nhục dục đối với (thân) sắc: đây là sự giải thoát khỏi (thân) sắc. Sự khoái thích và vui sướng khởi sinh tùy thuộc theo cảm giác … tùy thuộc theo nhận thức … tùy thuộc theo những sự tạo tác cố ý … tùy thuộc theo thức: đây là sự thỏa thích trong thức. Thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là sự nguy hại trong thức. Sự loại bỏ và trừ bỏ tham muốn và nhục dục đối với thức: đây là sự giải thoát khỏi thức."

Vị Tỳ kheo đó nói: "Lành thay, thưa Thế Tôn", Tỳ kheo đó … hỏi đức Thế Tôn thêm câu hỏi nữa:

"Thưa Thế Tôn, đối với thân này với thức và đối với tất cả những dấu hiệu (hình tướng) ở bên ngoài, làm cách nào một người biết và thấy để cho sự tạo dựng nên cái 'ta', sự tạo

dựng cái 'của-ta', và khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra tính tự ta tự đại không còn xảy ra bên trong (tâm) nữa?"[30]

"Này Tỳ kheo, cho dù sắc thuộc loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, trội hay xấu, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một người nhìn thấy tất cả mọi thể sắc, đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải 'của ta', đây không phải là 'ta', đây không phải cái 'ta' của ta.'

"Cho dù cảm giác thuộc loại nào … Cho dù nhận thức thuộc loại nào … Cho dù các sự tạo tác cố ý thuộc loại nào … Cho dù thức thuộc loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một người nhìn thấy tất cả mọi thức, đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải 'của ta', đây không phải là 'ta', đây không phải cái 'ta' của ta.'

"Này Tỳ kheo, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với thân này cùng với thức và đối với tất cả những dấu hiệu ở bên ngoài, thì sự tạo dựng nên cái 'ta', sự tạo dựng cái 'của-ta', và khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra tính tự ta tự đại không còn xảy ra bên trong (tâm) nữa."

(*trích* SN 22: 82, *tóm lược*; 100–103
= MN 109, *tóm lược*; III 15–19)

(c) Đặc Tính của sự Vô Ngã (Vô ngã tướng)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang cư trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana.[31] Ở đó đức Thế Tôn nói với nhóm năm Tỳ kheo: "Này các Tỳ

kheo!”—“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vầy:

“Này các Tỳ kheo, sắc-thân không phải là ‘ta’ (sắc là vô ngã). Bởi nếu sắc thân là ta, này các Tỳ kheo, thì sắc thân này đã không dẫn tới đau khổ, và ta có thể quyết định: ‘Sắc thân của ta phải như vầy; sắc thân của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì sắc thân không phải là ta, cho nên tự nó dẫn tới đau khổ, và ta không thể nào quyết định: ‘Sắc thân của ta phải như vầy; sắc thân của ta phải như vậy.’[32]

“Cảm-giác không phải là ‘ta’…. Nhận-thức không phải là ‘ta’ …. Những sự tạo-tác cố-ý không phải là ‘ta’…. Thức không phải là ‘ta’. Bởi nếu thức là ‘ta’, này các Tỳ kheo, thì thức này đã không dẫn tới đau khổ, và ta có thể quyết định: ‘Thức của ta phải như vầy; thức của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì thức không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới đau khổ, và ta không thể nào quyết định: ‘Thức của ta phải như vầy; thức của ta phải như vậy.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, sắc thân là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”, —“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng (đúng, nên) được coi là: ‘Đây là của ta, đây là ta, đây là cái ‘ta’ của ta hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”.

“Cảm giác là thường hằng hay vô thường?… Nhận thức là thường hằng hay vô thường?… Những sự tạo tác cố ý là thường hằng hay vô thường?… Thức là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”, —“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng

được coi là: 'Đây là của ta, đây là ta, đây là cái 'ta' của ta hay không?"—"Không, thưa Thế Tôn".

"Do vậy, cho dù sắc thuộc loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, trội hay xấu, thô tế hay vi tế, xa hay gần—một người nhìn thấy tất cả mọi thể sắc, đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải 'của ta', đây không phải là 'ta', đây không phải cái 'ta' của ta.'

"Cho dù cảm giác thuộc loại nào … Cho dù nhận thức thuộc loại nào … Cho dù các sự tạo tác cố ý thuộc loại nào … Cho dù thức thuộc loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một người nhìn thấy tất cả mọi thức, đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải 'của ta', đây không phải là 'ta', đây không phải cái 'ta' của ta.

"Này các Tỳ kheo, sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh ngộ (tỉnh mộng) đối với sắc thân, tỉnh ngộ đối với cảm giác, tỉnh ngộ đối với nhận thức, tỉnh ngộ đối với những sự tạo tác cố ý, tỉnh ngộ đối với thức. Sau khi đã tỉnh ngộ, người đó trở nên chán bỏ. Nhờ sự chán bỏ nên [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát sẽ đi đến biết rõ: 'Tâm được giải thoát.' Người đó hiểu rõ: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) bất kỳ trạng thái hiện hữu nào nữa.'"

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo phấn khởi và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói, tâm của năm vị Tỳ kheo đó đã

được giải thoát khỏi mọi ô nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.

(SN 22:59; III 66–68)

(d) Vô Thường, Khổ, Vô ngã

"Này các Tỳ kheo, thân sắc là vô thường. Mà thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ thì không phải là 'ta' (vô ngã). Thứ gì không phải là 'ta' thì nên được nhìn thấy, đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là 'của ta', đây không phải là 'ta', đây không phải cái 'ta' của ta.' Khi một người nhìn thấy, đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy, tâm trở nên chán bỏ và được giải thoát khỏi mọi ô nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.

"Cảm giác là vô thường…. Nhận thức là vô thường…. Những sự tạo tác cố ý là vô thường…. Thức là vô thường. Mà thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ thì không phải là 'ta' (vô ngã). Thứ gì không phải là 'ta' thì nên được nhìn thấy, đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là của 'ta', đây không phải là 'ta', đây không phải cái 'ta' của ta.' Khi một người nhìn thấy, đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy, tâm trở nên chán bỏ và được giải thoát khỏi những ô nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.

"Này các Tỳ kheo, nếu tâm của một Tỳ kheo đã trở nên chán bỏ đối với yếu tố thân sắc, thì nó được giải thoát khỏi mọi ô nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp. Nếu tâm đã trở nên chán bỏ đối với yếu tố cảm giác … đối với yếu tố nhận thức … đối với yếu tố những sự tạo tác cố ý … đối với yếu tố thức, thì nó được giải thoát khỏi những ô nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.

"Do được giải thoát, tâm được ổn định; do được ổn định, tâm được hài lòng; do được hài lòng, người đó không còn bị khích động. Do không còn bị khích động, người đó chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu biết rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải là đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) một trạng thái hiện hữu nào nữa.'"

(SN 22:45; III 44–45)

(e) Như Bọt Nước, như Bong Bóng, như Ảo Ảnh…

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở tại Ayojjhā bên bờ sông Hằng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:

"Này các Tỳ kheo, giả sử con sông Hằng này đang chảy mang theo một mớ bọt nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra một mớ bọt nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng mớ *bọt-nước* đó là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong mớ bọt nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, cho dù *thể-sắc* thuộc loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra thể sắc, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng thể sắc là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong thể sắc đâu?[33]

"Này các Tỳ kheo, giả sử lúc mùa thu, khi trời đang mưa và những giọt mưa lớn đang rơi xuống, một bong bóng nước nổi lên và vỡ tan trên mặt nước. Một người có mắt sáng có

thể kiểm tra một bong bong nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *bong-bóng* nước là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong bong bóng nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, cho dù *cảm-giác* thuộc loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra cảm giác, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng cảm giác là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong cảm giác đâu?[34]

"Này các Tỳ kheo, giả sử lúc cuối tháng mùa nóng, vào lúc trưa nắng gắt, một ảo ảnh lung linh xuất hiện (đằng xa, trên mặt đường…). Một người có mắt sáng có thể kiểm tra ảo ảnh, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *ảo-ảnh* là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong ảo ảnh đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, cho dù *nhận-thức* thuộc loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra nhận thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng nhận thức là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong nhận thức đâu?[35]

"Này các Tỳ kheo, giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy một rìu bén và đi vô rừng. Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí phần gỗ mềm, nói

chi tới phần gỗ lõi. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra thân cây chuối, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *thân-cây-chuối* là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong thân cây chuối đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, cho dù *những sự tạo-tác cố-ý* thuộc loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra những sự tạo tác cố ý, suy xét chúng, và điều tra kỹ càng về chúng, và người đó có thể thấy rằng những sự tạo tác cố ý là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong những sự tạo tác cố ý đâu?[36]

"Này các Tỳ kheo, giả sử có một nhà ảo thuật hay người phụ việc của ông có thể biểu diễn một trò ảo thuật ở một ngã tư đường. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra trò ảo thuật, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng màn *trò-ảo-thuật* là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong trò ảo thuật đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, cho dù *thức* thuộc loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng thức là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì đâu có thực chất gì chắc chắn bên trong thức đâu?[37]

"Này các Tỳ kheo, sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên tỉnh ngộ (tỉnh mộng) đối với sắc thân, tỉnh ngộ đối với cảm giác, tỉnh ngộ đối với nhận thức, tỉnh ngộ đối với những sự tạo tác cố ý, tỉnh ngộ đối với

thức. Sau khi đã tỉnh ngộ, người đó trở nên chán bỏ. Nhờ sự chán bỏ nên [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát sẽ đi đến biết rõ: 'Tâm được giải thoát.' Người đó hiểu rõ: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) bất kỳ trạng thái hiện hữu nào nữa.'"

(SN 22:95; III 140–42)

(2) *Theo Cách* (*Phân Tích*) *Sáu Cơ Sở Giác Quan*

(a) Sự Hiểu Rõ Hoàn Toàn

"Này các Tỳ kheo, nếu không có sự biết rõ trực tiếp và sự hiểu rõ hoàn toàn về tất cả, nếu không tu tập sự chán bỏ đối với tất cả và từ bỏ tất cả, thì người tu không thể tiêu diệt hết sự khổ.

"Và, này các Tỳ kheo tất-cả đó là gì? Nếu không có sự biết rõ trực tiếp và sự hiểu rõ hoàn toàn về *mắt*, không tu tập sự chán đối với nó và từ bỏ nó, thì người tu không thể tiêu diệt hết sự khổ. Nếu không có sự biết rõ trực tiếp và sự hiểu rõ hoàn toàn về những hình-sắc … thức-mắt … sự tiếp-xúc của mắt … và từng loại cảm giác khởi sinh với sự tiếp-xúc của mắt là điều kiện … nếu không tu tập sự chán bỏ đối với mắt và từ bỏ mắt, thì người tu không thể tiêu diệt sự khổ.

"Nếu không biết rõ trực tiếp và hiểu rõ hoàn toàn về *tai*, … *mũi* … *lưỡi* … *thân* … *tâm* … và từng loại cảm giác khởi sinh với sự tiếp-xúc của tâm là điều kiện … không tu tập sự chán bỏ đối với tâm và từ bỏ nó, thì người tu không thể tiêu diệt sự khổ.

"Này các Tỳ kheo, đây gọi là tất-cả. Nếu không biết rõ trực tiếp và hiểu rõ trực tiếp tất cả thứ đó, nếu không tu tập sự chán bỏ đối với tất cả thứ đó và từ bỏ tất cả chúng, thì người tu không thể tiêu diệt sự khổ.

"Này các Tỳ kheo, nếu biết rõ trực tiếp và hiểu rõ trực tiếp tất cả thứ đó, bằng cách tu tập sự chán bỏ đối với tất cả thứ đó và từ bỏ tất cả chúng, thì người tu có thể tiêu diệt sự khổ.

"Và, này các Tỳ kheo, tất-cả đó là gì? Bằng cách biết rõ trực tiếp và hiểu rõ hoàn toàn về *mắt* … *tai* … *mũi* … *lưỡi* … *thân* … *tâm* … và từng loại cảm giác khởi sinh cùng với sự tiếp xúc của tâm là điều kiện … bằng cách tu tập sự chán bỏ đối với tâm và từ bỏ tâm, thì người tu có thể tiêu diệt sự khổ.

"Này các Tỳ kheo, đây là tất-cả đó. Bằng cách biết rõ trực tiếp và hiểu rõ hoàn toàn … thì người tu có thể diêu diệt khổ."

(SN 35:26; IV 17–18)

(b) Như Lửa Đang Bốc Cháy

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở tại Gayā, trên Núi Gayā, cùng với một ngàn Tỳ kheo. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:[38]

"Này các Tỳ kheo, tất cả đều đang bốc cháy. Và, này các Tỳ kheo tất cả những thứ đang bốc cháy là gì? Mắt đang bốc cháy, những hình sắc đang bốc cháy, sự tiếp xúc của mắt đang bốc cháy, và từng mỗi cảm giác khởi sinh do có sự tiếp xúc của mắt là điều kiện—dù là cảm giác sướng hay khổ hoặc trung tính (không sướng không khổ)—đều đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham,

bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

"Tai đang bốc cháy … mũi … lưỡi … thân … tâm đang bốc cháy … và từng mỗi cảm giác khởi sinh do có sự tiếp xúc của tâm là điều kiện—dù là cảm giác sướng hay khổ hoặc trung tính—đều đang bốc cháy. Đang bốc cháy bằng cái gì? Đang bốc cháy bằng lửa tham, bằng lửa sân, bằng lửa si; đang bốc cháy bằng sự sinh, già, và chết; bằng sự buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, ta nói như vậy.

"Này các Tỳ kheo, khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trở nên chán bỏ đối với mắt, đối với những hình sắc, đối với thức mắt, đối với sự tiếp xúc của mắt, đối với từng mỗi cảm giác khởi sinh do có sự tiếp xúc của mắt là điều kiện—dù là cảm giác sướng hay khổ hoặc trung tính; trở nên chán bỏ đối với tai … đối với mũi … đối với lưỡi … đối với thân … đối với tâm … đối với từng mỗi cảm giác khởi sinh do có sự tiếp xúc của tâm là điều kiện…. Sau khi đã tỉnh ngộ, người đó trở nên chán bỏ. Nhờ sự chán bỏ nên [tâm người đó] được giải thoát. Khi tâm được giải thoát sẽ đi đến biết rõ: 'Tâm được giải thoát.' Người đó hiểu rõ: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) bất kỳ trạng thái hiện hữu nào nữa.'"

Đây là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo phấn khởi và vui mừng với những lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói ra, tâm của một ngàn Tỳ kheo đó đã được giải thoát khỏi những ô nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.

(SN 35:28; IV 19–20)

(c) Phù hợp để Chứng ngộ Niết-bàn

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy cách tu phù hợp để chứng ngộ Niết-bàn. Hãy lắng nghe kỹ càng….

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách tu phù hợp để chứng ngộ Niết-bàn? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nhìn thấy mắt là *vô thường*, người đó nhìn thấy những hình sắc là vô thường, người đó nhìn thấy thức mắt là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp xúc của mắt là vô thường, người đó nhìn thấy từng mỗi cảm giác, khởi sinh do có sự tiếp xúc của mắt là điều kiện, là vô thường, dù là cảm giác sướng hay khổ hay trung tính.

"Người đó nhìn thấy *tai* là vô thường … Người đó nhìn thấy mũi … lưỡi … thân … tâm là vô thường, người đó nhìn thấy những hiện tượng thuộc tâm là vô thường, người đó nhìn thấy thức tâm mắt là vô thường, người đó nhìn thấy sự tiếp xúc của tâm là vô thường, người đó nhìn thấy từng mỗi cảm giác, khởi sinh do có sự tiếp xúc của tâm là điều kiện, là vô thường, dù là cảm giác sướng hay khổ hay trung tính. Này các Tỳ kheo, đây là cách tu phù hợp để chứng ngộ Niết-bàn."

"Người đó nhìn thấy mắt là *khổ* … Người đó nhìn thấy tai … mũi … lưỡi … thân … tâm là khổ, người đó nhìn thấy từng mỗi cảm giác, khởi sinh do có sự tiếp xúc của tâm là điều kiện, là khổ, dù là cảm giác sướng hay khổ hay trung tính. Này các Tỳ kheo, đây là cách tu phù hợp để chứng ngộ Niết-bàn.

"Người đó nhìn thấy mắt là *vô ngã* … Người đó nhìn thấy tai … mũi … lưỡi … thân … tâm là vô ngã, người đó nhìn thấy từng mỗi cảm giác, khởi sinh do có sự tiếp xúc của tâm là điều kiện, là vô ngã, dù là cảm giác sướng hay vô ngã hay trung tính. Này các Tỳ kheo, đây là cách tu phù hợp để chứng ngộ Niết-bàn."

(SN 35:147–49, *kết hợp*; IV 133–35)

(d) Thế giới là Trống không

Rồi ngài Ānanda đã đến gặp đức Thế Tôn … và thưa: "Thưa Thế Tôn, có lời nói rằng: 'Thế giới là trống không, thế giới là trống không.' Thưa Thế Tôn, theo cách nào mà có lời nói: 'Thế giới là trống không' như vậy?"

"Này Ānanda, đó là do nó không-có chủ thể nào (cái ta, tự tính, bản ngã) và không-có cái thuộc về chủ thể, nên mới nói rằng: 'Thế giới là trống không.' Và cái gì là không-có chủ thể nào và không-có cái thuộc về chủ thể? Này Ānanda, mắt là không-có chủ thể nào và không-có cái thuộc về chủ thể. Những hình sắc là không-có chủ thể nào và không-có cái thuộc về chủ thể. Thức mắt là không-có chủ thể nào và không-có cái thuộc về chủ thể. Sự tiếp xúc của mắt là không-có chủ thể nào và không-có cái thuộc về chủ thể…. Từng mỗi cảm giác, khởi sinh do có sự tiếp xúc của mắt—dù là cảm giác sướng hay khổ hay trung tính—cũng đều không-có chủ thể nào và không-có cái thuộc về chủ thể.

"Này Ānanda, bởi nó không-có chủ thể nào và không-có cái gì thuộc về chủ thể, nên mới nói rằng: 'Thế giới là trống không.'"

(SN 35:85; IV 54)

(e) Thức cũng là Vô ngã (không phải là 'ta')

Ngài Udāyi hỏi ngài Ānanda: "Đạo hữu Ānanda, trong nhiều đường lối [tính chất, bản chất] của thân này đã được tuyên bố, được nói ra, và được khai mở bởi đức Thế Tôn như vầy: 'Vì lý do như vậy nên thân này là vô ngã.' Liệu (chúng ta) có thể giảng giải [tính chất, bản chất của] thức này theo cách giống như vậy—đó là: dạy rằng, tuyên bố rằng, thiết lập rằng, khai mở rằng, phân tích rằng và làm rõ rằng:'Vì lý do như vậy nên thức này là vô ngã'?"

"Có thể làm vậy, đạo hữu Udāyi. Thì rõ ràng thức-mắt khởi sinh là tùy thuộc theo mắt và những hình sắc, đúng không?" (chứ không phải khởi sinh bởi một chủ thể nào cả).

"Đúng vậy, thưa đạo hữu."

"Nếu nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh thức-mắt chấm dứt hoàn toàn và không còn tàn dư dấu vết nào, thì liệu thức mắt có còn khởi sinh nữa không?"

"Không, thưa đạo hữu."

"Theo cách như vậy, này đạo hữu, nên đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã nói ra, và đã khai mở rằng: 'Vì lý do như vậy nên thức này là vô ngã.' (Thức không phải là ta, của ta, hay do ta).

"Thì rõ ràng thức-tai khởi sinh là tùy thuộc theo tai và âm thanh, đúng không?… Thì rõ ràng thức-mũi … thức-lưỡi … thức-thân … thức-tâm khởi sinh là tùy thuộc tâm và những hiện tượng thuộc tâm, đúng không?"

"Đúng vậy, thưa đạo hữu."

"Nếu nguyên nhân và điều kiện làm khởi sinh thức-tâm chấm dứt hoàn toàn và không còn tàn dư dấu vết nào, thì liệu thức-tâm có khởi sinh nữa không?"

"Không, thưa đạo hữu."

"Cũng theo cách như vậy, này đạo hữu, nên đức Thế Tôn đã tuyên bố, đã nói ra, và đã khai mở rằng: 'Vì lý do đó nên thức này là vô ngã.'

"Này đạo hữu, giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy một rìu bén và đi vô rừng. Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối. Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi.

"Cũng giống như vậy, một Tỳ kheo không nhận thấy có một chủ thể nào hoặc thứ nào thuộc về chủ thể có mặt trong sáu cơ sở giác quan tiếp xúc. Bởi người đó không nhận thấy thứ gì như vậy, nên người đó không dính chấp vào bất cứ thứ gì trong thế giới. Do không dính chấp, nên người đó không bị khích động. Do không còn bị khích động, nên người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) trạng thái hiện hữu nào nữa.'"

(SN 35:234; IV 166–68)

(3) *Theo Cách* (*Phân Tích*) *Các Yếu Tố*

(a) Mười tám Yếu tố

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy sự đa dạng (đủ loại) của các yếu tố. Yếu tố mắt, yếu tố hình sắc, yếu tố thức-mắt; yếu tố tai, yếu tố âm thanh, yếu tố thức-tai; yếu tố mũi, yếu tố mùi hương, yếu tố thức-mũi; yếu tố lưỡi, yếu tố mùi vị, yếu tố thức-lưỡi; yếu tố thân, yếu tố đối tượng chạm xúc, yếu tố thức-thân; yếu tố tâm, yếu tố những hiện tượng thuộc tâm, yếu tố thức-tâm. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là sự đa dạng của các yếu tố."

(SN 14:1; II 140)

(b) Bốn Yếu tố

"Này các Tỳ kheo, có bốn yếu tố (vật chất). Bốn đó là gì? Yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố nhiệt, yếu tố khí.

"Những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được, đúng như chúng thực là, cái gì là sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát đối với trường hợp bốn yếu tố (tứ đại) này: thì ta không coi họ là tu sĩ (đích thực) trong những tu sĩ hoặc là bà-la-môn (đích thực) trong những bà-la-môn, và những bậc ấy, do không tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự hiểu biết trực tiếp, trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn.

"Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được, đúng như chúng thực là, cái gì là sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát đối với trường hợp bốn yếu tố (tứ đại) này: thì ta coi họ là tu sĩ trong những tu sĩ hoặc là bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những bậc ấy, do tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự hiểu biết trực tiếp, trong kiếp này

chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn."

"Những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được, đúng như chúng thực là, cái gì là sự khởi sinh và sự biến diệt, sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát đối với trường hợp bốn yếu tố này: thì ta không coi họ là tu sĩ trong những tu sĩ ….

"Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó, đúng như chúng thực là: thì ta coi họ là tu sĩ trong những tu sĩ hoặc là bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những bậc ấy, do tự mình chứng ngộ điều đó bằng sự hiểu biết trực tiếp, trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ hay mục tiêu của bà-la-môn."

"Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được, đúng như nó thực là, cái gì là yếu tố đất, sự khởi sinh của nó, và sự biến diệt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; … không hiểu được, đúng như nó là, cái gì là yếu tố nước … yếu tố nhiệt … yếu tố gió, sự khởi sinh của nó, sự chấm dứt nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó: thì ta không coi họ là những tu sĩ trong những tu sĩ….

"Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó, đúng như chúng thực là: thì ta coi họ là tu sĩ trong những tu sĩ hoặc là bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những bậc ấy, do tự mình chứng ngộ những điều đó bằng sự hiểu biết trực tiếp, trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục tiêu của đời sống tu sĩ và mục tiêu của bà-la-môn."

(SN 14:37–39, *kết hợp*; II 175–77)

(c) Sáu Yếu tố

13. "Này Tỳ kheo, làm sao một người bị xao lãng trí tuệ?[39] Có sáu yếu tố này: yếu tố đất, yếu tố nước, yếu tố lửa, yếu tố khí, yếu tố không gian, và yếu tố thức.

14. "Này Tỳ kheo, cái gì là yếu tố *đất*? Yếu tố đất có thể là ở bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu tố đất bên-trong? Bất cứ thứ gì ở bên trong (thân), thuộc về bản thân, là thể cứng, được làm cứng, được dính bám, đó là tóc, long, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, thận, gan, màng, lá lách, phổi, ruột, màng treo, bao tử, phân, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên-trong, thuộc bản thân, là thể cứng, được làm cứng, và có dính bám: đây được gọi là yếu tố đất bên-trong. Giờ thì cả yếu tố đất bên-trong và yếu tố đất bên-ngoài đều chỉ là yếu tố đất. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là ta, đây không phải là cái-ta của ta.' Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh ngộ (tỉnh mộng) với yếu tố đất và làm cho tâm mình chán bỏ đối với yếu tố đất.

15. "Này Tỳ kheo, cái gì là yếu tố *nước*? Yếu tố nước có thể là ở bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu tố nước bên-trong? Bất cứ thứ gì ở bên trong, thuộc bản thân, là thể nước, và có dính bám, đó là mật, đờm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ, nước mắt, nước nhày, nước bọt, nước mũi, nhớt các khớp xương, nước tiểu, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên trong, thuộc bản thân, là thể nước, và có dính bám: đây được gọi là yếu tố nước bên-trong. Giờ thì cả yếu tố nước bên-trong và bên-ngoài đều chỉ là yếu tố nước. Và điều đó nên được nhìn thấy

đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là ta, đây không phải là cái-ta của ta.' Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh ngộ với yếu tố nước và làm cho tâm mình chán bỏ đối với yếu tố nước.

16. "Này các Tỳ kheo, cái gì là yếu tố *lửa*? Yếu tố lửa có thể là ở bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu tố lửa bên-trong? Bất cứ thứ gì ở bên trong, thuộc bản thân, là thể nhiệt, giống lửa, và có dính bám, đó là, nhờ có nó một người được làm ấm, già đi, bị tiêu hao, và nhờ có nó những thứ được ăn, được uống, được dùng và được nếm sẽ được tiêu hóa; hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên trong, thuộc bản thân, là thể nhiệt, giống như lửa, và có dính bám: đây được gọi là yếu tố lửa bên-trong. Giờ thì cả yếu tố lửa bên-trong và bên-ngoài đều chỉ là yếu tố lửa. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là ta, đây không phải là cái-ta của ta.' Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh ngộ với yếu tố lửa và làm cho tâm mình chán bỏ đối với yếu tố lửa.

17. "Này Tỳ kheo, cái gì là yếu tố *khí*? Yếu tố khí có thể là ở bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu tố khí bên-trong? Bất cứ thứ gì ở bên trong, thuộc bản thân, là thể khí, lưu chuyển như gió, và có bám dính, đó là những hơi gió đi lên và đi xuống, hơi ở bụng, khí trong bên trong tay chân, hơi thở vào và hơi thở ra, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên trong, thuộc bản thân, là thể khí, lưu chuyển như gió, và có dính bám: đây được gọi là yếu tố khí bên-trong. Giờ thì yếu tố khí bên-trong và yếu tố khí bên-ngoài đều chỉ là yếu tố khí. Và điều đó nên

được nhìn thấy đúng như nó thực là bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là ta, đây không phải là cái-ta của ta.' Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh ngộ với yếu tố khí và làm cho tâm mình chán bỏ đối với yếu tố khí.

18. "Này Tỳ kheo, cái gì là yếu tố *không gian*? Yếu tố không gian có thể là ở bên trong hay bên ngoài. Cái gì là yếu tố không gian bên-trong? Bất cứ thứ gì ở bên trong, thuộc bản thân, là thể không gian, thuộc không gian, và có dính bám, đó là: các lổ tai, lổ mũi, cửa miệng, và các [lổ trống, đường trống] qua đó những thứ được ăn, được uống, được dùng, được nếm, được nuốt vào, và chỗ trống chúng tụ lại sau đó, và chỗ trống chúng được thải ra, hoặc bất cứ thứ gì khác ở bên trong, thuộc bản thân, thể không gian, thuộc không gian, và có dính bám: đây được gọi là yếu tố không gian bên-trong. Giờ thì cả hai yếu tố không gian bên-trong và yếu tố không gian bên-ngoài đều chỉ là yếu tố không gian. Và điều đó nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vầy: 'Đây không phải là của-ta, đây không phải là ta, đây không phải là cái-ta của ta.' Khi một người nhìn thấy điều đó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, người đó trở nên tỉnh ngộ với yếu tố không gian và làm cho tâm mình chán bỏ đối với yếu tố không gian.

19. "Giờ chỉ còn yếu tố *thức*, được thanh lọc và sáng tỏ.[40] Người ta nhận biết gì bằng thức đó? Người ta nhận biết: '[Đây là] sướng'; người ta nhận biết: '[Đây là] khổ'; người ta nhận biết: '[Đây là] không-sướng-không-khổ (trung tính).' Do có (tùy theo) một sự tiếp xúc được cảm nhận là sướng nên khởi sinh một cảm giác sướng.[41] Khi một người cảm giác một

cảm giác sướng, người đó hiểu rằng: 'Tôi cảm giác một cảm giác sướng.' Người đó hiểu rằng: 'Nếu sự tiếp xúc được cảm nhận là sướng chấm dứt, thì cảm giác tương ứng—tức là cảm giác sướng khởi sinh do có sự tiếp xúc được cảm nhận là sướng—cũng chấm dứt và lặn mất.'

Do có một sự tiếp xúc được cảm nhận là khổ nên khởi sinh một cảm giác khổ. Khi một người cảm giác một cảm giác khổ, người đó hiểu rằng: 'Tôi cảm giác một cảm giác khổ.' Người đó hiểu rằng: 'Nếu sự tiếp xúc được cảm nhận là khổ chấm dứt, thì cảm giác tương ứng—tức là cảm giác khổ khởi sinh do có sự tiếp xúc được cảm nhận là khổ—cũng chấm dứt và lặn mất.'

Do có một sự tiếp xúc được cảm nhận là trung tính nên khởi sinh một cảm giác trung tính. Khi một người cảm giác một cảm giác trung tính, người đó hiểu rằng: 'Tôi cảm giác một cảm giác trung tính.' Người đó hiểu rằng: 'Nếu sự tiếp xúc được cảm nhận là trung tính chấm dứt, thì cảm giác tương ứng—tức là cảm giác trung tính khởi sinh do có sự tiếp xúc được cảm nhận là trung tính—cũng chấm dứt và lặn mất.'

Này các Tỳ kheo, chỉ là do có sự tiếp xúc và sự cọ xát của hai que ngo mà nhiệt nóng được sinh ra và lửa được phát sinh, và nếu tách ly và tách biệt hai que ngo thì nhiệt nóng sẽ chấm dứt và lặn mất; cũng giống như vậy, do có một sự tiếp xúc được cảm nhận là sướng … được cảm nhận là khổ … được cảm nhận là trung tính, nên có khởi sinh cảm giác tương ứng là cảm giác sướng … khổ … trung tính.… Một người hiểu rằng: 'Nếu chấm dứt sự tiếp xúc được cảm nhận là sướng … khổ … trung tính thì cảm giác tương ứng là cảm giác sướng … khổ … trung tính … cũng chấm dứt và lặn mất.'"

(*trích* MN 140: *Dhātuvibhaṅga Sutta*; III 240–43)
(*Kinh "Phân Biệt Các Yếu Tố"*)

(4) *Theo Cách* (*Phân Tích*) *Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc*

(a) Sự Khởi Sinh Tùy Thuộc (Duyên Khởi) là gì?

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự khởi sinh tùy thuộc. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."—"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn, đã nói điều này:

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự khởi sinh tùy thuộc? Do có vô-minh là điều kiện (duyên), nên khởi sinh những sự tạo-tác cố-ý; do có những sự tạo tác cố ý là điều kiện, nên khởi sinh thức; do có thức là điều kiện, nên khởi sinh phần danh-sắc (phần vật chất và nhận biết); do có phần danh-sắc là điều kiện, nên khởi sinh sáu cơ sở giác-quan; do có sáu giác quan là điều kiện, nên khởi sinh cảm-giác; do có cảm giác là điều kiện, nên khởi sinh dục-vọng; do có dục vọng là điều kiện, nên khởi sinh sự dính-chấp; do có sự dính chấp là điều kiện, nên khởi sinh sự hiện-hữu (sinh hữu); do có sự sinh hữu là điều kiện, nên khởi sinh sự-sinh; do có sự sinh ra là điều kiện, nên xảy ra sự già-chết, buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là nguồn gốc (chiều khởi sinh) của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là sự khởi sinh tùy thuộc.

"Nhưng (ngược lại), nếu vô-minh phai biến sạch sẽ và chấm dứt thì những sự tạo-tác cố-ý cũng chấm dứt; nếu những sự tạo tác cố ý chấm dứt, thức chấm dứt; nếu thức chấm dứt, phần danh-sắc chấm dứt; nếu phần danh-sắc chấm

dứt, sáu cơ sở giác-quan chấm dứt; nếu sáu giác quan chấm dứt, cảm-giác chấm dứt; nếu cảm giác chấm dứt, dục-vọng chấm dứt; nếu dục vọng chấm dứt, sự dính-chấp chấm dứt; nếu sự dính chấp chấm dứt, sự sinh-hữu chấm dứt; nếu sự sinh hữu chấm dứt, sự sinh-ra chấm dứt; nếu sự sinh chấm dứt, sự già-chết, buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng chấm dứt. Đó là sự chấm dứt (chiều hoàn diệt) của toàn bộ đống khổ này."

(SN 12:1; II 1–2)

(b) Tính Ổn Định của Giáo Pháp

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự khởi sinh tùy thuộc và những hiện tượng đã khởi sinh một cách tùy thuộc. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn, đã nói điều này:

"Và, này các Tỳ kheo, sự khởi sinh tùy thuộc là gì?

'Do có sinh là điều kiện, nên có già-chết [khởi sinh, xảy ra]': dù có Như Lai xuất hiện hay không có Như Lai, yếu tố đó vẫn luôn tồn tại, đó là tính ổn định của Giáo Pháp, là đường lối cố định của Giáo Pháp, là tính điều kiện (nhân duyên) rõ ràng.[42] Như Lai giác ngộ lý này và thấu suốt về lý này. Sau khi đã giác ngộ và thấu suốt về lý này như vậy, Như Lai giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Và Như Lai nói rằng: 'Thấy không! Này các Tỳ kheo: do có sinh là điều kiện, nên có già-chết [khởi sinh, xảy ra].'

'Do có sự sinh-hữu là điều kiện, nên có sinh' …

‘Do có sự dính-chấp là điều kiện, nên có sự sinh-hữu’ …

‘Do có dục-vọng, nên có sự dính-chấp’ …

‘Do có cảm giác là điều kiện, nên có dục vọng’ …

‘Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có cảm giác’ …

‘Do có sáu cơ sở giác-quan là điều kiện, nên có sự tiếp xúc’ …

‘Do có danh-sắc là điều kiện, nên có sáu giác quan’ …

‘Do có thức là điều kiện, nên có phần danh-sắc’ …

‘Do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức’ …

‘Do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo tác cố ý’: dù có Như Lai xuất hiện hay không có Như Lai, yếu tố đó vẫn luôn tồn tại, đó là tính ổn định của Giáo Pháp, là đường lối cố định của Giáo Pháp, là tính điều kiện (nhân duyên) rõ ràng. Như Lai giác ngộ lý này và thấu suốt về lý này. Sau khi đã giác ngộ và thấu suốt về lý này như vậy, Như Lai giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Và Như Lai nói rằng: ‘Thấy không! Này các Tỳ kheo: do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo-tác cố-ý [khởi sinh, xảy ra].’

“Này các Tỳ kheo, đó là tính chất thực, tính không sai, tính bất di bất dịch, là tính điều kiện (nhân duyên) rõ ràng trong (chuỗi) lý này: đây được gọi là sự khởi sinh tùy thuộc.[43]

“Và, này các Tỳ kheo, những hiện tượng đã khởi sinh một cách tùy thuộc là gì? Này các Tỳ kheo, già-chết là vô thường, là có (phụ thuộc) điều kiện (hữu vi), là khởi sinh một cách tùy thuộc, phải bị tàn hoại, biến đi, phai biến, và chấm

dứt. Sinh là vô thường … sự sinh-hữu là vô thường … Sự dính-chấp là vô thường … Dục-vọng là vô thường … Cảm-giác là vô thường … Sự tiếp-xúc là vô thường … Vô-minh là vô thường, là có điều kiện, là khởi sinh một cách tùy thuộc, phải bị tàn hoại, biến đi, phai biến, và chấm dứt. Này các Tỳ kheo, những sự trên được gọi là những hiện tượng khởi sinh tùy thuộc.

"Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí tuệ chánh đúng về lý khởi sinh tùy thuộc này và những hiện tượng khởi sinh một cách tùy thuộc như vậy, đúng như chúng thực là, thì không thể nào người đó còn quay lại vào quá khứ và nghĩ rằng: 'Ta có tồn tại trong quá khứ? Ta không tồn tại trong quá khứ? Ta đã là gì trong quá khứ? Ta đã làm sao trong quá khứ? Sau khi làm vậy, ta đã trở thành gì trong quá khứ?' Hoặc người đó chạy trước vào tương lai và nghĩ rằng: 'Ta sẽ tồn tại trong tương lai? Ta sẽ không tồn tại trong tương lai? Ta sẽ là gì trong tương lai? Ta sẽ làm sao trong tương lai? Sau khi làm vậy, ta sẽ trở thành gì trong tương lai?' Hoặc người đó còn đang bị ngu mờ về hiện tại và nghĩ: 'Tôi đang tồn tại? Tôi đang không tồn tại? Tôi đang là gì? Tôi đang làm sao? Sự hiện hữu (sự sống) này—nó có từ đâu, và nó sẽ đi về đâu?'

"Vì lý do gì? Bởi vì người đệ tử thánh thiện đã nhìn thấy rõ ràng bằng trí tuệ chánh đúng về lý khởi sinh tùy thuộc này và những hiện tượng khởi sinh tùy thuộc như vậy, đúng như chúng thực là."

(SN 12:20; II 25–27)

(c) Bốn Mươi Bốn Trường Hợp Của Sự Hiểu-biết

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về bốn mươi bốn trường hợp hiểu biết. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn, đã nói điều này:

"Này các Tỳ kheo, bốn mươi bốn trường hợp hiểu biết là gì? Sự hiểu biết về sự già-chết, sự hiểu biết về sự khởi sinh của nó, sự hiểu biết về sự chấm dứt của nó, sự hiểu biết về con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Sự hiểu biết về sự-sinh … Sự hiểu biết về sự sinh-hữu … Sự hiểu biết về sự dính-chấp … Sự hiểu biết về dục-vọng … Sự hiểu biết về sự tiếp-xúc … Sự hiểu biết về sáu cơ sở giác-quan … Sự hiểu biết về phần thân-tâm … Sự hiểu biết về thức … Sự hiểu biết về những tạo-tác cố-ý, sự hiểu biết về sự khởi sinh của chúng, sự hiểu biết về sự chấm dứt của chúng, sự hiểu biết về con đường dẫn tới sự chấm dứt chúng. Này các Tỳ kheo, đây là bốn mươi bốn trường hợp hiểu biết.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự già-chết?… [*như định nghĩa ở đoạn kinh IX,22,3*] … Vì vậy nên sự già và sự chết này được gọi chung là sự già-chết. Nếu không còn sự-sinh chấm dứt, sự già-chết chấm dứt. (Không còn sinh thì không còn già-chết). Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt già-chết; đó gồm tám phần: cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn.

"Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu rõ như vậy về sự già-chết, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì đây là sự hiểu

biết của người đó về nguyên-lý (giáo pháp).[44] Bằng phương tiện là nguyên lý (giáo pháp) này đã được nhìn thấy, đã được hiểu thấu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được chứng nhập, người đó ứng dụng nó đối với quá khứ và tương lai như vầy: 'Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong quá khứ đã trực tiếp hiểu biết rõ sự già-chết, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì tất cả họ đều trực tiếp hiểu biết theo đúng y như cách ta đang làm. Những tu sĩ và bà-la-môn nào trong tương lai sẽ trực tiếp hiểu biết rõ sự già-chết, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thì tất cả họ đều sẽ trực tiếp hiểu biết đúng y như cách ta đang làm.' Đây là sự hiểu biết của người đó về tính kế-thừa.[45]

"Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại hiểu biết—hiểu biết về nguyên lý và hiểu biết về tính kế thừa—thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn, thành tựu về tầm-nhìn, là người đã đạt tới sự hiểu biết chân thực, người đã có-được sự hiểu biết chân thực của một bậc học-nhân, là người đã bước vào dòng chảy Giáo Pháp, là một thánh nhân với trí tuệ thâm nhập, là người đang đứng thẳng chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự-sinh?… Cái gì là những sự tạo-tác cố-ý? … [*như các định nghĩa trong đoạn kinh IX,3*] … Bát Thánh Đạo này là con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; đó gồm tám phần: cách nhìn đúng đắn … và định tâm đúng đắn.

"Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện hiểu rõ như vậy về những sự tạo-tác cố-ý, nguồn gốc của chúng, sự chấm dứt của chúng, con đường dẫn tới sự chấm dứt

chúng, thì đây là sự hiểu biết của người đó về nguyên-lý. Bằng phương tiện là nguyên lý này đã được nhìn thấy, đã được hiểu thấu, đã được chứng ngộ tức thì, đã được chứng nhập, người đó ứng dụng nó đối với quá khứ và tương lai như…. Đây là sự hiểu biết của người đó về tính kế-thừa.

"Này các Tỳ kheo, khi một đệ tử thánh thiện đã thanh lọc và làm trong sạch hai loại hiểu biết—hiểu biết về nguyên lý và hiểu biết về tính kế thừa—thì người đó được gọi là một đệ tử thánh thiện đã thành tựu về cách-nhìn … là người đứng thẳng chắc ngay trước cửa bước vào sự Bất Tử."

(SN 12:33; II 56–59)

(d) Một Giáo Lý Trung Đạo

Ở Sāvatthī, ngài Kaccānagotta đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: 'cách nhìn đúng đắn, cách nhìn đúng đắn.' Thưa, theo cách nào là có cách nhìn đúng đắn?"

"Này Kaccāna, hầu hết thế gian này phụ thuộc vào một sự đối đãi hai mặt—một là 'tư tưởng có sự hiện hữu trường tồn' (bất diệt) và hai là 'tư tưởng không có sự hiện hữu trường tồn' (đoạn diệt).[46] Nhưng đối với người đã nhìn thấy nguồn gốc khởi-sinh của thế giới đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng 'không hiện hữu' đối với thế giới (tức không coi thế giới là không hiện hữu). Và đối với người đã nhìn thấy sự chấm-dứt của thế giới đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, thì người đó không còn tư tưởng 'hiện hữu' đối với thế giới (tức không coi thế giới là hiện hữu trường tồn).[47]

"Này Kaccāna, hầu hết thế gian bị trói buộc bởi sự dính-líu, sự dính-chấp, và sự cố-chấp. Nhưng người này [có cách nhìn đúng đắn] không bị dính líu và dính chấp thông qua sự dính líu và dính chấp đó, bởi quan điểm của tâm trí, bởi sự cố chấp, bởi khuynh hướng tiềm ẩn (trong tâm); người đó không còn quan niệm về 'cái ta' nào cả.' Người đó không còn bối rối hay nghi ngờ gì về sự thật rằng: thứ gì khởi sinh chỉ là khổ khởi sinh, thứ gì chấm dứt chỉ là khổ chấm dứt. (Chỉ có khổ sinh và khổ diệt).[48] Sự hiểu biết về điều này của người đó là không phụ thuộc vào người khác (là do tự mình hiểu biết). Này Kaccāna, theo cách như vậy người đó có cách nhìn đúng đắn.

"Này Kaccāna, (nếu nói) 'tất cả đều hiện hữu': đây là một cực đoan. (nếu nói) 'Tất cả đều không hiện hữu': đây là một cực đoan thứ hai. Không ngã theo phía cực đoan nào, Như Lai dạy Giáo Pháp trung đạo như vầy: 'Do có vô-minh là điều kiện, nên có những sự tạo-tác cố-ý [khởi sinh, xảy ra]; do có những sự tạo-tác cố-ý là điều kiện, nên có thức…. Đó là nguồn gốc khởi-sinh của toàn bộ đống khổ này. Nhưng, nếu vô-minh phai biến sạch sẽ và chấm dứt, thì những sự tạo-tác-cố-ý cũng chấm dứt; nếu những sự tạo-tác cố-ý chấm dứt, thì thức cũng chấm dứt…. Đó là sự chấm dứt của toàn bộ đống khổ này.'"

(SN 12:15; II 16–17)

(e) Sự Liên Tục của Thức

"Này các Tỳ kheo, điều gì con người ý định và điều gì con người dự tính và bất cứ điều gì con người có khuynh hướng theo đó: điều đó sẽ trở thành một cơ sở cho sự liên-tục

của thức. Hễ khi có một cơ sở thì có một trợ giúp cho sự lập thành của thức. Khi thức được lập thành và đã tăng trưởng thì tạo ra sự hiện-hữu (sinh hữu) trong tương lai. Khi có tạo ra sự sinh-hữu trong tương lai, thì có sự-sinh trong tương lai, rồi có sự già-chết, buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là nguồn gốc khởi-sinh của toàn bộ đống khổ này.[49]

"Này các Tỳ kheo, nếu con người không ý định và không dự tính, nhưng vẫn có khuynh hướng ngã theo điều gì, thì điều này cũng trở thành cơ sở cho sự liên-tục của thức. Hễ khi có một cơ sở thì có một trợ giúp cho sự lập thành của thức. Khi thức được lập thành…. Đó là nguồn gốc khởi-sinh của toàn bộ đống khổ này.[50]

"Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu con người không ý định và không dự tính, và cũng không có khuynh hướng ngã theo một điều nào, thì sẽ không tạo thành cơ sở cho sự liên-tục của thức. Nếu không có cơ sở thì không có trợ giúp nào cho sự lập thành của thức. Nếu thức không được lập thành thì không tạo ra sự hiện-hữu (sinh hữu) trong tương lai. Nếu không có tạo ra sự sinh hữu trong tương lai, thì không có sự-sinh trong tương lai, vậy cũng không có sự già-chết, buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự chấm dứt của toàn bộ đống khổ này."[51]

(SN 12:38; II 65–66)

(f) Sự Sinh-Diệt của Thế giới

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự khởi sinh và biến diệt của thế giới. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn, đã nói điều này:

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc khởi sinh của thế giới? Tùy thuộc theo mắt và những hình sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Ba cái đó gặp nhau gọi là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp xúc là điều kiện, nên có cảm-giác [khởi sinh, xảy ra]; do có cảm giác là điều kiện, nên có dục-vọng; do có dục vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp; do có sự dính chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu; do có sự hiện hữu là điều kiện, nên có sự sinh-ra; do có sự sinh là điều kiện, nên có sự già-chết, buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng [khởi sinh, xảy ra]. Này các Tỳ kheo, đây là nguồn gốc khởi sinh của thế giới.

"Tùy thuộc theo tai và những âm thanh … Tùy thuộc theo mũi và những mùi hương … Tùy thuộc theo lưỡi và những mùi vị … Tùy thuộc theo thân và những đối tượng chạm xúc … Tùy thuộc theo tâm và những hiện tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Ba cái đó gặp nhau gọi là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp xúc là điều kiện, nên có cảm-giác [khởi sinh, xảy ra]; do có cảm giác là điều kiện, nên có dục-vọng; do có dục vọng là điều kiện, nên có sự dính-chấp; do có sự dính chấp là điều kiện, nên có sự hiện-hữu; do có sự hiện hữu là điều kiện, nên có sự sinh-ra; do có sự sinh là điều kiện, nên có sự già-chết, buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng [khởi sinh, xảy ra]. Này các Tỳ kheo, đây là nguồn gốc khởi sinh của thế giới.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự biến diệt của thế giới? Tùy thuộc theo mắt và những hình sắc, nên có thức-mắt khởi sinh. Ba cái đó gặp nhau gọi là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có cảm giác [khởi sinh, xảy ra]; do có cảm

giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Nhưng, nếu dục-vọng đó phai biến sạch sẽ và chấm dứt thì sự dính-chấp chấm dứt, sự hiện-hữu chấm dứt; do sự hiện-hữu chấm dứt nên sự-sinh, sự già-chết, buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng chấm dứt. Đó là sự chấm dứt của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đó là sự biến diệt của thế giới.

"Tùy thuộc theo tai và những âm thanh … Tùy thuộc theo tâm và những hiện tượng thuộc tâm, nên có thức-tâm khởi sinh. Ba cái đó gặp nhau gọi là sự tiếp-xúc. Do có sự tiếp-xúc là điều kiện, nên có cảm-giác [khởi sinh, xảy ra]; do có cảm giác là điều kiện, nên có dục-vọng. Nhưng, nếu dục-vọng đó phai biến sạch sẽ và chấm dứt thì sự dính-chấp … sự hiện-hữu … sự-sinh chấm dứt; nếu sự-sinh chấm dứt thì sự già-chết, buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng cũng chấm dứt. Đó là sự chấm dứt của toàn bộ đống khổ này. Này các Tỳ kheo, đó là sự biến diệt của thế giới."

(SN 12:44; II 73–74)

(5) *Bằng Cách* (*Phân Tích*) *Tứ Diệu Đế*

(a) Những Chân Lý của Tất Cả Các Vị Phật

"Này các Tỳ kheo, dù những vị Phật Toàn Giác trong quá khứ đã giác ngộ đối với mọi sự, đúng như chúng thực là, theo cách nào chăng nữa, thì tất cả họ cũng đều giác ngộ hoàn toàn đối với Bốn Sự Thật Thánh Diệu (Tứ Diệu Đế), đúng như chúng thực là. Dù những vị Phật Toàn Giác trong tương lai sẽ giác ngộ đối với mọi sự, đúng như chúng thực là, theo cách nào chăng nữa, thì tất cả họ cũng sẽ giác ngộ hoàn toàn đối với Bốn Sự Thật Thánh Diệu, đúng như chúng thực là. Dù những vị Phật Toàn Giác trong hiện tại giác ngộ đối với mọi

sự, đúng như chúng thực là, theo cách nào chăng nữa, thì tất cả họ cũng đều giác ngộ hoàn toàn đối với Bốn Sự Thật Thánh Diệu, đúng như chúng thực là. "Bốn đó là gì?. Đó là (a) sự thật về khổ, (b) sự thật về nguồn gốc khổ, (c) sự thật về sự chấm dứt khổ, và (d) sự thật về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. Dù những vị Phật Toàn Giác trong quá khứ … trong tương lai … trong hiện tại giác ngộ hoàn toàn đối với mọi sự đúng như chúng thực là, theo cách nào chăng nữa, thì tất cả họ đều giác ngộ hoàn toàn Bốn Sự Thật Thánh Diệu này đúng như chúng thực là.

"Do vậy, này các Tỳ kheo, cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là khổ.' Cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là nguồn gốc khổ.' Cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là sự chấm dứt khổ.' Cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.'"

(SN 56:24; V 433–34)

(b) Bốn Sự Thật này là Đúng Thực

"Này các Tỳ kheo, có bốn điều này là đúng thực, không sai lầm, bất biến.[52] Bốn đó là gì?

"'Đây là khổ': này các Tỳ kheo, điều này là đúng thực, không sai lầm, bất biến. 'Đây là nguồn gốc khổ': điều này là đúng thực, không sai lầm, bất biến. 'Đây là sự chấm dứt khổ': điều này là đúng thực, không sai lầm, bất biến. 'Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ': điều này là đúng thực, không sai lầm, bất biến.

"Này các Tỳ kheo, bốn điều này là đúng thực, không sai lầm, bất biến.

"Do vậy, này các Tỳ kheo, cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là khổ.' … Cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.'"

(SN 56:20; V 430–31)

(c) Chỉ Như Một Nắm Lá

Trong một lần đức Thế Tôn đang trú ngụ tại Kosambī, trong một khu rừng cây siṃsapā. Rồi đức Thế Tôn lấy một ít lá cây siṃsapā nắm trong bàn tay và hỏi các Tỳ kheo: "Các thầy nghĩ sao, này các Tỳ kheo, cái nào nhiều hơn: nắm lá trong tay ta hay tổng số lá trong rừng cây?"

"Dạ thưa, nắm lá trong tay Thế Tôn thì ít, nhưng số lá trong rừng cây là rất nhiều."

"Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, những điều ta đã trực tiếp biết được nhưng không dạy cho các thầy là rất nhiều, còn những điều ta đã dạy cho các thầy chỉ là số ít. Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta không dạy rất nhiều điều đó? Bởi vì chúng không ích lợi, không liên quan đến các căn bản của đời sống tâm linh, và không dẫn tới sự tỉnh ngộ, sự chán bỏ, sự chấm dứt, sự bình an, sự hiểu biết trực tiếp, sự giác ngộ, Niết-bàn. Bởi vậy ta đã không dạy những điều đó.

"Và, này các Tỳ kheo, những điều gì ta đã dạy? Ta đã dạy: 'Đây là khổ'; Ta đã dạy: 'Đây là nguồn gốc khổ'; Ta đã dạy: 'Đây là sự chấm dứt khổ'; Ta đã dạy: 'Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.' Và, này các Tỳ kheo, tại sao ta đã dạy những điều này? Bởi vì chúng có ích lợi, liên quan đến các căn bản của đời sống tâm linh, và dẫn tới sự tỉnh ngộ, sự

chán bỏ, sự chấm dứt, sự bình an, sự hiểu biết trực tiếp, sự giác ngộ, Niết-bàn. Bởi vậy ta đã dạy những điều này.

"Do vậy, này các Tỳ kheo, cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là khổ.' … Cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.'"

(SN 56:31; V 437–38)

(d) Do Không Thấu Hiểu

Vào một lần khi đức Thế Tôn đang sống giữa những người Vajji (Bạt-kỳ) ở Koṭigāma. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, bởi do không hiểu biết và không thấu suốt về Bốn Sự Thật Thánh Diệu (Tứ Diệu Đế), cho nên các thầy và ta đã lang thang trôi giạt trong dòng lưu chuyển dài dẳng của vòng luân hồi [saṃsāra]. Bốn đó là gì?

"Này các Tỳ kheo, bởi do không hiểu biết và không thấu suốt sự thật về khổ, cho nên các thầy và ta đã lang thang trôi giạt trong dòng lưu chuyển dài dẳng của vòng luân hồi. Bởi do không hiểu biết và không thấu suốt sự thật về nguồn gốc khổ … sự thật về sự chấm dứt khổ … sự thật về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ, cho nên các thầy và ta đã lang thang trôi giạt trong dòng lưu chuyển dài dẳng của vòng luân hồi.

"Này các Tỳ kheo, sự thật về khổ đó đã được hiểu biết và thấu suốt. Sự thật về nguồn gốc khổ đó đã được hiểu biết và thấu suốt. Sự thạt về sự chấm dứt khổ đó đã được hiểu biết và thấu suốt. Sự thật về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ đó đã được hiểu biết và thấu suốt. Dục vọng muốn được hiện

hữu đã bị cắt đứt; đường dẫn tới sự hiện hữu (sinh hữu)[53] đã bị tiêu diệt; từ đây không còn tái sinh nữa."

(SN 56:21; V 431–32)

(e) Vực Núi

Trong một lần đức Thế Tôn đang ở thành Rājagaha (Vương-xá) trên Đỉnh Núi Kền Kền. Rồi đức Thế Tôn nói với các Tỳ kheo như vầy: "Này các Tỳ kheo, chúng ta cùng lên đỉnh núi Patibhanakuta (Đỉnh Linh Cảm) để an trú ban ngày."

"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Rồi đức Thế Tôn cùng một số Tỳ kheo lên Đỉnh Linh Cảm. Một Tỳ kheo nhìn thấy một vực núi bên Đỉnh Linh Cảm và thưa với đức Thế Tôn: "Vực núi đó thiệt là dựng đứng, thưa Thế Tôn; vực núi đó cực kỳ đáng sợ. Nhưng thưa Thế Tôn, có vực núi nào còn dựng đứng hơn và đáng sợ hơn không?"

"Có đó, này Tỳ kheo."

"Nhưng thưa, còn vực núi nào có thể dựng đứng hơn và đáng sợ hơn vực núi đó?"

"Này Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu đúng như nó thực là: 'Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm dứt khổ. Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ'—họ cứ thích thú những sự tạo-tác cố-ý (các hành) dẫn tới sự sinh, già, chết; họ cứ thích thú những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi đã tạo ra những sự tạo-tác cố-ý như vậy, họ tuột rớt xuống vực núi của sự sinh, già, chết; họ tuột rớt xuống vực núi của sự buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ không được giải thoát khỏi sinh, già, chết; không được

giải thoát buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, không được giải thoát khỏi khổ, ta nói vậy.

"Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu biết rõ đúng như nó thực là: 'Đây là khổ … Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ'—họ *không* thích thú những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự sinh, già, chết; họ *không* thích thú những sự tạo-tác cố-ý dẫn tới sự buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Vì *không* thích thú những sự tạo-tác cố-ý, nên họ *không* tạo ra những sự tạo-tác cố-ý như vậy, họ *không bị* tuột rớt xuống vực núi của sự sinh, già, chết; họ *không bị* tuột rớt uống vực núi của sự buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Họ *được* giải thoát khỏi sinh, già, chết; *được* giải thoát buồn sầu, ai oán, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, *được* giải thoát khỏi khổ, ta nói vậy.

"Do vậy, này các Tỳ kheo, cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là khổ.' … Cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.'"

(SN 56:42; V 448–50)

(f) Sự Đột Phá, Sự Thấu Hiểu

"Này các Tỳ kheo, nếu có ai nói như vầy: 'Dù chưa hiểu thấu 'sự thật về khổ' đúng như nó thực là, dù chưa hiểu thấu 'sự thật về nguồn gốc khổ' đúng như nó thực là, dù chưa hiểu thấu 'sự thật về sự chấm dứt khổ' đúng như nó thực là, dù chưa hiểu thấu 'sự thật về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ' đúng như nó thực là, tôi vẫn sẽ tiêu diệt hoàn toàn mọi khổ đau'—điều này là không-thể.

"Này các Tỳ kheo, giống như có người nói như vầy: 'Sau khi đã làm một cái giỏ bằng lá cây keo hoặc lá thông hoặc lá cây myrobalan,[54] tôi sẽ đựng nước hoặc đựng trái cọ dừa'–điều đó là không-thể; cũng như vậy, nếu có ai nói như vầy: 'Dù chưa hiểu thấu 'sự thật về khổ' đúng như nó thực là … tôi vẫn sẽ tiêu diệt hoàn toàn mọi khổ đau'—điều này là không-thể.

"Nhưng, này các Tỳ kheo, nếu ai nói như vầy: 'Sau khi đã hiểu thấu 'sự thật về khổ' đúng như nó thực là, sau khi đã hiểu thấu 'sự thật về nguồn gốc khổ' đúng như nó thực là, sau khi đã hiểu thấu 'sự thật về sự chấm dứt khổ' đúng như nó thực là, sau khi đã hiểu thấu 'sự thật về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ' đúng như nó thực là, tôi sẽ tiêu diệt hoàn toàn mọi khổ đau'—điều này là có-thể.

"Này các Tỳ kheo, giống như có người nói như vầy: 'Sau khi đã làm một cái giỏ bằng lá sen hoặc lá cây kino hoặc lá cây māluva, tôi sẽ đựng nước hoặc đựng trái cọ dừa'–điều này là có-thể; cũng như vậy, nếu ai nói như vầy: 'Sau khi đã hiểu thấu 'sự thật về khổ' đúng như nó thực là … tôi sẽ tiêu diệt hoàn toàn mọi khổ đau'—điều này là có-thể.

"Do vậy, này các Tỳ kheo, cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là khổ.' … Cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.'"

(SN 56:32; V 442–43)

(g) Tiêu Diệt Những Ô Nhiễm

"Này các Tỳ kheo, ta nói sự tiêu diệt ô nhiễm với người biết và thấy, không nói với người không biết và không thấy.

Với người biết gì, với người thấy gì mới có thể tiêu diệt ô nhiễm? Ô nhiễm sẽ tiêu diệt được do người đó biết rõ và thấy rõ: 'Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm dứt khổ. Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.' Rằng đối với người biết rõ như vậy, đối với người thấy rõ như vậy, sự tiêu diệt ô nhiễm sẽ xảy ra.

"Do vậy, này các Tỳ kheo, cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là khổ.' … Cần cố gắng hiểu rõ: 'Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.'"

(SN 56:25; V 434)

5. MỤC TIÊU CỦA TRÍ TUỆ

(1) *Niết-bàn là gì?*

Trong một lần ngài Xá-lợi-phất đang trú ngụ trong làng Nālakagāma ở xứ Magadha (Ma-kiệt-đà). Lúc đó một du sĩ tên Jambukhādaka[55] đã đến gặp ngài Xá-lợi-phất và chào hỏi với ngài. Sau phần hỏi thăm và nói chuyện hòa nhã, người đó ngồi xuống một bên và thưa với ngài Xá-lợi-phất:

"Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói 'Niết-bàn, Niết-bàn.' Vậy Niết-bàn là gì?"

"Sự tiêu diệt tham, tiêu diệt sân, tiêu diệt si: này đạo hữu, đây được gọi là Niết-bàn.

"Nhưng, thưa đạo hữu, có con đường nào, có phương cách nào để đi đến chứng ngộ Niết-bàn?"

"Có một con đường, này đạo hữu, có một phương cách để đi đến chứng ngộ Niết-bàn."

"Và, thưa đạo hữu, con đường đó là gì, phương cách đó là gì để đi đến chứng ngộ Niết-bàn?"

"Này đạo hữu, con đường Bát Thánh Đạo; đó gồm tám phần: cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn. Đây là con đường, này đạo hữu, đây phương cách để đi đến chứng ngộ Niết-bàn."

"Con đường này xuất sắc, này đạo hữu, phương cách này xuất sắc để đi đến chứng ngộ Niết-bàn. Và, này đạo hữu Xá-lợi-phất, bấy nhiêu là đủ để chuyên cần tu tập."

(SN 38:1; IV 251–52)

(2) *Ba Mươi Ba Chữ Đồng Nghĩa với Niết-bàn*

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự không-còn điều kiện (sự vô vi, sự bặt duyên) và con đường dẫn tới sự không-còn điều kiện. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói….

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự không-còn điều kiện? Sự tiêu diệt tham, tiêu diệt sân, tiêu diệt si: đây được gọi là sự không-còn điều kiện.

"Và, này các Tỳ kheo, con đường nào dẫn tới sự không-còn điều kiện? Sự 'chánh niệm về thân': đây được gọi là con đường dẫn tới sự không-còn điều kiện.

"Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự không-thiên-lệch … sự không-còn ô-nhiễm … sự-thật … bờ bên kia (đáo bỉ ngạn) … sự tinh tế … sự khó nhìn thấy được … sự không-già … sự thường-hằng … sự không-tan-hoại … sự bất-

hiện (chưa được nhìn thấy, không thể thấy được) … sự không-phóng-tâm[56] … sự bình-an (tịch tịnh)… sự bất-tử … sự siêu-phàm … sự phúc-lành … sự an-toàn …. sự diệt-dục (tiêu diệt dục vọng) … sự kỳ-diệu … sự lạ-thay … sự vô-bệnh … trạng thái vô-bệnh … Niết-bàn … sự không-còn khổ-đau … sự không-còn mê-đắm … sự tinh-khiết (thanh tịnh) … sự giải-thoát … sự không-còn ràng-buộc… hòn đảo … nơi trú ẩn … nơi tị nạn … nơi nương tựa … đích-đến và con đường dẫn tới đích-đến. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói ….

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là đích-đến? Sự tiêu diệt tham, tiêu diệt sân, tiêu diệt si: đây được gọi là đích-đến (của con đường đạo).

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con đường (đạo) dẫn tới đích-đến? Sự 'chánh niệm về thân': đây được gọi là con đường dẫn tới đích-đến.

"Như vậy, này các Tỳ kheo, ta đã dạy cho các thầy về sự không-còn điều kiện (vô vi) … về đích-đến và con đường dẫn tới đích-đến. Này các Tỳ kheo, những gì cần phải làm bởi một người thầy bi mẫn với lòng bi mẫn dành cho những học trò của mình, vì mong muốn họ được phúc lợi, thì ta đã làm xong đối với các thầy. Này các Tỳ kheo, ở đây có những gốc cây, kia có những chòi trống. Hãy thiền tập, này các Tỳ kheo, đừng lơ tâm xao lãng, chớ để hối hận về sau. Đây là sự chỉ thị của ta cho các thầy."

(SN 43:1–44, *kết hợp*; IV 359–73)

(3) *Có Cảnh Xứ Đó*

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvatthī trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc. Bấy giờ, trong lúc đức Thế Tôn đang chỉ dẫn, tạo cảm hứng, và làm phấn khởi các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến Niết-bàn, và các Tỳ kheo đó đang rất tiếp thu và chú tâm, tập trung toàn bộ tâm và sự chú ý vào việc lắng nghe Giáo Pháp.

Rồi, sau khi nhận ra ý nghĩa đó, đức Thế Tôn đã nói ra những lời cảm hứng như vầy:

"Này các Tỳ kheo, có một cơ sở (cảnh xứ) ở đó không có yếu tố đất, nước, nhiệt hay khí; cũng không phải cảnh xứ không gian vô biên (không vô biên xứ), không phải cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ), không phải cảnh xứ không có gì (vô sở hữu xứ), không phải cảnh xứ không-có cảm giác cũng không-phải-không-còn cảm-giác (phi tưởng phi phi tưởng xứ); cũng không phải thế giới này, không phải thế giới khác; cũng không phải mặt trời hay mặt trăng.[57] Này các Tỳ kheo, ta nói, ở đây không còn sự đến, sự đi, hay đứng yên; không còn biến diệt và không còn tái sinh. Ở đây không còn bị tạo lập, không còn chuyển động, không còn trợ tác. Đơn giản đó là sự (trạng thái) chấm dứt khổ."

(Ud 8:1; 80)

(4) *Sự Không-Còn Sinh* (*Vô Sinh*)

Tôi nghe như vầy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvatthī trong Khu Vườn của thái tử Jeta, trong tịnh xá của ông Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đức Thế Tôn đang chỉ dẫn, tạo cảm hứng, và làm phấn khởi các Tỳ kheo bằng một bài nói chuyện Giáo Pháp liên quan đến Niết-bàn, và các Tỳ kheo

đó đang rất tiếp thu và chú tâm, tập trung toàn bộ tâm và sự chú ý vào việc lắng nghe Giáo Pháp.

Rồi, sau khi nhận ra ý nghĩa đó, đức Thế Tôn đã nói ra những lời cảm hứng như vầy:

"Này các Tỳ kheo, có một trạng thái không-còn sinh, không-còn trở thành, không-còn tạo tác, không-còn điều kiện (vô sinh, vô hữu, vô tác, vô vi). Này các Tỳ kheo, nếu không có sự không-còn sinh, không-còn trở thành, không-còn tạo tác, không-còn điều kiện, thì không có lối thoát cho những thứ còn-bị sinh, còn-bị trở thành, còn-bị tạo tác, còn-bị điều kiện (sinh, hiện hữu, tạo tác, hữu vi). Nhưng bởi vì có một trạng thái không-còn sinh, không-còn trở thành, không-còn tạo tác, không-còn điều kiện, cho nên có một lối thoát cho những thứ thứ còn-bị sinh, còn-bị trở thành, còn-bị tạo tác, còn-bị điều kiện."

(Ud 8:3; 80–81)

(5) *Hai Yếu Tố Niết-bàn*

"Này các Tỳ kheo, có hai yếu tố (giới) Niết-bàn. Hai đó là gì? Đó là yếu tố Niết-bàn còn tàn dư hơi hướng (hữu dư y Niết-bàn) và yếu tố Niết-bàn không còn tàn dư hơi hướng (vô dư y Niết-bàn).

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là yếu tố Niết-bàn còn tàn dư hơi hướng? Ở đây, một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã rõ ràng tiêu diệt các gông cùm trói buộc hiện hữu, là người đã được giải thoát hoàn toàn bằng sự hiểu-

biết cuối-cùng. Tuy vậy, năm giác quan của vị ấy vẫn còn chưa lắng lặng, do đó vị ấy vẫn còn trải nghiệm thích và ghét, vẫn còn cảm giác sướng và khổ. Cho nên trạng thái đã tiêu diệt tham, sân, si này trong vị ấy được gọi là Niết-bàn còn tàn dư hơi hướng.

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là Niết-bàn không còn tàn dư hơi hướng? Ở đây, một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô nhiễm, người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu, đã rõ ràng tiêu diệt các gông cùm trói buộc hiện hữu, là người đã được giải thoát hoàn toàn bằng sự hiểu-biết cuối-cùng. Đối với vị ấy, ở đây ngay trong kiếp này, mọi thức được cảm giác, đã không còn được thích thú, đều trở nên nguội lặn ở đây. Này các Tỳ kheo, trạng thái đó được gọi là Niết-bàn không còn tàn dư hơi hướng.

"Này các Tỳ kheo, đó là hai yếu tố Niết-bàn."

(It 44; 38)

(6) *Lửa và Đại Dương*

15. [Du sĩ Vacchagotta đã hỏi đức Thế Tôn:] "Thầy Cồ-đàm có nắm giữ quan điểm do suy đoán (tự biện) nào không?"

"Này Vaccha, 'quan điểm do suy đoán' là thứ Như Lai đã dẹp bỏ. Này Vaccha, bởi vì Như Lai đã nhìn thấy[58] điều này: 'Này là thân-sắc, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là cảm-giác, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là nhận-thức, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là những sự tạo-tác cố-

ý, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó; này là thức, này là sự khởi sinh của nó, này là sự biến diệt của nó.' Bởi vậy, ta nói, bằng sự tiêu diệt, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và từ bỏ tất cả mọi sự nhận thức (chủ quan), mọi sự nghĩ suy (này nọ), mọi sự tạo tác cái 'ta', tạo tác cái 'của-ta', và khuynh hướng tiềm ẩn (trong tâm) tạo ra tính tự-ta tự-đại (ngã mạn), nên Như Lai đã được giải thoát nhờ sự không-còn dính chấp."

16. "Thưa Thầy Cồ-đàm, khi tâm của một Tỳ kheo được giải thoát như vậy, người đó được tái sinh về đâu [sau khi chết]?"

"Này Vaccha, chữ 'được tái sinh' không áp dụng chỗ này."

"Vậy có nghĩa người đó không được tái sinh, thưa Thầy Cồ-đàm?"

"'Này Vaccha, chữ 'không được tái sinh' không áp dụng chỗ này."

"Vậy có phải người đó 'vừa được tái sinh và không được tái sinh', thưa Thầy Cồ-đàm?"

"Này Vaccha, chữ 'vừa được tái sinh và không được tái sinh' không áp dụng chỗ này."

"Vậy có phải người đó không được tái sinh cũng không phải không được tái sinh, thưa Thầy Cồ-đàm?"

"Này Vaccha, chữ 'không phải được tái sinh cũng không phải không được tái sinh' không áp dụng chỗ này."

17. "Khi Thầy Cồ-đàm được hỏi bốn câu hỏi này, thầy trả lời như rằng: 'Này Vaccha, chữ "được tái sinh" không áp dụng chỗ này'; 'Này Vaccha, chữ "không được tái sinh"

không áp dụng chỗ này'; 'Này Vaccha, chữ "vừa được tái sinh và không được tái sinh" không áp dụng chỗ này'; 'Này Vaccha, chữ "không phải được tái sinh cũng không phải không được tái sinh" không áp dụng chỗ này.' Giờ tôi bị rớt vào hoang mang, thưa Thầy Cồ-đàm, giờ tôi bị rớt vào sự rối mù, và một số niềm tin tôi có được từ cuộc nói chuyện trước đây với Thầy Cồ-đàm giờ cũng mất tiêu."

18. "Này Vaccha, đã quá đủ làm cho ông hoang mang, đã quá đủ làm cho ông rối mù. Này Vaccha, vì Giáo Pháp này là thâm diệu, khó thấy được và khó hiểu được, nó bình an và siêu phàm, không thể chứng ngộ bằng suy lý, nó tinh tế, chỉ được trải nghiệm bởi người hiền trí. Rất khó cho ông hiểu được nó, khi ông vẫn đang nắm giữ cách-nhìn khác, đang chấp nhận giáo-lý khác, đang làm theo cách-tu-tập khác, và đang quy theo một vị thầy. Này Vaccha, giờ đến lượt ta đặt câu hỏi cho ông trả lời. Hãy trả lời theo ý ông.

19. "Này Vaccha, ông nghĩ sao? Giả sử có lửa đang cháy trước mặt ông. Liệu ông có biết: 'Lửa này đang cháy trước mặt tôi', hay không?"

"Tôi biết, thưa Thầy Cồ-đàm."

"Này Vaccha, nếu có ai hỏi ông: 'Lửa đang cháy trước mặt ông là cháy dựa vào cái gì?'—khi được hỏi vậy, ông trả lời ra sao?"

"Thưa Thầy Cồ-đàm, khi được hỏi vậy, tôi sẽ trả lời rằng: 'Lửa này cháy trước mặt tôi là cháy dựa vào cỏ và củi.'"

"Rồi nếu lửa trước mặt ông bị tắt, liệu ông có biết: 'Lửa này trước mặt tôi đã bị tắt', hay không?"

"Tôi biết, thưa Thầy Cồ-đàm."

"Này Vaccha, nếu có ai hỏi ông: 'Khi lửa đó trước mặt ông đã bị tắt, lửa đó đi về đâu: đông, tây, nam, hay bắc?'— khi được hỏi như vậy, ông trả lời ra sao?"

"Điều đó không áp dụng chỗ này, thưa Thầy Cồ-đàm. Lửa cháy dựa vào nhiên liệu của nó là cỏ và củi. Khi cỏ hết củi hết, khi nó không còn nhiên liệu nữa, không có nhiên liệu, thì nó được-coi là đã tắt."

20. "Cũng giống như vậy, này Vaccha, Như Lai đã từ bỏ hết *thân-sắc* đó, do đó một người đang mô tả về Như Lai có thể mô tả Như Lai như vậy; Như Lai đã cắt bỏ tận gốc, làm nó như một gốc cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Được giải thoát khỏi cái được-coi là thân sắc, Như Lai là thâm sâu (sâu thẳm), không thể ước lượng (vô lượng), khó thể đo lường, giống như đại dương. Chữ "được tái sinh" không áp dụng chỗ này; chữ "không được tái sinh" không áp dụng chỗ này; chữ "vừa được tái sinh và không được tái sinh" không áp dụng chỗ này; chữ "không phải được tái sinh cũng không phải không được tái sinh" cũng không áp dụng chỗ này.

Như Lai đã từ bỏ hết *cảm-giác* đó, do đó một người đang mô tả về Như Lai có thể mô tả Như Lai như … đã từ bỏ hết *nhận-thức* đó, do đó một người đang mô tả về Như Lai có thể mô tả Như Lai như vậy … đã từ bỏ hết *những sự tạo tác-cố ý-đó,* do đó một người đang mô tả về Như Lai có thể mô tả Như Lai như vậy … đã từ bỏ hết *thức* đó, do đó một người đang mô tả về Như Lai có thể mô tả Như Lai như vậy; Như Lai đã cắt bỏ tận gốc, làm nó như một gốc cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Được giải thoát khỏi cái được-coi là thức, Như Lai là thâm sâu, không thể ước lượng, khó thể đo lường, như đại dương. Chữ "được tái sinh"

không áp dụng chỗ này; chữ "không được tái sinh" không áp dụng chỗ này; chữ "vừa được tái sinh và không được tái sinh" không áp dụng chỗ này; chữ "không phải được tái sinh cũng không phải không được tái sinh" cũng không áp dụng chỗ này.

(*trích* MN 72: *Aggivacchagotta Sutta*; I 486–88)

Chương X.

NHỮNG CẤP BẬC GIÁC NGỘ

1. RUỘNG CÔNG ĐỨC TRÊN THẾ GIAN

(1) *Tám Loại Người Đáng Được Cúng Dường*

"Này các Tỳ kheo, có tám loại người này đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay tôn kính (kính chào, kính lễ), là ruộng công đức cao nhất của thế gian (phước điền vô thượng ở trên đời). Tám đó là gì?

"Bậc Nhập-lưu, và người đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu; bậc Nhất-lai, và người đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhất-lai; bậc Bất-lai, và người đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Bất-lai; bậc A-la-hán, và người đang tu tập để chứng ngộ thánh quả A-la-hán.

"Này các Tỳ kheo, tám loại người này đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay tôn kính, là ruộng công đức cao nhất của thế gian."

(AN 8:59; IV 292)

(2) *Sự Phân Biệt* (*các cấp bậc giác ngộ*) *Dựa Vào Các Căn*

"Này các Tỳ kheo, có năm căn này. Năm đó là gì? Căn niềm tin, căn năng lượng, căn (chánh) niệm, căn (chánh) định, căn trí tuệ.

"Người đã thành tựu và hoàn thiện năm căn đó là một bậc A-la-hán. Nếu các căn còn kém hơn chút, thì người đó đang tu tập để chứng ngộ thánh quả A-la-hán; nếu kém hơn chút nữa thì người đó là bậc Bất-lai; kém hơn chút nữa thì người đó đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Bất-lai; nếu kém hơn chút nữa thì người đó là bậc Nhất-lai, nếu kém hơn chút nữa thì người đó đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhất-lai;

nếu kém hơn chút nữa thì người đó là bậc Nhập-lưu, còn kém hơn nữa thì người đó đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

"Nhưng, này các Tỳ kheo, ta nói rằng người có các căn bên trong mình đã hoàn toàn và toàn bộ vắng lặn là một "người đứng bên ngoài, người đứng riêng giữa những người thế tục.'"

(SN 48:18; V 202)

(3) *Trong Giáo Pháp Được Giảng Bày Một Cách Khéo Léo*

42. "Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta giảng bày khéo léo như vậy là rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá (chỉnh đổi). Trong Giáo Pháp đã được ta giảng bày khéo léo như vậy là rõ ràng, khai mở, xác đáng, và không bị chấp vá, những Tỳ kheo nào là những bậc A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô nhiễm—là những người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu của mình, đã rõ ràng tiêu diệt các gông cùm trói buộc hiện hữu, là người đã được giải thoát hoàn toàn bằng sự hiểu-biết cuối-cùng—thì họ không còn vòng luân hồi nào để xuất hiện trong đó.[5]

43. "Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta giảng bày khéo léo như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp được ta giảng bày khéo léo như vậy, những Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ năm (05) gông cùm nhẹ đô, thì tất cả họ đều tái sinh một cách tự phát (tự động, tự nhiên) vào những cõi trời trong sạch (năm cõi Tịnh Cư Thiên) và ở đó họ tiếp tục chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng, chứ không còn quay lại (tái sinh) từ cõi đó nữa.[6] (họ là những bậc thánh Bất-lai)

44. "Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta giảng bày khéo léo như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp được ta giảng bày khéo léo như vậy, những Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ được ba (03) cùm gông cùm và đã làm suy yếu các tính tham, sân, và si, thì tất cả họ đều là bậc thánh Nhất-lai, chỉ còn quay lại (tái sinh) vào thế gian này một lần nữa trước khi chấm dứt mọi sự khổ.

45. "Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta giảng bày khéo léo như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp được ta giảng bày khéo léo như vậy, những Tỳ kheo nào đã dẹp bỏ được ba gông cùm, thì tất cả họ đều là bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt lại trong những cõi thấp xấu (súc sinh, ngạ quỷ…), đã được định chắc vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến.[7]

46. "Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta giảng bày khéo léo như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp được ta giảng bày khéo léo như vậy, những Tỳ kheo nào là người tu trì theo Giáo-Pháp (người tu căn trí) hoặc là người tu trì theo niềm-tin (người tu căn tín), thì tất cả họ cũng đều lấy sự giác-ngộ là đích-đến của mình.[8]

47. "Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp đã được ta giảng bày khéo léo như vậy là rõ ràng … không bị chấp vá. Trong Giáo Pháp được ta giảng bày khéo léo như vậy, những ai có đủ niềm tin vào ta, có đủ lòng thương mến đối với ta, thì tất cả họ đều có cõi-trời là đích-đến của mình."[9]

(*trích* MN 22: *Alagaddūpama Sutta*; I 140–42)
(*Kinh "Ví Dụ Con Rắn"*)

(4) *Sự Toàn Vẹn Của Giáo Lý*

6. “Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ dục vọng, đã cắt bỏ tận gốc, làm nó như một gốc cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai, Tỳ kheo đó là một bậc A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô nhiễm—là người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu của mình, đã rõ ràng tiêu diệt các gông cùm trói buộc hiện hữu, là người đã được giải thoát hoàn toàn bằng sự hiểu-biết cuối-cùng.”

7. “Ngoài Thầy Cồ-đàm, có Tỳ kheo nào, là đệ tử của Thầy Cồ-đàm, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải thoát của-tâm, sự giải thoát bằng-trí-tuệ, người đó không còn ô nhiễm (vô nhiễm) vì đã tiêu diệt mọi ô nhiễm?”.[10]

“Có chứ, này Vaccha, không chỉ có một trăm, hay hai hay ba hay bốn hay năm trăm, mà có nhiều hơn các Tỳ kheo, là những đệ tử của ta, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải thoát của-tâm, sự giải thoát bằng-trí-tuệ, người đó không còn ô nhiễm vì đã tiêu diệt mọi ô nhiễm.”

8. “Ngoài Thầy Cồ-đàm và các Tỳ kheo, có Tỳ kheo *Ni* nào, là đệ tử của Thầy Cồ-đàm, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong sự giải thoát của-tâm, sự giải thoát bằng-trí-tuệ, người đó không còn ô nhiễm vì đã tiêu diệt mọi ô nhiễm?”

“Không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà có nhiều hơn các Tỳ kheo *Ni*, là những đệ tử của ta, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này

chứng nhập và an trú trong sự giải thoát của-tâm, sự giải thoát bằng-trí-tuệ, người đó không còn ô nhiễm vì đã tiêu diệt mọi ô nhiễm."

9. "Ngoài Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni, có người *nam* đệ tử tại gia nào, là đệ tử của Thầy Cồ-đàm, mặc áo trắng cư sĩ sống đời sống độc thân, là người đã tiêu diệt năm gông cùm nhẹ đô, sẽ tái sinh một cách tự phát vào những cõi trời thanh tịnh (năm cõi Tịnh Cư thiên) và ở đó họ tiếp tục chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng, không còn quay trở lại thế gian từ đó cõi đó nữa?"[11]

"Không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà có nhiều hơn các *nam* đệ tử tại gia, là đệ tử của ta, mặc áo trắng cư sĩ sống đời sống độc thân, là người đã tiêu diệt năm gông cùm nhẹ đô, sẽ tái sinh một cách tự phát vào những cõi trời thanh tịnh (năm cõi Tịnh Cư thiên) và ở đó họ tiếp tục chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng, không còn quay trở lại thế gian từ cõi đó nữa."

10. "Ngoài Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni, và những nam đệ tử tại gia, là đệ tử của Thầy Cồ-đàm, mặc áo trắng cư sĩ sống đời sống độc thân, có người *nam* đệ tử tại gia nào, là đệ tử của Thầy Cồ-đàm, mặc áo trắng cư sĩ tuy còn sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan (dục lạc), nhưng thực hiện giáo lý của Thầy Cồ-đàm, hưởng ứng chỉ dạy của Thầy Cồ-đàm, đã vượt qua sự nghi-ngờ, đã không còn băn khoăn, đã đạt tới sự dạn dĩ (không sợ sệt), và không còn nương dựa vào những người khác để sống trong thánh giáo của người Thầy?"[12]

"Không chỉ có một trăm … năm trăm, mà có nhiều hơn những *nam* đệ tử tại gia, là đệ tử của ta, mặc áo trắng cư sĩ

tuy còn sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan, nhưng thực hiện giáo lý của ta, hưởng ứng lời chỉ dạy của Thầy Cồ-đàm, đã vượt qua nghi-ngờ, đã không còn băn khoăn, đã đạt tới sự dạn dĩ (không sợ sệt), và không còn nương dựa vào những người khác để sống trong thánh giáo của người Thầy."

11. "Ngoài Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng, cả những người sống đời sống độc thân và những người sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan, có *nữ* đệ tử tại gia nào, là đệ tử của Thầy Cồ-đàm, mặc áo trắng cư sĩ sống đời sống độc thân, là người đã tiêu diệt năm gông cùm nhẹ đô, sẽ tái sinh một cách tự phát vào những cõi trời thanh tịnh (năm cõi Tịnh Cư thiên) và ở đó họ tiếp tục chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng, không còn quay trở lại (tái sinh) từ cõi đó nữa?"

"Không chỉ có một trăm … hay năm trăm, mà có nhiều hơn các *nữ* đệ tử tại gia, là đệ tử của ta, mặc áo trắng cư sĩ sống đời sống độc thân, là người đã tiêu diệt năm gông cùm nhẹ đô, sẽ tái sinh một cách tự phát vào những cõi trời thanh tịnh (năm cõi Tịnh Cư thiên) và ở đó họ tiếp tục chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng, không còn quay trở lại (tái sinh) từ cõi đó nữa."

12. "Ngoài Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng, cả những người sống đời sống độc thân và những người sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan, có *nữ* đệ tử tại gia nào, là đệ tử của Thầy Cồ-đàm, mặc áo trắng cư sĩ sống đời sống mặc áo trắng cư sĩ tuy còn sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan (nhục dục), nhưng thực hiện giáo lý của Thầy Cồ-đàm, hưởng ứng lời chỉ dạy của Thầy Cồ-đàm, đã vượt qua nghi-ngờ, đã không còn băn khoăn, đã đạt tới sự dạn dĩ (không sợ sệt), và

không còn nương dựa vào những người khác để sống trong thánh giáo của người Thầy?"

"Không chỉ có một trăm … năm trăm, mà có nhiều hơn những *nữ* đệ tử tại gia, là đệ tử của ta, mặc áo trắng cư sĩ tuy còn sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan, nhưng thực hiện giáo lý của ta, hưởng ứng lời chỉ dạy của ta, đã vượt qua nghi-ngờ, đã không còn băn khoăn, đã đạt tới sự dạn dĩ (không sợ sệt), và không còn nương dựa vào những người khác để sống trong thánh giáo của người Thầy."

13. "Thưa Thầy Cồ-đàm, nếu chỉ có Thầy Cồ-đàm thành tựu trong Giáo Pháp này, nhưng không Tỳ kheo nào thành tựu được, thì đời sống tâm linh sẽ bị khiếm khuyết (không đầy đủ, trọn vẹn) về phương diện đó; nhưng vì Thầy Cồ-đàm, và các Tỳ kheo thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh được trọn vẹn về phương diện đó.

Nếu chỉ có Thầy Cồ-đàm và các Tỳ kheo thành tựu trong Giáo Pháp này, nhưng không có Tỳ kheo *Ni* nào thành tựu được, thì đời sống tâm linh sẽ bị khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng vì Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo, và các Tỳ kheo Ni thành tựu trong Giáo Pháp này, nên đời sống tâm linh được trọn vẹn về phương diện đó.

Nếu chỉ có Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni thành tựu trong Giáo Pháp này, nhưng không có *nam* đệ tử tại gia mặc áo trắng *sống đời sống độc thân* thành tựu được, thì đời sống tâm linh sẽ bị khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng vì Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo, các Tỳ kheo Ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng sống đời sống độc thân thành tựu, nên đời sống tâm linh được trọn vẹn về phương diện đó.

Nếu chỉ có Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo, các Tỳ kheo Ni, và những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng sống đời sống độc thân thành tựu trong Giáo Pháp này, nhưng không có *nam* đệ tử tại gia mặc áo trắng còn *sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan* thành tựu được, thì đời sống tâm linh sẽ bị khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng vì Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo, các Tỳ kheo Ni, những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng sống đời sống độc thân, và nam đệ tử tại gia mặc áo trắng sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan thành tựu được, nên đời sống tâm linh được trọn vẹn về phương diện đó.

Nếu chỉ có Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo, các Tỳ kheo Ni, những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng … thành tựu trong Giáo Pháp này, nhưng không có *nữ* đệ tử tại gia mặc áo trắng *sống đời sống độc thân* thành tựu được, thì đời sống tâm linh sẽ bị khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng vì Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo, các Tỳ kheo Ni, những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng … và những nữ đệ tử tại gia mặc áo trắng sống đời sống độc thân tựu được, nên đời sống tâm linh được trọn vẹn về phương diện đó.

Nếu chỉ có Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo, các Tỳ kheo Ni, những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng … và những *nữ* đệ tử tại gia mặc áo trắng sống đời sống độc thân tựu thành tựu trong Giáo Pháp này, nhưng không có *nữ* đệ tử tại gia mặc áo trắng còn *sống đời sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan*, thì đời sống tâm linh sẽ bị khiếm khuyết về phương diện đó; nhưng vì Thầy Cồ-đàm, các Tỳ kheo, các Tỳ kheo Ni, những nam đệ tử tại gia mặc áo trắng … và những *nữ* đệ tử tại gia mặc áo trắng sống đời sống hưởng thụ khoái lạc giác quan thành tựu được, nên đời sống tâm linh được trọn vẹn về phương diện đó.

14. "Giống như dòng sông Hằng luôn hướng ra phía biển, nghiêng chảy ra biển, chảy về phía biển, và chảy tới biển; cũng giống như vậy, hội đoàn của Thầy Cồ-đàm gồm những người xuất gia và những người tại gia luôn hướng về Niết-bàn, nghiêng chảy tới hướng Niết-bàn, chảy về phía Niết-bàn, và đạt tới Niết-bàn."

(*trích* MN 73: *Mahāvacchagotta Sutta*; I 490–93)
(*Đại kinh "Vacchagotta"*)

(5) *Bảy Loại Thánh Nhân*

11. "Này các Tỳ kheo, ta không nói về tất cả những Tỳ kheo vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần; ta cũng không nói về tất cả những Tỳ kheo không còn việc phải làm với sự nỗ lực chuyên cần.

12. "Ta không nói về những Tỳ kheo là những A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô nhiễm, những người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu của họ, đã rõ ràng tiêu diệt mọi gông cùm trói buộc sự hiện hữu, và đã hoàn toàn được giải thoát bằng sự hiểu-biết cuối cùng, (ta không nói) rằng họ vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần. Vì sao vậy? Vì họ đã làm xong việc của họ với sự nỗ lực chuyên cần rồi; họ không còn khả năng lơ tâm phóng dật nữa.

13. "Ta nói về những Tỳ kheo là những học-nhân (người vẫn còn tu tập, tức bảy bậc thánh nhân dưới A-la-hán), tâm của họ chưa đạt tới mục tiêu, và họ vẫn đang khát vọng đạt tới sự an toàn cao nhất khỏi mọi ràng buộc, nên họ vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần. Vì sao vậy? Bởi vì những thầy [bậc đáng kính, ngài] đó biết sử dụng chỗ ở

thích hợp và biết giao lưu với đạo hữu tốt và biết tu dưỡng các căn tâm linh, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này họ có thể chứng nhập và an trú trong mục tiêu cao thượng đó của đời sống tâm linh, mà vì mục tiêu đó những người các họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Khi nhìn thấy kết quả của sự nỗ lực chuyên cần như vậy, ta nói rằng họ vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần.

14. "Này các Tỳ kheo, có bảy loại thánh nhân được thấy trong thế gian. Bảy đó là gì? Đó là: người đã giải thoát bằng-cả-hai-cách, người đã giải thoát bằng-trí-tuệ, người thân-chứng, người đạt-tới tầm-nhìn (chánh-kiến), người đã giải thoát bằng-niềm-tin, người tu trì theo-Giáo-Pháp (căn trí), và người tu trì theo-niềm-tin (căn tín).

15. "Cái gì là loại người đã *giải thoát bằng-cả-hai-cách*? Ở đây, có người tiếp xúc với thân và an trú trong những sự giải thoát bình an và vô sắc, vượt trên các sắc thân, và *đã tiêu diệt mọi ô nhiễm* của mình bằng sự nhìn-thấy bằng trí tuệ. Loại người này được gọi là người đã được giải thoát bằng-cả-hai-cách.[13] Ta không nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần. Vì sao vậy? Vì người đó đã làm xong việc của mình với sự nỗ lực chuyên cần; người đó không còn có khả năng lơ tâm phóng dật nữa.

16. "Cái gì là loại người đã *giải thoát bằng-trí-tuệ*? Ở đây, có người không tiếp xúc với thân và an trú trong những sự giải thoát bình an và vô sắc, vượt trên mọi thể sắc, và *đã tiêu diệt mọi ô nhiễm* của mình bằng sự nhìn-thấy bằng trí tuệ. Loại người này được gọi là người được giải thoát bằng-trí-tuệ.[14] Ta không nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần. Vì sao vậy? Vì người

đó đã làm xong việc của mình với sự nỗ lực chuyên cần; người đó không còn có khả năng lơ tâm phóng dật nữa.

17. "Cái gì là loại người *thân-chứng*? Ở đây có người tiếp xúc với thân và an trú trong những sự giải thoát bình an và vô sắc, vượt trên mọi thể sắc, và *đã tiêu diệt một số ô nhiễm* của mình bằng sự nhìn-thấy bằng trí tuệ. Loại người này được gọi là người thân-chứng.[15] Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần. Vì sao vậy? Bởi vì vị thầy [bậc đáng kính, ngài] đó biết sử dụng chỗ ở thích hợp và biết giao lưu với đạo hữu tốt và biết tu dưỡng các căn tâm linh, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này họ có thể chứng nhập và an trú trong mục tiêu cao thượng đó của đời sống tâm linh, mà vì mục tiêu đó những người các họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Khi nhìn thấy kết quả của sự nỗ lực chuyên cần như vậy, ta nói rằng họ vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần.

18. "Cái gì là người *đã đạt-tới tầm-nhìn* (chánh kiến)? Ở đây có người không tiếp xúc với thân và an trú trong những sự giải thoát bình an và vô sắc, vượt trên mọi thể sắc, và *đã tiêu diệt một số ô nhiễm* của mình bằng sự nhìn-thấy bằng trí tuệ, và người đó đã suy xét và quán xét bằng trí tuệ những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai. Loại người này được gọi là người đã đạt-tới tầm-nhìn.[16] Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần. Vì sao vậy? Bởi vì vị Tỳ kheo đó … đi vào đời sống xuất gia tu hành. Khi nhìn thấy kết quả của sự nỗ lực chuyên cần như vậy, ta nói rằng họ vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần.

19. "Cái gì là loại người *giải thoát bằng-niềm-tin*? Ở đây có người không tiếp xúc với thân và an trú trong những sự giải thoát bình an và vô sắc, vượt trên mọi thể sắc, nhưng *đã tiêu diệt một số* ô nhiễm của mình bằng sự nhìn-thấy bằng trí tuệ, và niềm tin của người đó đã được gieo trồng, được bắt rễ, và được thiết lập ở Như Lai. Loại người này được gọi là người được giải thoát bằng-niềm-tin.[17] Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm với sự nỗ lực chuyên cần. Vì sao vậy? Bởi vì vị Tỳ kheo đó … đi vào đời sống xuất gia tu hành. Khi nhìn thấy kết quả của sự nỗ lực chuyên cần như vậy, ta nói rằng họ vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần.

20. "Cái gì là loại người *tu trì theo-Giáo-Pháp*? Ở đây có người không tiếp xúc với thân và an trú trong những sự giải thoát bình an và vô sắc, vượt trên mọi thể sắc, nhưng *chưa tiêu diệt những ô nhiễm* của mình bằng sự nhìn-thấy bằng trí tuệ, nhưng đã chấp nhận những giáo lý được tuyên thuyết bởi Như Lai sau khi đã suy xét tới một mức độ đủ bằng trí tuệ. Thêm nữa, người đó có những phẩm chất sau: căn niềm tin, căn năng lượng (tinh tấn), căn chánh niệm, căn chánh định, và căn trí tuệ. Loại người này được gọi là người tu trì theo Giáo-Pháp.[18] Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần. Vì sao vậy? Bởi vì vị Tỳ kheo đó … đi vào đời sống xuất gia tu hành. Khi nhìn thấy kết quả của sự nỗ lực chuyên cần như vậy, ta nói rằng họ vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần.

21. "Cái gì là loại người *tu trì theo-niềm-tin*? Ở đây có người không tiếp xúc với thân và an trú trong những sự giải thoát bình an và vô sắc, vượt trên mọi thể sắc, nhưng *chưa tiêu diệt những ô nhiễm* của mình bằng sự nhìn-thấy bằng trí

tuệ, nhưng người đó có đầy đủ niềm-tin và lòng thương mến đối với Như Lai. Thêm nữa, người đó có những phẩm chất sau: căn niềm-tin, căn năng lượng, căn chánh niệm, căn chánh định, và căn trí tuệ. Loại người này được gọi là người tu trì theo niềm-tin. Ta nói về một Tỳ kheo như vậy vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần. Vì sao vậy? Bởi vì vị Tỳ kheo đó biết sử dụng chỗ ở thích hợp và biết giao lưu với đạo hữu tốt và biết tu dưỡng các căn tâm linh, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này họ có thể chứng nhập và an trú trong mục tiêu cao thượng đó của đời sống tâm linh, mà vì mục tiêu đó những người các họ tộc đã rời bỏ đời sống tại gia để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Khi nhìn thấy kết quả của sự nỗ lực chuyên cần như vậy, ta nói rằng họ vẫn còn việc phải làm (tu) với sự nỗ lực chuyên cần."

(*trích* MN 70: *Kiṭāgiri Sutta*; I 477–79)

2. THÁNH QUẢ NHẬP-LƯU

(1) *Bốn Yếu Tố Dẫn Tới Thánh Quả Nhập-Lưu*

Đức Thế Tôn đã nói với ngài Xá-lợi-phất: "Này Xá-lợi-phất, có nghe nói: 'Yếu tố để chứng ngộ thánh quả nhập lưu, yếu tố dẫn tới thánh quả nhập lưu.' Giờ, này Xá-lợi-phất, cái gì là yếu tố dẫn tới thánh quả nhập lưu?"

"Thưa Thế Tôn, giao lưu với những bậc cao nhân thánh hiền là một yếu tố giúp dẫn tới thánh quả nhập lưu. Nghe Giáo Pháp là một yếu tố giúp dẫn tới thánh quả nhập lưu. Chú tâm kỹ càng là một yếu tố giúp dẫn tới thánh quả nhập lưu. Tu tập đúng theo Giáo Pháp là một yếu tố giúp dẫn tới thánh quả nhập lưu."

"Lành thay, lành thay, này Xá-lợi-phất! Đúng như lời thầy nói. Này Xá-lợi-phất, có nghe nói: 'Dòng thánh đạo, dòng thánh đạo.' Giờ, dòng thánh đạo đó là gì?"

"Thưa Thế Tôn, con đường Bát Thánh Đạo là dòng thánh đạo; đó gồm: cách-nhìn đúng đắn, ý nghĩ đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, định tâm đúng đắn."

"Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Đúng như lời thầy nói. Này Xá-lợi-phất, có nghe nói: 'bậc Nhập-lưu, bậc thánh Nhập-lưu.' Giờ, bậc Nhập-lưu đó là gì?"

"Thưa Thế Tôn, một người có-được (sở hữu, đắc, thành tựu) con đường Bát Thánh Đạo này được gọi là một bậc Nhập-lưu (đã nhập vào dòng thánh đạo): bậc đáng kính đó được gọi tên và họ với danh xưng như vậy."

"Lành thay, lành thay, Xá-lợi-phất! Người có-được con đường Bát Thánh Đạo này là một bậc thánh Nhập-lưu: bậc đáng kính đó được gọi tên và họ với danh xưng như vậy."

(SN 55:5; V 410–11)

(2) *Bước Vào Con Đường Chánh Đạo Đã Định*

"Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, thay đổi, luôn bị biến đổi. Tai … Mũi … Lưỡi … Thân … Tâm là vô thường, thay đổi, luôn bị biến đổi. Người đặt niềm tin vào những giáo pháp này và kiên tâm vào đó như vậy thì được gọi là những người tu theo-niềm-tin, là người đã bước vào đường hướng chánh đạo đã được định chắc (tức Bát Thánh Đạo)[19], đã bước vào cảnh giới của những bậc cao nhân thánh hiền, đã vượt trên cảnh giới của những người phàm phu thế tục. Người đó

không còn có khả năng làm bất cứ điều gì có thể khiến mình bị tái sinh vào cảnh giới địa ngục, súc sinh, hay cảnh giới của những hồn ma ngạ quỷ đầy đau khổ; người đó không còn có khả năng chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.[20]

"Người đã chấp nhận những giáo pháp như vậy sau khi có điều tra suy xét tới một mức độ đầy đủ bằng trí tuệ thì được gọi là người tu theo-Giáo-Pháp, là người đã bước vào con đường chánh đạo đã định (tức Bát Thánh Đạo), đã bước vào cảnh giới của những bậc cao nhân thánh hiền, đã vượt trên cảnh giới của những người phàm phu thế tục. Người đó không còn có khả năng làm bất cứ điều gì có thể khiến mình bị tái sinh vào cảnh giới địa ngục, súc sinh, hay cảnh giới của những hồn ma ngạ quỷ đầy đau khổ; người đó không còn có khả năng chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

"Người biết và thấy những giáo pháp như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt vào cảnh giới thấp xấu hơn, đã định chắc vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến."[21]

(SN 25:1; III 225)

(3) *Thâm Nhập* (*Đột Phá Vào, Hiểu Thấu Suốt*) *Giáo Pháp*

Đức Thế Tôn chỉ một chút đất dính trong ngón tay và nói các Tỳ kheo như vầy:

"Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, cái nào nhiều hơn: một chút đất trong móng tay của ta hay trái đất lớn này?"

"Thưa Thế Tôn, trái đất lớn này nhiều hơn. Chút đất trong móng tay của đức Thế Tôn là không đáng kể. Nó còn

chưa được một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của trái đất lớn."

"Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, đối với một người đệ tử thánh thiện, một người đã thành tựu về mặt tầm-nhìn, đã thành tựu việc thâm-nhập (Giáo Pháp), thì đã tiêu diệt và loại trừ nhiều sự khổ hơn, phần khổ còn lại là không đáng kể. Phần còn lại không bằng một phần trăm, hay một phần ngàn, hay một phần trăm ngàn của đống khổ trước đó đã bị tiêu diệt và loại trừ, vì chỉ còn (bị tái sinh) tối đa trong bảy kiếp nữa. Này các Tỳ kheo, đó là lợi ích to lớn của việc thâm-nhập Giáo Pháp, đó là lợi to lớn của việc đạt được tầm-nhìn của Giáo Pháp."[22]

(SN 13:1; II 133–34)

(4) *Bốn Yếu Tố Của Một Bậc Thánh Nhập-Lưu*

"Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có-được (sở hữu) bốn điều là một bậc nhập-lưu, không còn bị rớt vào cảnh giới thấp xấu, đã định chắc vận mệnh, với sự giác ngộ là đích đến của mình.

"Bốn đó là gì? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện có được niềm-tin xác thực[23] vào Phật như vầy: 'Đức Thế Tôn là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã thành tựu về sự hiểu-biết đích thực và đức hạnh, bậc phúc lành, bậc hiểu biết thế gian, người dẫn dắt cao nhất của những người cần được huấn luyện, thầy của các thiên thần và người, bậc Giác Ngộ, bậc Thế Tôn.' Người đó có-được niềm-tin xác thực vào Giáo Pháp như vầy: 'Giáo Pháp được đức Thế Tôn giảng bày khéo léo, có thể trực tiếp nhìn thấy được, có hiệu quả tức thì, mời người đến để thấy, đáng được áp dụng, được

tự thân chứng nghiệm bởi người trí hiền.' Người có-được niềm-tin xác thực vào Tăng Đoàn như vầy: 'Tăng Đoàn các đệ tử của đức Thế Tôn đang tu tập cách thức tốt lành, đang tu tập cách thức chánh thẳng, đang tu tập cách thức đích thực, đang tu tập cách thức đúng đắn; Tăng Đoàn đó gồm bốn cặp, tám loại người—Tăng đoàn của Như Lai là đáng được tặng quà, đáng được tiếp đón, đáng được cúng dường, đáng được lễ chào tôn kính, là ruộng gieo trồng công đức (phước điền) cao nhất ở thế gian.' Người đó có-được đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng, không bị bể gãy, không bị đứt rách, không bị ô nhiễm, không bị vết chấm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.

"Này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện sở hữu bốn điều này là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn bị rớt vào cảnh giới thấp xấu hơn, đã định chắc vận mệnh, với sự giác ngộ là đích đến của mình."

(SN 55:2; V 343–44)

(5) *Còn Đáng Có Hơn Quyền Thống Trị Cả Trái Đất*

"Này các Tỳ kheo, ngay cả có là một vị vua quay chuyển bánh xe giáo pháp (chuyển luân vương), đã thực thi quyền thống trị tối cao khắp bốn châu lục, khi thân tan rã, sau khi chết, sẽ được tái sinh trong một nơi đến tốt lành, trong một cõi trời, trong chỗ những thiên thần của cõi trời Tāvatimsa (Đao-lợi); và ở đó, được vây quanh bởi các tiên nữ trong khu Vườn Nandana, người đó thụ hưởng bản thân, được chu cấp và được ưu đãi đầy đủ năm thứ khoái lạc giác quan của cõi trời, nhưng, vị vua đó vẫn chưa có-được bốn điều, vẫn chưa

thoát khỏi địa ngục, cảnh giới súc sinh, và cảnh giới hồn ma ngạ quỷ đầy khổ đau, chưa thoát khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu ác, cảnh giới thấp xấu.[24]

Này các Tỳ kheo, mặc dù một người đệ tử thánh thiện sống giữ mình với thức ăn khất thực và y áo làm bằng giẻ rách, nhưng, người đó vẫn chưa có-được bốn điều, vẫn chưa thoát khỏi địa ngục, cảnh giới súc sinh, và cảnh giới hồn ma ngạ quỷ đầy khổ đau, chưa thoát khỏi cảnh giới khổ đau, những nơi đến xấu ác, cảnh giới thấp. Bốn đó là gì? Đó là: niềm-tin xác thực vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, và đức-hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng. Và này các Tỳ kheo, giữa hai thứ, quyền thống trị khắp bốn châu lục trái đất và sự có-được bốn điều đó, thì quyền thống trị bốn châu lục không bằng một phần sáu so với việc có-được bốn điều đó."

(SN 55:1; V 342)

3. THÁNH QUẢ BẤT-LAI

(1) *Dẹp Bỏ Năm Gông Cùm Nhẹ Đô*

7. "Này Ānanda, có một con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô. Đối với bất cứ ai, nếu không dựa vào con đường và phương cách đó, vẫn có thể biết hoặc nhìn thấy hoặc dẹp bỏ được năm gông cùm nhẹ đô—điều đó là không thể. Cũng như có một cây to có gỗ lõi, không ai có thể cắt lấy gỗ lõi bên trong mà không cắt qua những phần vỏ cây và phần gỗ mềm; cũng giống như vậy đối với trường hợp dẹp bỏ năm gông cùm, không thể làm được nếu không dựa vào con đường và phương cách đó.

"Này Ānanda, có một con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô. Ai, nếu biết dựa vào con đường và phương cách đó, sẽ có thể biết và thấy và dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô—điều này là có thể. Cũng như có một cây to có gỗ lõi, người ta có thể cắt lấy phần gỗ lõi bằng cách cắt qua các phần vỏ cây và phần gỗ mềm bên ngoài; cũng giống như vậy đối với trường hợp dẹp bỏ năm gông cùm, có thể làm được điều đó nếu biết dựa vào con đường và phương cách đó.

8. "Này Ānanda, giả sử sông Hằng nước tràn đầy tới mép bờ đến mức con quạ có thể (đưa miệng xuống) uống được, và rồi có một người yếu ớt đến đó nghĩ rằng: 'Bằng cách bơi ngang dòng nước bằng hai tay của ta, ta sẽ vượt qua bờ bên kia sông Hằng một cách an toàn', nhưng người đó *đâu thể* bơi qua được một cách an toàn. Cũng giống như vậy, khi Giáo Pháp được dạy cho một người để chấm dứt danh tánh (cái ta), nếu tâm của người đó không tiến nhập vào Giáo Pháp và không đạt được niềm tự tin, sự vững vàng, và sự kiên định, thì người đó có thể được coi như một người yếu ớt vậy.[25]

"Này Ānanda, sông Hằng tràn đầy nước tới hai mép bờ đến mức con quạ cũng uống được, và rồi có một người khỏe mạnh đến đó nghĩ rằng: 'Bằng cách bơi ngang dòng nước bằng hai tay của ta, ta sẽ vượt qua bờ bên kia sông Hằng một cách an toàn'; và người đó *có thể* thể bơi qua được một cách an toàn. Cũng giống như vậy, khi Giáo Pháp được dạy cho một người để chấm dứt danh tánh (cái ta), nếu tâm của người đó tiến nhập vào Giáo Pháp và đạt được niềm tự tin, sự vững vàng, và sự kiên định, thì người đó có thể được coi như một người khỏe mạnh.

9. "Và, này Ānanda, cái gì là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô? Ở đây, bằng sự tách ly khỏi sự sở hữu vật chất (sự có, sự muốn có thứ này thứ nọ),[26] bằng sự dẹp bỏ những trạng thái (tâm) bất thiện, bằng sự làm lắng lặng những tập tính (quán tính) của thân, sống tách ly khỏi những khoái lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong *(1)* tầng thiền định thứ nhất, có được đi kèm với ý nghĩ ban đầu (tầm) và sự suy xét nó (tứ), có yếu tố hân hoan (hỷ) và hạnh phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly đó.

"Trong (trạng thái thiền định) đó, bất cứ thứ gì thuộc thân sắc, cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy những trạng thái đó là vô thường, là khổ, như một căn bệnh, như một ung nhọt, như một gai nhọn, như một tai họa, như một khổ đau, như kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã.[27] Người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những trạng thái đó, và hướng nó tới yếu tố bất tử như vầy: 'Đây là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng lặng những sự tạo tác cố ý (các hành), sự từ bỏ mọi sự sở hữu sở đắc, sự tiêu diệt dục vọng, sự chán bỏ, sự chấm dứt, Niết-bàn.'[28] Nếu người đó vững vàng trong trạng thái đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt những ô nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô nhiễm, rồi nhờ chính sự mong muốn có được Giáo Pháp đó, sự thích thú về Giáo Pháp, cùng với sự tiêu diệt năm gông cùm nhẹ đô, người đó trở thành người hiển nhiên được tái sinh một cách tự phát [vào những cõi trời trong sạch] (năm cõi Tịnh Cư Thiên) và ở đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn luôn chứ không còn tái sinh lại từ cõi đó nữa.[29] Đây là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô.

10–12. "Lại nữa, bằng sự khống chế ý nghĩ ban đầu (tầm) và ý nghĩ suy lý (tứ), một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong (2) tầng thiền định thứ hai.… Lại nữa, bằng sự làm phai biến yếu tố hân hoan (hỷ) và yếu tố hạnh phúc (lạc) … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong (3) tầng thiền thứ ba.… Lại nữa, bằng sự dẹp bỏ mọi sự sướng và khổ … một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong (4) tầng thiền thứ tư, là trạng thái không-còn sướng-khổ gì nữa và có sự tinh-khiết của yếu tố chánh niệm nhờ tâm buông xả (siêu vời).

"Trong (trạng thái thiền định) đó, bất cứ thứ gì thuộc thân sắc, cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy những trạng thái đó là vô thường … là vô ngã. Người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những trạng thái đó và hướng nó tới yếu tố bất tử … Đây là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô.

13. "Lại nữa, bằng sự hoàn toàn vượt trên những nhận thức về thân sắc, bằng sự phai biến những nhận thức về các tác động giác quan, bằng sự không-chú-tâm tới những nhận thức về sự đa dạng này nọ, ý thức rõ rằng 'không gian là vô biên', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong (5) cảnh xứ không gian vô biên (không vô biên xứ).

"Trong (trạng thái thiền định) đó, bất cứ thứ gì thuộc cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức,[30] người đó nhìn thấy những trạng thái đó là vô thường … là vô ngã. Người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những trạng thái đó và hướng nó tới yếu tố bất tử … Đây là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô.

14. "Lại nữa, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ không gian vô biên, ý thức rõ 'thức là vô biên', một Tỳ kheo

chứng nhập và an trú trong (6) cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ).

"Trong (trạng thái thiền định) đó, bất cứ thứ gì thuộc cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy những trạng thái đó là vô thường … là vô ngã. Người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những trạng thái đó và hướng nó tới yếu tố bất tử … Đây là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô.

15. "Lại nữa, bằng cách hoàn toàn vượt trên cảnh xứ thức vô biên, ý thức rõ 'tất cả không có gì', một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong (7) cảnh xứ không có gì (vô sở hữu xứ).

"Trong (trạng thái thiền định) đó, bất cứ thứ gì thuộc cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức, người đó nhìn thấy những trạng thái đó là vô thường, là khổ, như một căn bệnh, như một ung nhọt, như một gai nhọn, như một tai họa, như một khổ đau, như kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã. Người đó chuyển hướng tâm ra khỏi những trạng thái đó, và hướng nó tới yếu tố bất tử như vầy: 'Đây là bình an, đây là siêu phàm, đó là, sự làm lắng lặng những sự tạo tác cố ý (các hành), sự từ bỏ mọi sự sở hữu sở đắc, sự tiêu diệt dục vọng, sự chán bỏ, sự chấm dứt, Niết-bàn.' Nếu người đó vững vàng trong trạng thái đó, người đó sẽ đạt tới sự tiêu diệt những ô nhiễm. Nhưng nếu người đó không đạt tới sự tiêu diệt ô nhiễm, rồi nhờ chính sự mong muốn có được Giáo Pháp đó, sự thích thú về Giáo Pháp, cùng với sự tiêu diệt năm gông cùm nhẹ đô, người đó trở thành người hiển nhiên được tái sinh một cách tự phát [vào những cõi trời trong sạch] (năm cõi Tịnh Cư Thiên) và ở đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn luôn chứ không còn tái sinh lại từ cõi đó nữa. Đây là con đường và phương cách dẫn tới dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô.

(*trích* MN 64: *Mahāmāluṅkya Sutta*; I 434–37)
(*Đại kinh "Māluṅkya"*)

(2) *Bốn Loại Người Chứng Ngộ Niết-bàn*

"Này các Tỳ kheo, có bốn loại người được thấy trên thế gian. Bốn đó là gì?

"Ở đây, này các Tỳ kheo, (i) có người, ngay trong kiếp này (khi còn sống), chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự nỗ lực ý chí. Ở đây, (ii) có người, khi thân tan rã (ngay khi chết), chứng ngộ Niết-bàn cuối-cùng nhờ sự nỗ lực ý chí. Ở đây, (iii) có người, ngay trong kiếp này (khi còn sống), chứng ngộ Niết-bàn cuối-cùng không cần nỗ lực ý chí. Ở đây, (iv) có người, khi thân tan rã (khi chết), chứng ngộ Niết-bàn cuối-cùng không cần nỗ lực ý chí.

(i) "Và, này các Tỳ kheo, làm cách nào một người, ngay trong kiếp này, chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự nỗ lực ý chí? Ở đây, một Tỳ kheo sống quán xét về sự dơ bẩn ghớm ghiếc của thân này, nhận thức tính tởm lợm ghê tởm trong thức ăn, nhận thức tính bất toại nguyện (bất mãn, bất hài lòng) với toàn bộ thế giới, quán xét về tính vô thường trong tất cả mọi sự tạo tác; và sự nhận thức rằng cái chết đã được thiết lập (nằm sẵn) bên trong mình.[31] Người đó sống dựa vào năm năng lực của một người học-nhân: năng lực niềm-tin, sự xấu-hổ về mặt đạo đức, sự sợ-hãi việc làm tội lỗi, năng-lượng, và trí-tuệ. Năm căn này đã cực kỳ mạnh mẽ bên trong người đó: căn niềm-tin, năng-lượng, chánh-niệm, chánh-định, và trí-tuệ. Do có sức mạnh của của năm căn này, nên ngay trong kiếp này người đó chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự nỗ lực ý chí. Đó là cách một

người, ngay trong kiếp này, chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự nỗ lực ý chí .

(ii) "Và, này các Tỳ kheo, làm cách nào một người, khi thân tan rã, chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự nỗ lực ý chí ? Ở đây, một Tỳ kheo sống quán xét sự ghớm ghiếc của thân này … và sự nhận thức về cái chết đã thiết lập sẵn bên trong mình. Người đó sống dựa vào năm năng lực của một người học-nhân: năng lực niềm-tin … và trí-tuệ. Năm căn này vẫn còn tương đối yếu bên trong mình, nên đến khi thân tan rã người đó mới chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự nỗ lực ý chí. Đây là cách một người, khi thân tan rã, chứng ngộ Niết-bàn nhờ sự nỗ lực ý chí.'

(iii) "Và, này các Tỳ kheo, làm cách nào một người, ngay trong kiếp này, chứng ngộ Niết-bàn không cần sự nỗ lực ý chí? Ở đây, nhờ tách ly khỏi những khoái lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … tầng thiền định thứ tư. Người đó sống dựa vào năm năng lực của một người học-nhân: năng lực niềm-tin … và trí-tuệ. Năm căn này đã cực kỳ mạnh mẽ bên trong mình, nên ngay trong kiếp này người đó chứng ngộ Niết-bàn không cần sự nỗ lực ý chí. Đây là cách một người, ngay trong kiếp này, chứng ngộ Niết-bàn không cần sự nỗ lực ý chí.

(iv) "Và, này các Tỳ kheo, làm cách nào một người, khi thân tan rã, chứng ngộ Niết-bàn không cần sự nỗ lực ý chí? Ở đây, nhờ tách ly khỏi những khoái lạc giác quan, tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, một Tỳ kheo chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất … tầng thiền định thứ tư. Người đó sống dựa vào năm năng lực của một người học-nhân: năng lực niềm-tin … và trí-tuệ. Năm căn này vẫn còn

tương đối yếu bên trong mình: căn niềm-tin … và trí-tuệ. Do sự yếu ớt của năm căn này, nên đến khi thân tan rã người đó mới chứng ngộ Niết-bàn không cần sự nỗ lực ý chí. Đây là cách một người, khi thân tan rã, chứng ngộ Niết-bàn không cần sự nỗ lực ý chí.

"Này các Tỳ kheo, đây là bốn loại người được thấy trong thế gian này."

(AN 4:169; II 155–56)

(3) *Sáu Điều Góp Phần Trong Sự Hiểu-Biết Đích Thực*

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở thành Rājagaha (Vương-xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), chỗ cư trú của bầy sóc. Lúc đó có một người đệ tử tại gia tên là Dighāvu bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết. Rồi người đệ tử tại gia tên Dighāvu đó đã nói với cha mình, là gia chủ Jotika, như vầy: "Thưa cha, nhờ cha đến gặp đức Thế Tôn, kính lễ đức Thế Tôn giùm con, cúi đầu xuống nhân đức Thế Tôn, và thưa rằng: 'Thưa đức Thế Tôn, đệ tử tại gia Dighāvu (là con trai của con) đang bệnh, đau đớn, bệnh gần chết; con trai con nhờ con đến cúi đầu xuống chân đức Thế Tôn để kính lễ đức Thế Tôn.' Rồi thưa rằng: 'Thưa đức Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn, vì lòng bi mẫn, đến nơi ở của người đệ tử tại gia Dighāvu.'"

"Được rồi, con yêu", gia chủ Jotika trả lời, và ông đi đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa lại lời của người con. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi đức Thế Tôn mặc y áo, mang bình bát và y ngoài, đi đến chỗ ở của người đệ tử tại gia Dighāvu. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với đệ tử Dighāvu: "Này Dighāvu, ta hy vọng anh chịu đựng được, ta hy vọng anh đang thấy đỡ hơn. Ta hy vọng những cảm giác đau đớn của anh đang lắng xuống và không gia tăng, và càng lúc sẽ cảm thấy rõ sự lắng xuống, chứ không gia tăng, của chúng."

"Thưa Thế Tôn, con không chịu đựng được hơn, con không thấy đỡ hơn. Những cảm giác đau mạnh đang gia tăng trong con, chứ không lắng xuống, con càng lúc càng cảm thấy rõ chúng như vậy."

"Này Dighāvu, như vậy anh nên tập luyện bản thân mình như vầy: 'Tôi sẽ là người đã xác thực niềm-tin vào Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn, và người tuân giữ những đức hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng, không bị bể gãy, không bị đứt rách, không bị ô vết nhiễm, không bị vết chấm, giúp giải thoát, được khen ngợi bởi người hiền trí, không bị dính chấp, dẫn tới đạt định.' Đó là cách anh nên tập luyện bản thân mình như vậy."

"Thưa Thế Tôn, đối với bốn yếu tố dẫn tới thánh quả Nhập-lưu đã được dạy bởi đức Thế Tôn, những điều đó đều có đủ bên trong con, và con sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con đã xác thực niềm-tin vào Phật, Pháp, và Tăng, và con tuân giữ những đức hạnh mà các bậc thánh nhân quý trọng."

"Như vậy, này Dighāvu, nếu đã xác lập bốn yếu tố dẫn tới thánh quả Nhập-lưu đó, anh nên tu tập thêm sáu điều góp phần tạo nên sự hiểu-biết đích thực. Ở đây, này Dighāvu, sống quán xét rõ tính vô thường trong mọi sự tạo tác, nhận

thức rõ sự khổ trong những thứ vô thường, nhận thức rõ sự vô ngã trong những thứ khổ, nhận thức rõ sự trừ bỏ, nhận thức rõ sự phai biến, nhận thức rõ sự chấm dứt.[32] Đó là cách anh nên tập luyện bản thân mình như vậy."

"Thưa đức Thế Tôn, đối với sáu điều góp phần tạo nên sự hiểu-biết đích thực đã được dạy bởi đức Thế Tôn, sáu điều đó đều có đủ bên trong con, và con đã sống đúng đủ theo những điều đó. Vì vậy, thưa đức Thế Tôn, con sống quán xét rõ tính vô thường trong mọi sự tạo tác, nhận thức rõ sự khổ trong những thứ vô thường, nhận thức rõ sự vô ngã trong những thứ khổ, nhận thức rõ sự trừ bỏ, nhận thức rõ sự phai biến, nhận thức rõ sự chấm dứt. Tuy nhiên, thưa đức Thế Tôn, con hy vọng sau khi con hết kiếp này (chết), phụ thân con sẽ không bị ưu sầu."

"Này con yêu, Dighāvu. Dighāvu yêu dấu, giờ con nên chú tâm kỹ càng vào những lời đức Thế Tôn đang nói với con." Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã nói những lời dạy đó cho người đệ tử tại gia Dighāvu, đứng dậy khỏi chỗ ngồi và ra về. Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn ra về, người đệ tử tại gia Dighāvu đã chết.

Rồi sau đó một số Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, vị đệ tử tại gia Dighāvu đã chết. Vậy vị ấy sẽ đi về đâu? Vị ấy đã tái sinh về đâu?"

"Này các Tỳ kheo, người đệ tử tại gia Dighāvu là người có trí. Người đó đã tu tập đúng theo Giáo Pháp và không làm phiền ta về vấn đề Giáo Pháp. Với sự đã tiêu diệt rõ ràng năm gông cùm nhẹ đô, người đệ tử tại gia Dighāvu đã tái sinh một cách tự phát [vào những cõi trời trong sạch] (một trong năm

cõi Tịnh Cư Thiên của bậc thánh Bất Lai], và ở đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn, không còn quay lại (tái sinh) từ cõi đó nữa."

(SN 55:3; V 344–46)

(4) *Năm Loại Thánh Bất-Lai*

"Này các Tỳ kheo, khi bảy yếu tố (giúp) giác ngộ này đã được tu tập và phát triển theo cách như vậy, thì có thể mong đợi bảy kết quả và lợi ích. Bảy kết quả và lợi ích đó là gì?

"Người tu sớm chứng ngộ sự hiểu-biết cuối cùng [thánh quả A-la-hán] ngay trong kiếp này.

"Nếu người tu không sớm chứng ngộ sự hiểu-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này, thì người đó sẽ chứng ngộ sự hiểu-biết cuối cùng vào lúc chết.

(*i*) "Nếu người tu không sớm chứng ngộ sự hiểu-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này hoặc vào lúc chết, thì với sự tiêu diệt rõ ràng năm gông cùm nhẹ đô người đó sẽ chứng ngộ Bát-niết-bàn trong nửa kiếp đầu ở một cõi trời trong sạch (dành cho bậc thánh Bất-lai).[33]

(*ii*) "Nếu người tu không sớm chứng ngộ sự hiểu-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Bát-niết-bàn trong nửa kiếp đầu ở một cõi trời trong sạch, thì với sự tiêu diệt rõ ràng năm gông cùm nhẹ đô người đó sẽ chứng ngộ Bát-niết-bàn trong nửa kiếp sau ở một cõi trời trong sạch.

(*iii*) "Nếu người tu không sớm chứng ngộ sự hiểu-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Bát-niết-bàn trong nửa kiếp sau ở một cõi trời trong sạch, thì với sự tiêu diệt rõ ràng năm gông cùm nhẹ đô

người đó sẽ chứng ngộ Bát-niết-bàn không cần sự nỗ lực ý chí.

(*iv*) "Nếu người tu không sớm chứng ngộ sự hiểu-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Bát-niết-bàn không cần sự nỗ lực ý chí, thì với sự tiêu diệt rõ ràng năm gông cùm nhẹ đô người đó sẽ chứng ngộ Bát-niết-bàn bằng sự nỗ lực ý chí.

(*v*) "Nếu người tu không sớm chứng ngộ sự hiểu-biết cuối cùng [A-la-hán] ngay trong kiếp này … hoặc không chứng ngộ Bát-niết-bàn bằng sự nỗ lực ý chí, thì với sự tiêu diệt rõ ràng năm gông cùm nhẹ đô người đó (tái sinh lần lượt qua các cõi trời trong sạch và,) cuối cùng sẽ chứng ngộ Bát-niết-bàn ở cõi trời Akaniṭṭha (cõi trời cao nhất, thọ nhất trong năm cõi trời trong sạch dành cho các bậc thánh Bất-lai).

"Này các Tỳ kheo, khi bảy yếu tố giác ngộ này đã được tu tập và phát triển theo cách như vậy, thì có thể mong đợi bảy kết quả và lợi ích như vậy."

(SN 46:3; V 69–70)

4. THÁNH QUẢ A-LA-HÁN

(1) *Loại Bỏ Tàn Dư Hơi Hướng Của Cái "Ta"*

Trong một lần một số Tỳ kheo đang sống ở Kosambī trong khuôn viên của tu viện Ghosita. Lúc đó có Thầy Khemaka đang sống trong Vườn Cây Táo Ta, đang bệnh, đau đớn, bệnh gần chết.

Rồi, vào buổi chiều, các Tỳ kheo trưởng lão rời khỏi chỗ ẩn dật của mình và nói với Thầy Dāsaka như vầy: "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đến gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy

ấy: 'Đạo hữu Khemaka, các vị trưởng lão nói với thầy như vầy: Chúng tôi hy vọng hy vọng thầy chịu đựng được, chúng tôi hy vọng thầy đang thấy đỡ hơn. Chúng tôi hy vọng những cảm giác đau đớn của thầy đang lắng xuống, chứ không gia tăng, và càng lúc sẽ cảm thấy sự lắng xuống, không gia tăng, của chúng.'"

"Được, thưa các đạo hữu", Thầy Dāsaka đáp lại, và thầy ấy đi đến gặp Thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn.

[Thầy Khemaka trả lời:] "Tôi không chịu đựng được hơn, tôi không thấy đỡ hơn. Những cảm giác đau mạnh đang gia tăng trong tôi, chứ không lắng xuống, càng lúc tôi càng cảm thấy rõ chúng như vậy." Rồi Thầy Dāsaka về gặp các Tỳ kheo trưởng lão nói lại những lời Thầy Khemaka đã nói. Các trưởng lão lại nói: "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đến gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: 'Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy: Năm uẩn bị dính chấp đã được đức Thế Tôn nói rõ; đó là: sắc thân, cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức. Trong số năm đống uẩn đó, thầy Khemaka có coi cái nào là 'ta' hay 'của ta' hay không?'"

"Được, thưa các đạo hữu", Thầy Dāsaka đáp lại, và thầy ấy đi đến gặp Thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn.

[Thầy Khemaka trả lời:] "Năm uẩn bị dính chấp đã được đức Thế Tôn nói rõ; đó là: sắc thân, cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức. Trong số năm đống uẩn đó, tôi không coi cái nào là 'ta' hay 'của ta' cả."

Rồi Thầy Dāsaka về gặp các Tỳ kheo trưởng lão nói lại những lời Thầy Khemaka đã nói. Các trưởng lão lại nói: "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đến gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: 'Nếu Thầy Khemaka không coi cái nào là 'ta' hay

'của ta' cả, thì thầy ấy là một bậc A-la-hán, người đã tiêu diệt hết mọi ô nhiễm của mình.'"[34]

"Được, thưa các đạo hữu", Thầy Dāsaka đáp lại, và thầy ấy đi đến gặp Thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn.

[Thầy Khemaka trả lời:] "Năm uẩn bị dính chấp đã được đức Thế Tôn nói rõ; đó là: thân sắc, cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức. Trong số năm đống uẩn đó, tôi không coi cái nào là 'ta' hay 'của ta' cả, nhưng tôi chưa phải là một bậc A-la-hán, chưa phải người đã tiêu diệt hết mọi ô nhiễm của mình. Này đạo hữu, [quan niệm, ý niệm] cái 'ta là' vẫn chưa biến mất trong tôi trong liên quan tới năm đống uẩn bị dính chấp, nhưng tôi không còn coi [bất cứ thứ nào trong uẩn nào] như 'đây là ta' nữa"[35]

Rồi Thầy Dāsaka về gặp các Tỳ kheo trưởng lão nói lại những lời Thầy Khemaka đã nói. Các trưởng lão lại nói: "Này đạo hữu Dāsaka, hãy đến gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: 'Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái "ta là" như vậy—thì thầy đang nói về cái gì là cái "ta là"? Có phải thầy nói sắc-thân là cái "ta là", hay thầy đang nói về một cái "ta là" nào khác với sắc thân? Có phải thầy nói cảm-giác là cái "ta là" … Có phải thầy nói nhận-thức là cái "ta là" … Có phải thầy nói những sự tạo-tác cố ý là cái "ta là" … Có phải thầy nói thức là cái "ta là", hay thầy đang nói về cái "ta là" nào khác với thức? Khi thầy nói về cái "ta là" như vậy thì thầy đang nói về cái gì là cái "ta là"?'"

"Được, thưa các đạo hữu", Thầy Dāsaka đáp lại, và thầy ấy đi đến gặp Thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn.

[Thầy Khemaka trả lời:] "Đủ rồi, này đạo hữu Dāsaka! Tại sao cứ bắt thầy chạy đi chạy lại như vậy? Gọi người giúp

tôi (chú điệu…). Tôi sẽ tự mình đi đến gặp các vị trưởng lão đó."

Rồi Thầy Khemaka, nương dựa vào người phụ giúp, đã đi đến gặp các vị trưởng lão, chào hỏi với họ, và ngồi xuống một bên. Rồi các Tỳ kheo trưởng lão nói với thầy ấy: "Đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái "ta là" … thì thầy đang nói về cái gì là cái "ta là"?

"Thưa các đạo hữu, tôi không nói sắc-thân là cái "ta là". Tôi không nói cảm-giác là cái "ta là" … Tôi không nói nhận-thức là cái cái "ta là" … Tôi không nói những sự tạo-tác cố ý là cái cái "ta là" … Tôi không nói thức là cái cái "ta là"; tôi cũng không nói về cái "ta là" nào khác với thức. Này các đạo hữu, mặc dù cái [quan niệm, ý niệm] "ta là" vẫn chưa biến mất trong tôi trong liên quan tới năm đống uẩn bị dính chấp đó, nhưng tôi không còn coi [thứ gì trong năm đống uẩn đó] như 'đây là ta' nữa"

"Này các đạo hữu, giả như có mùi hương của hoa sen xanh, sen đỏ, sen trắng. Liệu có đúng không nếu có ai nói: 'Mùi hương đó thuộc về cánh hoa', hay nói 'Mùi hương đó thuộc về cuống hoa', hay nói 'Mùi hương đó thuộc về nhụy hoa'?"

"Không đúng, thưa đạo hữu."

"Và, này các đạo hữu, làm cách nào để trả lời cho đúng?"

"Này đạo hữu, câu trả lời đúng là: 'Mùi hương thuộc về hoa.'"

"Cũng đúng như vậy, này các đạo hữu, tôi không nói sắc-thân là cái "ta là". Tôi không nói cảm-giác là cái "ta là" … Tôi không nói nhận-thức là cái cái "ta là" … Tôi không nói

những sự tạo-tác cố ý là cái cái "ta là" … Tôi không nói thức là cái cái "ta là"; tôi cũng không nói về cái "ta là" nào khác với thức. Này các đạo hữu, mặc dù cái [quan niệm, ý niệm] "ta là" vẫn chưa biến mất trong tôi trong liên quan tới năm đống uẩn bị dính chấp đó, nhưng tôi không còn coi [thứ gì trong năm đống uẩn đó] như 'đây là ta' cả".

"Này các đạo hữu, ngay cả khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô, nhưng, liên quan tới năm đống uẩn bị dính chấp, vẫn còn dính lại trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái "ta là", một tham muốn "ta là", một khuynh hướng tiềm ẩn "ta là" vẫn chưa được bứng sạch. Nhiều lúc sau này người đó sống thiền quán về sự hiện và lặn của năm uẩn bị dính chấp như vầy: 'Này là sắc, này là sự khởi sinh của sắc, này là sự biến diệt của nó; này là cảm-giác … này là nhận-thức … này là những sự tạo-tác cố ý … này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức.' Khi người đó sống thiền quán như vậy về sự hiện và lặn của năm uẩn bị dính chấp, thì cái tàn dư hơi hướng của cái 'ta', tham muốn cái 'ta', khuynh hướng tiềm ẩn cái 'ta' chưa được bứng sạch—rồi sẽ bị bứng sạch.

"Này các đạo hữu, giả như có một tấm vải bị dính đất và bị dơ bẩn, và người chủ đưa cho người giặt đồ. Người giặt đồ sẽ vò nó bằng muối tẩy, bằng nước (kiềm) giặt đồ, hoặc bằng phân bò, và sau đó xổ sạch nó trong nước sạch. Mặc dù tấm vải đó đã được tinh tẩy và sạch sẽ, nhưng, nó vẫn còn lại chút tàn dư của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò vẫn chưa hoàn toàn biến mất. Rồi người thợ giặt mang giao tấm vải cho người chủ. Rồi người chủ mang cất vào một học tủ đầy mùi thơm (như có để hương thơm, nước hoa, long não…), thì

phần tàn dư của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò chưa biến mất, rồi sẽ bị biến mất hoàn toàn sau đó.[36]

"Cũng như vậy, này các đạo hữu, mặc dù một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô, nhưng, liên quan tới năm đống uẩn bị dính chấp, vẫn còn dính một chút tàn dư hơi hướng của cái 'ta', một chút tham muốn cái 'ta', một chút khuynh hướng tiềm ẩn cái 'ta' vẫn chưa được bứng sạch…. Khi người đó sống thiền quán như vậy về sự hiện và lặn của năm đống uẩn bị dính chấp, thì cái tàn dư hơi hướng của cái 'ta', tham muốn cái 'ta', khuynh hướng tiềm ẩn cái 'ta' vẫn chưa được bứng sạch—rồi sẽ bị bứng sạch."

Khi lời này được nói ra, các Tỳ kheo trưởng lão đã nói với Thầy Khemaka: "Chúng tôi không hỏi những câu hỏi để làm phiền Thầy Khemaka, nhưng chúng tôi hỏi vì nghĩ Thầy Khemaka có thể giải thích, chỉ dạy, làm rõ, thiết lập, mở ra, phân tích, và làm sáng tỏ lời dạy của đức Thế Tôn một cách chi tiết."

Như vậy các Tỳ kheo trưởng lão đã phấn khởi và vui mừng với những lời tuyên thuyết của Thầy Khemaka. Và trong khi bài giảng này đang được nói ra, tâm của sáu mươi vị Tỳ kheo trưởng lão đó và của cả Thầy Khemaka đã được giải thoát khỏi mọi ô nhiễm nhờ sự không-còn dính chấp.

(SN 22:89; III 126–32)

(2) *Người Học-Nhân và Bậc A-la-hán*

Ở Kosambī trong khuôn viên tu viện Ghosita đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vầy:

"Này các Tỳ kheo, có một phương pháp, nhờ nó một Tỳ kheo là một học nhân còn tu tập, còn đang đứng trên đất của học nhân, có thể hiểu như vầy: 'Ta là một học nhân còn tu tập'; trong khi đó một Tỳ kheo vượt qua sự tu tập, đang đứng trên đất của bậc vô học nhân đã vượt qua sự tu tập, có thể hiểu: 'Ta là người đã vượt qua sự tu tập.'

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp, nhờ nó một Tỳ kheo là một học nhân còn tu tập, còn đang đứng trên đất của học nhân, có thể hiểu được: 'Tôi là một học nhân còn tu tập'?

"Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học nhân còn tu tập hiểu rõ đúng như nó thực là: 'Đây là khổ. Đây là nguồn gốc khổ. Đây là sự chấm dứt khổ. Đây là con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.' Đây là một phương pháp, nhờ nó một Tỳ kheo là một học nhân tu tập, còn đang đứng trên đất của học nhân, có thể hiểu rõ: 'Tôi là một học nhân.'

"Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học nhân còn tu tập biết suy xét như vầy: 'Ngoài ở đây ra[37], còn có một tu sĩ hay bà-la-môn nào dạy một Giáo Pháp thực sự, chân thực, đúng thực như đức Thế Tôn làm hay không?.' (Sau khi suy xét) người đó hiểu rõ như vầy: 'Ngoài ở đây ra, không có một tu sĩ hay một bà-la-môn nào dạy một Giáo Pháp thực sự, chân thực, đúng thực như đức Thế Tôn làm.' Đây cũng là một một phương pháp, nhờ nó một Tỳ kheo là một học nhân tu tập, còn đang đứng trên đất của học nhân, có thể hiểu rõ: 'Tôi là một học nhân.'

"Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một học nhân còn tu tập hiểu rõ năm căn tâm linh—căn niềm-tin, năng-lượng, chánh-niệm, chánh-định, và trí-tuệ. Người đó *chưa* an

trú tiếp xúc được bằng thân này rằng cái gì là đích đến của mình, đỉnh cao của mình, đạo quả của mình, mục tiêu cuối cùng của mình; *nhưng* sau khi đã xuyên thấu bằng trí tuệ, người đó sẽ nhìn thấy được.[38] Đây cũng là một một phương pháp, nhờ nó một Tỳ kheo là một học nhân tu tập, đang còn đứng trên đất của học nhân, có thể hiểu rõ: 'Tôi là một học nhân.'

"Và, này các Tỳ kheo, cái gì là phương pháp, nhờ nó một Tỳ kheo đã vượt qua sự tu tập, đang đứng trên đất của bậc vô học nhân đã vượt qua sự tu tập, hiểu rõ: 'Ta là người đã vượt qua sự tu tập'? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo đã vượt qua sự tu tập hiểu rõ năm căn tâm linh—căn niềm-tin … trí-tuệ. Người đó đã an trú tiếp xúc được bằng thân này rằng cái gì là đích đến của mình, đỉnh cao của mình, đạo quả của mình, mục tiêu cuối cùng của mình; và sau khi đã xuyên thấu nó bằng trí tuệ, người đó đã nhìn thấy. Đây là một phương pháp, nhờ nó một Tỳ kheo đã vượt qua sự tu tập, đang đứng trên đất của bậc vô học nhân không còn tu tập, hiểu rõ rằng: 'Ta là người đã vượt qua sự tu tập.'

"Lại nữa, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo là một người đã vượt qua sự tu tập hiểu rõ sáu căn giác quan—giác quan mắt, giác quan tai, giác quan mũi, giác quan lưỡi, giác quan thân, giác quan tâm. Người đó hiểu rõ: 'Sáu giác quan sẽ chấm dứt hoàn toàn, và toàn bộ không còn chút tàn dư hơi hướng nào, và không còn có sáu giác quan nào khác khởi sinh bất cứ ở đâu bất cứ lúc nào.' Đây cũng là một phương pháp, nhờ nó một Tỳ kheo đã vượt qua sự tu tập, đang đứng trên đất của bậc vô học nhân đã vượt qua sự tu tập, hiểu rõ rằng: 'Ta là người đã vượt qua sự tu tập.'"

(SN 48:53: V 229–30)

(3) *Một Tỳ Kheo Đã Gỡ Bỏ Thanh Rào Cản*

30. "Này các Tỳ kheo, một A-la-hán được gọi là người đã gỡ bỏ thanh rào cản của mình, đã san bằng hào cản của mình, đã bứng bỏ cột cản của mình, là người không còn dính bản lề, là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá cờ của mình, đã hạ xuống gánh nặng của mình, là người không còn bị gông cùm trói buộc.

31. "Và làm cách nào một A-la-hán đã gỡ bỏ thanh rào-cản của mình? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ vô-minh (si), đã cắt bỏ tận gốc nó, làm nó như một gốc cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người đã gỡ bỏ thanh rào cản của mình.

32. "Và làm cách nào một A-la-hán đã san bằng hào-cản của mình? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ vòng luân-hồi tái-sinh, dẹp bỏ tiến-trình tái-sinh, đã cắt bỏ tận gốc nó, làm nó như một gốc cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người đã sang bằng hào cản của mình.

33. "Và làm cách nào một A-la-hán bứng bỏ cột-cản của mình? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ dục-vọng, đã cắt bỏ tận gốc nó, làm nó như một gốc cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người đã bứng bỏ cột cản của mình.

34. "Và làm cách nào một A-la-hán là người không còn dính bản lề? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ năm gong-cùm nhẹ-đô, đã cắt bỏ tận gốc nó, làm nó như một gốc cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là người không còn dính bản lề.

35. "Và làm cách nào một A-la-hán là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá cờ của mình, đã hạ xuống gánh nặng của mình, là người không còn bị gông cùm trói buộc? Ở đây vị A-la-hán đã dẹp bỏ tính tự ta tự đại ('ta là', ngã mạn), đã cắt bỏ tận gốc nó, làm nó như một gốc cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn khởi sinh trong tương lai. Đó là cách vị ấy là bậc thánh nhân đã hạ xuống lá cờ của mình, đã hạ xuống gánh nặng của mình, là người không còn bị gông cùm trói buộc."

(*trích* MN 22: *Alagaddūpama Sutta*; I 139–40)

(4) *Chín Điều Một A-la-hán Không Còn Làm Được*

"Trong quá khứ, cũng như bây giờ, ta tuyên bố rằng một Tỳ kheo là một A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô nhiễm—người đã sống đời sống tâm linh, đã làm xong những gì cần phải làm, đã đặt xuống gánh nặng, đã đạt tới mục tiêu của mình, đã rõ ràng tiêu diệt mọi gông cùm trói buộc sự hiện hữu, và đã hoàn toàn được giải thoát bằng sự hiểu-biết cuối cùng—là không còn có khả năng vi phạm đối với chín điều sau đây: vị ấy không thể còn sát sinh, không thể trộm cắp, không thể dâm dục, không thể nói láo, và không còn sử dụng thụ hưởng những đồ đạc tích trữ như đã từng làm khi còn là một gia chủ; thêm nữa, vị ấy không còn có thể làm điều sai trái vì tham, vì sân, vì si, hay vì sợ hãi. Trong quá khứ, cũng như bây giờ, ta tuyên bố rằng một Tỳ kheo là một bậc A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô nhiễm là không còn có thể vi phạm đối với chín điều này."

(*trích* AN 9:7; IV 370–71)

(5) *Một Cái Tâm Bất Lay Chuyển*

[Thầy Xá-lợi-phất đã nói:] "Này đạo hữu, khi một Tỳ kheo được giải thoát như vậy trong tâm, thì ngay cả những hình sắc mạnh bạo nhận biết được bằng mắt xảy ra trong tầm-mắt người đó, chúng không còn chiếm ngự tâm người đó; tâm người đó vẫn không bị dính nhiễm, vẫn vững vàng, đạt tới sự bất khả lay chuyển, và người đó quán sát sự biến diệt của chúng. Ngay cả những âm thanh mạnh bạo nhận biết được bằng tai … những mùi hương nhận biết được bằng mũi … những mùi vị nhận biết được bằng lưỡi … những vật chạm xúc nhận biết được bằng thân … những hiện tượng tâm nhận biết được bằng tâm xảy ra trong tầm-tâm người đó, chúng không còn chiếm ngự tâm người đó; tâm người đó vẫn không bị dính nhiễm, vẫn vững vàng, đạt tới sự bất khả lay chuyển, và người đó chỉ quán sát sự biến diệt của chúng.

Này đạo hữu, giả sử có một cột đá dài mười sáu thước, tám thước được chôn chìm dưới đất và tám thước ở trên. Rồi một cơn bão mạnh đến từ phương đông: cột đá vẫn không nhúc nhích, không bị lắc, không bị lung. Rồi một cơn bão mạnh đến từ phương bắc … từ phương tây … từ phương nam: cột đá vẫn không nhúc nhích, không bị lắc, không bị lung. Tại sao vậy? Bởi chiều sâu của phần gốc và cây cột đã được trồng rất sâu. Cũng giống như vậy, đối với một Tỳ kheo được giải thoát như vậy trong tâm, nếu những đối tượng giác quan mạnh bạo xảy đến trong tầm giác quan, chúng không chiếm ngự trong tâm người đó tâm người đó vẫn không bị dính nhiễm, vẫn vững vàng, đạt tới sự bất khả lay chuyển, và người đó chỉ quán sát sự biến diệt của chúng."

(*trích* AN 9:26; IV 404–5)

(6) *Mười Năng Lực Của Một Vị A-la-hán*

Phật hỏi thầy Xá-lợi-phất: "Này Xá-lợi-phất, một vị A-la-hán có được bao nhiêu năng lực để vị ấy có thể tuyên bố đã đạt tới sự tiêu diệt mọi ô nhiễm?"

"Thưa Thế Tôn, một Tỳ kheo là A-la-hán có được mười năng lực nên nhờ đó vị ấy có thể tuyên bố mình đã đạt tới sự tiêu diệt mọi ô nhiễm. Mười đó là gì?

"Thưa Thế Tôn, ở đây đối với một A-la-hán thì tất cả mọi sự tạo tác đều được nhìn thấy là vô thường, đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng. Đây là một năng lực nhờ đó vị ấy có thể tuyên bố mình đã đạt tới sự tiêu diệt mọi ô nhiễm.

"Lại nữa, thưa Thế Tôn, đối với một A-la-hán thì những khoái lạc giác quan đã được nhìn thấy giống như hố lửa than, đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng. Đây cũng là một năng lực nhờ đó vị ấy có thể tuyên bố…

"Lại nữa, thưa Thế Tôn, tâm của một A-la-hán thiên về, nghiêng về, và hướng về sự tách ly lánh trần; nó an trú trong sự tách ly lánh trần, nó thích thú sự từ bỏ, và nó hoàn toàn dứt sạch với mọi thứ là cơ sở sinh ra ô nhiễm. Đây cũng là một năng lực nhờ đó vị ấy có thể tuyên bố…

"Thêm nữa, thưa Thế Tôn, đối với một A-la-hán thì bốn nền tảng chánh niệm đã được tu tập tới một mức được phát triển hoàn hảo. Đây cũng là một năng lực nhờ đó vị ấy có thể tuyên bố…

"Thêm nữa, thưa Thế Tôn, đối với một A-la-hán thì bốn loại nỗ lực đúng đắn (tứ chánh cần) … bốn cơ sở năng lực tâm linh (tứ thần túc) … năm căn tâm linh (ngũ căn) … năm

năng lực (ngũ lực)… bảy yếu tố giác ngộ (thất giác chi) … Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo) đã được tu tập tới một mức được phát triển hoàn hảo. Đây cũng là một năng lực nhờ đó vị ấy có thể tuyên bố mình đã đạt tới sự tiêu diệt mọi ô nhiễm."[39]

(AN 10:90; V 174–75)

(7) *Vị Tu Sĩ Sống Bình An [Sa-môn Mâu-ni]*

20. [Phật nói thêm với Pukkusāti như vầy:] "Rồi [sau khi quán sát sáu yếu tố], (tâm) chỉ còn lại sự buông-xả, được tinh lọc và sáng tỏ, dễ uốn nắn, dễ điều phục, và chiếu sáng.[40]…

21. "Người đó hiểu rõ như vầy: 'Nếu ta hướng sự buông-xả này, đã được rất tinh lọc và sáng tỏ, tới cảnh xứ không gian vô biên và phát triển tâm theo hướng đó, thì sự buông-xả này của ta, được hỗ trợ bởi cơ sở cảnh xứ này, dính chặt vào trong đó, sẽ trụ được trong đó một thời gian rất lâu.[41] Nếu ta hướng sự buông-xả này, đã được rất tinh lọc và sáng tỏ, tới cảnh xứ thức vô biên (thức vô biên xứ) … tới cảnh xứ không có gì (vô sở hữu xứ) … tới cảnh xứ không-có nhận thức cũng-không-phải-không-còn nhận thức (phi tưởng phi phi tưởng xứ) theo đúng hướng đó, thì sự buông-xả này của ta, được hỗ trợ bởi cảnh xứ này, dính chặt vào trong đó, sẽ trụ được trong đó một thời gian rất lâu.'

22. "Người đó hiểu rõ như vầy: 'Nếu ta hướng sự buông-xả này, đã được rất tinh lọc và sáng tỏ, tới cảnh xứ không gian vô biên và phát triển tâm theo đúng hướng đó, thì điều đó là có điều kiện (vẫn là hữu vi).[42] Nếu ta hướng sự buông-xả này, đã được rất tinh lọc và sáng tỏ, tới cảnh xứ thức vô biên … tới cảnh xứ không có gì … tới cảnh xứ không-có

nhận thức cũng-không-phải-không-còn nhận thức theo đúng hướng đó, thì điều đó là có điều kiện (vẫn là hữu vi)'. Cho nên người đó không tạo lập hay tạo tác bất kỳ ý chí (ý hành) nào để được hiện hữu hay không hiện hữu.[43] Và bởi do người đó không tạo lập hay tạo tác bất kỳ ý-chí nào để được hiện hữu hay không hiện hữu, nên người đó không còn dính chấp vào bất cứ thứ gì trong thế giới. Do không còn dính chấp, nên người đó không còn bị khích động. Do không còn bị khích động, nên người đó tự thân chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: 'Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh) bất kỳ trạng thái hiện hữu nào nữa.'[44]

23. "Khi cảm giác một cảm giác sướng,[45] người đó hiểu rõ: 'Nó là vô thường; không còn nắm giữ nó; không còn tham thích với nó.' Khi cảm giác một cảm giác khổ, người đó hiểu rõ: 'Nó là vô thường; không còn nắm giữ nó; không còn sân bực với nó.' Khi cảm giác một cảm giác trung tính [không khổ không sướng], người đó hiểu rõ: 'Nó là vô thường; không còn nắm giữ nó; không còn si mờ về nó.'

24. "Khi cảm giác một cảm giác sướng, người đó cảm thấy tách ly (buông bỏ); khi cảm giác một cảm giác khổ, người đó cảm thấy tách ly; khi cảm giác một cảm giác trung tính, người đó cảm thấy tách ly. Khi cảm giác một cảm giác đang chấm hết cùng với thân, người đó hiểu rõ: 'Ta cảm giác một cảm giác đang chấm hết cùng với thân.' Khi người đó cảm giác một cảm giác đang chấm dứt cùng với kiếp sống, người đó hiểu rõ: 'Ta cảm giác một cảm giác đang chấm dứt cùng với kiếp sống.' Người đó hiểu rõ: 'Khi thân tan rã, cùng với sự chấm dứt kiếp sống, tất cả (mọi cảm giác) đều được cảm nhận, nhưng không còn tham thích, sẽ nguội trơ ngay tại

đây.'[46] Này Tỳ kheo, cũng như ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ bị tắt ngấm do không còn nhiên liệu; cũng giống như vậy, khi người tu cảm giác một cảm giác đang chấm dứt cùng với thân … một cảm giác đang chấm dứt cùng với kiếp sống, người đó hiểu rõ: 'Tôi cảm giác một cảm giác đang chấm hết cùng với thân … cùng với kiếp sống.' Người đó hiểu rõ: 'Khi thân tan rã, cùng với sự chấm dứt kiếp sống, tất cả (mọi cảm giác) đều được cảm nhận, nhưng không còn tham thích, sẽ thành trơ nguội ngay tại đây.'[47]

25. "Do vậy một Tỳ kheo có-được [loại trí tuệ này] thì có-được luôn nền tảng tối cao của trí-tuệ. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là loại trí tuệ thánh thiện tối cao (diệu trí), được gọi là sự hiểu-biết về sự chấm dứt [tiêu diệt] khổ.

26. "Sự giải thoát của người tu, được xác lập trên sự thật, là không còn lay chuyển được. Bởi vì, này Tỳ kheo, thứ sai giả là mang tính chất giả lừa, và thứ sự thật thì mang tính chất không giả lừa—là Niết-bàn. Do vậy một Tỳ kheo có-được [sự thật này] thì có-được luôn nền tảng tối cao của sự thật. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là sự thật thánh diệu (diệu đế) tối cao, được gọi là Niết-bàn, có tính chất không giả lừa.[48]

27. "Trước kia, khi người tu đó còn vô minh ngu dốt, người đó đã chuốc lấy và nhận lấy những mầm-móng (tạo ra hiện hữu tái sinh);[49] giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ tận gốc, làm cho nó giống như gốc cây cọ chết, dứt sạch nó để nó không còn có thể khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo có-được [loại từ bỏ này] thì có-được luôn nền tảng tối cao của sự từ-bỏ. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là loại từ-bỏ thánh diệu tối cao, được gọi là sự từ bỏ tất cả mầm-móng (tạo ra hiện hữu tái sinh).

28. “Trước kia, khi người đó còn vô minh ngu dốt, người đó nếm trải sự thèm khát, *tham* muốn, và nhục dục; giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ tận gốc, làm cho chúng giống như gốc cây cọ chết, dứt sạch chúng để chúng không còn có thể khởi sinh trong tương lai. Trước kia, khi người đó còn vô minh ngu dốt, người đó trải nghiệm sự ác ý, *sân* giận, và thù ghét; giờ người đó đã dẹp bỏ chúng, đã cắt bỏ tận gốc, làm cho chúng giống như gốc cây cọ chết, dứt sạch chúng để chúng không còn có thể khởi sinh trong tương lai. Do vậy một Tỳ kheo có-được [loại bình-an này] thì có-được luôn nền tảng tối cao của sự bình-an. Bởi vì, này Tỳ kheo, đây là sự bình an thánh diệu tối cao, được gọi là sự làm lắng lặng tham, sân, và si.

29. “Do vậy, sau khi tham chiếu với điều này nên mới nói rằng: ‘Làm người không nên lơ là trí-tuệ, nên bảo tôn sự-thật, nên tu tập sự từ-bỏ, và nên tu tập để có được sự bình-an.’

30. “‘Những cơn sóng nhận thức (tưởng, mộng tưởng) không cuốn trôi người đứng vững trên [những nền tảng] đó, và khi những cơn sóng nhận thức không còn cuốn trôi người đó, thì người đó được gọi là bậc tu-sĩ sống-bình-an (bậc sa-môn mâu-ni, bậc ẩn sĩ trầm mặc).’[50] Vì vậy nên mới nói vậy. Và tham chiếu với những điều gì nên mới nói vậy?

31. “Này Tỳ kheo, cái ‘ta là’ chỉ là một sự nhận thức (sai lầm); ‘ta là này’ chỉ là một sự nhận thức; ‘ta sẽ là’ chỉ là một nhận thức; ‘ta sẽ không là’ chỉ là một nhận thức; ‘ta có một thân sắc’ chỉ là một nhận thức; ‘ta sẽ là vô sắc’ chỉ là một nhận thức; ‘ta là có tri giác’ chỉ là một nhận thức; ‘ta là không có tri giác’ chỉ là một nhận thức; ‘ta không phải có tri giác

cũng không phải không có tri giác' chỉ là một nhận thức.[51] Sự nhận thức là một căn bệnh, sự nhận thức là ung nhọt, sự nhận thức là một mũi tên. Nhờ vượt qua mọi sự nhận thức, này Tỳ kheo, nên người tu đó được gọi là bậc tu-sĩ sống-bình-an. Và bậc tu-sĩ sống-bình-an thì không còn bị sinh, không còn già, không còn chết; vị ấy không bị lay chuyển và không còn tham khát. Bởi vì chẳng còn có gì bên trong người đó có thể làm người đó bị tái sinh.[52] Không còn sinh thì sao có già? Không có già thì sao có chết? Không còn chết thì sao còn bị lay chuyển? Không còn bị lay chuyển thì sao còn tham khát?

32. "Do vậy sau khi tham chiếu với điều này nên mới nói rằng: 'Những cơn sóng nhận thức không cuốn trôi người đứng vững trên [những nền tảng] này, và khi những cơn sóng nhận thức không còn cuốn trôi người đó, người đó được gọi là bậc tu-sĩ sống-bình-an.'"

(*trích* MN 140: *Dhātuvibhaṅga Sutta*; III 244–47)
(*Kinh "Phân Biệt Các Yếu Tố"*)

(8) *Hạnh Phúc Thay Những Vị A-la-hán!*

Hạnh phúc thay những vị A-la-hán!
Dục vọng đã không còn bên trong họ.
Đã cắt bỏ cái "ta", tự ngã,
Đã xé tung màn lưới vô minh.

Họ đã đạt tới trạng thái bất động,
Tâm họ thì trong sáng;
Họ là người vô nhiễm trong thế gian—
Là những bậc thánh nhân, không còn ô nhiễm.

Sau khi đã hiểu rõ năm uẩn,

Sống trong bảy phẩm hạnh tốt lành,[53]
Những bậc cao nhân đáng được khen ngợi đó,
Là con cháu đích tôn của Đức Phật.

Đầy đủ bảy châu báu,
Đã tu xong ba phần tu học,[54]
Những vị đại anh hùng đó đi khắp nơi,
Mà không còn sợ hãi, không rung sợ.

Được phú đủ mười yếu tố,[55]
Những con rồng lớn đó, tâm đạt định,
Là những chúng sinh tốt lành nhất trong thế gian:
Dục vọng đã không còn bên trong họ.

Sự hiểu biết tinh thông đã khởi sinh trong họ:
"Thân này là thân cuối cùng ta mang."
Về cốt lõi của đời sống tâm linh,
Họ không còn phụ thuộc ai khác.

Họ không còn bị lay động với ba sự phân biệt,[56]
Họ đã thoát khỏi sự tái sinh.
Đã đạt tới giai đoạn của bậc đã tu-thành,
Họ là những người chiến thắng trong thế gian.

Trên, dưới, dọc, ngang,
Sự khoái thích không còn bên trong họ.
Họ ngang nhiên rống tiếng gầm sư tử:
"Những bậc giác ngộ là tối thượng trong thế gian."

(*trích* SN 22:76; III 83–84)

5. NHƯ-LAI

(1) *Phật và A-la-hán*

"Này các Tỳ kheo, thông qua sự tỉnh ngộ (tỉnh mộng) đối với thân sắc, cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của chúng, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã được giải thoát nhờ sự không-còn dính chấp; vị ấy được gọi là một bậc Toàn Giác. Thông qua sự tỉnh ngộ đối với thân sắc, cảm giác, nhận thức, những sự tạo tác cố ý, và thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của chúng, một Tỳ kheo được giải thoát bằng-trí-tuệ là được giải thoát nhờ sự không-còn dính chấp; người đó được gọi là người được giải thoát bằng-trí-tuệ.[57]

"Trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác (tức một vị Phật) với một Tỳ kheo được giải thoát bằng-trí-tuệ?"

"Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ Thế Tôn, được hướng dẫn bởi Thế Tôn, có Thế Tôn là nơi nương tựa. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó."

"Này các Tỳ kheo, vậy thì hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói."

"Dạ, thưa Thế Tôn", các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

"Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là người khởi sinh của con đường chưa được khởi sinh trước đó, là người tạo ra con đường chưa được tạo ra trước đó, là người tuyên bố về con đường chưa được tuyên bố trước đó. Bậc ấy là người hiểu biết thế gian, người khám phá ra con đường, người thiện xảo trong con đường. Và những người đệ

tử của bậc ấy giờ đi theo con đường đó và sau đó sẽ có-được (chứng đắc) con đường đó.

"Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác (tức một vị Phật) với một Tỳ kheo được giải thoát bằng-trí-tuệ."

(SN 22:58; III 65–66)

(2) *Vì Phúc Lợi Của Số Đông*

"Này các Tỳ kheo, ba loại người này khởi sinh trong thế gian vì phúc lợi của số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người. Ba đó là gì?

"Ở đây, này các Tỳ kheo, một bậc Như Lai khởi sinh trong thế gian, là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn … thầy của những thiên thần và người, là bậc Toàn Giác, bậc Thế Tôn. Bậc ấy giảng dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu, tốt lành ở giữa, và tốt lành ở cuối, với ý nghĩa và từ ngữ đúng đắn; bậc ấy cho-thấy một đời sống tâm linh rõ ràng thật hoàn thiện và tinh khiết. Này các Tỳ kheo, đây là người *đầu tiên* khởi sinh trong thế vì phúc lợi của số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.

"Rồi, này các Tỳ kheo, một đệ tử của vị Thầy đó là một bậc A-la-hán đã tiêu diệt mọi ô nhiễm [giống lời đoạn kinh X,1(3),42] … đã được hoàn toàn giải thoát nhờ sự hiểu biết cuối cùng. Bậc ấy giảng dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu … bậc ấy cho-thấy một đời sống tâm linh rõ ràng thật hoàn thiện và

tinh khiết. Này các Tỳ kheo, đây là người *thứ hai* khởi sinh trong thế vì phúc lợi của số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.

"Rồi, này các Tỳ kheo, một đệ tử của người Thầy đó là người học-nhân đang tu tập con đường đạo, đã học và có đủ các giới hạnh và sự tuân thủ giới hạnh. Vị ấy cũng giảng dạy Giáo Pháp tốt lành ở đầu … vị ấy cho-thấy một đời sống tâm linh rõ ràng thật hoàn thiện và tinh khiết. Này các Tỳ kheo, đây là người *thứ ba* khởi sinh trong thế vì phúc lợi của số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.

"Này các Tỳ kheo, đây là ba loại người khởi sinh trong thế gian này vì phúc lợi của số đông, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng bi mẫn đối với thế gian, vì sự tốt lành, phúc lợi, và hạnh phúc của những thiên thần và loài người.."

(It 84; 78–79)

(3) *Lời Nói Cao Quý Của Thầy Xá-lợi-phất*

Thầy Xá-lợi-phất đến gặp đức Thế Tôn, kính chào Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa: "Thưa Thế Tôn, con có niềm tự tin vào Thế Tôn, rằng con tin đã chưa từng có, sẽ có, hay hiện có một bậc tu sĩ hay bà-la-môn nào có hiểu-biết hơn Thế Tôn về phương diện giác ngộ."[58]

"Này Xá-lợi-phất, lời đó được thầy cất lên thực sự là cao siêu, thầy đã rống lên tiếng gầm của sư tử. Này Xá-lợi-phất, liệu bây giờ thầy đã bao phủ tâm mình bằng các tâm của tất

cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, đã xuất hiện trong *quá khứ*, và thầy đã biết rõ như vầy: 'Những bậc Thế Tôn đó với giới hạnh như vậy, hoặc với những phẩm chất như vậy, hoặc với trí tuệ như vậy, hoặc với những sự an trú trong thiền như vậy, hoặc với sự giải thoát như vậy' hay chưa?"[59]

"Dạ không, thưa Thế Tôn",

"Rồi, này Xá-lợi-phất, liệu bây giờ thầy đã bao phủ tâm mình bằng các tâm của tất cả những A-la-hán, những bậc Toàn Giác, sẽ xuất hiện trong *tương lai*, và thầy đã biết rõ như vầy: 'Những bậc Thế Tôn đó với giới hạnh như vậy, hoặc với những phẩm chất như vậy, hoặc với trí tuệ như vậy, hoặc với những sự an trú trong thiền như vậy, hoặc với sự giải thoát như vậy' hay chưa?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn",

"Rồi, này Xá-lợi-phất, liệu bây giờ thầy đã bao phủ tâm mình bằng tâm của chính ta—Ta hiện tại là là bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác—và thầy đã biết rõ như vầy: 'Đức Thế Tôn với giới hạnh như vậy, hoặc với những phẩm chất như vậy, hoặc với trí tuệ như vậy, hoặc với những sự an trú trong thiền như vậy, hoặc với sự giải thoát như vậy' hay chưa?"

"Dạ không, thưa Thế Tôn",

"Này Xá-lợi-phất, khi thầy chưa có sự hiểu-biết nào bao phủ tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, thì tại sao thầy có thể cất lên lời phát biểu đó và rống tiếng gầm dứt khoát của một sư tử rằng: 'Thưa Thế Tôn, con có niềm tự tin vào Thế Tôn, rằng con tin đã chưa từng có, sẽ có, hay hiện có một bậc tu sĩ hay bà-la-môn nào có hiểu-biết hơn Thế Tôn về phương diện giác ngộ' như vậy?"

"Thưa Thế Tôn, con không có sự hiểu-biết nào bao phủ tâm của những bậc A-la-hán, những bậc Toàn Giác thuộc quá khứ, tương lai, và hiện tại, nhưng con vẫn đã hiểu được điều này bằng cách suy luận từ Giáo Pháp. Thưa Thế Tôn, giả như có một đô thành biên giới của một nhà vua, có những thành lũy và tháp canh được xây trên những nền tảng kiên cố, và chỉ có một cổng ra vào. Và người gác cổng ở đó khôn khéo, giỏi việc, và thông minh, kinh nghiệm và cảnh giác, người đó chặn đuổi những người lạ mặt, và cho phép những người quen mặt đi vào đi ra. Người gác cổng đi rảo hết con đường bao bọc tường thành và người ấy không nhận thấy một lỗ hở hay kẻ hở nào trên tường thành, thậm chí một con mèo còn không chui qua được. Do vậy ông (suy luận) biết rõ: 'Mọi sinh vật lớn hơn (con mèo) muốn ra vào đô thành này thì phải đi qua một cổng chính đó thôi.'"

"Cũng giống như vậy, thưa Thế Tôn, con đã hiểu biết điều đó bằng cách suy luận từ Giáo Pháp như vầy: Mọi bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác đã xuất hiện trong *quá khứ*, tất cả những bậc Thế Tôn đó trước hết đã dẹp bỏ năm chướng ngại, dẹp bỏ hết những ô nhiễm của tâm làm suy yếu trí tuệ; và sau đó, với tâm họ được thiết lập vững chắc trong bốn nền tảng chánh niệm, họ đã tu tập bảy yếu tố giác ngộ một cách đúng đắn; và nhờ đó họ đã tỉnh thức tới một mức độ giác ngộ hoàn thiện vô thượng.

"Và, thưa Thế Tôn, mọi bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác sẽ xuất hiện trong *tương lai*, tất cả những bậc Thế Tôn đó trước hết sẽ dẹp bỏ năm chướng ngại, dẹp bỏ hết những ô nhiễm của tâm làm suy yếu trí tuệ; và sau đó, với tâm họ được thiết lập vững chắc trong bốn nền tảng chánh niệm, họ sẽ tu tập

bảy yếu tố giác ngộ một cách đúng đắn; và nhờ đó họ sẽ tỉnh thức tới một mức độ giác ngộ hoàn thiện vô thượng.

"Và, thưa Thế tôn, đức Thế Tôn, là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác *đang* xuất hiện trong hiện tại, bậc Thế Tôn đó cũng trước hết đã dẹp bỏ năm chướng ngại, dẹp bỏ hết những ô nhiễm của tâm làm suy yếu trí tuệ; và sau đó, với tâm bậc ấy được thiết lập vững chắc trong bốn nền tảng chánh niệm, bậc ấy đã tu tập bảy yếu tố giác ngộ một cách đúng đắn; và nhờ đó bậc ấy đã tỉnh thức tới một mức độ giác ngộ hoàn thiện vô thượng."

"Lành thay, lành thay, này Xá-lợi-phất! Vậy là, này Xá-lợi-phất, thầy nên lặp lại lời thuyết giảng Giáo Pháp này một cách đều đặn cho các Tỳ kheo và Tỳ kheo ni, cho những người đệ tử tại gia nam và nữ. Và nếu có những người ngu si còn có sự nghi ngờ hay không chắc chắn về Như Lai, khi họ nghe lời thuyết Pháp này, sự nghi ngờ hay không chắc chắn đó sẽ được giải trừ."

(SN 47:12; V 159–61)

(4) *Mười Năng Lực và Cơ Sở của Tự-Tin*

9. "Này Xá-lợi-phất, Như Lai có mười năng lực của Như Lai, vì có-được chúng nên Như Lai tự tuyên bố mình ở vị trí là người dẫn đầu, rống lên tiếng gầm của sư tử trong tất cả hội quần chúng sinh, và thiết lập quay chuyển bánh xe của vị Trời Brāhma.[60] Mười đó là gì?

10. [1] "Ở đây, Như Lai hiểu biết một cách đúng đắn 'điều có thể là có thể và điều không thể là không thể'.[61] Và đó là một năng lực của Như Lai, mà nhờ phẩm hạnh của nó Như

Lai đã tự tuyên bố mình ở vị trí là người dẫn đầu, rống lên tiếng gầm của sư tử, và thiết lập quay chuyển bánh xe Giáo Pháp.

11. [2] "Lại nữa, Như Lai hiểu biết một cách đúng đắn về 'kết quả của những hành động đã làm' (nghiệp quả của nghiệp) trong quá khứ, trong tương lai, và hiện tại theo cách những khả-năng xảy ra và những nguyên-nhân. Đó cũng là một năng lực của Như Lai…[62]

12. [3] "Lại nữa, Như Lai hiểu biết một cách đúng đắn về những cách-thức đường lối dẫn tới mọi nơi đến. Đó cũng là một năng lực của Như Lai…[63]

13. [4] "Lại nữa, Như Lai hiểu biết một cách đúng đắn về thế-giới với nhiều yếu tố khác nhau của nó. Đó cũng là một năng lực của Như Lai…

14. [5] "Lại nữa, Như Lai hiểu biết một cách đúng đắn về cách những chúng sinh có những khuynh-hướng khác nhau. Đó cũng là một năng lực của Như Lai…[64]

15. [6] "Lại nữa, Như Lai hiểu biết một cách đúng đắn về sự phân-bố các căn của những chúng sinh khác, của những người khác. Đó cũng là một năng lực của Như Lai…[65]

16. [7] "Lại nữa, Như Lai hiểu biết một cách đúng đắn về sự ô-nhiễm, sự tẩy-sạch, và sự thoát-ra đối với những tầng thiền định (sắc giới), những sự giải thoát, và những tầng chứng đắc (vô sắc giới). Đó cũng là một năng lực của Như Lai…[66]

17. [8] "Lại nữa, Như Lai nhớ lại nhiều kiếp quá khứ với những phương diện và đặc điểm của chúng. Đó cũng là một năng lực của Như Lai…

18. [9] "Lại nữa, với mắt thiên thánh, đã được thanh lọc và vượt trên loài người, Như Lai nhìn thấy những chúng sinh đang chết đi và tái sinh, thấp hèn có và cao sang có, đẹp có và xấu có, phước lành có và vô phước có, và Như Lai hiểu biết cách những chúng sinh chết đi tùy theo những nghiệp của họ. Đó cũng là một năng lực của Như Lai…

19. [10] "Lại nữa, bằng cách tự mình chứng ngộ bằng sự hiểu-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này Như Lai chứng nhập và an trú trong sự giải thoát của-tâm, sự giải thoát bằng-trí-tuệ, bậc ấy không còn ô nhiễm nhờ đã tiêu diệt mọi ô nhiễm. Đó là một năng lực của Như Lai, mà nhờ phẩm hạnh của những điều đó Như Lai đã tự tuyên bố mình ở vị trí là người dẫn đầu, rống lên tiếng gầm của sư tử, và thiết lập quay chuyển bánh xe Giáo Pháp.

20. "Như Lai có mười năng của Như Lai, vì có-được chúng nên Như Lai đã tự tuyên bố mình ở vị trí người dẫn đầu, rống lên tiếng gầm con sư tử trong tất cả hội quần chúng sinh, và thiết lập quay chuyển bánh xe Giáo Pháp.…

22. "Này Xá-lợi-phất, Như Lai có bốn cơ sở này để tự-tin,[67] vì có-được chúng nên Như Lai đã tự tuyên bố mình ở vị trí người dẫn đầu, rống lên tiếng gầm con sư tử trong tất cả hội quần chúng sinh, và thiết lập quay chuyển bánh xe Giáo Pháp. Bốn đó là gì?

23. "Ở đây, ta không nhìn thấy có cơ sở nào để bất kỳ tu sĩ hay bà-la-môn nào hay Ma Vương hay bất cứ ai khác trong thế gian có thể, dựa vào đúng Giáo Pháp, có thể kết tội ta rằng: 'Trong khi ông tuyên bố là người đã giác ngộ hoàn toàn nhưng (thực ra) ông không giác ngộ hoàn toàn về những điều đó.' Và do nhìn thấy không có cơ sở nào (để ai có thể nói)

như vậy, nên ta an trú trong sự an toàn, sự không sợ hãi, và sự tự-tin.

24. "Ta không nhìn thấy có cơ sở nào để bất kỳ tu sĩ … hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa vào đúng Giáo Pháp, có thể kết tội ta rằng: 'Trong khi ông tuyên bố ông là người đã tiêu diệt mọi ô nhiễm nhưng (thực ra) ông chưa tiêu diệt hết mọi ô nhiễm.' Và do nhìn thấy không có cơ sở nào (để ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an toàn, sự không sợ hãi, và sự tự-tin.

25. "Ta không nhìn thấy có cơ sở nào để bất kỳ tu sĩ … hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa vào đúng Giáo Pháp, có thể kết tội ta rằng: 'Những điều được ông gọi là những chướng ngại (thực ra) đâu làm cản trở người dính líu vào chúng.' Và do nhìn thấy không có cơ sở nào (để ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an toàn, sự không sợ hãi, và sự tự-tin.

26. "Ta không nhìn thấy có cơ sở nào để bất kỳ tu sĩ … hay bất cứ ai khác trong thế gian, dựa vào đúng Giáo Pháp, có thể kết tội ta rằng: 'Khi ông giảng dạy Giáo Pháp cho một người, người đó tu tập theo nhưng việc tu đó không dẫn dắt người đó tới sự tiêu diệt hoàn toàn sự khổ.' Và do nhìn thấy không có cơ sở nào (để ai có thể nói) như vậy, nên ta an trú trong sự an toàn, sự không sợ hãi, và sự tự-tin.

27. "Một bậc Như Lai có bốn loại điều tự-tin như vậy, vì có-được chúng nên Như Lai đã tuyên bố mình ở vị trí người dẫn dắt, rống lên tiếng gầm con sư tử, thiết lập quay chuyển bánh xe Giáo Pháp."

(*trích* MN 12: *MahāSihanāda Sutta*; I 70–72)
("*Đại kinh "Tiếng Gầm Con Sư Tử"*)

(5) *Sự Hiện Thị Của Đại Hào Quang*

"Này các Tỳ kheo, chừng nào mặt trời và mặt trăng không hiện ra trong thế gian, thì chừng đó sẽ không có sự hiện thị của ánh sáng và hào quang, mà chỉ toàn bóng đêm mù tối, một bầu đen tối; chừng đó không phân biệt được ngày và đêm, không phân biệt được tháng và nửa-tháng, không phân biệt được các mùa và năm.

Nhưng, này các Tỳ kheo, khi có mặt trời và mặt trăng hiện ra trong thế gian, thì sẽ có sự hiện thị của ánh sáng và hào quang; rồi không còn chỉ bóng đêm mù tối, không còn chỉ một bầu đen tối bao trùm; rồi sẽ phân biệt được ngày và đêm, phân biệt được tháng và nửa-tháng, phân biệt được các mùa và năm.

"Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, chừng nào trong thế gian chưa một Như Lai, là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì chừng đó sẽ không có sự hiện thị của ánh sáng và hào quang, mà chỉ toàn bóng đêm mù tối, một bầu đen tối bao trùm; chừng đó sẽ không có sự giảng giải, sự giảng dạy, sự mở ra, sự phân tích, hoặc sự nói rõ về Bốn Chân Lý Thánh Diệu.

Nhưng, này các Tỳ kheo, khi trong thế gian đã xuất hiện một Như Lai, là một bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, thì sẽ có sự hiện thị của ánh sáng và hào quang; rồi không còn chỉ bóng đêm mù tối, không còn chỉ một bầu đen tối bao trùm; rồi sẽ có sự giảng giải, sự giảng dạy, sự mở ra, sự phân tích, hoặc sự nói rõ về Bốn Chân Lý Thánh Diệu.

(SN 56:38; V 442–43)

(6) *Người Mong Muốn Sự Tốt Lành Cho Chúng Ta*

25. "Này các Tỳ kheo, giả sử trong một khu rừng có một vùng đầm lầy lớn, gần đó có một bầy hươu sống. Rồi một người xuất hiện, mong muốn chúng bị tàn sát, hãm hại, giam cầm, và do đó ông ta đóng chặn đường đi an toàn và tốt lành mà bầy hươu thường đi lại một cách vui sướng, và ông ta mở đường đi sai giả, và có chỗ ông ta đặt con mồi và có chỗ thiết đặt con bù nhìn để làm cho bầy hươu lớn càng lúc càng bị ách nạn, tai nạn, và mất dần. Nhưng có một người khác xuất hiện, mong muốn đàn hươu được tốt lành, phúc lợi, và an toàn, và người đó mở lại đường đi an toàn và tốt lành để bầy hươu đi lại một cách vui sướng, và người đó đóng bỏ con đường sai giả, và người đó trừ bỏ con mồi và tiêu diệt con bù nhìn, để đàn hươu lớn càng lúc càng phát triển, tăng lên, và thành tựu.

26. "Này các Tỳ kheo, ta mới đưa ra ví dụ này để truyền tải ý nghĩa rằng: 'Vùng đầm lầy lớn' là dụ cho những khoái lạc giác quan. 'Bầy hươu lớn' là dụ cho những chúng sinh. 'Người mong muốn chúng bị tàn sát, hãm hại, và giam cầm' là dụ cho Ma Vương ác ma. 'Đường đi sai giả' là chỉ Con Đường Tám Phần Thánh Thiện sai lạc, bao gồm: cách nhìn sai lạc, ý định sai lạc, lời nói sai lạc, hành động sai lạc, công việc mưu sinh sai lạc, nỗ lực sai lạc, chú tâm sai lạc, và định tâm sai lạc; (tà kiến, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà hạnh, tà tinh tấn, tà niệm, tà định). 'Con mồi' là dụ cho sự khoái thích và nhục dục. 'Con bù nhìn' là dụ cho sự vô minh ngu dốt. 'Người mong muốn chúng được tốt lành, phúc lợi, và an toàn' là chỉ Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. 'Đường đi an toàn và tốt lành để bầy dê đi lại một cách vui sướng' là chỉ Con Đường Tám Phần Thánh Thiện (Bát Thánh Đạo), bao

gồm: cách nhìn đúng đắn, ý định đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, công việc mưu sinh đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, chú tâm đúng đắn, và định tâm đúng đắn; (chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh hạnh, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định).

"Như vậy, này các Tỳ kheo, con đường an toàn và tốt lành để (chúng sinh) bước đi một cách vui sướng đã được ta mở lại, con đường sai giả đã bị đóng lại, con mồi đã bị trừ bỏ, con bù nhìn đã bị tiêu diệt."

(*trích* MN 19: *Dvedhāvitakka Sutta*; I 117–18)
(*Kinh "Hai Loại Ý Nghĩ"*)

(7) *Con Sư Tử*

"Này các Tỳ kheo, vào buổi chiều tối, sư tử, vua của các loài thú, đi ra khỏi hang ổ. Rồi nó rướn mình, dò xét hết bốn hướng xung quanh, và rống lên tiếng gầm con sư tử ba lần, sau đó nó bắt đầu đi tìm con mồi.

"Khi con sư tử, vua của các loài thú, rống lên tiếng gầm sư tử, hầu hết những thú vật xung quanh nghe tiếng gầm đều cảm thấy đầy sợ hãi, một cảm thấy sự cấp bách và sự khiếp sợ. Những con vật sống trong lỗ hang thì chui vào lỗ hang; những con sống dưới nước thì lặn xuống nước; những con sống trong rừng rậm thì chạy vô rừng rậm; và chim thì bay lên trời. Ngay cả những con voi đại của hoàng gia, đang bị cột bởi những sợi dây da to chắc trong các ngôi làng, thị trấn và các đô thị, cũng cố bứt phá và bứt đứt dây cột; cũng khiếp đảm, té đái và té phân, cuống chạy khắp nơi. Này các Tỳ kheo, sư tử thật là oai hùng giữa những loài thú, là vua của những loài thú, thật hoành tráng và uy lực.

"Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi Như Lai xuất hiện trong thế giới này, là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã hoàn thiện về sự hiểu biết đích thực và đức hạnh, là bậc phúc lành, người hiểu biết thế gian, người dẫn dắt cao nhất của những người cần được huấn luyện, thầy của các thiên thần và loài người, bậc Toàn Giác, bậc Thế Tôn, bậc ấy giảng dạy Giáo Pháp như vầy: 'Này là sắc sắc, này là sự khởi sinh của sắc, này là sự biến diệt của sắc; này là cảm giác … này là nhận thức … này là những sự tạo tác cố ý … này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức.'

"Rồi, này các Tỳ kheo, những thiên thần được sống đại thọ, đẹp đẽ, tràn đầy hạnh phúc, đang sống rất lâu trong những thiên cung cao sang, khi họ nghe thấy giáo lý của Như Lai, hầu hết họ [68] đều cảm thấy sự sợ hãi, một cảm giác cấp bách, và sự khiếp sợ, [nên họ nói rằng]: 'Coi chừng chúng ta là vô thường, mặc dù chúng ta nghĩ mình là thường hằng; coi chừng chúng ta là không chắc chắn, mặc dù chúng ta nghĩ mình là chắc chắn; coi chừng chúng ta biến hoại, mặc dù chúng ta nghĩ mình là bất diệt. Thưa các ngài, coi chừng chúng ta là vô thường, không chắc chắn, biến hoại, bị nằm trong cái danh tính này.'[69] Này các Tỳ kheo, Như Lai thật là oai hùng trong khắp thế gian này có những thiên thần, Như Lai thật là hoành tráng và uy lực."

(SN 22:78: III 84–85)

(8) *Tại Sao Được Gọi Là Như-Lai [Tathāgata]?*

"Này các Tỳ kheo, thế giới đã được giác ngộ (tỉnh thức) hoàn toàn bởi Như Lai; Như Lai đã tách ly khỏi thế giới. Sự

khởi sinh của thế giới đã được giác ngộ hoàn toàn bởi Như Lai; Như Lai đã dẹp bỏ sự khởi sinh của thế giới. Sự chấm dứt của thế giới đã được giác ngộ hoàn toàn bởi Như Lai, Như Lai đã chứng ngộ sự chấm dứt của thế giới. Con đường dẫn tới sự chấm dứt của thế giới đã được giác ngộ hoàn toàn bởi Như Lai, Như Lai đã tu tập phát triển con đường dẫn tới sự chấm dứt của thế giới.

"Này các Tỳ kheo, trong thế gian có những thiên thần, có Ma Vương, có trời Brāhma, trong quần thể chúng sinh có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, thì mọi thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm giác, được nhận biết, được đạt được, được tìm kiếm, được suy xét bởi tâm, tất cả đều đã được giác ngộ bởi Như Lai; do vậy nên bậc ấy được gọi là Như Lai [Tathāgata].

"Này các Tỳ kheo, từ cái đêm đã hoàn toàn giác ngộ đến cái đêm bậc ấy chứng ngộ (bát)-Niết-bàn cuối cùng, giữa khoảng thời gian này, mọi thứ bậc ấy nói, nói ra, và tuyên bố, tất cả đều là như vậy, không gì sai khác; do vậy nên bậc ấy được gọi là Như Lai.

"Này các Tỳ kheo, khi bậc ấy nói gì thì làm vậy; khi bậc ấy làm gì thì nói vậy; do vậy nên bậc ấy được gọi là Như Lai.

"Này các Tỳ kheo, trong thế gian này có những thiên thần, có Ma Vương, có trời Brāhma, trong quần thể chúng sinh có những tu sĩ và bà-la-môn, có những thiên thần và loài người, Như Lai là người chiến thắng, là người không thể bị đánh bại, người nhìn thấy vũ trụ, người nắm vững sự điều phục; do vậy nên bậc ấy được gọi là Như Lai."

Đã trực tiếp hiểu biết thế giới,
Tất cả trong thế giới đúng như nó thực là,

Bậc ấy tách ly khỏi thế giới,
Không còn tham dự dính líu với tất cả thế giới.

Bậc ấy thực sự là bậc tu sĩ (sa-môn) toàn-thắng,
Là người được giải thoát khỏi mọi ghút mắc,
Là người đã đạt tới trạng thái bình an cao nhất,
Niết-bàn, không còn sợ hãi từ phía nào.

Bậc ấy là vị Phật, đã tiêu diệt mọi ô nhiễm,
Không còn bị phiền nhiễu, đã cắt sạch mọi nghi ngờ,
Là người đã đạt tới sự tiêu diệt tất cả mọi nghiệp,
Được giải thoát nhờ dập tắt mọi hành vi tạo ra hiện hữu.

Bậc ấy là Thế Tôn, là Phật,
Bậc ấy là sư tử, bậc vô thượng, cao nhất,
Trong thế gian này có các thiên thần,
Bậc ấy thiết lập quay chuyển bánh xe Giáo Pháp.

Nhờ vậy những thiên thần và loài người,
Là những chúng sinh đã quy y nương tựa theo Phật,
Đã tề tựu thành đoàn hội, kính lễ vị Phật,
Là bậc vĩ nhân, đã không còn thiếu tự tin.

"Đã được thuần phục (đã tu thành),
bậc ấy là tối thượng trong những người được thuần phục;
Được bình an,
bậc ấy là ẩn sĩ trong những người mang lại sự bình an;
Được tự do,
bậc ấy là đứng đầu trong những người giải thoát mình;
Được giải thoát,
bậc ấy là siêu nhất trong những người được giải thoát."

Do vậy họ thực sự kính lễ bậc ấy,
Là bậc vĩ nhân, đã không còn thiếu tự tin.

Trong thế gian này có những thiên thần,
Không ai có thể được sánh bằng.

(AN 4:23; II 23–24 = It 112; 121–23)

TÊN VIẾT TẮT

của các quyển Luận giảng và Tạng kinh

Ee	Phiên bản La-tinh (tiếng Anh) của PTS
Mp	Luận giảng bộ kinh AN (*Manṅrathapūraṇı*)
Ppn	Con Đường Thanh Lọc (*Thanh Tịnh Đạo*) (Bản dịch từ bản Pali "*Visuddhimagga*")
Ps	Luận giảng bộ kinh MN (*Papancasūdanı*)
Ps-pṭ	Luận giảng thêm bộ kinh MN (*Papancasūdanı-purāṇa-ṭıkā*)
Skt	Tiếng Phạn (*Sanskrit*)
Spk	Luận giảng bộ kinh SN (*Sāratthappakāsinı*)
Spk-pṭ	Luận giảng thêm bộ kinh SN (*Sāratthappakāsinı-purāṇa-ṭıkā*)
Sv	Luận giảng bộ kinh DN (*Sumaṅgalavilāsinı*)
Vibh	Chương "Phân Tích" (*Bộ Phân Tích*), (*Vibhaṅga*), là chương thứ hai trong "Vi Diệu Pháp Tạng".
Vin	Luận Tạng (*Vinaya*)
Vism	Con Đường Thanh Lọc (Thanh Tịnh Đạo) (*Visuddhimagga*, bản Pali)

PHẦN CHÚ GIẢI

Chương I
TÌNH TRẠNG CON NGƯỜI

1 Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) là vua của xứ Kosala, có kinh thành là Sāvatthi (Xá-vệ).

Jetavana: Khu Vườn của thái tử Jeta (Kỳ-đà), cũng được biết đến là Khuôn Viên của ông Cấp Cô Độc (*Anāthapiṇḍika*) bởi vì khu vườn của thái tử Jeta đã được bán cho ông Cấp Cô Độc, vị thí chủ giàu có đã mua khu vườn này để cúng dường cho Đức Phật.

Các bộ kinh *Nikāya* mô tả ông Vua Pasenadi là người đệ tử tại gia tận tâm nhất của Đức Phật, mặc dù các bộ kinh không cho biết ông có chứng ngộ bất kỳ cấp bậc giác ngộ nào cả. Có nguyên một Chương (phẩm) trong bộ kinh SN—tức Chương 3 "*Liên quan Kosala*" (*Kosalasaṃyutta*)—ghi lại những bài nói chuyện của ông với Đức Phật.

2 Khi nói về bậc A-la-hán Phật không nói vận mệnh cuối cùng của vị ấy là "*già-chết*", nhưng Phật chỉ nói là "*khi thân tan rã và bỏ thân*". Điều này là bởi vì một A-la-hán, đã không còn những khái niệm về cái 'ta' và cái 'của ta', cho nên họ không coi sự tàn hoại và tan rã của thân xác là sự già và chết của một cái 'ta' hay 'bản ngã' nào cả.

3 Thiên sứ (*Devadūta*). Theo truyền thuyết, khi Bồ-tát còn là một thái tử sống trong cung điện, thái tử gặp một người già, một người bệnh, và một người chết, đó là cảnh thái tử chưa bao giờ nhìn thấy trước đó. Sự bắt gặp đó khiến thái tử cảm thấy vỡ mộng với cuộc sống trần gian và kích thích Người đi tìm con đường thoát khỏi sự khổ đau. Các luận giảng nói rằng ba hình ảnh đó như ba vị thiên sứ báo tin được gửi tới để làm thức tỉnh vị Bồ-tát về sứ mạng của mình ở

thế gian. Do vậy, sự già, bệnh, chết được gọi là "ba vị thiên sứ đưa tin."

[4] Diêm Vương (*Yama*) theo truyền thuyết là vua của địa ngục, là người phán quyết công tội của người chết và xử họ tới nơi tái sinh mới. Theo một số câu chuyện, Diêm Vương chỉ cần đưa một tấm gương trước mặt hồn chết, lập tức hiện ra những nghiệp tốt và xấu của người đó.

[5] Những khuynh hướng tiềm tàng/ tiềm ẩn (*anusaya*) là những thói tính nằm ngủ trong tâm, sẽ tạo thành những ô nhiễm mỗi khi bị kích thích. Một số bài kinh, như bài kinh này, đề cập ba khuynh hướng tiềm ẩn: khuynh hướng *tham* (*rāgānusaya*) đối với những cảm giác sướng; khuynh hướng *sân* (*paṭighānusaya*) đối với những cảm giác khổ; và khuynh hướng *si* đối với những cảm giác trung tính. Một số kinh khác còn đề cập tới bảy khuynh hướng tiềm ẩn: khuynh hướng tham, sân, quan điểm này nọ, nghi ngờ, tự ta tự đại, tham dính vào sự hiện hữu, và vô minh.

[6] Theo luận giảng [Spk]: sự giải thoát ở đây là thiền định, đạo và đạo quả. Vì người đó không biết sự giải thoát bằng cách như vậy, cho nên người đó chỉ biết cách giải thoát tạm bợ là đi tìm khoái lạc giác quan.

[7] Năm sự này (sinh, diệt, sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát) tạo thành một phát đồ chính để thiền quán. "*Sự khởi sinh và biến diệt*" (*samudaya, và atthaṅgama*) là chỉ đặc tính vô thường. Để đọc thêm về bộ ba "*sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự giải thoát*" (*assāda, ādınava, nissaraṇa*), mời đọc thêm phần kinh **VI,2(1)-(3),** và phần phụ lục **Giới thiệu về Chương VI**.

[8] Những phần tiếp theo sẽ cho thấy rõ "*người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy*" ở đây là chỉ bậc A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi khuynh hướng tiềm ẩn (gong cùm) tham, sân, si. Tuy nhiên, mặc dù một vị A-la-hán có khả năng duy trì tâm buông-xả đối với sự đau khổ ở thân, người bình thường đang tu học cũng có thể theo gương các A-la-hán, cố gắng vượt qua sự phiền bực và thất vọng khi nếm

trải cảm giác đau khổ ở thân. Mọi người có thân, kể cả Đức Phật, đều bị đau khổ về thân xác. Một dấu hiệu của người trưởng thành về tâm linh là khả năng chịu đựng đau đớn mà không bị nó lấn át mình.

9 Danh từ *paritassanā* có gốc từ động từ *paritassati*, cũng có nghĩa gốc của chữ tiếng Phạn *paritṛṣyati*, có nghĩa: "*thèm khát, thèm muốn*"; về mặt nguyên từ nó liên quan tới chữ *taṇhā*: dục vọng. Tuy nhiên, trong tiếng Pāli văn nói bị lồng với chữ *tasati*, có nghĩa: sợ hãi, rung rẩy, và do đó các danh từ phái sinh như *paritassanā* và *paritasita* cũng tích luôn các nghĩa phái sinh từ chữ *tasati*. Sự hội tụ các nghĩa như vậy, đã được thấy rõ trong các bộ kinh *Nikāya*, đã được nói rất rõ trong các luận giảng. Tôi đã cố gắng gọp đủ các ý nghĩa bằng cách dịch chữ *paritassati* là "*bị khích động, lo âu*" và danh từ *paritassanā* là "*sự khích động, sự lo âu*". Mặc dù luận giảng [Spk] thì coi chữ *paritassanā* chỉ có nghĩa "thèm muốn, dục vọng", nhưng các bài kinh dường như nhấn mạnh rõ bằng chữ "*bhaya-paritassanā*": sự lo âu sợ hãi.

10 Người phàm phu không được chỉ dạy là người thiếu cả sự hiểu biết về Giáo Pháp [được tả bằng chữ "*không thiện khéo*" (*akovida*)] và sự tu tập thực tế theo Giáo Pháp [được tả bằng chữ "*không được tu luyện*" (*avinita*)]. Người phàm phu không phải là "*người nhìn thấy những bậc thánh nhân*", những bậc thánh nhân ở đây có nghĩa là Đức Phật và các vị thánh đệ tử của Phật, bởi người phàm phu thiếu con mắt trí tuệ giúp nhận ra sự thật mà họ đã nhìn. Trong đoạn kinh này, chữ "*những bậc thánh nhân*" (*ariya*) và chữ "*những bậc thượng nhân*" (*sappurisa*) là đồng nghĩa với nhau.

Quan điểm coi thân này là 'ta' (*sakkāyadiṭṭhi*), (thường gọi là (HV): thân kiến). Bài kinh này liệt kê có 24 loại quan điểm như vậy, có được do đặt cái 'ta' theo 04 cách liên quan với 05 tập hợp uẩn, mỗi cái cấu tạo nên một cái 'ta' là thân (*sakkāya*). Quan điểm coi thân là 'ta' là một trong ba gông-cùm trói buộc, sẽ được phá bỏ ngay trước khi người tu chứng thánh quả Nhập-lưu, là tầng giác ngộ đầu tiên trong bốn tầng giác ngộ siêu thế.

Theo luận giảng [Spk] chỗ này là: Người đó *coi sắc thân là cái 'ta'* (*rūpaṃ attato samanupassati*), bằng cách coi sắc thân và cái 'ta' là một, là không phân biệt, giống như ngọn lửa đèn dầu và màu của nó là một, là không khác biệt. Người đó *coi cái 'ta' sở hữu sắc thân* (*rūpavantaṃ attānaṃ*), là người đó lấy cái vô-sắc [như tâm hoặc những yếu tố thuộc tâm] là cái 'ta' để sở hữu thân-sắc, như kiểu cây sở hữu bóng cây vậy; *coi thân sắc ở trong cái 'ta'* (*attani rūpaṃ*), là người đó lấy cái vô-sắc [tâm] là một cái 'ta' là chỗ thân-sắc nằm trong đó, như kiểu mùi hương là nằm trong bông hoa vậy; *coi cái ta ở trong sắc thân* (*rūpasmiṃ attānaṃ*), là lấy cái vô-sắc [tâm] là cái ta nằm trong sắc thân, như kiểu viên ngọc nằm trong hộp gỗ vậy.

[11] Người đệ tử thánh thiện như vậy được cho tối thiểu đã một bậc Nhập-lưu.

[12] Thầy *Mahākaccāna* là một vị đệ tử của Phật rất giỏi trong việc phân tích giảng giải những câu nói ngắn gọn của Đức. Để đọc câu chuyện về cuộc đời của vị thầy ấy, mời quý vị đọc quyển "*Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật*" do nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker biên soạn; Chương 6.

[13] Vua trời *Sakka* (Đế-thích), người trị vì các thiên thần ở cõi trời Tāvatiṃsa (Đâu-lợi), là một đệ tử của Đức Phật. Coi thêm bộ kinh SN, Chương 11.

[14] "*Những quan niệm phức tạp*" (*Papañcasaññāsaṅkhā*). Ý nghĩa của cụm từ kết hợp này không phải có từ kinh điển *Nikāya*. Thuật ngữ này dường chỉ những nhận thức và ý tưởng đã "bị nhiễm" bởi những thiên kiến chủ quan, đã "bị nhuốm màu" bởi những khuynh hướng dục vọng, tự 'ta' tự đại, và những quan điểm lệch lạc. Theo những luận giảng, dục vọng, tính tự 'ta' tự đại, và những quan điểm (dục vọng, ngã mạn, tà kiến) là ba yếu tố tạo ra những ý tưởng hay sự thổi phòng thuộc khái niệm, tức những hý-luận (*papañca*). Một nghiên cứu chi tiết về thuật ngữ này được ghi trong quyển sách "*Khái niệm và Hiện Thực trong Tư Tưởng Phật giáo Nguyên thủy*" của nhà sư học giả Ñāṇānanda.

[15] Theo luận giảng [Sv]: sự theo-đuổi (*pariyesanā*) là sự theo duổi những đối tượng như những hình sắc nhìn thấy được, vân vân, cho tới những lợi lộc (*lābha*) thu được từ những đối tượng đó. Sự quyết-định (*vinicchaya*) là quyết định giữ bao nhiêu cho mình và bao nhiêu cho người khác; tiêu dùng bao nhiêu và tích trữ bao nhiêu, vân vân.

[16] Tham, sân, si (*lobha, dosa, moha*) là ba "gốc rễ bất thiện"—gốc rễ gây ra tất cả mọi ô nhiễm trong tâm và những hành động bất thiện; đọc thêm phần phụ lục **Giới thiệu về Chương V**, trang thứ ba, chỗ nói về những nghiệp thiện và bất thiện.

[17] "*Vòng luân hồi không có điểm khởi đầu có thể nhìn thấy được*" (*Anamataggo 'yaṃ bhikkhave saṃsāro*). Nghĩa gốc của chữ *anamatagga* là: *không chắc chắn*. Luận giảng [Spk] đánh bóng nghĩa này bằng câu "*có điểm khởi đầu không thể tìm thấy được*", và giải thích rằng: "Dù có dùng trí hiểu biết để truy ngược một trăm hay một ngàn năm thì điểm khởi đầu cũng không thể tìm thấy được, với điểm khởi đầu là không thể biết được. Không thể nào biết được điểm khởi đầu là từ đâu, ở đâu; nghĩa là không có một phân định nào đâu là điểm đầu hay điểm cuối. Vòng luân hồi là một tiến trình liên tục của năm uẩn."

[18] *Jambudipa* nghĩa là: "vùng đất táo hồng", ý chỉ phần lục địa Ấn Độ.

[19] "*Đại-kiếp*" là tạm dịch chữ "*kappa*" hay "*mahākappa*" để chỉ một khoảng thời gian rất rất dài, khoảng thời gian để một hệ thế giới sinh ra, phát triển, và hoại diệt. Mỗi đại-kiếp gồm bốn "*a-tăng-tỳ kiếp*" (*asaṅkheyyakappa*), mỗi *a-tăng-tỳ kiếp* là khoảng thời gian của mỗi giai đoạn hệ thế giới giãn nở, co lại, và tan rã. Để đọc thêm chi tiết về triết lý vũ trụ của Phật giáo, mời đọc thêm quyển "*Những Nền Tảng của Phật giáo*" của tác giả Gethin, trang 112–115.

[20] Một *yojana* dài khoảng 7 dặm Anh, khoảng gần 11,3 Km.

Chương II
NGƯỜI MANG LẠI ÁNH SÁNG

[1] Theo tập *Kinh Tập* (*Suttanipāta*), kệ 335.

[2] Mặc dù lý tưởng *bồ-tát* thường được cho là của riêng đạo Phật Đại thừa (*Mahāyāna*), nhưng tất cả mọi nhánh phái Phật giáo có trước-Đại thừa đều có chung niềm tin rằng Đức Phật đã theo đuổi con đường *bồ-tát* suốt nhiều đại-kiếp vũ trụ, đã tu tập xong những phẩm hạnh toàn thiện (*parami,* ba-la-mật) cần thiết, trước khi đản sinh và thành Phật trong thế gian này. Phật giáo Đại thừa chỉ đóng góp triển khai thêm lý tưởng *bồ-tát* thành một cỗ-xe lớn để cho những Phật tử tu tập theo lý tưởng này.

[3] "*Sáu điều vô thượng*" (*cha anuttariyā*) được giải thích rõ trong kinh AN 6:130, bao gồm: sự-nhìn-thấy vô thượng (tức sự nhìn thấy của một vị Phật, hoặc của các vị thánh đệ tử); sự-nghe vô thượng (tức sự nghe được Giáo Pháp từ Đức Phật hoặc những vị thánh đệ tử); sự có-được vô thượng (tức sự có-được niềm tin vào Phật hoặc những vị thánh đệ tử); sự tu-tập vô thượng (tức sự tu tập ba phần giới hạnh cao hơn, thiền định [tâm] cao hơn, trí tuệ cao hơn như đã được chỉ dạy bởi Phật hoặc những vị thánh đệ tử); sự phụng-sự vô thượng (tức sự phụng sự Đức Phật hay những vị thánh đệ tử); sự tưởng-niệm vô thượng (tức tưởng niệm về Phật hoặc những vị thánh đệ tử).

"*Bốn sự hiểu biết mang tính phân tích*" (*catasso paṭisambhidā*) là (a) sự hiểu biết do phân tích về ý nghĩa, (b) sự hiểu biết do phân tích về giáo pháp, (c) sự hiểu biết do phân tích về ngôn từ, và (d) sự hiểu biết do phân tích về sự tài khéo.

Những thánh quả Nhập lưu, Nhất lai…được giải thích rõ trong **Chương X.**

[4] Thầy Ānanda là người hầu cận của Đức Phật, được biết đến nhiều vì sự tận tụy của thầy đối với Đức Phật. Trong phần chính của bài kinh, thầy đã kết nối nhiều sự kiện thần diệu xảy ra xung quanh sự

thụ thai và đản sinh của Đức Phật; thầy dường như đại diện cho tiếng nói của lòng sung mộ trung thành.

5 Chỗ này chỉ sự tái sinh của vị Bồ-tát ở cõi trời Tusita (Đâu-suất), trước khi tái sinh xuống cõi người thành tu sĩ Cồ-đàm (Gotama), sau đó thành vị Phật Thích-ca.

6 Theo luận giảng [Ps]: Giữa mỗi 3 hệ thế giới (hệ như hệ Ngân hà, hệ Thiên hà…) có khe hở rộng khoảng 8.000 yojana (do-tuần); khoảng hở đó có hình dạng như khoảng trống giữa ba vòng tròn chụm vào nhau, hoặc giống khoảng trống giữa ba cái bình bát chụm vào nhau. Những chúng sinh tái sinh vào những khoảng hở đó giữa các hệ thế giới do họ đã tạo những nghiệp vô cùng xấu ác kinh khủng, như bất hiếu với bậc cha mẹ, xúc phạm những tu sĩ và bà-la-môn chân chính, hoặc bởi do những thói tâm ác độc như giết hại tàn sát sinh vật...

7 Theo Luận giảng [Ps]: Bốn vị thiên thần đó chính là Bốn Vị Vua Trời (Tứ Đại Thiên Vương), [tức là bốn vị trời trị vì ở cõi trời Tứ Đại Thiên Vương].

8 Luận giảng [Ps] giải thích rằng mỗi khía cạnh của sự kiện này là một dấu hiệu báo trước về sự giác ngộ sau đó của Đức Phật. Theo đó, tư thế đứng trên hai chân (*pāda*) vững vàng là dấu hiệu về sự chứng đắc bốn căn tâm linh (*iddhipāda*); mặt nhìn về hướng bắc là sự vượt trội và vượt trên số đông chúng sinh; bảy bước là tu thành bảy yếu tố giác ngộ; chiếc lộng trắng là sự bao trùm của sự giải thoát; sự quan sát bốn phương là dấu hiệu đạt tới sự hiểu biết toàn trí bất chướng ngại; sự cất tiếng nói như một "người đứng đầu" tất là sự thiết lập quay chuyện bánh xe Giáo Pháp không thể quay ngược sau này; lời tuyên bố "Đây là lần sinh cuối cùng của ta" là dấu hiệu cho sự sau này chết đi và Niết-bàn vô dư y (Bát-niết-bàn) [đọc thêm **bài kinh IX,5(5)**].

9 Câu nói này dường như là cách của Đức Phật muốn mọi người chú ý tới những điều mà Phật cho là thực sự kỳ diệu và tuyệt vời, (hơn cả những sự kiện thần diệu xung quanh sự nhập thai và đản sinh.

Đó là sự chú tâm chánh-niệm và hiểu-biết rõ-ràng đối với mọi cảm giác, nhận thức, ý nghĩ… của mình đúng như chúng thực là).

[10] Trong nguyên bản (không giản lược) của bài kinh này, vàng và bạc không có trong những thứ phải bị bệnh, chết, và ưu buồn, nhưng nó cũng bị ô nhiễm, theo Luận giảng [Ps], bởi vì chúng cũng có thể bị pha trộn (hợp kim) với những kim loại rẻ khác.

[11] "*Cảnh xứ không có gì*", tức "xứ trống không" (*Akiñcaññāyatana*). Đây là trạng thái tầng chứng đắc vô-sắc thứ ba; các tầng chứng đắc vô-sắc có sau bốn tầng thiền định sắc giới (*jhāna*), cho nên nếu tính tất cả các tầng chứng đắc thiền định từ thấp tới cao, thì "xứ trống không" (vô sở hữu xứ) này là tầng chứng đắc định (*samāpatti*) thứ of concentration. Những tầng chứng đắc thiền định, mặc dù rất đáng khen và cao siêu về mặt tâm linh, những chúng vẫn còn thuộc về thế-tục, và nó chưa chạm tới phần trí tuệ thấy biết (minh sát), không trực tiếp dẫn tới Niết-bàn.

[12] Đó là, tầng chứng đắc thiền định "*cảnh xứ không có gì*", tức "Xứ trống không" sẽ dẫn tới tái sinh vào cảnh giới xứ trống không, đó là cảnh giới tái sinh tương ứng của tầng chứng đắc thứ bảy. Cảnh giới này có tuổi thọ tới 600.000 đại-kiếp (siêu đại thọ không thể nghĩ bàn), nhưng rồi cũng tới lúc hết tuổi thọ ở đó thì người đó cũng phải bị chết và bị tái sinh vào những cảnh giới thấp xấu hơn. Do vậy, dù đã được tái sinh vào cảnh giới vô cùng siêu thọ, người chứng đắc đó vẫn chưa thoát khỏi vòng sinh-tử. (và mục tiêu của Phật lúc đo là đi tìm sự chứng đắc cao hơn đó, tức cảnh giới không còn tái sinh nữa).

[13] "*Cảnh xứ không có nhận thức cũng không phải không có nhận thức*" (*N'eva saññānāsaññāyatana*). Đây là tầng chứng đắc vô-sắc thứ tư và cao nhất; đây cũng là tầng chứng đắc thứ tám của thiền định, nếu tính luôn bốn tầng thiền sắc giới (*jhana*).

Nên biết rằng tên Uddaka Rāmaputta là con (putta) của ông Rāma, không phải là ông Rāma. (Nhưng Phật đã gọi thân mật tên tắt Rāma, đó là gọi ngài Uddaka Rāmaputta chứ không phải nói về cha

ông ấy). Do vậy, chỗ này dễ làm người đọc có cảm tưởng rằng người cha Rāma chứng đắc tầng thiền vô sắc đó chứ không phải ngài Uddaka Rāmaputta; nhưng không phải vậy, đó chính là ngài Uddaka Rāmaputta chứng đắc.

Sự chứng đắc tầng vô-sắc này dẫn tới tái sinh vào cảnh giới "*cảnh xứ không có nhận thức cũng không phải không còn nhận thức*" (phi tưởng phi phi tưởng xứ), đó là cảnh giới *cao nhất và sống thọ nhất* trong tất cả mọi cảnh giới tái sinh trong vòng luân hồi sinh tử (*saṃsāra*). Tuổi thọ của cảnh giới này được cho là tới 84.000 đại-kiếp, những dù siêu siêu thọ đó vẫn còn có-điều-kiện (hữu vi) và vô thường; nếu nói về ý nghĩa tột cùng rốt ráo thì nó vẫn còn là bất toại nguyện, còn nằm trong vòng luân hồi sinh tử.

[14] **Bài kinh 3(2)** tiếp tục từ chỗ này với phần nói thêm về phần tu hành xác khổ hạnh của vị Bồ-tát, và sau đó là việc phát hiện ra con đường trung đạo.

[15] Thanh niên Ni-kiền-tử (phái Jain) tên là *Saccaka* là một người tranh biện, nhưng trong lần tranh luận trước, anh ta đã chịu thua Đức Phật về những lý lẽ của Phật. Tên "Aggivessana" mà Phật đã gọi vua trời trong câu kế tiếp có lẽ là tên gọi theo họ tộc của anh ta.

Bài kinh này bắt đầu bằng việc nói về cảm giác sướng và cảm giác khổ, trong đó Đức Phật gợi ý để *Saccaka* đặt những câu hỏi để Đức Phật trả lời và giải thích.

[16] Điều khó hiểu là trong những đoạn kinh tiếp theo lại cho thấy vị Bồ-tát đang thực hiện việc tu hành xác khổ hạnh, *sau khi* đã đưa ra những kết luận—trong đoạn kinh này—rằng những cách tu cố chịu đau đớn, nghiến răng…hành xác như vậy là vô dụng và không thể đạt đến tầm nhìn, sự hiểu biết, và sự giác ngộ. Sự bất thường này khởi lên một sự nghi ngờ rằng 'thứ tự tường thuật của bài kinh có thể đã bị xáo trộn lộn xộn'. Chẳng hạn, khi nói về các "ví dụ về que mồi lửa" trên đây: đó có lẽ là lần cuối cùng của giai đoạn thử tu khổ hạnh của Bồ-tát, là lúc Bồ-tát đã có được cơ-sở đúng đắn để từ bỏ việc tu khổ hạnh vì cách đó không dẫn tới sự giác ngộ.

[17] Câu này, cũng được lặp lại vào cuối mỗi những đoạn kinh tiếp theo, đã trả lời cho câu hỏi thứ hai của vua trời Đế-thích ở đoạn kinh 11. của phần kinh (2) này.

[18] Luận giảng [Ps] giải thích rằng khi Bồ-tát còn là đứa trẻ, cha Người đã đưa Người tới lễ hội cày ruộng của những ngươi tộc Thích-ca. Những người hầu cận trẻ đã để đứa trẻ thái tử ngồi dưới gốc cây táo-hồng và họ bỏ đi tới coi lễ hội cày ruộng. Thấy mình còn lại một mình, Bồ-tát tự động ngồi thẳng trong tư thế ngồi thiền và chứng đắc tầng thiền định thứ nhất bằng sự chánh niệm hơi thở. Dù mặt trời di chuyển nhưng bóng mát của cây vẫn luôn phủ che cho Bồ-tát. Khi những người hầu cận quay lại và nhìn thấy đứa trẻ đang ngồi thiền định, họ báo ại cho vua cha. Nghe vậy vua cha đã đến cúi mình kính lễ đứa con của mình.

[19] Câu này trả lời cho câu hỏi đầu tiên trong hai câu hỏi của vua trời Saccaka ở đoạn kinh 11. của phần này.

Đoạn kinh này cho thấy có một sự thay đổi về cách đánh giá về sự khoái lạc (cảm giác sướng) của Bồ-tát. Khi sự cảm khoái khởi sinh từ sự cách ly và tách ly, thì loại khoái lạc đó không phải là thứ nguy hại đáng sợ mà những người tu khổ hạnh cố tránh né; nhưng đó là những giai đoạn cao sâu hơn trên con đường dẫn tới giác ngộ.

[20] Theo công thức thông thường của sự khởi sinh tùy thuộc, thức được cho là do điều kiện bởi những sự tạo tác cố ý (*saṅkhārapaccayā viññāṇaṃ*, hành duyên thức). Cách trình bày (phiên bản) này cho thấy sự tương-tác của thức và danh-sắc là chỗ "vòng xoáy ẩn dấu" nằm bên dưới mọi sự hiện hữu trong vòng luân hồi tái sinh.

[21] Luận giảng [Spk] ghi rằng: "Tới ngưỡng mức này là một người được sinh ra và già và chết: Với thức là điều kiện khởi sinh phần danh-sắc, và với danh-sắc là điều kiện khởi sinh thức, tới ngưỡng mức này một người có thể được sinh ra và rồi bị tái sinh. Còn có chỗ quá ngưỡng mức này để có thể được sinh ra hay bị tái sinh? Phải đúng không, chỉ ngay ngưỡng này mà (một người) được sinh ra và bị tái sinh?"

[22] Lưu ý rằng Đức Phật đã khám khá ra con đường dẫn tới giác ngộ bằng cách chứng ngộ sự chấm dứt của thức, danh-sắc, và những mắc xích khác của vòng duyên khởi. Sự chấm dứt được chứng ngộ là sự chứng ngộ Niết-bàn, yếu tố bất tử.

[23] Tới lúc này bài kinh mới nói tới mắc xích "những sự tạo tác cố ý" (hành, ý hành tạo tác). Vô-minh là điều kiện chính (duyên) tạo ra nó, và khi đã nói về nguồn gốc của nó thì cũng đã hàm ý chỉ yếu tố vô-minh. Theo cách này, cho dù là hàm ý, tất cả 12 yếu tố của vòng duyên khởi được nói đủ.

[24] Chỗ này nguyên văn là chữ "*ālaya*". Chữ này chỉ cả hai nghĩa: những đối tượng dính chấp và thái độ dính chấp chủ quan

[25] Bằng cách nói ra hai chủ-đề—tính duyên khởi và Niết-bàn—được suy xét lại (quán chiếu) ngay sau khi giác ngộ, Đức Phật rõ ràng muốn nhấn mạnh tầm quan trọng của chúng để chúng ta hiểu được nội dung của sự giác ngộ của Phật thực ra là gì. Tức là, đầu tiên, sự giác ngộ (*a*) gắn liền với một sự hiểu biết thấu suốt về sự khơi sinh tùy thuộc của khổ, và, thứ hai, (*b*) gắn liền với Niết-bàn là trạng thái giải thoát tột cùng, vượt trên tất cả mọi hiện tượng dính với sự khởi sinh tùy thuộc của khổ. Đức Phật trước tiên đã thấu hiểu thấu suốt về tính duyên khởi, và chỉ khi Phật đã hiểu thấu suốt nó thì Phật mới có thể chứng ngộ tới Niết-bàn.

"*Từ bỏ tất cả mọi sự chiếm hữu*" (*upadhi*) có thể được hiểu theo hai phần: (*a*) từ bỏ đối với những đối tượng khác quan, như năm uẩn, hoặc rộng hơn, là tất cả mọi đối tượng chiếm hữu; và (*b*) từ bỏ sự chủ quan, đó là dục vọng là động cơ kích giục những hành vi chiếm hữu.

[26] Luận giảng [Ps] đã đặt câu hỏi tại sao, trong khi từ bao lâu, rất rất dài lâu, Bồ-tát đã ôm hạnh nguyện chứng đắc quả vị Phật để giúp những chúng sinh khác giải thoát, giờ thì tâm trí Phật lại ngã theo hướng không-làm-gì? Rồi nó giải thích luôn: (*a*) lý do là, chỉ đến lúc này, chỉ sau khi giác ngộ, Phật mới nhận ra Giáo Pháp là quá thâm sâu và rất khó làm cho những người còn bị nhiều ô nhiễm

nặng đô có thể hiểu được. Lý do nữa là, (*b*) Phật muốn đích thân Vua Trời Brahmā phải tỉnh cầu Phật đi truyền dạy Giáo Pháp đó, điều đó sẽ làm cho số đông quần chúng tôn kính vị Trời sẽ tôn kính Giáo Pháp luôn (vì Trời còn tôn kính Giáo Pháp), và họ sẽ mong muốn lắng nghe và học hỏi Giáo Pháp.

[27] Năm vị tu sĩ đã theo Phật trong thời gian còn tu khổ hạnh đã tin rằng Phật sẽ đạt tới giác ngộ và chỉ dạy lại cho họ Giáo Pháp. Tuy nhiên sau đó khi Phật từ bỏ lối tu khổ hạnh hành xác và bắt đầu ăn uống thức ăn no bụng trở lại, họ đã không còn tin vào Phật và tẩy chay Phật, họ kết tội Phật đã hoàn tục quay lại đời sống thụ hưởng. Đọc thêm đoạn kinh **3(2), Chương II.**

[28] "*Người chiến thắng của vũ trụ*", nguyên văn "*anantajina*": có lẽ đây là danh xưng được dùng bởi những người theo giáo phái Ni-kiền-tử (*những Ajivaka*) để chỉ một bậc hoàn thiện về tâm linh.

[29] "*Bạn*" hay "*đạo hữu*" (*āvuso*): chữ xưng hô giữa những người đồng lứa, đồng tu, đồng đạo, ngang nhau.

[30] Sự thay đổi cách xưng hô ngay đây từ "*bạn*" (*āvuso*) thành "*ngài*" (*bhante*) cho thấy giờ họ đã tin nhận lời tuyên bố của Phật và chuẩn bị coi Phật là bậc thượng sư của họ.

[31] Ngay lúc này Phật đã giảng bài thuyết giảng đầu tiên [kinh Chuyển Pháp Luân, *Dhamma-cakkappavattana Sutta*] cho họ; coi phần kinh **II,5**. Sau đó vài ngày, tức sau khi tất cả họ đã chứng thánh quả Nhập-lưu, Phật đã tiếp tục dạy họ bài kinh "*Đặc Tính Của Sự Vô Ngã*" (*Anattalakkhaṇa Sutta*), và sau khi nghe bài kinh này, tất cả họ đều chứng đắc thánh quả A-la-hán; đọc thêm đoạn kinh **IX,4(1)(c)**. Coi thêm toàn bộ câu chuyện trong phần Luật Tạng [Vin I 7–14]. Đọc thêm quyển "*Cuộc Đời Của Đức Phật*" của nhà sư dịch giả Ñāṇamoli, chỗ trang 47.

[32] Phần hiểu-biết thứ nhất của mỗi diệu đế chỉ đơn giản nói ra sự hiểu biết về *sự-thật* đó (*saccañāṇa*).

[33] Phần hiểu-biết thứ hai của mỗi diệu đế chỉ ra sự hiểu biết về *trách-nhiệm* cần phải được hoàn thành đối với sự thật đó (*kiccañāṇa*). Tức là, sự thật thứ nhất (sự khổ) cần phải được hiểu thấu hoàn toàn (*pariññeyya*), sự thật thứ hai (nguyên nhân, nguồn gốc) cần phải được trừ bỏ (*pahātabba*), sự thật thứ ba (sự chấm dứt khổ) cần phải được chứng ngộ (*sacchikātabba*), và sự thật thứ tư (con đường đạo dẫn tới sự chấm dứt khổ) cần phải được tu tập (*bhāvetabba*).

[34] Sự hiểu-biết thứ ba của mỗi diệu đế chỉ ra sự hiểu biết rằng sự thật đó *đã* được hoàn-thành (*katañāṇa*). Tức là, sự thật thứ nhất *đã* được thấu hiểu hoàn toàn (*pariññāta*), sự thật thứ hai đã được trừ bỏ hoàn toàn (*pahina*), sự thật thứ ba *đã* được chứng ngộ (*sacchikata*), và sự thật thứ tư *đã* được tu tập xong (*bhāveta*).

[35] Ba giai đoạn (*tiparivaṭṭa*) đó là: (*i*) hiểu biết rõ về mỗi sự thật; (*ii*) sự hiểu biết rõ trách nhiệm *cần phải* được thực thi hoàn thành; và (*iii*) hiểu biết rõ trách nhiệm đó *đã* được hoàn thành. Mười hai cách (*dvādasākāra*) là ba giai đoạn đó nhân với bốn sự thật, như vậy có 12 cách cần phải được tu tập.

[36] Lời kinh chỗ này có nghĩa rằng, ngay lúc đó, ngài Kiều-trần-như (*Koṇḍañña*) đã chứng đắc thánh quả Nhập-lưu, tầng giác ngộ đầu tiên.

[37] Đây là các thiên thần thuộc sáu cõi trời dục giới và cõi trời brahma (phạm thiên).

Chương III
TIẾP CẬN GIÁO PHÁP

[1] Những bài kinh khác cũng nói cho chúng ta biết cách có thể phán đoán ai là người thực sự khôn trí; mới đọc lại **đoạn kinh III,4** và **III,5**.

[2] Luận giảng [Mp] giải thích rằng thị trấn này nằm bên bìa một khu rừng. Nhiều nhóm du sĩ và ẩn sĩ thường dừng nghỉ qua đêm ở đây

trước khi họ băng qua khu rừng. Trong lúc ở lại họ thường nói chuyện với những người Kālāma trong thị trấn, và do đó những người Kālāma được tiếp cận với nhiều loại học thuyết, triết lý. Sự mâu thuẫn của các quan điểm khác nhau đã gây ra nhiều sự nghi ngờ và bối rối cho họ.

[3] Đây là đoạn kinh gốc (khuôn mẫu) trong các bộ kinh Nikāya, (tức nhiều bài kinh có cùng đoạn kinh này).

[4] Đó là mười tiêu chí (căn cứ) chưa đầy đủ để khẳng định sự thật. Mười căn cứ đó có thể được xếp thành 03 nhóm: (*1*) Nhóm một gồm 04 căn cứ đầu tiên, đều dựa trên truyền thống truyền miệng. Bao gồm: (*i*) "*Những điều truyền miệng*" (*anussava*) chỉ truyền thống kinh Vệ-đà, những bà-la-môn cho đó là kinh của các vị thần linh nguyên thủy, và đã được truyền thừa qua nhiều thế hệ. (*ii*) "*Những giáo lý dạy đời*" (*paramparā*) chỉ những giáo lý truyền thống được truyền dạy qua nhiều đời bởi những người thầy. (*iii*) "*Lời đồn đại*" (*itikirā*) có thể chỉ những ý kiến phổ biến hay những quan điểm chung của số đông người. Và (*iv*) "*Kinh sách*" (*piṭakasampadā*) chỉ những kinh sách được coi là không thể sai. (*2*) Nhóm thứ hai, cũng bao gồm bốn căn cứ, là bốn kiểu suy luận mà những người tư duy thường dùng vào thời Đức Phật. (*Lý luận, lý lẽ do suy luận, sự nhận biết do suy lý, sự chấp nhận một quan điểm sau khi cân nhắc nó*). (*3*) Nhóm ba, gồm hai căn cứ cuối cùng, chỉ hai loại thẩm quyền vì đó mà người nghe tin theo: (*i*) "*Tướng mạo bề ngoài của người nói*" [có lẽ bao gồm cả trình độ học vấn, ví dụ đó là người học cao học rộng, có nhiều người theo nhiều đệ tử, được nhà vua tôn trọng...]; và (*ii*) "*Tư cách của người nói, là sư, là thầy nên lời nói của ông ấy chắc phải đúng*" [trong tiếng Pāli chữ "*garu*" là đồng nghĩa chữ "*guru*" trong tiếng Phạn, nghĩa là: thầy, sư thầy].

Để đọc phân tích chi tiết chỗ này, mới đọc thêm quyển sách "*Lý Thuyết về Sự Hiểu Biết của Phật Giáo Nguyên Thủy*" của tác giả Jayatilleke; trang 175–202, và 271–275.

[5] Tham, sân, si là ba gốc rễ bất thiện. Mục tiêu của đạo Phật là Niết-bàn, là đồng nghĩa với sự tiêu diệt tham, sân, si. Như vậy ngay chỗ này Đức Phật đã hướng dẫn những người Kālāma tới chỗ cốt lõi giáo lý của Phật.

[6] Tới đây Đức Phật giới thiệu về bốn loại tâm vô lượng, tức bốn tâm được an trú cõi trời, tức bốn phạm trú (*brahmavihāra*): đó bốn tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả vô lượng vô biên.

[7] Theo Luận giảng [Mp]: vì người đó không làm điều xấu ác và vì không có điều xấu ác [như khổ đau...] xảy đến với người đó. (Vì vậy anh ta biết rõ về hai mặt này).

[8] Đây cũng là một đoạn kinh "khuôn mẫu" trong các bài kinh. Đoạn kinh này diễn tả sự "quy y nương tựa" là hành động của người mới gia nhập đạo Phật, họ thừa nhận Phật, Pháp, Tăng là những các lý tưởng hướng dẫn cho mình. Theo truyền thống Phật giáo, ai đọc những câu như trong đoạn kinh này được cho đã chính thức tuyên bố mình là một Phật tử. (Thủ tục quy y trở thành một Phật tử là đơn giản như vậy, chủ yếu là "tâm nguyện thực sự" của mình vào lúc đọc những lời đó. Nếu các chùa có tổ chức các nghi thức quy y trang trọng thì cũng tốt, nhưng điều đó không phải là bắt buộc).

[9] Thôn trưởng là tạm dịch chữ "*Gāmaṇi*": người đứng đầu. Chữ này hàm chỉ ông ta là một trong những người có vai vế, nổi tiếng trong thị trấn.

[10] "*nguyên lý này*": (*iminā dhammena*)

[11] Nguyên văn đọc, với *Be* và *Ce*, thì chữ *ajānantena*, so với chữ *ājānantena* của *Ee*. Thể phủ định cần được dùng ở đây, bởi vì vị Tỳ kheo không thể trực tiếp hiểu biết tâm của Phật, nên vị ấy phải để ý những hành vi hành động và lời nói của Phật để suy ra Phật đã hoàn toàn giác ngộ hay không.

[12] "*Những trạng thái nhận biết được bằng mắt*" là những hành động; "*những trạng thái nhận biết được bằng tai*" là lời nói.

[13] "*Những trạng thái hỗn hợp*" có nghĩa đức hạnh một người cố gắng thanh lọc hành vi của mình nhưng không làm được một cách ổn định, nhất quán. Có lúc hành vi trong sạch, có lúc không trong sạch.

[14] Theo Luận giảng [Ps]: những mối nguy hiểm là tính tự cao, tự đại. Có một số Tỳ kheo (tu sĩ, nhà sư) rất lặng lẽ và khiêm tốn khi họ chưa được nổi tiếng và được biết nhiều; nhưng khi họ nổi tiếng và được nhiều người biết tới, họ bắt đầu hành xử không đúng đắn, lên mặt tấn công những Tỳ kheo (nhà sư) khác như con báo chụp cắn đàn hưu hiền.

[15] Theo Luận giảng [Ps]: Câu này cho thấy tính không còn thiên vị của Đức Phật. Phật không ngợi khen người này, chê trách người khác.

[16] Nguyên văn: "*So tasmiṃ dhamme abhiññāya idh'ekaccaṃ dhammaṃ dhammesu niṭṭhaṃ gacchati*". Để chuyển tải ý nghĩa lời kinh, tôi đã diễn dịch sự xuất hiện chữ "*dhamma*" lần thứ hai là "*giáo lý*", chẳng hạn một giáo lý hay học thuyết đã được dạy cho vị ấy, và diễn dịch chữ số nhiều của nó "*dhammesu*" là "*những giáo lý*" và chữ "*tasmiṃ dhamme*" là "*Giáo Pháp đó*" có nghĩa là toàn bộ giáo lý.

Luận giảng [Ps] và [Ps-pṭ] đều luận giải như vầy: "Khi Giáo Pháp đã được chỉ dạy bởi vị Thầy, thì vị Tỳ kheo, bằng sự hiểu biết trực tiếp Giáo Pháp thông qua sự chứng nhập thánh đạo và thánh quả, và Niết-bàn, sẽ đi đến kết luận về giáo lý sơ cấp của Giáo Pháp về những phần trợ giúp giác ngộ (*bodhipakkhiyā dhammā*)." (tức 37 phần trợ đạo, 37 bồ-đề phần)

[17] Câu này diễn tả loại niềm tin của một bậc thánh nhân (*ariyapuggala*), người đã nhìn thấy Giáo Pháp, và do đó không còn có thể thừa nhận một vị Thầy nào khác ngoài Phật.

[18] Ông ta là một bà-la-môn có tiếng tăm, ông trị vì vùng Opasāda, một vùng đất đai thuộc hoàng gia nằm ở xứ Kosala (Câu-xá-lợi) được Vua Pasenadi (Ba-tư-nặc) giao cho ông ta.

[19] Rõ ràng đây là tên họ tộc của môn sinh Kāpaṭhika.

[20] Đó là tên những vị thánh (*rishi*) cổ mà những bà-la-môn cho là những tác giả ứng truyền của các bài kinh kệ Vệ-đà.

[21] Nguyên văn tiếng Pāli: "*saddhā, ruci, anussava, ākāraparivitakka, diṭṭhinijjhānakkhanti*." Đây là năm loại căn cứ để đi đến một kết luận; căn cứ đầu tiên có vẻ chỉ dựa vào tình cảm; căn cứ thứ ba là sự chấp nhận truyền thống một cách không nghi vấn, và hai căn cứ cuối cùng dựa vào sự lý giải hoặc nhận biết. Ba loại căn cứ sau trong năm loại này cũng nằm trong mười loại căn cứ chưa đầy đủ để kết luận một sự thật hay niềm tin, như trong **đoạn kinh III,2** ở trên đã liệt kê.

Còn "*hai cách khác nhau*" có nghĩa là mỗi điều có thể trở thành (là) đúng hoặc sai.

[22] Nghĩa là: sẽ không hợp lý để một người đi đến kết luận, bởi anh ta vẫn chưa tự mình xác thực sự thật đó, bởi anh ta chỉ mới chấp nhận nó dựa trên căn cứ chưa đầy đủ khả năng xác thực chắc chắn về điều đó.

[23] "*Bảo vệ sự thật*" (*Saccānurakkhana*): tức sự duy trì, bảo trì sự thật (mà mình tin).

[24] "*Khám phá ra sự thật*" (*Saccānubodha*): tức sự nhìn thấy sự thật, sự giác ngộ sự thật.

[25] Trong một dãy hành động này: câu "*người đó soi xét kỹ càng*" (*tūleti*), theo Luận giảng [Ps], có nghĩa người đó điều tra xét kỹ các hiện tượng đúng là vô thường, khổ, và vô ngã. Chỗ này chỉ người tu đang ở giai đoạn thiền quán minh sát. Chữ "*áp dụng ý chí*" (*ussahati*) và "*nỗ lực*" (*padahati*) có vẻ là đồng nghĩa. Nhưng chúng ta có thể hiểu "*áp dụng ý chí*" là nỗ lực cố gắng tu tập dẫn tới sự thấy-biết (minh sát); còn "*nỗ lực*" là sự nỗ lực từ sự thấy-biết (minh sát) đó để dẫn tới sự chứng ngộ vượt trên thế tục (siêu thế). Bước cuối cùng được diễn tả bằng câu "*người ấy bằng thân chứng*

ngộ sự thật cao nhất." Sự thật cao nhất hay sự thật tột cùng (*paramasacca*) ở đây chính là Niết-bàn.

[26] Trong khi sự "*khám phá ra sự thật*" (*saccānubodha*) trong văn cảnh này có nghĩa là sự chứng đắc Nhập-lưu, thì "*sự chứng ngộ cuối cùng tới sự thật*" (*saccānuppatti*) chắc hẳn có nghĩa là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán cuối cùng. Ghi nhớ rằng "*sự ngộ cuối cùng tới sự thật*" không phai diễn ra bằng những cách tu tập nào khác, mà đó chỉ là sự tiếp tục tu tập, lặp lại các bước [các yếu tố giác ngộ] trước giờ đã tu tập để dẫn tới sự "*khám phá ra sự thật*". (Cứ tu tập cho đến lúc hoàn thiện tất cả những yếu tố đó, cho đến khi chứng đắc thánh quả cuối cùng).

[27] Theo Luận giảng [Ps]: Những bà-la-môn tin rằng họ là dòng giống được sinh ra từ miệng của trời Brahmā (Phạm Thiên),còn những người giai cấp chiến sĩ (*khattiya*) được sinh ra từ ngực, những người giai cấp nông thương (*vessa*) được sinh ra từ bụng, những người lao động, hạ tiện (*sudda*) được sinh ra từ hai chân, và những tu sĩ (ẩn sĩ, sa-môn, *samaṇa*) thì được sinh ra từ hai bàn chân của trời Phạm Thiên.

Chương IV
HẠNH PHÚC THẤY ĐƯỢC TRONG KIẾP NÀY

[1] Theo tiêu chuẩn của vị pháp vương, Giáo Pháp không phải là giáo lý của Phật, mà là pháp luật đạo lý về sự công bằng và đúng sai dựa trên đó nhà vua cai trị đất nước của mình và nắm giữ quyền thống trị khắp thế gian. Theo các biểu tượng ở Ấn Độ, bánh xe (*cakka*) là biểu tượng chủ quyền về cả hai mặt thời gian và tâm linh. Người trị vì thế giới sẽ nhận ngôi vua khi "bánh xe báu" (*cakkaratana*) mang tính thần diệu xuất hiện trước ông ta [coi **đoạn kinh IV,6(5)**]; bánh xe báu đó sẽ tồn tại như một biểu tượng cho quyền lực cai trị của vua. Theo nghĩa tương tự, Đức Phật thiết lập chuyển động bánh xe

Giáo Pháp, nó không thể bị ngăn chặn hay quay ngược lại bởi bất cứ ai trên thế gian.

2 Đọc lại và so sánh với tiếng hô to của các thiên thần trong bài kinh "*Thiết Lập Dịch Chuyển Bánh Xe Giáo Pháp*" (Chuyển Pháp Luân), **đoạn kinh II,5**. Các thiên thần cũng hô vang nội dung rằng bánh xe Giáo Pháp đã được dịch chuyển và không thể bị quay ngược bởi bất cứ ai trong thế gian trên dưới.

3 Gia chủ Nakulapitā và nữ gia chủ Nakulamātā là hai người đệ tử tại gia ưu tú của Đức Phật, họ nổi bật vì niềm tin vào Đức Phật. Đọc thêm quyển "*Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật*" do nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker biên soạn, trang 375–378.

4 Tên *Anāthapiṇḍika* dịch nghĩa là Cấp Cô Độc, có nghĩa là "người chu cấp cho những người cô đơn khó khổ". Ông là đệ tử tại gia nam ưu tú của Đức Phật (và là thí chủ cũng dường lớn nhất cho Đức Phật). Mời đọc thêm quyển "*Những Vị Đại Đệ tử của Đức Phật*" do nhà sư Nyanaponika và học giả Hecker biên soạn, Chương 9.

5 Người ở, nguyên văn là *dāsi*: nghĩa chữ là một nữ nô lệ. Nhưng tốt lành là trong cộng đồng Phật giáo chữ này không hiểu rặt ròi theo nghĩa 'nô lệ' của chữ đó. Và ba mẫu người vợ đầu tiên thì được coi là mẫu người vợ lý tưởng.

6 Phu nhân Visākhā là một đệ tử tại gia nữ ưu tú của Đức Phật. Khu Vườn Phía Đông là tu viện bà đã xây để cúng dường cho Đức Phật, nó nằm ở khu phí đông của thành Sāvatthi (Xá-vệ). (Bà là nữ thí chủ cúng dường lớn nhất của Đức Phật thời đó).

7 Lập luận này là để dễ dàng bác bỏ tuyên bố của những bà-la-môn rằng họ được sinh ra từ miệng của Trời Brahmā.

8 Yona có thể là vùng Bactria, là một vùng thuộc địa của Hy Lạp cổ, trong thời hiện đại đó là nước Afghanistan and Pakistan. Những người Hy Lạp cổ đã sống và cai trị vùng này sau khi vua Alexander

Đại Đế đánh chiếm vùng này. Còn Kamboja có lẽ nằm ở phí tây bắc của vùng "Trung Ấn".

[9] Vua Ajātasattu (A-xà-thế) đã lên ngôi vua bằng cách giết vua cha của mình. Vua cha là vua Bimbisāra (Tần-bà-sa-la), một thí chủ ủng hộ Đức Phật, ông cũng chứng đắc thánh quả Nhập-lưu. Vua Ajātasattu sau này rất hối hận về hành động ác độc của ông, và trong một lần sau khi nghe Phật thuyết giảng kinh "*Những Kết Quả của Đời Sống Xuất Gia*", tức kinh Sa-môn Quả (*Sāmaññaphala Sutta,* **DN 2**), ông đã trở thành một Phật tử.

Liên bang Vajji (Bạt-kỳ) nằm giáp phía bắc của nước Magadha (Ma-kiệt-đà), bên kia sông Hằng, nơi sinh sống của những người Licchavi có kinh đô là thành Vesāli (Tỳ-xá-ly) và những người Vedehi, thuộc bang Videha—cũng là nơi sinh của mẹ của vua Ajātasattu), có kinh đô là thành Mithilā.

[10] Lễ rằm Bố-tát (*uposatha*) là ngày lễ tôn giáo theo Âm lịch của Ấn Độ. Dịp lễ đó rơi vào những ngày trăng tròn (tức ngày rằm, là ngày thứ 14 hoặc 15 của tháng), và hai ngày bán-nguyệt của tháng. Trong đoạn kinh này nguyên văn là ngày mười lăm lễ Bố-tát thì có lẽ là ngày rằm.

[11] Tôi có đính chính chỗ này trong bản dịch DN của học giả Walshe. Học giả dịch nghĩa là: những tu sĩ (sư thầy) và bà-la-môn đức hạnh nên đến gặp vị vua để nhờ vua hướng dẫn điều gì là thiện và điều gì là bất thiện. Tuy nhiên trong bản gốc kinh Pāli ghi rõ ràng: vị vua nên đến gặp những tu sĩ (sư thầy…) và bà-la-môn để được chỉ dạy những điều gì là thiện và những điều gì là bất thiện.

[12] Nguyên văn chỗ này: *yathābhuttañ ca bhuñjatha*. Tiếng Pāli có nghĩa là "*ăn thức ăn như nó đã từng được ăn*", nhưng có lẽ đây là cách nói mang hàm ý sâu xa hơn. Tuy nhiên cách dịch của học giả Walshe "*biết chừng mực tiết độ trong ăn uống*" là không thể đúng với lời kinh gốc.

[13] Đó là ông Purohita. Ông ta là một bà-la-môn phụng sự như một người cố vấn cho vua về cả các vấn đề tôn giáo và thời sự.

Chương V
CON ĐƯỜNG DẪN TỚI TÁI SINH PHÚC LÀNH

[1] Nguyên văn gốc: *Cetanā 'haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā.* [kinh **AN III 415**].

[2] Sự phân biệt này chỉ được nói sơ trong các kinh, nhưng trong các luận giảng thì sự phân biệt này được nói rất cứng rõ, có phân định rạch ròi ba loại nghiệp quả của một nghiệp.

[3] Về sự phân biệt hai loại cách nhìn đúng đắn (chánh kiến), xin đọc thêm kinh **MN 117** [không được trích dẫn trong tập sách này]. Theo thuật ngữ kỹ thuật của các nhà luận giảng, ngay cả sự minh-sát nhìn thấy ba đặc tính [vô thường, khổ, vô ngã] và sự hiểu-biết về những phương diện khởi sinh của sự khởi sinh tùy thuộc, đều vẫn còn là cách nhìn đúng đắn thuộc về thế-tục (*lokiya*), bởi vì những đối tượng của chúng đều là những hiện tượng thế tục. Theo các luận giảng, chỉ có sự nhận-biết trực tiếp về trạng thái không còn điều kiện, tức vô vi, tức Niết-bàn, thì mới được xếp vào loại cách nhìn đúng đắn (chánh kiến) siêu-thế.

Tuy nhiên, ở đây tôi dùng những chữ "*siêu thế*" và "*vượt trên thế gian*" (*lokuttara*) theo một nghĩa rộng, để chỉ về sự hiểu-biết và cách-nhìn [và rộng hơn nữa là tất cả mọi sự thực hành tu tập] dẫn tới sự chuyển hóa vượt trên thế gian.

[4] Để thảo luận thêm về căn bản tâm lý học của Phật giáo Tiền thân, mời đọc thêm quyển sách "*Những Nền Tảng Của Phật Giáo*" của học giả Gethin, trang 119–126.

[5] Nguyên văn: "*dasa akusalā kammapathā*": mười đường nghiệp thiện, và "*dasa kusalā kammapathā*": mười đường nghiệp bất thiện. Trong các bộ kinh *Nikāya*, mười đường sau được nói trong kinh **AN V 57**; và cả hai mười đường được nói trong kinh **DN III 269**.

[6] Các kinh Phật giáo hậu kỳ có đưa thêm vào một cảnh giới khổ đau thứ tư, đó là cảnh giới của những quỷ thần A-tu-la (*asura*). Trong kinh điển tiền thân, những quỷ thần a-tu-la được miêu tả là những chúng sinh khổng lồ [titan] mãi mãi xung đột và chiến đấu với các vị trời thần, nhưng họ vẫn thuộc chung cảnh giới thiên thần chứ không bị tách riêng ra thành một cõi A-tu-la riêng ở trên đó. Do điều kiện sống (thuộc cõi trời thần) như vậy nên khó có thể quy cho cảnh giới của các quỷ thần a-tu-la trên đó là thuộc cảnh giới thấp xấu khổ đau kinh khủng, (chúng ta cần lưu ý phân biệt chỗ này). Các nhà luận giảng nhận-dạng rằng những quỷ thần a-tu-la được xếp vào cảnh giới thấp xấu khổ đau thứ tư chính là những quỷ thần thuộc cõi ngạ quỷ đầy đọa nói trên—chứ không phải là những quỷ thần a-tu-la khổng lồ suốt đời đánh nhau với các trời thần trên cõi trời kia. Không cần phải nói thêm, bức tranh về một cảnh giới khổ đau thứ tư, cảnh giới A-tu-la, vẫn chưa thực rõ ràng, bởi vì: (*i*) nếu họ là những quỷ thần luôn chiến đấu với các vị trời thần trên cõi trời, thì cõi sống đó đâu phải là loại cảnh giới thấp xấu khổ đau đọa đày kinh khủng; và (*ii*) nhưng nếu họ là những quỷ thần sống trong cảnh giới của các ngạ quỷ ma đói thì dường như đâu cần phải tách họ ra thành một cảnh giới A-tu-la riêng để làm gì.

[7] Ở đây tôi diễn tả những cảnh giới tái sinh tương ứng các tầng thiền định sắc giới theo giáo lý vũ trụ của Phật giáo Nguyên thủy, tức Phật giáo Trưởng Lão Bộ (*Theravāda*). Các trường phái khác của Phật giáo Tiền thân—dựa theo các bộ kinh của họ [tương đương như bộ Nikāya của Trưởng Lão Bộ]—thì phân chia các cõi xứ tương ứng với bốn tầng thiền định theo một cách có khác nhau ít nhiều.

[8] Tăng đoàn các thánh đệ tử bao gồm bốn cặp tám hạng người đã chứng nhập vào dòng thánh đạo siêu thế, tức từ bậc Nhập lưu cho tới A-la-hán. (Nói rõ hơn, các vị thánh đệ tử là những vị đang ở trong một trong tám chặng thánh quả và quả Nhập

lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán. Đọc thêm các trang đầu của phần "**Giới thiệu về Chương X**".

[9] Nguyên văn: "*Subhakiṇhā devā*": tạm dịch: thiên thần ở cõi trời của các thiên thần sáng rực huy hoàng (HV: cõi Biến Tịnh thiên). Đây là cảnh giới cao nhất tương ứng với tầng thiền định thứ ba.

[10] Kinh AN 4:235 giải thích điều này là đồng nghĩa với việc tu tập con đường Bát Thánh Đạo; còn kinh AN 4:236 thì giải thích đây chính là sự tu tập bảy yếu tố (giúp) giác ngộ.

[11] Đây là một quan điểm của những người theo chủ nghĩa duy vật và tự hủy diệt, tức coi 'chết là hết', không công nhận có kiếp sau và những nghiệp quả. "*Không có gì được cho*..." có nghĩa là: không có kết quả gì từ việc cho-đi…; "*không thế giới này, không thế giới khác*" nghĩa là: không có chuyện tái sinh vào thế giới này hay thế giới khác; "*không mẹ, không cha*" tức là: không có kết quả hay quả báo gì từ việc đối xử xấu hay tốt đối với cha mẹ. Còn câu "*không có tu sĩ và bà-la-môn*…" có nghĩa là từ chối sự có mặt của những vị Phật và những vị A-la-hán.

[12] Luận giảng [Ps] cho rằng "*những thiên thần tỏa sáng*" không phải là một cấp hạng các thiên thần, mà là danh từ chung dùng để gọi chung ba cấp hạng thiên thần được liệt kê ngay sau câu này. Tương tự như vậy, "*các thiên thần sáng rực huy hoàng*" cũng là một danh từ chung để gọi chung các loại thiên thần được liệt kê ngay sau đó.

[13] Nên lưu ý rằng, trong khi "*hành vi đúng theo Giáo Pháp*" được nói trong bài kinh là điều-kiện-cần (phải có) để giúp dẫn tới sự tái sinh vào những cõi trời cao quý và giúp dẫn tới sự tiêu diệt mọi ô nhiễm, nhưng đó cũng là điều-kiện-đủ luôn.

(a) Sự tái sinh vào các cõi trời [bắt đầu từ cõi của "*các thiên thần là tùy tùng của Trời Brahmā*"…] đòi hỏi người tu chứng đắc tầng thiền định sắc giới (*jhāna*). (b) Sự tái sinh vào năm cõi trong sạch của các bậc thánh Bất-lai [bắt đầu từ cõi của "*các thiên thần cõi trời bền chắc [avihā]*"…] đòi hỏi người tu chứng đắc thánh quả Bất-lai. (c) Sự tái sinh vào bốn cảnh giới vô-sắc đòi hỏi người tu chứng đắc

những tầng chứng đắc vô-sắc tương ứng (được đặt tên giống nhau tương ứng). (d) Và sự tiêu diệt mọi ô nhiễm đòi hỏi người tu tu tập hoàn thành hoàn thiện con đường Bát Thánh Đạo và đạt tới tầng thánh đạo A-la-hán.

[14] Theo Luận giảng [Ps]: Nếu nghiệp sát sinh là nghiệp chính trực tiếp quyết định đường tái sinh thì nó sẽ tạo tái sinh vào nơi thấp xấu, khổ đau. Nhưng nếu người đó cũng có những nghiệp tốt, và nếu nghiệp tốt đủ mạnh để quyết định được tái sinh làm người—[chỉ có nghiệp thiện mới có thể giúp có được sự tái sinh làm người]—thì lúc đó nghiệp xấu ác sẽ vẫn hoạt động và dẫn tới quả báo là chết yểu. (Những người đã sát sinh, hung bạo, tàn nhẫn thì dù có tái sinh làm người trở lại cũng bị nghiệp quả là bị hại hoặc chết yểu). Cũng theo nguyên lý này, trong thời gian sống của một người, nghiệp xấu chín muồi: trong thời khắc đó nghiệp xấu tương khắc với nghiệp thiện đã tạo ra sự tái sinh và nghiệp xấu sẽ tạo ra những điều xấu, bất hạnh cho từng trường hợp.

[15] Trong trường hợp này nghiệp thiện của việc kiêng cữ sát sinh trực tiếp tạo ra sự tái sinh trong cõi trời, hoặc sự sống thọ trong cõi người. Nguyên lý này cũng tương tự đối với tất cả giai đoạn chín muồi của nghiệp thiện.

[16] Điều này có nghĩa rằng riêng hành động cho đi, bố thí, cúng dường, giúp đỡ… chưa đủ để tạo những công quả phúc lành như ý muốn. Hành động cho đi… đó phải được hỗ trợ bằng giới hạnh đạo đức trong sạch của người đó (tức người cho đi, bố thí, cúng dường, giuos đỡ… phải là người có giới hạn đạo đức trong sạch). Còn những ai thuộc loại người chưa biết kiêng giữ giới hạnh, thất đức, không trong sạch, không lương thiện…thì việc cho đi hay rộng lòng bố thí vẫn không đủ để mang lại sự tái sinh phúc lành. (Vì, nếu hễ ai có tiền của đem cho đem cúng là sẽ được tái sinh lên cõi tiên thì đâu còn gì ý nghĩa của một đạo tu tập dưỡng tính).

[17] Điều này được nói ra như vậy bởi vì sự tái sinh vào cõi các vị trời brahma (Phạm thiên giới)—và cả sự tái sinh vào những cảnh giới khác của cõi sắc giới—chỉ có thể đạt được nhờ sự chứng đắc các

tầng thiền định sắc giới, điều đó đòi hỏi người tu phải dẹp bỏ [khống chế] được các tham dục (theo định nghĩa và điều kiện của chứng đắc các tầng thiền định sắc giới).

[18] Về ngày lễ bố-tát và việc giữ tám giới (tám cửa, bát quan) trong ngày lễ bố-tát, mời đọc lại chỗ hai trang cuối của phần Giới Thiệu về Chương V (tức chương này).

[19] "*Thời gian phù hợp*" để ăn, theo giới luật Tỳ kheo và giới luật ngày lễ Bố-tát (*uposatha*), là khoảng thời gian bắt đầu một ngày tới giữa trưa, tức ăn trước giờ ngọ; (ăn trong khoảng thời gian này là ăn đúng-thời). Sau giữa trưa, sau giờ ngọ, thì không được ăn những thức ăn 'chắc bụng' hoặc uống những thức uống bổ dưỡng [như sữa]; (nếu ăn các loại thức ăn đó sau bữa trưa là ăn uống không đúng thời, tức ăn uống phi-thời, là phạm giới luật). Nước trái cây, nước ngọt, trà, trà thảo dược, và các loại thức uống nhẹ khác thì được dùng.

[20] Đây là các nước thuộc bán đảo Ấn Độ và các vùng tiếp giáp thời đó.

[21] Luận giảng [Ps] giải thích "*nghiệp hạn chế*" (*pamāṇakataṃ kammaṃ*) là nghiệp còn thuộc cõi dục-giới (*kāmāvacara*). Nó ngược với loại "*nghiệp không hạn chế*", tức "*nghiệp vô lượng*", tức là sự chứng đắc các tầng thiền định sắc giới và vô sắc giới. Trong trường hợp này, người tu tu tập các tầng thiền định để được tái sinh vào những cảnh giới an trú cõi trời (phạm trú). Khi một tầng thiền định sắc giới hay tầng chứng đắc vô sắc giới được kiểm soát thì một nghiệp thuộc cõi dục-giới không thể có/tìm cơ hội để tạo ra nghiệp quả. Thay vì vậy, nghiệp thuộc cõi sắc-giới hoặc cõi vô-sắc-giới sẽ lấn át nghiệp dục-giới để tạo ra nghiệp quả của chúng. Một sự an trú cõi trời (tức phạm trú, tức cảnh giới của một trong bốn tâm vô lượng: từ, bi, hỷ, xả) đã được kiểm soát như vậy sẽ dẫn tới sự tái sinh vào cõi trời brahma.

[22] "*Một người có-được cách nhìn đúng đắn*" (*diṭṭhisampanna puggala*) là chỉ bậc thánh Nhập-lưu; (bậc Nhập lưu là người đã đạy tới sự hiểu biết và tầm nhìn).

Phần miêu tả về bậc Nhập lưu và những bậc thánh quả cao hơn sẽ được nói rõ hơn trong **Chương X.**

[23] Phật Duyên Giác cũng giống như một vị Phật Toàn Giác, tức cũng tự mình tu tập đạt tới Giác Ngộ mà không có sự chỉ dạy của một người thầy nào. Nhưng chỉ có một điểm khác là, Phật Duyên Giác không thể chỉ dạy hay truyền dạy cho người khác tu tập để giác ngộ. Theo các luận giảng truyền thống, các vị Phật Duyên Giác không xuất hiện trong thế gian trong thời gian có một vị Phật Toàn Giác, họ chỉ xuất hiện trong thời gian giữa các thời kỳ có các vị Phật Toàn Giác có mặt trong thế.

Chương VI
LÀM SÂU SẮC TẦM NHÌN VÀO THẾ GIỚI

[1] Theo Luận giảng [Ps]: "*Sự hiểu biết hoàn toàn*" (*pariññā*) ở đây có nghĩa là sự vượt qua (*samatikkama*) hay sự dẹp bỏ (*pahāna*). Những du sĩ các giáo phái (ngoại đạo) coi sự hiểu biết hoàn toàn về những khoái lạc giác quan là đồng nghĩa với sự chứng đắc tầng thiền định thứ nhất, sự hiểu biết hoàn toàn về sắc thân đồng nghĩa với sự chứng đắc những tầng thiền định vô sắc [đạt những cảnh giới vô sắc], và sự hiểu biết hoàn toàn về những cảm giác đồng nghĩa cảnh giới không còn nhận thức [một cảnh giới trong đó sự nhận thức tạm thời bị khống chế, không còn có mặt]. Còn đối với Đức Phật thì sự hiểu biết hoàn toàn về những khoái lạc giác quan là giai đoạn thánh đạo hướng tới thánh quả Bất-lai, và sự hiểu biết hoàn toàn về cả sắc thân và những cảm giác là chặng thánh đạo hướng tới thánh quả A-la-hán.

[2] Lưu ý đọc kỹ chỗ này, những sự nguy-hại trong những khoái lạc giác quan vừa kể ra trước được gọi là "*một đống khổ trong kiếp*

sống này" (*sandiṭṭhiko dukkhakkhandho*); còn đoạn 15 này thì dạng khổ này được gọi là "*một đống khổ trong kiếp sau*" (*samparāyiko dukkhakkhandho*), tức là do sống thiếu đức hạnh trong ba nghiệp hành động, lời nói, tâm ý nên nghiệp xấu sẽ báo ứng thành quả xấu đến tận kiếp sau.

3 Nguyên văn: *Vohārasamuccheda*. *Vohāra* có nghĩa gộp bao gồm: những việc làm ăn buôn bán, ý định kế hoạch, lời nói và những tâm ý (trong đời sống). Luận giảng [Ps] nói tất cả bốn thứ này đều thích đáng để nói, vì khi ông ta nghĩ ông ta đã từ bỏ công việc làm ăn, kế hoạch dự định, lời nói cách nói, và những tâm ý thế tục của một người gia chủ.

4 Luận giảng [Ps] giải thích rằng: "*tu tập tâm buông-xả đa dạng dựa trên sự đa dạng*" là liên quan tới năm dây khoái lạc giác quan (tức tu tập buông xả đối với các loại khoái lạc giác quan); còn "*tu tập tâm buông-xả hợp nhất dựa trên sự hợp nhất*" đó là tu tập dựa trên trạng thái hợp-nhất của tâm trong tầng thiền định thứ tư (tứ thiền), (lúc này tâm xả đạt tới mức độ tinh lọc tinh khiết nhất).

5 Ông Māgandiya là một người theo triết lý khoái lạc, cho rằng con người nên thả cửa năm giác quan thụ hưởng những đối tượng của chúng. Ông ta chỉ trích Phật chủ trương tu tập sự kiềm chế và kiểm soát các giác quan. Vì vậy lúc này Phật đang sắp sửa chứng minh cho ông ta về những sự khuyết điểm nguy hại của việc thụ hưởng khoái lạc giác quan.

6 Luận giảng [Ps] dùng chữ "*nippurisa*" nghĩa là "*không có đàn ông*", để chỉ những người phục vụ toàn là phụ nữ. Không chỉ riêng những nhạc công mà tất cả mọi người phục vụ trong cung điện đó đều là nữ, bao gồm cả người gác cửa cũng là nữ. Vua cha đã chu cấp cho thái tử ba cung điện và bố trí khắp nơi toàn phụ nữ với hy vọng giữ chân thái tử vui sống trong đời sống tại gia và làm cho thái tử quên lãng những ý nghĩ và ý định xuất gia.

[7] Theo Luận giảng [Ps]: câu này chỉ sự chứng thánh quả A-la-hán (*arahatta-phala-samāpatti*) dựa trên sự tịch tịnh tinh khiết của tầng thiền định thứ tư.

[8] Đó có nghĩa là "Khu vườn Sung Sướng" ở cõi trời Tāvatiṃsa (Đao-lợi).

[9] Chữ "*viparītasaññā*" trong kinh ở đây hàm nghĩa chỉ "*sự nhận thức sai lệch, méo mó*" khi người ta nhận thức những thứ thực sự khổ đau là sự khoái sướng. Kinh **AN 4:49** có nói về bốn dạng sai lạc sai lầm của sự nhận thức (*saññāvipallāsa*), đó là: (*i*) nhận thứ không đẹp đẽ (không tốt) là đẹp đẽ (tốt); (*ii*) nhận thứ vô thường là thường hằng; (*iii*) nhận thứ khổ đau là sung sướng; và (*iv*) nhận thứ vô ngã hoặc và không có tự tính là cái 'ta' và có tự tính. Những khoái lạc giác quan là khổ đau bởi chúng làm phát khởi những ô nhiễm đầy khổ đau, và bởi chúng mang lại những khổ đau sau đó và tương lai.

[10] Cách nhìn sai lạc, quan điểm sai lầm, hay tà kiến (*micchā diṭṭhi*) ở đây muốn nói là những quan điểm từ chối và không coi trọng những nền tảng đức hạnh, đặc biệt là những quan điểm không công nhận nguyên lý nhân quả về đạo đức, và không tin vào hiệu quả hay kết quả của sự nỗ lực ý chí tu tập.

[11] Việc sống tu trong rừng, mặc y làm từ giẻ rách lượm ở nghĩa địa hay ngoài đường…là những sự thực hành được Đức Phật cho phép và khuyên làm (sống thanh bần, chịu một số giới khổ hạnh, hạnh đầu-đà). Luận giảng [Spk] nói rằng trong số 30 Tỳ kheo này có người đã là bậc thánh Nhập lưu, một số là Nhất lai và một số là Bất lai. Không ai còn là người phàm phu chưa nhập vào dòng thánh đạo, nhưng cũng không có ai là bậc A-la-hán (giác ngộ hoàn toàn) trước khi đang đến gặp Phật trong đoạn kinh này. (Vào cuối bài kinh, và cũng theo luận giảng, ngay khi nghe xong lời kinh này của Phật, tất cả họ đều giác ngộ thành A-la-hán).

Về mười gông cùm trói buộc, mời đọc thêm 2 trang kế trang đầu của phần **Giới thiệu về Chương X**.

[12] Có nghĩa Phật muốn thuyết giảng cho họ nghe để họ chứng ngộ luôn thánh quả A-la-hán ngay tại chỗ (vì Phật đã nhìn thấy rõ họ đã là những bậc thánh trong dòng thánh đạo).

Chương VII
CON ĐƯỜNG DẪN TỚI SỰ GIẢI THOÁT

[1] Trong 10 quan điểm này, những quan điểm dựa vào những giả định về thế giới (*loka*) coi như cũng dựa vào những giả định có một cái 'ta' cố định, như một 'linh hồn' hay 'bản ngã' (*attā*). Như cặp câu hỏi đầu tiên là phản đề của tư tưởng có linh hồn bất diệt (sau khi chết) và tư tưởng diệt vong (chết là hết). Quan điểm cho rằng linh hồn là một với thể xác là chủ nghĩa duy vật chất, một dạng của chủ nghĩa diệt vong; còn quan điểm cho linh hồn là khác với thể xác là chủ nghĩa linh hồn bất diệt (dù thể xác chết nhưng linh hồn vẫn trường tồn). Quan điểm cho rằng Như Lai—bậc giải thoát—vẫn còn tồn tại sau khi chết là tư tưởng linh hồn bất diệt; còn quan điểm cho rằng Như Lai không còn tồn tại sau khi chết là chủ nghĩa diệt vong. Quan điểm cho rằng Như Lai sau khi chết cũng vừa tồn tại vừa không tồn tại là cách nói nước đôi của hai loại tư tưởng trên; còn quan điểm cho rằng Như Lai sau khi chết không tồn tại cũng không phải không tồn tại là kiểu chủ nghĩa hoài nghi hoặc tư tưởng bất khả tri (tức không thể nhận biết được) cho rằng chúng ta không thể biết chắc được tình trạng của Như Lai sau khi chết. Theo cách nhìn của Phật giáo, tất cả những ý tưởng kiểu đó coi như đã giả định Như Lai có một 'bản ngã' hay 'linh hồn' rồi. Do vậy những câu hỏi đó đã dựa trên một tiền đề sai lạc, đều dựa trên một giả định có một bản ngã rồi, vì vậy Đức Phật đã không trả lời.

[2] Vị Tỳ kheo này đã nói sẽ bỏ tu nếu Phật không giải thích thỏa đáng cho những ý tưởng thắc mắc siêu hình của mình. Nhưng kinh điển có ghi lại, sau này khi tuổi già vị ấy được Phật có giảng một bài kinh ngắn về sáu cơ sở giác quan (sáu căn), rồi vị ấy tu tập một thời gian và chứng đắc thánh quả A-la-hán. Coi thêm kinh **SN 35:95.**

[3] Devadatta (Đề-bà-đạt-đa) là người anh em họ của Đức Phật, nhưng vị ấy rất tham vọng, đã cố ám sát Đức Phật để lên nắm giữ Tăng đoàn. Sau mấy lần cố giết Phật không được, vị ấy đã tách riêng và lập giáo phái riêng của mình để lãnh đạo. Đọc thêm quyển "*Cuộc Đời Của Đức Phật*" của tác giả nhà sư Ñāṇamoli, trang 266–69.

[4] Theo Luận giảng [Ps]: "*Sự hiểu biết và tầm nhìn*" (tri và kiến) (*ñāṇadassana*) ở đây chỉ về "con mắt thiên thánh" (thiên nhãn), đây là một năng lực nhìn thấy những hình sắc vi tế không thể nhìn thấy được bằng mắt thường.

[5] Cách dịch này dựa theo phiên bản tiếng Miến Điện [Be] và tiếng Tích Lan cổ [Ce], trong đó chữ "*asamayavimokkhaṃ*" được ghi trong câu trước và chữ "*asamayavimuttiyā*" đươck ghi trong câu này. Phiên bản [Ee] dường như bị sai khi đọc chữ "*samaya*" thành hai hợp âm và đọc sai "*ṭhānaṃ*" thay vì đúng là "*aṭṭhānaṃ*". Luận giảng [Ps] trích dẫn trong bộ sách "*Paṭisambhidāmagga*" (Phân Tích Đạo) một định nghĩa của chữ "*asamayavimokkha*" [nghĩa gốc: sự giải thoát không-tạm-thời, hay sự giải thoát "vĩnh viễn"] có nghĩa là bốn chặng thánh đạo, bốn thánh quả, và Niết-bàn; và chữ "*samayavimokkha*" [nghĩa gốc: sự giải thoát tạm thời] có nghĩa là bốn tầng thiền định sắc giới và bốn tầng chứng đắc vô sắc. Đọc thêm kinh **MN 122.4**.

[6] Luận giảng [Ps] nói "*sự giải thoát bất thoái chuyển của tâm*" (*akuppā cetovimutti*) ở đây đồng nghĩa với thánh quả A-la-hán. Như vậy, chữ "*sự giải thoát vĩnh viễn*"—bao gồm bốn chặng thánh đạo và thánh quả—có phạm vi nghĩa rộng lớn hơn chữ "*sự giải thoát bất thoái chuyển của tâm*." Chữ sau chỉ được dùng để chỉ thẳng cái mục tiêu cuối cùng của đời sống tu hành.

[7] "*Sự phai biến (của) tham dục*" (rāgavirāgatthaṃ).

[8] Theo luận giảng [Spk]: Khi đang ở nơi ẩn dật một mình, ngài Ānanda có nghĩ rằng: "Việc tu hành của một Tỳ kheo sẽ thành công nếu người đó biết dựa vào tình đạo hữu và dựa vào nỗ lực mạnh mẽ của chính mình; và như vậy là một nửa dựa vào tình đạo hữu và

một nửa dựa vào nỗ lực tự thân." (Nghĩ như vậy nên ngài đã tới gặp Phật để hỏi lại cho chắc).

9 *Vacchāyana* là tên họ tộc của du sĩ *Pilotika* đó.

10 Coi chỗ chú thích số 19, Chương V.

11 Những "*dấu hiệu*" (*nimitta*) ở đây là chỉ những *đặc-tính* nổi trội dễ thấy của một đối tượng hình sắc, khi nắm giữ chúng một cách không có chánh niệm thì chúng có thể "kích hoạt" những ý nghĩ ô nhiễm (trong tâm); còn những "*đường nét*" (*anubyañjana*) ở đây có nghĩa là những *chi-tiết* hấp dẫn sự chú tâm của người nhìn nếu/khi người nhìn không biết kiềm chế các giác quan.

Tiếp theo nói về "*sự tham thích và phiền ưu*" (*abhijjhā-domanassa*), (đó là: sự thích và sự ghét, sự muốn và chê, mê và chán, ôm thích và từ đẩy; nói gọn, đó là: tham và sân, hoặc tham và ưu); chỗ câu kinh này chỉ những *phản ứng ngược lại* của người tu đối với tham và sân, đối với sự hấp dẫn và sự chán chê đối với những đối tượng giác quan.

12 Ở đây, sự thèm-muốn (*abhijjhā*) là đồng nghĩa với tham-dục giác quan, tức nhục dục (*kāmacchanda*): đây là chướng ngại thứ nhất trong năm chướng ngại cản trở người tu tu tập. Đoạn kinh này chỉ sự tu tập để vượt-qua chướng ngại tham đó.

13 Người đệ tử thánh thiện không vội đi đến kết luận như vậy bởi vì trạng thái các tầng thiền định sác giới (*jhāna*), cũng như các tầng chứng đắc vô sắc cao hơn sau đó, không phải là độc quyền hay giáo lý 'riêng' [hay là toàn bộ con đường] của Phật giáo; (bởi vì những người giáo phái khác trước Phật cũng có thể tu tập thiền định và chứng đắc những tầng thiền định đó).

14 Theo luận giảng [Ps], chỗ này chỉ lúc người tu đang còn ở trong dòng thánh đạo siêu thế. Bởi vì cho tới lúc này vị đệ tử thánh thiện vẫn chưa hoàn thành rốt ráo con đường tu hành, cho nên người đó

vẫn chưa (tự mình thấy biết để) đi đến một kết luận (*na tveva niṭṭhaṃ gato hoti*) về Phật, Giáo Pháp, và Tăng Đoàn [Tam Bảo]; hơn nữa, lúc này người đó vẫn đang trên tiến trình đi đến một kết luận (*niṭṭhaṃ gacchati*). Cụm từ "*đi đến kết luận*" chỗ này trong bài kinh là một cách chơi chữ tình cờ khả thi trong cả tiếng Pali và tiếng Anh (cũng khả thi trong tiếng Việt)—tức nó cũng đồng nghĩa "*đi đến kết thúc*", "*đi đến chung cuộc*", tức *đi đến đạo quả cuối cùng*; và tới lúc đó người tu mới thực sự đi đến kết luận cuối cùng như vậy về Phật, Pháp, Tăng.

15 Theo luận giảng [Ps]: chỗ này chỉ lúc người tu đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán, và đã hoàn thành con đường tu, đã đi tới chung cuộc, đã giải thoát, thì lúc đó người đó mới đi đến một kết luận như vậy về Phật, Pháp, và Tăng.

Chương VIII
TU TẬP TÂM

1 Đây là những giai đoạn (tầng, chặng) giác ngộ của dòng thánh đạo siêu thế: Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai, và A-la-hán. Coi thêm **chương X**.

2 Đọc thêm kinh tương tự như **AN 9:3 (IV 358) = Ud 4:1**.

3 Có một bản dịch bài kinh này cùng với phần giảng luận và những trích dẫn quan trọng có thể được tìm thấy trong quyển sách (*i*) "*Con Đường Chánh Niệm*" của nhà sư trưởng lão Soma Thera. Quý vị có thể đọc thêm hai bản dịch khác của bài kinh và các phần luận giảng xuất sắc một cách chi tiết có trong hai quyển sách: (*ii*) "*Trái Tim Của Thiền Phật Giáo*" của nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera (đây cũng chính là vị thầy trực tiếp trong sự nghiệp biên dịch kinh điển của thầy Tỳ-kheo Bồ-đề (Bhikkhu Bohdi), và (*iii*) "*Bốn Nền Tảng Chánh Niệm: Con Đường Trực Tiếp dẫn tới Giác Ngộ*" (*Satipaṭṭhāna*) của nhà sư học giả Anālayo.

[4] Theo luận giảng [Mp]: khi sự tĩnh lặng (định) được tu tập độc lập, không dính phần trí tuệ, thì nó dẫn đến khống chế năm chướng ngại; chướng ngại đầu tiên là tham-dục, và nó tích tạo nên một cái "*tâm bậc cao*" (*adhicitta*) ở trạng thái các tầng thiền định (*jhāna*), có đặc tính là không còn tham dục (vô dục, không còn các nhục dục). (Đây là điều tốt, nhưng đây chỉ mới là phần thiền định chưa tạo ra trí tuệ giác ngộ). Nhưng chỉ khi nào sự tĩnh-lặng (định), được tu tập phát triển kết hợp với sự thấy-biết (minh sát) thì nó mới giúp khởi sinh con đường thánh đạo; chỉ con đường thánh đạo mới có thể *(i)* nhổ sạch tận gốc những khuynh-hướng tiềm ẩn (HV: tùy miên) tạo ra tham-dục [bằng giai đoạn thánh đạo dẫn tới thánh quả Bất Lai] và *(ii)* nhổ sạch tận gốc mọi dính chấp ràng buộc với sự hiện hữu [bằng giai đoạn thánh đạo dẫn tới thánh quả A-la-hán]. Luận giảng [Mp] đã diễn dịch sự tĩnh lặng (định) ở đây theo nghĩa thứ hai này, dựa vào ý nghĩa của câu cuối trong bài kinh.

[5] Theo luận giảng [Mp]: đây chính là trí tuệ của con đường thánh đạo siêu thế, tức đạo-tuệ (*magga-paññā*) đã được tu tập phát triển. Cụm từ "*mọi sự ngu mờ được loại bỏ*" là chỉ sự ngu mờ (vô-minh) lớn nhất nằm trong gốc rễ của vòng luân hồi sinh tử.

[6] Thánh quả A-la-hán được diễn tả là "*sự giải thoát không còn ô nhiễm của tâm*" (*anāsava-cetovimutti-paññāvimutti*). Luận giảng [Mp] giải thích "*sự giải thoát của-tâm*" (*cetovimutti*) là sự đạt định (định) nối kết với thánh quả [A-la-hán], còn "*sự giải thoát bằng-trí-tuệ*" (*paññāvimutti*) là trí tuệ (tuệ) nối kết với thánh quả [A-la-hán]. Luận giảng [Mp] thì đề cập tới "*sự chứng đắc thánh quả A-la-hán nhờ thiền định*" (*arahatta-phala-samāpatti: A-la-hán quả định*), một tầng thiền định siêu thế trong đó A-la-hán trải nghiệm niềm chân hạnh phúc của Niết-bàn.

[7] Nguyên văn: "*Samathapubbaṅgamaṃ vipassanaṃ*". Luận giảng [Mp]: "*Chỗ này có nghĩa một người thiền trước tiên tu tập để đạt tới sự tĩnh lặng, tức thiền định, rồi sau đó mới tu tập sự thấy biết, tức thiền quán minh sát.*" Những luận sư gọi người thiền như vậy là

người lấy sự tĩnh-lặng (thiền định) làm cỗ xe tu tập, tức người tu định-thừa (*samatha-yānika*). Coi thêm **Vism 587**; **Ppn 18:3**.

[8] Chữ "*con đường đạo*" (*magga*) chỗ này là chỉ chặng thánh đạo siêu thế đầu tiên, tức thánh đạo Nhập Lưu. Chữ "*tu tập con đường đạo đó*" theo như luận giảng [Mp] có nghĩa là tu tập tiếp để đạt tới ba thánh đạo cao hơn sau Nhập Lưu.

Về mười gông-cùm (được loại bỏ theo từng chặng thánh đạo theo cách nào), mời coi thêm phần **Giới Thiệu về Chương X**, trang đầu;

Về bảy khuynh-hướng tiềm ẩn (trong tâm), mời coi lại chú thích số **5**, **Chương I**.

[9] Nguyên văn tiếng Pali: "*Vipassanāpubbaṅgamaṃ samathaṃ*". Luận giảng [Mp] ghi rằng: "*Chỗ này chỉ người tu theo thiên hướng tự nhiên tu tập sự thấy-biết* (*minh sát*) *trước và rồi, dựa vào sự minh sát đó, tạo ra sự tĩnh-lặng* (*định*)." Trong văn học luận giảng, loại người tu này được gọi là người lấy sự thấy-biết làm cỗ xe tu tập, tức người tu minh-sát-thừa (*vipassanā-yānika*). Coi thêm **Vism 588**; **Ppn 18:4**.

[10] Nguyên văn tiếng Pali: "*Samathavipassanaṃ yuganaddhaṃ*". Theo phương pháp tu tập này, người tu chứng nhập vào (trạng thái) tầng thiền định thứ nhất và rồi, sau khi thoát ra khỏi tầng thiền định đó, người tu ứng dụng sự thấy-biết của mình vào trải nghiệm đó. Ví dụ: người tu ứng dụng sự nhìn thấy rõ năm tập hợp uẩn của tầng thiền định (hình sắc, cảm giác, nhận thức…) là vô thường, dính liền khổ, và vô ngã. Sau đó người tu chứng nhập vào (trạng thái) tầng thiền định thứ hai và quán xét về điều đó bằng sự thấy-biết đó. Người đó cứ tu tập và áp dụng sự thấy-biết (minh sát) theo trình tự như vậy đối với các tầng thiền định tiếp theo… cho đến khi nào người tu bước vào được con đường thánh đạo siêu thế, tức chứng đắc được thánh đạo Nhập Lưu, Nhất Lai…

[11] Nguyên văn tiếng Pali: "*Dhammuddhaccaviggahitaṃ mānasaṃ hoti*". Luận giảng [Mp] nói rằng: "*sự động vọng*" (*uddhacca*) khởi sinh ở đây như một phản ứng đối với mười "*sự suy bại trong minh*

sát" (*vipassanūpakkilesa*), tức là khi người tu nhìn thấy những dấu hiệu trong khi đang thiền minh sát thì người tu hiểu lầm đó là dấu hiệu chứng đắc thánh quả hay Niết-bàn. (Về 10 sự suy bại trong minh sát, mời đọc thêm **Vism 633–38**; **Ppn 20:105–28**.)

Tuy nhiên, trong câu kinh này, "*sự động vọng về giáo pháp*" là một dạng trầm uất của tâm xảy ra từ sự nhiệt tâm mong muốn chứng ngộ Giáo Pháp. Trạng thái bất an về mặt tâm linh như vậy, nếu bất ngờ được giải tỏa nhanh, có thể kết tủa thành một trải nghiệm giác ngộ tức thời. Lấy ví dụ như trường hợp của Tỳ kheo trưởng lão *Bāhiya Dārucīriya* trong bài kinh **Ud 1:10**.

[12] Luận giảng [Mp] giải thích: "*sự tĩnh-lặng bên trong của tâm*" (*ajjhattaṃ cetosa*matha) là trạng thái đạt toàn-định (như tầng thiền định jhāna), và "*trí tuệ thấy-biết cao hơn nhìn thấu các hiện tượng*" (*adhipaññādhammavipassanā*) là tri kiến thấy-biết, tức sự hiểu biết minh-sát nhìn thấu bản chất các hành tạo tác (*saṅkhārapariggāhaka-vipassanāñāṇa*).

[13] "*Những sự tạo tác cố ý*", tức "*các hành tạo tác*" (*saṅkhārā*) là những hiện tượng do điều kiện mà có, do duyên hợp, nằm trong năm tập hợp uẩn. Về năm tập hợp uẩn, mời coi thêm **đoạn kinh IX,4(1)(a)–(e)**.

[14] Luận giảng [Spk] đưa ra sự phân biệt mang tính học thuật về ba loại giải thoát (*nissaraṇa*) đối với mỗi chướng ngại. Người tu có thể giải thoát khỏi chướng ngại bằng cách khống chế nó (*vikkham-bhananissaraṇa*) bằng cách/thông qua trạng thái tầng thiền định (*jhāna*); người tu có thể giải thoát khỏi chướng ngại theo từng trường hợp quán xét (*tadaṅganis-saraṇa*) bằng cách/thông qua thiền quán minh sát; và người tu có thể giải thoát khỏi chướng ngại bằng cách nhổ tẩy tận gốc nó (*samucchedanissaraṇa*) bằng cách/thông qua con đường thánh đạo siêu thế (tức sau khi Nhập Lưu vào dòng thánh đạo). Như vậy: (*1*) Chướng ngại **Tham dục** *được khống chế* bởi trạng thái tầng thiền định thứ nhất dựa vào quán xét bản chất không-sạch ghớm ghiếc (*asubha*) của thân; [coi thêm **đoạn kinh VIII, 8(10)**] và *được tẩy nhổ tận gốc* bởi chặng

thánh đạo tới thánh quả A-la-hán (bởi vì chữ tham-dục (*kāmacchanda*) ở đây được diễn dịch đủ rộng để bao hàm cả sự tham muốn bất kỳ đối tượng nào, chứ không chỉ riêng tham dục giác quan, tức nhục dục); (*2*) Chướng ngại **Ác ý sân hận** *được khống chế* bởi tầng thiền định thứ nhất dựa vào quán xét tâm-từ và *được tẩy nhổ tận gốc* bởi chặng thánh đạo Bất Lai; (*3*) Chướng **ngại buồn ngủ và đờ đẫn** *được khống chế* bởi sự nhận thức ánh sáng (ví dụ: sự nhận thức hay quán tưởng về một loại ánh sáng, một hào quang, như vầng tròn sáng của mặt trời hay của trăng rằm) và *được tẩy nhổ tận gốc* bởi chặng thánh đạo A-la-hán; (*4*) Chướng ngại **Bất an và hối tiếc** *được khống chế* bởi sự tĩnh lặng (định tâm) và sự **hối tiếc** *được tẩy nhổ tận gốc* bởi chặng thánh đạo A-la-hán; và (5) Chướng ngại **nghi ngờ** được khống chế bởi sự định nghĩa được các hiện tượng, tức tìm hiểu được các hiện tượng (*dhammavavatthāna*: (HV) trạch pháp); (coi thêm **Vism 587–89**; **Ppn 18:3–8**) và *được tẩy nhổ tận gốc* bởi chặng thánh đạo Nhập Lưu.

[15] Có ba loại "*ý nghĩ sai lạc*" (tà tư duy) ngược lại với ý nghĩ và ý định đúng đắn (chánh tư duy). Tu tập chánh tư duy là phần thứ hai trong tám phần của con đường Bát Thánh Đạo. Coi thêm **đoạn kinh VII, 2**.

[16] "*Những ý nghĩ về giáo lý*": nguyên văn Pali: "*Dhammavitakka*". Luận giảng [Mp] dùng chữ này để chỉ "*mười sự suy bại của minh sát*", nhưng dường như sẽ tự nhiên hơn nếu chỉ cần đơn giản hiểu nó có nghĩa là những sự canh cánh, suy tầm, lo nghĩ về các vấn đề giáo lý.

(Theo giảng luận, đây là do người tu ban đầu rất nhiệt tâm muốn hiểu biết giáo lý (Giáo Pháp), cho nên tâm bị phân tán, không thuần túy tập trung vào đối tượng/ đề mục thiền tập. Nhưng một lẽ nữa là, có thể có rất nhiều người thiền khi ngồi thiền tập luôn bị ám ảnh bởi những giáo lý, tức tâm cứ canh cánh "nhớ bài" những điều lý thuyết thiền tập mình đã đọc và học trước khi thiền tập thực sự. Sự "nhớ

bài" chính là một sự xao lãng tâm rất khó xua tan để thực sự tập trung vào đối tượng thiền).

[17] Chỗ này chỉ những điều kiện mở đầu (sơ khởi) để có được *sáu loại hiểu-biết trực-tiếp* (*abhiññā*), được miêu tả như sau. Điều kiện mở đầu để đạt tới năm loại hiểu biết trực tiếp *thế-tục* là tầng thiền-định sắc giới thứ tư. Điều kiện mở đầu để đạt tới thánh quả A-la-hán, tức loại hiểu biết trực tiếp thứ sáu, chính là sự thấy-biết (minh sát). Chỉ riêng loại hiểu biết trực tiếp thứ sáu này là loại *siêu-thế*.

[18] Luận giảng [Ps] nói "*cái tâm cao hơn*", tức "*cái tâm bậc cao*" (*adhicitta*) là cái tâm chứng đắc các (8) tầng thiền định được dùng để làm cơ sở nền tảng cho sự thấy-biết, tức thiền minh sát; nó còn được gọi là "*cái tâm cao hơn*" bởi nó cao hơn cái tâm [tốt] bình thường tu tập được 10 nghiệp thiện lành. Năm "dấu hiệu" (*nimitta*) ở đây có thể được hiểu là những phương pháp tu tập thực hành để loại bỏ những ý nghĩ làm (tâm) xao lãng. Các phương pháp này chỉ được dùng khi những sự xao lãng quấy nhiễu dai dẳng hoặc gây khó chịu; còn những lúc thiền bình thường khác thì người thiền chỉ cần nên giữ chú tâm vào đối tượng/đề mục thiền chính là được. (Sau khi dùng những phương pháp đó để đối trị xong những ý nghĩ xao lãng dai dẳng khó trị, thì người thiền hướng tâm quay trở lại đối tượng thiền chính, như hơi-thở, đề mục thiền…ban đầu của mình).

[19] Theo luận giảng [Ps]: (*i*) khi những ý nghĩ tham dục (nhục dục) khởi sinh hướng về phía chúng sinh hữu tình (con người), thì "dấu hiệu khác" ở đây là "*sự thiền quán về bản chất không sạch ghớm ghiếc của thân thể*" [coi **đoạn kinh VIII,8(10)**] để đối trị chúng; (*ii*) còn khi những ý nghĩ tham dục hướng về những thứ vô tri vô tình, thì "dấu hiệu khác" ở đây là "*sự chú tâm thiền quán về tính vô thường*" để đối trị chúng. (*iii*) Khi những ý nghĩ sân giận ác ý khởi sinh hướng về những chúng sinh hữu tình, thì "dấu hiệu khác" là "*thiền quán về tâm-từ*" để đối trị chúng; (*iv*) còn khi những ý nghĩ sân giận ác ý hướng về những thứ vô tri vô tình, thì "dấu hiệu khác" ở đây là "sự *chú tâm thiền quán những yếu tố tứ đại*" [coi thêm

đoạn kinh VIII,8 (12)]. (*v*) Còn giải pháp đối trị những ý nghĩ liên quan tới sự ngu mờ (si) là "*sống theo người Thầy hướng dẫn, học hỏi Giáo Pháp, điều tra bên trong ý nghĩa Giáo Pháp, lắng nghe Giáo Pháp, và đào sâu tìm hiểu những nguyên nhân*."

[20] Nguyên văn: "*Vitakka-saṅkhāra-saṇṭhānaṃ*". Nghĩa bóng của chữ "*saṅkhāra*" (hành, những sự tạo tác cố ý) ở đây là điều kiện, duyên, nhân duyên, hay gốc rễ; luận giảng [Ps] diễn dịch cụm từ trên có nghĩa là: "*chặn/ngăn chặn cái "nhân" tạo nên ý nghĩ đó*". Điều này có thể làm được bằng cách điều tra tìm hiểu. Khi có một ý nghĩ bất thiện khởi sinh, nên tìm hiểu: "Nguyên nhân của nó là gì? Nguyên nhân gốc rễ của nguyên nhân của nó là đâu?" …vân vân... Cách điều tra tìm hiểu như vậy sẽ làm chậm lại và cuối cùng cắt đứt luôn được dòng ý nghĩ bất thiện đó.

[21] "*Bắt đầu với người đó*" (*tadārammaṇaṃ*), có nghĩa gốc là: "*với/lấy* (*người*) *đó là đối tượng*". Theo luận giảng [Ps]: Trước tiên người tu phát triển tâm từ đối với người nói với mình bằng một hay nhiều trong năm cách nói sai trái như đoạn kinh mới liệt kê; sau đó người tu lại hướng tâm từ tới tất cả chúng sinh, lấy toàn thể thế giới làm đối tượng.

[22] Ông Mahānāma là một người họ hàng thân thích của Đức Phật, ông là một người có vai vế của dòng họ Thích-ca.

[23] Hai ý ngữ "*đạt tới kết quả*" hay "*đạt tới đạo quả*" (*āgataphala*) và "*đã hiểu biết giáo lý*" (*viññātasāsana*) có nghĩa rằng ông ta đang hỏi Phật về những sự thiền tập của một bậc thánh nhân, ít nhất là bậc thánh Nhập lưu. Tuy nhiên, những sự thiền tập đó cũng có thể được tu tập có ích lợi bởi bất kỳ hạng người nào; bởi những sự thiền tập đó trước mắt cũng giúp họ thanh lọc cái tâm khỏi những ô nhiễm và giúp dẫn tới đạt định.

[24] Ở đây tôi trích lược (tóm lược) bài kinh, có liệt kê các cõi trời khác nhau

[25] Nguyên văn tiếng Pāli là "*ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo*". Hầu hết các dịch giả đều hiểu câu này như một lời tuyên bố rằng "các

nền tảng chánh niệm" (*satipaṭṭhāna*) là con đường duy nhất. Nhà sư trưởng lão Soma Thera đã dịch: "*Này các Tỳ kheo, đây là con đường duy nhất*", và trưởng lão Nyanaponika Thera thì dịch: "*Này các Tỳ kheo, đây là con đường độc nhất*". Tuy nhiên, trong kinh MN 12.37–42 thì chữ "*ekāyana magga*" có ngữ nghĩa rõ ràng là "*một con đường đi theo một hướng duy nhất*", và dường như đây cũng là ngữ nghĩa phù hợp nhất so với các diễn dịch khác. Ý nghĩa chỉ đơn giản như là: "các nền tảng chánh niệm" (*satipaṭṭhāna*) đi về một hướng, đó là đi về hướng để "*làm trong sạch chúng sinh ...*" hay dẫn tới "*sự thanh lọc của chúng sinh ... cho tới chứng ngộ Niết-bàn*".

(Về câu này, quý vị có thể đọc thêm phần **chú thích** của **trích đoạn số 1** (đầu tiên) trong quyển "***Các Kinh Nói Về Chánh Niệm***", ấn bản 2015 bởi cùng người dịch, và phần "***Giải thích thêm trích đoạn số 1***" nằm ở cuối phần chú thích ở cuối sách đó).

[26] Luận giảng [Ps] nói sự lặp lại câu "*quán sát thân trong thân*" (*kāye kāyānupassī*) có mục đích xác định rõ đối tượng quán sát (thuộc thân) và tách ly đối tượng đó khỏi các đối tượng khác có thể làm xao lãng nó. Như vậy, trong cách tu tập này, thân *nên* được quán sát như vậy, và mọi cảm giác, ý nghĩ, và xúc cảm là không liên quan tới nó. Câu này cũng nhấn mạnh rằng thân nên được quán sát chỉ như một thân-thể, chứ không phải như một người này hay người nọ, người nam hay người nữ, như một cái 'ta', hay như một chúng sinh hữu tình nào cả. Cách xem xét và quán sát tương tự cũng được áp dụng cho những chỗ lặp lại của ba nền tảng chánh niệm kia (như quán sát cảm giác trong những cảm giác, quán sát tâm trong tâm).

"*Sự tham thích và phiền ưu*", hay "*sự thèm muốn và ưu phiền*" (*abhijjhā-domanassaṃ*), theo như luận giảng [Ps], ở đây là chỉ *tham dục và ác ý* (tham và sân, tham và ưu – đó là hai thái độ và phản ứng thường có liên tục của một người đối với mỗi mọi sự xảy ra trong thế giới), đó là hai chướng ngại lớn (đầu tiên) trong năm chướng ngại của tâm.

[27] Về cấu trúc của bài kinh, mời coi thêm phần **Giới Thiệu Chương VIII** (chương này) về bài kinh này.

[28] Việc tu tập "sự chánh niệm về hơi thở" (*ānāpānasati*) không liên quan tới việc cố ý thở hay can thiệp vào hơi thở theo ý mình [như cách luyện thở trong môn *hatha yoga* dưỡng sinh], chỉ có một nỗ lực duy nhất là cố gắng cố định ý-thức [sự tỉnh-giác] một cách liên tục vào hơi thở vào và hơi thở ra theo nhịp độ tự nhiên của chúng. Sự chú tâm chánh niệm có thể được thiết đặt tại đầu lổ mũi hoặc chỗ giữa môi trên—tức chỗ nào có sự tiếp xúc rõ nhất với hơi thở đi vào và đi ra. Người tu nhận biết rõ sự dài ngắn của hơi thở, nhưng người tu không được kiểm soát hay can thiệp vào chúng.

Toàn bộ cách tu tập "*chánh niệm về hơi thở*" đã được nói rõ trong **đoạn kinh VIII, 9** này. Còn sự dẫn giải chi tiết về cách tu tập "*chánh niệm về hơi thở*" cũng được ghi rõ trong **Vism 266–93**; **Ppn 8:145–244**. Quý vị cũng có thể đọc thêm những đoạn kinh được dịch bởi thầy Ñāṇamoli trong quyển "*Chánh niệm về Hơi Thở*" của thầy ấy.

[29] Luận giảng [Ps], cùng với những luận giảng Pāli khác, giải thích chữ "*trải nghiệm toàn thân*" (*sabbakāyapaṭisaṃvedī*) có nghĩa là người thiền trở nên *ý thức rõ từng hơi thở-vào và hơi thở-ra suốt ba chặng của nó: lúc bắt đầu, lúc giữa, và lúc cuối*. Cách diễn dịch này khó mà tương hợp với từ ngữ trong bài kinh gốc. Bài kinh gốc có thể chỉ đơn giản chỉ dạy về sự ý thức (tỉnh giác) bao trùm khắp toàn thân mà thôi. Một điểm nữa, khó mà cho rằng phần chữ "-*paṭisaṃvedī*" có nghĩa là "*có ý thức rõ, ý thức rõ, tỉnh giác rõ về*…"; cái tiếp vĩ ngữ này là dựa trên động từ "*paṭisaṃvedeti*" có nghĩa là "*trải nghiệm*" hoặc "*cảm giác, cảm thấy,* hay *nếm trải*", nó mang sắc thái ý nghĩa khác với sự "*ý thức, hay tỉnh giác*".

[30] "*Sự tạo tác của thân*" (*kāyasaṅkhāra*) (HV: *thân hành*) ở đây được định nghĩa là *sự thở ra-thở vào* trong kinh **MN 44.13 (I 301)** và kinh **SN 41:6 (IV 293)**. Như vậy, theo luận giảng [Ps] giải thích, nếu tu tập thành công phương pháp này, hơi-thở của người thiền sẽ trở nên được im lắng, tĩnh lặng, và bình an.

[31] Theo luận giảng [Ps]: "*ở bên trong*": là quán sát sự thở (hơi thở) của thân mình. Còn "*ở bên ngoài*": là quán sát sự thở (hơi thở) trong thân của người khác. Còn "*ở cả bên trong và bên ngoài*": là lần lượt quán sát sự thở của thân mình và của thân người khác, với một sự chú tâm liên tục, không gián đoạn. Giải thích cũng tương tự về ba cụm từ này đối với những đoạn lặp lại sau đó trong đoạn kinh này, nói về sự quán sát về "thân". (Việc quán sát các bộ phận của thân "*ở bên ngoài*" có thể làm được đối với các bộ phận có thể nhìn thấy được của thân người khác, như tay, chân, tóc, răng, ruột…, ngoại trừ sự thở).

Nhưng, đối với các đối tượng chánh niệm khác như "cảm giác", "tâm", và "các hiện tượng" thì sự giải thích ba cụm từ đó là không thể tương tự. Đối với ba đối tượng sau thì sự quán sát "*ở bên ngoài*" chỉ có thể làm được bằng cách suy luận (chứ không thể tự mình trực tiếp cảm nhận cái cảm giác của người khác, nghĩ cái ý nghĩ của người khác…), ngoại trừ những người có năng lực thần thông ngoại cảm. Thiệt ra cũng không thể trực tiếp quan sát được sự thở (hơi thở vào-ra) của người khác được, ngoài việc chỉ có thể quan sát sự phồng lên xẹp xuống của ngực người khác, cho nên sự quan sát hơi thở "*ở bên ngoài*" cũng có thể làm được bằng cách suy luận từ mình ra người mà thôi; ngoại trừ những ai có năng lực thần thông đặc biệt để có thể sống sự sống (thân-tâm) của một người khác.

[32] Luận giảng [Ps] giải thích *bản chất khởi sinh* (*samudayadhamma*) của thân có thể được quán sát ở chỗ (*i*) *sự khởi sinh có điều kiện* (tính duyên sinh) của nó thông qua sự vô minh, dục vọng, nghiệp, và thức ăn ('thức ăn' nuôi dưỡng sự khởi sinh); cũng như có thể quan sát ở chỗ (*ii*) *sự khởi sinh tức-thời-liên-tục* (*trong từng sát-na*) của các hiện tượng vật chất trong thân.

Trong trường hợp "chánh niệm về hơi thở", một điều kiện phụ là bộ máy sinh lý về hô hấp. Cái "*bản chất biến diệt*" (*vayadhamma*) của thân có thể được nhìn thấy ở chỗ sự ngừng diệt (chấm dứt) các hiện tượng trong thân thông qua sự chấm dứt các điều kiện của chúng,

cũng như có thể được nhìn thấy ở chỗ sự tan rã tức-thời-liên-tục (*trong từng sát-na*) của các hiện tượng trong thân.

[33] Trong phương pháp tu tập này, "*sự hiểu biết tư thế của thân*" không phải là sự hiểu biết thông thường về hoạt động của thân; sự hiểu biết này như một sự ý thức sát xao, liên tục và kỹ càng về thân trong mỗi tư thế của nó, kết hợp với sự xem xét có phân tích với mục đích xua tan sự ngu mờ vô minh cho rằng có một cái '*ta*' là tác nhân (chủ nhân) của những hành vi chuyển động của thân.

[34] "*Sự hiểu biết rõ ràng*", hay "*sự rõ biết*" (*sampajañña*), được phân tích trong các luận giảng thành bốn loại như sau: (*1*) sự hiểu biết rõ ràng về mục-đích của hành động của mình; (*2*) sự hiểu biết rõ ràng về sự phù-hợp của phương tiện của mình để dẫn tới sự thành tựu mục đích của mình; (*3*) sự hiểu biết rõ ràng về phạm vi trú-xứ, đó là không nên dẹp bỏ hay bỏ lơ đề tài/đề mục thiền của mình trong mọi công việc thường ngày của mình; và (*4*) sự hiểu biết rõ ràng về thực-tại, đó là sự ý thức biết rõ rằng: đằng sau những hoạt động của mình không có một cái 'ta', cái 'ngã', hay một 'linh hồn' cố định nào bên trong thân này cả. Về giảng giải này, mời quý vị cũng đọc thêm quyển "*Con Đường Chánh Niệm*" của trưởng lão Soma Thera, **trang 60–100**; đọc thêm "*Trái Tim Của Thiền Phật Giáo*" của trưởng lão Nyanaponika, **trang 46–55.**

[35] Phần tu tập chỗ này được giảng giải chi tiết bằng giảng luận, coi thêm **Vism 239–266**; **Ppn 8:42–144**. "*Màng treo ruột*" là lớp màng treo phần ruột non vào phía sau thành bụng (có thể như phần mỡ sa).

[36] Bốn yếu tố (tứ đại) này là bốn thành tố vật chất chính—yếu tố đất (*pathavıdhātu*) là thể cứng; yếu tố nước (*āpodhātu*) là thể lỏng, dính; yếu tố lửa (*tejodhātu*) là thể nhiệt; và yếu tố gió (*vāyodhātu*) là thể khí, áp lực trong thân. Phần nói chi tiết về sự quán sát bốn yếu tố tứ đại được ghi trong **đoạn kinh IX,4(3)(c)**. Về giảng luận chi tiết về bốn yếu tố tứ đại, mời coi thêm trong các giảng luận **Vism 347–72**; **Ppn 11:27–126.**

[37] Chữ "*ví như*" (*seyyathāpi*), (hay "*như thể, giống như*"), gợi ý rằng cách thiền này, và những cách tiếp sau, khi thiền không cần thiết phải quan sát một xác chết thật trước mặt, mà có thể thực hiện một cách tưởng tượng (quán tưởng). Chữ "*cùng thân này*" hay "*thân này*" dĩ nhiên là chỉ thân của người thiền—cũng là thân cùng-loại với thân xác chết đó.

[38] Mỗi một loại, tức mỗi một giai đoạn tử thi hư hoại và tan rã mới nói, và ba giai đoạn tử thi tàn hoại và tan rã tiếp theo ở bên dưới, có thể được lấy làm một đề-mục thiền quán riêng, một đề mục đầy đủ và riêng biệt để tu tập thiền quán. Hoặc người tu có thể chọn toàn bộ chín (09) giai đoạn tử thi theo thứ tự được ghi trong kinh để thiền quán, cách thiền như vậy càng khắc sâu trong tâm về tính vô-thường và không chắc chắn của cái thân. Cứ tiếp tục thiền các giai đoạn tử thi như vậy.

[39] Cảm giác (*vedanā*) chỉ về chất lượng cảm xúc của sự trải nghiệm, của thân, hoặc của tâm, là sướng, hay khổ, hay trung tính (không sướng không khổ). Những ví dụ về sự khác nhau của những cảm giác "về thân xác" và "về tâm linh" đã được mô tả trong kinh **MN 137.9–15 (III 217–19)** dưới đề mục của sáu loại vui, buồn, và buông xả dựa vào các trạng thái cảm giác của đời sống tại gia và đời sống xuất gia.

[40] Những điều kiện làm khởi sinh và biến diệt (sinh-diệt) của cảm giác cũng giống như các điều kiện sinh-diệt trong thân [coi lại chú thích số **32** ở trên đây], ngoại trừ chỉ khác ở chỗ "thức ăn" được thay thế bởi "sự chạm xúc", vì sự chạm xúc là điều kiện làm khởi sinh "cảm giác".

[41] *Tâm* (*citta*) là một đối tượng thiền quán. Tâm ở đây chỉ trạng thái chung và mức độ của thức. Bởi vì bản thân thức là sự biết hay nhận biết thuần túy về một đối tượng, cho chất lượng của mỗi trạng thái của tâm được quyết định bởi những yếu tố kết nối vào tâm như tham, sân, si, hoặc những yếu tố ngược lại với chúng (tức không kết nối với tham, sân, si).

[42] Những ví dụ về tâm (*citta*) được nói trong đoạn kinh này là các trạng thái tâm đối ngược nhau—lành mạnh và không lành mạnh, thiện và bất thiện, hoặc đã phát triển và chưa được phát triển. Tuy nhieenm chỉ có cặp tâm "*bị co lại*" và "*bị xao lãng*" tuy đối ngược nhau nhưng đều thuộc loại tâm không lành mạnh—tâm "*bị co lại*" là do chướng ngại thứ ba "buồn ngủ và đờ đẫn" và tâm "*bị xao lãng*" là do chướng ngại thứ tư "bất an và hối tiếc". Luận giảng [Ps] giải thích tâm "*cao thượng*" và tâm "*không thể vượt trên*" là trạng thái tâm thuộc cảnh các tầng thiền định sắc-giới và vô-sắc giới; tâm "*không cao thượng*" và tâm "*có thể vượt trên*" là thuộc tâm thức của cảnh dục-giới. Luận giảng đó cũng nói cái "*tâm đã được giải thoát*" nên được hiểu là một trạng thái "tâm *tạm thời và phần nào* thoát khỏi những ô nhiễm" nhờ nó đang (*i*) trong tiến trình thiền quán minh sát, hoặc đang (*ii*) ở trong các tầng thiền định. Vì sự tu tập "*Các nền tảng Chánh niệm*" (*satipaṭṭhāna*) là thuộc giai đoạn *ban đầu* của con đường đạo, cho nên luận giảng đã nói chúng ta không nên hiểu cái "*tâm đã được giải thoát*" ở đây là tâm đã được giải thoát rốt ráo bằng sự chứng ngộ các chặng thánh đạo siêu-thế (ví dụ như tâm của bậc thánh A-la-hán). Tuy nhiên, dù đúng hay sai, sự diễn dịch giải thích như vậy cũng không nên bị bỏ qua; (tùy quý vị nên suy xét ý kinh chỗ này).

[43] Những điều kiện (duyên) làm khởi sinh và biến diệt (sinh-diệt) trong tâm là giống với các điều kiện sinh-diệt trong thân, ngoại trừ chỉ có chỗ "thức-ăn" được thay thế bởi "danh-sắc", vì danh-sắc là điều kiện làm khởi sinh "thức".

[44] *Năm chướng ngại* (*pañca nivaraṇā*): những chướng ngại lớn trong tâm cản trở việc tu tập sự tĩnh lặng và sự thấy biết của tâm. Coi lại ở trên **đoạn kinh VIII,3.**

[45] Coi lại chỗ chú thích số 47 dưới đây.

[46] Nói về năm tập hợp (uẩn), xin đọc lại các phần nói về "*Năm Tập Hợp Uẩn*" trong phần **Giới Thiệu Chương I** và **Giới Thiệu Chương IX**, và đọc thêm **đoạn kinh IX,4(1)(a)–(e).**

[47] "*Sự khởi-sinh và biến-diệt*" của năm uẩn có thể được hiểu biết theo hai cách sau: (*1*) được hiểu biết thông qua sự khởi sinh và biến diệt của chúng tùy thuộc theo những điều kiện (duyên) của chúng [coi thêm **đoạn kinh IX,4(1)(a)**]; và (*2*) có thể được hiểu biết thông qua sự khởi sinh, biến đổi, và biến mất có thể nhìn thấy rõ [đọc thêm **kinh SN 22:37–38**]. Hai cách không phải là hoàn toàn riêng biệt hẳn với nhau, nhưng về mặt khái niệm có thể phân biệt như vậy.

[48] Về "*sáu giác quan*" (sáu căn), quý vị coi thêm phần **Giới Thiệu Chương IX** và **đoạn kinh IX,4(2)(a)–(e)**.

[49] Gông cùm chính là tham dục và nhục dục (*chandarāga*) trói buộc các giác quan vào những đối tượng của nó; đọc thêm **kinh SN 35:232**.

[50] Về các yếu tố giác ngộ, đọc thêm **đoạn kinh VIII, 9**

[51] Các luận giảng Pāli có trình bày những thông tin chi tiết về các điều kiện dẫn tới sự chín muồi hoàn thiện của các yếu tố giác ngộ. Mời quý vị đọc thêm quyển "*Con Đường Chánh Niệm*" của nhà sư trưởng lão Soma, **trang 134–149** bản gốc.

[52] Trong phiên bản dài của kinh này, tức "*Đại kinh Các Nền Tảng Chánh Niệm*" (*Mahāsatipaṭṭhāna Sutta*) thuộc *Bộ Các Kinh Dài* (DN), tức Trường Bộ Kinh, có định nghĩa và nói rất chi tiết về mỗi phần của Tứ Diệu Đế. Đọc thêm bài kinh **MN 141.**

[53] "*Sự hiểu-biết cuối cùng*" (*aññā*) ở đây là sự hiểu-biết của sự giải thoát (tri kiến giải thoát) của bậc thánh A-la-hán. Còn "*thánh quả bất-lai*" (*anāgāmitā*) là thánh quả của bậc thánh chứng đắc trạng thái Bất Lai, nghĩa là không còn tái sinh trở lại nữa.

[54] Từ chỗ này trở đi, bài kinh trình bày một cách gần như hệt với phần thứ hai của bài kinh "*Chánh Niệm Hơi Thở*" [***Anāpānasati Sutta* (MN 118)**], vì phần đầu của nó chỉ bắt đầu giới thiệu hướng dẫn sơ lược về sự chánh niệm vào hơi-thở. Còn đoạn bốn-đề (Thở vào dài … Thở vào ngắn … Trải nghiệm toàn thân … Làm diệu sự tạo tác của thân …) là giống hệt đoạn đó trong phần I của bài kinh "*Các*

Nền Tảng Chánh Niệm" (*Satipaṭṭhāna Sutta*) vừa đọc ngay kế trên; tức **đoạn kinh VIII,8**: đọc lại mục [1. Chánh niệm Hơi-Thở].

[55] "*Sự tạo tác của tâm*" (*cittasaṅkhāra*) (HV: tâm hành) là nhận-thức và cảm-giác; coi thêm **kinh MN 44** (I 301) = **kinh SN 41:6** (IV 293).

[56] Theo **Vism 289**; **Ppn 8:233**: "*Giải thoát cái tâm*" là *(i)* giải thoát khỏi những chướng-ngại nhờ trạng thái tầng thiền định (*jhāna*), và *(ii)* giải thoát khỏi những yếu-tố còn thô-tế của tầng thiền định bằng cách chứng đắc lần lượt những tầng thiền định cao hơn (thông qua việc loại-bỏ từng-bước những yếu-tố còn thô-tế như: ý nghĩ ban đầu, sự suy xét, hoan hỷ, hạnh phúc (tầm, tứ, hỷ, lạc) theo thứ tự đó); và (*iii*) giải thoát tâm khỏi những sai-lạc về nhận-thức, thông qua phương tiện là sự thấy-biết (minh sát) của tâm.

[57] Theo luận giảng **Vism 290–291**; **Ppn 8:234–37**: "*Quán sát sự vô thường*" (*aniccānupassī*) là quán sát năm uẩn là vô thường, bởi chúng luôn luôn "*lên, xuống, biến đổi*", hoặc bởi chúng luôn luôn "*bị tan rã hoại diệt tức thời trong từng giây khắc* (*sát-na*)". Riêng đoạn kinh bốn-câu này về sự quan sát bốn sự (*sự vô thường, sự phai biến, sự ngừng diệt, và sự từ bỏ*) là toàn nói về việc tu tập sự thấy biết, tức thiền quán minh sát; nó không giống ba đoạn kế trước nó, ba đoạn kế trên nói về sự tu tập cả sự tĩnh lặng (thiền định) và sự thấy biết của tâm (thiền quán minh sát).

"*Quán sát sự phai biến*" (*virāgānupassī*) và "*quán sát sự ngừng diệt*" (*nirodhānupassī*) có thể được hiểu là vừa (*i*) chỉ về sự thấy biết (minh sát) nhìn thấu sự tàn hoại và ngừng diệt *tức-thời liên-tục* (*trong từng sát-na*) của các hiện tượng, và (*ii*) chỉ về con đường thánh đạo siêu thế, trong đó sự chứng ngộ Niết-bàn chính là sự phai biến tham dục [*virāga*: sự không còn dục vọng, sự vô dục] và là ngừng diệt (chấm dứt) tất cả sự tạo tác (các hành). Còn "*Quán sát sự từ bỏ*" (*paṭinissaggānupassī*) chính là sự từ bỏ (*pariccāga*) hay sự trừ bỏ, dẹp bỏ (*pahāna*) những ô nhiễm thông qua trí thấy-biết

(minh sát) và sự chứng nhập (*pakkhandana*) vào trạng thái Niết-bàn nhờ chứng đắc thánh đạo.

[58] Theo luận giảng [Spk]: Sự chú-tâm thực chất không phải là cảm giác, nhưng đây là một tựa đề (đầu đề) chung của giáo lý chỗ này. Trong đoạn bốn-đề (bốn câu) này, trong ngữ đề (câu) thứ nhất: cảm giác được nói một cách gián tiếp dưới tựa đề "*niềm hoan hỷ*" [cũng không phải là một cảm giác]; trong ngữ đề thứ hai: cảm giác lại được nói một cách trực tiếp như "*niềm hạnh phúc*" (= cảm giác dễ chịu, sướng, hạnh phúc). Trong ngữ đề thứ ba và thứ tư: cảm giác được bao gồm (được quy vào, nằm trong) "*sự tạo tác của tâm*" (tâm hành).

[59] Theo luận giảng [Spk]: về cụm chữ "*sau khi đã nhìn thấy bằng trí tuệ...*". Ở đây "*sự thèm muốn*" (thích, tham muốn…) là đồng nghĩa với tham-dục = chướng ngại đầu tiên trong năm chướng ngại; còn "*sự ưu phiền*", tức "*ưu phiền*" (không thích, ghét, kháng cự, chán, chê, sân, bực, tức…) là đồng nghĩa với ác-ý = chướng ngại thứ hai. Đoạn bốn-câu này là chỉ riêng về sự thấy-biết (minh sát). Đây là hai chướng ngại chính trong năm chướng ngại, là phần đầu trong phần "*quán sát về các hiện tượng của tâm*" (các pháp). Như vậy, Phật nói đoạn kinh chỗ này để bắt đầu phần "*quán sát về các hiện tượng của tâm*". Chữ "*dẹp bỏ*" là chỉ cái sự hiểu-biết nó tác động đến hành động dẹp bỏ, chẳng hạn như: người tu dẹp bỏ cái nhận thức về sự vô thường bằng cách quán sát sự vô-thường. Bằng cụm chữ "*sau khi đã nhìn thấy bằng trí tuệ*", Phật muốn chỉ sự kế tiếp của những sự thấy-biết như vầy: "*Với một sự hiểu biết minh sát [người đó nhìn thấy] sự hiểu biết* (*trí biết*) *về 'sự dẹp-bỏ' cốt yếu nằm ở chỗ sự hiểu biết* (*trí biết*) *về tính vô-thường, về sự chán-bỏ, sự ngừng-diệt, và sự từ-bỏ; và* [người đó nhìn thấy] cốt yếu nằm ở một chỗ khác nữa". (Đó là) "*Người đó là người nhìn thấy sát sao bằng sự buông xả*": là người được cho là (*i*) luôn nhìn với sự buông xả [ở trong tâm] suốt dọc con đường đạo [Theo luận giảng Spk-pṭ có nghĩa là: "*bằng cách không áp lực cũng không kiềm nén cái tâm tu thiền vốn đã duy trì một cách đúng đắn theo con đường trung đạo*], và bằng

cách (*ii*) thể hiện như một sự hợp-nhất [Theo luận giảng Spk-pṭ có nghĩa là: *bởi không còn gì phải làm thêm nữa một khi cái tâm đã đạt tới sự hợp nhất nhất-điểm*]. Người đó "luôn nhìn với sự buông xả" vào (mọi) đối tượng.

60 "*Yếu tố (giúp) giác ngộ*", nguyên văn Pali: "*satisambojjhaṅga*" Chữ "*bojjhaṅga*" là chữ ghép từ *bodhi* + *aṅga*. Trong kinh **SN 46:5,** "*bảy yếu tố giác ngộ*" được giải thích là những yếu tố dẫn tới sự giác ngộ. Ba câu dùng để mô tả sự tu tập phát triển mỗi yếu tố giác ngộ có thể được hiểu là để tả thực về ba giai đoạn tu tập tiến dần kế tiếp nhau. Cụm chữ "*được phát khởi bởi người đó*", tức "*người đó phát khởi*", là chỉ sự phát khởi ban đầu; còn cụm chữ "*Người đó tu tập phát triển*" là chỉ sự chín muồi dần dần; và cụm chữ (yếu tố đó) "*sẽ đi đến hoàn thiện nhờ sự tu tập*" là chỉ sự chứng ngộ tới đỉnh cao của tiến trình tu tập.

61 Nguyên văn tiếng Pali: "*Dhammavicayasambojjhaṅga*": "*yếu tố giác ngộ là sự phân giải các hiện tượng*" (HV: giác chi trạch-pháp). Trong kinh **SN 46:2 (V 66)** có nói, cái "thức ăn, dưỡng chất" để làm khởi sinh yếu tố giác ngộ này được cho là "*sự hướng-tâm chú-tâm đều đặn và kỹ càng*" vào những hiện tượng tâm thiện và bất thiện, những trạng thái không tội lỗi và tội lỗi, những trạng thái siêu xuất và thấp hèn, những trạng thái sáng và tối với những tính chất đối kháng của chúng. Mặc dù yếu tố giác ngộ này được coi là 'đồng dạng' với trí tuệ [*paññā*], nhưng ở đoạn kinh này chỉ nói tới phần chức năng 'phân giải phân biệt' giữa những hiện tượng tốt và xấu của tâm, sự phân biệt đó sẽ càng lúc càng rõ-rệt minh-mẫn hơn khi sự chánh niệm càng ngày càng được tu tập thâm sâu hơn.

62 Sāriputta (Xá-lợi-phất) là một trong hai vị đại trưởng đệ tử của Phật, là người đệ tử xuất sắc đệ nhất về trí tuệ; (người kia là Mục-kiền-liên, đệ nhất về thần thông). Về tiểu sử của các vị đệ tử của Phật, mời đọc quyển "*Những Vị Đại Đệ Tử của Đức Phật*" của nhà sư trưởng lão Nyanaponika, viết chung với tác giả Hecker, Chương 1.

63 "*Sự tạo tác cái 'ta'*" (*ahaṅkāra*) là chức năng (quan niệm) cho rằng có một cái 'ta' hay một bản ngã (ngã chấp); "*sự tạo tác cái 'của ta'*" (*mamaṅkāra*) là nói về dục vọng tham muốn của cái 'ta'. "*Tính tự ta tự đại*" (ngã mạn) có gốc rễ từ cái quan niệm "*ta là*" (*asmimāna*) (= ta là này, ta là nọ, ta là như vầy, ta là như vậy…), đây chính là "*khuynh hướng tiềm ẩn*" (HV: tùy miên) nằm ẩn bên dưới tâm thức, nó luôn khởi tạo ra cái '*ta*', cái '*ta-là*', nó chính là nguồn gốc tác nhân của "*sự tạo tác cái 'ta'*".

64 "*Sự chấm dứt mọi cảm giác và nhận thức*": nguyên văn tiếng Pali là: "*saññāvedayitanirodha*", (HV: diệt thọ-tưởng: trạng thái chấm dứt mọi cảm giác và nhận thức). Thuật ngữ này cũng được biết là đồng nghĩa với thuật ngữ: "*nirodhasamāpatti*" (Diệt tận định: trạng thái diệt tận hoàn toàn). (Đây là trạng thái thiền định đạt tới mức không còn các cảm giác và nhận thức, thường được gọi là (HV) diệt thọ-tưởng định). Đây là trạng thái thiền định chỉ có thể chứng đắc được bởi những người tu đã đạt tới thánh quả Bất Lai hoặc A-la-hán. Đúng như tên gọi của thuật ngữ, đây là trạng thái "*đã diệt sạch/không còn những chức năng của nhận thức và cảm giác*", và theo như các luận giảng, thì cũng "*diệt sạch/không còn những chức năng của tâm thức và tất cả những yếu tố liên quan tới tâm*". Phần thảo luận chi tiết về vấn đề này được ghi rõ trong các luận giảng, xin đọc thêm luận giảng **Vism 702–9**; **Ppn 23:16–52**.

Chương IX
CHIẾU SÁNG ÁNH SÁNG TRÍ TUỆ

1 Mối liên hệ giữa danh từ và động từ là rất rõ ràng trong tiếng Pāli, nhưng đáng tiếc mối liên hệ này sẽ bị mất đi khi chúng ta dịch chữ "*paññā*" là "*trí tuệ*", còn động từ "*pajānāti*" thì lại dịch là "*người hiểu biết*". Để tránh mất nghĩa liên hệ của hai từ tương ứng này, nhiều dịch giả khác đã muốn bảo tồn ý nghĩa tương quan rõ ràng của danh từ và động từ này, cho nên họ đã dịch "*paññā*" là "*sự hiểu*

biết" (như Bhikkhu Ñāṇamoli) hoặc "*sự nhận biết*" (như Thānissaro Bhikkhu).

[2] Điều này đã được nói trong các kinh như **SN 22:5**, **35:99**, **35:160**, **56:1**.

[3] Sự tương quan này thường được đưa ra trong các luận giảng khi họ bàn luận về công thức này.

[4] Phần giảng giải chi tiết và đầy tính kỹ thuật về mười hai nhân duyên có thể tìm thấy trong luận giảng **Vism**, chương 17.

[5] Theo các luận giảng Pāli, hai yếu tố (giới) Niết-bàn được gọi là "*kilesa-parinibbāna*": sự tiêu diệt của mọi ô nhiễm (bát-niết-bàn diệt nhiễm, và "*khandha-parinibbāna*", sự tiêu diệt của năm uẩn (bát-niết-bàn diệt uẩn).

[6] Thực ra hai chữ này hai chữ này xuất thân từ hai gốc động từ khác nhau. Chữ *nibbuta* là dạng phân từ quá khứ của "*nir + v*"; nó có danh từ tương ứng là *nibbuti*, được dùng như một chữ *đồng nghĩa* của *Nibbāna* (Niết-bàn). Còn bản thân chữ *Nibbāna* thì xuất thân từ gốc từ "*nir + vā*".

[7] Về ví dụ này, mời quý vị đọc kinh **SN 44:1**.

[8] Pātimokkha (Giới Luật Tỳ kheo): là các giới luật dành cho những Tỳ kheo đã thụ nhận và tuân giữ đầy đủ các giới luật. (tức đại thọ giới).

[9] Theo Luận giảng [Ps]: cách nhìn đúng đắn, quan điểm đúng đắn (tức, chánh kiến) gồm có hai phần: phần đúng đắn về thế tục (*lokiya*) và phần đúng đắn vượt trên thế tục, tức siêu thế (*lokuttara*).

Rồi trong '*quan điểm đúng đắn về mặt thế tục*' lại có hai phần: đó là (*a*) quan điểm cho rằng nghiệp [*kamma*] sẽ tạo nghiệp quả; quan điểm này có thể được công nhận bởi người theo Phật giáo và người không theo Phật giáo, và (*b*) quan điểm phù hợp với Tứ Diệu Đế, đó là bốn chân lý thánh diệu mà Phật đã nói ra.

Còn '*quan điểm đúng đắn siêu thế*' là sự hiểu-biết về Tứ Diệu Đế đạt được bằng cách thâm nhập vào dòng thánh đạo và đạo quả (coi thêm các trang đầu của phần phụ lục **Giới Thiệu về Chương X**).

Câu hỏi mà thầy Xá-lợi-phất đặt ra liên quan tới người tu là học nhân (*sekha*), tức là người còn đang tu tập các chặng đường thánh đạo. (Đến khi nào chứng đắc thánh quả cuối cùng, A-la-hán, thì được gọi là bậc vô học nhân (*asekha*), tức người không còn tu học nữa, đã tu xong).

[10] Chỗ này là chỉ về "mười đường bất thiện". Để đọc thêm giải thích chi tiết, mời đọc lại **đoạn kinh V,1(2)**. Ngược lại với chúng, là "mười đường thiện" như cũng được giải thích chi tiết trong đoạn kinh vừa nói và cũng được ghi rõ trong chú thích 11 dưới đây.

[11] Luận giảng [Ps] giải thích rằng: sự hiểu biết của một người đệ tử về bốn điều khoản này theo cách của Tứ Diệu Đế như vầy: (*a*) tất cả mọi đường hành động [bất thiện và thiện] là sự thật về khổ; (*b*) những gốc rễ bất thiện và thiện là sự thật về nguồn gốc khổ; còn (*c*) sự không-còn-xảy-ra cả hai loại hành động và hai loại gốc rễ của chúng chính là sự chấm dứt khổ; và (*d*) con đường đạo để dẫn tới sự chấm dứt mọi hành động và gốc rễ của chúng chính là sự thật về con đường dẫn tới sự chấm dứt khổ. (Đây là cách suy xét theo mô hình khuôn mẫu "bốn-sự-thật").

Tới mức độ này một người đệ tử thánh thiện đạt tới một trong ba chặng cảnh giới đã được mô tả—là người đã đạt tới cách-nhìn đúng đắn siêu-thế (chánh kiến siêu thế), nhưng vẫn chưa loại bỏ hết tất cả mọi ô nhiễm.

[12] Luận giảng [Ps] nói: đoạn kinh từ câu "*người đó đã hoàn toàn loại bỏ khuynh hướng tiềm ẩn (trong tâm) tạo ra tham*"… cho tới câu "*người đó làm nên sự chấm dứt khổ ngay tại đây và bây giờ*" muốn nói công việc tu hành đã hoàn thành bởi phần thánh đạo Bất-lai và A-la-hán. Thánh đạo Bất-lai loại bỏ những khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra tham và sân; thánh đạo A-la-hán loại bỏ khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra quan điểm này nọ (tà kiến) và sự tự ta tự đại (ngã mạn). Luận giảng [Ps] nói: câu "*khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra quan điểm này nọ và sự tự ta tự đại*" (*asmı ti diṭṭhimānānusaya*) nên được diễn dịch để hiểu rằng hai loại khuynh hướng (gông cùm) này là như

nhau, bởi vì một quan điểm như quan điểm về cái ta (ngã kiến) là nắm giữ quan niệm về một cái 'ta là'.

[13] Chữ "*thức ăn*" (*āhāra*), (thực dưỡng, dưỡng chất), ở đây được hiểu theo nghĩa rộng là những thứ điều kiện nổi bật giúp cho tiến-trình-sống của một cá nhân chúng sinh. (*a*) Thức-ăn thông-thường là điều kiện quan trọng để nuôi sống một thân thể, (*b*) sự tiếp-xúc là điều kiện để có cảm giác, (*c*) ý-hành tạo tác là điều kiện để có thức, và (*d*) thức là điều kiện để có danh-sắc—đó là cái cơ chế thân-tâm trong tổng thể của một cá nhân chúng-sinh (hay một cá nhân con người). Dục vọng được cho là nguồn gốc của thức ăn, vì dục vọng của kiếp trước là nguồn-lực tạo sinh ra cái cá thể chúng sinh trong kiếp này, bằng sự dựa vào và tiêu thụ liên tục bốn loại thức-ăn trong kiếp này. Đọc thêm một tập sách có chú giải chi tiết về những loại thức-ăn nói trên dựa theo các kinh điển và luận giảng, quyển "*Tầm Nhìn Của Giáo Pháp*" do nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera biên soạn, từ trang 211–28.

[14] Tiếp theo sự hiểu biết về yếu tố già-chết ở đây, bên dưới bài kinh sẽ nói lại sự hiểu biết từng yếu tố của vòng mười hai yếu tố nhân duyên, theo chiều đảo ngược (hoàn diệt); đây là cách suy xét về tiến trình tái sinh hiện hữu theo lý duyên khởi. Xin đọc thêm **đoạn kinh 4(4)(a)–(f), Chương IV**.

[15] Ba loại hiện hữu hay sự sinh hữu (*bhava*): ở ba cảnh giới hiện hữu, như đã nói trong chương **Giới Thiệu về Chương V**, đoạn nói về 3 cảnh giới tái sinh được ghi trong **đoạn kinh V,3**. Theo công thức khởi sinh tùy thuộc (vòng 12 nhân duyên), "sự hiện hữu" (sinh hữu) hàm nghĩa chỉ luôn cả: (*a*) những cảnh giới tái sinh và (*b*) những loại nghiệp làm tái sinh vào những cảnh giới đó. Nghĩa (*a*) là sự "*hiện hữu do tái sinh*" (*upapattibhava*), và (*b*) là sự "*hiện hữu theo nghiệp*" (*kammabhava*).

[16] *Sự dính chấp vào những luật lệ và nghi lễ* (*sılabbatupādāna*) là sự dính chặt vào quan điểm (và niềm tin) cho rằng sự thanh lọc bản thân (người tu) có thể đạt được nhờ thực hiện nghi lễ, nghi luật ở bên ngoài, hoặc bằng sự thờ phụng cúng bái theo những lễ nghi, tập

tục; đặc biệt là những quy tắc tự hành xác và khổ hạnh của các tu ẩn sĩ.

Còn *sự dính chấp vào quan niệm cho rằng có một cái 'ta'*, tức thuyết duy-ngã, tức ngã-chấp (*attavādupādāna*), là sự nắm giữ một hay nhiều quan niệm/quan điểm chắc chắn cái 'ta' (bản ngã, hay linh hồn); [đặc biệt mời quý vị đọc lại kinh ***Brahmajāla Sutta,*** **DN 1**].

Còn *sự dính chấp vào các quan điểm này nọ*, tức kiến-chấp (*diṭṭhupādāna*) là sự dính chặt theo nhiều quan điểm này nọ làm tăng mạnh dục vọng; dục vọng chính là điều kiện (duyên) tạo ra sự dính chấp.

17 *Dục vọng vì các hiện tượng* (*dhamma-taṇhā*), tức (HV) pháp dục, là dục vọng thèm muốn tất cả các đối tượng của thức, ngoại trừ các đối tượng của năm loại thức giác quan. Ví dụ, đó là dục vọng được đi kèm với những tưởng tượng và hình ảnh trong tâm (tâm ảnh), với những ý nghĩ trừu tượng và sự thỏa mãn về mặt trí thức, và vân vân.

(Ví dụ thêm như: dục vọng muốn hiểu biết Giáo Pháp để thỏa mãn sự tham muốn về mặt trình độ trí thức, hay dục vọng muốn được danh tiếng trong việc nghiên cứu và dịch thuật về học thuyết như Phật giáo, về tôn giáo…nhưng không thực sự thực hành).

18 Sự tiếp xúc (*phassa*) là sự hợp-tiếp cùng-lúc (*saṅgati*) của ba thứ: cơ sở giác quan bên trong (=giác quan), cơ sở giác quan bên ngoài (=đối tượng), và thức. (Tức là: sự tiếp xúc = giác quan-đối tượng-thức cùng-gặp-nhau).

19 Thuật ngữ "*danh-sắc*" (*nāma-rūpa*), tức phần "*thân-tâm*" hay đúng hơn là phần "*nhận biết-vật chất*", là một khái niệm đã có trước Phật giáo. Nó được dùng trong các luận giảng kinh Vệ-đà (*Upanishads*: các luận giảng kinh Vệ-đà, thường được gọi là "*Áo Nghĩa Thư*") về những sự hiện thị khác nhau của bà-la-môn, đó là một sự hiện-thực tuyệt đối nhất-nguyên (không nhị nguyên, không hai mặt) xuất hiện

trong vỏ bọc của sự đang dạng. Bà-la-môn được kiểm soát bằng các giác quan như những tướng mạo đa dạng được cho là sắc (*rūpa*); bà-la-môn được kiểm soát bằng ý nghĩ thông qua những danh tên hoặc khái niệm được cho là danh (*nāma*). Đức Phật đã vận dụng cách diễn đạt này và dùng nó theo ý nghĩa của Phật giáo. Ở đây, trong Phật giáo, danh và sắc trở thành phần nhận-biết (tâm) và phần vật-chất (thân) của một cá thể hiện hữu; (tức hai phần tâm và thân hợpthành một 'cá thể', một 'con người', nói đúng hơn hợp thành sự hiện hữu của một cá thể chúng sinh).

Trong hệ thống Phật giáo, chữ *rūpa* (sắc) được định nghĩa là bốn yếu tố vật chất lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu tố lớn đó. Sắc bao gồm cả phần sắc bên trong (= thân với các giác quan) và phần sắc bên ngoài (= thế giới vật chất bên ngoài). Năm bộ kinh *Nikāya* của phần Kinh Tạng không có nói về những thể sắc phái sinh (*upādāya rūpa*), nhưng trong phần Giáo Pháp Cao Học, tức Vi Diệu Pháp Tạng (*Abhidhamma*), có phân tích các thể sắc phái sinh thành 24 loại hiện tượng vật chất phái sinh (thứ cấp), nó bao gồm cả những thể sắc cảm nhận của năm giác quan và bốn thể sắc cảm nhận của năm đối tượng giác quan [riêng đối tượng chạm xúc thì được coi là ba yếu tố lớn—đất, nhiệt, và khí—trong đó mỗi thứ thể hiện những tính-chất hữu hình, chạm xúc được].

Mặc dù tôi đã dịch *nāma* là "danh", nhưng quý vị không nên hiểu một cách cứng nhắc theo văn-nghĩa. *Nāma* là tập hợp các yếu tố thuộc tâm (tâm thần) liên quan với sự nhận-biết, như: cảm giác (thọ), nhận thức (tưởng), những sự tạo tác cố ý (hành), sự tiếp xúc (xúc), và sự chú tâm (dụng tâm, tác ý). [Tiếng Pali: *vedanā, saññā, cetanā, phassa, manasikāra*]. Những sự đó có thể được gọi là "*danh*" (tên) bởi vì chúng đóng góp cho sự "chỉ-định" mang tính khái niệm về những đối tượng. (Tức chúng được gọi chung là phần "*danh*" (tên) (= phần nhận thức) vì thông qua chúng nên có sự chỉ định, hay sự khái niệm về 'tên gọi' hay 'sự việc' của những đối tượng). Lưu ý rằng trong năm bộ kinh *Nikāya* của Kinh Tạng thì phần danh-sắc (*nāma-rūpa*) không gồm có thức (*viññāṇa*). 'Thức' là điều kiện (duyên) làm khởi sinh phần 'danh-sắc', và danh-sắc

cũng là điều kiện (duyên) làm khởi sinh thức; do vậy cả hai là tùy thuộc lẫn nhau [coi lại **đoạn kinh II,3(3)**]

[20] Thức-tâm: thức của tâm, hay còn gọi là (HV) tâm-thức (*manoviññāṇa*), là bao gồm tất cả các thức, trừ năm loại thức giác quan vừa mới kể. Thức-tâm bao gồm cả thức của những hình ảnh trong tâm (tâm ảnh), thức của các ý nghĩ trừu tượng, và thức của trạng thái bên-trong của tâm, và cả thức phản chiếu lại những đối tượng giác quan.

[21] Trong bối cảnh của học thuyết "*sự khởi sinh tùy thuộc*" (tức "*lý duyên khởi*", thể hiện bằng công thức "*vòng 12 nhân duyên*"), thì "*những sự tạo tác cố ý* (*saṅkhārā*, các hành, các hành tạo tác) bao gồm những hành động cố ý thiện và bất thiện. Sự tạo tác của thân (thân hành) là hành động cố ý biểu hiện bằng thân; sự tạo tác của lời nói (ngữ hành) là hành động được biểu hiện bằng lời nói; và sự tạo tác của tâm (tâm hành) là hành động không làm thông qua thân hay lời nói mà thông qua tâm ý, trong ý nghĩ, hay ý hành.

[22] Cần lưu ý rằng, trong khi vô-minh là một điều kiện (duyên) tạo ra những ô nhiễm, thì đến lượt những ô nhiễm—bao gồm cả ô nhiễm do vô-minh—lại là một điều kiện (duyên) tạo ra vô-minh. Luận giảng [Ps] nói rằng vô-minh bị điều kiện (duyên) bởi vô-minh cho thấy rằng vô-minh trong một kiếp là do bị tác động điều kiện bởi vô-minh trong kiếp trước. Bởi do như vậy, nên mới có kết luận rằng: *không thể nhận biết được đâu là điểm khởi đầu của vô-minh, và do vậy cho nên cái vòng luân hồi sinh tử là không có điểm khởi đầu có thể nhận biết được.*

[23] Chữ "*bốn giai đoạn*" hay "*bốn pha chuyển tiếp*" (*catuparivaṭṭa*) đó là: có tập hợp (uẩn), nó khởi sinh, nó chấm dứt, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; bốn giai đoạn này được áp dụng cho từng tập hợp (uẩn) của năm tập hợp đó. (Đây cũng là cách suy xét theo mô hình hay khuôn mẫu "bốn-sự-thật").

[24] Đoạn kinh này mô tả về người tu đang còn trong giai đoạn tu học, tức học-nhân (*sekha*), tức đang ở trong dòng thánh đạo siêu thế, ít nhất đã là Nhập-lưu rồi. Họ đã trực tiếp hiểu biết rõ về Bốn Sự Thật Thánh Diệu (Tứ Diệu Đế), và họ đang tu tập để đạt tới sự chấm dứt cuối cùng của năm uẩn, đó là, đạt tới Niết-bàn.

[25] Đoạn này mô tả về những bậc A-la-hán, (những bậc vô-sinh). Theo kinh **DN II 63–64**, vòng luân hồi sinh tử quay chuyển là cơ sở cho sự hiện thị (xuất hiện) và chỉ định (nơi tái sinh) chỉ còn khi còn thức cùng với phần danh-sắc; khi cả thức và phần danh-sắc chấm dứt thì không còn vòng luân hồi quay chuyển để làm cơ sở cho sự xuất hiện và định đoạt (nơi tái sinh) nữa.

[26] "*Sự cố ý*": *Cha cetanākāyā*. Thiệt ra có sự khác nhau giữa tên của uẩn [*uẩn* (*tập hợp*) *những sự tạo tác cố ý*, tức *hành-uẩn* (*saṅkhāra-kkhandha*) và thuật ngữ "sự cố ý" [tức *ý-hành, tâm-hành* (*cetanā*)] được dùng trong định nghĩa này về hành-uẩn; điều đó cho thấy uẩn này (hành-uẩn) có tầm (phạm vi) rộng lớn hơn bốn uẩn kia. Trong phần Giáo Pháp Cao Học (*Abhidhamma*), tức Vi Diệu Pháp, và các luận giảng, nó được coi là một "*phạm vi bao trùm*" cho việc phân loại tất cả những yếu tố thuộc tâm trong các bài kinh, trừ cảm giác và nhận thức. Sự cố ý (ý hành, tâm hành) đã được nói ra trong định nghĩa này bởi vì nó là yếu tố *quan trọng nhất* trong uẩn này trong định nghĩa này, chứ không phải vì đó là thành phần riêng biệt của uẩn này.

[27] Đáng lưu ý về nghĩa của đoạn kinh này như sau: trong khi sự 'tiếp xúc' là điều kiện (duyên) làm khởi sinh ba uẩn cảm giác (thọ uẩn), nhận thức (tưởng uẩn), và những ý hành tạo tác (hành uẩn), thì phần 'danh-sắc' lại là điều kiện làm khởi sinh uẩn thức (thức uẩn). Điều này là phù hợp với định nghĩa trong công thức 10-yếu-tố của lý duyên khởi, được thấy trong **đoạn kinh II,3(3)**, trong đó 'danh-sắc' cũng là điều kiện khởi sinh thức.

[28] Theo luận giảng [Spk], tham muốn (*chanda*) ở đây là đồng nghĩa với dục vọng (*taṇhā*). Điều này là bởi vì năm uẩn trong bất kỳ sự

hiện hữu nào đều bắt nguồn từ phần tàn dư của dục vọng chuyển từ kiếp này sang kiếp hiện hữu mới.

[29] *Sự dính-chấp* không phải là một với "*năm uẩn bị dính chấp*" bởi vì năm tập hợp uẩn không thể quy nhỏ thành sự dính chấp. Nhưng *sự dính chấp* cũng không khác với "*năm uẩn bị dính chấp*" bởi vì nếu không có sự dính chấp thì cũng không có năm uẩn là chỗ dựa và đối tượng của nó.

[30] Về "*sự tạo tác cái 'ta'*", "*sự tạo tác cái 'của-ta*'" (ngã chấp), và "*khuynh hướng tiềm ẩn tạo ra tính tự ta tự đại*" (ngã mạn), xin coi phần chú thích số 63 của chương VIII).

[31] "*Đặc tính của sự vô ngã*" (HV: Vô Ngã Tướng) là tên bài kinh thứ hai Phật đã thuyết giảng (cho nhóm năm người bạn tu khổ hạnh với Phật trước đó, có ngài Kiều-trần-như), theo ghi chép trong luận giảng **Vin I 13–14** về sự nghiệp truyền dạy Giáo Pháp của Phật. Năm vị Tỳ kheo đó là *năm người đệ tử xuất gia đầu tiên* của Đức Phật, những người đó lúc đó vẫn còn là những người đang tu học, tức còn là học-nhân (*sekha*). Đức Phật đã giảng bài kinh này để dẫn họ đạt tới giác ngộ thánh quả A-la-hán.

[32] Bài kinh đưa ra hai "luận điểm" cho học thuyết về vô-ngã. *(1)* Luận điểm đầu lập luận rằng các tập hợp (uẩn) không phải là ta (vô ngã) bởi vì chúng ta đâu thể nào điều khiển hay kiểm soát được chúng. Bởi vì chúng ta không thể 'bắt ép' năm đống uẩn theo ý muốn của chúng ta, cho nên chúng cứ xảy ra theo đường lối riêng của chúng, tất cả chúng đều "*dính theo đau khổ*", và như vậy không thể coi chúng là 'ta' hay là 'của ta'. (Ví dụ, thân này nó già, nó bệnh, nó tan rã…, nếu nó là 'ta' hay là 'của ta', thì ta đã có thể bắt nó không được già, bệnh, chết. Do vậy, chúng đâu phải là 'ta' hay 'của ta' gì đâu). *(2)* Luận điểm thứ hai, được Phật nói tiếp theo, là công nhận đặc tính của sự vô ngã dựa trên hai đặc tính khác. Đó là: (*a*) thứ gì là vô thường (luôn bị thay đổi, luôn biến đổi) thì xu hướng dẫn tới tới khổ (khổ đau, khổ sở, bất toại nguyện); và (*b*) thứ gì là vô thường và xu hướng dẫn tới khổ đau thì không thể được coi là một cái 'ta' tụ tính hay một 'bản ngã' cố định nào đó của chúng ta.

[33] Luận giảng [Spk] có giải thích rất nhiều về cách thể sắc (ví dụ như: thân) giống như mớ bọt-nước (*pheṇapiṇḍa*). Tôi chỉ ghi lại đây một số ý chính: "Vì mớ bọt nước không có thực-chất (*sāra*), do vậy thể sắc không có thực chất gì chắc chắn, thường hằng, hay một tự tính cố định nào (cho nên nó cũng giống như bọt nước mà thôi); vì mớ bọt nước chỉ gồm toàn những lổ rỗng và khe rỗng và là nơi ở của nhiều vi sinh vật (phù du), thể sắc cũng giống như vậy; giống như mớ bọt nước, mong manh, vỡ tan, và tan biến; thể sắc (sắc thân này) cũng vậy, rồi cũng bị nghiền nát thành bột, tan trong miệng của cái-chết."

[34] Luận giảng [Spk]: "Bong-bóng nước (*bubbuḷa*) là quá mong manh và không thể nắm được, vì nó sẽ tan vỡ ngay khi vừa chạm tay chưa kịp nắm; cũng giống vậy, cảm giác là mong manh và không thể nào được nắm giữ như một thứ chắc chắn và thường hằng. Vì bong bóng có rồi mất trong một giọt nước, nó chẳng bao giờ có lâu, cảm giác cũng vậy: hàng tỷ cảm giác khởi sinh và biến diệt trong thời gian tích-tắc, như một cái búng ngón tay. Bong bóng khởi sinh tùy thuộc theo các điều kiện, cảm giác cũng vậy, một cảm giác khởi sinh tùy thuộc theo một giác quan, một đối tượng, những ô nhiễm, và sự tiếp xúc."

[35] Luận giảng [Spk]: "Nhận thức giống như một ảo-ảnh (*marıcikā*) theo nghĩa rằng nó không có thực chất, vô thực, vì chúng ta đâu thể nào nắm lấy ảo ảnh để ăn, uống, tắm, hay bỏ vào một cái bình chứa. Vì ảo ảnh đánh lừa đủ kiểu đủ cách, nhận thức cũng vậy, nó đánh lừa và dụ dỗ người ta tin các đối tượng màu sắc đó là đẹp đẽ, sướng, và thường hằng." (Nhận thức đánh lừa tâm con người, làm cho con người luôn nhận những thứ không thực là thực, cho nên tâm cứ chạy theo những thứ không thực, và do đó khổ).

[36] Luận giảng [Spk]: "Giống như thân-cây-chuối (*kadalikkhandha*) là một thứ bao gồm nhiều lớp, mỗi lớp có những đặc tính khác nhau; cũng như tập hợp (uẩn) những sự tạo tác cố ý (hành uẩn) là một sự tổng hợp nhiều hiện tượng, mỗi hiện tượng có đặc tính khác nhau của chúng."

[37] Luận giảng [Spk]: "Thức giống như một màn-ảo-thuật (*māyā*) theo nghĩa nó là không thực và không thể nắm bắt được. Thức còn hiện-mất, có nhanh-biến nhanh còn hơn một trò ảo thuật. Cũng giống như vậy, thức đánh lừa, tạo ra cảm tưởng rằng một người đến và đi, đứng và ngồi, với cùng một cái tâm giống nhau; nhưng thực ra các tâm là khác nhau trong mỗi hành vi, tư thế đó. Thức đánh lừa đủ cách đủ kiểu còn hơn một trò ảo thuật đánh lừa."

[38] Bài kinh này, nhiều khi được gọi là "*Kinh Lửa*", theo **Vin I 34–35**, đây là bài kinh thứ ba Đức Phật đã thuyết giảng và đã được thuật (ghi) lại. Theo nguồn này, một ngàn tu sĩ lắng nghe kinh này trước đó là những người tu khổ hạnh thờ thần lửa, và do đó Đức Phật đã dùng luôn đề tài lửa để nói cho họ để họ dễ thấm hiểu hơn. Để hiểu thêm về cách Phật đã chuyển hóa được họ bằng bài kinh này, mới quý vị đọc thêm quyển "*Cuộc Đời Của Đức Phật*" của nhà sư Ñāṇamoli, trang 54–60, 64–69.

[39] Bài kinh này là lời Đức Phật đang nói cho tu sĩ Pukkusāti, người đã rời bỏ gia đình đi tu vì có niềm-tin vào Đức Phật mặc dù chỉ nghe về Phật chứ chưa gặp Phật lần nào. Ngày đó, Phật đã ghé một xưởng làm gốm, dự định trú qua đêm ở đó. Pukkusāti đã có mặt trước trong xưởng và đã chào Phật một cách thân thiện như một bạn, không biết đó chính là Đức Phật. Đức Phật cũng không cần nói ra danh tính của mình, Phật bắt đầu nói chuyện, và sau đó chuyển qua thuyết giảng cho Pukkusāti về sự tu tập trí tuệ. (Sau khi nghe xong bài thuyết giảng, và được Phật đồng ý thụ giới Tỳ kheo cho mình, Pukkusāti đã đi tìm bình bát và 3 bộ y theo nghi thức thụ giới của Như Lai, không may vị ấy đã bị bò húc chết trên đường. Về sau, khi nói về Pukkusāti, Phật nói rằng vị ấy là bậc trí tuệ và đã giác ngộ tới thánh quả Bất Lai khi chết, sau khi đã nghe Phật thuyết giảng trong xưởng gốm vào cái đêm yên tĩnh đó).

[40] Theo Luận giảng [Ps]: Đây là yếu tố thứ sáu, "còn sót lại" chưa được Đức Phật thuyết giảng và Pukkusāti thâm nhập. Những ở đây được giảng giải thêm phần thức để hoàn thành đầy đủ phần quán sát

(thiền quán) về các yếu tố. Trong chi đoạn 19 này, sự quán sát về cảm giác cũng được đưa vào.

[41] Đoạn này chỉ tính điều kiện của cảm giác và tính vô thường của nó thông qua sự chấm dứt điều kiện (duyên) của nó.

[42] "*Tính điều kiện rõ ràng*" ở đây là chữ "*Idappaccayatā*". Chữ này là chữ kết hợp chữ "*idaṃ*" nghĩa là "đây, này" với chữ "*paccaya*", nghĩa là "điều kiện, duyên", được tăng cường thêm bởi cái đuôi danh từ "*–tā*". Chữ này cũng đồng nghĩa với "*paṭicca-samuppāda*": sự khởi sinh tùy thuộc, duyên khởi. Coi **đoạn kinh II,4,**§19, nói về sự chững ngộ lý duyên khởi liên quan với sự giác ngộ của Đức Phật.

[43] Theo luận giảng [Spk]: tính "*thực*" hay "*chân như*" (*tathatā*) có nghĩa là sự xảy ra mỗi hiện tượng khi hội đủ (có mặt) những điều kiện cần có để hiện tượng đó xảy ra; tính "*không sai*" (*avi-tathatā*) có nghĩa là khi những điều kiện đã hội đủ thì không thể không xảy ra hiện tượng đó, không chậm trễ một giây khắc nào, bởi vì hiện tượng đó buộc tất phải xảy ra, nó được sản sinh ra bởi những điều kiện đó; tính "*bất biến*" hay "*bất di bất dịch*" (*anaññathatā*) có nghĩa là không có sản sinh ra một hiện tượng bằng những điều kiện nhân duyên của điều kiện khác (những nhân duyên tạo ra hiện tượng nào thì chỉ tạo ra hiện tượng đó).

[44] "*Sự hiểu biết về nguyên-lý*" *tức là* "*sự hiểu biết về sự thật, về giáo pháp*" (*Dhammeñāṇa*). Đây là sự hiểu biết trực tiếp về bốn sự thật Tứ Diệu Đế, sự hiểu biết này có được nhờ hiểu thấu được "*Niết-bàn là sự thật về sự chấm dứt*".

[45] "*Sự hiểu biết về tính kế-thừa*" (*Anvaye ñāṇa*). Đây là sự suy luận từ nguyên lý hiện tại tới quá khứ và tương lai, dựa vào sự nhận thấy tức thời (hiện tiền) về mối liên hệ nhân duyên giữa hai yếu tố trong bất kỳ một cặp yếu tố nhân duyên nào (của vòng nhân duyên). (Tức là, không còn nhân duyên này thì không còn yếu tố kia; thời nào nguyên lý này cũng đúng).

[46] Theo luận giảng [Spk]: "*tư tưởng có sự hiện hữu trường tồn*" (*atthitā*) là chủ nghĩa trường tồn (*sassata*); còn "*tư tưởng không có sự hiện hữu trường tồn*" (*natthitā*) là chủ nghĩa tự diệt vong (*uccheda*).

Theo luận giảng [Spk-pṭ] thì: "*tư tưởng có sự hiện hữu trường tồn*" là chủ nghĩa trường tồn bất diệt, nó cho rằng toàn thể thế giới (của sự hiện hữu cá nhân) là tồn tại mãi mãi. Còn quan niệm "*tư tưởng không có sự hiện hữu trường tồn*" là chủ nghĩa tự diệt, bởi vì nó cho rằng toàn thể thế giới (của sự hiện hữu cá nhân) là không tồn tại mãi mãi, sẽ bị tiêu diệt, đoạn diệt.

Căn cứ theo những giải thích nói trên, sẽ hơi lệch lạc nếu dịch hai chữ "*atthitā*" và "*natthitā*" một cách đơn giản là '*sự hiện hữu*' và '*sự không hiện hữu*'. Trong đoạn kinh này, hai chữ "*atthitā*" và "*natthitā*" là những danh từ trừu tượng được tạo thành từ động từ "*atthi*" và "*natthi*". Như vậy đây là cách giả định siêu thể học (siêu hình học) mang nghĩa trừu tượng, như vậy là sai, chứ không thực sự mang ý nghĩa thực là 'sự hiện hữu' và 'sự không hiện hữu'. Tôi đã cố gắng chuyển tải ý nghĩa trừu tượng siêu hình học đó, chuyển tải nghĩa của tiếp vĩ ngữ *-tā* trong tiếng Pāli, bằng cách diễn dịch hai chữ đó thành "*ý tưởng về sự hiện hữu*" và "*ý tưởng về sự không hiện hữu*". (Bản dịch Việt dịch đầy đủ luôn ý-nghĩa cụ-thể của hai chữ này theo cách diễn dịch của thầy Tỳ kheo Bồ-đề luôn).

Nhân tiện, không may là chữ "*atthitā*" và chữ "*bhava*" đều đã thường được dịch là "*sự hiện hữu*", nhưng điều đó đã làm lu mờ sự thật là trong tiếng Pāli vì hai chữ này mang hai gốc nghĩa khác nhau. "*Atthitā*" là khái niệm về sự hiện hữu trong ý nghĩa trừu tượng, còn "*bhava*" là chỉ sự hiện hữu cụ thể của cá nhân trong một cõi thuộc ba cõi hiện hữu (dục giới, sắc giới, và vô sắc giới). Để đánh đấu sự khác biệt của chúng, chữ "*bhava*" có lẽ được dịch là "*sự sống, sự có mặt*" nhưng tiếng Anh (và cả tiếng Việt) vẫn luôn dịch các nghĩa đó là "*sự sống, sự hiện hữu*", như là đối tượng tuyệt đối để lý luận. Điều đó đã không chuyển tải đầy đủ ý nghĩa "gốc và cụ thể" của chữ "*bhava*".

[47] Luận giảng [Spk]: "*nguồn gốc khởi sinh thế giới*": là sự sản sinh của thế giới của những sự tạo tác. "*Không còn tư tưởng 'không hiện hữu' đối với thế giới*": nghĩa là trong người đó không còn quan điểm diệt vong đối với những hiện tượng được tạo ra và thể hiện trong thế giới của những sự tạo tác; tức coi "Chúng có hiện hữu." Còn Luận giảng [Spk-pṭ] thì ghi như vầy: Tư tưởng diệt vong có thể khởi sinh đối với thế giới của những tạo tác có thể khởi sinh như vầy: "Về vấn đề diệt vong và hủy diệt của chúng sinh, không có chúng sinh hay hiện tượng nào tồn tại." Đây cũng bao gồm quan điểm sai lạc… và chấp rằng: Không có chúng sinh nào được tái sinh." Quan điểm này không khởi sinh bên trong một người có chánh kiến hiểu biết rõ về sự sản sinh và nguồn khởi của thế giới của những sự tạo tác tùy thuộc vào những điều kiện khác nhau như nghiệp, vô minh, dục vọng, vân vân, do đó người đó không có quan điểm diệt vong, vì người đó nhìn thấy sự sản sinh liên tục không ngừng của những sự tạo tác.

Luận giảng [Spk]: "*sự chấm dứt thế giới*": sự tan rã của mọi sự tạo tác. "*Không có tư tưởng hiện hữu đối với thế giới*": trong người đó không có tư tưởng trường tồn bất diệt đối với những hiện tượng được sản sinh và thể hiện trong thế giới của những sự tạo tác, tức coi "Chúng có hiện hữu". Luận giảng [Spk-pṭ]: quan điểm trường tồn bất diệt có thể khởi sinh đối với thế giới của những sự tạo tác…Nhưng quan điểm này không còn xảy ra bên trong người đó; bởi người đó đã nhìn thấy sự chấm dứt của những hiện tượng liên tục lần lượt khởi sinh và sự khởi sinh liên tục lần lượt của các hiện tượng mới, do vậy tư tưởng diệt vong là không có bên trong người đó.

Theo Luận giảng [Spk]: Hơn nữa, "*sự khởi sinh của thế giới*" là tính điều kiện nhân duyên theo chiều trực tiếp (*anuloma-paccayākāra*); "*sự chấm dứt thế giới*" là tính điều kiện nhân duyên theo chiều ngược lại (*paṭiloma-paccayākāra*). [Luận giảng Spk-pṭ ghi: "*tính điều kiện nhân duyên theo chiều trực tiếp*" là sự tác động của những điều kiện trong liên hệ với những hiệu quả của nó (tức từ nhân duyên tác động ra quả); "*tính điều kiện nhân duyên theo*

chiều ngược lại" là sự chấm dứt những quả của chúng thông qua tiến trình chấm dứt các nhân của chúng.] Để nhìn thấy tính chất tùy thuộc của thế giới, người tu nhìn thấy sự liên tục của những hiện khởi sinh tùy thuộc do sự liên tục của các điều kiện của chúng, nhờ đó không còn quan điểm diệt vong. Và khi nhìn thấy sự chấm dứt của các hiện tượng liên tục khởi sinh tùy thuộc do sự chấm dứt các điều kiện của chúng, nên tư tưởng trường tồn bất diệt cũng không còn bên trong người đó.

(Nói tóm tắt: (*a*) Vì người tu nhìn thấy các hiện tượng liên tục khởi sinh tùy thuộc, nên không coi thế giới và mọi thứ sẽ bị diệt vong mãi mãi, (b) và vì nhìn thấy các hiện tượng liên tục biến diệt tùy thuộc, nên không coi thế giới và mọi thứ là cố định trường tồn bất diệt).

[48] Luận giảng [Spk] giải thích: khổ (*dukkha*) ở đây chỉ là "*năm đống uẩn bị dính chấp*" (*pañc'upādānakkhandhamattam eva*). Như vậy khi suy xét về sự hiện hữu (sự sống) của cá nhân mình, cái mà người đệ tử thánh thiện nhìn thấy không phải là một cái 'ta' hay 'bản ngã' hay một 'con người thực chất' nào hiện hữu cả, mà đó chỉ là một sự kết hợp của những hiện tượng có điều kiện (hữu vi) luôn khởi sinh và biến diệt thông qua tiến tình điều kiện tác động của sự khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi) mà thôi. (Tất cả chỉ là những tiến trình thân và tâm, chỉ là do điều kiện tác động mà có (hữu vi), sinh do điều kiện và diệt do điều kiện, có sinh là có diệt).

[49] Tôi dịch "*điều gì con người ý định*" (*ceteti*) và "*điều gì con người dự tính*" (*pakappeti*) là đại diện cho '*những sự tạo tác cố ý*' (*saṅkhārā,* các hành)—đây là yếu tố thứ hai trong công thức duyên khởi (vòng 12 nhân duyên). Còn '*bất cứ điều gì con người có khuynh hướng theo đó*" (*anuseti*) hàm ý chỉ '*những khuynh hướng tiềm ẩn (trong tâm)*' (*anusaya*, các tùy miên), chủ yếu là các khuynh hướng tạo ra vô minh và dục vọng—đó là yếu tố đầu tiên và yếu tố thứ tám trong công thức duyên khởi. Khi một người chết đi 'mang theo' những khuynh hướng tạo ra vô minh và dục vọng vẫn còn nguyên, đó là những ý định và dự tính—đó chính là sự thể

hiện cụ thể của dục vọng dưới dạng những hành vi cố ý—sẽ trở thành cơ sở để thức liên tục, rồi được thiết lập trong một "danh-sắc" mới, và kích hoạt sự sản sinh ra một sự hiện hữu hay sự sống mới. Đây là sự kiện được sinh ra, theo sau là già, chết, và những loại khổ đau từ lúc sinh cho đến lúc chết.

[50] Mặc dù sự thực là không thể có 'những khuynh hướng tiềm ẩn' nếu không co các ý định và dự tính, nhưng đoạn kinh này có lẽ được coi là có mục đích tu từ để nhấn mạnh vai trò của những khuynh hướng tiềm ẩn trong việc duy trì tiến trình tái sinh. Nhưng theo luận giảng [Spk] thì đoạn kinh này có ý muốn chỉ ra rằng: đối với một thiền sinh minh sát đã vượt qua (dẹp bỏ được) những tâm ý nghĩ bất thiện rồi, nhưng nếu những khuynh hướng tiềm ẩn vẫn còn nằm y nguyên thì vẫn còn mối hiểm họa bị tái sinh.

[51] Đoạn kinh này chỉ về một người tu đã chứng thành A-la-hán.

[52] '*Là đúng thực, không sai lầm, bất biến*': *Tathāni avitathāni anaññathāni*.

[53] '*Dẫn tới sinh-hữu*' (*bhavanetti*). Là thứ dẫn tới sự hiện hữu mới (kiếp mới), điển hình như loại 'dục vọng muốn được hiện hữu' (được sống, được tái sinh) là nguyên nhân dẫn tới sinh hữu và tái sinh.

[54] Tất cả các loại lá này đều là loại lá nhỏ và yếu. Đối lại, những loại lá trong đoạn kinh dưới là loại lá rộng và chắc.

[55] Luận giảng [Spk] nhận định người này là cháu của ngài Xá-lợi-phất.

[56] "*Sự không-phóng-tâm*" là tạm dịch chữ Pali: "*nippapañcaṃ*". Theo luận giảng [Spk]: Bởi vì nó (tâm) không còn bị phát sinh, tăng phóng [bị tạo dựng] bởi dục vọng, tính tự ta, và những quan điểm này nọ.

[57] Sự phủ định các yếu tố vật chất có thể coi như phủ nhận sự có mặt của vật chất trong trạng thái Niết-bàn, và phủ nhận luôn sự có mặt của các yếu tố vật chất trong trạng thái các tầng thiền định sắc giới

(*jhāna*), nhưng trạng thái các tầng thiền định đó vẫn không phải là Niết-bàn, vì đó vẫn thuộc về cảnh sắc giới. Còn năm vế tiếp theo đó là phủ định những đối tượng của các tầng chứng đắc vô sắc giới, đó cũng chưa phải là cảnh giới Niết-bàn. (Chỉ có câu sau đoạn này Phật mới nói ra định nghĩa của "cảnh xứ đó", đó là Niết-bàn).

58 Trong tiếng Pāli, chữ *diṭṭha*: "nhìn thấy", rõ ràng là cách dùng chữ phản đề để đối lại với chữ *diṭṭhi*: "quan điểm, tà kiến, kiến chấp".

Chương X
NHỮNG CẤP BẬC GIÁC NGỘ

1 Thuật ngữ "đạo" và "quả" là cách phân biệt của các luận giảng sau kinh. Các kinh bộ không dùng khuôn mẫu bốn chặng thánh "đạo" như vậy, các kinh bộ chỉ nói về một con đường đạo, đó là con đường Bát Thánh Đạo dẫn tới chấm dứt khổ đau mà thôi. Con đường đạo này cũng còn được gọi là con đường "A-la-hán đạo", tức con đường tu tập dẫn tới thánh quả A-la-hán, nhưng với một ý nghĩa rộng lớn là con đường đạo dẫn tới mục tiêu cao nhất chứ không phải với nghĩa hẹp là chặng thánh đạo để chứng đắc thánh quả A-la-hán. Tuy nhiên, các kinh bộ có phân biệt giữa một người đang tu tập để chứng đắc một thánh quả nào đó (*phala-sacchikiriyāya paṭipanna*) và người đã đạt tới thánh quả là kết quả tu tập chặng thánh đạo [coi **đoạn kinh X,1(1)**]. Dựa trên sự phân biệt người tu thánh đạo và người chứng thánh quả như vậy, các luận giảng đã giảng luận thành các thuật ngữ "đạo" và "quả" để giúp ích cho việc làm rõ các chặng tu và kết quả của chúng.

2 Sự giải thích chỗ này của tôi về bậc thánh Nhất-lai là dựa theo các giảng luận. Ngoài những điều tiêu chuẩn đó, các kinh nói rất ít về các đặc điểm của bậc thánh Nhất-lai.

3 Điều quan trọng đáng lưu ý là các kinh bộ đã hàm ý rằng những người tu trì theo giáo pháp (*dhammānusārī*) và người tu trì theo

niềm tin (*saddhānusārı*) trải qua (tồn tại) một thời gian tu tập kéo dài như vậy. Quan điểm của các kinh bộ dường như ngược lại với những ý tưởng của các giảng luận, các giảng luận cho rằng người chứng đắc thánh đạo chỉ trong một khoảng khắc tâm (sát-na) duy nhất. Nếu đúng như vậy thì điều đó có nghĩa một người căn trí hay căn tín chỉ là (tồn tại) trong một sát-na tâm, vậy điều này khó mà phù hợp với những lời khẳng định trong các kinh miêu tả hình ảnh những những người tu căn trí hay căn tín cũng nhận đồ cúng dường, lui về ở trong những chỗ an trú trong rừng, vân vân.

[4] Theo *các giảng luận*, thì phương pháp thiền tập theo đạo Phật là người thiền sau khi thoát ra khỏi trạng thái một tầng thiền định (*jhana*) sẽ bắt qua thiền quán minh sát với một cái tâm đã được làm sắc bén, dẻo dai, và hùng mạnh bởi trạng thái tầng thiền định sắc giới đó. Tuy nhiên, *các kinh không hề nói gì về việc thoát ra khỏi tầng thiền định như các giảng luận đã nói*. Nếu chúng ta chỉ đọc các kinh không thôi, không đọc các luận giảng, thì có lẽ chúng ta phải tin rằng người thiền sẽ quán xét các yếu tố từ bên trong tầng thiền định luôn (chứ không có sự thoát ra khỏi tầng thiền định rồi mới thiền quán sát).

[5] Vì những bậc A-la-hán đã đạt tới sự giải thoát khỏi vòng luân hồi tái sinh, cho nên không thể chỉ ra một chỗ nào trong vòng luân hồi mà họ còn xuất hiện trong đó; do vậy mới nói họ không còn vòng luân hồi nào để xuất hiện (tái sinh) trong đó.

[6] "*Năm gông cùm nhẹ đô*" (tôi dịch ở đây) = (*pañc' orambhāgiyāni saṃyojanāni*) là năm gông cùm đầu (trong 10 gông cùm), đó là: quan điểm coi thân là 'ta' (thân kiến), sự nghi ngờ, sự dính chấp các lễ nghi và tục lệ mê tín, tham dục, và ác ý. Những người được "*tái sinh một cách tự phát*" (tự động, tự nhiên) (*opapātika*) tức là tái sinh mà không cần phải có yếu tố cha và mẹ; (thức họ tự động tái sinh lên các cõi trong sạch đó, ở đó họ tiếp tục tu để những ngộ Niết-bàn cuối cùng, họ không còn bị tái sinh từ cõi đó nữa).

[7] "*Ba gông cùm*" là ba gông cùm đầu tiên trong chú thích số 6 kế trên. "*Đã được định chắc vận mệnh*" (*niyata*) có nghĩa là người đã

nhập lưu vào dòng thánh đạo thì không còn thối chuyển, là chỉ hướng tới chứng ngộ sự giải thoát trong tối đa 07 kiếp ở cõi người hoặc những cõi trời. "*Sự giác ngộ*" hay "*sự chánh giác*" (*sambodhi*) tức sự hiểu biết cuối-cùng và hoàn-toàn về bốn chân lý Tứ Diệu Đế, đó là sự hiểu biết của bậc A-la-hán.

[8] Để giải thích sự khác nhau giữa hai loại người tu trì Giáp Pháp (căn trí) và người tu trì niềm tin (căn tín), mời quý vị coi lại **đoạn kinh X,1(5),**20–21 và **đoạn kinh X,2(2)**.

[9] Luận giảng [Ps] nói câu này chỉ những người đã tận tụy tu tập thiền minh sát nhưng chưa đạt tới sự chứng ngộ siêu thế nào, nhưng họ đã có tâm nguyện và cam kết mạnh mẽ vào sự thật của Giáo Pháp rồi. Hai chữ "*saddhāmattaṃ pemamattaṃ*" có thể được dịch là "*chỉ có niềm tin, chỉ có tình thương mến*", nhưng chỉ mới có mặt hai phẩm hạnh này chưa đủ bảo đảm được tái sinh lên các cõi trời. Dường như chỗ hai chữ này cần được gắn thêm đuôi chữ (tiếp vĩ ngữ)—*matta* để hàm nghĩa "đủ" (chất và lượng) những phẩm hạnh đó, chứ không chỉ nói "*chỉ* cần có chúng" là được tái sinh lên cõi trời. (Do vậy nên (thầy Tỳ kheo Bồ-đề) mới dịch lại câu này là "*những ai có đầy đủ niềm tin vào ta, có đủ lòng thương mến đối với ta*" cho tròn vẹn ý nghĩa).

[10] Lúc này, đoạn kinh này, là Đức Phật đang nói với du sĩ Vacchagotta [coi **đoạn kinh IX,5(6)**]. Luận giảng [Ps] nói rằng lúc này ông Vacchagotta nghĩ chắc chỉ có mỗi mình Đức Phật là người trong Tăng đoàn đã giác ngộ mục tiêu cuối cùng (còn những Tỳ kheo và đệ tử thì chưa ai, cho nên ông ta mới hỏi kỹ bằng những câu như vậy).

[11] Câu hỏi này và câu hỏi trong mục số 11. bên dưới là nói về những bậc thánh Bất-lai. Lưu ý rằng: những người là bậc thánh Bất-lai, dù là cư sĩ tại gia, là người sống độc thân, cách ly.

[12] Câu hỏi này và câu hỏi trong mục số 12. bên dưới là nói về những bậc thánh Nhập-lưu và Nhất-lai. Bởi họ được miêu tả là những

người còn đang hưởng thụ dục lạc, điều này có nghĩa là họ không bắt buộc phải sống đời sống độc thân, cách ly hoàn toàn.

[13] "*Được giải thoát bằng-cả-hai-cách*", nguyên văn là "*ubhatobhāga-vimutta*". Luận giảng [Ps] cho rằng: Một người được giải thoát bằng cả hai cách bởi vì người đó được giải thoát *khỏi* "thân-sắc (thân thuộc sắc) nhờ những tầng chứng đắc (thiền định) vô-sắc giới và giải thoát *khỏi* thân-tâm (thân thuộc tâm) bằng thánh đạo A-la-hán.

Tuy nhiên, sự giải thoát hai-mặt, hay hai-mặt giải thoát vừa nói trong cái nghĩa "*được giải thoát bằng-cả-hai cách*" là khác và không nên bị nhầm lẫn với nghĩa trong lời kinh khác là "*sự giải thoát (vô nhiễm) của-tâm và sự giải thoát bằng-trí-tuệ*" (*anāsavā cetovimutti paññāvimutti*). Tất cả mọi bậc A-la-hán đều chứng ngộ "*sự giải thoát (vô nhiễm) của-tâm*" và "*sự giải thoát bằng-trí-tuệ*", bất kể họ có chứng đắc những tầng chứng đắc (thiền định) vô-sắc giới hay không.

[14] "*Người được giải thoát bằng-trí-tuệ*" (*paññāvimutta*). Luận giảng [Ps] nói loại người này bao gồm: (*a*) những người đã chứng đắc một trong bốn tầng thiền định sắc-giới, và (*b*) những người chỉ tu thiền quán minh sát tuệ; (tức họ không tu thiền định, được gọi là những bậc A-la-hán tu thiền minh-sát-"*khô*"; "khô" tức là không bị "dính ướt" với thiền định).

Nhưng, bậc A-la-hán tu thiền minh-sát-"*khô*" lại không được nhắc đến (không có ghi, không được đề cập) trong các bộ kinh *Nikāya*. (các luận giảng nói bàn, chứ trong các kinh không có nói).

[15] "*Thân chứng*": *kāyasakkhi*. Loại này bao gồm tất cả những người đang tu trong dòng thánh đạo dẫn tới thánh quả A-la-hán, cụ thể gồm tất cả bảy bậc thánh nhân dưới A-la-hán đã chứng đắc được các tầng chứng đắc vô sắc giới.

[16] "*Đạt tới tầm nhìn*" (*diṭṭhippatta*), tức đã có được tầm nhìn đúng đắn (chánh kiến). Loại bao gồm bảy loại người nói trên những chưa

chứng đắc những tầng thiền vô sắc giới và bên trong họ trí tuệ là căn chiếm ưu thế.

[17] "*Được giải thoát bằng niềm tin*" (*saddhāvimutta*). Loại này cũng bao gồm những người nói trên nhưng bên trong họ niềm-tin căn chiếm ưu thế.

[18] "*Người tu trì theo Giáo Pháp*" (*Dhammānusārı*), hay người trí căn. Loại người này và loại kế tiếp (người tu trì theo niềm tin (*saddhānusārı*), hay người tín căn) là hai loại người đang tu tập để hướng tới chứng được thánh quả Nhập-lưu nhập vào dòng thánh đạo siêu thế. (Có thể nói, những Tăng, Ni, và Phật tử tại gia đang tu tập và chưa chứng đắc thánh quả Nhập-lưu thì đều thuộc một trong hai loại người này).

Coi thêm trang thứ tư của phần Giới Thiệu theo Chương X và đoạn kinh X,2(2).

[19] "*Con đường chân chánh đã định*" là tạm dịch chữ "*sammattaniyāma*": đây chính là con đường Bát Thánh Đạo siêu thế.

[20] Theo các luận giảng, người chứng thánh đạo chứng đắc thánh quả ngay lập tức sau khi chứng đắc thánh đạo; nhưng các kinh bộ *Nikāya* thì không nói như vậy, các kinh bộ chỉ có nói rằng người tu đạt tới giai đoạn tu của người tu trì theo-Giáo-Pháp hoặc người tu trì theo-niềm tin [tương ứng với quan niệm của các giảng luận về người chứng đắc thánh đạo] sẽ chứng đắc thánh quả trong cùng một kiếp—nhưng không phải nhất thiết là lập tức trong vòng một khoảng khắc-tâm (sát-na tâm) như các giảng luận đã nói. Hai điều này có thể được trung hòa nếu chúng ta nhìn thấy giai đoạn thánh đạo của người tu trì theo-Giáo-Pháp và người tu trì theo-niềm-tin dài hơn về thời gian, nhưng đang đạt tới đỉnh điểm trong một cú đột phá tức thời, lập tức kéo theo chứng ngộ thánh quả.

[21] Câu tuyên thuyết này làm rõ cách những bậc Nhập-lưu là khác với những người đang tu tập trên con đường đạo để đi đến chứng đắc thánh quả Nhập-lưu. Những người tu trì theo-niềm-tin chấp nhận

giáo lý (giáo pháp) dựa trên niềm tin tưởng (căn tín) [với một mức độ hiểu biết còn thấp], còn những người tu trì theo-Giáo-Pháp thì chấp nhận nó thông qua sự tự mình điều tra (căn trí) [với một mức độ hiểu biết lớn hơn]; nhưng một khi đã chứng đắc thánh quả thì bậc thánh Nhập-lưu đã trực tiếp hiểu biết và nhìn thấy giáo pháp.

[22] "*Sự thâm nhập/ đột phá vào Giáo Pháp*" (*dhammābhisamaya*) và "*sự đạt được tâm nhìn của Giáo Pháp*" (*dhammacakkhupaṭilābha*) là hai cách nói đồng nghĩa để diễn tả cái sự chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

[23] "*Niềm tin xác thực*" (*aveccappasāda*). Luận giảng [Spk] giải thích đây là loại niềm tin bất khả lay chuyển, có được nhờ chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu.

[24] Bản thân các địa ngục, cảnh súc sinh, cảnh hồn ma ngạ quỷ đầy đọa đã là những cõi khổ đau, là những nơi đến xấu ác, và cảnh giới thấp xấu rồi.

[25] "*Danh tánh*" (*sakkāya*) là sự kết-hợp của năm uẩn mà chúng ta hay nhận lầm đó là cái 'ta' của chúng ta. Sự chấm dứt danh tánh (cái ta, ngã) chính là Niết-bàn.

[26] "*Sự sở hữu vật chất*" là dịch chữ "*upadhi*". Trong bối cảnh này hầu như diễn tả sự sở hữu vật chất, sự tham có, muốn có, muốn được thứ này thứ nọ, về vật chất hay tiện nghi.

[27] Trong 11 tính chất đó, "*vô thường*" và "*đang tan rã*" là mô tả đặc tính của sự "vô thường", biến hoại; "*như kẻ lạ*", "*trống không*", và "*vô ngã*" là đặc tính của sự "vô ngã", không có cái 'ta' hay 'tự tính' cố định nào cả; còn 6 tính chất còn lại là đặc tính của sự "khổ".

[28] Luận giảng [Ps] nói nghĩa là: "*Người đó chuyển tâm mình khỏi những trạng thái đó...*" có nghĩa người đó chuyển tâm mình khỏi năm uẩn nằm trong trạng thái tầng thiền định (*jhāna*) mà người đó đã nhìn thấy rõ nó có ba đặc tính vô thường, vô ngã, và khổ. Còn "*yếu tố bất tử*" (*amatadhātu*) chính là Niết-bàn. Đầu tiên, người đó "*hướng tâm mình tới yếu tố bất tử*" bằng một tâm thức thấy-biết rõ

(minh sát), sau khi đã nghe (học biết) được rằng yếu tố bất tử đó là "*bình an và siêu phàm*", và cứ như vậy tiến thêm.

[29] "*Sự mong muốn có được Giáo Pháp, sự thích thú về Giáo Pháp*" là dịch chữ "*Dhammarāgena dhammanandiyā*". Dường như sự mong muốn được Giáo Pháp và sự thích thú về Giáo Pháp làm cùng lúc hai việc như sau: (1) bởi vì cả hai đều được hướng về Giáo Pháp, cho nên chúng thúc đẩy người tu đi tới tiêu diệt năm gông cùm nhẹ đô; (2) bởi vì cả hai vẫn là dạng mong muốn và thích thú (đều thuộc dạng tham dục), cho nên chính chúng lại ngăn cản người tu chứng đắc thánh quả A-la-hán. (Chừng nào tiêu diệt luôn những dạng vi tế của tham dục và các gông cùm thì người tu mới có thể chứng đắc mục tiêu cuối cùng, đó là sự tiêu diệt sạch sẽ tham, sân, si như định nghĩa sơ đẳng nhất của Niết-bàn).

[30] Ở đây, (từ cấp thiền định này), trong những tầng thiền vô-sắc giới, bài kinh chỉ còn nói về năm uẩn thuộc tâm linh. Uẩn thân sắc không còn được nói đến.

[31] Những điều vừa được nói là những chủ đề (đề mục) thiền giúpdẫn tới sự tỉnh-ngộ và sự chán-bỏ. "*Sự không hấp dẫn, bản tính ghớm ghiếc dơ bẩn của thân này*" đã được nói trong **đoạn kinh VIII,8,**10; Còn sự quán chiếu về "*tính tởm lợm ghê tởm trong thức ăn*" đã được giải thích trong luận giảng **Vism 341–4**, [**Ppn 11:1–26**]; Còn "*sự nhận thức về cái chết có sẵn trong thân này*" được giải thích trong luận giảng **Vism 229–39** [**Ppn 8:1–41**]; và "*sự nhận thức về tính bất toại nguyện đối với toàn bộ thế giới*" và "*sự quán xét về tính vô thường trong tất cả mọi sự tạo tác*" được giải thích trong kinh **AN 10:60**; **V 111**.

[32] Trong kinh **AN, V 110**, "*nhận thức về sự trừ bỏ*" (*pahānasaññā*) được giải thích là "sự loại bỏ những ý nghĩ ô nhiễm". Còn trong kinh **AN V 110–11**, "*nhận thức về sự chán bỏ*" (*virāgasaññā*) và "*nhận thức về sự chấm dứt*" (*virāgasaññā*) đều được giải thích là những sự quán chiếu về những thuộc tính của Niết-bàn.

[33] (*i*) "*Người sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong nửa kiếp đầu*" (=*antarā-parinibbāyı*), theo Luận giảng [Spk] giải thích: là người (bậc thánh Bất-lai) được tái sinh vào một trong năm cõi trời trong sạch (Tịnh Cư Thiên) và ở đó người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong nửa kiếp đầu ở cõi đó. (Thực ra chữ "*antarā*" trong tiếng Pali có nghĩa: "*trong khoảng thời gian, ở giữa một khoảng thời gian* (cả nghĩa không gian), *trong quá trình, trung gian*", cho nên người dịch Việt dịch luôn như vậy cho dễ hiểu và rõ ràng, để chỉ lúc nào bậc thánh đó sẽ chứng Niết-bàn cuối cùng). Cũng theo Luận giảng đó: như vậy loại đầu này được phân thành có ba dạng, tùy theo lúc-nào chứng ngộ thánh quả A-la-hán (=Niết-bàn): (1) ngay sau lúc tái sinh vào cõi đó; (2) sau 100 hay 200 đại-kiếp ở cõi đó; hoặc (3) sau 400 đại-kiếp ở cõi đó.

(*ii*) Còn chữ "*người chứng ngộ Niết-bàn sau nửa kiếp đầu*" (= "*upahacca-parinibbāyı*"), (tức cũng có thể nói người đó sẽ chứng ngộ Niết-bàn trong nửa kiếp sau ở cõi trời đó). (Người dịch Việt dịch luôn như vậy cho rõ ràng và dễ hiểu luôn. Nhưng cần nói thêm: Thực ra, chữ "*upahacca*" thì (*a*) theo thầy Tỳ kheo Bồ-đề dịch là "*ngay khi đáp xuống, hay ngay khi chạm đất*" (tiếng Anh: *upon landing*), nghe hơi khó hiểu, nhưng thầy cũng giải nghĩa luôn luận giảng [Spk] giải thích: đó là "*người chứng ngộ Bát-Niết-bàn sau khi hết nửa kiếp đầu ở cõi trời đó*". Còn (*b*) theo tự điển Wisdom Library thì: 'chữ '*upahacca*' có nghĩa: làm tổn hại, làm tổn thương (nghĩa gốc là đúng vậy); nhưng lại giải thích "*upahacca-parinibbāyı là người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa kiếp đầu ở cõi trời đó*", thiết nghĩ đây là sự nhầm lẫn trong biên tập tự điển (đúng ra là "*trong nửa kiếp sau*"). (*c*) Người dịch cũng nhận thấy thầy Thích Minh Châu cũng dịch là "*chứng được Tổn hại Bát-niết-bàn*", mặc dù nghĩa '*tổn hại*' này {theo (*b*) và (*c*)} thực sự không rõ lắm đối với người đọc).

(*iii*) Chữ "*người chứng ngộ Bát-niết-bàn không cần sự nỗ lực ý chí*" là dịch chữ (=*asaṅkhāraparinibbāyı*) và "*người chứng ngộ Bát-niết-bàn bằng sự nỗ lực ý chí*" (=*sasaṅkhāraparinibbāyı*). Như vậy cho thấy có hai kiểu chứng ngộ Niết-bàn, trong đó 02 loại thánh

Bất-lai đầu chứng đắc mục tiêu cuối cùng một cách dễ dàng, và các loại thánh Bất-lai còn lại thì chứng đắc một cách khó khăn và nỗ lực mạnh mẽ.

(*iii*) (*Phần chú giải thêm của thầy Tỳ kheo Bồ-đề, diễn dịch và hiểu các thuật ngữ trên theo một cách khác*):

(*a*) Nếu chúng ta hiểu chữ "*antarā-parinibbāyı*" theo ngữ nghĩa gốc của nó, như lẽ ra chúng ta nên làm, thì nó có nghĩa là "*người chứng Bát-Niết-bàn lúc trung gian giữa hai kiếp sống*", có lẽ là ngay trong khi còn ở trong một thân vi-tế trong trạng thái trung-chuyển (thân trung ấm?). Như vậy chữ "*upahacca-parinibbāyı*" có nghĩa gốc là "*chứng Bát-Niết-bàn ngay khi đáp xuống hay ngay khi chạm đất*" sẽ được dịch là "*chứng Bát-niết-bàn ngay trong kiếp mới, tức là hầu như lập tức ngay sau khi tái sinh.*"

(*b*) Hai chữ tiếp theo là chỉ hai loại người chứng đắc thánh quả A-la-hán trong tiến trình của kiếp sau, họ chỉ khác nhau ở số lượng sự nỗ lực họ phải thực hiện để chứng đắc được mục tiêu cuối cùng.

(*c*) Còn loại cuối cùng là "*uddhaṃsota-akaniṭṭha-gāmı*": nghĩa gốc là "*người vượt thượng lưu tới cõi trời cao nhất Akaniṭṭha*"; (tạm dịch nghĩa Việt là "*người sẽ cuối cùng chứng ngộ Bát-niết-bàn ở cõi trời cao nhất Akaniṭṭha*"). Đó là, người đó được tái sinh lần lượt trong các (5) cõi trời trong sạch đó, sống hết tuổi thọ trong mỗi cõi trời đó, và cuối cùng sẽ chứng quả thánh A-la-hán trong cõi trời *Akaniṭṭha*—là cõi trời cao nhất, đại thọ nhất, trong năm cõi trời trong sạch (*sudhavasa*) đó; (HV dịch là '*cõi sắc cứu kính thiên*'; bản dịch Việt ở đây giữ nguyên tên "*Akaniṭṭha*" và mở ngoặc tạm dịch là '*cõi trời cao nhất thọ nhất trong các cõi trời trong sạch dành cho các bậc thánh Bất-lai*').

Cách diễn dịch này mặc dù trái với giải thích trong các Luận giảng Pāli, nhưng nó được xác nhận bởi kinh **AN 7:52 (IV 70–74)**, trong đó có ví dụ về que củi đang cháy hàm ý chỉ rằng: bảy loại thánh Bất-lai [07 là do loại đầu "*chứng Bát-Niết-bàn trong nửa kiếp đầu*" (*antarāparinibbāyı*) có chứa tới 03 dạng, như đã giải thích ở cuối

phần (*i*) ở trên] là riêng biệt lẫn nhau và được xếp hạng theo mức độ sắc bén tinh nhạy của các căn tâm linh của họ.

[34] Khi thầy Khemaka tuyên bố mình không còn coi uẩn nào như một cái 'ta' (ngã) hay 'của ta', thì có nghĩa là thầy ấy đã chứng ngộ ít nhất thánh quả Nhập-lưu rồi. Nhưng lúc này các Tỳ kheo khác không biết rằng tất cả mọi bậc thánh nhân đều chứng ngộ đều này, chứ không phải riêng bậc A-la-hán mới chứng ngộ đều này; (thực ra bậc Nhập-lưu cũng chứng ngộ điều này rồi trước khi trở thành Nhập-lưu). Do hiểu lầm như vậy nên các Tỳ kheo đó mới tự suy rằng thầy Khemaka đã chứng đắc thánh quả A-la-hán.

[35] Mặc dù tất cả ba phiên bản của *Bộ Các Kinh Liên Quan* (SN), phiên bản Miến Điện, Tích Lan, và Âu Châu (Be, Ce, và Ee) và cả hai phiên bản luận giảng [Spk], phiên bản Miến Điện và Tích Lan, mà tôi đã tham khảo, tất cả đều đọc thuật ngữ này là "*asmı ti adhigataṃ*", tôi xon đề nghị thuật ngữ này nên đọc là "*asmı ti avigataṃ*". Đoạn kinh này nêu rõ sự khác nhau căn bản giữa bậc thánh học-nhân (*sekha*) và bậc thánh A-la-hán. Bậc thánh học nhân đã loại bỏ gông cùm cái '*ta*' (thân kiến, ngã kiến), và do đó họ không còn coi bất cứ uẩn nào là cái '*ta*' hay '*của ta*' nữa, nhưng họ vẫn chưa nhổ sạch tận gốc vô minh, *nên vẫn còn một ít tàn dư hơi hướng của khái niệm cái "ta là"* (*anusahagato asmı ti māno asmı ti chando*) trong liên quan với năm uẩn. Còn bậc thánh A-la-hán thì, ngược lại, đã bứng nhổ sạch sẽ vô minh, đó là gốc rễ của mọi quan niệm sai lầm, và do đó họ không còn chứa chấp những ý tưởng cái 'ta' hay 'của ta' nào nữa.

Đoạn kinh này cho thấy những bậc trưởng lão đó rõ ràng cũng chưa chứng ngộ một thánh quả nào, và do đó họ cũng chưa biết được sự khác biệt nói trên; nhưng Thầy Khemaka thì chắc chắn đã chứng ngộ ít nhất là thánh quả Nhập-lưu [thậm chí có nhiều luận sư kinh điển còn cho thầy ấy đã là bậc thánh Bất-lai], và do đó thầy ấy đã biết rõ trạng thái "*đã loại bỏ quan niệm cái 'ta' nhưng chưa hoàn toàn loại bỏ cái hơi hướng cảm nhận về cái 'ta'*" như vậy. Ngay cả đối với bậc thánh Bất-lai thì cái "*mùi cái 'ta'*" hay "*hơi hướng 'chủ*

thể'" dựa trên năm uẩn vẫn còn "vương vấn, thoang thoảng" trong các trải nghiệm của họ; (tới khi chứng ngộ A-la-hán thì tất cả mọi hơi hướng đều hoàn toàn sạch sẽ).

[36] Luận giảng [Spk] ghi rằng: Tiến trình tâm của người phàm phu giống như một tấm vải dính đất bụi, dơ bẩn. Ba phần tu thiền quán [về tính vô thường, khổ, vô ngã] thì giống như ba loại chất tẩy giặt tẩy những thứ dơ bẩn, ô nhiễm đó. Tiến trình tâm của bậc thánh Bất-lai thì giống như tấm vải đã được giặt tẩy bằng ba loại chất tẩy (và bậc ấy đang tu tiếp chặng thánh đạo A-la-hán để tiến tới chứng ngộ thánh quả A-la-hán). Toàn bộ mọi ô nhiễm đã được tẩy sạch bởi chặng thánh đạo A-la-hán, chỉ còn lại chút tàn dư hơi hướng như mùi của nước tẩy, xà bông, còn vương trên tấm vải đã sạch. Còn sự hiểu-biết ở chặng thánh đạo A-la-hán giống như một ngăn tủ thơm tho, mùi thơm, và tiến trình diệt sạch mọi ô nhiễm bằng chặng thánh đạo này giống như sự phai biến dần dần và sạch sẽ mùi của các chất tẩy còn vương trên tấm vải, sau một thời gian nó được đặt vào ngăn tủ nó sẽ dần biến mất sạch sẽ". (Sự phai biến *sạch sẽ* cái tàn dư hơi hướng của ý niệm cái 'ta' chính là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán).

[37] Có nghĩa: "*Ngoài giáo lý của Đức Phật ra, …*".

[38] Theo như chỗ tôi hiểu, cụm chữ "*rằng cái gì là đích đến của mình ... mục tiêu cuối cùng của mình*" chính là Niết-bàn. Ở đây chúng ta có một sự khác biệt căn bản giữa người học nhân còn tu tập và bậc A-la-hán: người học nhân nhìn thấy Niết-bàn, là đích đến của năm căn tâm linh, rằng đó là đỉnh cao mình cần vươn tới, là đạo quả và mục tiêu cuối cùng của mình, người đó "*vẫn chưa tiếp xúc được bằng thân*" thì chưa thể thâm nhập thể nhập vào toàn thể trải nghiệm về nó (Niết-bàn). Ngược lại, bậc A-la-hán thì nhìn thấy mục tiêu cuối cùng và đã hoàn toàn trải nghiệm nó ngay tại đây và bây giờ.

[39] Có 37 phần/pháp trợ giúp giác ngộ (37 bồ-đề phần); nguyên văn: "*bodhipakkhiyā dhammā*", nghĩa chữ là "*những trạng thái thuộc về*

giác ngộ", nhưng dịch cho thoát nghĩa là: "*những sự trợ giúp giác ngộ*".

Về "*bốn nền tảng chánh niệm*", quý vị đọc thêm lại **đoạn kinh VII,2** và **đoạn kinh VIII,8** để biết rõ thêm chi tiết, và **chương 47,** (*Liên quan Các nền tảng chánh niệm*), **bộ kinh SN**.

"*Bốn loại nỗ lực đúng đắn*" (tứ chánh cần) là tương đương với phần "*nỗ lực đúng đắn*" (chánh tinh tấn) trong Bát Thánh Đạo; chỗ cũng mời quý vị đọc lại thêm **đoạn kinh VII,2** và **chương 49,** (*Liên quan Bốn nỗ lực đúng đắn*), **bộ kinh SN**.

"*Bốn cơ sở năng lực tâm linh*" (tứ thần túc) bao gồm: sự định-tâm do (1) mong muốn, hoặc do (2) năng lượng, hoặc do (3) tâm, hoặc do (4) điều tra, với những nguồn lực nỗ lực ý chí; mời quý vị đọc thêm **chương 51,** (*Liên quan Bốn cơ sở năng lực tâm linh*), **bộ kinh SN**.

"*Năm căn*" (ngũ căn) như được ghi trong **đoạn kinh X,1,(2)**; mời đọc thêm **chương 48,** (*Liên quan Năm Căn*), **bộ kinh SN** để nắm thêm chi tiết.

"*Năm năng lực*" là đồng nghĩa với năm yếu tố cũng được gọi là các căn (trong bảy yếu tố giác ngộ), nhưng năm năng lực ở đây mạnh mẽ hơn. Xin coi lại thêm phần "*bảy yếu tố giác ngộ*" ở **đoạn kinh VIII,9**; và mời đọc thêm **chương 46,** (*Liên quan Năm năng lực tâm linh*) **bộ kinh SN**.

"*Bát Thánh Đạo*" đã được nói rõ ở **đoạn kinh VII,2**; mời đọc thêm **chương 45,** (*Liên quan Bát Thánh Đạo*), **bộ kinh SN**.

[40] Luận giảng [Ps] nhận dạng đây chính là tâm buông-xả (siêu vời) đạt được trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền). Luận giảng [Ps] nói rằng Pukkusāti đã chứng đạt tới tầng thiền định thứ tư, nhưng vẫn còn bị tham dính vào trạng thái đó rất nặng. Cho nên Đức Phật trước tiên khen ngợi tâm buông-xả (trong trạng thái tầng thiền sắc-giới thứ tư) đó để khích lệ niềm tự tin của Pukkusāti, và sau đó Phật từ từ hướng dẫn vị ấy chứng đắc tới những tầng chứng thiền vô-sắc

giới, và để sau đó chứng nhập luôn những chặng thánh đạo siêu thế và các thánh quả.

41 Nghĩa ở đây là: Nếu người đó chứng đắc cảnh xứ không gian vô biên (không vô biên xứ) và chết trong khi vẫn đang còn dính trong trạng thái đó, thì người đó sẽ được tái sinh vào cảnh giới không gian vô biên và sẽ được sống ở đó toàn bộ tuổi thọ 20.000 đại-kiếp, theo như định nghĩa tuổi thọ của cõi đó. Trong ba cảnh giới vô sắc giới cao hơn, thì tuổi thọ được cho là 40.000 đại-kiếp, 60.000 đại kiếp, và 84.000 đại-kiếp.

42 Luận giảng [Ps]: Chỗ này được Phật nói theo thứ tự nhằm chỉ ra sự nguy hại trong những tầng chứng đắc vô-sắc. Riêng câu "*Điều này là có điều kiện (vẫn là hữu vi)*", Phật muốn chỉ ra rằng: "Ngay cả tuổi thọ là 20.000 đại-kiếp, thì đó cũng chỉ là có điều kiện, là hữu vi, là do điều kiện mà có, do tạo tác mà có. (Cảnh giới) đó cũng là vô thường, không chắc chắn, không bền lâu viên mãn, vẫn còn bị biến đổi. (Cảnh giới) đó vẫn còn bị hư hoại, tan rã, và giải tán; vì đó vẫn còn dính tới sinh, già, chết, được thiết lập trên sự khổ, vẫn còn dính khổ. Đó chưa phải là một nơi trú ẩn thực sự, chưa phải là một nơi an toàn, một nơi nương tựa đích thực. Sau khi (hết tuổi thọ và) chết như một người thế tục ở đó, người đó vẫn còn có thể bị tái sinh vào bốn cõi (đường) khổ đau đầy đọa (địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, quỷ thần A-tu-la)."

43 Nguyên văn kinh: "*So n'eva abhisaṅkharoti nābhisañcetayati bhavāya vā vibhavāya*". Hai động từ cho thấy dấu hiệu rằng ý-chí là nguồn lực tạo tác đã tạo tác và duy trì sự hiện hữu có-điều-kiện (sự sống hữu vi) đó. "*Sự chấm dứt cái ý-chí muốn được hiện-hữu hay không-hiện-hữu*" ở đây có nghĩa là sự chấm dứt [thổi tắt] (cả hai loại) dục vọng được sống trường cửu và dục vọng vì diệt vong (vì nghĩ chết là hết, hay vì muốn tự diệt).

44 Luận giảng [Ps] nói rằng: ngay lúc này vị ẩn sĩ Pukkusāti đã chứng nhập qua ba chặng thánh đạo và thánh quả (Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai), và đang trở thành bậc thánh Bất lai. Ngay lúc này vị ấy đã nhận ra người thầy đang dạy mình chính là Đức Phật, nhưng vị ấy không

thể nói ra sự nhận-ra của mình, vì Đức Phật vẫn đang thuyết giảng cho vị ấy.

[45] Đoạn kinh này chỉ ra sự an-trú của bậc A-la-hán trong "*yếu tố* (giới) *Niết-bàn còn tàn dư hơi hướng*" (*sa-upādisesa nibbānadhātu*); mời đọc coi thêm lại **đoạn kinh IX,5(5)**. Mặc dù vẫn tiếp tục trải nghiệm những cảm giác, nhưng người tu lúc này đã không còn tham (thích, khoái) đối với cảm giác sướng, không còn sân (bực, phiền) đối với cảm giác khổ, và không còn si (ngu mờ, không thấy biết) đối với cảm giác trung tính.

[46] Tức là, người tu tiếp tục trải nghiệm cảm giác chẳng qua chỉ vì khi thân vẫn còn tiếp xúc (với cảnh trần) thông qua các giác quan của nó, nhưng (về tâm) người đó đã vượt qua cảm giác sướng đó; (tức không còn phản ứng tham thích hay nắm giữ những cảm giác sướng đó nữa; cũng như không còn phản ứng sân hay si đối với những cảm giác khổ hay trung tính nữa).

[47] Chỗ này nói về sự chứng đắc yếu-tố Niết-bàn của người tu không còn tàn dư hơi hướng (*anupādisesa nibbānadhāmtu*)—đó là sự chấm dứt sự hiện hữu có điều kiện (sự sống hữu vi) vào lúc người tu chết (và chứng luôn Niết-bàn vô dư đó). Quý vị coi thêm lại **đoạn kinh IX,5(5)**.

[48] Chỗ này kết thúc phần thuyết giảng về nền tảng thứ nhất—nền tảng trí tuệ (*paññādhiṭṭhāna*). Luận giảng [Ps] nói rằng sự hiểu-biết về sự chấm dứt khổ [sự tiêu diệt khổ, khổ diệt] là loại trí-tuệ thuộc thánh quả A-la-hán.

[49] Luận giảng [Ps] giảng về bốn loại (tạm dịch) mầm móng tạo ra hiện hữu tái sinh (*upadhi*) ở đây là: **năm đống uẩn**; **những ô nhiễm**; **những sự tạo tác cố ý**; và **những khoái lạc giác quan**.

[50] Tạm dịch là "*những cơn sóng nhận thức*" (*mañnussavā*) trong đoạn kinh này là chỉ những ý nghĩ, ý niệm, quan niệm có từ ba gốc rễ nhận thức—đó là dục-vọng, tính tự-ta, và những quan điểm này nọ (tà kiến); (dục, ngã, kiến). Vị "*tu sĩ sống bình an*" là (*muni santo*) , ẩn sĩ trầm-mặc, (hv: *sa-môn mâu-ni*).

[51] Những ý nghĩ như "*Ta sẽ là*" và "*Ta sẽ không là*" là tương ứng chỉ về cái những tư tưởng tin có sự hiện hữu trường tồn [tức, coi cái 'ta' (hay 'linh hồn ta') sẽ tiếp tục hiện hữu sau khi chết] và cái tư tưởng diệt vong [tức bản thân sẽ diệt vong khi chết, chết là hết]. Còn chữ "*có thân sắc*" và "*không có thân sắc*" là chỉ hai dạng hiện hữu trong kiếp sau, tức thành chúng sinh 'có thân' và chúng sinh 'không có thân'; còn ba chữ "*có tri giác*", "*không có tri giác*", và "*không có tri giác cũng không phải không có tri giác*" là ba dạng hiện hữu khác trong kiếp sau, mỗi dạng này được phân biệt dựa trên mối liên quan của chúng sinh đó với sự nhận thức hoặc sự tỉnh giác.

[52] Cái không còn có bên trong người đó là dục vọng muốn được hiện hữu, chính nó dẫn tới tái sinh, rồi lại dẫn tới chết, sinh rồi tử cứ luân hồi.

[53] "*Bảy phẩm hạnh tốt lành*" nguyên văn là: "*satta saddhammā*", bao gồm: niềm tin, sự xấu hổ về mặt đạo đức, sự sợ hãi làm điều sai trái, sự học, năng lượng, sự chánh niệm, và trí tuệ; những điều này cũng được nói trong kinh **MN 53.11–17.**

[54] Ba phần tu học là tu tập Giới Hạnh, Thiền Tập cái tâm, và tu tập Trí tuệ, (giới, định, tuệ).

[55] Mười yếu tố ở đây bao gồm 8 yếu tố của Bát Thánh Đạo và được bổ sung thêm phần sự hiểu-biết đúng đắn (chánh trí) và sự giải-thoát đúng đắn (chánh giải thoát). Đọc thêm các phần giảng giải, như trong kinh **MN 65.34** và kinh **MN 78.14.**

[56] Ba loại phân biệt so sánh là ba ý niệm: "Tôi là tốt hơn", "Tôi bằng", "Tôi tệ hơn".

[57] Dường như câu "một Tỳ kheo được *giải thoát bằng-trí-tuệ* (*bhikkhu paññāvimutto*)" ở đây nên được hiểu là chỉ bất kỳ một bậc thánh A-la-hán nào, chỗ này không phải nói về bậc giải thoát bằng-trí-tuệ với mục đích để phân biệt với với bậc A-la-hán được *giải thoát bằng-cả-hai-cách* (*ubhatobhāgavi-mutta*).

[58] Bài kinh này nằm trong bài kinh lớn "*Đại kinh Bát-niết-bàn*" (*Mahāparinibbāna Sutta*), (gồm các đoạn kinh **DN II 81–83**), nhưng không có phần đoạn cuối. Một phiên bản kinh chi tiết hơn được bổ sung thành **bài kinh DN 28**.

[59] Luận giảng [Spk] nhận dạng "*với những phẩm chất đó*" (*evaṃdhammā*) chính là "những phẩm chất thuộc về thiền-định" (*samādhipakkhā dhammā*).

[60] Mười năng lực của Như Lai chính là mười năng lực về sự hiểu-biết (trí tuệ). Mười năng lực này cũng được phân tích rõ trong bộ luận giảng [**Vibh, trang 808–831**]. Còn "*bánh xe của vị Trời Brahmā*" (Phạm Thiên) ở đây chính là "*bánh xe Giáo Pháp*" (Pháp luân).

[61] Để đọc thêm chi tiết, xin đọc lại kinh MN 115, các đoạn **MN 115.12–19**.

[62] Luận giảng [Ps] giải thích "*khả năng xảy ra*" (*ṭhāna*) là cảnh giới, những tình huống hoàn cảnh, thời gian, và nỗ lực, tức là chỉ những yếu tố có thể ngăn chặn hoặc xúc tác tạo ra kết quả (nghiệp quả). Còn "*những nguyên nhân*" (*hetu*) chính là hành-động đã làm, chính là nghiệp (*kamma*). (Nghiệp là nhân). Sự hiểu biết này của Phật cũng được mô tả rõ trong **đoạn kinh V,1(1)–(3)**.

[63] Câu này chỉ sự hiểu biết của Đức Phật về tất cả mọi loại hành-vi dẫn tới tất cả những 'vận-mệnh' tương lai trong vòng luân hồi tái sinh, cũng như những hành-vi giúp dẫn tới sự giải-thoát cuối cùng. Đọc thêm các đoạn kinh **MN 12.35–42**.

[64] Luận giảng [**Vibh §813**] giải thích rằng Phật hiểu biết rõ rằng những chúng sinh có những khuynh hướng hướng-lên (tốt hơn, cao hơn) hoặc hướng-xuống (xấu hơn, thấp hèn hơn), và rằng những chúng sinh có xu hướng giao lưu với những người thuộc loại người như mình; (như kiểu: áo đen thường đi với áo đen, áo trắng thường đi với áo trắng; người xấu ác thường giao lưu người xấu ác, người tốt thiện thường giao lưu người tốt thiện).

[65] Luận giảng [**Vibh §§814–27**] phân tích rất chi tiết về vấn đề này. Còn luận giảng [Ps] thì chỉ nói một cách ngắn gọn rằng Phật hiểu biết rõ về sự bố-trí cao-thấp của năm căn (cao hơn và thấp hơn) của những chúng sinh khác.

[66] Theo luận giảng [**Vibh §828**]: ô-nhiễm (*saṅkilesa*) là một yếu tố gây ra sự suy đồi; còn sự làm sạch, sự tẩy-trừ (*vodāna*) là yếu tố tạo nên sự tốt đẹp, siêu xuất; còn sự thoát-ra (*vuṭṭhāna*) thì có nghĩa bao gồm cả sự tẩy trừ ô nhiễm và sự thoát ra (xuất ly, thoát ra khỏi định) khỏi trạng thái các tầng thiền định sắc-giới hoặc tầng chứng đắc vô-sắc nào đó.

Còn tám sự giải-thoát (*vimokkha*) có được ghi trong các đoạn kinh **DN 15.35**, **DN 16.3.33**, **MN 77.22**, **MN 137.26**,…v.v…

Chín tầng chứng đắc (*samāpatti*) thiền định là bao gồm: bốn tầng thiền định sắc giới, bốn tầng chứng đắc vô-sắc giới, và tầng chấm dứt cảm giác và nhận thức (diệt thọ tưởng định).

[67] "*Vesārajja*": sự tự-tin, sự tự-mãn. Luận giảng [Ps] nói rằng đây là một tên-gọi (danh-từ) dùng để gọi sự hiểu-biết đầy vui sướng khởi sinh trong mình khi Phật suy xét (quán chiếu) về sự không-còn rụt-rè hay thiếu tự tin trong bốn trường hợp đó.

[68] Luận giảng [Spk] nói nghĩa Phật dùng chữ "*hầu hết*" là do số này không bao gồm những thiên thần là những bậc thánh (ví dụ như bậc thánh Nhất Lai, Bất Lai cũng đang ở những cõi trời, họ đã là những người đã chứng ngộ thánh đạo, đã thành bậc thánh, và từ cõi đó đang sắp sửa đi đến chứng ngộ Niết-bàn, họ khác với số thiên thần và trời thần vẫn đang hưởng phúc và khi hết phúc và tuổi thọ vẫn phải bị tái sinh và bốn cõi thấp xấu và khổ đau).

[69] Theo luận giảng [Spk]: "*nằm ở trong danh tính*" (*sakkāyapariyāpannā*) (có nghĩa: "*nằm ở trong thân*", "*nằm trong sự hiện-hữu cá nhân*"). Khi Đức Phật dạy họ Giáo Pháp được đóng dấu (ấn chứng) bằng ba đặc-điểm (khổ, vô thường, vô ngã), chỉ ra những khuyết điểm của vòng luân hồi hiện hữu (sinh tử), thì sự sợ hãi [khi nhận biết] đó đã phát sinh bên trong họ

Mục Lục Tra Cứu Các Kinh Trong Sách & Theo Các Nguồn Kinh

*: *là trích đoạn từ bài kinh đó*

†: *kết hợp hai hay nhiều bài kinh*

thuộc ***Bộ Các Kinh Dài*** **(DN)** (*Trường bộ kinh*)

Số hiệu bài kinh trong ***DN***	*Số tập/ quyển & số trang theo PTS*	*Số của Đoạn Kinh theo Chương, Phần, Mục trong sách này*	*Tựa đề của Đoạn Kinh trong sách này*	*Số trang trong sách này*
5*	I 134–36	IV,6(6)	Mang lại sự bình yên cho xứ sở	148
15*	II 58	I,3(3)	Chuỗi nhân duyên mịt mùng	20
16*	II 72–77	IV,6(4)	Bảy nguyên tắc ổn định xã hội	141
21*	II 276–77	I,3(2)	Tại sao những chúng sinh sống trong thù hận?	18
26*	III 59–63	IV,6(5)	Vị vua quay chuyển bánh xe báu	145
31*	III 180–81, 187–91	IV,1(2)	Thờ kính sáu phương	108

thuộc ***Bộ Các Kinh Vừa*** **(MN)** (*Trung bộ kinh*)

*Số hiệu bài kinh trong **MN***	*Số tập/ quyển & số trang theo PTS*	*Số của Đoạn Kinh theo Chương, Phần, Mục trong sách này*	*Tựa đề của Đoạn Kinh trong sách này*	*Số trang trong sách này*
9	I 46–55	IX,3	Bài thuyết giảng về cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến)	346
10	I 55–63	VIII,8	Bốn nền tảng chánh niệm	313
12*	I 70–72	X,5(4)	Mười năng lực và cơ sở của sự tự-tin	476
13	I 84–90	VI,3	Đánh giá đúng những đối tượng dính chấp	200
19*	I 117–18	X,5(6)	Người mong muốn sự tốt lành cho chúng ta	480
20	I 118–22	VIII,5	Trừ bỏ những ý nghĩ làm xao lãng	302
21*	I 126–27, 129	VIII,6	Cái tâm từ ái (tâm từ)	307
22*	I 139–40	X,4(3)	Một Tỳ kheo đã gỡ bỏ thanh rào cản	460
22*	I 140–42	X,1(3)	Trong Giáo Pháp đã được giảng bày một cách khéo léo	386
26*	I 160–67	II,3(1)	Tìm trạng thái cao nhất của sự bình an siêu phàm	36
26*	I 167–73	II,4	Quyết định truyền dạy	60
27	I 175–84	VII,4	Sự tu tập tiến dần	265
29	I 192–97	VII,1(2)	Cốt lõi của đời sống tâm linh	233

36*	I 240–49	II,3(2)	Chứng ngộ ba loại hiểu-biết đích thực	252
39*	I 274–80	VII,5	Những giai đoạn tu cao hơn (diễn tả bằng những ví dụ)	280
41	I 286–90	V,1(2)	Tại sao chúng sinh tái sinh vào những cảnh giới khác nhau sau khi chết	154
47	I 317–20	III,4	Điều tra tìm hiểu về người Thầy	86
54*	I 364–66	VI,4(1)	Cắt đứt mọi sự việc thế tục	210
63	I 426–32	VII,1(1)	Mũi tên 'sinh, già, chết'	247
64*	I 434–37	X,3(1)	Dẹp bỏ năm gông cùm nhẹ đô	442
70*	I 477–79	X,1(5)	Bảy loại thánh nhân	390–92
72*	I 486–88	IX,5(6)	Lửa và đại dương	417
73*	I 490–93	X,1(4)	Sự toàn vẹn của giáo lý	427
75*	I 504–8	VI,4(2)	Cơn sốt khoái lạc giác quan	215
82*	II 65–82	VI,6	Bốn điều tóm tắt về Giáo Pháp	224
93	II 147–54	IV,6(3)	Sự thanh lọc bản thân là dành cho mọi giai cấp	133
95*	II 168–77	III,5	Các bước đi tới chứng ngộ sự thật	91
99*	II 206–8	V,5(2)	Bốn cảnh giới an trú cõi trời (bốn phạm trú)	189
104*	II 245–47	IV,6(1)	Sáu gốc rễ gây ra tranh chấp	129
104*	II 250–51	IV,6(2)	Sáu nguyên tắc để sống hòa hợp	131
109	III 15–19	IX,4(1)(b)	Vấn đáp về năm Uẩn	370

123	III 118–20; 122–24	II,2	Sự nhập thai và đản sinh của Đức Phật	29
135	III 202–6	V,1(3)	Nghiệp và nghiệp quả	163
140*	III 240–43	IX,4(3)(c)	Sáu yếu tố	390
140*	III 244–47	X,4(7)	Vị tu sĩ sống bình an (bậc sa-môn mâu ni)	465
146*	III 274–75	IX,1(2)	Trí tuệ như dao sắc bén	343

thuộc ***Bộ Các Kinh Liên Quan*** **(SN)** (*Tương ưng bộ kinh*)

*Số hiệu bài kinh trong **SN***	*Số tập/ quyển & số trang theo PTS*	*Số của Đoạn Kinh theo Chương, Phần, Mục trong sách này*	*Tựa đề của Đoạn Kinh trong sách này*	*Số trang trong sách này*
3:3	I 71 <163–64>	I,1(1)	Già và chết	3
3:25	I 100–102 <224–29>	I,1(2)	Ví dụ khối núi	3
12:1	II 1–2	IX,4(4)(a)	Sự khởi sinh tùy thuộc (duyên khởi) là gì?	395
12:15	II 16–17	IX,4(4)(d)	Một giáo lý trung đạo	401
12:20	II 25–27	IX,4(4)(b)	Tính ổn định của Giáo Pháp	396
12:33	II 56–59	IX,4(4)(c)	Bốn mươi bốn trường hợp của sự hiểu- biết	498
12:38	II 65–66	IX,4(4)(e)	Sự liên tục của thức	402

12:44	II 73–74	IX,4(4)(f)	Nguồn gốc và sự chấm dứt (sự sinh và diệt) của thế giới	358–59
12:65	II 104–7	II,3(3)	Kinh thành cổ	56
13:1	II 133–34	X,2(3)	Sự thâm nhập (đột phá vào, hiểu thấu suốt) Giáo Pháp	439
14:1	II 140	IX,4(3)(a)	Mười tám yếu tố	388
14:37–39†	II 175–77	IX,4(3)(b)	Bốn yếu tố	389
15:1	II 178	I,4(1)	Cỏ, cây, cành, lá	21
15:2	II 179	I,4(2)	Những hòn đất	22
15:3	II 179–80	VI,9(1)	Dòng nước mắt	241
15:5	II 181–82	I,4(3)	Khối núi	23
15:8	II 183–84	I,4(4)	Sông Hằng	24
15:13	II 187–89	VI,9(2)	Dòng máu chảy	242
22:7	III 15–18	I,2(3)	Sự âu lo vì mọi thứ luôn thay đổi	15
22:45	III 44–45	IX,4(1)(d)	Vô thường, khổ, vô ngã	378
22:56	III 58–61	IX,4(1)(a)	Các giai đoạn chuyển biến của các Uẩn	366
22:58	III 65–66	X,5(1)	Phật và A-la-hán	470
22:59	III 66–68	IX,4(1)(c)	Đặc tính của sự vô-ngã (vô ngã tướng)	375
22:76*	III 83–84	X,4(8)	Hạnh phúc thay những bậc A-la-hán!	469
22:78	III 84–85	X,5(7)	Con sư tử	482
22:82	III 100–103	IX,4(1)(b)	Một vấn đáp về năm Uẩn	370

22:89	III 126–32	X,4(1)	Loại bỏ tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’, cái ‘ta là’	453
22:95	III 140–42	IX,4(1)(e)	Như bọt nước, như bong bóng, như ảo ảnh	379
22:99	II 149–50	I,4(5)	Con chó bị xích cột	25
25:1	III 225	X,2(2)	Bước vào con đường chánh đạo đã định	393
28:1–9†	III 235–38	VIII,10	Đạt tới “sự quản trị cái tâm”	335
35:26	V17–18	IX,4(2)(a)	Sự hiểu rõ hoàn toàn	382
35:28	IV19–20	IX,4(2)(b)	Như lửa đang cháy	383
35:85	IV 54	IX,4(2)(d)	Thế giới là trống không	386
35:147–49†	IV 133–35	IX,4(2)(c)	Phù hợp để chứng ngộ Niết-bàn	385
35:234	IV 166–68	IX,4(2)(e)	Thức cũng là vô ngã (không phải là ‘ta’)	386
36:6	IV 207–10	I,2(1)	Mũi tên đau khổ	10
38:1	IV 251–52	IX,5(1)	Niết-bàn là gì?	412
42:11	IV 327–30	III,3	Nhìn thấy sự khởi sinh và biến mất của khổ (Khổ sinh và khổ diệt có thể nhìn thấy được)	83
43:1–44†	IV 359–73	IX,5(2)	Ba mươi ba chữ đồng nghĩa với Niết-bàn	413
45:2	V 2–3	VII,3	Tình bạn tốt, tình đạo hữu	264
45:8	V 8–10	VII,2	Phân tích về Con Đường Tám Phần (Bát Thánh Đạo)	261

45:41–48†	V 27–29	VII,1(3)	Sự phai biến của tham dục	259
46:3	V 69–70	X,3(4)	Năm loại thánh Bất-lai	452
46:55	V 121–26	VIII,3	Năm chướng ngại lớn cản trở sự tu tập cái tâm	294
47:12	V 159–61	X,5(3)	Lời nói cao quý của thầy Xá-lợi-phất	473
48:18	V 202	X,1(2)	Sự phân biệt (các cấp bậc giác ngộ) dựa vào các căn	425
48:53	V 229–30	X,4(2)	Người học nhân và bậc thánh A-la-hán	458
54:13	V 328–33	VIII,9	Chánh niệm hơi thở	327
55:1	V 342	X,2(5)	Còn đáng có hơn quyền thống trị cả trái đất	441
55:2	V 343–44	X,2(4)	Bốn yếu tố của một bậc thánh Nhập-lưu	440
55:3	V 344–46	X,3(3)	Sáu điều góp phần tạo nên sự hiểu biết đích thực	449
55:5	V 410–11	X,2(1)	Bốn yếu tố dẫn tới thánh quả Nhập-lưu	437
56:11	V 420–24	II,5	Bài thuyết giảng đầu tiên (Kinh chuyển pháp luân)	68
56:20	V 430–31	IX,4(5)(b)	Bốn sự thật này là đúng thực	406
56:21	V 431–32	IX,4(5)(d)	Do không thấu hiểu	408
56:24	V 433–34	IX,4(5)(a)	Những chân lý của tất cả các vị Phật	405
56:25	V 434	IX,4(5)(g)	Tiêu diệt những ô nhiễm	405

56:31	V 437–38	IX,4(5)(c)	Chỉ như một nắm lá	407
56:32	V 442–43	IX,4(5)(f)	Làm nên sự đột phá, sự thấu hiểu (về Tứ diệu đế)	410
56:38	V 442–43	X,5(5)	Sự hiện thị của ánh sáng lớn (đại hào quang)	480
56:42	V 448–50	IX,4(5)(e)	Như vực núi (hiểm họa lớn nhất)	409

thuộc ***Bộ Các Kinh Theo Số Tăng*** **(AN)** (*Tăng chi bộ kinh*)

Số hiệu bài kinh trong ***AN***	*Số tập/ quyển & số trang theo PTS*	*Số của Đoạn Kinh theo Chương, Phần, Mục trong sách này*	*Tựa đề của Đoạn Kinh trong sách này*	*Số trang trong sách này*
1:iii,1, 2,3,4,9, 10†	I 5–6	VIII,1	Tâm là chìa khóa (cái chính là ở tâm)	289
1:xiii, 1,5,6†	I 22–23	II,1	Một người	29
1:xvii,1 , 3, 7,9†	I 30–32	VI,7(1)	Nhiều tác hại của cách nhìn sai lạc (tà kiến)	233
2:iii,10	I 61	VIII,2(1)	Sự tĩnh lặng (định) và sự thấy biết (tuệ minh sát)	289
2:iv,2	I 61–62	IV,2(1)(b)	Trả hiếu cha mẹ	113
2:iv,6*	I 66	I,3(1)	Nguyên nhân của sự xung khắc	17

3:14	I 109–10	IV,1(1)	Vị Vua của Giáo Pháp (Pháp vương)	107
3:35*	I 138–40	I,1(3)	Ba vị thiên sứ đưa tin	7
3:65	I 188–93	III,2	Không phải giáo điều hay tín ngưỡng mù quáng	77
3:69*	I 201–2	I,3(4)	Những gốc rễ của sự tàn bạo và áp bức	21
3:100 §§1–10	I 253–56	VIII,4	Sự tinh lọc của tâm	298
3:101 §3	I 259	VI,2(2)	Phật đã quyết tâm đi tìm	199
3:101 §§1–2	I 258–59	VI,2(1)	Trước khi Phật giác ngộ	198
3:102	I 260	VI,2(3)	Nếu (phải chi) không có sự thỏa thích	199
3:129	I 282–83	III,1	Không phải là một giáo lý bí mật	77
4:23	II 23–24	X,5(8)	Tại sao Phật được gọi là Như Lai?	483
4:34	II 34–35	V,2(3)	Bốn loại niềm tin tốt nhất	174
4:53	II 57–59	IV,2(2)(a)	Bốn loại hôn nhân	114
4:55	II 61–62	IV,2(2)(b)	Làm sao để được tái hợp trong kiếp sau	115
4:57	II 62–63	V,3(3)	Cúng dường thức ăn	177
4:61	II 65–68	IV,4(2)	Sử dụng tài sản một cách đúng đắn	123
4:62	II 69–70	IV,4(3)	Niềm hạnh phúc của một người tại gia	125
4:63	II 70	IV,2(1)(a)	Tôn kính cha mẹ	112

4:94	II 93–95	VIII,2(3)	Bốn loại con người	292
4:125	II 128–29	VI,8	Từ những cõi trời rớt xuống cõi thấp xấu	237
4:128	II 131–32	VI,1	Bốn điều kỳ diệu	197
4:143	II 139	IX,1(1)	Trí tuệ như ánh sáng	343
4:169	II 155–56	X,3(2)	Bốn loại người chứng ngộ Niết-bàn	447
4:170	II 156–57	VIII,2(2)	Bốn con đường dẫn tới thánh quả A-la-hán	290
4:232	II 230–32	V,1(1)	Bốn loại nghiệp	153
5:148	III 172–73	V,3(4)	Những món quà tặng bởi một người ưu việt	178
5:177	III 208	IV,4(1)	Tránh bỏ nghề nghiệp sai trái	123
6:10	III 284–88	VIII,7	Sáu sự tưởng niệm (quán tưởng)	309
7:59	IV 91–94	IV,2(2)(c)	Bảy loại người vợ	117
7:70	IV 136–39	VI,5	Cuộc sống là ngắn ngủi và phù du	221
8:2	IV 151–55	IX,2	Những điều kiện tạo ra trí tuệ	344
8:6	IV 157–59	I,2(2)	Những thăng trầm của cuộc sống	13
8:33	IV 236–37	V,3(2)	Tám lý do để cho tặng, cúng dường, chia sẻ	176
8:35	IV 239–41	V,3(6)	Tái sinh nhờ công đức cho đi	179
8:36	IV 241–43	V,2(2)	Ba cơ sở của công đức	172
8:39	IV 245–47	V,4(1)	Năm giới hạnh	182
8:41	IV 248–51	V,4(2)	Kiêng giữ tám giới trong ngày lễ Bố-tát (Bát quan trai giới)	184

8:49	V 269–71	IV,5	Người phụ nữ tại gia	127
8:54	IV 281–85	IV,3	Phúc lợi hiện tại, phúc lợi tương lai	119
8:59	IV 292	X,1(1)	Tám loại người đáng được cúng dường	425
9:7*	IV 370–71	X,4(4)	Chín điều một A-la-hán không còn làm được	462
9:20	IV 393–96	V,5(3)	Trí tuệ là vượt trên tất cả (Trí tuệ là hơn tất cả, Không gì quý hơn trí tuệ)	192
9:26*	IV 404–5	X,4(5)	Một cái tâm bất lay chuyển	463
10:90	V 174–75	X,4(6)	Mười năng lực của một vị A-la-hán	464

thuộc Tập kinh "***Kinh Phật Tự Thuyết***" **(Ud)**

Số hiệu bài kinh trong ***Ud***	*Số tập/ quyển & số trang theo PTS*	*Số của Đoạn Kinh theo Chương, Phần, Mục trong sách này*	*Tựa đề của Đoạn Kinh trong sách này*	*Số trang trong sách này*
6:4	67–69	VI,7(2)	Những người mù sờ voi	234
8:1	80	IX,5(3)	Có cảnh xứ đó	414
8:3	80–81	IX,5(4)	Sự không còn sinh (sự không còn tái sinh, sự vô sinh)	415

*thuộc Tập kinh "**Phật Đã Nói Như Vậy**" (**It**) (Phật thuyết như vậy)*

*Số hiệu bài kinh trong **It***	*Số tập/ quyển & số trang theo PTS*	*Số của Đoạn Kinh theo Chương, Phần, Mục trong sách này*	*Tựa đề của Đoạn Kinh trong sách này*	*Số trang trong sách này*
22	14–15	V,2(1)	Những việc công đức	171
26	18–19	V,3(1)	Nếu người ta hiểu biết về kết quả của việc cho đi, chia sẻ…	176
27	19–21	V,5(1)	Tu dưỡng tâm từ	188
44	38	IX,5(5)	Hai yếu tố (giới) Niết-bàn	416
49	43–44	VI,7(3)	Bị dính hai loại cách-nhìn (quan điểm, tà kiến)	236
84	78–79	X,5(2)	Vì phúc lợi của số đông	472
107	111	V,3(5)	Hỗ trợ lẫn nhau (tương hỗ)	179
112	121–23	X,5(8)	Vì sao Phật được gọi là Như-Lai?	486

Danh Mục Các Ví Dụ Phật Đã Dùng

trong các kinh trong sách này

Ao trữ nước có bốn cửa chảy vô và bốn cửa chảy ra, *trang* 121

Ba vị thiên sứ đưa tin, 7–10

Bao chứa nhiều loại ngũ cốc, 316

Bầy hươu, đàn nai, 481–482

Bộ xương không còn thịt…, 207, 318

Bơi qua sông Hằng, 443

Cái (lưỡi) cưa hai đầu, 308

Cái giỏ làm bằng lá sen (lá lớn, kín), 411

Cái giỏ làm bằng lá thông (lá kim, nhỏ), 410

Cây có nhiều trái, 214

Chậu nước, những chậu nước (trong, đục…), 295–298

Chút đất trong móng tay, 439

Cỏ, cây, cành, lá ở cõi Diêm-phù-nề (*Jambudipa*), 37

Con bò bị xẻ (lóc) thịt ra từng miếng, 317, 343

Con bò đang bị dẫn tới lò giết mổ, 222–223

Con chó bị xích chặt, 25–26

Cột đá được chôn chìm dưới đất, 463

Cục bột tắm, 282

Dòng máu chảy, 242–244

Dòng nước mắt, 241–242

Đã bứng bỏ cột cản, 461

Đã gỡ bỏ thanh rào cản, 461

Đã không còn dính bản lề, 461
Đã san bằng hào cản, 461
Đường kẻ trên mặt nước, 222
Gánh nặng, 462
Giấc mơ về khu vườn đẹp, đồng cỏ đẹp, hồ nước đẹp, 213
Giọt sương trên đầu ngọn cỏ, 226
Gỗ lõi từ cây (cốt lõi), 253–259, 442–443
Hàng người mù đứng nối tiếp nhau, 94
Hạt đắng gieo trồng nên quả đắng, 234
Hố lửa than cháy, 212–213
Hồ nước có mạch nước mát chảy vào từ bên dưới, 282–283
Hồ nước trên núi (người nhìn xuống nước hồ trên núi…), 286
Khi mặt trời và mặt trăng hiện ra trong thế gian, 480
Kinh thành cổ, 56
Loại bỏ cái mộng gỗ hư xấu bằng mộng gỗ tốt, 303
Mặt trời, khi mọc lên, xua tan bầu đen tối của không gian, 189
Miếng thịt con diều hâu gắp lấy, 211
Một nắm lá, chỉ như một nắm lá, 407
Một người khỏe mạnh trấn dập và đè bẹp một người yếu hơn, 47, 306
Mùi hương của hoa sen, 456
Mũi tên đau khổ (người bị trúng tên), 11
Mũi tên độc (người bị trúng tên độc), 249
Ngọn đuốc rơm đang cháy rực, 212
Ngọn lửa đã tắt, chỉ như ngọn lửa đã tắt, 419
Người băng qua sa mạc, 281

Người bệnh cùi cào gãi (khổ sở, đau đớn), 218–220

Người bệnh cùi được chữa hết bệnh cùi, 219

Người biết rõ con đường dẫn tới ngôi làng của mình, 190

Người được quấn kín bằng vải trắng, 284

Người gác cổng khôn khéo, giỏi việc, và thông minh, 475

Người nhìn thấy người ta đi vào đi ra, đi qua đi lại giữa hai ngôi nhà, 285

Người nhớ lại những lần đi qua, đi lại giữa các ngôi làng, 285

Người thợ tiện tiện một vòng dài, 314

Người thoát khỏi đời nô lệ, 281

Người thoát khỏi lao tù, ngục tù, 281

Người vừa hết khỏi bệnh, 281

Nhắm mắt lại… để tránh nhìn thấy những hình sắc, 304

Như ảo ảnh, 381, coi thêm chú thích 35, chương IX

Như bong bóng nước, 222, 379–380, coi thêm chú thích 34, chương IX

Như bọt nước, 379, coi thêm chú thích 33, chương IX

Như đại dương sâu thẳm, không thể đo lường, khó thể ước lượng, 420

Như dòng sông (suối) chảy từ trên núi, 222

Như lửa đang bốc cháy, 384

Như miếng thịt được quăng vô chảo sắt nóng, 222

Như một màn ảo thuật, 381, coi thêm chú thích 37, chương IX

Như ngọn đèn dầu tắt ngấm khi dầu cạn tim hết, 466–467

Như nước bọt trên đầu lưỡi, 222

Như Sông Hằng chảy ra biển, chảy về phía biển, chảy tới biển, 433

Như việc làm ăn thành công (mang lại niềm vui sướng…), 280

Như xác chết con rắn, xác chó, xác người đang quấn cổ mình, 276

Những dấu chân voi, 266–269

Những hoa sen trong hồ nước, 62, 283

Những hòn đất, 22

Những khối núi đang tiến về hướng này (từ mọi phía…), 4,6

Những người mù sờ voi, 235–236

Những thứ vay mượn (tạm bợ), 213–214

Núi đá cứng, liền đặc, 23

Que mồi lửa, 44–46

Que ngo (mồi lửa), 394

Sao mai lúc rạng sáng, 189

Số cát sông Hằng (Hằng hà sa số), 24

Sự chiếu sáng của mặt trăng, 189

Sự tinh lọc vàng thô, 298–299

Sư tử, 482–483

Tấm vải bị dính đất và bị dơ bẩn, 457

Thân cây chuối, 381; coi thêm chú thích 36, chương IX

Thay đổi các tư thế từ thô tế sang vi tế, 305

Tiên nữ trong Khu Vườn Nandana, 217, coi thêm chú thích 8, chương VI

Vị vua chuyển quay bánh xe (Giáo Pháp), chuyển luân vương, 107, 441

Danh Mục Các Thuật Từ, Thuật Ngữ

thuộc các đề tài giáo lý trong các câu kinh

Ác ý (*byāpāda*)

A-la-hán, bậc thánh (*Arahant*). Coi chú giải 2, chương I; chú giải 8, chương I; chú giải IX, chương IX; chú giải 5, chương X; tâm buông xả của bậc thánh A-la-hán, coi chú giải 45-46, chương X; bậc thánh A-la-hán vì phúc lợi của số đông; vì hạnh phúc của số đông; những ví dụ tả thực về bậc thánh A-la-hán; đức hạnh của bậc thánh A-la-hán; như vị tu sĩ sống bình an/ bậc sa-môn trầm mặc; mười năng lực của bậc thánh A-la-hán; bậc học-nhân, coi chú giải 35–36, chương X; chú giải 38, chương X.

A-tu-la, quỷ thần (*Asuras*). Coi chú giải 6, chương V.

Ba Tạng Kinh (*Piṭakas*), gồm Kinh tạng, Luật tạng, và Vi diệu pháp tạng.

Bà-la-môn (*Brahmin*)

Bản chất không sạch, ghớm ghiếc (*asubha*) *của thân*; coi chú giải 19, chương VIII.

Bất an và hối tiếc (*uddhaccakukkucca*). Coi thêm *Năm chướng ngại*.

Bát Thánh Đạo, Con đường Tám phần Thánh thiện (*ariya aṭṭhaṅgika magga*); phân tích Bát Thánh Đạo.

Bất thiện, không thiện khéo, không lành (*akusala*)

Bất-lai, bậc thánh (*anāgāmi*); coi chú giải 33, chương X.

Bệnh, bệnh đau, bệnh tật, bệnh yếu

Bi: (1) (*anukampā*): *sự tha thương, sự xót thương, lòng trắc ẩn*; (2) (*karuṇā, kāruñña*): *tâm bi mẫn, lòng bi mẫn*

Bình an, sự bình an (*upasama*)

Bốn Chân Lý Thánh Diệu, Tứ Diệu Đế (*cattāri ariyasaccāni*); coi chú giải 32–35, chương II; chú giải 11, chương IX.

Bốn nền tảng (*adhiṭṭhāna*),

Bốn nền tảng chánh niệm (*cattāro satipaṭṭhānā*), coi chú giải 39, chương X.

Bốn Yếu Tố, gồm *đất, nước, khí, nhiệt; hay đất, nước, gió, lửa*.

Bồ-tát (*Bodhisatta*). Coi thêm chú thích 2, chương II.

Bố-tát, lễ rằm Bố-tát (*Uposatha*); coi chú giải 10, chương IV.

Các giới hạnh, các giới luật (*sıla, sikkhāpada*); tám giới hạnh; năm giới hạnh; giới luật tăng đoàn.

Các tu sĩ và bà-la-môn (*samaṇabrāhmaṇā*).

Cái "Ta là" (*asmi*)

Cảm giác (*vedanā*); tập hợp cảm giác, uẩn cảm giác, thọ uẩn (*vedanākkhandha*); coi chú giải 34, chương IX; quán sát/ thiền quán về cảm giác (*vedanānupassanā*), coi chú giải 39–40, chương VIII.

Cảm giác đau khổ, cảm giác khổ, (khổ thọ) (*dukkhā vedanā*). Coi thêm *Cảm giác*.

Cảnh xứ không có-nhận thức-cũng không phải-không có-nhận thức, phi tưởng phi phi tưởng xứ (*n'evasaññānāsaññāyatana*); coi chú giải 13, chương II.

Cảnh xứ không gian vô biên (*ākāsāṇañcāyatana*)

Cảnh xứ thức vô biên (*viññāṇañcāyatana*)

Cảnh xứ Trống Không, (*Vô sở hữu xứ*) (*ākiñcaññāyatana*); coi chú giải 11&12, chương II.

Cha mẹ và con cái

Chánh niệm, sự chú tâm đúng đắn (*sammā sati*); chánh niệm về thân (*kāyagatā-sati*); chánh niệm hơi thở (*ānāpānasati*), coi chú giải 28, 29–32, chương VIII; bốn nền tảng chánh niệm (*cattāro satipaṭṭhānā*), coi chú giải 39, chương X.

Chết, sự chết (*maraṇa*). Coi thêm *sự già-và-chết*.

Chướng ngại (*nıvaraṇa*), *năm chướng ngại*; coi chú giải 14 & 59, chương VIII.

Cõi dục giới (*kāmadhātu*)

Cõi trời trong sạch, năm cõi trời trong sạch, Tịnh cư thiên (*suddhāvāsa*)

Cõi trời, thiên đàng, cõi tiên (*sagga*). Coi thêm *Thiên thần*

Con đường chánh đạo đã định, đường hướng chánh đạo đã định (*sammattaniyāma*), coi chú giải 19, chương X.

Con đường Tám phần Thánh thiện, *Bát Thánh Đạo* (*ariya aṭṭhaṅgika magga*);

Con đường Trung đạo, con đường trung dung, ở giữa (*majjhimā paṭipadā*)

Công đức (*puñña*)

Công việc, mưu sinh, nghề nghiệp đúng đắn, chánh mạng (*sammā ājiva*)

Danh-sắc, danh-và-sắc (*nāmarūpa*); coi chú giải 20 & 21, chương II; chú giải 19, chương IX.

Dục vọng (*taṇhā*). Coi chú giải 17, chương IX.

Đại-kiếp (*kappa*)

Đạo và đạo quả, đường tu và kết quả tu hành (*magga-phala*); coi chú giải 1 & 20, chương X.

Đạt tới tầm nhìn (*diṭṭhippatta*). Coi chú giải 16, chương X.

Địa ngục (*niraya*)

Định, sự định tâm, sự tập trung tâm, trạng thái định tâm (*samādhi*); sự định tâm đúng đắn, chánh định (*sammā samādhi*).

Đời sống tâm linh, đời sống phạm hạnh, đời sống xuất gia tu hành (*brahmacariya*).

Đức hạnh đúng đắn, hành vi đúng đắn, chánh hạnh (*samacariyā*).

Đức hạnh, hành vi không đúng đắn, tà hạnh (*visamacariyā*). Coi thêm phần *Giới Hạnh*.

Đức Phật (*Buddha*); Phật và những bậc A-la-hán; những cách tu khổ hạnh trước khi Phật giác ngộ; sự nhập thai và đản sinh của Phật; niềm tin vào Đức Phật; quyết định truyền dạy của Phật; bài thuyết giảng đầu tiên của Đức Phật; Đức Phật như người bạn tốt, đạo hữu tốt; sự tìm cầu giác ngộ của Đức Phật; sự tưởng nhớ (quán tưởng) về Phật. Coi thêm *Như Lai*.

Ghen tỵ (*issā*)

Gia đình

Già, tuổi già, sự già (*jarā*). Coi thêm *Già và chết*, *sự già-chết*.

Giác ngộ, sự giác ngộ, chánh giác (*sambodha, sambodhi*); *bảy yếu tố (giúp) giác ngộ*, (*thất giác chi*) (*satta bojjhaṅga*), coi chú giải 60, chương VIII; sự giác ngộ tối thượng, hoàn thiện (*anuttarā sammā sambodhi*).

Giác quan, căn (*indriya*); sự kiềm chế các giác quan (*indriyasaṃvara*); phân biệt *các căn tâm linh*

Giáo lý bí mật, giáo lý bí truyền

Giáo Pháp (*Dhamma*). Coi chú giải 1, chương IV; sự thâm nhập (đột phá) vào giáo pháp (*dhammābhisamaya*), coi chú giải 22, chương X; sự tham muốn đắc được Giáo Pháp, pháp dục (*dhammarāga*), coi chú giải 29, chương X; sự tưởng nhớ (quán tưởng) Giáo Pháp; tầm nhìn của giáo pháp (*dhammacakkhu*); bánh xe giáo pháp (*dhammacakka*); người tu trì theo giáo pháp, (người căn trí), (*dhammānusārı*), coi chú giải 3 &18, chương X;

Già-và-chết, sự già-chết (*jarāmaraṇa*). Coi thêm mục *Chết*; *Già*.

Giết hại = sát sanh, tiêu diệt sự sống.

Giới hạnh, giới hạnh đạo đức (*sila*)

Giới Luật Tăng Đoàn, Giới Luật Tỳ Kheo (*Pātimokkha*); coi chú giải 8, chương IX.

Gông cùm, những gông cùm (*saṃyojana*), coi chú giải 6–7, chương X.

Hành động đúng đắn, chánh nghiệp (*sammā kammanta*)

Hạnh phúc, sướng, lạc (*sukha*). Coi thêm *phúc lợi và hạnh phúc*

Học nhân (*sekha*); coi chú giải 38, chương X.

Học trò và thầy cô, (*thờ kính phương nam*)

Hôn nhân, hôn sự; coi thêm đề tài *vợ chồng*

Hỷ, vui vì người khác, sự tùy hỷ, tâm tùy hỷ (*muditā*).

Khổ, khổ đau, bất toại nguyện (*dukkha*); coi chú giải 48, chương IX; ba đặc tính của sự hiện hữu: *vô thường, khổ, vô ngã*; chân lý thánh diệu về khổ/ khổ đế; khổ là sự nguy hại.

Khoái lạc giác quan (*thuộc*), *nhục dục* (*kāma*)

Kiêu ngạo, ngạo mạn (*atimāna*).

Kinh điển Pāli, *Ba Tạng Kinh Pāli* (*Pāli Canon*, TA)

Lấy thứ không được cho = *trộm cắp* (*adinnādāna*)

Lời nói độc ác, lời nói hiểm độc, nói ác (*pisuṇā vācā*),

Lời nói dối, nói sai sự thật (*musā vāda*)

Lời nói đúng đắn, chánh ngữ (*sammā vācā*)

Lời nói gắt gỏng, lời nói chua chát, nạt nộ (*pharusā vācā*)

Lời nói vô nghĩa, tán gẫu, nói chuyện tầm phào (*samphappalāpa*)

Lòng rộng lượng, sự rộng lòng bố thí (*cāga*).

Mắt thiên thánh, (thiên lý nhãn) (*dibbacakkhu*); với mắt thiên thánh, Phật nhìn thấy sự chết đi và tái sinh của chúng sinh.

Minh sát, sự quán sát thấy rõ, sự nhìn thấy minh bạch (*vipassanā*); coi chú giải 4, 7, 9, 10, 11, 12, 57, 59, chương VIII.

Mối quan hệ với người làm

Năng lực tâm linh, thần thông (*iddhi*)

Ngã, cái 'ta'; quan điểm có cái 'ta' hằng hữu, ngã kiến. Coi thêm *Quan điểm coi thân này là 'ta', thân kiến.*

Nghi ngờ (*vicikicchā*). Coi thêm *Những gông cùm*, *Năm chướng ngại*, *Buồn ngủ và đờ đẫn* (*thinamiddha*).

Nghiệp, hành động cố ý (*kamma*); coi chú giải 14, 15, 21 chương V.

Người đệ tử thánh thiện, thánh đệ tử (*ariyasāvaka*), chú giải 8, chương I.

Người phàm phu, người thế tục (*puthujjana*); coi thêm chú giải 10, chương I.

Người phụ nữ tại gia, người phụ nữ gia đình

Người thánh thiện, thánh nhân (*ariyapuggala*); tám loại thánh nhân; bảy loại thánh nhân.

Người tu trì theo giáo pháp, người căn trí (*dhammanusārı*)

Người tu trì theo niềm tin, người căn tín (*saddhānusārı*); coi chú giải 3 & 18 chương X.

Người, con người, loài người, nhân chúng (*manussa*).

Nguồn gốc, nguyên nhân (*samudaya*); nguồn gốc khổ; nguồn gốc thế giới, coi chú giải 47, chương X.

Nhất-lai, bậc thánh (*sakadāgāmī*)

Nhận thức, (tưởng) (*saññā*); coi chú giải 35, chương IX.

Nhập-lưu, bậc thánh (*sotāpanna*); coi chú giải 23, chương VIII; chú giải 21, chương X.

Như Lai (*Tathāgata*); Như Lai có tồn tại sau khi chết?, coi chú giải 1, chương VII; những dấu chân của Như Lai; bốn nền tảng của sự tự-tin của Như Lai, coi chú giải 67, chương X; mười năng lực của Như Lai, coi chú giải 60–66, chương X.

Những giáo lý thuộc về xã hội

Những khuynh hướng tiềm ẩn (*anusaya*)*, những thói tính nằm dưới tiềm thức,* (*các tùy miên*); coi chú giải 5, chương I; chú giải 12, 49–50, chương IX.

Những kiếp quá khứ, những kiếp trước; sự hiểu biết (của Phật) về những kiếp quá khứ (*pubbenivā sānussatiñāṇa*).

Những sự hiểu biết nhờ/do/mang tính phân tích (*paṭisambhidā*). Coi chú giải 3, chương II.

Những sự trợ giúp giác ngộ, những phần/pháp giúp giác ngộ, bồ-đề phần (*bodhipakkhiyā-dhammā*). Coi chú thích 39, chương X.

Niềm tin, lòng tin, tín (*saddhā*)

Niềm tin, niềm tự tin (*pasāda*). Coi thêm chú giải 23, chương 10.

Niệm, sự chú tâm, sự chú tâm, hằng nhớ, thường biết (*sati*);

Niết-bàn (*Nibbāna*); coi chú giải 22 & 25, chương II; chú giải 6 & 57, chương IX; chú giải 38, chương X; chứng ngộ Niết-bàn theo bốn cách; chứng ngộ Niết-bàn theo bảy cách; hai yếu tố Niết-bàn (Niết-bàn còn tàn dư hơi hướng và Niết-bàn không còn tàn dư hơi hướng), coi chú giải 5, chương IX; chú giải 45 & 47, chương X.

Nikāya, bộ kinh, năm bộ kinh Nikāya

Nỗ lực đúng đắn, (*chánh tinh tấn*) (*sammā vāyāma*)

Nương tựa, quy y nương tựa (*saraṇagamana*); coi chũ giải 8, chương III.

Ô nhiễm, sự dính nhiễm, (lậu hoặc) (*āsava*); coi chú giải 22, chương IX; sự tiêu diệt ô nhiễm, sự không còn dính nhiễm; *sự hiểu biết rõ về sự đã tiêu diệt mọi ô nhiễm, sự không còn ô nhiễm* (*āsavakkhayañāṇa*).

Phật Duyên Giác (*Paccekabuddha*); coi chú giải 23m chương V.

Phúc lợi và hạnh phúc (*hitasukha*).

Quan điểm coi thân này là 'ta', thân kiến. (*sakkāyadiṭṭhi*); coi chú giải 10, chương I. Coi thêm *ngã*.

Quan điểm đúng đắn, cách nhìn đúng đắn, chánh kiến (*sammā diṭṭhi*); coi thêm chú giải 9, chương IX.

Quan điểm, cách nhìn, quan điểm sai lầm, quan điểm này nọ, tà kiến (*diṭṭhi*); coi chú giải 10, chương VI; chú giải 1, chương VII. Coi thêm *Quan điểm coi thân là cái 'ta', thân kiến*.

Quan hệ tính dục bất chính, tà dâm, tà dục (*kāmesu micchācāra*)

Quán sát/thiền quán các hiện tượng/ pháp, (quán pháp) (*dhammānupassanā*)

Quán sát/thiền quán về cảm giác, (quán thọ) (*vedanānupassanā*)

Quán sát/thiền quán tâm, (quán tâm) (*cittānupassanā*)

Quán sát/thiền quán về thân, (quán thân) (*kāyānupassanā*). Coi thêm chú giải 26, chương VIII.

Sắc, phần vật chất (*rūpa*); tập hợp vật chất, uẩn vật chất, sắc uẩn (*rūpakkhandha*), coi chú giải 33, chương IX; cõi sắc giới (*rūpadhātu*). Coi thêm *danh-sắc*.

Sân, sân giận, sân hận (*kodha*)

Sáu điều vô thượng, tối thượng (*cha anuttariyā*); coi chú giải 3, chương II.

Sáu giác quan, sáu cơ sở giác quan, sáu căn (*saḷlāyatana*)

Siêu thế, vượt trên thế tục, vượt trên thế gian (*lokuttara*); giáo lý siêu thế, con đường đạo siêu thế.

Sinh (*jāti*)

Sự an trú cõi trời, phạm trú (*brahmavihāra*). Coi chú giải 6, chương III.

Sự chấm dứt cảm nhận và cảm giác, diệt thọ tưởng (*saññāvedayitanirodha*). Coi thêm chú giải 64, chương VIII.

Sự chấm dứt khổ, sự diệt khổ (*dukkha-nirodha*)

Sự chấm dứt thế giới, sự diệt vong của thế giới. Coi chú giải 47, chương IX.

Sự chết đi và tái sinh của chúng sinh; sự hiểu biết (của Phật) về sự chết đi và tái sinh của chúng sinh (*sattānaṃ cutūpapattiñāṇa*).

Sự chiếm hữu, sở hữu, chấp hữu, chấp lấy (*upadhi*), tức bao gồm (*a*) sự chấp hữu đối với thân năm uẩn, các đối tượng chiếm hữu; (*b*) dục vọng muốn chiếm hữu, muốn có này có nọ. Coi chú giải 25, chương II; chú giải 49, chương X.

Sự cho đi, bố thí, cúng dường, tặng, đóng góp… (*dāna*).

Sự chú tâm kỹ càng, sự chú tâm cẩn trọng, sự chú tâm khôn khéo (*yoniso manasikāra*)

Hệ thống giai cấp. Coi chú giải 27, chương III

Sự cố ý, ý hành, tâm hành (*cetanā*); coi thêm chú giải 26, chương IX.

Sự dính chấp, dính mắc, chấp thủ (*upādāna*). Coi chú giải 16, chương IX; chú giải 29, chương IX.

Sự giải thoát (*vimutti*); coi chú giải 6, chương VIII.

Sự giải thoát bằng/nhờ cả hai cách (*ubhatobhāga-vimutta*); coi chú giải 13, chương X.

Sự giải thoát bằng/nhờ niềm tin (*saddhā-vimutta*); coi chú giải 17, chương X.

Sự giải thoát bằng/nhờ trí tuệ (*paññā-vimutta*); coi chú giải 14, chương X.

Sự giải thoát, sự thoát khỏi, sự thoát ra (*nissaraṇa*). Coi chú giải 6, chương I; chú giải 14, chương VIII. Coi thêm *sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát*.

Sự hài lòng (*santuṭṭhi*)

Sự hiện hữu: (1) *Tư tưởng có sự hiện hữu trường tồn* (*atthitā*); coi chú giải 46 & 47, chương X; (2) *sự hiện hữu, sự sinh hữu, sự sống* (*bhava*); coi chú giải 15, chương IX.

Sự hiểu biết đích thực (*vijjā*)

Sự hiểu biết hoàn toàn (*pariññā*); coi chú giải 1, chương VI.

Sự hiểu biết rõ ràng, sự rõ-biết (*sampajañña*). Coi thêm chú giải 34, chương VIII.

Sự hiểu biết trực tiếp (*abhiññā*). Coi chú giải 17, chương VIII.

Sự hiểu biết và tầm nhìn; (tri-kiến) (*ñāṇadassana*)

Sự hiểu biết về sự thật, về giáo pháp (*dhammeñāṇa*); coi chú giải 44 chương IX;

Sự hiểu biết về tính kế thừa (suy ra) (*anvayeñāṇa*); coi chú giải 45 chương IX;

Sự hiểu biết, (tri) (*ñāṇa*).

Sự hòa hợp, sáu nguyên tắc/ pháp để hòa hợp (*cha sārāṇıyā dhammā*).

Sự khích động, lo âu (*paritassanā*). Coi thêm chú giải 9, chương I.

Sự khởi sinh tùy thuộc, duyên khởi (*paṭiccasamuppāda*). Coi chú giải 20, chương II; chú giải 25, chương II.

Sự nhận thức, sự nhận biết (*maññita*). Coi chú giải 50–51, chương X.

Sự sợ hãi (*bhaya*)

Sự sống cân bằng, lối sống cân bằng (*samajıvitā*)

Sự sống độc thân, đời sống ly dục tu hành, đời sống phạm hạnh (*brahmacariyā*)

Sự tạo tác cái "Ta", sự tạo dựng cái "Ta" (*ahaṃkāra*); coi chú giải 63, chương VIII.

Sự tạo tác cố ý, (các hành) (*saṅkhārā*); coi chú giải 21, 26, 36, chương IX.

Sự tạo tác, sự tạo thành, sự hình thành, (hành) (*saṅkhārā*). Coi thêm *Những sự tạo tác cố ý, (các) hành.*

Sự thăng trầm của đời sống = Tám tình trạng của thế gian (*aṭṭha lokadhammā*); (gồm *được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ*).

Sự tham muốn (*chanda*)

Sự thật, chân lý (*sacca*); coi chú giải 23–26, chương III; nền tảng (tối cao) của sự thật (*saccādhiṭṭhāna*), coi sách trang 467; sự thật trong lời nói.

Sự thèm khát, tham khát, thèm muốn (*abhijjhā*).

Sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát (*assāda, ādınava, nissaraṇa*)

Sự tiếp xúc (*phassa*). Coi chú giải 18, chương IX.

Sự tiêu diệt sự sống, sát sinh (*pāṇātipāta*)

Sự tĩnh lặng, thiền định (*samatha*); coi chú giải 4, 7, 9, 12 chương VIII.

Sự tranh cãi, sự tranh chấp (*vivāda*)

Sự tự cao, ngã mạn (*māna*). Coi chú giải 63, chương VIII; chú giải 12, chương IX.

Sự tu tập tiến dần (*anupubbasikkhā*)

Sự tưởng nhớ, tưởng niệm (*quán tưởng*), *sáu sự quán tưởng* (*cha anussati*)

Sự xung khắc, xung đột, tranh đấu. Coi các đoạn kinh I, 3.,*(1)*, *(2)*, *(4)*.

Tà dâm, tà dục = *quan hệ tính dục bất chính* (*kāmesu micchācāra*)

Tài sản, của cải

Tái sinh (*upapatti*); coi chú giải 7, 13, 14, chương V.

Tai thiên thánh, (thiên lý nhĩ) (*dibbasota*)

Tâm (*citta*); quán sát/ thiền quán tâm (*cittānupassanā*), coi chú giải 41–43, chương VIII; sự đọc tâm, năng lực đọc được tâm (của người khác).

Tâm cao hơn, tâm bậc cao (*adhicitta*), coi chú giải 18, chương VIII

Tám tình trạng của thế gian (*aṭṭha lokadhammā*); (gồm *được và mất, vinh và nhục, khen và chê, sướng và khổ*); sự thăng trầm của đời sống.

Tàn bạo, sự bạo hành

Tăng Đoàn (*Saṅgha*); coi chú giải 8, chương V.

Tầng thiền định, tầng thiền định sắc giới (*Jhāna*); coi chú giải 4 & 10, chương VIII; (chứng đắc) tầng thiền định là một trong những dấu chân của Như Lai; những ví dụ về tầng thiền định sắc giới; trạng thái tầng thiền định không còn cái '*ta*' và cái '*của ta*'.

Tất cả, mọi điều (*sabba*).

Tham dục (*rāga*); sự phai biến của tham dục; coi chú giải 7, chương VII; coi thêm *tham, sân, si* (*rāga, dosa, moha*);

Tham dục giác quan, nhục dục (*kāmarāga*)

Tham, sân, si (*lobha, dosa, moha*); coi chú giải 16, chương I; chú giải 5, chương III.

Thân chứng (*kāyasakkhi*). Coi thêm chú giải 15, chương X.

Thánh quả A-la-hán (*Arahatta*)

Thánh quả Bất-lai (*Anagami*)

Thánh quả Nhất-lai (*Sakadāgāmi*)

Thánh quả Nhập-lưu (*Sotāpatti*)

Thế giới (*loka*); thế giới là trống không; thế giới là trường tồn, vô hạn…hay không? (những câu hỏi Phật không trả lời cho một du sĩ); *sự thỏa thích, sự nguy hại, và sự giải thoát* (trong thế giới); nguồn gốc và sự chấm dứt của thế giới, coi chú giải 47, chương IX; Như Lai hiểu biết rõ thế giới.

Thế giới cõi trời (*brahmaloka*), *Phạm giới* (gồm 20 cõi trời). Coi thêm chú giải 17, chương V; chú giải 21, chương V.

Theravāda, trường phái Phật giáo Trưởng Lão Bộ;

Thiên sứ, thiên sứ đưa tin (*devadūta*); sự hiểu biết của thiên sứ, coi chú giải 3, chương I.

Thiên thần (*Deva*)

Thiện, thiện lành, thiện khéo, lành (*kusala*)

Thiền, thiền tập, sự thiền, thiền định, tu tập tâm (*bhāvanā*)

Thức (*viññāṇa*). Coi chú giải 20, chương II; chú giải 20, chương IX; chú giải 37, chương IX.

Thức ăn, thực dưỡng (*āhāra*); coi chú giải 13, chương IX.

Tình bạn tốt, mối giao hữu, đạo hữu (*kalyāṇamittatā*),

Trí tuệ (*paññā*); coi chú giải 5, chương VIII.

Trộm cắp=lấy thứ không được cho (*adinnādāna*)

Từ bỏ, sự từ bỏ (*cāga*)

Tư thế, các tư thế (*iriyāpatha*)

Tử thi, thiền quán về tử thi. Coi chú giải 37–38, chương VIII.

Tư tưởng (linh hồn) trường tồn, bất diệt (*sassatavāda*); coi chú giải 46, 47 chương IX; chú giải 51, chương X.

Tư tưởng tự hủy diệt, diệt vong (*ucchedavāda*). Coi chú giải 46–47, chương IX; chú giải 51, chương X.

Từ, tâm từ, tâm từ ái, lòng từ (*mettā*); coi chú giải 19 & 21, chương VIII.

Tuổi đời, tuổi thọ (*āyuppamāṇa*)

Uẩn (tập hợp, đống), *năm uẩn* (*pañc'upādānakkhandhā*); phân tích năm uẩn; năm uẩn dính chấp; sự quán sát/ thiền quán về năm uẩn. Coi thêm chú giải 47, chương VIII; năm uẩn là vô thường, khổ, vô ngã; quan điểm sai lầm coi năm uẩn là cái 'ta'; năm uẩn là trống không, không có tự tính cố định.

Vệ-đà, kinh Vệ-đà (*Vedas*)

Vị vua quay chuyển bánh xe (*giáo pháp*); *chuyển luân vương* (*rājā cakkavattı*); coi chú giải 1, chương IV.

Vợ chồng, vợ và chồng

Vô minh (*avijjā*); coi chú giải 5, chương VIII; chú giải 22, chương IX.

Vô ngã, không phải cái 'Ta', không có tự tính (*anattā*); coi chú giải 32, chương IX.

Vô sắc, phi vật chất, những trạng thái phi vật chất, những trạng thái vô sắc (*āruppa*); cõi vô sắc giới (*arūpadhātu*)

Vô thường (*anicca*); coi chú giải 57 & 59, chương VIII.

Vòng luân hồi (*Saṃsāra*)

Vượt trên thế gian, vượt trên thế tục, siêu thế (*lokuttara*); giáo lý/ con đường đạo vượt khỏi; giáo lý/ đạo lý siêu thế, coi chú giải 9, chương IX.

Xả, sự buông xả, tâm buông xả (*upekkhā*). Coi chú giải 4, chương VI; chú giải 59, chương VIII.

Xuất gia, rời khỏi gia đình, xuất gia đi tu (*pabbajjā*)

Ý định đúng đắn, suy nghĩ đúng đắn, chánh tư duy (*sammā saṅkappa*)

Ý nghĩ/ ý tưởng ban đầu, (tầm) (*vitakka*); trong thiền định

Ý nghĩ/ ý tưởng suy lý, (tứ) (*vicara*); trong thiền định

Yếu tố đất (*pathavıdhātu*). Coi thêm *Bốn yếu tố* (Tứ đại).

Yếu tố khí (*vayodhātu*), 351. Coi thêm *Bốn Yếu Tố* (Tứ Đại).

Yếu tố không gian (*ākāsadhātu*)

Yếu tố lửa (*tejodhātu*). Coi thêm *Bốn yếu tố* (Tứ đại)

Yếu tố nước (*āpodhātu*). Coi thêm *Bốn yếu tố* (Tứ đại).

Yếu tố, các yếu tố (*dhātu*). *Mười tám yếu tố*, coi chú giải 19 & 36, chương VIII; *sáu yếu tố*, coi chú giải 39–41, chương IX.

Danh Mục Các Thuật Ngữ Pāli

được thảo luận trong PHẦN CHÚ GIẢI của sách

ālaya: chữ này ở đây chỉ cả hai nghĩa: những đối tượng dính chấp và thái độ dính chấp chủ quan. Coi chú giải 24, chương II.

anamatagga: không chắc chắn (nghĩa gốc), không thể (tìm) thấy được. Coi chú giải 27, chương I.

anantajina: người chiến thắng của vũ trụ. Coi chú giải 28, chương II.

antarāparinibbāyī: người chứng ngộ Niết-bàn trong nửa kiếp đầu (ở cõi trời trong sạch (Tịnh cư thiên) sau khi tái sinh lên cõi đó). Coi chú giải 33, chương X.

anusaya: những khuynh hướng tiềm tàng/tiềm ẩn, những thói tính nằm ngủ trong tiềm thức, (tùy miên). Coi chú giải 5, chương 1.

arahattamagga: A-la-hán đạo, tức con đường Bát Thánh Đạo. Coi chú giải 1, chương X.

asamayavimokkha: sự giải thoát không tạm thời (nghĩa gốc), sự giải thoát vĩnh viễn. Coi chú giải 5, chương VII.

atthitā: ý tưởng (cho rằng) có sự hiện hữu trường tồn. Coi chú giải 46, chương IX.

bhavanetti: dẫn tới sinh-hữu. Coi chú giải 53, chương IX.

bodhipakkhiyā dhammā: 37 phần/pháp trợ giúp giác ngộ, 37 bồ-đề phần. Coi chú giải 39, chương X.

bojjhaṇga: yếu tố giác ngộ, yếu tố trợ giúp giác ngộ. Coi chú giải 60, chương VIII.

devaduta: thiên sứ, thiên sứ đưa tin. Coi chú giải 3, chương I.

dhammavicayasambojjhaṇga: yếu tố giác ngộ là sự phân giải các hiện tượng. Coi chú giải 61, chương 8.

dhammavitakka: sự canh cánh lo nghĩ về giáo pháp (thuộc mười sự suy bại trong minh sát). Coi chú giải 16, chương VIII.

dhammuddhaccaviggahitaṃ mānasaṃ: sự động vọng về giáo pháp. Coi chú giải 11, chương VIII.

ekāyano ayaṃ bhikkhave maggo: con đường một hướng, con đường đi theo một hướng duy nhất. Coi chú giải 25, chương VIII.

idappaccayatā: tính điều kiện rõ ràng. Coi chú giải 42, chương IX.

kappa, (hoặc *mahākappa*): một đại-kiếp. Coi chú giải 19, chương I.

nāma-rupa: danh-sắc. Coi chú giải 19, chương IX.

natthitā: ý tưởng (cho rằng) không có sự hiện hữu trường tồn. Coi chú giải 46, chương IX.

nibbāna: Niết-bàn. Coi chú giải 6, chương IX.

nibbuta: coi chú giải 6, chương IX.

nippapañcaṃ: sự không-còn phóng tâm. Coi chú giải 56, chương IX.

paññā: trí tuệ, tuệ, (bát-nhã). Coi chú giải 1, chương IX.

papañcasaññāsaṇkhā: những quan niệm phức tạp. Coi chú giải 14, chương I.

paritassanā: sự khích động, lo âu. Coi chú giải 9, chương I.

rāgavirāgatthaṃ: sự phai biến tham dục. Coi chú giải 7, chương VII.

saddhāmattaṃ pemamattaṃ: chỉ có niềm tin, chỉ có tình thương mến. Coi chú giải 9, chương X.

samathapubbaṇgamaṃ vipassanaṃ: tu thiền định trước rồi tu thiền minh sát, định rồi tuệ. Coi chú giải 7, chương VIII.

samathavipassanaṃ yuganaddhaṃ: coi chú giải 10, chương VIII.

tadārammaṇaṃ: bắt đầu với người đó, (nghĩa gốc) có/lấy (người) đó làm đối tượng. Coi chú giải 21, chương VIII.

tathāni avitathāni anaññathāni: là đúng thực, không sai lầm, bất biến. Coi chú giải 52, chương IX.

vipassanāpubbaṇgamaṃ samathaṃ: coi chú giải 9, chương VIII.

vitakkasaṇkhārasaṇṭhāna: ngăn chặn cái 'nhân' tạo ra ý nghĩ (bất thiện) đó. Coi chú giải 20, chương VIII.

vohārasamuccheda: những sự việc thế tục. Coi chú giải 3, chương VI.

Danh Mục Các Danh Từ Riêng

trong các kinh trong sách này

Ajātasattu Vedehiputta, Vua (A-xà-thế); coi thêm chú giải 9, chương IV

Āḷāra Kālāma, tên vị thầy thiền định đầu tiên của Đức Phật

Ānanda, Ngài; coi thêm chú giải 4, chương I

Anāthapiṇḍika, gia chủ, đại thí chủ (Cấp Cô Độc); coi thêm chú giải 1, chương I; chú giải 4, chương IV

Araka, vị đạo sư

Ārāmadaṇḍa, bà-la-môn

Assalāyana, môn sinh bà-la-môn

Bārāṇası, xứ Ba-la-nại

Bhadraka, ông trưởng thôn

Brahmā, Trời (Phạm Thiên); coi thêm chú giải 26, chương I

Brahmā Sahampati, vị Trời Sahampati

Caṇki, bà-la-môn

Daḷhanemi, Vua

Dāsaka, Ngài

Devadatta, (Đề-bà-đạt-đa); coi thêm chú thích 3, chương VI

Dıghajānu (Byagghapajja), gia chủ (ông Chân Cọp)

Dighāvu, đệ tử tại gia, cư sĩ

Ganges, sông Hằng

Isipatana, địa danh thuộc Bārāṇası (Ba-la-nại), nơi Phật nói bài thuyết giảng đầu tiên. (Chữ có nghĩa gốc là: nơi các bậc thánh hiền đáp xuống)

Jambudıpa, cõi Diêm-phù-nề; coi thêm chú giải 18, chương I

Jambukhādaka, du sĩ

Jāṇusoṇi, bà-la-môn

Jetavana, Tu viện Jeta, tịnh xá Kỳ Viên; coi thêm chú giải 1, chương I

Jotika, gia chủ

Kaccānagotta, Ngài

Kālāmas, những người Kālāma; coi thêm chú giải 2, chương II

Kamboja, địa danh; coi thêm chú giải 8, chương IV

Kāpaṭhika (Bhāradvāja), môn sinh bà-la-môn

Kesaputta, tên thị trấn của người Kālāma; coi thêm chú giải 3, chương III

Khemaka, Ngài; coi thêm chú giải 34–35, chương X

Koṇḍanna, Ngài (Kiều-trần-như)

Koravya, Vua

Koṭadanta, bà-la-môn

Māgandiya, du sĩ; coi thêm chú giải 5, chương VI

Mahākaccāna, Ngài (Đại Ca-chiên); coi thêm chú giải 12, chương I

Mahānāma, tên một người thuộc họ tộc Thích-ca; coi thêm chú giải 22, chương VII

Mahāvijita, Vua

Māluṇkyaputta, Ngài; coi thêm chú giải 2, chương VI

Māra, Ma Vương

Nakulamātā, tên một người nữ tại gia; coi thêm chú giải 3, chương IV

Nakulapitā, gia chủ; coi thêm chú giải 3, chương IV

Naḷakāra, ngôi làng

Nandana, khu vườn (Vườn Nandana, 'khu Vườn Sung Sướng'); coi thêm chú giải 8, chương VI

Pasenadi, Vua (Ba-tư-nặc); coi thêm chú giải 1, chương I

Pāvā, vùng/ xứ/ địa danh

Pilotika (Vacchāyana), du sĩ

Potaliya, gia chủ

Pukkusāti, Ngài; coi chú giải 39–40, chương IX; chú giải 44, chương X

Rājagaha, kinh thành (Vương-xá)

Raṭṭhapāla, Ngài

Saccaka (Aggivessana), tên một thanh niên Ni-kiền-tử (phái đạo Jain); coi thêm chú giải 15, chương I

Sakka, vua của các thiên thần, vua trời Đế-thích; coi thêm chú giải 13, chương I

Sālā, tên một ngôi làng bà-la-môn

Saṅgārava, bà-la-môn

Sārandada, tên ngôi đền ở thành Vesali (Tỳ-xá-ly) của người Vajji (Bạt-kỳ)

Sāriputta, Ngài (Xá-lợi-phất); coi thêm chú giải 62, chương VII

Sāvatthi, kinh thành (Xá-vệ)

Senānigama, vùng/địa danh gần Uruvela

Sigālaka, con trai gia chủ, (Thi-ca-la-việt)

Subha, môn sinh bà-la-môn

Sujāta, người con dâu (của ông Cấp Cô Độc)

Suppavāsā, phu nhân người Koliya (Câu-lợi)

Tāvatiṃsa, cõi trời Đao-lợi/ các thiên thần ở cõi trời đó

Thullakoṭṭhita, kinh thành

Tusita, cõi trời Đâu-suất/ thiên thần ở cõi trời đó

Udāyi, Ngài

Uddaka Rāmaputta, vị thầy thiền định thứ hai của Đức Phật; coi thêm chú giải 13, chương II

Upaka, Ājıvaka, tên một người ngoài đạo gặp Phật trên đường; coi thêm chương II, phần 4., 25.

Uruvelā, khu rừng/ địa danh (nơi Phật đã tu khổ hạnh), gần bờ sông Niranjana (Ni-liên-thuyền), cũng gần khu vực Cây Bồ-đề nơi Phật giác ngộ, tức khu Bồ-đề Đạo tràng (Buddhagaya) ngày nay. (Uruvelā phiên nghĩa HV là Khổ hạnh lâm)

Uruvelakappa, tên một thị trấn của người Mallan

Vacchagotta, du sĩ; coi thêm chú giải 10, chương X

Vajjians, những người Bạt-kỳ; coi thêm chú giải 9, chương IV

Vassakāra, bà-la-môn

Velāma, bà-la-môn

Vesāli, kinh thành (Tỳ-xá-ly)

Visākhā, phu nhân, là mẹ của Migāra; coi thêm chú giải 6, chương IV

Yama, Dạ-ma Vương, Diêm Vương, Vua địa ngục; coi thêm chú giải 4, chương I

Yāma, cõi trời Dạ-ma/ các thiên thần ở cõi trời đó

Yona, vùng/ địa danh; coi thêm chú giải 8, chương IV

Danh Mục Tên Pāli Của Các Kinh

các bài kinh trong sách này

*: *là trích đoạn từ bài kinh đó*

Aggivacchagotta Sutta (MN 72), 417–421
Alagaddūpama Sutta (MN 22), 460–462,
Ariyapariyesana Sutta (MN 26), 36–43, 60–68
Acchariya-abbhuta Sutta (MN 123), trang 30–36
Ādittapariyāya Sutta (SN 35:28), 383–384
Anānda Sutta (SN 54:13), 327–335
Anattalakkhaṇa Sutta (SN 22:59), 375–378
Assalāyana Sutta (MN 93), 133–141
Cakkavattisāhanāda Sutta (DN 26), 145–148
Caṇkā Sutta (MN 95), 91–103
Cūḷahatthipadopama Sutta (MN 27), 265–280
Cūḷakammavibhaṇga Sutta (MN 135), 163–171
Cūḷamāluṇkya Sutta (MN 63), 247–252
Dvedhāvitakka Sutta (MN 19), 480–480
Dhammacakkappavattana Sutta (SN 56:11), 68–73
Dhātuvibhaṇga Sutta (MN 140), 390–394, 465–469
Kakacūpama Sutta (MN 21), 307–309
Kiṭāgiri Sutta (MN 70), 433–437
*Kūṭadanta Sutta (DN 05), 148–150
Māgandiya Sutta (MN 75), 221–215
Mahā-assapura Sutta (MN 39), 280–286
Mahāmāluṇkya Sutta (MN 64), 447–442
Mahānidāna Sutta (DN 15), 20
Mahāparinibbāna Sutta (DN 16), 141–145
Mahāsaccaka Sutta (MN 36), 43–56

**Mahāsāhanāda Sutta* (MN 12), 476–479
**Mahāvacchagotta Sutta* (MN 73), 427–433
Maggavibhaṇga Sutta (SN 45:08), 264–261
Mahādukkhakkhandha Sutta (MN 13), 210–200
Mahāpuṇṇama Sutta (MN 109), 370–375
Mahāsāropama Sutta (MN 29), 252–259
**Nānātitthiya Sutta* (Ud 6:4), 234–236
**Nandakovāda Sutta* (MN 146), 343–344
**Nibbāna Sutta* (Ud 8:1), 414–416
**Potaliya Sutta* (MN 54), 210–215
Pabbatopama Sutta (SN 3:25), 3–6
Papāta Sutta (SN 56:42), 409–410
Pheṇa Sutta (SN 22:95), 379–382
**Raṭṭhapāla Sutta* (MN 82), 224–233
Rāja Sutta (SN 55:01), 441-442
**Sakkapañha Sutta* (DN 21), 18–20
**Sāmagāma Sutta* (MN 104), 129–31, 131–132
**Sigālaka* (tức *Sigālovāda*) Sutta (DN 31), 108–112
**Subha Sutta* (MN 99), 189–192
Sāleyyaka Sutta (MN 41), 154–163
Salla Sutta (SN 36:06), 10–13
Sammādiṭṭhi Sutta (MN 9), 346–66
Satipaṭṭhāna Sutta (MN 10), 313–327
Siṃsapā Sutta (SN 56:31), 407–408
Suñña Sutta (SN 35:85), 386
Upaḍḍha Sutta (SN 45:02), 264–265
Vāmaṃsaka Sutta (MN 47), 86–91
Vitakkasaṇṭhāna Sutta (MN 20), 307–3

Các Nguồn Kinh & Sách Tham Khảo

Nguồn Kinh Chính

Bộ Các Kinh Liên Quan (SN), (*Tương ưng bộ kinh*), bản dịch của nhà sư Tỳ kheo Bồ-đề, Nxb Wisdom Publications, Boston, năm 2000.

Bộ Các Kinh Vừa (MN), (*Trung bộ kinh*), bản dịch của nhà sư Tỳ kheo Ñāṇamoli; biên tập và hiệu đính lại bởi nhà sư Tỳ kheo Bồ-đề. Ấn bản lần 2 bởi Nxb, Wisdom Publications, Boston, năm 2001.

Bộ Các Kinh Xếp Theo Số Tăng (AN), (*Tăng chi bộ kinh*), bản dịch của trưởng lão Nyanaponika Thera và Tỳ kheo Bồ-đề. Nxb AltaMira Press, Walnut Creek, California, Hoa Kỳ, năm 1999.

Bộ Các Kinh Dài (DN), (*Trường bộ kinh*), bản dịch của học giả Maurice Walshe. Nxb Wisdom Publications, Boston, năm 1995. (Bản dịch đầu tiên có tên "*Tôi Nghe Như Vầy*", ấn hành năm 1987).

Tập kinh "**Kinh Phật Tự Thuyết**" (Ud) và *tập kinh* "**Phật Đã Nói Như Vậy**" (It), bản dịch của học giả John D. Ireland; Nxb Buddhist Publication Society, Kandy, Sri Lanka, năm 1997.

Những Sách Tham Khảo Khác

Lịch Sử Sơ Kỳ Của Phật Giáo Tích Lan, của Adikaram, E.W, năm 1946. Tái bản ở Dehiwala, Sri Lanka bởi Buddhist Cultural Centre, năm 1994

Các Nền Tảng Chánh Niệm, Con Đường Trực Tiếp Đến Giác Ngộ, của nhà sư học giả Analāyo, Nxb Windhorse, Birmingham, Anh Quốc, năm 2003.

Những Nền Tảng (Căn Bản) Của Phật Giáo, của Rupert Gethin. Nxb Oxford University Press, Oxford và New York, năm 1998.

Giáo Lý về Sự Hiểu-Biết của Phật Giáo Tiền Thân, của Jayatilleke, K.N. Nxb George Allen & Unwin, London, năm 1963.

Văn Học Pāli ở Tích Lan, của Malalasekera, G.P, năm 1928. Tái bản ở Kandy, Sri Lanka, bởi Buddhist Publication Society, năm 1994.

Các Hạng Mục Kinh Trong Các Bộ Kinh Pāli và Các Gợi Ý Của Chúng Để Chúng Ta Đề Cao Giáo Lý và Văn Học Phật giáo", của Joy Manné, đăng trên tạp chí của Hội Kinh Điển Pali (Journal of the Pali Text Society), ấn bản XV: 29–87.

Trung A Hàm Hán Tạng và Trung Bộ Kinh Pāli, của HT Thích Minh Châu. Nxb Motilal Banarsidass, Dehli, năm 1991.

Cuộc Đời Của Đức Phật Theo Kinh Điển Pāli , của nhà sư Tỳ kheo Ñāṇamoli. Ấn bản lần 3, Kandy, Sri Lanka bởi Buddhist Publication Society, năm 1992.

Chánh Niệm Hơi Thở, của Tỳ kheo Ñāṇamoli. Ấn bản Kandy, Sri Lanka bởi Buddhist Publication Society, năm 1964.

Con Đường Thanh Lọc, (*Thanh Tịnh Đạo*), bản dịch của nhà sư Tỳ kheo Ñāṇamoli. Ấn bản Colombo, Sri Lanka, Nxb M.D. Gunasena, năm 1964.

Khái Niệm và Hiện Thực trong Tư Duy Phật Giáo Nguyên Thủy, của nhà sư Tỳ kheo Nanananda. Ấn bản Kandy, Sri Lanka bởi Buddhist Publication Society, năm 1972.

Văn Học Pali, của Norman, K.R. Ấn bản Wiesbaden bởi Nxb Harrassowitz Verlag, 1983.

Những Vị Đại Đệ Tử Của Đức Phật, của trưởng lão Nyanaponika Thera và học giả Hellmuth Hecker. NxbWisdom Publications, Boston, năm 1997.

Trái Tim Của Thiền Phật Giáo, của trưởng lão Nyanaponika Thera. Ấn bản London, Nxb Rider, năm 1962.

Tầm Nhìn Của Giáo Pháp, của trưởng lão Nyanaponika Thera. Ấn bản lần 2, Kandy, Sri Lanka bởi Buddhist Publication Society, năm 1994.

Con Đường Chánh Niệm, (*Bài kinh "Các Nền Tảng Chánh Niệm" và Luận Giải*), của trưởng lão Soma Thera, Ấn bản lần 4, Kandy, Sri Lanka, bởi Buddhist Publication Society, năm 1975.

Các phiên bản Pāli của các bộ kinh (*Nikāya*), cũng như các bản dịch các bộ kinh đó, và các sách dạy học tiếng Pāli, ngữ pháp tiếng Pāli, và các tự điển Pāli-Anh có thể được tìm đọc và mua ở Hội Kinh Điển Pali (PTS). Để có toàn bộ danh mục các kinh sách đó, có thể viết thư gửi về địa chỉ của Hội: 73 Lime Walk, Headington, Oxford OX3 7AD, U (Anh Quốc), hoặc gửi email: pts@palitext.com. Trang website: www.palitext.com. Ở Bắc Mỹ, các ấn bản kinh sách của Hội Kinh Điển Pali (PTS) cũng có ở Hội Phật Giáo Pariyatti (Pháp Hành), địa chỉ 867 Larmon Road, Onalaska, WA 98570, USA (Mỹ). ĐT: (360) 978-4998. Fax: (360) 978-4557. Trang website: www.pariyatti.com.

Ở Châu Á, nguồn bản dịch các bộ kinh nguyên thủy (*Nikāya*), cũng như những kinh sách khác liên quan Phật Giáo Nguyên Thủy, cũng có ở Hội Xuất Bản Phật Giáo (BPS) ở Tích Lan. Để có được danh mục các kinh sách đó, có thể viết thư gửi về địa chỉ hộp thư: P.O. Box 61, 54 Sangharaja Mawatha, Kandy, Sri Lanka (Tích Lan), hoặc gửi email: bps@sltnet.lk.

Những bộ kinh và các sách cũng có thể được đọc trực tuyến qua mạng internet từ các nguồn quý giá, bao gồm cả những bản dịch khác (bởi các dịch giả khác) của các bài kinh đã được trích dẫn trong quyển sách này. Trong số các trang đó có trang www.accesstoinsight.org. Trang này có bài viết giới thiệu mang tên "*Làm Quen Với Các Bài Kinh*" của học giả John Bullitt, cung cấp thông tin hữu ích về cách đọc các kinh trong các bộ kinh sao cho dễ và thuận lợi nhất.

Về Tỳ Kheo Bồ-Đề

Tỳ Kheo Bồ-đề (*Bhikhu Bodhi*) là một nhà sư học giả dịch giả gốc người Mỹ, tên thế danh là Jeffrey Block. Thầy sinh năm 1944 ở quận Brooklyn, thành phố New York, trong một gia đình cha mẹ là người Do Thái. Năm 1966 thầy lấy bằng cử nhân triết học tại đại học Brooklyn College. Năm 1972 thầy lấy bằng tiến sĩ triết học ở đại học Claremont Graduate University ở bang California, Mỹ.

Năm 1967, khi mới là cử nhân triết học, thầy đã thụ giới xuất gia với sư Thích Giác Đức, một nhà sư Đại thừa của Việt Nam tại Mỹ. Năm 1972, sau khi ghé thăm vị thầy đầu tiên của mình ở Việt Nam, lúc đó là thời còn chiến tranh, thầy đã đến Tích Lan và thụ giới sa-di với thầy Balangoda Ananda Maitreya Thero, một nhà sư Phật giáo Nguyên thủy. Năm 1973 thầy thụ đại thọ giới và trở thành một Tỳ kheo.

Năm 1984, kế theo nhà sư trưởng lão Nyanaponika Thera là người đồng sáng lập, thầy Bodhi làm biên tập cho Hội Ấn Bản Phật Giáo (BPS) ở Kandy, Tích Lan, và năm 1988 thầy là chủ tịch của hội.

Năm 2002, thầy vẫn làm chủ tịch hội nhưng thôi làm công việc biên tập ở hội. Thầy trở lại Mỹ sau 20 năm sống, tu hành và biên dịch các bộ kinh ở Tích Lan. Lúc đầu sống ở Tu Viện Bồ-đề ở Lafayette Township, bang New Jersey. Sau đó tới giờ thầy sống, làm việc và giảng dạy tại thiền viện Chuang Yen Monastery ở Carmel, bang New York. Thầy cũng hiện là chủ tịch Hội Phật Giáo Hoa Kỳ.

Thầy Tỳ kheo Bồ-đề cũng là người sáng lập tổ chức Cứu Trợ Toàn Cầu của Phật giáo (Buddhist Global Relief) để vận

động và tài trợ cho những dự án chống đói và nâng cao quyền của phụ nữ trên thế giới.

Thầy Tỳ kheo Bồ-đề đã dịch lại hết 03 trong 05 bộ kinh *Nikaya* từ phiên bản Pali:

Bộ Các Kinh Vừa (*Trung bộ kinh*), (*từ bản thảo dang dở của nhà sư học giả Tỳ kheo Nanamoli*)

Bộ Các Kinh Liên Quan (*Tương ưng bộ kinh*)

Bộ Các Kinh Theo Số Tăng (*Tăng chi bộ kinh*)

Lời Người Dịch

Kính gửi các Tăng, Ni, Phật tử và các độc giả:

(A) Quyển sách này gồm các bài kinh theo các chủ đề được tuyển chọn bởi vị nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề, trong thời gian thầy dịch lại các bộ kinh *Nikaya* Pali. Đây là một công trình rất hữu ích cho nhiều Phật tử và độc giả trên khắp thế giới. Cũng như vậy, tôi dịch tập tuyển kinh này vì hy vọng nó sẽ rất hữu ích và thuận tiện cho nhiều người Việt Nam:

- *Các sư thầy* có thể dùng để trích dẫn và giảng rộng các lời kinh theo các chủ đề cho các Phật tử.
- *Các tăng sinh, sinh viên* đang theo học ở các trường Phật giáo. *Những người nghiên cứu* cần tìm hiểu và trích dẫn các kinh.
- *Các Phật tử và những người bắt đầu tìm hiểu Phật giáo* muốn tìm đọc những lời dạy của Phật theo những chủ đề mình muốn tìm, nhưng họ chắc chắn gặp khó khăn vì những bài kinh đó nằm rải khắp trong tàng kinh lớn 'như biển' của Phật giáo; và nhiều người thời nay không đọc hiểu hết được các bản dịch có dùng tiếng Hán Việt của các vị sư thầy trước đây.

(B) Bản dịch tiếng Việt phổ thông này đã cố gắng diễn dịch đúng và đầy đủ ý nghĩa lời kinh, hy vọng quý độc giả có thể đọc hiểu được hầu hết. Khi đang đọc hiểu ý nghĩa hướng dẫn của lời kinh, nếu không quá cần thiết thì không cần phải ngưng lại để đọc các chú giải; bởi vì những chú giải và luận giảng thường giải thích quá sâu xa, và lúc đó người đọc có thể bị lạc khỏi ý nghĩa bài kinh đang đọc. Trừ một số câu hay đặc

ngữ khó hiểu khi mới đọc lần đầu thì quý vị nên đọc phần chú giải chỗ đó.

Quý vị có thể đọc từ đầu tới cuối, hoặc có thể tìm đọc những chủ đề trong phần mục lục chi tiết ở đầu sách.

Đối với những người muốn bỏ ít thời gian đọc lại hết những bài kinh được trích dẫn, tôi nghĩ họ nên đọc hết một chương, rồi sau đó đọc phần Giới Thiệu về chương đó trong quyển Phụ Lục, sau đó quay lại đối chiếu từng bài kinh hay đoạn kinh.

(C) Có phần các danh mục cuối sách, phần này rất hữu dụng cho những người muốn tra cứu theo các đoạn kinh, bài kinh, các ví dụ Phật đã dùng, các thuật ngữ chủ đề giáo lý, và tên, số hiệu của các các bài kinh được trích dẫn trong sách này.

(D) Các độc giả có điều kiện đọc trên máy tính hoặc các thiết bị vi tính cầm tay, quý vị có thể bấm vào các đường dẫn trong cột mục lục tự động bên trái, phần các nội dung chủ đề, phần chú giải, và phần các danh mục cuối sách để lập tức nhảy tới ngay chỗ quý vị muốn tìm đọc. Bản dịch có trên trang *www.daophatnguyenthuy.com*.

(E) Mỗi chương sách gồm các Phần 1, 2, 3…; và trong mỗi phần gồm các Mục (1), (2), (3)…; và trong một số mục có những Chi Mục (a), (b), (c)… Theo thứ tự đó quý vị có thể tìm ra nhanh một đoạn kinh hay một bài kinh.

Trong phần phụ lục "*Giới Thiệu Theo Các Chương*", vị trí các đoạn kinh hay bài kinh cũng được ghi theo thứ tự đó. Ví dụ ghi: **đoạn kinh I,1(1)** nghĩa là nó nằm ở: chương I, phần 1, mục (1); hoặc ghi: **đoạn kinh IX,4(2)(b)**, nghĩa là nó nằm ở: chương IX, phần 4, mục (2), chi mục (b).

(F) Xin lưu ý trước khi đọc: trong toàn bộ tập sách (nội dung các kinh, các chú thích và chú giải, phần phụ lục...) các chữ giải thích trong các ngoặc vuông […] là của thầy Tỳ Kheo Bồ-đề; một số giải thích trong ngoặc tròn (…) là của người dịch (quý vị có thể bỏ qua nếu thấy không cần thiết).

(G) Một số ít bài kinh trong sách này tôi diễn dịch tiếng Việt có một số câu cú khác ít nhiều so với những bản dịch tôi đã dịch trước đây trong những sách khác; điều đó không có nghĩa thay đổi, đó chỉ là dịch đúng theo văn cách của các nhà sư khác nhau, tùy theo cách riêng họ diễn dịch ngữ nghĩa và ý nghĩa lời kinh từ tiếng gốc Pali. (Ví dụ kinh "*Các Nền Tảng Chánh Niệm*", các nhà sư dịch kinh như *W. Rahula, Nyanaponika, Analāyo*… có những cách diễn dịch và câu cú khác nhau ít nhiều, cho dù về mặt ý nghĩa họ chuyển tải thì gần như giống nhau). Dĩ nhiên, trong tập sách này tôi dịch theo cách diễn dịch và văn cách của thầy Tỳ kheo Bồ-Đề; thầy đã cố gắng diễn dịch các lời kinh một cách dễ hiểu nhất cho mọi người trong thời hiện đại, mà vẫn không làm mất đi ý nghĩa nguyên chất như trong lời Phật đã nói.

(H) Bản dịch này chắc chắn có nhiều chỗ còn sai sót, mong quý tăng, ni và độc giả cảm thông. Mọi ý kiến đóng góp để sửa lại, kính quý vị gửi các ý kiến đóng góp để sửa lại những chỗ đó để cho bản dịch thêm phần tốt hơn. Email: lekimkha@gmail.com, hoặc ĐT: 0909503993.

Cầu chúc cho mọi người dễ dàng ôn đọc, tìm hiểu lại, hoặc người mới có thể dễ dàng tiếp cận những lời Phật đã dạy. Rồi mong nhiều người nhìn ra những lẽ thực và hướng dẫn tu tập thực tiễn mà Đức Phật lịch sử đã cố nói cho những thành phần

Phật tử và dân chúng khác nhau cách đây gần 26 thế kỷ. Đó cũng là hy vọng khi tôi dịch tập sách này.

Nhà Bè, cuối năm 2016 (*PL 2560*)
người dịch

Lời Cảm Ơn

Tôi nhớ ơn thầy Thích Thông Tịnh ở Thiền viện Trúc Lâm Đà Lạt và các sư thầy khác đã thường xuyên khích lệ tôi làm tốt bản dịch này.

Cảm ơn (Phật tử) Huỳnh Văn Thịnh, người nhiệt thành hiếm có, đã giúp hiệu chỉnh bản vi tính liên tục; không có anh tôi gặp rất nhiều khó khăn trong việc soạn thảo vi tính.

Cảm ơn chị Phan Thị Ngọc Minh ở Nxb Hồng Đức, nhờ chị đã bỏ nhiều thời gian để đọc duyệt bản thảo cuối cùng.

Cảm ơn chị Hương, chị An ở Cty In Minh Hoàng đã luôn luôn đơn giản, mau mắn và giúp đỡ trong việc chế bản và in ấn.

Cảm ơn các cháu Phi, Phong, Tâm đã bỏ nhiều thời gian cất giữ và gửi ấn tống các kinh sách.

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Địa chỉ: 65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com;
nhaxuatbanhongduc@yahoo.com
Điện thoại: 04.3 9260024 Fax: 04.3 9260031

TUYỂN TẬP CÁC KINH THEO CÁC CHỦ ĐỀ GIÁO LÝ

Tỳ kheo Bồ-đề tuyển chọn; Lê Kim Kha dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản : Giám đốc **Bùi Việt Bắc**
Chịu trách nhiệm nội dung : Tổng biên tập **Lý Bá Toàn**
Biên tập :
Trình bày, minh họa : **Lê Kim Kha**
Sửa bản in : **Lê Kim Kha**

In 1.000 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại XN In Nguyễn Minh Hoàng. Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình, TP.HCM. Số ĐKKHXB: . Số QĐXB của NXB: cấp ngày . Mã số ISBN: . In xong và nộp lưu chiểu năm 2016.